



“Alice Munro has a strong claim to
being the best fiction writer now
working in North America.

Runaway is a marvel.”
—*The New York Times*
Book Review

Winner of the
NOBEL
PRIZE®
in Literature

Alice Munro

WINNER OF THE INTERNATIONAL MAN BOOKER PRIZE

TRUYỆN NGẮN

TRUYỆN NGẮN ALICE MUNRO

Tác giả: Alice Munro

Dịch giả: Nguyễn Đ. Thanh, Nguyễn Đức Tùng, Trần Bình Nam

Nguồn: Sưu tầm

Biên tập: V.C

Tạo bìa: Tornad

Tạo ebook: inno14

★ ★ ★

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục Lục

- [Tác Giả](#)
- [Cõi Âm](#)
- [Các Mặt Trăng Của Sao Mộc](#)
- [Chạy Trốn](#)
- [Cơ Hội](#)
- [Sớm](#)
- [Im Lặng](#)
- [Đam Mê](#)
- [Đảo Cortes](#)
- [Tai Nạn](#)
- [Thi Trấn Bên Đường](#)
- [Quá Nhiều Hạnh Phúc](#)

TÁC GIẢ



Alice Munro là con cả trong gia đình có ba người con. Mẹ bà là một giáo viên và cha là nông dân. Từ năm 10 tuổi, Munro đã đắm mình trong những cuốn sách và nuôi dưỡng giấc mộng văn chương. Sau khi rời trường phổ thông, bà giành được học bổng nghiên cứu báo chí và tiếng Anh tại Đại học Western Ontario, nơi đây, bà bán máu, làm bồi bàn, cuốn thuốc lá, thủ thư cùng nhiều công việc khác để kiếm tiền ăn học.

Năm 1951, Munro bất ngờ nghỉ học để kết hôn với người bạn cùng trường James Munro. Vài năm sau đó, Alice cùng chồng chuyển tới sống ở Victoria, British Columbia, dồn vốn mở một hiệu sách có tên Munro's Books. Thường xuyên tiếp xúc sách báo cộng với niềm đam mê có sẵn, Munro vừa bán sách, vừa chăm con, vừa cho ra đời những tác phẩm của riêng mình.

Chung sống với nhau được ba mặt con, Munro và chồng chia tay năm 1972. Năm 1976, bà đi bước nữa với nhà nghiên cứu địa lý Gerald Fremlin. Mặc dù vậy, bà vẫn giữ họ của mình theo họ người chồng đầu tiên - Alice Ann Munro.

Alice Munro bắt đầu viết truyện từ những năm tháng tuổi

teen. Bà xuất bản truyện ngắn đầu tiên năm 1950, khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học, tác phẩm có tên "The Dimensions of a Shadow". Năm 1968, khi Munro 37 tuổi, tuyển tập truyện ngắn "Dance of the Happy Shades" ra đời, nhận được sự chú ý lớn trong giới văn chương Canada. "Dance of the Happy Shades" cũng lập tức được trao giải Governor General - giải thưởng văn học lớn của Canada - dành cho lĩnh vực văn học hư cấu.

Năm 1971, bà xuất bản tuyển tập truyện ngắn "Lives of Girls and Women", được các nhà phê bình đánh giá là một tiểu thuyết có tính giáo dục lớn. Sau đó, nhiều tuyển tập khác lần lượt ra đời: "Something I've Been Meaning to Tell You" (1974), "Who Do You Think You Are?" (1978 - thắng giải Governor General), "The Moons of Jupiter" (1982), Runway (2004 - tác phẩm đã được dịch sang tiếng Việt với tiêu đề "Trốn chạy"), "The View from Castle Rock" (2006), "Too Much Happiness" (2009).. Tuyển tập "Hateship, Friendship, Courtship, Loveship, Marriage" (2001) của Munro là chất liệu chính cho bộ phim "Away from Her" của đạo diễn Sarah Polley năm 2006.

Tổng cộng, Alice Munro đã xuất bản 14 tuyển tập truyện ngắn trong quãng đời viết lách của mình, chưa kể nhiều tác phẩm lẻ khác. Tuyển tập gần đây nhất của bà là "Dear Lifer" phát hành năm 2012. Bà cũng nhận nhiều giải thưởng văn chương, trong đó có giải Man Booker Quốc tế 2009 và ba giải thưởng Governor General danh giá của Canada. Đầu năm nay, nhà văn 82 tuổi đã thông báo kế hoạch gác bút, rời bỏ công việc văn chương để tận hưởng những năm tháng cuối đời.

Ngày 10/10, Alice Munro vượt qua nhiều tên tuổi lớn khác của văn học thế giới để nhận giải Nobel lần thứ 106. Trong lời công bố của Viện Hàn Lâm Thụy Điển, bà được mệnh danh là "bậc thầy của truyện ngắn đương đại".

Munro là nữ nhà văn theo đuổi chủ nghĩa hiện thực tâm lý. Những câu chuyện thường có bối cảnh là những thị trấn nhỏ, nơi tưởng yên bình lặng lẽ nhưng ẩn chứa không ít xung đột, mâu

thuần, căng thẳng xuất phát từ những khác biệt thế hệ, những va chạm đạo đức, tham vọng sống của con người trong xã hội...

Munro cũng quan tâm tới phụ nữ và các cô gái trẻ, những vấn đề mà họ phải đối mặt trong cuộc sống ở những thị trấn nhỏ của bà. Các tác phẩm thời kỳ đầu của Munro thường nêu bật sự khác biệt giữa cuộc sống thời niên thiếu ở Wingham, một thị trấn bảo thủ phía Tây Toronto, cũng như những biến chuyển cuộc sống sau cách mạng xã hội những năm 1960. Trong một cuộc phỏng vấn với AP vào năm 2003, bà nói thời kỳ 1960 là "những năm tháng tuyệt vời". "Tôi sinh ra vào năm 1931, tới lúc đó, tôi cũng đã lớn nhưng không phải quá già. Những phụ nữ như tôi sau một vài năm đã được mặc váy ngắn và nhảy nhót". Có thể thấy, cuộc sống xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến các sáng tác của Munro.

Về văn phong, Alice Munro nổi tiếng với lối kể chuyện tinh tế, khúc chiết. Những chủ đề giản dị, thường thấy trong cuộc sống được thể hiện bằng lối viết dụng công ở chi tiết - dù chỉ miêu tả những câu chuyện hàng ngày, các chi tiết khi qua tay Munro đều tỏa sáng; và sắc nét ở nhân vật. Munro cũng được đánh giá là nhà văn đã "cách mạng hóa" cấu trúc của truyện ngắn - các tác phẩm thường bắt đầu ở một mốc bất ngờ, sau đó kể ngược về sau hoặc dịch chuyển về phía trước trong quỹ đạo thời gian, với kết thúc hết sức khó lường.

Alice Munro được đánh giá là một bậc kỳ tài của thể loại truyện ngắn, thậm chí một số nhà phê bình từng gọi bà là Anton Chekov của Canada. Thế nhưng, bản thân Alice Munro từng không xác định mình sẽ gắn bó với thể loại này.

"Trong nhiều năm, tôi cứ nghĩ rằng truyện ngắn chỉ là bước thực tập, và tôi sẽ viết tiểu thuyết vào một ngày nào đó. Sau đó tôi phát hiện, truyện ngắn là tất cả những gì tôi có thể làm, và tôi đối diện với nó. Tôi cho rằng những nỗ lực của tôi vào thể loại này đã được đền bù".

Dù vậy, truyện ngắn của Munro thường được cho là giống tiểu thuyết hay là những tiểu thuyết thu nhỏ, không chỉ bởi độ dài

của chúng mà còn bởi mật độ cuộc sống mà bà "nhét" vào tác phẩm.

• **25 sự thật thú vị trong suốt cuộc đời và sự nghiệp viết lách của bà:**

1. Alice Munro sở hữu 22 giải thưởng văn chương, bao gồm: Giải Nobel, 3 giải The Governor General's Literary Awards, 2 giải Scotiabank Giller Prizes, 2 giải Trillium Book Awards, giải National Book Critics' Circle Award, 3 giải O.Henry Awards và giải The Man Booker International Prize .

2. Munro chuyển sang viết truyện ngắn kể từ khi bà trở thành nội trợ với ba cô con gái nhỏ.

Bà không đủ thời giờ dành cho việc viết tiểu thuyết. Munro nghĩ sẽ viết truyện ngắn trong một thời gian nhưng rồi cuối cùng thể loại này đã quyến rũ bà.

3. Mặc dù thành công vang dội với thể loại truyện ngắn, Munro thường nói về ước mơ viết được một cuốn tiểu thuyết. Trong cuộc phỏng vấn với tờ Guardian năm 2003, bà nói rằng:

“Tôi vẫn đang cố gắng” .

4. Khi còn bé, Munro bị ám ảnh bởi kết thúc của câu chuyện cổ Andersen - Nàng tiên cá. Bà đã viết một kết thúc hạnh phúc hơn cho câu chuyện. Bà gọi đó là bước khởi đầu cho sự nghiệp viết lách sau này.

5. Đọc sách không được khuyến khích trong gia đình bà. Khi Munro thực sự trở thành một độc giả nghiêm túc, mẹ gọi bà là "một Emma McClure khác!". Theo lời Munro, Emma McClure là một người họ hàng sống ẩn dật, "đã đọc sách suốt ngày đêm trong 35 năm, không có thời gian để kết hôn hay học tên của cháu trai và cháu gái của bà, thậm chí không có thời giờ chải tóc”.

6. Tập truyện ngắn đầu tay của bà, Dance of the Happy Shades (tạm dịch “Vũ điệu của những cái bóng hạnh phúc”) đã được viết trong vòng 15 năm.

7. Khi Munro nhận bản thảo của cuốn sách từ nhà xuất bản của mình, bà đã giấu chúng trong tủ quần áo để không nhìn thấy

nó. Một đêm, cuối cùng bà lấy bản thảo ra đọc và nghĩ rằng "Nó không phải tệ như tôi tưởng". Cuốn sách này đã giành chiến thắng giải thưởng The Governor General's Literary Award vào năm 1968.

8. Sau tập truyện đầu tiên bà giành được giải thưởng The Governor General's Literary Award vào năm 1968, Munro cảm thấy rất nhiều áp lực để viết một cuốn tiểu thuyết. Bà đã cố gắng nhưng không có kết quả. Nhà xuất bản của bà, Douglas Gibson, nói với bà ấy, "Alice, tất cả đều sai. Bà là một nhà viết truyện ngắn tuyệt vời. Nếu bà muốn xuất bản truyện ngắn trong suốt quãng đời còn lại của bà, tôi sẽ xuất bản chúng".

9. Nhà làm phim nổi tiếng Tây Ban Nha Pedro Almodóvar đã xây dựng bộ phim Julieta dựa trên bộ ba truyện ngắn của Munro - Chance, Soon và Silence, trích từ tập truyện Runaway (Trốn chạy).

10. Bộ phim dựa theo truyện ngắn của Munro "Boys and Girls" thắng giải Oscar 1984 cho hạng mục Phim ngắn xuất sắc nhất.

11. Munro là người Canada đầu tiên đạt giải Nobel Văn chương và là người phụ nữ thứ 13 chiến thắng giải này. Bà 82 tuổi khi nhận giải.

12. Royal Canadian Mint đã ban hành một đồng xu Alice Munro vào năm 2014 để kỷ niệm chiến thắng Nobel của bà. Các đồng tiền bao gồm một đoạn văn từ truyện ngắn Messenger của bà.

13. Bà đã tốt nghiệp trường trung học Wingham với kết quả đứng đầu lớp năm 1949.

14. Bà gặp người chồng đầu tiên của bà, James Munro, tại thư viện đại học. Bà luôn đói bụng khi ở trường đại học vì bà không đủ tiền để ăn. Ông James đang ăn kẹo bạc hà bọc sô cô la. Ông đã làm rơi trên sàn nhà và nhìn xung quanh trước khi nhặt nó lên và ăn, để đảm bảo không ai thấy ông ăn một thứ đã rơi xuống đất. Alice nhìn ông và nói: "Tôi sẽ ăn nó".

15. Bà gặp người chồng thứ hai, Gerald Fremlin cũng trong

trường đại học. Alice đã đi xe buýt với bạn gái của Fremlin. Cô gái này đã kể cho bà nghe rất nhiều chuyện về Fremlin và bà từng nghĩ nghĩ cô ấy là "cô gái may mắn nhất trên thế giới".

16. Ở độ tuổi 25 - 35, Munro sợ rằng bà không đủ tài năng để trở thành nhà văn. Trong thời gian này, bà đã ném đi rất nhiều bản thảo và trải qua một thời kỳ bế tắc và khủng hoảng.

17. Vào năm 1963, bà và người chồng James đã mở hiệu sách đầu tiên ở Victoria. Ngày đầu tiên mở cửa, họ đã kiếm được \$175. Hiệu sách của Munro vẫn tiếp tục phát triển cho đến năm 2014 khi James Munro về hưu và chuyển giao quyền sở hữu cho các nhân viên làm việc lâu năm.

18. Tự nhận là một độc giả trẻ, bà đã có một phản ứng dữ dội đối với xu hướng ghét phụ nữ trong công việc của Leo Tolstoy và DH Lawrence, nói rằng điều đó "giống như móng vuốt cố gắng nhấn tôi xuống". Điều đó cũng làm bà ngạc nhiên "Làm thế nào tôi có thể là một nhà văn khi tôi là đối tượng của các nhà văn khác?"

19. Munro thích viết về các thị trấn nhỏ vì bà cho rằng "thị trấn nhỏ như một sân khấu của cuộc sống con người".

20. Munro đã viết câu chuyện The Office, trong đó một người phụ nữ thuê một văn phòng để viết và làm cho chủ nhà phiền lòng khiến cô phải chuyển đi. Đây là tự truyện. Munro phát hiện ra rằng bà không bao giờ có thể viết trong một văn phòng, thậm chí khi chủ nhà không khó chịu. Trong nhà của bà ở Clinton, Munro viết ở một bàn nhỏ trong góc phòng ăn, đối diện với một cửa sổ nhìn ra đường.

21. Munro từng nhận được rất nhiều thư chê bai phản nản rằng truyện của bà quá chán.

22. Bà biết rất nhiều về nhân vật của mình: "những quần áo họ muốn chọn, những gì họ thích làm ở trường, những gì xảy ra trước đây và điều gì sẽ xảy ra sau này". Bà thừa nhận rằng đã viết rất nhiều về quần áo trong các câu chuyện đầu tay của mình, và tiết lộ rằng khi còn nhỏ bà không có những bộ quần áo bà muốn.

23. Trong một tập truyện từ cuốn sách Dear Life (Cuộc đời yêu dấu), Munro nói rằng: "Tôi không bao giờ viết nhật ký. Tôi ghi nhớ rất nhiều và luôn cho mình là trung tâm hơn mọi người."

24. Câu chuyện Cuộc đời yêu dấu của Munro đã được dựng lại thành một tác phẩm cho dàn nhạc biểu diễn tại Trung tâm Nghệ thuật Quốc gia Ottawa năm 2015.

25. Vào năm 2013, Munro nói trong một buổi phỏng vấn rằng bà sẽ không viết nữa. Đây không phải lần đầu tiên bà đề cập đến việc "nghỉ hưu". Bà đã nói "Tôi không biết còn đủ sức lực để làm bất cứ điều gì" với tờ Globe and Mail năm 2006 nhưng sau đó vẫn cho ra đời tập truyện Cuộc đời yêu dấu. Vì vậy, người hâm mộ vẫn có quyền hy vọng.

(Theo CBC.ca)



CÔI ÂM



Nguyên tác: Dimension

Sáng Chủ nhật, Doree lấy 3 chuyến xe buýt. Từ nhà đến thị trấn Kincardine, đổi xe đi London, rồi từ London đi đến bệnh viện giam giữ phạm nhân tâm thần. Ngồi trên xe từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều Doree mới đến nơi qua khoảng đường dài hơn 200 km. Nhưng ngồi không phải là vấn đề đối với Doree vì Doree đứng làm việc hằng ngày. Doree là nhân viên phụ dọn phòng cho khách sạn Comfort. Công việc hằng ngày gồm thay drap giường, hút bụi và lau chùi phòng vệ sinh. Cô yêu công việc, nó giúp cô khỏi phải nghĩ ngợi lung tung, và tối đến dễ ngủ. Doree không gặp khó khăn trong công việc, mặc dù các bà bạn cùng sở hay kể lại những khó khăn thỉnh thoảng gặp phải nghe thật khó tin. Các bà này đều lớn hơn Doree, và tốt bụng. Họ khuyên Doree vì còn trẻ và có nhan sắc nên xin học làm một việc gì ở văn phòng cho đỡ nhọc nhằn. Doree không muốn thổ lộ tâm tình với các người phụ nữ tốt bụng này tại sao cô yên phận với công việc.

Không ai trong các bạn cùng sở biết những gì đã xảy đến cho Doree. Chuyện của cô báo đài đều đăng tải. Báo địa phương đã đăng một tấm hình của cô, tóc nâu dài, lượn sóng chụp với 3 con nhỏ, bông trên tay là bé mới sinh Dimitri, hai bên là Barbara Ann và Sasha nhìn mẹ và em.

Bây giờ Doree gầy hơn hình trên báo, tóc cắt ngắn, nhuộm đậm hơn và kẹp tóc. Khi xin việc cô dùng tên khác – Fleur là tên mới của cô. Hơn nữa cô làm việc tại một thành phố nhỏ xa chỗ ở, nơi đã xảy ra thảm trạng.

Đây là chuyến thứ ba Doree đến nhà giam thăm Lloyd. Hai lần trước Lloyd không tiếp Doree. Lần này nếu Lloyd còn từ chối

không muốn gặp thì Doree nghĩ nàng sẽ không bao giờ đến thăm nữa. Mỗi chuyến đi thăm là một lần tâm sự Doree rối bời. Lần đầu nàng cố gắng bình tĩnh dùng thì giờ trên xe ngắm nhìn phong cảnh chung quanh. Nàng lớn lên, lấy chồng ở thành phố biển có mùa Xuân êm mát dịu dàng. Ở đây sâu trong đất liền, mùa Hạ nối tiếp mùa Đông. Tháng trước còn tuyết, bây giờ trời nóng như đốt. Những vũng nước hai bên đường khô nhanh dưới ánh mặt trời gay gắt chiếu lọt qua rừng cây chưa kịp đâm lá.

Chuyến thứ hai, Doree không còn bình tĩnh để ngắm nhìn phong cảnh. Nàng tự hỏi không biết các bà khác trên xe có cùng đến nhà giam thăm thân nhân như mình không. Đa số các bà lớn tuổi ăn mặc tươm tất như đi lễ nhà thờ với nón, áo khoát và vớ dài. Các bà trẻ hơn mặc quần dài, áo ngắn ngang lưng, đeo bông tai và khăn choàng nhiều màu sắc, tóc được săn sóc cẩn thận theo nhiều kiểu khác nhau. Doree ăn mặc tầm thường. Từ ngày đi làm đến nay nàng chưa sắm một bộ áo quần mới nào. Đi làm việc nàng mặc đồng phục như nhân viên khác của khách sạn. Ngoài giờ làm việc nàng mặc jeans.

Chuyến thứ ba này Doree ngồi gần cửa sổ và không biết làm gì hơn là đọc các tấm bảng trên đường. Ở ngoại ô là các bảng chỉ đường, vào thành phố bảng chỉ đường lẫn lộn với các bảng quảng cáo.

Doree không báo cho bà Sands – người của sở Xã hội có nhiệm vụ giúp đỡ cô về mặt tâm thần- biết cô đã đi thăm Lloyd hai lần trước, và có lẽ nàng cũng dấu chuyến đi thăm này. Chiều Thứ Hai hằng tuần Doree gặp bà Sands. Bà thường khuyên không nên vội vã trong bất cứ việc gì, thời gian sẽ giải quyết một số vấn đề. Bà nói bà thấy Doree có ý chí, vững vàng chịu đựng và có sức sống.

Bảy năm trước, Doree 16 tuổi, mỗi ngày ở trường về Doree ghé thăm mẹ ở bệnh viện. Bà mới mổ xương sống. Lloyd làm y tá ở

đó. Lloyd nhỏ hơn Mẹ Doree, nhưng hai người mau chóng trở thành bạn tâm giao vì cả hai đều từng là dân bụi đời. Trong giờ làm việc rảnh rỗi Lloyd thường đến tán chuyện gẫu với bà. Nhắc lại những ngày lang thang, biểu tình phản đối chương trình này hay chương trình khác của chính phủ, và những lần say thuốc chết lên chết xuống.

Lloyd là một y tá bình dân trong bệnh viện, có óc khôi hài và mát tay khi săn sóc bệnh nhân. Người anh cao to, vai rộng, da ửng đỏ, tóc thưa, đôi mắt tự tin nên nhiều bệnh nhân tưởng Lloyd là bác sĩ. Lloyd không lấy đó làm vinh dự. Anh thường cho rằng ngành y khoa có nhiều gian dối và đa số y sĩ rất khó thương. Một hôm Lloyd hôn Doree một cách tự nhiên trong thang máy, cười và nói nhìn cô như một chiếc hoa dại giữa sa mạc. Doree không giận, phản ứng nhẹ nhàng: “ Anh ăn nói như một nhà thơ vậy!”

Thình lình mẹ Doree bị nghẽn mạch máu qua đời. Doree tạm thời ở với một người bạn của mẹ, nhưng cô thích ở với Lloyd hơn. Vào sinh nhật thứ 17, Doree có bầu và họ cưới nhau. Lloyd chưa vợ và có hai con riêng, hiện ở đâu anh cũng không rõ. Anh nghĩ chúng đã lớn ít nhất cũng xấp xỉ tuổi của Doree và tự xoay xở được. Có tuổi Lloyd thay đổi quan niệm về cuộc đời. Anh nghĩ lấy vợ là phải, và tuy không sùng đạo Chúa anh là người chống thuốc ngừa thai.

Hai vợ chồng thuê một căn nhà ở bán đảo Sechelt, nơi cả hai đang ở trước khi lập gia đình. Cư dân ở đó đều biết nhau, sùng đạo và bảo thủ. Lloyd thấy không hợp với lối sống phóng khoáng của mình. Hai vợ chồng dọn đến vùng ngoại ô của thành phố Mildmay khá xa.

Lloyd xin được việc làm quản lý cho một hãng làm icecream, dành dụm tậu được một ngôi nhà nhỏ có vườn. Ngoài giờ làm việc Lloyd làm vườn trồng rau trái. Anh khéo tay tự chỉnh trang ngôi nhà ọp ẹp, và biết cách bảo trì giữ cho chiếc xe khá cũ chạy được ngay cả trong mùa Đông đầy tuyết .

Tạm ổn định, Doree sinh Sasha con đầu lòng.

Khi nghe Doree kể lại, bà Sands nói: “Mọi việc thuận chiều, êm đẹp quá!”

“Có thật không bà?” Doree hỏi lại một cách luyến tiếc.

Trong những buổi hẹn gặp bà Sands, Doree ngồi trên chiếc ghế trước bàn giấy của bà Sands mà không ngồi trên chiếc sofa bọc da dù bà Sands mời. Bà Sands thường kéo ghế bà sang một bên để mặt nhìn mặt Doree khi nói chuyện tâm tình.

Khi nghe Doree thuật chuyện đi thăm Lloyd, bà Sands nói: “Tôi nghĩ trước sau cô sẽ đi thăm Lloyd . Ở vào vị trí của cô tôi cũng làm vậy.”

Bà Sands là một nhân viên sở Xã hội nhiều kinh nghiệm. Hơn một năm qua, bà không đá động đến việc đi thăm Lloyd. Biết đâu Doree sẽ bực tức. Bây giờ bà thoải mái ủng hộ quyết định đã đi thăm Lloyd của Doree .

Bạo dạn Doree bày tỏ: “Hai lần trước Lloyd không chịu tiếp tôi”

“Nhưng lần này anh ấy ra cho cô thăm phải không?” bà Sands hỏi .

“Vâng . Thoạt nhìn anh tôi ngỡ nhận không ra.”

“Lloyd già lắm sao?”

“Hơi già, gầy nhiều, và nhất là bộ đồng phục. Tôi chưa bao giờ thấy anh ấy mặc đồng phục”

“Anh ấy vốn là y tá?”

“Vâng, nhưng bộ đồng phục này khác”

“Anh ấy khác hẳn sao?”

“Không hẳn vậy.” Doree căn môi nghĩ xem Lloyd khác như thế nào? Anh mất vẻ tự nhiên của ngày trước. Anh lúng túng không biết có nên ngồi xuống để nói chuyện với Doree không. Doree mời “Anh ngồi xuống đi anh”, và Lloyd trả lời một cách xa vắng như người được uống thuốc an thần “Vậy thì ngồi!”

“Tinh thần anh ấy sụp đổ chẳng?” bà Sands hỏi, “Thế hai người có trò chuyện nhiều với nhau không?”

Doree không biết có thể nói đó là một cuộc trò chuyện không. Cô hỏi Lloyd những câu hỏi vô thưởng vô phạt không đâu vào đâu. Anh cảm thấy thế nào? – OK- Người ta cho ăn uống đầy đủ không? – Ừ cũng đủ – Có chỗ để đi lui đi tới cho thư giãn không? – Đi đúng có người giám sát, và không biết có thể gọi đó là đi thư giãn không – Ít nhất anh cũng được hít thở không khí trong lành hơn chứ? – Cái đó thì có...

Doree nói có lúc định hỏi Lloyd có bạn mới không như bố mẹ thường hỏi con cái khi đổi trường. May cô chưa hỏi. Bà Sands nhanh nhẩu: “Đúng, cô không hỏi là phải”, vừa nói bà vừa lấy một tấm Kleenex đưa cho Doree chấm nước mắt, mặc dù mắt cô khô rốc. Cô thấy bụng thắt lại chỉ muốn nấc lên.

Bà Sands im lặng chờ. Khi cơn xúc động lắng xuống, Doree nói dường như Lloyd đoán được ý nghĩ của nàng và Lloyd nói, thỉnh thoảng có bác sĩ tâm thần đến thăm hỏi. Anh nói “quý vị chỉ mất thì giờ vô ích, tôi biết tôi có vấn đề gì.” Qua câu chuyện, Doree thoáng thấy cá tính vốn bừng bình của anh.

Suốt buổi thăm viếng, trống ngực Doree đập thành thịch, tưởng như có thể ngã lăn ra bất tỉnh bất cứ lúc nào. Nàng cố bình tĩnh để nhận diện người đàn ông vốn yêu đời, dí dỏm, bây giờ là một thanh niên ốm yếu, lạnh lùng xa vắng, cử chỉ lúng ta lúng túng.

Doree không nói cho bà Sands biết sự hồi hộp của mình, ngại bà ta hỏi mình sợ ai, vì thật ra Doree không sợ ai cả.

Khi Sasha được một tuổi rưỡi, Doree sinh Barbara Ann. Khi Barbara Ann lên hai, Dimitri ra đời. Shasa là tên hai vợ chồng cùng chọn, sau đó Doree và Lloyd đồng ý, Lloyd đặt tên cho con trai, Doree đặt tên cho con gái.

Vừa lọt lòng Dimitri đau bụng kinh niên. Doree nghĩ là vì sữa của nàng không đủ hoặc thiếu hay quá thừa chất bổ dưỡng. Lloyd mời một bà chuyên viên trong hội La Leche đến trao đổi ý kiến với Doree. Bà ta khuyên làm gì thì làm, tuyệt đối không

được cho Dimitri uống thêm sữa bình. Làm vậy Dimitri sẽ bỏ sữa mẹ và chứng đau bụng sẽ khó trị hơn. Không ai biết Doree đã cho Dimitri uống thêm sữa bình và nàng không thể ngưng được. Quả thật uống thêm sữa bình, Dimitri càng chê sữa mẹ, và sau 3 tháng Dimitri chỉ uống sữa bình. Đến lúc đó Doree không thể dấu Lloyd và nói với Lloyd sữa nàng cạn kiệt phải cho Dimitri uống sữa bình. Lloyd nặn đôi vú của Doree và thấy còn có sữa tuy không nhiều. Lloyd giận nói Doree nói láo, hai người cãi lộn và đánh nhau. Trong cơn giận Lloyd nhiếc Doree là con điếm như mẹ của nàng. Lloyd nói những kẻ từng đi cù bơ cù bất đều là điếm.

Cãi nhau rồi làm lành. Nhưng mỗi lúc Dimitri trở chứng khóc nhiều, bị cảm lạnh, hay đi đứng khó khăn vào tuổi Sasha và Barbara đã chạy được, thì câu chuyện không cho con bú sữa mẹ trở thành đề tài bất hòa.

Lần đầu tiên khi Doree đến văn phòng gặp bà Sands, một phụ nữ ngồi trước văn phòng đưa cho Doree một tờ quảng cáo tôn giáo in hai mặt. Một mặt in hình thánh giá màu vàng rực rỡ với dòng chữ cũng màu vàng rất bắt mắt: “Khi con mất mát ngoài sức chịu đựng”. Trang kia in hình Chúa Jesus và mấy dòng chữ Doree không buồn đọc.

Ngồi trước bàn giấy của bà Sands, tay nắm chắc tờ quảng cáo Doree giận run. Bà Sands nắm bàn tay Doree cho hết run và hỏi:

“Có ai đưa cho cô tờ quảng cáo này”

“Cô ấy”, Doree vừa trả lời vừa quay đầu về hướng chiếc cửa đã đóng kín.

“Cô không thích tấm quảng cáo phải không?”

“Khi ai gặp khó khăn là lúc có người lợi dụng lòng tin của mình,” Doree trả lời, nhớ đến lời mĩa mai của mẹ khi còn nằm bệnh viện khi quý bà trong các đoàn thể tôn giáo đến thăm tặng quà và thuyết phục, “Họ tưởng mình chỉ cần quỳ xuống dưới chân Chúa là mọi sự êm đẹp!”

Bà Sands nói: “Tin chưa chắc giải quyết được mọi việc”
“Chắc là chẳng giải quyết được gì !” Doree quả quyết.
“Có thể là vậy”

Trong thời gian mấy tháng đầu, bà Sands và Doree không bao giờ nhắc đến tên Lloyd trong câu chuyện. Doree cố gắng quên Lloyd xem như những gì đã xảy ra là một tai nạn của trời đất.

Doree nói: “Cho dù tôi tin Chúa cũng chỉ khổ cho tôi thêm...”
Doree liên tưởng đến sự trừng phạt của Chúa dành cho Lloyd nhưng không nói với bà Sands. Và mỗi lần nghĩ đến sự đền tội của Lloyd lòng cô xốn xang bứt rứt.

Lloyd thích dạy mấy con học ở nhà. Không phải vì lý do tôn giáo không muốn con học những gì ở trường trái với lời Chúa dạy, như thời đại dinosaurs, thời vượn chuyển thành người ... lý do đơn giản là Lloyd muốn các con có nhiều thì giờ gần bố mẹ và học theo khả năng hấp thụ chứ không bị nhồi nhét như chương trình trường công. Lloyd nói anh muốn Sasha, Barbara Ann và Dimitri là con của anh chứ không phải là con của Bộ Giáo Dục .

Doree tưởng không kham nổi trách nhiệm dạy con học ở nhà, nhưng rất may Bộ Giáo Dục có tài liệu hướng dẫn. Hơn nữa Sasha sáng dạ học dễ, trong khi hai đứa em còn nhỏ không cần học bao nhiêu. Mỗi tối hay vào cuối tuần, Lloyd dạy Sasha về địa lý, về thái dương hệ, nguyên nhân một số thú vật ngủ mùa Đông, tại sao xe chạy được. Không bao lâu Sasha đã đi trước chương trình của Bộ Giáo dục. Nhưng Doree vẫn để Sasha học theo nhịp của Bộ.

Trong vùng ở cách nhà mấy cây số có gia đình bà Maggie cũng cho con học ở nhà. Bà có một chiếc xe van nhỏ, mỗi tuần Doree đi nhờ xe bà Maggie ra Học khu nộp bài làm của Sasha và lấy bài học mới. Mỗi lần đi bà chở cả bọn nhóc đi theo. Bà Maggie có hai đứa con trai. Đứa lớn bị chứng dị ứng thực phẩm nên bà Maggie phải coi chừng thức ăn, và đó là lý do chính bà cho nó học ở nhà. Đứa nhỏ bị suyễn và muốn ở nhà chơi với anh nên bà Maggie cho

nó học ở nhà luôn.

So sánh với mấy con bà Maggie, Doree may mắn hơn nhiều. Sasha và Barbara Ann khỏe mạnh, Dimitry có chút vấn đề nhưng không có gì trầm trọng. Lloyd nói nhờ Doree lấy chồng sinh con sớm, trong khi bà Maggie chờ gần tắc kinh mới lấy chồng. Lloyd so sánh hơi quá. Thật ra bà Maggie lấy chồng trẻ nhưng không quá già. Bà hành nghề bác sĩ về kính đeo mắt với chồng, và sau khi tậu một ngôi nhà khang trang ở miền quê hai người cưới nhau và bà nghỉ làm luôn. Bà Maggie tóc muối tiêu cắt ngắn, người tầm thước, ngực nở, vui tính và ngang bướng một cách dễ thương. Lloyd hay tán chuyện gẫu với Maggie qua điện thoại, và nói với Doree “Maggie đó” mà không bao giờ nói đã cà kê dê ngỗng những gì. Doree không mấy quan tâm vì với ai Lloyd cũng cà khía một cách thân mật được. Doree chỉ ngại tính nói chuyện dai của Lloyd làm bà Maggie khó chịu và mất thì giờ của Maggie.

Có một lần Doree nghe Lloyd bắt phone có vẻ đùa cợt, bên kia là Maggie “Chị muốn nói chuyện với bà vợ cứng của tôi hả. Đây, cô ta đây. Cô ấy đang ủi quần cho tôi. Chị thấy đó, tôi chỉ có hai cái quần để thay đổi, và việc đó giúp cô ta giặt ủi luôn tay”

Doree và Maggie có thói quen sau khi đến Học khu thì đi chợ. Thỉnh thoảng họ vào tiệm Tim Horton lấy cà phê “to go”, thả mấy đứa nhỏ tại công viên Riverside, ra ngồi ghế đá vừa trông bọn nhỏ vừa nhấm cà phê trò chuyện. Sasha và hai đứa con trai của Maggie leo trèo trên các thang trong công viên, Barbara Ann đong đưa trên xích đu, trong khi Dimitri vọc cát. Gặp trời lạnh hai bà bạn ngồi trong xe tâm sự đủ điều về con cái và bếp núc giúp hai người biết nhau hơn.

Maggie từng du lịch khắp lục địa Châu Âu trước khi vào trường thuốc. Maggie biết Doree lấy chồng khi còn rất trẻ, và tại sao Doree có thai sớm. Doree nói với Maggie sau 3 đứa con nàng bỗng không sinh nữa và Lloyd nghi nàng uống thuốc ngừa thai.

“Thế cô có uống thuốc ngừa thai không?” Maggie hỏi

“Không”, Doree nói “Có muốn tôi cũng không dám”

“Vậy sao?” Maggie trả lời hơi chút ngạc nhiên

Một lần, Maggie đột nhiên hỏi “Cô có tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân không?” Không do dự Doree trả lời “Có”. Doree không biết câu trả lời của mình có thành thật không. Có nhiều việc, nhiều hoàn cảnh mình quen và chấp nhận như vậy nhưng chưa chắc người khác đã nhìn sự việc như mình? Lloyd nói năng hoạt bát nhưng khó tính, và đó là điều đáng yêu cũng như đáng ghét của Lloyd . Tại bệnh viện Lloyd ghét cay ghét đắng bà Y tá trưởng Lloyd cho là loại người kỳ thị. Lloyd gọi bà là con quỷ cái. Hiện nay tại sở làm Lloyd cũng ghét một nam công nhân Lloyd cho là nịnh cấp trên và đặt tên là “thằng nịnh”

Doree biết những người đó không tệ như Lloyd thấy, nhưng Doree không nói ra trái ý Lloyd . Đàn ông có nhu cầu có kẻ thù để ghét chăng, cũng như có nhu cầu kể chuyện khôi hài mặc dù nhiều lúc rất vô duyên? Lloyd hay đưa những người mình ghét vào chuyện khôi hài, cũng như hay tự lối bịch hóa mình để cười. Chỉ những lúc đó Doree mới có thể cùng cười với Lloyd mà không sinh chuyện .

Doree không muốn Lloyd ghét bà Maggie . Nếu Lloyd ghét bà Maggie và cấm cô đi chợ chung thì thật là bất tiện. Phải nói sao về Lloyd với Maggie mà không cảm thấy mình nói dối? Nhưng Doree nghĩ Maggie là một phụ nữ sâu sắc, chóng hay chầy bà ấy cũng biết con người thật của Lloyd .

Nghĩ quanh nghĩ quẩn, Doree tự nhủ tại sao mình thắc mắc về ý nghĩ của bà Maggie đối với Lloyd. Mặc bà ấy. Gia đình và quan hệ giữa mình và Lloyd mới quan trọng. Lloyd thường nói vậy, và anh ấy nói đúng. Chất keo kết hợp giữa hai người và nỗ lực của Doree giữ gìn chất keo đó không phải là chuyện của người khác .

Quan hệ giữa Lloyd và Maggie trở nên xấu dần. Lloyd phê phán và đổ lỗi cho Maggie về tình trạng sức khỏe của hai cậu con trai. Lloyd nói, tại bệnh viện anh thấy trẻ con bệnh đều tại mẹ, nhất là những bà mẹ có trình độ học vấn cao vì cưng con mà làm

hạn chế sự phát triển tự nhiên của chúng .

Doree nói: “Nhiều đứa bé sinh ra đã có vấn đề. Anh không thể kết luận con hư hay con bệnh khi nào cũng tại mẹ”

“Lloyd cao giọng “Ai cấm tôi”

“Không ai cấm anh cả, nghĩ gì là quyền của anh. Tôi chỉ muốn nói có khi sức khỏe của mỗi người do bẩm sinh chứ không tại ai cả.”

“Chà, cô học y khoa hồi nào mà ăn nói như một bà bác sĩ vậy!”

“Tôi không bao giờ nói tôi là bác sĩ”

“Lẽ dĩ nhiên cô không phải là bác sĩ, và không có thẩm quyền gì bàn về vấn đề sức khỏe. ”

Từ chuyện nhỏ kéo ra chuyện lớn, Lloyd hạch sách hỏi Doree bà Maggie và cô thường nói với nhau những gì.

“Nói chuyện tâm phào, và chẳng có gì đáng ghi nhớ cả” , Doree trả lời .

“Người ngu mới tin cô. Hai người đàn bà đi chung xe ngày này qua tháng khác mà không nói gì đáng nhớ với nhau!Tôi biết thế nào mà chẳng có chuyện để chia rẽ tôi với cô”

“Anh nói ai? Bà Maggie hả?”

Lloyd trả lời: “Tôi có kinh nghiệm về loại phụ nữ đó”

“Loại nào?”

“Loại bà ấy chớ còn loại nào”

“Anh chớ nên hồ đồ.”

“Cô nên giữ mồm giữ miệng. Tôi cấm cô nói tôi hồ đồ”

“Thế bà ấy muốn chia rẽ anh với tôi để làm gì?”

“Làm sao tôi biết được lòng dạ bà ấy. Cô cứ chờ đó sẽ biết. Thế nào bà ấy cũng nhét vào tai cô rằng tôi là một người đàn ông chẳng ra gì.”

Một hôm sau khi cãi nhau, Doree khóc chạy đến nhà Maggie. 10 giờ đêm, Doree gõ cửa. Chồng bà Maggie chưa từng gặp Doree ra mở cửa. Ông nhìn thẳng vào mặt Doree hỏi không chút thiện cảm “Cái gì vậy? Cô muốn gì?” Doree ấp úng: “Xin lỗi đã làm

phiên ông”. Vừa lúc đó Maggie bước ra.

Đêm ấy như một kẻ mất hồn Doree thất thểu đi bộ đến nhà bà Maggie. Bắt đầu một đoạn đường làng rồi ra xa lộ. Vừa đi Doree vừa nhìn xe cộ chạy qua xem thử có xe nào của Lloyd không? Doree không muốn Lloyd nhận ra mình. Nàng muốn để cho Lloyd hoảng hốt một lần cho bỏ ghét. Kinh nghiệm cho Doree biết khi nào Lloyd cãi bướng nàng khóc, nàng la, đập đầu vào tường thì Lloyd nhin “ OK, cưng, hãy nín đi, cưng nói đúng! Hãy thương mấy đứa nhỏ và nín đi cưng !”

Đêm nay Doree định giở trò cũ để làm cho Lloyd sợ. Nàng lấy một chiếc áo ấm choàng vào người vừa khóc vừa bước ra đường không nghe tiếng Lloyd đe dọa “Tôi cảnh giác cô đừng bỏ đi như vậy !” Linh tính bảo Lloyd rằng những gì anh nghi ngờ về Maggie đang trở thành sự thật.

Sau khi vợ nhận ra Doree, chồng bà Maggie bỏ đi ngủ. Doree khóc nói với Maggie “Tôi xin lỗi đêm hôm đến nhà phiên chị.”

“Lỗi phải gì. Cô cần mới đến đây. Cứ yên tâm. Uống một ly rượu vang cho ấm người nhé?”

“Tôi không biết uống rượu”, Maggie nói.

“Vậy để tôi lấy trà nóng cho cô. Trà Raspberry ngon lắm. Mà sao đó? Lại cãi nhau về chuyện mấy đứa nhỏ phải không?”

“Không phải vì mấy đứa nhỏ”

Magie giúp Doree cởi áo khoát, đưa cho Doree một tấm Kleenex và nói: “Khoan nói đã. Hãy nghỉ ngơi cho tỉnh người rồi hẵng hay.”

Khi bắt chuyện lại với Maggie, Doree cũng không muốn nói hết sự thật những gì nàng nghĩ về Lloyd. Doree nói lỗi do nàng. Doree nghĩ dù Lloyd có xấu với nàng, Lloyd vẫn là người thân duy nhất còn lại trong cuộc đời nàng, và nếu nàng nói với Maggie tất cả cảm nghĩ thật của mình đối với Lloyd thì mọi sự sụp đổ hết.

Doree kể với Maggie rằng, cô và Lloyd lại cãi nhau về một chuyện lảng vãng và cô không còn đủ can đảm để nghe những lời

hết sức vô lý của Lloyd mà cô đã nghe hoài, cho nên cô muốn ra khỏi nhà cho đỡ nhức đầu. Doree nghĩ rồi sẽ lại làm lành với nhau.

Có tiếng chuông điện thoại reo, Maggie trả lời

“Vâng, cô ta bình an. Cô ấy chỉ muốn tránh một chuyện bực mình. Cô ta khỏe, OK. Anh yên tâm, sáng mai tôi đưa cô về nhà. Chúc anh ngủ ngon.”

Gát điện thoại xuống, Maggie nói với Doree: “Lloyd. Chắc cô đã đoán ra”

“Giọng anh ấy có bình thường không?” Doree hỏi

Maggie cười: “Tôi đâu có biết khi bình thường thì giọng anh ấy thế nào mà biết có bình thường hay không. Chỉ biết giọng không có hơi rượu”

“Anh ấy không biết uống rượu. Cà phê cũng không.”

Sáng tinh sương, Maggie đưa Doree về nhà. Lloyd chưa đi làm. Maggie có việc cần đi gấp. Bà quày xe, nói với Doree: “Bye bye, cần gì cứ điện thoại cho tôi”, rồi thả thẳng nhả gas.

Đầu xuân, buổi sáng trời lạnh, tuyết còn phủ trên sân, và Doree ngạc nhiên thấy Lloyd ăn mặc mong manh ngồi trên ngưỡng cửa.

Doree nhìn Lloyd, bước vào nhà, nhưng Lloyd ngồi chần lồi đi.

“Cô không được bước vào nhà”

“Sao vậy? Tôi xin anh” Doree nói.

Lloyd không trả lời, hai môi mím vào nhau cười đau khổ.

Cảm thấy có điều bất thường, Doree la lớn:

“Lloyd, Lloyd, anh làm gì kỳ vậy?”

“Tôi nghĩ tốt nhất là cô không nên bước vào nhà”

“Anh đừng hiểu lầm. Tôi không nói gì với Maggie cả. Tôi xin lỗi đã đi ra khỏi nhà. Tôi chỉ muốn tạm có không gian để thở thôi.”

“Tốt hơn cô không nên vào nhà” Lloyd lặp lại.

Doree càng hoảng: “Anh sao thế? Máy con đâu?”

Lloyd lắc đầu như anh vẫn có thói quen lắc đầu mỗi khi nghe Doree nói điều gì anh không muốn nghe .

Doree thét lên: “Lloyd, các con đâu ?” Vừa thét Doree vừa sấn tới. Lloyd nhích sang một bên nhường lối cho Doree. Dimitri nằm chết cứng đờ trong chiếc nôi. Barbara Ann chết trên sàn nhà dưới chân giường ngủ. Sasha nằm sóng soài nơi cửa nhà bếp cho thấy Sasha muốn thoát nhưng không kịp. Cổ Sasha bị bóp tím bầm. Dimitri và Barbara chết ngạt bằng gối đè lên mặt.

Lloyd nói: “Hôm qua khi tôi điện thoại đến nhà bà Maggie, mấy đứa con đều chết cả rồi” Lloyd nói tiếp “Do cô cả .”

Doree mê sảng thất thểu chạy ra khỏi nhà, hai bàn tay ôm bụng như thân hình bị chẻ làm đôi vừa chạy quanh sân nhà vừa rên khóc không thành tiếng. Đó là cảnh tượng bà Maggie thấy khi bà trở lại. Trên đường về linh tính báo cho bà biết có gì đó chẳng lành, bà quày xe về nhà Doree. Maggie tưởng Doree bị Lloyd đá vào bụng. Maggie để yên cho Doree khóc la, bà chạy thẳng vào nhà – Lloyd vẫn còn ngồi trên ngưỡng cửa im lặng tránh chỗ cho Maggie đi qua không nói một lời – Maggie thấy điều chẳng lành bà linh cảm. Bà gọi cảnh sát.

Tòa án kết luận, Lloyd hành động vô thức trong cơn điên, và nhốt Lloyd vào một bệnh viện tâm thần.

Doree bỏ ăn nhiều ngày. Cô nhét bất cứ gì thấy trước mắt vào miệng, áo quần, vải vóc, ngay cả bùn đất và cỏ rác như thể giúp chặn lại tiếng kêu ai oán trong cổ họng phút nào cũng chực tuôn ra và cũng để giúp xóa hình ảnh khủng khiếp ám ảnh ngày đêm. Bác sĩ chích thuốc an thần giúp Doree không tự hủy và nàng dần tỉnh lại trong trạng thái vô cảm với sự vật chung quanh.

Dần dà Doree ổn định, sở Xã hội tìm cho Doree một chỗ tạm trú khác và ủy thác bà Sands săn sóc Doree. Bà Sands tìm một nơi thật xa cho Doree ở và tìm một việc làm thích hợp cho cô. Hằng tuần mỗi chiều Thứ Hai Doree đến gặp bà Sands ở văn phòng.

Maggie ngỡ ý đến thăm Doree nhưng bà Sands khuyên chưa phải lúc . Sự có mặt của bà Maggie sẽ nhắc lại cho Doree hình ảnh của buổi sáng kinh hoàng đó. Riêng Lloyd qua một khoảng thời gian bà Sands nói với Doree muốn đi thăm hay không tùy ý không cần hỏi ý kiến bà. Cảm thấy thoải mái thì đi, không thì thôi, đừng suy nghĩ nhiều .

“Tôi không biết” Doree trả lời.

Doree nói cô đã đi thăm Lloyd mà hình như chưa thăm. Không phải Lloyd mà là một con người nào khác. Xanh, gầy, áo quần thùng thình, đôi dép hồ hững nơi đôi chân bước đi như không chạm đất. Đây là người đàn ông khỏe mạnh, vai rộng, tóc lượn sóng, chiếc ngực rộng mênh mông Doree thường ngả đầu vào khi thân mật trò chuyện. Báo chí tường thuật Lloyd khai với cảnh sát rằng:

“Tôi hành động như vậy để giúp cho các con tôi khỏi khổ”

“Khổ gì” Cảnh sát hỏi

“Khổ vì có một bà mẹ hư hỏng, bỏ chồng đi khỏi nhà!”

Điều thúc đẩy Doree đi thăm Lloyd là để nói với Lloyd điều anh ta nghĩ không đúng.

“Anh bảo tôi đừng cãi lại anh, hay đi đâu thì đi, thì tôi đi. Tôi định đến nhà Maggie một đêm cho khuây khỏa rồi về. Tôi không bỏ chồng, bỏ con.”

Doree nhớ lại tối hôm ấy cô mua một hộp bún Spaghetti móp một bên với nửa giá và Doree cảm thấy vui vui vì có dịp tiết kiệm. Khi Lloyd hỏi sao mua hộp bún móp, không hiểu sao Doree không trả lời vì rẻ mà nói rằng nàg không thấy. Lloyd nói, vết móp rành rành trước mắt vậy mà không thấy. Hay cô muốn đầu độc cha con tôi?

Doree nói Lloyd đừng nổi điên nói bậy. Lloyd cãi lại anh không điên. Cái thứ đàn bà mua thực phẩm độc về thuốc gia đình mới là điên. Doree thấp thoáng thấy ba đứa nhỏ lấm lét nhìn vào nhà

bếp nghe bố mẹ cãi nhau. Đó là lần cuối Doree thấy chúng còn sống.

Xe đến cổng bệnh viện Doree bước ra khỏi xe buýt, chuẩn bị ý tứ sẵn sàng để thuyết phục Lloyd. Nhưng Doree còn do dự. Đi theo đoàn các bà thăm nuôi vào phòng chờ hay băng qua đường đón chuyến buýt quay trở về? Doree từng chứng kiến cảnh đến cổng rồi quay về như vậy nhiều lần.

Như cái máy, Doree đi theo đoàn người vào phòng chờ.

Doree nhớ đã hỏi bà Sands: “Lần trước bà hỏi tôi sau khi thăm Lloyd tôi cảm thấy vui hay buồn, phải không?”

“Đúng vậy” bà Sands nói .

“Để tôi nghĩ xem. Nhưng chắc là buồn nhiều hơn vui, nên tôi quyết định không bao giờ đến thăm Lloyd nữa”

Bà Sands gật đầu tỏ vẻ đồng ý

Thế nên lần này khi quyết định đi thăm Lloyd nữa, Doree không nói cho bà Sands biết. Doree nói với bà Sands cô đi nghỉ hè vài tuần.

Thấy Doree, Lloyd ngạc nhiên hỏi: “Cái áo khoác dày mặc tuần trước sao không thấy em mặc”

“Đâu phải tuần trước”

“Vậy hả ?”

“ Ba tuần rồi. Bây giờ trời nóng. Cái áo này mỏng hơn, nhưng thật ra cũng không cần lắm”

Lloyd hỏi đi có mệt không? Từ Mildway đến đây đổi bao nhiêu chuyến xe . Doree nói cô không ở Mildway nữa . Doree thuật tỉ mỉ chỗ ở mới và 3 chuyến buýt từ nhà đến đây.

“Đường xa quá nhỉ. Chỗ ở mới là đô thị lớn hơn hay sao?”

“Không lớn hơn, nhưng gần chỗ làm”

“Em đi làm rồi hả?”

Doree nhớ lần thăm trước đã nói cho Lloyd biết nàng hiện ở đâu , làm gì, mỗi lần đi thăm đổi bao nhiêu chuyến xe.

“Tôi làm việc lau chùi phòng tại một khách sạn” Doree nhắc lại.

“Tôi nhớ ra rồi. Tôi xin lỗi. Em có ý đi học lớp đêm lại không?”

Doree nói nàng có nghĩ đến việc đi học lại, nhưng không tỉnh trí để quyết định một cái gì dứt khoát. Doree nói cô thích công việc hiện tại tuy có chút nhọc nhằn.

Đến đó cả hai ngưng bật không biết còn chuyện gì để nói.

Lloyd thở dài: “Tôi xin lỗi. Hình như tôi đã quên cả cách nói chuyện”

“Hằng ngày anh làm gì trong bệnh viện?”

“Đọc sách, đủ loại sách, chẳng hạn loại sách dạy thiền định.”

“Hay quá!”

“Em tới thăm tôi rất mừng. Nhưng tôi nghĩ em không nên buộc mình phải đến thăm tôi. Lúc nào thấy thoải mái thì đến, không thì thôi. Em đến thăm dù chỉ một lần cũng đã là một món quà quý hiếm đối với tôi.”

Doree nói nàng cũng nghĩ như vậy. Và Lloyd nói anh không muốn làm bận rộn đời sống của Doree.

“Không, anh không làm bận rộn đời sống của em” Doree nói.

“Thật vậy không. Hay em nghĩ một đàng nói một đàng”

Thật ra Doree định nói nàng còn đời sống nào nữa đâu. Nhưng nàng vẫn quả quyết nàng có một đời sống để Lloyd yên tâm.

“Vậy thì tốt.” Lloyd nói

Ba tuần sau, bà Sands điện thoại.

“Doree! Cô về rồi hả? Tôi tưởng cô nghỉ hè chưa về”

“Vâng, tôi vừa về” Vừa trả lời Doree vừa nghĩ nếu bà Sands hỏi cô sẽ trả lời cô đi những đâu trong những ngày nghỉ.

“Vậy sao cô điện thoại hẹn gặp?”

“Mới về, tôi chưa định hẹn”

“Không sao. Tôi hỏi cho biết thôi. Cô khỏe mạnh chứ?”

“Vâng, tôi khỏe”

“Vậy thì tốt Khi nào cô thấy có nhu cầu chuyện trò thì cứ hẹn

gặp tôi”

“Vâng.”

“Bye!”

Bà Sands không nhắc đến Lloyd , cũng không hỏi xem Doree còn đến thăm Lloyd nữa không. Cũng phải . Vì Doree đã nói sẽ không đến thăm nữa. Tuy vậy bà Sands bèn nhay bà có thể đoán Doree đã đi thăm Lloyds, nhưng bà không hỏi nếu biết rằng câu hỏi sẽ làm cho Doree lúng túng. Doree chưa tìm ra cách trả lời nếu bà Sands hỏi. Doree sẽ nói dối là không đi thăm, hay thật cho bà Sands biết? Sự thật là, vào ngày Chủ nhật một tuần sau khi Doree nói với bà Sands cô không tha thiết gì thăm viếng thì cô đã đến thăm Lloyd. Lloyd bị cảm lạnh, không biết lây ở đâu. Lloyd nói có thể lây bởi Doree trong lần thăm trước, hay chỉ là sự “trở chứng” của Lloyd. Bệnh do “trở chứng” là chuyện lạ, nhưng Lloyd ưa dùng chữ như vậy Doree nghe đã quen. Doree ngạc nhiên nghe lại ngôn từ hai người vẫn dùng riêng với nhau.

“Anh khác trước lắm phải không ?” Lloyd hỏi

“Vâng, có khác .” Doree thận trọng trả lời, và nói tiếp “Qua thời gian ai không thay đổi. Sắc diện em cũng vậy phải không?”

“Em còn đẹp lắm” Lloyd nói một cách luyến tiếc

Doree cố đè nén sự xúc động.

“Em có cảm thấy em đã thay đổi thành một người khác không?” Lloyd hỏi tiếp.

“Em không biết chắc. Còn anh, anh thấy thế nào?”

“Hai ta đều thay đổi. Những ngày đẹp đã trôi vào quá khứ!” Lloyd kết luận.

Vào ngày cuối tuần Doree nhận được một phong thư gồm nhiều tờ giấy mỏng viết hai mặt gửi về sở làm. Thư của Lloyd. Ngạc nhiên vì Doree tưởng phạm nhân không có quyền viết thư .

Thư không đề ngày tháng và đi thẳng vào đề, ngay cả công thức “Doree thân mến” cũng không. Thư viết:

“Cuộc sống làm ai cũng bận rộn. Em cứ nhìn vào khuôn mặt

của mỗi người thì thấy. Tất tả ngược xuôi. Đi chợ, giặt áo quần, hớt tóc, đi làm, đi ra sở Xã hội lãnh tiền trợ cấp... Nghèo thì vậy, còn nhà giàu thì bận rộn nghĩ cách tiêu tiền. Làm sao xây nhà thật đẹp, xây đâu, ngay cả bận tâm tìm sắm các vòi nước trong nhà sao cho lạ, cho hơn nhà khác, và làm sao trang bị một hệ thống báo động thật hữu hiệu phòng kẻ gian.

Mấy hôm nay đầu anh nặng trĩu, như có tiếng ong vo ve trong đầu. Anh đập đầu vào sàn nhà hy vọng chết đi để chạy trốn hình phạt trời giáng xuống cho anh. Người ta trói anh lại chích thuốc an thần. Anh để yên cho người ta chích, không chống lại, biết chống lại cũng vô ích. Thế giới của con người thật nhiều tai ương. Uống rượu giải khuây, say, giết người để trấn áp những ý nghĩ đen tối trong đầu. Để rồi thấy mình điên hơn hay bình an trong vô cảm.

Bình an! Anh đang cảm thấy phần nào bình an. Đọc tới đây chắc em tưởng anh đã rửa tội theo Chúa hay quy y theo Phật. Không, anh không nhắm mắt để cho thần linh sai bảo. Anh chỉ biết anh đang ở trạng thái “Tự Biết Mình” và “Chỉ Tin Chính Mình”, hai điều hình như đều nằm trong Kinh Thánh. “Tự Biết Mình” không phải là một điều răn về luân lý, mà là một lời khuyên về động thái. Nhưng “động thái” không phải là điều anh quan tâm vì tòa án đã phán quyết một cách đùng đắn rằng anh là người không có khả năng kiểm soát động thái của mình, và đó là lý do tại sao hôm nay anh ở đây cách ly với thế giới con người.

Về chữ “Biết” trong “Tự Biết Mình” anh có thể quả quyết rằng anh biết anh. Anh biết anh có khả năng phạm tội ác đến mức độ nào và biết anh đã làm điều đó. Thế giới xem anh là một quái vật, và anh không có quyền tranh cãi. Không thể tranh cãi. Tuy nhiên buồn cười là kẻ giết hàng trăm ngàn người bằng bom bi, bom lửa, đốt cháy hàng trăm thành phố, tạo nên nạn đói giết hàng chục triệu người thì thường không bị kết tội là “quái vật” mà còn được huy chương. Trong thế giới chúng ta sống chỉ có tiểu sát thủ bị lên án, đại sát thủ thì không. Em nên hiểu rằng anh không lên án

ai, chỉ là đưa ra một nhận xét hiển nhiên.

Chữ “Mình” trong ‘Chỉ Biết Chính Mình’ thì anh biết anh là con quỉ của anh. Anh biết thế giới loài người xem con quỉ này dữ hơn những con quỉ dữ của người khác. Biết vậy, anh cảm thấy bình an, vì anh không còn quan tâm đến sự phán đoán của thế giới con người. Anh là anh, anh không là người khác. Anh có thể nói anh điên. Nhưng điên là gì? Tôi là tôi, lúc đó tôi là thế, và bây giờ tôi là vậy tôi không thể thay đổi tôi?

Doree! Đọc tới đây chắc cô chờ đợi một cái gì bí hiểm viễn vông hơn từ ngòi bút của tôi. Nhưng thôi, tôi không thể viết tiếp được. Chừng nào cô đến thăm may ra tôi sẽ nói với cô. Cô đừng cho tôi là ác. Viết được tôi đã viết. Chỉ vì tôi không thể viết được thôi. Tôi gửi thư này đến sở cô để cô thấy tôi chưa mất trí. Tôi còn có khả năng nhớ địa chỉ cô cho qua điện thoại”

Doree đọc đi đọc lại lá thư, Doree vẫn không hình dung được nếu gặp Lloyd cô sẽ nói gì về lá thư này. Có thể cô sẽ nói Lloyd không nên viết lảm nhảm như vậy.

Nhưng khi gặp Lloyd, anh không nói gì đến lá thư, tuồng như không có lá thư kia. Để bắt chuyện, Doree kể chuyện tại khách sạn cô làm việc vừa có một ca sĩ nổi tiếng hát nhạc bình dân ghé qua ở mấy ngày. Doree ngạc nhiên thấy Lloyd biết khá nhiều về cô ca sĩ nhờ xem truyền hình và đọc báo tại trại giam. Cô cứ tưởng phạm nhân không được xem được biết gì cả. Câu chuyện lòng vòng cho đến khi Doree không nín được.

“Chuyện anh nói anh không viết trong thư được ngoại trừ nói thẳng với tôi là chuyện gì vậy?”

Lloyd nói anh ước gì Doree đừng hỏi. Anh không biết đã đến lúc có thể nói chuyện đó với tôi không.

Doree bỗng cảm thấy sợ, sợ rằng điều Lloyd định nói là điều nàng không xử lý được, thí dụ như Lloyd nói Lloyd vẫn còn tha thiết yêu Doree. Yêu là danh từ nàng không thể xử lý nổi.

“Vâng anh” Doree nói “Có lẽ chưa thuận tiện thật!”

Nhưng bỗng đổi ý, Doree nói: “Anh nên nói đi. Biết đâu ra khỏi

đây tôi bị xe cán chết thì tôi không bao giờ biết điều anh muốn nói, và khi anh muốn cũng không còn ai để nói với.”

“Em có lý” Lloyd nói

“VẬY nói đi anh”

“Hẹn em lần tới” Lloyd hứa .

Chưa đi thăm Lloyd lại, Doree nhận được thư của Lloyd.

“Tôi nghĩ đến cô, ngay cả trong giấc ngủ từ hôm đó và buồn vì đã làm cô thất vọng. Khi cô ngồi trước mặt, tôi rất xúc động dù ngoài mặt làm tỉnh. Thật ra tôi không có quyền xúc động, cô mới là người có quyền xúc động. Nhưng cô biết kèm chế giễu hơn tôi. Vì vậy tôi thay đổi ý định, thay vì nói thẳng với cô, tôi viết thư ”

“Bắt đầu như thế nào nhỉ?

“ À, Thiên đường có thật. Bắt đầu bằng ý đó thì dễ vào câu chuyện tôi muốn nói với em, nhưng mâu thuẫn vì tôi vốn không tin có Thiên Đường hay Địa Ngục. Theo tôi đó là những ý niệm viễn vông.”

“Điều tôi muốn nói với em là tôi đã gặp lại các con. Tôi đã được gặp và nói chuyện với chúng”

“Em nghĩ gì? Chắc em lại nghĩ ảo giác đang ngự trị tôi. Hay chỉ là một giấc mộng và tôi không phân biệt nổi đâu là mộng, đâu là thật. Nhưng tôi đoán chắc với em rằng tôi biết phân biệt mộng và thật, và rằng các con chúng ta còn tồn tại. Tôi nói còn “tồn tại” chứ không phải “còn sống”, vì sống là sự hiện hữu của hình hài trong không gian 3 chiều. Không! các con chúng ta không còn sống trong không gian này, nhưng chúng còn tồn tại trong một không gian nhiều chiều khác, và tôi biết rằng tôi đã lọt vào chiều đó và gặp chúng. Có lẽ sự quán tưởng kiên trì của tôi về các con đã cho tôi khả năng lọt vào không gian huyền bí đó, nơi chúng ta gọi là ‘Cõi Âm’.”

“Đọc đến đây mà em chưa xé nát lá thư vạt vào sọt rác thì chắc em muốn biết các con bây giờ ra sao. Chúng ngoan và vui. Chúng không nhớ gì chuyện cũ và hình như lớn hơn ngày ấy. Dimitri

nói bập bẹ, hồi đó Dimitri chưa biết nói. Tôi loáng thoáng thấy chúng ở chung trong một căn phòng rộng và đẹp hơn phòng khách nhà chúng ta. Tôi hỏi ai săn sóc chúng, chúng cười nói không có ai cả, chúng tự săn sóc lấy. Hình như Sasha nói câu đó. Tôi không phân biệt được đứa nào nói cái gì vì lời và ý của chúng chập lên nhau. Nhưng tôi phân biệt được giọng và hình thù mỗi đứa. Và tôi thấy chúng thoải mái.”

“Em đừng cho tôi điên. Vì sợ em bảo là điên nên tôi đã do dự không dám nói thẳng cho em nghe. Tôi từng điên, nhưng tôi đã lột vỏ để trở về với chính mình và nhờ đó tôi đã tiếp cận được với Sasha, Barbara Ann và Dimitri ở cõi âm. Tôi ước gì em cũng có được ân phước đó. Điều này hoàn toàn có thể vì em tinh khiết hơn tôi về mọi mặt.”

Doree không biết bà Sands sẽ nghĩ gì nếu đọc thư này. Có lẽ bà không nói ngay Lloyd khủng, nhưng có thể bằng một cách gợi ý nhẹ nhàng nào đó bà muốn Doree nghĩ rằng Lloyd không bình thường. Hoặc bà chọn thái độ trung lập, chuyện trò thế nào để Doree tự tìm thấy kết luận. Nghĩ vậy Doree tránh không gặp bà Sands .

Trong thâm tâm Doree nghĩ Lloyd chưa dứt hẳn bệnh tâm thần, và qua lá thư Doree phảng phất thấy tính tự khoe cố hữu của Lloyd. Doree không trả lời thư của Lloyd. Doree cũng không nói với bất cứ ai về lá thư của Lloyd. Ngày tháng trôi qua, Doree vẫn nghĩ Lloyd có vấn đề, nhưng Doree không quên nội dung lá thư. Dần dần Doree cảm thấy bắt đầu biết cảm xúc với thế giới quanh mình. Thỉnh thoảng lúc đang lau kiếng hay kéo chăn phủ giường, Doree cảm thấy một cái gì dịu dàng len lén vào hồn. Trong hai năm qua Doree sống như vô cảm đối với những hiện tượng thiên nhiên trong khi người khác thấy đẹp như khi khí trời trở nên ấm áp, hoa nở rộ vào mùa Xuân hay mùi bánh nướng. .. Nhưng cái cảm giác êm dịu đang đến với Doree không liên quan gì đến bầu trời đẹp, hoa nở, mùi bánh nướng ... mà là cái cõi âm của Lloyd.

Từ biến cố đau thương ấy, Doree không chịu đựng được bất cứ gì liên quan đến các con. Nghe tên của chúng Doree phát điên thét lên như ai cầm dao đâm vào cổ nàng. Ngay cả giọng thỏ thẻ của trẻ em, tiếng chân trẻ con chạy quanh hồ bơi tại khách sạn đều làm cho Doree đau đớn tận cùng. Thế mà bây giờ nhờ lá chắn của “cõi âm” Doree không còn kinh sợ nghe thấy những gì nhắc nhở đến các con.

Ai đã cho Doree món quà vô giá đó? Lloyd! Lloyd – một người điên đang bị giam giữ – chính là người đã cứu nàng ra khỏi bể khổ chứ không phải bà Sands với những giờ ở văn phòng sở Xã Hội để được khuyên răn về ổn định cuộc sống.

Ừ thì cứ cho là điên, nhưng biết đâu những gì anh ấy nói là sự thật, biết đâu anh đã lọt được vào cõi âm, và có nhà thần học nào dám quả quyết những cuộc du hành vào không gian nhiều hơn ba chiều là điều không tưởng? Câu hỏi đó ám ảnh Doree và làm cho cô cảm thấy gần gũi Lloyd hơn. Cuộc đời cô bây giờ còn ai? Và nàng còn sống cũng chỉ để “đòi hỏi” Llyods lý giải hành động tàn ác của mình.

Chiếc xe buýt bon bon trên xa lộ đưa Doree đi thăm Lloyd. Nàng hồi tưởng những đêm sau khi mẹ mất nàng nói dối với Laurie – người bạn của mẹ săn sóc cô sau khi mẹ chết – để đi chơi với Lloyd. Ai còn nhớ tên và màu mắt các con ngoài Lloyd? Bà Sands mỗi lần nhắc đến chúng đã không dùng chữ “trẻ em” mà chỉ dùng chữ “gia đình cô” một cách chung chung. Doree nhớ lại nàng không cảm thấy tội lỗi khi nói dối với Laurie để đi chơi với Lloyd Nàng cho là định mệnh đã buộc nàng với Lloyd, và biết đâu nàng được sinh ra để sống với Lloyd? Dù cho nửa đường đứt gánh!

Doree ngồi ghé trước bên cạnh bác tài. Bác tài và Doree là hai người duy nhất trên xe thấy một xe tải nhỏ tốc độ cao từ một đường ngang phóng băng qua xa lộ, đâm vào cái hố cạnh đường. Người tài xế còn rất trẻ trông như một chú bé bị sức bắn tung ra

khỏi đầu xe nằm sóng soài trên một bãi đá bên bờ hồ .

Hành khách giật mình hoảng hốt khi bác tài đạp mạnh thắng xe. Sau tiếng kêu ken két, chiếc xe buýt ngừng hẳn. Bác tài bình tĩnh giải thích: “Có một chiếc xe vượt qua xa lộ đâm vào hồ trước mắt. Tôi sẽ tiếp tục hành trình sau khi làm những gì cần thiết. Xin quý khách đừng ra khỏi xe”

Nói xong bác mở cửa xuống xe. Doree cũng xuống xe đi sau lưng bác tài. Bác không phản đối. Trên mặt đất đầy đá cuội, chú tài bất tỉnh nằm sóng sượt, tay chân giang ra duỗi thẳng như người đã chết.

“Trên xa lộ 21, độ một mile, phía nam thị trấn Bayfield”. Bác tài nói với cảnh sát qua điện thoại cầm tay.

Dưới đầu chú tài, Doree thấy một vũng bọt màu hồng. Không phải máu, trông như nước trái strawberry khi đánh bằng máy quay để làm mát. Doree sờ vào ngực chú, ngực bất động. Doree dùng tay uốn vành tai mình để nghe cho rõ cũng không nghe thấy một chút dấu hiệu gì của sự sống. Khi sờ vào mạch máu cổ Doree thấy còn thoi thóp .

Doree nhớ Lloyd dặn rằng khi các con lỡ té tức ngực không thở được cần để ý cái lưỡi. Cái lưỡi có thể bị thụt vào chặn khí quản. Doree đặt một bàn tay lên trán chú tài, hai ngón tay của bàn tay kia chọc dưới cằm. Doree đè trán xuống và đẩy cằm lên giúp cho chú thở. Sau đó Doree làm hô hấp nhân tạo. Một bàn tay bóp mũi chú tài, hít một hơi dài thổi mạnh vào miệng. Thổi hai lần ngưng lại kiểm tra hơi thở rồi tiếp tục. Một thanh niên đi xe hai bánh ngừng lại mang đến một cái chăn hỏi có cần lót đầu cho chú bé không. Doree nói không. Lloyd từng dặn đừng đụng đập cái đầu có thể gây tổn thương cho cột sống. Doree thổi truyền hơi, chờ, rồi tiếp tục thổi . Mồ hôi ướt đầm đôi má ửng hồng của nàng. Bác tài đứng sau lưng nói gì Doree không nghe rõ. Bỗng Doree thấy nước da mặt chú tài thay đổi. Doree luồn tay vào ngực chú tài, tay run lên khi cảm thấy ngực chú tài chuyển động lên xuống nhịp nhàng .

“Anh ấy thở được rồi, sống rồi!” . Doree lấp bắp sung sướng báo tin cho người thanh niên cầm chăn, và bảo lấy chăn đắp lên người chú bé.

Cúi mình sau lưng Doree bác tài hỏi: “Thằng nhỏ còn sống hả?”

Doree gật đầu, ngón tay đặt lên cườm tay chú bé . Bọt màu hồng không chảy ra nữa. Chắc không phải là não.

“Tôi không chờ thêm được nữa” Bác tài nói “Trễ quá rồi.”

“Được bác cứ đi, tôi sẽ lo ở đây.” Người thanh niên đi xe hai bánh nói.

Doree muốn nói, quý vị đừng gây tiếng động. Đối với Doree lúc này không có gì quan trọng hơn là một không gian thật yên tĩnh để nuôi dưỡng hơi thở bèo bọt của chú bé.

“Cô nghe chứ” Bác tài nói “Người thanh niên nói anh ta lo được. Chúng ta đi thôi. Hơn nữa xe cứu thương cũng tới ngay bây giờ”

“Bác cứ đi đi” Doree nói, “Tôi sẽ theo xe cứu thương ra London, và chiều nay tôi sẽ đón xe bác trở về”

“Nhưng tôi không ra London”

“Bác cũng cứ đi đi!” Doree không ngược lên thấp giọng trả lời.

CÁC MẶT TRĂNG CỦA SAO MỘC



Nguyên tác: The Moons of Jupiter

Tôi tìm thấy ba tôi trong cánh bệnh viện về tim, ở tầng thứ tám của Bệnh Viện Đa Khoa Toronto. Ông nằm trong một phòng riêng hai giường. Giường kia trống. Ông nói bảo hiểm bệnh viện của ông chỉ trả một giường, và ông lo lắng ông có thể phải trả thêm tiền.

"Ba không bao giờ đòi một phòng riêng hai giường", ông nói.

Tôi cho ông biết có lẽ các phòng đều đầy hết.

"Không. Ba thấy một số giường trống khi họ đẩy ba đi ngang." "Vậy thì có lẽ vì ba cần phải gắn cái máy đó," tôi nói. "Ba đừng lo. Nếu họ tính thêm chi phí cho ba, họ sẽ cho ba biết."

"Có lẽ như vậy", ông nói. "Họ sẽ không muốn những người vô danh nào đó vào đây. Ba nghĩ ba được bảo hiểm cho vấn đề này."

Tôi nói chắc chắn là ông được.

Ngực của ông dán nhiều dây điện. Một màn hình nhỏ treo phía trên đầu nằm. Trên màn hình một đường răng cưa sáng được liên tục viết ra. Dòng viết kèm theo một tiếng bip điện tử lo lắng. Tình trạng trái tim của ông được thể hiện. Tôi cố gắng không để ý đến. Dường như đối với tôi sự chú ý cận kề như vậy - trong thực tế, làm cho bi thảm một hoạt động bí mật nhất - là đi tìm rắc rối. Bất cứ cái gì phơi bày ra theo cách đó có khuynh hướng bùng lên và phát điên.

Ba tôi không có vẻ bận tâm. Ông nói họ đã cho ông thuốc an thần. Con biết, ông nói, những viên thuốc hạnh phúc đó. Ông có vẻ bình tĩnh và lạc quan thật.

Đêm hôm trước là một câu chuyện khác. Khi tôi đưa ông vào bệnh viện, đến phòng cấp cứu, mặt ông đã nhợt nhạt và miệng

ông khép kín. Ông đã mở cửa xe, đứng lên và lặng lẽ nói, "Có lẽ tốt hơn con có thể lấy cho ba một chiếc xe lăn." Ông sử dụng một giọng nói mà ông luôn dùng trong cơn khủng hoảng. Một lần, ống khói của chúng tôi bị cháy, đó là vào một buổi trưa chủ nhật và tôi ở trong phòng ăn đang ghim một cái váy tôi may. Ông bước vào và nói cũng với giọng nói thực tế, cảnh báo là, "Janet. Con có biết bột làm cho bánh nở ở đâu không?" Ông muốn ném nó vào để dập tắt lửa. Sau đó, ông nói, "Ba đoán đó là lỗi tại con - may áo một ngày chủ nhật."

Tôi phải chờ hơn một giờ trong phòng chờ đợi cấp cứu. Họ cho gọi một chuyên gia tim mạch đang có mặt trong bệnh viện, một người đàn ông trẻ. Ông gọi tôi ra hành lang và giải thích với tôi rằng một trong những van tim của ba tôi đã bị suy thoái rất tệ đến độ phải cần một cuộc giải phẫu ngay lập tức.

Tôi hỏi ông cái gì sẽ xảy ra nếu không.

"Ông ấy phải nằm trên giường," bác sĩ nói.

"Bao lâu?"

"Có lẽ ba tháng."

"Tôi muốn nói là, ông sẽ sống được bao lâu?"

"Đó cũng là những gì tôi muốn nói," bác sĩ trả lời.

Tôi đến gặp ba tôi. Ông đang ngồi trên giường trong một góc sau bức màn. "Xấu, phải không con?", ông nói. "Ông có nói với con phần trên cái van không?"

"Không đến nỗi xấu, ba" tôi nói. Sau đó, tôi lặp đi lặp lại, thậm chí phóng đại, bất cứ điều gì hy vọng gì bác sĩ đã nói. "Ba không bị nguy hiểm ngay lúc này. Tình trạng thể chất của ba tốt, nếu không".

"Nếu không," ba tôi nói, ừ ừ.

Tôi mệt mỏi vì lái xe - chạy lên đến Dalglish, để đón ông, và trở lại Toronto từ buổi trưa - và lo lắng về việc trả lại chiếc xe thuê đúng thời hạn, và bực dọc bởi một bài báo tôi đã đọc trong một tạp chí tại phòng chờ đợi. Nó nói về một nhà văn khác, một người phụ nữ trẻ hơn, đẹp hơn, có thể tài năng hơn tôi. Tôi đã ở

bên Anh hai tháng và vì vậy tôi không nhìn thấy bài viết này trước đây, nhưng trong tâm trí tôi vừa chợt nghĩ là ba tôi có lẽ đã xem qua. Tôi có thể nghe ông nói, A, ba không thấy bài nào nói về con trong tạp chí Maclean. Và nếu ông đã đọc một cái gì đó về tôi ông sẽ nói, A, ba không nghĩ quá nhiều về bài viết đó. Giọng của ông sẽ hài hước và dễ dãi nhưng sẽ tạo ra trong tôi một tinh thần mơ mộng quen thuộc. Điều mà ông muốn nhắn với tôi rất đơn giản: Phải nỗ lực phấn đấu cho tiếng tăm, sau đó vì nó mà xin lỗi. Được hoặc không được, con vẫn bị khiển trách.

Tôi không ngạc nhiên bởi tin tức của bác sĩ. Tôi đã chuẩn bị để nghe một cái gì đó như vậy và hài lòng với bản thân đã tiếp nhận một cách bình tĩnh, giống như tôi sẽ hài lòng khi băng bó một vết thương hay nhìn xuống từ ban công không chắc của một tòa nhà cao. Tôi nghĩ, Phải, đúng lúc; phải có một cái gì đó, đây rồi. Tôi không cảm thấy bất cứ sự phản đối nào mà tôi có thể có hai mươi, thậm chí mười năm trước. Khi tôi nhìn thấy từ mặt ba tôi rằng ông đã cảm thấy - việc từ chối vụt lên trông ông sẵn sàng như thể ông ba mươi hay bốn mươi tuổi trẻ hơn - trái tim của tôi cứng lại, và tôi nói với một giọng vui vẻ, phiến não. "Rất nhiều nếu không, ba à" tôi nói.

Ngày hôm sau, ông trở lại bình thường.

Đó là những gì tôi đã nhận thấy. Ông nói rằng hình như ông cảm thấy bây giờ người bác sĩ trẻ có vẻ hơi quá háo hức để giải phẫu. "Một người thích sử dụng con dao", ông nói. Ông vừa chế giễu vừa khoe tiếng lóng của bệnh viện. Ông nói một bác sĩ khác đã khám nghiệm ông, một người đàn ông lớn tuổi hơn, và đã cho biết ý kiến của ông là nghỉ ngơi và uống thuốc có thể là giải pháp.

Tôi không hỏi giải pháp gì.

"Ông nói ba có một van bị hỏng, đúng vậy. Chắc chắn là có vài thiệt hại. Họ muốn biết nếu ba đã bị sốt phong thấp lúc nhỏ. Ba nói ba không nghĩ vậy. Nhưng lúc đó phân nửa thời gian ba không được chẩn đoán bệnh ba đã có. Ba của ba không phải là người để đi tìm bác sĩ."

Những tư tưởng về thời thơ ấu của ba tôi, mà tôi luôn luôn hình dung âm đạm và nguy hiểm - trang trại nghèo, các chị em sợ hãi, người cha khắc nghiệt - làm cho tôi khó chấp nhận cái chết gần kề của ông. Tôi nghĩ đến lúc ông bỏ nhà đi để làm việc trong các tàu thuyền trên hồ, chạy dọc theo đường rầy xe lửa, hướng về Goderich, trong ánh sáng ban tối. Ông thường kể về chuyến đi này. Một nơi nào đó dọc theo đường rầy, ông tìm thấy một cây mộc qua. Cây mộc qua rất hiếm trên phần đất nước của chúng tôi; trong thực tế, tôi chưa bao giờ thấy cây nào. Cũng chưa tìm thấy được cây mà ba tôi đã gặp, mặc dù có một lần ông đã chở chúng tôi đi một chuyến thám hiểm để tìm nó. Ông nghĩ rằng ông biết ngã tư ở gần đó, nhưng chúng tôi không thể tìm thấy. Ông không thể ăn được trái, tất nhiên, nhưng ông đã bị ấn tượng bởi sự tồn tại của nó. Điều đó khiến ông nghĩ rằng ông đã bước vào một phần mới của thế giới.

Đứa trẻ trốn thoát, người sống sót, một ông già bị kẹt ở đây vì trái tim hỏng. Tôi không theo đuổi những ý nghĩ đó. Tôi không quan tâm nhớ đến những thời trẻ của ông. Ngay cả phần ngực trần của ông, dày và trắng - ông có cơ thể của một người lao động của thế hệ ông, hiếm khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời - là mối nguy hiểm cho tôi; nó trông rất mạnh mẽ và trẻ trung. Chiếc cổ nhăn nheo, bàn tay và cánh tay đầy tàn nhang với tuổi, cái đầu hẹp, lịch sự, với mái tóc và ria mép thưa thớt bạc màu, là những gì mà tôi quen thuộc hơn.

"Bây giờ, tại sao ba muốn mình giải phẫu?" Ba tôi nói một cách hợp lý. "Hãy nghĩ đến những nguy cơ ở tuổi của ba, và để làm gì? Một vài năm ở bên ngoài. Ba nghĩ điều tốt nhất cho ba là về nhà và nghỉ ngơi. Chịu thua một cách nhẹ nhàng. Đó là tất cả những gì con có thể làm, ở độ tuổi ba. Thái độ của mình thay đổi, con biết không. Mình trải qua vài thay đổi về tinh thần. Nó có vẻ tự nhiên hơn."

"Cái gì tự nhiên, ba?" Tôi nói.

"A, cái chết. Mình không thể có cái gì tự nhiên hơn. Không, ba

muốn nói, một cách cụ thể, là sẽ không giải phẫu."

"Điều đó có vẻ tự nhiên hơn sao ba?"

"Đúng."

"Tùy ba," tôi nói, nhưng tôi đã chấp nhận. Đó là điều tôi mong đợi ở ông. Bất cứ lúc nào tôi nói với ai về ba tôi, tôi nhấn mạnh tánh độc lập, tự túc, nhẫn nại của ông. Ông làm việc trong một nhà máy, ông làm việc trong khu vườn của ông, ông đọc sách lịch sử. Ông có thể kể về những vị hoàng đế La Mã hay các cuộc chiến tranh Balkan. Ông không bao giờ ồn ào.

Judith, con gái nhỏ của tôi đã đến gặp tôi ở Phi Trường Toronto hai ngày trước. Cô đi cùng Don, người bạn trai cô đang sống chung với. Họ lái xe đi Mexico vào buổi sáng, và trong khi tôi ở Toronto tôi đến ở trong căn hộ của họ. Hiện giờ, tôi sống ở Vancouver. Đôi khi tôi nói trụ sở chính của tôi là Vancouver.

"Nichola đâu?" Tôi hỏi, nghĩ ngay đến một tai nạn hoặc uống quá liều thuốc. Nichola là con gái lớn của tôi. Cô từng là một sinh viên Nhạc Viện, sau đó cô trở thành một cô hầu bàn lo rượu, sau cùng cô không có việc làm. Nếu cô đã có mặt tại sân bay, tôi có lẽ sẽ nói một cái gì đó sai. Tôi có thể sẽ hỏi về những kế hoạch của cô, và cô sẽ vuốt lại mái tóc của mình một cách duyên dáng và hỏi lại: "Kế hoạch?" - Như thế đó là một từ ngữ tôi đã chế ra.

"Con biết điều đầu tiên mẹ sẽ hỏi là về Nichola," Judith nói.

"Không phải. Mẹ nói chào các con và mẹ -"

"Chúng con lấy túi xách cho mẹ", Don nói một cách trung lập.

"Chị ấy khỏe chứ?"

"Con chắc chắn chị ấy khỏe," Judith cho biết, tạo ra một vẻ đùa vui.

"Mẹ sẽ không giống như vậy nếu con là người không có ở đây."

"Tất nhiên là mẹ sẽ như vậy."

"Mẹ sẽ không như vậy. Nichola là con cưng của gia đình. Mẹ biết, chị ấy lớn hơn con bốn tuổi."

"Mẹ cần biết."

Judith nói cô không biết chính xác Nichola ở đâu. Cô nói

Nichola đã dọn ra khỏi căn hộ của cô (một ổ rác!) và cô ấy thực sự có gọi điện thoại (thật là cả một thỏa thuận, bạn có thể nói, Nichola gọi điện thoại) để nói cô muốn được biệt lập trong một thời gian nhưng cô không sao cả.

"Con nói với chị ấy là mẹ sẽ lo lắng," Judith nói một cách tử tế hơn trên đường đi đến xe van của họ. Don đi trước mang va li của tôi. "Nhưng mẹ đừng lo. Chị ấy không sao, tin con đi."

Sự hiện diện của Don khiến tôi không thoải mái. Tôi không thích anh ta nghe những điều này. Tôi nghĩ đến các cuộc trò chuyện giữa Don và Judith. Hoặc Don và Judith và Nichola, bởi vì Nichola và Judith đôi khi có quan hệ tốt. Hoặc Don và Judith và Nichola và những người khác mà thậm chí tôi không biết tên. Họ có thể sẽ nói về tôi. Judith và Nichola so sánh các ghi nhận, những giai thoại liên quan; phân tích, hối hận, đổ lỗi, tha thứ. Tôi ước gì tôi đã có một đứa con trai và một đứa con gái. Hoặc hai đứa con trai. Họ sẽ không làm như vậy. Con trai sẽ không có thể biết quá nhiều về tôi.

Tôi cũng đã làm điều tương tự ở tuổi đó. Khi tôi ở tuổi Judith bây giờ, tôi nói chuyện với bạn bè trong nhà ăn trường đại học hoặc, đêm khuya, vừa uống cà phê trong những căn phòng rẻ tiền của chúng tôi. Khi tôi ở tuổi Nichola bây giờ, tôi đã có Nichola nằm trong một cái nôi nhỏ có thể mang theo hoặc bế nó trong lòng tôi, và tôi thường uống cà phê suốt các buổi chiều mưa ở Vancouver với một người bạn hàng xóm, Ruth Boudreau, cô ấy đọc rất nhiều và hoang mang với hoàn cảnh của cô, như tôi vậy. Chúng tôi nói chuyện về cha mẹ, tuổi thơ, mặc dù trong một thời gian không đề cập đến hôn nhân của chúng tôi. Chúng tôi đối xử với cha mẹ tận tâm thế nào, lên án cuộc hôn nhân của họ, tham vọng sai lầm của họ hoặc sợ hãi tham vọng, chúng tôi đã xếp tất cả lại đằng hoàng thế nào, xác định chúng để không có một thay đổi nào có thể xảy ra. Cả một giả thuyết.

Tôi nhìn Don đi phía trước. Một anh chàng cao lớn, vẻ khổ hạnh, đội một kết Thánh Phanxicô trên mái tóc đen, một rìa râu

gọn gàng. Anh có quyền gì để nghe nói về tôi, để biết những điều chính bản thân tôi có lẽ đã quên? Tôi quyết định rằng râu và kiểu tóc của anh bị ảnh hưởng.

Một lần, khi các con tôi còn nhỏ, ba tôi nói với tôi: "Con biết những năm con còn trẻ - A, tất cả đó chỉ là một bóng mờ đối với ba. Ba không thể phân biệt năm này với năm kia." Tôi cảm thấy bị xúc phạm. Tôi nhớ mỗi năm riêng biệt với nỗi đau và rõ ràng. Tôi có thể nói tôi bao nhiêu tuổi khi tôi đi ra nhìn những váy dạ hội trong cửa tiệm Quần Áo Phụ Nữ Benbow. Mỗi tuần suốt mùa đông một chiếc váy mới, nổi bật bằng kim tuyến và vải lưới, mau hồng và hoa cà, ngọc xanh, thủy tiên vàng - và tôi như một tín đồ ngoan đạo lạnh cóng trên vỉa hè ướt tuyết. Tôi có thể nói tôi bao nhiêu tuổi khi tôi giả mạo chữ ký của mẹ tôi trong một bản báo cáo xấu, khi tôi bị bệnh sởi, khi chúng tôi dán đầy giấy phòng phía trước. Nhưng những năm mà Judith và Nichola còn nhỏ, khi tôi sống với cha của các con - đúng, mờ nhạt là từ ngữ dành cho thời gian này. Tôi nhớ treo tã ra, mang vào và gấp tã lại; tôi có thể nhớ các quầy bếp của hai ngôi nhà và nơi để giỏ quần áo. Tôi nhớ những chương trình truyền hình - Popeye Sailor, The Three Stooges, Funorama. Khi đến giờ xem Funorama, đó là lúc để bật đèn lên và nấu bữa ăn tối. Nhưng tôi không thể phân biệt những năm đó. Chúng tôi sống bên ngoài Vancouver ở một vùng ngoại ô ký túc xá: Dormir, Dormer, Dormouse - một cái tên gì như vậy. Lúc đó, tôi luôn luôn buồn ngủ, mang thai làm tôi buồn ngủ, và những cử bú ban đêm, và cơn mưa vùng Bờ Biển Phía Tây. Cây bách hương đen nhỏ giọt, cây nguyệt quế bóng láng nhỏ giọt; người vợ ngáp, ngủ trưa, đi chơi, uống cà phê, và gấp tã; người chồng về nhà ban đêm từ thành phố phía bên kia bờ. Mỗi đêm tôi hôn người chồng trở về trong chiếc áo Burberry ướt sũng và hy vọng anh có thể đánh thức tôi dậy; tôi dọn món thịt và khoai tây và một trong bốn loại rau mà anh cho phép. Anh ăn một cách ngon miệng ồn ào, sau đó ngủ thiếp đi trên ghế dài ở phòng khách. Chúng tôi ở tuổi đôi mươi nhưng đã trở thành một

cặp trong phim hoạt hình tuổi trung niên nhiều hơn là khi chúng tôi sẽ sống đến thời điểm đó.

Những năm khó khăn là những năm con cái sẽ nhớ suốt đời. Những góc sân tôi chưa bao giờ đến sẽ luôn ở trong đầu của nó.

"Nichola không muốn gặp mẹ sao?" Tôi hỏi Judith.

"Thường chị ấy không muốn gặp ai hết", cô nói. Judith đi lên phía trước và chạm vào tay của Don. Tôi biết cử chỉ này – biểu hiệu một xin lỗi, một an tâm lo lắng. Cô sờ một người đàn ông như vậy để nhắc nhở anh là cô cảm ơn, là cô biết anh đang làm một cái gì đó vì cô, mà anh cảm thấy phiền hoặc hơi đe dọa nhân phẩm của anh. Nó làm cho tôi cảm thấy già hơn các cháu nếu nhìn thấy con gái tôi chạm vào một người đàn ông - một cậu bé - như vậy. Tôi cảm thấy nổi bần chồn buồn bã, có thể đoán được sự quan tâm dịu dàng của cô. Đứa con thẳng thắn, lùn và mập, tóc vàng và công bình của tôi. Tại sao tôi nghĩ cô sẽ không nhạy cảm, mà sẽ luôn luôn chân thật, nặng nề, tự tin? Cũng giống như tôi đi khắp nơi nói rằng Nichola ranh mãnh và cô độc, lạnh lùng, quyến rũ. Nhiều người phải biết những điều đó sẽ mâu thuẫn với những gì tôi nói.

Buổi sáng Don và Judith lên đường đi Mexico. Tôi quyết định muốn gặp ai đó không liên hệ đến tôi, và không mong đợi bất cứ điều gì đặc biệt ở tôi. Tôi gọi một người yêu cũ, nhưng điện thoại của anh được trả lời bằng một cái máy: "Đây là Tom Shepherd. Tôi sẽ vắng mặt nguyên tháng chín. Xin vui lòng để lại tin nhắn, tên và số điện thoại."

Giọng nói của Tom nghe có vẻ rất dễ chịu và quen thuộc đến độ tôi mở miệng để hỏi anh ý nghĩa của sự điên rồ này. Sau đó, tôi gác máy. Tôi cảm thấy như thể anh đã cố tình bỏ rơi tôi, như thể chúng tôi đã dự định gặp nhau ở một nơi công cộng và sau đó anh không xuất hiện. Một lần, anh đã làm như vậy, tôi nhớ.

Tôi rót một ly rượu vermouth, mặc dù chưa phải là giờ trưa, và tôi gọi điện cho ba tôi.

"A, thật là ngẫu nhiên", ông nói. "Mười lăm phút nữa là con sẽ

hụt ba rồi."

"Ba đi xuống phố?"

"Xuống phố Toronto."

Ông giải thích là ông sẽ đi bệnh viện. Bác sĩ của ông ở Dalglish muốn các bác sĩ ở Toronto khám nghiệm ông, và đã đưa cho ông một lá thư gửi cho họ trong phòng cấp cứu.

"Phòng cấp cứu?" Tôi hỏi.

"Không phải một trường hợp khẩn cấp. Ông chỉ có vẻ nghĩ rằng đây là cách tốt nhất để giải quyết. Ông biết tên của một đồng nghiệp ở đó. Nếu ông lấy cho ba một buổi hẹn, nó có thể mất vài tuần."

"Bác sĩ có biết là ba sẽ lái xe đi Toronto không?" Tôi hỏi. "A, ông không có nói là ba không thể."

Kết quả sau cùng của chuyện này là tôi thuê một chiếc xe, lái đi Dalglish, chở ba tôi trở lại Toronto, và đưa ông vào phòng cấp cứu lúc bảy giờ tối hôm đó.

Trước khi Judith rời nhà tôi nói với cô, "Con chắc chắn Nichola biết mẹ đang ở đây?"

"Có, con có nói với chị ấy", cô nói.

Đôi khi điện thoại reo lên, nhưng đó luôn luôn là một người bạn của Judith.

"Tốt! Có vẻ như ba sẽ giải phẫu," ba tôi nói. Đó là vào ngày thứ tư. Ông đã thay đổi hoàn toàn qua đêm. "Có vẻ như tốt hơn là ba nên làm."

Tôi không biết ông sẽ muốn tôi nói cái gì. Tôi nghĩ có lẽ ông nhìn tôi để có một phản đối, một cố gắng để ngăn cản ông.

"Khi nào họ sẽ làm chuyện đó?" Tôi hỏi.

"Sau ngày mai."

Tôi nói tôi cần đi nhà vệ sinh. Tôi đến phòng y tá và tìm thấy một người phụ nữ tôi nghĩ là y tá trưởng. Cô có mái tóc màu bạc, tử tế, và vẻ nghiêm trọng.

"Có phải là ba tôi sẽ giải phẫu sau ngày mai không?" Tôi hỏi. "Ồ, đúng vậy."

"Tôi chỉ muốn nói chuyện với ai đó về vấn đề này. Tôi nghĩ đã có một quyết định cuối cùng là tốt hơn ông không nên. Tôi nghĩ đó là vì tuổi của ông."

"Nhưng, đó là quyết định của ông và của bác sĩ." Cô ấy mỉm cười với tôi bình thản. "Thật khó để lấy các quyết định này."

"Những thứ nghiệm của ông thế nào?"

"A, tôi không nhìn thấy tất cả."

Tôi chắc chắn cô đã có xem. Sau một lúc, cô nói, "Chúng ta cần phải thực tế. Nhưng các bác sĩ ở đây rất tốt."

Khi tôi quay trở lại vào phòng, ba tôi nói, bằng một giọng ngạc nhiên, "Biển không bờ."

"Ba nói cái gì?" Tôi nói. Tôi tự hỏi nếu ông đã phát hiện ra bao nhiêu thời gian hay ít hơn ông có thể hy vọng. Tôi tự hỏi nếu những viên thuốc đã đưa ông vào một trạng thái phờ phạc không đáng tin cậy. Hoặc nếu ông muốn chơi trò đố đen. Một lần, khi ông nói chuyện với tôi về cuộc đời của ông, ông nói: "Vấn đề là ba luôn luôn sợ lấy cơ hội."

Tôi hay kể với mọi người là ông không bao giờ nói một cách tiếc nuối về cuộc đời ông, nhưng đó không đúng sự thật. Chỉ là vì tôi không lắng nghe. Ông nói phải chi ông gia nhập Quân Đội như một thương gia - ông sẽ khá hơn. Ông nói phải chi ông tự lập, như một người thợ mộc, sau chiến tranh. Phải chi ông rời khỏi Dalglish. Một lần, ông nói, "Một cuộc sống lãng phí, phải không?" Nhưng ông nói chỉ cho vui về ông thôi, bởi vì nó quá bi đát để nói. Khi ông trích dẫn thơ, cũng vậy, ông luôn có một vẻ nhạo báng trong giọng nói, để che đậy sự phô trương và niềm vui.

"Biển không bờ", ông nói một lần nữa. "Phía sau ông là vùng đảo Azores màu xám / Đằng sau các Cửa của Hercules / Phía trước ông chỉ là những biển không bờ. Đó là những gì diễn ra trong đầu của ba đêm qua. Nhưng con có nghĩ ba có thể nhớ loại biển gì không? Ba không thể. Biển cô đơn? Biển trống? Ba đã đi đúng hướng nhưng ba vẫn không thể nhớ ra được. Nhưng lúc

bảy giờ khi con bước vào phòng và ba không hề suy nghĩ đến nó nữa, từ ngữ xuất hiện trong đầu ba. Luôn luôn là như vậy, phải không con? Thật không hẳn tất cả đều đáng ngạc nhiên. Ba hỏi tâm trí của ba một câu hỏi. Câu trả lời ở đó, nhưng ba không thể nhìn thấy tất cả các kết nối mà tâm trí thực hiện để có được nó. Giống như một máy vi tính. Không có gì bên ngoài hết. Con biết, trong trường hợp của ba điều này đúng, nếu có bất cứ điều gì con không thể giải thích ngay lập tức, có một sự cảm dỗ lớn để biến nó thành cả một bí ẩn. Có một sự cảm dỗ lớn để tin vào - Con biết."

"Linh hồn?" Tôi nói, một cách nhẹ nhàng, cảm thấy một cơn vội vã kinh khủng của tình thương và chấp nhận.

"Ồ, ba đoán con có thể gọi như vậy. Con biết, khi ba mới bước vào phòng này có một đồng sách báo ở đây bên giường. Ai đó đã bỏ lại - một trong những loại báo lá cải ba không bao giờ đặt mắt tới. Ba bắt đầu đọc. Ba sẽ đọc bất cứ cái gì. Có một loạt bài đăng trong đó về những kinh nghiệm cá nhân của những người đã chết, nói một cách y tế - chủ yếu là tim ngừng đập - và đã được đưa trở lại cuộc sống. Đó là những gì họ nhớ về thời gian khi họ đã chết. Kinh nghiệm của họ."

"Ba thấy thú vị hay không?" Tôi hỏi.

"Ồ, thú vị. Ồ có chứ. Họ bay lên trần nhà rồi nhìn xuống chính họ và thấy các bác sĩ đang làm việc trên thân xác của họ. Sau đó họ bay xa hơn và nhận ra một số người mà họ biết đã chết trước họ. Không hẳn họ nhìn thấy những người đó chính xác nhưng giống như cảm nhận được họ. Đôi khi như có một tiếng ồn ào và đôi khi như có một ánh sáng hoặc màu sắc xung quanh một người?"

"Hào quang?"

"Đúng. Nhưng không có người. Đó là tất cả những gì họ cảm nhận được trong thời gian ấy, sau đó họ thấy mình trở lại trong cơ thể và cảm thấy tất cả nỗi đau sinh tử và tiếp theo đó - họ đã trở lại với cuộc sống".

"Ba thấy nó có vẻ thuyết phục không?"

"Ồ, ba không biết. Tất cả chỉ tùy theo con có muốn tin điều này hay không thôi. Và nếu con sẽ tin, hay nghiêm túc, ba nghĩ con nên nhìn tất cả mọi vấn đề khác một cách nghiêm trọng mà họ in ra trong những sách báo này."

"Họ còn nói những gì khác nữa?"

"Những chuyện vô lý - phương pháp chữa trị ung thư, chữa trị chứng hói đầu, chuyện đau bụng về thể hệ trẻ và những người ăn tiền xã hội. Những tin nhảm về ngôi sao điện ảnh." "Ồ, có. Ba biết."

"Trong trường hợp của ba, con cần phải để ý", ông nói, "còn không con sẽ bắt đầu tự đánh lừa con." Sau đó, ông nói, "Có một vài chi tiết thực tế chúng ta cần phải giải quyết," và ông nói với tôi về di chúc của ông, ngôi nhà, miếng đất ở nghĩa trang. Tất cả mọi thứ đều đơn giản.

"Ba có muốn con gọi điện cho Peggy?" Tôi hỏi. Peggy là em gái tôi. Cô kết hôn với một nhà thiên văn học và sống tại thành phố Victoria.

Ông có nghĩ về điều đó. "Ba nghĩ chúng ta phải nói với họ," cuối cùng ông nói. "Nhưng nói với họ đừng lo sợ."

"Dạ được rồi."

"Không, chờ một phút. Sam phải đi dự một hội nghị vào cuối tuần này, và Peggy dự định đi cùng với anh ta. Ba không muốn họ thắc mắc về việc thay đổi kế hoạch của họ."

"Ba có biết hội nghị ở đâu không?"

"Amsterdam", ông hãnh diện nói. Ông rất tự hào về Sam, và theo dõi những cuốn sách và bài viết của anh ấy. Ông sẽ chọn lên một cuốn và nói, "Hãy nhìn xem, con thấy không? Và ba không thể hiểu một chữ nào trong đó!" với một giọng kinh ngạc vừa hàm chứa một vẻ chế giễu.

"Giáo sư Sam", ông sẽ nói. "Và ba đứa bé Sams." Đó là cách ông gọi mấy đứa cháu trai của ông, chúng thật giống cha trong trí não và gần như trong cách huênh hoang dễ mền - một sự khoe

khoan ngây thơ đầy năng lượng. Họ đi học ở một trường tư với kỷ luật thời xưa và bắt đầu học toán ở lớp năm. "Và những con chó", ông có thể liệt kê thêm, "đã học được cách vâng lời ở trường. Và Peggy..."

Nhưng nếu tôi nói, "Ba có cho rằng cô ấy cũng đã vâng lời khi đi học không?" Ông sẽ ngưng trò chơi ngay. Tôi tưởng tượng khi ông gặp Sam và Peggy ông nói về tôi cùng một cách - ám chỉ tánh yếu đuối của tôi như ông ám chỉ tánh buồn tẻ của họ, nói những chuyện đùa nhẹ nhàng về tôi, không hoàn toàn che giấu sự ngạc nhiên của ông (hoặc ông giả vờ không che giấu) rằng người ta trả tiền cho những bài tôi viết. Ông phải làm như vậy để ông không bao giờ có vẻ khoe khoang, nhưng ông sẽ ngưng ngay lại khi nói đùa quá lố. Và tất nhiên là tôi tìm thấy sau đó, trong nhà, những thứ của tôi ông đã giữ - một vài tạp chí, báo cắt, những thứ tôi không bao giờ bận tâm đến.

Bây giờ những ý nghĩ của ông di chuyển từ gia đình của Peggy đến gia đình tôi. "Con có tin tức gì của Judith không?", ông hỏi.

"Chưa có, Ba."

"A, còn khá sớm. Họ có định ngủ trong xe không?" "Dạ có."

"Ba đoán cũng đủ an toàn, nếu họ dừng lại ở đúng nơi."

Tôi biết ông sẽ phải nói cái gì đó nữa và đó sẽ như là một lời nói đùa.

"Ba đoán họ đặt một tấm bảng ở chính giữa, như những người tiên phong?" Tôi mỉm cười nhưng không trả lời.

"Ba hiểu là con không có phản đối?"

"Dạ không," tôi nói.

"Tốt, ba cũng luôn tin như vậy. Không bao giờ xen vào chuyện của con cái. Ba cố gắng không nói gì hết. Ba không bao giờ nói gì hết khi con chia tay với Richard."

"Ba muốn nói cái gì? Chỉ trích?"

"Đó không phải là chuyện của ba."

"Không,"

"Nhưng điều đó không có nghĩa là ba hài lòng."

Tôi ngạc nhiên - không chỉ ở những gì ông nói nhưng ở cảm giác của ông rằng ông có quyền, ngay cả bây giờ, để nói. Tôi phải nhìn ra ngoài cửa sổ và xuống giao thông để tự kiểm soát.

"Ba chỉ muốn con biết," ông nói thêm.

Đã lâu lắm, ông nói với tôi một cách nhẹ nhàng, "Thật buồn cười. Richard khi lần đầu tiên ba gặp anh ta nhắc ba nhớ đến những gì ba của ba thường nói. Ông đã nói nếu người đó thông minh phân nửa như anh ta nghĩ, thì anh ta thông minh gấp đôi hơn sự thật."

Tôi quay lại để nhắc ông về điều này, nhưng thấy mình nhìn vào dòng trái tim của ông đang viết. Không phải như là có điều gì không ổn, một sự khác biệt trong tiếng bíp và điểm. Nhưng nó có ở đó.

Ông thấy nơi tôi đang nhìn. "Lợi thế không công bằng", ông nói.

"Có chứ," tôi nói. "Con cũng sẽ đòi được gắn vào máy nữa."

Chúng tôi cười, chúng tôi hôn nhau đàng hoàng; tôi rời khỏi phòng. Ít nhất ông đã không hỏi tôi về Nichola, tôi nghĩ.

Buổi chiều hôm sau tôi không đến bệnh viện, vì ba tôi cần làm một số thử nghiệm nữa, để chuẩn bị cho cuộc giải phẫu. Thay vào đó tôi sẽ gặp ông vào buổi tối. Tôi thấy mình lang thang qua các cửa tiệm, thử quần áo trên đường Bloor. Một mối bận tâm với thời trang và dáng người của tôi đã xâm nhập vào tôi như một cơn đau đầu dữ dội. Tôi nhìn những người phụ nữ trên đường phố, nhìn các quần áo trong cửa hàng, cố gắng khám phá một chuyển đổi nào có thể thực hiện được với những gì tôi sẽ phải mua. Tôi nhận ra tại sao có nỗi ám ảnh này nhưng rất khó khăn để loại nó đi. Có người đã nói với tôi rằng chờ đợi tin tức về sự sống-hay-chết, họ đã đứng trước một tủ lạnh mở ra ăn bất cứ cái gì họ thấy - khoai tây luộc lạnh, tương ớt, cả chén kem. Hoặc họ không thể ngừng chơi những trò giải ô chữ. Chú ý thu hẹp vào một cái gì đó - vài giải trí - nắm lấy, trở nên nghiêm túc một cách điên cuồng. Tôi lục tìm quần áo trên các mắc áo, mặt thử vào

trong phòng thay đồ nhỏ nóng bức trước tấm gương tàn nhẫn. Tôi đổ mồ hôi, một hoặc hai lần tôi nghĩ tôi có thể ngất xỉu. Trở ra đường lại, tôi biết tôi cần phải rời khỏi con đường Bloor, và quyết định đi đến viện bảo tàng.

Tôi nhớ một thời điểm khác, ở Vancouver. Đó là khi Nichola vào mẫu giáo và Judith là một em bé. Nichola đã đi gặp bác sĩ vì bị cảm, hoặc có thể để kiểm tra sức khỏe thường xuyên, và thử nghiệm máu cho thấy một cái gì đó về bạch huyết cầu - hoặc là số lượng quá nhiều hoặc là nó to hơn bình thường. Bác sĩ đòi thử nghiệm thêm, và tôi đã mang Nichola đến bệnh viện để làm. Không ai đề cập đến bệnh bạch cầu nhưng tôi biết, tất nhiên, những gì họ đang tìm kiếm. Khi tôi cho Nichola về nhà tôi nhờ người giữ Judith ở lại buổi chiều và tôi đi mua sắm. Tôi mua chiếc váy táo bạo nhất mà tôi chưa từng có, một áo lụa màu đen với những sợi dây được sắp xếp cột lại ở phần trên phía trước. Tôi nhớ buổi chiều mùa xuân tươi sáng đó, đôi giày gót nhọn trong cửa tiệm, đồ lót in với những đốm con báo.

Tôi cũng nhớ lúc về nhà từ Bệnh Viện St Paul qua Cầu Lions Gate trên chiếc xe buýt đông người và bé Nichola trên đầu gối. Bé đột nhiên nhớ tên gọi cây cầu bằng tiếng trẻ thơ và thì thầm với tôi: "Cầu - qua cầu." Tôi không tránh né chạm vào con tôi - Nichola mảnh mai và duyên dáng ngay cả lúc đó, với một cái lưng đẹp và tóc mịn đen - nhưng nhận ra tôi chạm vào bé với một sự khác biệt, mặc dù tôi không nghĩ có thể hiểu được bao giờ là cái gì. Có một sự chăm sóc - không phải chính xác là một sự rút lui nhưng một chăm sóc - mà tôi không cảm thấy gì nhiều. Tôi thấy các hình thức của tình thương có thể được duy trì như thế nào với một người bị kết án nhưng với tình thương trong thực tế được đo lường và kỷ luật, bởi vì bạn cần phải tồn tại. Nó có thể thực hiện thật kín đáo để đối tượng được chăm sóc như vậy sẽ không nghi ngờ, cũng như không để bé nghi ngờ bản án của cái chết. Nichola không biết, sẽ không bao giờ biết. Đồ chơi và những nụ hôn và những trò đùa sẽ ào đến bao phủ cho bé, bé sẽ không

bao giờ biết, mặc dù tôi lo lắng bé sẽ cảm thấy ngọn gió thổi giữa các vết nứt của những ngày nghỉ lễ được chế tạo, những ngày bình thường được chế tạo. Nhưng tất cả đều tốt. Nicholas không có bệnh bạch cầu. Cô lớn lên - vẫn còn sống, và có thể hạnh phúc. Biệt lập.

Tôi không thể nghĩ ra bất cứ cái gì trong bảo tàng mà tôi thực sự muốn xem, vì vậy tôi đi ngang qua và vào hành tinh hệ. Tôi chưa bao giờ đến đây. Chương trình sẽ bắt đầu trong mười phút. Tôi đi vào trong, mua vé, xếp hàng. Có cả một lớp toàn học sinh, có thể vài lớp, với các giáo viên và bà mẹ tình nguyện đi theo. Tôi nhìn xung quanh để xem nếu có người lớn nào khác đi một mình. Chỉ có một thôi - một người đàn ông với khuôn mặt đỏ và đôi mắt sưng húp, trông như thể ông nên vào đây để khởi đi đến một quán rượu.

Bên trong, chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế thoải mái tuyệt vời được nghiêng về phía sau để nằm xuống như trong một loại võng, chú ý hướng đến vòm trần nhà, nó nhanh chóng chuyển màu xanh đậm, với một vành ánh sáng mờ nhạt xung quanh. Âm nhạc tuyệt diệu, chỉ huy trỗi lên. Người lớn chung quanh nhắc nhở các em giữ im lặng, cố gắng không làm ồn với những túi khoai tây sột soạt của họ. Sau đó, tiếng nói của một người đàn ông, một giọng nói chuyên nghiệp hùng hồn, bắt đầu nói chậm chạp, xuất phát từ những bức tường. Giọng nói nhắc nhở tôi một chút về cách xưng ngôn viên đài phát thanh sử dụng để giới thiệu một tác phẩm âm nhạc cổ điển hoặc mô tả sự tiến hành của Hoàng Gia vào Tu Viện Westminster nhân dịp một buổi lễ hoàng gia. Có một hiệu ứng thính phòng vang lên thật nhẹ.

Trần nhà tối lấp lánh đầy sao. Chúng xuất hiện ra không phải tất cả cùng một lúc nhưng từng cái một, đúng như cách các ngôi sao thực sự hiện ra ban đêm, mặc dù nhanh hơn. Dải Ngân Hà xuất hiện, di chuyển gần hơn; các vì sao bơi vào ánh sáng và tiếp tục đi, biến mất ở các cạnh của màn hình bầu trời hoặc phía sau

đầu của tôi. Trong khi dòng ánh sáng tiếp tục, tiếng nói trình bày các sự kiện tuyệt vời. Một vài năm ánh sáng nữa, nó tuyên bố, mặt trời xuất hiện như một ngôi sao sáng, và các hành tinh không nhìn thấy được. Một vài chục năm ánh sáng nữa, mặt trời không nhìn thấy được, hoặc là, bằng mắt thường. Và khoảng cách đó - vài chục năm ánh sáng - chỉ là khoảng một phần ngàn của khoảng cách từ mặt trời đến trung tâm của thiên hà của chúng ta, một thiên hà, mà bản thân nó chứa khoảng hai trăm tỷ mặt trời. Và là, lần lượt, một trong hàng triệu, có lẽ hàng tỷ, thiên hà. Vô số lặp đi lặp lại, vô số các biến thể. Tất cả những hình ảnh này quay cuồng trong đầu tôi, cũng như những cuộn sét đánh.

Bây giờ chủ nghĩa hiện thực đã bị bỏ rơi, thay vào đó sự giả tạo quen thuộc. Một mô hình của hệ thống năng lượng mặt trời quay đi xa một cách thanh lịch. Một con bọ sáng chói cất cánh khỏi mặt đất, hướng về sao Mộc. Tôi đặt tâm trí tránh né và thu hẹp một cách nghiêm khắc để ghi lại những sự kiện. Khối lượng của sao Mộc to gấp hai lần rưỡi tất cả các hành tinh khác cộng lại. Vết Đỏ Lớn. Mười ba mặt trăng. Qua sao Mộc, một cái nhìn vào quỹ đạo khác thường của Sao Diêm Vương, các vòng băng của sao Thổ. Trở lại Trái Đất và di chuyển vào sao Kim nóng và rục rờ. Áp suất khí quyển chín mươi lần nhiều hơn của chúng ta. Sao Thủy không trăng quay ba lần trong khi bay quanh mặt trời hai lần; một sự sắp xếp kỳ lạ, không hoàn toàn đáp ứng như những gì họ thường cho chúng ta biết - nó chỉ quay một lần khi nó đi vòng quanh mặt trời. Không có bóng tối vĩnh viễn gì cả. Tại sao họ lại đưa ra thông tin tự tin như vậy, chỉ để thông báo sau đó là nó hoàn toàn sai lầm? Cuối cùng, hình ảnh đã từng quen thuộc trong các tạp chí: đất đỏ của sao Hỏa, bầu trời sáng rục màu hồng.

Khi chương trình kết thúc tôi ngồi ở ghế, trong khi trẻ em trèo qua tôi, không có một ý kiến về bất cứ điều gì họ vừa nhìn hoặc nghe thấy. Họ vây quanh phiền nhiễu những người trông giữ đòi

thức ăn và vui chơi giải trí nữa. Một cố gắng đã được thực hiện để kéo được sự chú ý của các em, để chúng ngưng uống nước ngọt trong hộp và ăn khoai tây chiên và thay vào đó bằng những dự kiến biết và chưa biết khác nhau và những tính bao la khủng khiếp, và dường như đã thất bại. Cũng là một điều tốt, tôi nghĩ. Đa số trẻ em có một khả năng miễn nhiễm tự nhiên, và nó không nên bị xáo trộn. Đối với người lớn nào muốn phàn nàn, những người thúc đẩy chương trình này, không phải là họ tự miễn nhiễm đến mức mà họ có thể đặt vào các hiệu ứng thính phòng, âm nhạc, trang nghiêm như ở nhà thờ, mô phỏng kinh sợ mà họ cho là họ phải cảm thấy? Kinh sợ - Cái gì sẽ như vậy? Một cơn rùng mình khi bạn nhìn ra ngoài cửa sổ? Một khi bạn biết nó là cái gì, bạn sẽ không muốn đến gần nữa.

Hai người đàn ông bước vào với chổi để quét các mảnh vụn khán giả đã để lại. Họ nói với tôi chương trình tiếp theo sẽ bắt đầu trong bốn mươi phút. Trong khi chờ đợi, tôi phải đi ra.

"Con đi xem buổi diễn ở hành tinh hệ," Tôi nói với ba tôi. "Nó rất là thú vị - về hệ thống năng lượng mặt trời." Tôi nghĩ thật là ngớ ngẩn tôi đã sử dụng từ ngữ: "thú vị." "Nó hơi giống như một ngôi đèn giả tạo," tôi nói thêm.

Ông đã bàn luận ngay. "Ba nhớ khi họ tìm thấy sao Diêm Vương. Đúng tại nơi họ nghĩ rằng nó phải ở đó. Thủy, Kim, Trái Đất, Hỏa", ông đọc tiếp. "Mộc, Thổ, Hải-không, Thiên Vương, Hải Vương, Diêm Vương. Có đúng không?"

"Đạ đúng," tôi nói. Tôi cảm thấy vui vì ông đã không nghe những gì tôi nói về ngôi đèn giả. Tôi chỉ muốn nói một cách trung thực, nhưng nó có vẻ bóng bẩy và cao cấp. "Ba nói cho con biết các mặt trăng của sao Mộc."

"A, ba không biết những cái mới. Có cả một nhóm mới, phải không?"

"Hai cái. Nhưng chúng không phải là mới."

"Mới cho chúng ta," ba tôi nói. "Con có vẻ khá tráo trở bây giờ mà bà sắp sửa nằm dưới con dao."

"Dưới con dao. Cả một biểu hiện."

Ông không nằm trên giường tối nay, đêm cuối cùng của ông. Ông đã được tháo ra khỏi bộ máy, và đang ngồi trong một chiếc ghế cạnh cửa sổ. Chân ông để trần, ông mặc một cái áo choàng bệnh viện, nhưng ông không có vẻ tự giác hoặc không ổn. Ông có vẻ chu đáo nhưng hài hước, một người niềm nở.

"Ba chưa cho biết tên những cái cũ," tôi nói.

"Cho ba thời gian. Galileo đặt tên cho chúng. Io. "

"Đó là một sự khởi đầu."

"Các mặt trăng của sao Mộc là các thiên thể đầu tiên được phát hiện với kính viễn vọng." Ông nói điều này một cách nghiêm trọng, tựa như ông có thể nhìn thấy câu đó trong một cuốn sách cũ. "Cũng không phải là Galileo đặt tên chúng; đó là người Đức. Io, Europa, Ganymede, Callisto. Tất cả đó con."

"Dạ."

"Io và Europa, có phải họ là bạn gái của sao Mộc không ba?"

"Ganymede là một cậu bé. Một bé chặn cừu? Ba không biết Callisto là ai."

"Con nghĩ cô ấy cũng là một bạn gái," tôi nói. "Vợ của Jupiter - vợ của Jove biến cô thành một con gấu và nhốt cô lên trên bầu trời. Gấu Lớn và Gấu Nhỏ. Gấu Nhỏ là em bé của cô."

Loa phát thanh nói đã hết giờ thăm viếng. "Con sẽ gặp lại ba khi ba ra khỏi thuốc mê," tôi nói.

"Được."

Khi tôi đi tới cửa, ông gọi tôi, "Ganymede không phải là một người chặn cừu. Anh ta là người hầu rượu của Jove."

Khi tôi rời khỏi hành tinh hệ chiều hôm đó, tôi đã đi qua viện bảo tàng để đến khu vườn Tàu. Tôi nhìn thấy mấy con lạc đà bằng đá một lần nữa, các chiến binh, ngôi mộ. Tôi ngồi trên một băng ghế nhìn về phía đường Bloor. Thông qua các bụi cây trường xanh và hàng rào sắt cao tôi thấy nhiều người đi qua trong ánh sáng mặt trời của cuối buổi chiều. Dù sao chương trình vũ trụ đã mang lại cho tôi những gì tôi muốn - giúp tôi

bình tĩnh lại, trút bỏ ra. Tôi thấy một cô gái nhắc tôi nhớ đến Nichola. Cô mặc một chiếc áo khoác và mang một cái túi thực phẩm. Cô ấy thấp hơn Nichola - không thực sự giống cô nhiều gì cả - nhưng tôi nghĩ tôi có thể nhìn thấy Nichola. Cô sẽ đi bộ dọc theo một con đường nào đó có lẽ cách đây không xa - nặng gánh, bận tâm, một mình. Cô là một trong những người trưởng thành trong thế giới hiện nay, một trong những người mua sắm đi về nhà.

Nếu tôi nhìn thấy cô ấy, tôi có thể chỉ ngồi và nhìn, tôi quyết định như vậy. Tôi cảm thấy như một trong những người đã bay lên trần nhà, thưởng thức một cái chết ngắn gọn. Một sự nhẹ nhõm, trong khi nó kéo dài. Ba tôi đã chọn và Nichola đã chọn. Một ngày nào đó, có thể là gần đây, tôi sẽ có tin của cô ấy, nhưng nó cũng sẽ vậy thôi.

Tôi định đứng dậy và đi đến ngôi mộ, nhìn vào các chạm khắc, những hình ảnh bằng đá, khắp tất cả con đường xung quanh đó. Tôi luôn có ý định đến xem và tôi không bao giờ làm. Và lần này cũng vậy. Trời đã bắt đầu lạnh ở bên ngoài, vì vậy tôi vào trong để uống cà phê và ăn một cái gì đó trước khi tôi quay trở lại bệnh viện.

CHẠY TRỐN



Nguyên tác: Runaway

Carla nghe tiếng xe đến từ xa trước khi chạy lên khoảng nhỏ nhô lên trên đường mà người ở xung quanh đây gọi là ngọn đồi. Chắc là bà ấy, cô nghĩ. Bà Jamieson - Sylvia - trở về sau chuyến đi chơi ở Hy Lạp. Từ cửa nhà kho - đủ xa bên trong để không ai có thể dễ dàng trông thấy cô - cô nhìn con đường bà Jamieson sẽ phải lái xe qua ngang, nhà của bà dọc theo con đường cách nhà Clark và Carla nửa dặm.

Nếu ai sẵn sàng để quẹo vào cổng của họ, chiếc xe sẽ chạy chậm lại bây giờ. Nhưng Carla vẫn hy vọng. Không phải là bà ta.

Chính là bà. Bà Jamieson quay đầu lại một lần, nhanh chóng - bà chỉ có thể điều khiển chiếc xe vượt qua các chỗ lún xuống và vũng nước mưa đã tạo ra trong sỏi đá - và bà không giơ tay lên khỏi bánh lái để vẫy, bà không thấy Carla. Cô nhìn thoáng qua thấy một cánh tay trần rám nắng tới vai, tóc tẩy một màu sáng hơn lúc trước, bây giờ trắng hơn là bạc vàng, và một nét mặt cương quyết, bực tức và thích thú ở chính cái bực tức của bà - đúng là vẻ của bà Jamieson khi đối phó với một con đường như vậy. Khi bà quay đầu lại có một cái gì đó giống như một tia sáng - hỏi thăm, hy vọng - khiến Carla chùn lại.

Tốt.

Có lẽ Clark chưa biết. Nếu anh đang ngồi ở máy vi tính anh sẽ đưa lưng về phía cửa sổ và con đường.

Nhưng bà Jamieson có thể phải đi một chuyến nữa. Lái xe về nhà từ sân bay, bà có thể đã không dừng lại mua thức ăn - chỉ khi bà về đến nhà và biết bà cần những gì. Lúc đó Clark có thể nhìn thấy bà. Và sau khi trời tối, ánh đèn nhà bà sẽ sáng lên. Nhưng bây giờ là tháng bảy, và trời chưa tối đến khuya. Bà có lẽ quá mệt mỏi nên sẽ không bận tâm với các ngọn đèn, bà có thể đi ngủ

sớm.

Mặt khác, bà có thể gọi điện thoại. Bất cứ lúc nào bây giờ.

Mùa hè này mưa và mưa nữa. Tiếng đầu tiên buổi sáng bạn nghe là mưa, ồn ào trên mái căn nhà di động. Những con đường mòn ngập sâu trong bùn, ngọn cỏ dài ướt sũng, những chiếc lá trên cao thỉnh thoảng rơi xuống cả vòi nước ngay cả những lúc không có cơn mưa nào từ bầu trời và đám mây trông như đã di tản. Carla đội một cái nón phớt Úc cũ, cao, rộng vành mỗi khi cô đi ra ngoài, và nhét bím tóc dày dài xuống chiếc áo sơ mi.

Không ai đến cưỡi ngựa trên con đường mòn, mặc dù Clark và Carla đã đi xung quanh dán quảng cáo trong tất cả các trang trại, quán cà phê, và trên tấm bảng niêm yết của văn phòng du lịch và bất cứ nơi nào khác họ có thể nghĩ ra. Chỉ có một vài học sinh đến để học và những người đó là khách thường xuyên, không phải các nhóm học sinh nghỉ hè, các xe buýt chở đầy từ trại hè, đã làm cho họ luôn bận rộn mùa hè năm rồi. Và thậm chí cả những khách thường xuyên mà họ chờ đợi cũng dành thời gian nghỉ cho các chuyến đi chơi dịp lễ, hoặc chỉ đơn giản hủy bỏ những buổi học của họ vì thời tiết thật chán nản. Nếu họ gọi quá muộn, Clark vẫn tính tiền cho thời gian đó. Một vài người phàn nàn, và bỏ luôn.

Họ vẫn còn một số thu nhập từ ba con ngựa được nuôi. Ba con này, và bốn con của riêng họ, bây giờ ở ngoài đồng, đang phá đám cỏ dưới tàn cây. Chúng có vẻ như không cần quan tâm để nhận thấy cơn mưa tạm thời ngưng lại một lúc, như nó thường xảy ra vào buổi trưa. Chỉ đủ để hy vọng của bạn vươn lên - những đám mây trắng ra và mỏng đi để lộ dạng một độ sáng lan tỏa không bao giờ tồn tại xung quanh mà trở thành thực sự ánh nắng mặt trời, và thường tắt đi trước bữa ăn tối.

Carla đã rửa xong chuồng trong nhà kho. Cô làm từ từ - cô thích nhịp điệu công việc thường xuyên, không gian cao dưới mái nhà kho, những mùi quen thuộc. Bây giờ cô đi qua vòng tập luyện để xem mặt đất khô chưa, trong trường hợp học sinh ra lúc

năm giờ sẽ đến.

Hầu hết những cơn mưa đều đặn không đặc biệt nặng hột, hoặc sinh ra trên một luồng gió, nhưng tuần trước đã có một khuấy động đột ngột và sau đó là một tiếng nổ thông qua các ngọn cây và gân như một cơn mưa mịt mù rơi ngang. Trong vòng mười lăm phút cơn bão đã đi qua. Những nhánh cây nằm trên đường, dây điện bị đứt, và một phần lớn tấm lợp nóc bằng nhựa trên vòng tập luyện đã bị hở rách. Có một vũng nước như cái hồ ở cuối đường mòn, và Clark đã làm việc cho đến khi sau trời tối, đào một kênh để nước thoát đi.

Mái nhà vẫn chưa được sửa chữa. Clark đã giăng dây kềm hàng rào để giữ không cho ngựa đi vào bùn, và Carla đã đánh dấu một con đường mòn ngắn hơn.

Trên mạn lưới, ngay bây giờ, Clark đang tìm kiếm một nơi nào để mua tấm lợp nóc. Vài cửa hàng cứu nạn, với giá cả họ có thể đủ khả năng, hoặc ai đó đang cố gắng thanh toán vật liệu cũ này. Anh sẽ không đến cửa tiệm Cung Cấp Xây Dựng của Hy và Robert Buckley trong phố, mà anh gọi là Bọn Cướp Thô Tục Cung Cấp, bởi vì anh nợ họ quá nhiều tiền và đã gây lộn với họ.

Clark gây lộn không chỉ với những người mà anh còn nợ tiền. Sự thân thiện của anh, lúc đầu hấp dẫn, đột nhiên có thể trở nên chua chát. Có những nơi anh sẽ không đi vào, mà anh luôn để Carla đi, vì vài lần cãi nhau. Nhà thuốc là một nơi chẳng hạn. Một bà già đã xen vào đứng trước anh - nghĩa là, bà đi lấy một cái gì bà quên và trở lại xen vào ở phía trước, thay vì đi ra phía sau sắp hàng cuối cùng, và anh đã phàn nàn, người thủ quỹ nói với anh, "Bà ấy có bệnh khí thũng," và Clark nói: "Thật vậy sao? Bản thân tôi, tôi bị bệnh trĩ," và người quản lý đã được gọi đến, để cho biết rằng chuyện thật vô lý. Và trong quán cà phê trên đường cao tốc, quảng cáo món ăn sáng giảm giá đã không được áp dụng, bởi vì nó quá mười một giờ sáng, Clark đã tranh luận và sau đó đánh rơi tách cà phê mua mang đi trên sàn - chỉ xém, theo họ nói, trúng một đứa bé trong xe đẩy. Anh cho biết đứa bé cách đó nửa

dặm và anh đã làm rơi tách bởi vì nó không có đồ cầm. Họ cho biết anh không có yêu cầu một cái. Anh nói anh không cần phải hỏi.

"Anh bùng nổ", Carla nói.

"Đàn ông làm như vậy đó."

Cô đã không nói cái gì với anh về lần cãi nhau với Joy Tucker. Joy Tucker người trông coi thư viện ở thị trấn có gửi họ nuôi con ngựa. Lizzie là một con ngựa cái nhỏ như hạt dẻ dễ nổi nóng - Joy Tucker, khi ở trong một tâm trạng cười ngựa, gọi nó là Lizzie Borden. Hôm qua cô đã lái xe ra đây, không ở trong tâm trạng cười ngựa chút nào, và phàn nàn về mái nhà chưa được sửa chữa, và Lizzie có vẻ khốn khổ, như thể nó bị cảm lạnh.

Thực sự Lizzie không có vấn đề gì hết. Clark đã cố gắng - cho anh - để xoa dịu nó. Nhưng sau đó chính Joy Tucker bùng lên và nói là chỗ của họ là một bãi rác, Lizzie xứng đáng có một nơi tốt hơn, và Clark trả lời: "Tùy cô thôi." Joy không - hoặc chưa - mang Lizzie đi, như Carla mong đợi. Nhưng Clark, trước đây anh đã xem con ngựa như con vật cưng của anh, từ chối không làm bất cứ điều gì cho nó nữa. Hậu quả là cảm xúc của Lizzie bị tổn thương - nó cứng đầu khi tập luyện và đá lên nổi giận khi móng của nó phải được chăm sóc, như họ thường làm mỗi ngày, nếu không sẽ gây ra một loại nấm. Carla phải coi chừng bị cảm lạnh.

Nhưng điều tệ nhất làm Carla quan tâm là sự vắng mặt của Flora, con dê nhỏ màu trắng làm bạn với những con ngựa trong chuồng và ngoài cánh đồng. Hai ngày qua không thấy nó đâu. Carla sợ mấy con chó hoang hay chó sói đã bắt nó, hoặc thậm chí một con gấu.

Cô đã mơ thấy Flora đêm qua và đêm trước. Trong giấc mơ đầu tiên Flora đã đi ngay đến bên giường với một quả táo đỏ trong miệng, nhưng trong giấc mơ thứ hai - đêm qua - nó đã bỏ chạy khi nhìn thấy Carla tới. Chân của nó dường như bị thương nhưng nó vẫn chạy. Nó dẫn Carla đến một loại chướng ngại vật kềm gai

có thể của một chiến trường, và sau đó nó - Flora - trượt qua đó, chân và toàn thân bị thương, nó chỉ trườn qua như một con lươn trắng và biến mất.

Mấy con ngựa đã thấy Carla băng qua để đến vòng tập luyện và tất cả di chuyển đến hàng rào - trông bản thủ mặc dù chúng có cái chần Tân Tây Lan - để cô dễ dàng nhận thấy trên đường trở lại. Cô nói chuyện nhẹ nhàng với chúng, xin lỗi vì đã đến tay không. Cô vuốt ve cổ và cọ xát mũi và hỏi chúng có biết gì về Flora không.

Grace và Juniper khịt mũi và rúc lên, như thể chúng nhận ra tên và chia sẻ mối quan tâm của cô, nhưng sau đó Lizzie dùng đầu húc vào giữa và đẩy đầu Grace ra khỏi bàn tay nựng nịu của Carla. Nó cho một cảm giác lạnh vào tay như biện pháp tốt, và Carla phải dành thời gian để mắng nó.

Cho đến cách đây ba năm Carla không bao giờ thực sự nhìn vào những căn nhà di động. Cô cũng không gọi như vậy. Giống như cha mẹ cô, cô nghĩ "nhà di động" có vẻ khoe khoang. Một số người sống trong các xe kéo, và tất cả chỉ có vậy thôi. Xe kéo không khác gì nhau. Khi Carla dọn vào ở đây, khi cô chọn cuộc sống này với Clark, cô bắt đầu nhìn các thứ một cách mới. Sau đó cô bắt đầu nói "nhà di động" và cô nhìn xem cách người ta sửa sang thế nào. Loại màn cửa họ treo, cách họ sơn trang trí, sàn nhà hoặc hàng hiên hoặc thêm phòng đầy tham vọng đã được xây dựng. Cô hầu như khó có thể chờ đợi để có những cải tiến đó cho mình.

Clark đã chịu theo những ý kiến của cô, trong một thời gian. Anh đã xây dựng những bậc mới, và dành rất nhiều thời gian tìm kiếm một lan can sắt rèn cũ cho họ. Anh không than phiền về số tiền chi tiêu mua sơn cho nhà bếp và phòng tắm hoặc vải màn cửa. Công việc sơn của cô đã hơi vội vàng - cô không biết, tại thời điểm đó, là phải tháo bản lề ra khỏi cửa tủ. Hoặc là phải may lót màn cửa, nay đã phai màu.

Việc mà Clark ngần ngại là xé bỏ tấm thảm, trong mỗi phòng

đều giống nhau và là điều mà cô đã trông chờ nhất để thay thế. Nó được chia thành các hình vuông nhỏ màu nâu, mỗi cái với một mô hình những đường lượn sóng và hình dạng màu nâu sẫm hơn và màu rỉ. Trong một thời gian dài cô đã nghĩ đây là những đường lượn sóng và hình dạng tương tự, được sắp xếp theo cùng một cách, trong mỗi hình vuông. Sau đó, khi cô đã có nhiều thời gian, rất nhiều thời gian, để xem xét, cô quyết định có bốn mô hình liên kết với nhau thành những hình vuông lớn hơn giống hệt nhau. Đôi khi cô có thể nhận ra cách sắp xếp một cách dễ dàng và đôi khi cô phải nhìn kỹ để thấy.

Cô làm như vậy khi trời mưa và tâm trạng của Clark đè nặng xuống tất cả không gian bên trong, và anh không muốn quan tâm đến bất cứ điều gì ngoài màn hình máy tính. Nhưng điều tốt nhất để làm lúc đó là chế tạo hoặc nhớ lại một số việc để làm trong nhà kho. Máy con ngựa sẽ không nhìn cô khi cô không vui, nhưng Flora, không bao giờ bị cột, sẽ đến cọ sát vào cô, và nhìn lên với một nét không phải hoàn toàn là thông cảm - mà tựa như đùa chọc chia sẻ từ đôi mắt lung linh vàng xanh.

Flora đã được nuôi gần lớn khi Clark mang nó về nhà từ một trang trại mà anh đến để mặc cả vài xe ngựa kéo. Người dân ở đó từ bỏ cuộc sống ở vùng quê, hoặc ít nhất là về chăn nuôi gia súc - họ đã bán ngựa nhưng chưa thanh toán mấy còn dê. Anh đã nghe kể chuyện một con dê có thể mang lại một cảm giác dễ chịu và thoải mái trong một chuồng ngựa và anh muốn thử. Họ có ý định một ngày nào đó sẽ gây giống nhưng chưa bao giờ nó có một dấu hiệu tiếp nhiệt nào.

Lúc đầu, nó là con vật nuôi được Clark cưng chiều hoàn toàn, theo anh khắp mọi nơi, nhảy múa để gây sự chú ý. Nó nhanh chóng, duyên dáng và khiêu khích như một con mèo con, và nó giống như một cô gái ngây thơ đang yêu làm cho cả hai đều cười. Nhưng khi nó lớn lên, nó có vẻ gắn bó với Carla, và trong sự gắn bó này nó đột nhiên khôn ngoan hơn, bớt làm dáng - nó dường như có khả năng, thay vào đó, để tạo ra một khí chất nhẹ nhàng

và khôì hài. Cách cư xử của Carla với những con ngựa dịu dàng, nghiêm ngặt như người mẹ, nhưng tình bạn với Flora thì khá khác nhau, Flora không cho phép cô có một cảm giác ưu thế nào hết.

"Vẫn không có dấu hiệu gì của Flora à?" cô nói, vừa cởi đôi giày ống làm việc ở nhà kho ra. Clark đã đăng một thông báo Mất Dê trên Mạng Lưới.

"Cho đến nay không có," anh nói, bằng một giọng bận tâm nhưng không phải thiếu thân thiện. Anh gợi ý, không phải lần đầu tiên, là có thể Flora chỉ đi tìm cho mình một người bạn trai.

Không có tin gì về bà Jamieson. Carla đặt ấm nước lên. Clark ngậm nga như anh thường làm khi anh ngồi trước máy vi tính.

Đôi khi anh nói chuyện với nó. Vợ vẫn, anh ấy sẽ nói, trả lời một số thách thức. Hoặc anh ta sẽ cười - nhưng không thể nhớ chuyện đùa là gì, khi cô hỏi anh sau đó.

Carla gọi, "Anh có muốn uống trà không?" và trước sự ngạc nhiên của cô, anh đứng dậy và đi vào nhà bếp.

"Tốt," anh nói. "Tốt, Carla".

"Cái gì?"

"Tốt, bà đã gọi điện thoại."

"Ai?"

"Nữ Hoàng. Nữ Hoàng Sylvia. Bà vừa trở về."

"Em không nghe tiếng xe."

"Anh không hỏi nếu em có nghe không."

"Tốt, bà ấy gọi điện thoại để làm gì?"

"Bà muốn em đến giúp bà thu dọn nhà. Bà nói như vậy. Ngày mai."

"Anh đã nói gì với bà?"

"Anh đã nói chắc chắn. Nhưng tốt hơn em điện thoại và xác nhận."

Carla nói: "Em không thấy lý do tại sao em phải gọi, nếu anh đã nói với bà rồi." Cô cho trà vào tách. "Em đã dọn sạch căn nhà trước khi bà đi. Em không thấy cái gì có thể để làm sớm như vậy."

"Có lẽ vài tên gian đã vào và làm xáo trộn trong khi bà đi vắng. Em sao biết được."

"Em không cần phải gọi cho bà ấy ngay lúc này," cô nói. "Em muốn uống tách trà và em cần đi tắm."

"Càng sớm càng tốt."

Carla mang trà vào phòng tắm, nói trở ra, "Chúng ta cần đi đến tiệm giặt. Ngay cả khi khăn đã phơi khô vẫn ngửi thấy mùi ẩm mốc."

"Chúng ta không thay đổi chủ đề, Carla".

Ngay cả sau khi cô vào trong phòng tắm, anh đứng bên ngoài cửa và gọi cô.

"Anh sẽ không để cho em trốn tránh, Carla."

Cô nghĩ anh ta có lẽ vẫn còn đứng đó khi cô đi ra, nhưng anh đã trở lại máy vi tính. Cô mặc áo như cô sẽ đi ra phố - cô hy vọng nếu họ có thể ra khỏi nơi đây, đi đến tiệm giặt, mua thức uống mang đi tại tiệm cappuccino, họ có thể nói chuyện với nhau một cách khác, họ có thể nói ra một vài chuyện. Cô bước nhanh vào phòng khách và từ phía sau vòng tay ôm anh. Nhưng ngay sau khi cô làm cử chỉ đó một làn sóng đau buồn nuốt lấy cô - có thể vì sức nóng của vôi sen, làm chảy nước mắt của cô - và cô cúi xuống người anh, hoàn toàn sụp đổ và khóc.

Anh rút tay ra khỏi bàn đánh chữ nhưng vẫn ngồi yên.

"Anh chỉ cần không nổi giận với em", cô nói.

"Anh không giận. Anh ghét khi em như thế này, chỉ vậy thôi."

"Em như thế bởi vì anh đang giận."

"Em đừng nói với anh là anh thế nào. Em làm anh ghét thờ. Em đi nấu ăn tối đi."

Cô đi vào bếp. Rõ ràng bây giờ là người hẹn năm giờ sẽ không đến. Cô lấy khoai tây và bắt đầu lột vỏ, nhưng nước mắt vẫn không ngừng chảy và cô không thể nhìn thấy cô đang làm gì. Cô lau mặt với một chiếc khăn giấy và xé lấy một cái mới để mang theo và đi ra ngoài mưa. Cô không đi vào nhà kho vì trong đó sẽ quá khổ sở khi vắng Flora. Cô đi dọc theo đường trở lại khu rừng.

Mấy con ngựa đang ở trong cánh đồng khác. Chúng đi đến hàng rào để nhìn cô. Tất cả ngoại trừ Lizzie, nó chạy nhẩy và khịt mũi một chút, nó cảm giác biết sự quan tâm của cô đang ở nơi khác.

Câu chuyện bắt đầu khi họ đọc cáo phó của ông Jamieson. Bài được đăng trong báo của thành phố, và khuôn mặt của ông đã được đưa lên trong giờ tin tức buổi tối. Cho đến năm trước, họ chỉ biết gia đình Jamieson như những người hàng xóm sống riêng cho họ. Bà dạy Thực Vật Học tại trường đại học cách đây bốn mươi dặm, vì vậy bà phải dành rất nhiều thời gian di chuyển trên đường. Ông là một nhà thơ.

Mọi người đều chỉ biết có bấy nhiêu. Nhưng ông dường như bận rộn với những thứ khác. Đối với một nhà thơ, và một người đàn ông có tuổi - có lẽ hai mươi tuổi lớn hơn bà Jamieson - ông là một người khỏe mạnh và hoạt động. Ông cải thiện hệ thống thoát nước khu nhà của ông, làm sạch ống cống và lót đá vào. Ông đào và trồng, làm hàng rào vườn rau, cắt dọn những con đường băng qua rừng, chăm sóc sửa chữa căn nhà.

Căn nhà có một hình dạng tam giác trông kỳ lạ mà ông đã xây dựng mấy năm trước đây, với vài người bạn, trên nền tảng của một trang trại cũ phá hỏng. Họ nói đến những người đó như những kẻ lập dị - mặc dù, ngay cả lúc đó ông Jamieson có vẻ hơi già đối với nhóm này, trước khi có bà Jamieson. Một câu chuyện kể rằng họ đã trồng cần sa trong rừng, bán đi, và cất giữ tiền trong những bình thủy tinh niêm phong, được chôn xung quanh khu đất. Clark nghe những người anh quen biết trong phố kể lại như vậy. Anh cho là nhầm nhí.

"Chắc có ai đã vào trong và đào nó lên, trước đây. Chắc có ai đã tìm cách để bắt ông nói chỗ cất giấu."

Khi họ đọc cáo phó, Carla và Clark lần đầu tiên được biết Leon Jamieson là người đã nhận được một giải thưởng lớn, năm năm trước khi ông qua đời. Một giải thưởng về thơ. Chưa ai từng đề cập đến điều này. Dường như người ta có thể tin vào tiền thuốc phiện chôn trong lọ thủy tinh, nhưng không tin tiền giải thưởng

nhận được nhờ làm thơ.

Ít lâu sau đó Clark cho biết, "Chúng ta có thể bắt ông ta phải trả."

Carla biết ngay anh muốn nói cái gì, nhưng cô xem đó là một lời nói đùa.

"Quá trễ rồi," cô nói. "Ông không thể trả một khi đã chết."

"Ông không thể. Bà có thể."

"Bà đã đi Hy Lạp."

"Bà ấy không ở lại Hy Lạp."

"Bà không biết", Carla nói nghiêm nghị hơn.

"Anh không nói bà ấy biết."

"Bà không biết gì về chuyện này."

"Chúng ta có thể giải quyết điều đó."

Carla nói: "Không. Không."

Clark tiếp tục như thể cô không có phản đối.

"Chúng ta có thể nói là chúng ta sẽ khởi kiện. Người ta nhận được tiền cho những vụ như vậy hoài."

"Làm sao anh có thể làm điều đó? Anh không thể khởi kiện một người chết."

"Hăm dọa đưa ra báo chí. Một nhà thơ nổi tiếng. Báo chí sẽ ăn khách. Chúng ta chỉ phải hăm dọa và bà sẽ nhượng bộ."

"Anh chỉ tưởng tượng", Carla nói. "Anh đang đùa."

"Không," Clark nói. "Thực ra, anh không đùa."

Carla nói cô không muốn nhắc đến chuyện đó nữa và anh trả lời được.

Nhưng họ tiếp tục nói về vấn đề đó ngày hôm sau, và hôm sau và hôm sau nữa. Đôi khi anh có những quan niệm như vậy không thực hiện được, và thậm chí còn có thể bất hợp pháp. Anh đề cập đến càng ngày càng phấn khích và sau đó - cô không chắc tại sao - anh bỏ ý định. Nếu cơn mưa ngừng lại, nếu chuyện này biến thành một cái gì đó giống như một mùa hè bình thường, anh có thể bỏ qua ý tưởng theo những thứ khác. Nhưng nó không xảy ra, và trong tháng qua anh đã không ngừng nói đến

kế hoạch như thế nó hoàn toàn khả thi và nghiêm túc. Câu hỏi đặt ra là đòi hỏi bao nhiêu tiền. Quá ít, và người đàn bà có thể không xem họ một cách nghiêm trọng, bà có thể có khuynh hướng xem họ có lừa gạt không. Quá nhiều có thể làm cho bà lùi lại và trở nên ngoan cố.

Carla không còn nói đó là một trò đùa nữa. Thay vào đó cô nói với anh là chuyện sẽ không thành. Cô nói một điều là vì người ta trông mong nhà thơ phải như vậy. Do đó, nó sẽ không đáng bỏ tiền ra để che đậy câu chuyện.

Anh nói việc sẽ làm được nếu thực hiện đúng. Carla sẽ làm ra vẻ suy sụp và nói với bà Jamieson toàn bộ câu chuyện. Sau đó, Clark sẽ đi vào, như thế tất cả đều là một bất ngờ đối với anh, anh vừa phát hiện ra. Anh sẽ cảm thấy bị xúc phạm, anh sẽ nói phổ biến cho cả thế giới biết. Anh sẽ để bà Jamieson là người đề cập đến tiền bạc trước.

"Em bị tổn thương. Em bị lạm dụng tình dục và làm nhục và anh đã bị tổn thương và làm nhục bởi vì em là vợ anh. Đó là một vấn đề của sự tôn trọng."

Anh cứ nói và tiếp tục nói như vậy với cô và cô cố gắng để đánh lạc hướng anh, nhưng anh vẫn khẳng định.

"Lời hứa", anh nói. "Lời hứa".

Đó là tại những gì cô đã nói với anh, những thứ cô không thể nào bây giờ rút lại hoặc phủ nhận.

Đôi khi ông ta thích em?

Ông già?

Đôi khi ông gọi em vào phòng khi không có bà ấy ở đó?

Đúng.

Khi bà phải đi ra ngoài mua sắm và người y tá cũng không có ở đó.

Một cảm hứng may mắn của bà, một điều làm ông ta vui mừng ngay lập tức.

Vậy sau đó, em làm gì? Em có đi vào không?

Cô làm vẻ ngại ngùng.

Đôi khi.

Ông gọi em vào phòng. Vậy? Carla? Vậy, sau đó?

Em vào xem ông muốn cái gì.

Vậy ông muốn cái gì?

Điều này được hỏi và kể trong thì thầm, ngay cả khi không có ai nghe, ngay cả khi họ ở trong thế giới tưởng tượng của chiếc giường. Một câu chuyện kể trước khi ngủ, trong đó các chi tiết rất quan trọng và phải được thêm vào mọi lần, và điều này với sự miễn cưỡng thuyết phục, ngại ngùng, cười khúc khích, bần thủ, dơ bẩn. Và không những anh là kẻ háo hức và biết ơn. Cô cũng vậy. Háo hức để làm vui lòng và kích thích anh, để kích thích bản thân cô. Biết ơn vì mỗi lần nó vẫn còn hiệu lực.

Và trong một phần tâm trí của cô đó là sự thật, cô thấy ông già thô lỗ, vết u ông tạo ra trong tấm ga, nằm liệt giường thực sự, gần như không nói được nhưng thông thạo ngôn ngữ ký hiệu, cho thấy mong muốn của ông, cố gắng dùng cùi chỏ thúc giục và lấy ngón tay ra dấu cô đồng lõa, vào các màn táo bạo bắt buộc và thân mật. (Sự từ chối của cô là một điều cần thiết, nhưng cũng có lẽ kỳ lạ, vì Clark hơi thất vọng.)

Thỉnh thoảng một hình ảnh thoáng hiện mà cô phải búa xuống, vì sợ nó làm hỏng tất cả mọi chuyện. Cô sẽ nghĩ đến cơ thể thực sự mập mờ được tấm ga đắp lại, bị thuốc mê và teo lại mỗi ngày trên chiếc giường bệnh viện thuê, thoáng thấy chỉ một vài lần khi bà Jamieson hoặc người y tá đến thăm đã quên đóng cửa. Bản thân cô không bao giờ thực sự đến gần ông hơn như vậy.

Trong thực tế, cô đã sợ hãi đi đến nhà Jamieson, nhưng cô cần tiền, và cô cảm thấy tội nghiệp cho bà Jamieson, người có vẻ rất bị ám ảnh và hoang mang, như thể bà đang đi trong giấc ngủ. Một hoặc hai lần Carla đã phá lên và làm cái gì đó thực sự ngớ ngẩn chỉ để thư giãn bầu không khí. Điều mà cô hay làm khi những người lần đầu cưỡi ngựa vụng về và sợ hãi cảm thấy bị mất mặt. Cô cũng hay thử như vậy khi Clark bị kẹt trong tâm

trạng của anh. Nó không làm được gì cho anh nữa. Nhưng câu chuyện về ông Jamieson thì được, một cách dứt khoát.

Không có cách nào để tránh những vũng nước trên đường hoặc cỏ cao ướt sũng dọc theo đó, hoặc cà rốt hoang dại gần đây đã trở hoa. Nhưng không khí thật ấm áp, đủ để cô không cảm thấy lạnh. Quần áo của cô đã thấm nước như thế bởi chính mồ hôi của cô hay những giọt nước mắt chảy dài trên khuôn mặt với cơn mưa phùn. Nước mắt cô từ từ cạn dần với thời gian. Cô không có gì để lau mũi - khăn giấy bây giờ đã ướt sũng - nên cô cúi xuống và xì ra trong một vũng nước.

Cô ngẩng đầu lên và cố gắng phát ra một tiếng huýt gió rung động, kéo dài ra, tín hiệu của cô - của Clark nữa - cho Flora. Cô chờ vài phút và sau đó gọi tên Flora. Cô lập đi lập lại, huýt gió và gọi tên, huýt gió và gọi tên.

Flora không trả lời.

Ở nhà, không có gì để Sylvia làm ngoại trừ mở cửa sổ. Và suy nghĩ - với một sự háo hức mất bình tĩnh mà không thực sự khiến bà ngạc nhiên - làm thế nào bà có thể sớm gặp Carla.

Tất cả các thiết bị cho căn bệnh đã được tháo gỡ. Căn phòng trước đó là phòng ngủ của Sylvia và chồng và sau này làm phòng chết của ông đã được dọn sạch và thu xếp nhìn như không có chuyện gì đã từng xảy ra trong đó. Carla đã giúp tất cả những việc ấy trong vài ngày điên cuồng giữa buổi hoả táng và chuyến đi Hy Lạp. Tất cả quần áo Leon đã từng mặc và một vài cái ông chưa đựng tới, kể cả những món quà tặng của chị em ông chưa bao giờ được lấy ra khỏi bao, đã được chất đống ở băng ghế sau của chiếc xe và chở đến Tiệm Tiết Kiệm. Thuốc, đồ cạo râu, hộp lon chưa mở nước uống thuốc bổ đã kéo dài ông thật lâu, bánh mè dòn mà có một thời gian ông từng ăn cả chục cái, chai nhựa đầy kem dưỡng đã giúp cho lưng dễ chịu, tấm da cừu mà ông đã nằm lên trên - tất cả đã được vút vào túi nhựa để chở đi đổ rác, và Carla không hỏi một điều gì. Cô không bao giờ nói: "Có thể một người nào sử dụng được", hoặc chỉ nguyên thùng lon hộp chưa

mở. Khi Sylvia nói, "Tôi hối tiếc đã mang những bộ quần áo đến thị trấn. Tôi tiếc tôi đã không đốt cháy tất cả trong lò đốt," Carla đã không để lộ một ngạc nhiên nào hết.

Họ làm sạch lò nướng, cọ lau tủ, chùi sạch bức tường và cửa sổ. Một ngày Sylvia ngồi trong phòng khách xem qua tất cả những lá thư chia buồn bà đã nhận được. (Không có sự tích tụ giấy tờ, ghi chú cần được giải quyết, như một nhà văn có thể để lại, không có công việc chưa hoàn thành hoặc bản thảo nguệch ngoạc. Ông có nói với bà, cả tháng trước, rằng ông đã vứt bỏ tất cả mọi thứ. Và không hối tiếc.)

Bức tường phía nam dốc xuống của ngôi nhà được xây cất với nhiều cửa sổ lớn. Sylvia nhìn lên, ngạc nhiên bởi ánh sáng mặt trời ướn át tỏa ra - hoặc có thể ngạc nhiên bởi bóng dáng của Carla, chân trần, tay trần, leo trên cao một cái thang, khuôn mặt kiên quyết dưới một vòm tóc xoắn cứng như cỏ dại quá ngắn để bím. Cô đang mạnh mẽ phun nước và lau kính. Khi thấy Sylvia nhìn, cô dừng lại và vung hai cánh tay ra như thể cô bị dang ra ở đó, với một bộ mặt ngớ ngẩn kỳ cục. Cả hai đều bắt đầu cười. Sylvia cảm thấy tiếng cười này chạy dài khắp người bà như một dòng suối vui tươi. Bà trở lại đọc các lá thư trong khi Carla tiếp tục lau chùi. Bà quyết định tất cả những lời chia buồn này - thật tình hoặc chiếu lệ, khen tặng và hối tiếc - có thể theo con đường của tấm da cừu và bánh mì dòn.

Khi bà nghe Carla lấy thang xuống, nghe tiếng giày ống trên sàn ván, bà đột nhiên cảm thấy ngại ngùng. Bà vẫn ngồi nơi đó đầu cúi xuống khi Carla bước vào phòng và đi qua phía sau bà để đến nhà bếp cất thùng và khăn trở lại dưới bồn rửa chén. Carla khó dừng lại, cô nhanh như một con chim, nhưng cô cũng ghé qua thả một nụ hôn trên đầu cúi xuống của Sylvia. Sau đó, cô tiếp tục đi vừa huýt sáo một cái gì đó cho riêng cô.

Nụ hôn đó đã ở trong tâm trí của Sylvia từ bao giờ. Nó không có nghĩa gì đặc biệt. Nó có nghĩa Vui lên. Hoặc Gần xong rồi. Nó có nghĩa họ là những người bạn tốt đã cùng vượt qua rất nhiều

việc phiên muện với nhau. Hoặc có thể chỉ là mặt trời đã xuất hiện. Là Carla đang nghĩ đến việc trở về nhà với các con ngựa của cô. Tuy nhiên, Sylvia thấy đó như một hoa tươi sáng, những cánh hoa nở rộng bên trong bà với sức nhiệt hỗn loạn, như một chớp nhoáng của thời kỳ mãn kinh.

Bà cũng thường có một cô sinh viên đặc biệt trong lớp thực vật học - với một trí thông minh, cống hiến và tính ích kỷ khó chịu, hoặc ngay cả với niềm đam mê thành thật cho thế giới thiên nhiên, gọi lại thời trẻ của bà. Những cô gái đó bám xung quanh bà một cách quá đáng, hy vọng một sự thân mật họ không thể - trong hầu hết trường hợp - tưởng tượng, và chẳng bao lâu họ làm cho bà bực mình.

Carla không giống như họ. Nếu cô có giống bất cứ ai trong cuộc sống của Sylvia, nó sẽ phải là vài cô gái bà đã quen biết ở trung học - những người tươi sáng nhưng không bao giờ quá tươi sáng, các vận động viên đơn giản, nhưng không cạnh tranh quá sức, hăng hái nhưng không hay nổi giận. Vui vẻ một cách tự nhiên.

"Nơi mà tôi đến với hai người bạn già, ngôi làng này rất nhỏ, ngôi làng thật bé tí xíu này, vậy đó, đó là một nơi mà rất thỉnh thoảng xe buýt du lịch mới dừng lại, cũng giống như nó đã đi lạc, và du khách sẽ bước xuống nhìn xung quanh và họ hoàn toàn hoang mang vì họ không ở bất cứ nơi nào. Không có gì để mua hết."

Sylvia đang kể chuyện về nước Hy Lạp. Carla đang ngồi cách bà một vài bước. Cô gái tay chân to lớn, không tự nhiên, mắt sáng chói cuối cùng đang ngồi đó, trong căn phòng đã được cô lấp đầy với những suy nghĩ. Cô mỉm cười yếu ớt, gật đầu một cách muện màng.

"Và lúc đầu," Sylvia nói, "lúc đầu tôi cũng hoang mang. Trời rất nóng. Nhưng ánh sáng đúng như họ nói. Thật tuyệt vời. Và sau đó tôi tìm ra cái gì để làm, và chỉ có vài điều đơn giản nhưng có thể bận cả ngày. Bạn đi bộ nửa dặm xuống con đường để mua

dầu và một nửa dặm theo hướng khác để mua bánh mì hoặc rượu vang, và đó là buổi sáng, và bạn dùng bữa ăn trưa dưới bóng cây và sau khi ăn trưa trời quá nóng để làm bất cứ điều gì ngoài đóng cửa sổ lại và nằm trên giường và có thể đọc sách. Lúc đầu, bạn đọc. Và sau đó trời quá nóng, thậm chí bạn không muốn đọc nữa. Tại sao đọc? Một lát sau bạn nhận thấy bóng tối dài hơn và bạn ngồi dậy để đi bơi.

"Ồ," bà ngắt lời mình. "Ồ, tôi quên mất."

Bà nhảy lên và đi lấy món quà mà bà đã mang về, mà trong thực tế bà đã không quên gì hết. Bà không muốn đưa cho Carla ngay lập tức, bà muốn thời điểm đến một cách tự nhiên hơn, và trong khi bà đang nói bà đã nghĩ trước đến lúc bà có thể đề cập đến biển, đi bơi. Và nói, cũng như bây giờ bà nói, "Bơi nhắc tôi nhớ về cái này bởi vì nó là một bản sao nhỏ, cô biết, đó là bản sao nhỏ của con ngựa họ tìm thấy dưới đáy biển. Đúc bằng đồng. Họ đào vét nó lên, sau tất cả thời gian này. Nó phải có từ thế kỷ thứ hai trước Chúa."

Khi Carla đi vào và nhìn quanh để tìm công việc làm, Sylvia nói: "Ồ, cô hãy ngồi xuống một chút, tôi không có ai để nói chuyện từ lúc tôi về. Cô vui lòng." Carla ngồi xuống trên cạnh một chiếc ghế, chân mở ra, tay để giữa hai đầu gối, vẻ hơi hoang vắng. Như để tỏ một lịch sự nào đó cô đã hỏi: "Bà thấy Hy Lạp thế nào?"

Bây giờ cô đang đứng, cô chưa mở ra hết con ngựa bọc trong khăn giấy nhàu nát.

"Người ta cho biết nó tượng trưng một con ngựa đua," Sylvia nói. "Chạy vòng cuối, nỗ lực cuối cùng của nó trong một cuộc đua. Người cưỡi, cũng vậy, cậu bé, cô có thể thấy cậu ta thúc con ngựa đến sức cùng của nó."

Bà không có nói là cậu bé đã làm bà nghĩ đến Carla, và bây giờ bà không có thể nói lý do tại sao. Cậu ta chỉ khoảng mười hay mười một tuổi. Có lẽ sức mạnh và sự thanh tao của cánh tay nắm lấy dây cương, hoặc những nếp nhăn trên vầng trán trẻ, nét tập

trung và nỗ lực đã phản ánh một cách nào đó Carla đang lau sạch các cửa sổ lớn mùa xuân vừa rồi. Đôi chân khỏe mạnh trong chiếc quần ngắn, bờ vai rộng, những lần quét lớn trên kiến, và sau đó cách cô đã dang rộng mình ra như một trò đùa, mời mọc hoặc thậm chí buộc cho Sylvia phải cười.

"Tôi có thể thấy," Carla nói, bây giờ ngắm nhìn kỹ càng bức tượng nhỏ bằng đồng màu xanh lá cây. "Cảm ơn bà rất nhiều."

"Không có chi. Chúng ta dùng cà phê nhe? Tôi vừa mới pha. Cà phê ở Hy Lạp khá mạnh, một chút mạnh hơn vị tôi thích, nhưng bánh mì thật là tuyệt. Và quả sung chín, chúng đáng ngạc nhiên. Cô ngồi xuống một chút nữa, cô vui lòng. Cô nên dừng tôi lại không nói tiếp tục như vậy. Ở đây thì sao? Cuộc sống ở đây thế nào?"

"Gần như lúc nào trời cũng mưa."

"Tôi có thể thấy điều đó. Tôi thấy đã mưa nhiều", Sylvia nói từ nhà bếp ở cuối căn phòng lớn. Vừa rót cà phê, bà quyết định giữ im lặng về món quà kia mà bà đã mang về. Nó không có tổn tiền bà (con ngựa đã tốn quá nhiều tiền mà cô gái khó có thể đoán được), nó chỉ là một viên đá nhỏ xinh đẹp màu trắng hồng nhạt bà đã nhặt dọc đường.

"Đây là cho Carla", bà đã nói với Maggie bạn của bà, đang đi bên cạnh. "Tôi biết đó là ngớ ngẩn. Tôi chỉ muốn cô ấy có một mảnh nhỏ của vùng đất này."

Bà đã đề cập về Carla cho Maggie, và Soraya, người bạn kia của bà ở đó, kể với họ làm sao sự hiện diện của cô gái đã mang đến ý nghĩa càng ngày càng nhiều hơn đối với bà, làm sao một sợi dây không thể diễn tả được có vẻ như liên kết họ lại với nhau, và đã an ủi bà trong những tháng khủng khiếp của mùa xuân vừa qua.

"Chỉ là để nhìn thấy một người - một người thật tươi và đầy đủ sức khỏe bước vào trong nhà."

Maggie và Soraya đã cười một cách tử tế nhưng khó chịu.

"Luôn luôn là một cô gái", Soraya nói, vừa căng đôi tay nặng nề rạm nắng một cách lười biếng, và Maggie nói: "Một lúc nào đó

chúng ta đều đến giai đoạn này. Phải lòng một cô gái."

Sylvia đã tức tối bởi từ ngữ - phải lòng.

"Có lẽ bởi vì Leon và tôi không bao giờ có con", bà nói. "Thật là ngu ngốc. Tình mẫu tử đặt không đúng chỗ."

Các bạn của bà nói chuyện cùng một lúc, gợi ra trong những cách hơi khác nhau một cái gì đó có thể là ngu ngốc nhưng sau cùng, đó là tình thương.

Nhưng hôm nay, cô gái không giống như Carla mà Sylvia đã nhớ, hoàn toàn không có tinh thần sáng sủa bình tĩnh, con người trẻ vô tư và hào phóng mà bà đã nghĩ đến lúc ở Hy Lạp.

Cô hầu như không quan tâm đến món quà của cô. Gần như ử rũ khi cô đưa tay ra nhận lấy tách cà phê của mình.

"Có một thứ tôi nghĩ cô có thể thích rất nhiều," Sylvia nói một cách hăng hái. "Mấy con dê. Chúng nó rất nhỏ ngay cả khi hoàn toàn tăng trưởng. Vài con có đốm và vài con màu trắng, và chúng chạy nhảy xung quanh trên những tảng đá giống như - giống như hồn ma của nơi đó." Bà cười một cách gượng gạo, bà không thể ngăn mình lại. "Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu chúng có những vòng hoa trên sừng. Con dê nhỏ của cô thế nào? Tôi quên tên của nó."

Carla nói: "Flora".

"Flora."

"Nó bỏ đi rồi."

"Bỏ đi? Cô có bán nó không?"

"Nó biến mất. Chúng tôi không biết ở đâu."

"Ồ, tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi. Nhưng có một hy vọng nào nó sẽ trở về không?"

Không có câu trả lời. Sylvia nhìn thẳng vào cô gái, một điều cho đến nay bà gần như không có thể làm được, và thấy đôi mắt cô đầy nước mắt, khuôn mặt cô toàn lốm đốm - trong thực tế nó trông bản thủ - và cô có vẻ tràn ngập nỗi phiền muộn.

Cô không làm gì để tránh cái nhìn của Sylvia. Cô khép đôi môi chặt trên hàm răng và nhắm mắt lại đu đưa cả người từ trước ra

sau như muốn rú lên trong im lặng, và sau đó, thật kinh hoàng, cô đã rú lên. Cô rú lên khóc, nghẹn thở và nước mắt ràn rụa trên má và mũi chảy và cô bắt đầu nhìn xung quanh vội vàng tìm cái gì đó để lau mặt. Sylvia chạy lấy cả nắm khăn giấy Kleenex.

"Cô đừng lo lắng, cô đang ở đây, đây rồi, không sao," bà nói, nghĩ rằng có lẽ điều cần làm là ôm cô gái vào lòng. Nhưng bà không ước muốn làm cử chỉ đó chút nào, và có thể làm cho mọi việc càng tệ hơn. Cô gái có thể cảm thấy không tốt chút nào nếu Sylvia muốn làm một hành động như vậy, trong thực tế bà thật là hoảng sợ bởi sự kiện ồn ào này.

Carla nói cái gì đó, nói cái gì đó tương tự một lần nữa.

"Khủng khiếp", cô nói. "Khủng khiếp".

"Không, không có. Tất cả chúng ta đôi khi phải khóc. Không sao, cô đừng lo lắng."

"Thật khủng khiếp."

Và Sylvia không thể nào không cảm thấy, với màn trình diễn đau khổ này, cô gái làm cho mình bình thường hơn, giống một trong những học sinh mắt sưng nước trong văn phòng của Sylvia. Vài người khóc về điểm của họ, nhưng đó thường là chiến thuật, một chút rên rỉ ngắn gọn không thuyết phục được. Những vụ nước chảy thực sự, bất thường hơn, sẽ xảy ra với một cái gì đó liên quan đến tình yêu, hoặc cha mẹ, hoặc mang thai.

"Đó không phải vì con dê của cô, phải không?"

"Không. Không."

"Tốt hơn cô nên uống một ly nước," Sylvia nói.

Bà dành thời gian để nước chảy cho lạnh, cố gắng suy nghĩ cái gì khác bà nên làm hay nói, và khi bà trở ra với ly nước Carla đã bình tĩnh lại.

"Bây giờ. Bây giờ," Sylvia nói trong khi cô đang uống nước. "Cô có đỡ hơn không?"

"Có."

"Không phải là con dê. Vậy là chuyện gì?"

Carla nói: "Tôi không thể chịu đựng được nữa."

Cái gì làm cô không thể chịu đựng được?

Hóa ra là người chồng.

Anh ta lúc nào cũng điên lên với cô. Anh hành động như thể anh ghét cô. Không có gì cô có thể làm đúng, không có gì cô có thể nói. Sống với anh làm cho cô điên được. Đôi khi cô nghĩ cô đã bị điên. Đôi khi cô nghĩ anh ta bị điên.

"Anh ta có làm tổn thương cô không, Carla?"

Không. Anh không có tổn thương cô về thể chất. Nhưng anh ghét cô. Anh xem thường cô. Anh không thể chịu đựng được khi cô khóc và cô không thể không khóc vì anh rất điên.

Cô không biết phải làm gì.

"Có lẽ cô biết phải làm gì," Sylvia nói.

"Bỏ đi? Tôi sẽ đi nếu có thể." Carla bắt đầu kêu khóc một lần nữa. "Tôi sẽ cho bất cứ cái gì để bỏ đi. Tôi không thể. Tôi không có tiền. Tôi không có bất cứ nơi nào trên thế giới này để đi."

"Tốt. Suy nghĩ đi. Đó có phải là hoàn toàn đúng không?" Sylvia đưa ra lời cố vấn tốt nhất. "Cô không có cha mẹ sao? Cô có nói cho tôi biết cô lớn lên ở Kingston mà? Cô không có một gia đình ở đó à?"

Cha mẹ cô đã chuyển đến British Columbia. Họ ghét Clark. Họ không quan tâm nếu cô sống hay chết.

Còn anh chị em?

Một người anh lớn hơn chín tuổi. Anh đã lấy vợ và ở Toronto. Anh cũng không quan tâm. Anh không thích Clark. Vợ anh là một người hợm hĩnh.

"Cô đã bao giờ nghĩ đến Chỗ Nương Thân của Phụ Nữ chưa?"

"Họ không muốn tôi đến đó, ngoại trừ khi tôi bị đánh đập. Và tất cả mọi người sẽ tìm ra và nó sẽ có hại cho kinh doanh của chúng tôi."

Sylvia mỉm cười dịu dàng.

"Đây có phải là lúc để nghĩ về điều đó không?"

Sau đó, Carla cười thật. "Tôi biết," cô nói, "Tôi điên."

"Nghe đây," Sylvia nói. "Hãy nghe tôi. Nếu cô có tiền để đi, cô

sẽ đi không? Cô sẽ đi đâu? Cô sẽ làm gì?"

"Tôi sẽ đi Toronto", Carla trả lời khá sẵn sàng. "Nhưng tôi sẽ không đến gần anh của tôi. Tôi sẽ đi đến một nhà trọ hoặc một cái gì đó và tôi sẽ tìm một việc làm trong một chuồng cưỡi ngựa."

"Cô nghĩ cô có thể làm điều đó?"

"Tôi đang làm việc tại một chuồng cưỡi ngựa mùa hè tôi đã gặp Clark. Bây giờ tôi có kinh nghiệm hơn lúc đó. Hơn rất nhiều."

"Cô nói như thể cô đã tính được điều này," Sylvia nói vẻ suy nghĩ.

Carla cho biết, "Bây giờ tôi đã tính."

"Vậy, khi nào cô sẽ đi, nếu cô có thể đi?"

"Bây giờ. Hôm nay. Ngay phút này."

"Tất cả ngăn cản cô chỉ vì thiếu tiền?"

Carla hít một hơi thật sâu. "Tất cả ngăn cản tôi", cô nói.

"Được rồi," Sylvia nói. "Bây giờ cô nghe những gì tôi đề nghị. Tôi không nghĩ cô phải đến một nhà trọ. Tôi nghĩ cô nên lấy xe buýt đi Toronto và ở nhà một người bạn của tôi. Tên bà ấy là Ruth Stiles. Bà có một ngôi nhà lớn và sống một mình và bà sẽ không cảm thấy phiền hà có ai ở. Cô có thể ở đó cho đến khi cô tìm được một công việc. Tôi sẽ giúp cô một số tiền. Chắc phải có nhiều và rất nhiều chuồng cưỡi ngựa xung quanh Toronto."

"Có nhiều."

"Vậy, cô nghĩ sao? Cô có muốn tôi điện thoại và tìm xem lúc nào xe buýt chạy không?"

Carla nói có. Cô đang run rẩy. Cô đưa bàn tay chạy lên chạy xuống đùi và lắc đầu mạnh từ bên này sang bên kia.

"Tôi không thể tin được", cô nói. "Tôi sẽ trả tiền lại cho bà. Tôi muốn nói, cảm ơn bà. Tôi sẽ trả tiền lại cho bà. Tôi không biết phải nói gì."

Sylvia đã đi gọi điện thoại, quay số trạm xe buýt.

"Suyt, tôi đang nghe giờ," bà nói. Bà lắng nghe, và gác máy. "Tôi biết cô sẽ trả. Cô đồng ý về chỗ ở với Ruth? Tôi sẽ cho bà ấy biết. Tuy nhiên có một vấn đề." Bà nhìn một cách phê bình quần

và áo tay ngắn của Carla. "Cô không thể nào đi trong những quần áo như vậy."

"Tôi không thể về nhà để lấy bất cứ cái gì", Carla nói hoảng hốt. "Tôi sẽ ổn thôi."

"Xe buýt sẽ có máy lạnh. Cô sẽ lạnh cóng. Tôi phải có một cái gì đó cô có thể mặc được. Không phải là chúng ta cùng một chiều cao sao?"

"Bà ốm hơn tôi mười lần."

"Bình thường tôi không như vậy."

Cuối cùng họ quyết định chọn một chiếc áo khoác bằng len màu nâu, gần như chưa mặc - Sylvia đã chọn làm cho mình, kiểu quá bạo - và một cái quần màu tan phù hợp và một áo sơ mi lụa màu kem. Giày thể thao của Carla sẽ phải đi với bộ trang phục này, bởi vì chân của cô có hai kích thước lớn hơn chân của Sylvia.

Carla đi tắm - một chuyện mà cô đã không để ý đến với tâm trạng buổi sáng ấy - và Sylvia gọi điện Ruth. Ruth sẽ đi dự một buổi họp tối hôm đó, nhưng bà sẽ để chìa khóa với người thuê nhà ở tầng trên và Carla chỉ cần nhận chuông họ mà thôi.

"Tuy nhiên, cô ấy sẽ phải lấy một chiếc taxi từ trạm xe buýt. Tôi giả sử cô làm được điều đó chứ?" Ruth hỏi.

Sylvia cười. "Cô ấy không phải là một con vịt què, ba đừng lo lắng. Theo câu chuyện, cô ấy chỉ là một người đang ở trong một tình huống xấu."

"Vậy tốt. Tôi muốn nói là tốt cô ấy đã thoát ra."

"Không phải là một con vịt què chút nào cả," Sylvia nói, nghĩ đến Carla đang thử quần và áo vải len. Thật là cả một sự phục hồi nhanh chóng của người trẻ từ một cơn tuyệt vọng đến vẻ đẹp thể nào của cô gái trong bộ quần áo tươi mát.

Xe buýt sẽ dừng lại ở thị trấn lúc hai giờ hai mươi. Sylvia quyết định làm món trứng tráng cho bữa ăn trưa, đặt bàn với khăn trải màu xanh sẫm, và lấy xuống hai cái ly thủy tinh và mở một chai rượu vang.

"Tôi hy vọng cô khá đói để ăn một cái gì," bà nói, khi Carla

bước ra sạch sẽ và sáng rực trong bộ quần áo mượn. Làn da tàn nhang mịn màng được vòi sen tắm rửa, và mái tóc ẩm ướt sậm hơn được tháo gỡ bím ra, vòm tóc xoắn cứng dễ thương bây giờ nằm phẳng trên đầu. Cô cho biết cô đói, nhưng khi cô cố gắng lấy một nĩa đầy trứng tráng đưa lên miệng, tay cô run rẩy làm cô không thể ăn được.

"Tôi không biết tại sao tôi lại run như thế này", cô nói. Tôi phải phấn khởi. Tôi không bao giờ biết nó sẽ dễ dàng như vậy."

"Thật bất ngờ", Sylvia nói. "Nó có vẻ gần như không có thực."

"Tuy nhiên, nó có thực. Tất cả mọi thứ bây giờ có vẻ thực sự có thực. Giống như thời gian trước bây giờ, lúc tôi đang ở trong một trạng thái bàng hoàng."

"Có thể khi cô nhất trí về một cái gì đó, khi cô thực sự nhất trí, đó là cách nó xảy ra. Hoặc đó là cách nó phải như vậy."

"Nếu bà có một người bạn," Carla nói với một nụ cười ý thức và nét đỏ ửng lan rộng trên trán cô. "Nếu bà có một người bạn thật sự. Tôi muốn nói giống như bà." Cô đặt con dao và nĩa xuống và đưa ly rượu lên lúng túng với cả hai tay. "Xin uống cho một người bạn thật sự," cô nói, không thoải mái. "Đúng ra tôi có lẽ không nên uống một ngụm, nhưng tôi sẽ làm."

"Tôi cũng vậy," Sylvia nói giả vờ vui tươi. Bà uống, nhưng phá vỡ giây phút này khi nói, "Cô sẽ gọi cho anh ấy chứ? Hoặc cái gì? Anh ta cần phải biết. Ít nhất anh sẽ phải biết cô đang ở đâu khi đến lúc anh ta sẽ mong đợi cô về nhà."

"Không điện thoại," Carla, trả lời lo lắng. "Tôi không thể làm điều đó. Có lẽ nếu bà -"

"Không," Sylvia nói. "Không"

"Không, ngu thật. Tôi không nên nói như thế. Chỉ vì quá khó để tôi suy nghĩ rõ ràng. Điều tôi có thể phải làm, tôi nên để lại một tờ giấy trong hộp thư. Nhưng tôi không muốn anh ta nhận được quá sớm. Tôi cũng không muốn chúng ta thậm chí lái xe đi ngang qua đó khi vào thị trấn. Tôi muốn mình đi con đường phía sau. Vậy, nếu tôi viết - nếu tôi viết, bà có thể, bà có thể cho nó vào

hộp thư khi bà trở lại không?"

Sylvia đồng ý, không thấy có sự lựa chọn nào khác tốt hơn.

Bà mang bút và giấy đến. Bà rót thêm một chút rượu. Carla ngồi suy nghĩ, sau đó viết một vài chữ.

Em đã đi xa. Em sẽ ổn thôi.

Đây là những chữ mà Sylvia đã đọc khi bà mở tờ giấy ra, trên đường trở về từ trạm xe buýt. Bà chắc chắn Carla viết đúng như cô đã nghĩ. Chỉ khi bà đề cập đến viết một tin nhắn, và cô ấy ở trong một trạng thái bối rối tột độ. Có lẽ quá bối rối hơn là Sylvia đã nghĩ. Rượu đã làm cho cô nói chuyện rất nhiều, nhưng nó dường như không đi kèm với một nỗi đau hoặc khó chịu cụ thể nào. Cô đã nói về chuồng ngựa nơi cô làm việc và gặp Clark khi cô được mười tám tuổi và mới rời khỏi trung học. Cha mẹ cô muốn cô vào đại học, và cô đã đồng ý miễn là cô có thể được chọn học làm một bác sĩ thú y. Tất cả những gì cô thực sự muốn, và đã muốn cả đời cô, là làm việc với động vật và sống ở vùng quê. Cô từng là một trong những cô gái ngớ ngẩn ở trung học, một trong những cô gái họ đã chế nhạo thối nát, nhưng cô không quan tâm.

Clark là người thầy dạy cưỡi ngựa giỏi nhất mà họ có. Cả đám phụ nữ theo anh, họ sẽ ghi tên học cưỡi ngựa chỉ để có được anh là thầy của họ. Carla trêu chọc anh về những phụ nữ ấy và lúc đầu anh có vẻ thích, sau đó anh đâm ra khó chịu. Cô xin lỗi và cố gắng bù đắp bằng cách nói anh kể về ước mơ của anh - kế hoạch, thực sự - để có một trường dạy cưỡi ngựa, một chuồng ngựa, một nơi nào đó ở miền quê. Một ngày cô đi vào chuồng ngựa và thấy anh đang treo yên ngựa lên và cô nhận ra cô đã yêu anh.

Bây giờ cô xem đó như một vấn đề tình dục. Có lẽ đó chỉ là tình dục.

Khi mùa thu đến và đúng ra cô sẽ nghĩ làm việc và vào đại học ở Guelph, cô từ chối không đi, cô nói cô cần nghỉ một năm.

Clark rất thông minh nhưng anh đã không chờ đợi thậm chí để xong trung học. Anh đã hoàn toàn mất liên lạc với gia đình của anh. Anh nghĩ gia đình giống như một chất độc trong máu.

Anh đã từng làm một người chăm sóc trong một bệnh viện tâm thần, một người chơi nhạc trên đài phát thanh ở Lethbridge, Alberta, một nhân công của một nhóm đường bộ trên đường cao tốc gần Thunder Bay, một người thợ học cắt tóc, một nhân viên bán hàng trong một cửa tiệm Thặng Dư của Quân Đội. Và đó chỉ là các công việc anh đã kể với cô.

Cô biết danh anh là Kẻ Giang Hồ (Gypsy Rover), vì bài hát, một bài hát cũ mẹ cô thường hát. Bây giờ cô luôn luôn hát bản đó trong nhà và mẹ cô biết có điều gì xảy ra.

"Đêm qua cô ngủ trên một chiếc giường lông ấm
Với một cái chăn bông lụa phủ lên người
Đêm nay cô sẽ ngủ trên mặt đất lạnh cứng
Bên cạnh người yêu giang hồ của cô."

Mẹ cô nói, "Anh ta sẽ làm con khổ, đó là một điều chắc chắn." Cha dượng của cô, một kỹ sư, thậm chí không cho Clark một ưu thế nào. "Một kẻ thất bại", ông gọi anh ta. "Một trong những tên trôi giạt." Như thể Clark là một con sâu bọ ông chỉ cần rũ quần áo ra.

Cho nên Carla trả lời: "Một tên trôi giạt mà tiết kiệm đủ tiền để mua một trang trại? Việc mà, nhân đây, anh đã làm được?" và ông chỉ nói, "Tôi sẽ không tranh luận với cô." Dù sao cô cũng không phải là con gái của ông, ông nói thêm, như thể đó là cái lý lẽ không đúng.

Và, đương nhiên, Carla phải bỏ trốn đi với Clark. Cách cha mẹ cô cư xử, họ thực tế đảm bảo điều đó.

"Cô có sẽ liên lạc với cha mẹ cô sau khi đã ổn định?" Sylvia hỏi. "Ở Toronto?"

Carla nhướn lông mày, kéo má vào và miệng tạo ra một chữ O vô lễ. Cô trả lời, "Không."

Chắc chắn là cô hơi say một chút.

Trở về nhà, sau khi bỏ tờ giấy nhắn tin vào hộp thư, Sylvia dọn đĩa vẫn còn trên bàn, rửa sạch và đánh bóng chảo chiên trứng, ném khăn ăn và khăn trải bàn màu xanh vào rổ giặt, và mở cửa

sổ. Bà làm điều này với một cảm giác khó hiểu vừa hối tiếc vừa bực mình. Bà đã lấy ra một cục xà phòng mới thơm mùi táo để cô gái tắm và mùi của nó vẫn còn vương lại trong nhà, cũng như trong xe.

Mưa đã tạm thời ngưng. Bà không thể ngồi yên, nên bà đi bộ dọc theo con đường Leon đã thu dọn. Sỏi đá ông đã đổ vào những nơi lầy lội gần như trôi đi hết. Họ thường đi dạo mỗi mùa xuân, để tìm phong lan hoang dã. Bà dạy ông tên của mỗi hoa dại - ông đều quên tất cả trừ Trillium. Ông thường gọi bà là Dorothy Wordsworth của ông.

Mùa xuân vừa qua, bà đi ra ngoài một lần và hái cho ông một bó nhỏ hoa violet răng chó, nhưng ông nhìn nó - như đôi khi ông nhìn bà - chỉ với sự kiệt sức, không nhận.

Bà tiếp tục nhìn thấy Carla, Carla bước lên xe buýt. Lời cảm ơn của cô chân thành nhưng đã gần như bình thường, cô vẫy tay vui vẻ. Cô đã quen tự cứu cô.

Về đến nhà, vào khoảng sáu giờ, Sylvia gọi điện thoại đi Toronto, cho Ruth, biết rằng Carla sẽ chưa đến nơi. Bà nghe máy trả lời.

"Ruth," Sylvia nói. "Sylvia. Về cô gái mà tôi gửi đến gặp bà. Tôi hy vọng cô ấy không làm bà bận tâm. Và mọi chuyện sẽ tốt. Bà có thể thấy cô ta một chút linh động. Có lẽ chỉ là tuổi trẻ thôi. Cho tôi biết nhé. Được không?"

Bà gọi điện thoại một lần nữa trước khi đi ngủ nhưng gặp cái máy, nên bà nói, "Sylvia nữa đây. Chỉ thử lại," và gác máy. Lúc đó là giữa chín và mười giờ, thậm chí trời chưa thực sự tối. Ruth vẫn chưa về nhà và cô gái sẽ không muốn nhắc điện thoại trong một nhà lạ. Bà cố gắng nghĩ đến tên của người thuê nhà ở tầng trên của Ruth. Họ chắc chắn sẽ chưa đi ngủ. Nhưng bà không thể nhớ. Và chỉ tốt thôi. Gọi điện thoại cho họ sẽ có nghĩa là gây quá nhiều phiền phức, quá lo lắng, đi quá xa.

Bà vào giường nhưng không thể ở lại đó, nên lấy một tấm chăn nhẹ đi ra phòng khách và nằm xuống chiếc ghế dài, mà bà đã ngủ

ba tháng cuối cùng của cuộc đời Leon. Bà cũng không nghĩ bà sẽ có thể ngủ được ở đó - không có màn trên bờ cửa sổ và bà có thể nhìn bầu trời để biết rằng trăng đã lên, mặc dù bà không thể thấy nó.

Điều kế tiếp bà biết là bà ở trên một chiếc xe buýt đâu đó - tại Hy Lạp? - với rất nhiều người bà không quen, và động cơ xe buýt phát ra một tiếng gõ báo động. Bà tỉnh dậy để nhận ra tiếng gõ là ở cửa trước của bà.

Carla?

Carla giữ đầu xuống cho đến khi xe buýt rời khỏi thị trấn. Cửa sổ nhuộm màu, không ai có thể nhìn thấy bên trong, nhưng cô phải cẩn thận không nhìn ra. Vì sợ Clark xuất hiện. Anh có thể rời khỏi một cửa hàng hoặc chờ băng qua đường, không hề biết về việc cô trốn anh đi, nghĩ rằng đây là một buổi chiều bình thường. Không, suy nghĩ đến buổi chiều khi kế hoạch của họ - kế hoạch của anh - được đưa vào hành động, háo hức muốn biết cô đã làm tới đâu.

Một khi họ chạy ra vùng quê cô ngược lên, hít thở thật sâu, nhìn những cánh đồng, trong một màu hơi nhuộm tím qua lớp kính. Sự hiện diện của bà Jamieson đã bao bọc cô với một sự an toàn và tỉnh táo đáng kể và làm cho việc trốn chạy của cô như điều hợp lý nhất mà bạn có thể tưởng tượng, trên thực tế chỉ là điều tự trọng mà một người trong hoàn cảnh của Carla có thể làm. Carla cảm thấy mình có một khả năng tâm sự vốn không quen, ngay cả một ý thức hài hước trưởng thành, tiết lộ cuộc sống với bà Jamieson một cách dửng dưng như để mua chuộc sự thông cảm của bà, và không hẳn khô hài, trung thực. Và thích ứng để sống đúng theo những sự mong đợi của bà Jamieson - của Sylvia, như cô có thể nhìn thấy. Cô đã có cảm giác rằng có thể cô sẽ làm bà Jamieson thất vọng, bà đến với cô như một người nhạy cảm và nghiêm khắc nhất, nhưng cô nghĩ cô không có nguy cơ nào để làm điều đó.

Nếu cô không phải ở gần bà quá lâu.

Mặt trời chiếu sáng, như từ nãy giờ. Khi họ ngồi vào dùng bữa ăn trưa nó đã làm cho những ly rượu vang lấp lánh. Từ sáng sớm đã không có mưa. Có đủ một cơn gió thổi để nâng lên ngọn cỏ bên đường, những cây cỏ dại nở hoa, ra khỏi các bụi ướm sũng. Đám mây mùa hè, không phải là đám mây mưa, đang chạy thẳng trên bầu trời. Toàn bộ vùng nông thôn đang thay đổi, chuyển mình lỏng lẻo, vào ánh sáng thực sự của một ngày tháng bảy. Và khi họ tăng tốc độ chạy cô có thể thấy không có nhiều dấu vết gì của thời gian qua gần đây - không có những vũng nước lớn trong các cánh đồng, cho thấy nơi các hạt giống đã trôi đi, không có thân cây ngô mảnh khảnh đáng thương hoặc đầy hạt nào hết.

Cô có nghĩ đến điều này cô cần phải nói với Clark - là có lẽ vì một lý do quái đản nào đó họ đã chọn một góc rất ẩm ướt và ẩm đạm của vùng quê, và có những nơi khác mà họ có thể đã thành công.

Hoặc có thể là chưa?

Sau đó, cô lại nghĩ tất nhiên là cô sẽ không nói với Clark điều gì. Không bao giờ nữa. Cô sẽ không quan tâm đến những gì xảy ra với anh ta, hoặc Grace hoặc Mike hoặc Juniper hoặc Blackberry hoặc Lizzie Borden. Nếu có cơ may nào Flora trở lại, cô sẽ không biết đến nó nữa.

Đây là lần thứ hai cô để lại tất cả mọi thứ phía sau. Lần đầu tiên giống như bài hát cũ của The Beatles - cô để lại tờ giấy trên bàn và trốn ra khỏi nhà lúc năm giờ sáng, gặp Clark trong bãi đậu xe nhà thờ ở cuối đường. Cô thực sự đã vo ve bài hát đó khi họ lo lắng chạy đi. Cô rời khỏi nhà, từ biệt. Cô nhớ lại bây giờ mặt trời mọc lên phía sau họ như thế nào, cô nhìn bàn tay của Clark trên tay lái như thế nào, những sợi lông đen trên cánh tay có đủ sức, và hít vào mũi bên trong của xe tải, một mùi dầu và kim loại, dụng cụ và chuồng ngựa. Không khí lạnh của buổi sáng mùa thu thổi qua đường nối rỉ sét của xe. Đó là loại xe mà không ai trong gia đình cô bao giờ dùng để đi, mà hầu như không bao giờ xuất

hiện trên các đường phố nơi họ sinh sống.

Mỗi bận tâm của Clark vào sáng hôm đó với giao thông (họ đã ra đến Xa Lộ 401), anh lo về tình trạng của xe tải, anh trả lời cộc lốc, đôi mắt nhúu hẹp lại, thậm chí anh còn hơi bực dọc trước sự thích thú ham chơi của cô - tất cả làm cho cô phẩn khởi. Cũng như sự hỗn độn của cuộc đời anh trong quá khứ, sự cô đơn mà anh thú nhận, cách dụ dằng anh có thể có với một con ngựa, và với cô. Cô nhìn anh như người xây dựng cuộc sống phía trước cho họ, cô như người bị giam cầm, sự nộp mình của cô vừa phù hợp vừa tinh tế.

"Con không biết những gì con đã để lại phía sau," mẹ cô viết cho cô, trong một lá thư đó mà cô nhận được, và không bao giờ trả lời. Nhưng trong những khoảnh khắc run rẩy của chuyến chạy trốn sáng sớm cô chắc chắn đã biết những gì cô để lại phía sau, ngay cả khi cô chỉ có một ý tưởng mơ hồ về những gì cô sẽ hướng đến. Cô khinh bỉ cha mẹ của cô, ngôi nhà của họ, sân sau, tập ảnh, kỳ nghỉ, dụng cụ nhà bếp Cuisinart, phòng rửa tay, phòng quần áo, hệ thống tưới cỏ ngầm của họ. Trong tờ giấy ngắn gọn cô đã viết cô sử dụng chữ chân thực.

Con đã luôn luôn cảm thấy sự cần thiết của một cuộc sống chân thực hơn. Con biết con không thể mong đợi cha mẹ hiểu điều này.

Xe buýt bây giờ đã dừng lại tại thị trấn đầu tiên trên đường. Nơi ngừng là một trạm xăng. Đúng là trạm mà cô và Clark đã thường lái xe đến, trong những ngày đầu của họ, để mua xăng rẻ. Trong những ngày đó thế giới của họ bao gồm nhiều thị trấn ở vùng nông thôn xung quanh và đôi khi họ hành xử như khách du lịch, thử các mẫu đặc sản trong các quán rượu khách sạn bản thủ. Chân lợn, dưa cải bắp, bánh khoai tây, bia. Và họ sẽ ca hát suốt con đường về nhà như những tên điên vùng rừng núi.

Nhưng sau một thời gian tất cả những chuyến đi chơi ra ngoài đều được xem như một sự lãng phí thời gian và tiền bạc. Họ làm những gì mọi người đều làm trước khi hiểu được thực tế cuộc

sống của họ.

Bây giờ cô khóc, đôi mắt đầy nước mà cô không nhận thấy. Cô đặt mình nghĩ về Toronto, những bước đầu tiên trước mặt. Xe taxi, căn nhà cô chưa bao giờ thấy, chiếc giường lạ cô sẽ ngủ một mình. Ngày mai tìm trong danh bạ điện thoại các địa chỉ chuồng ngựa, sau đó tìm đường đến bất cứ nơi nào có để xin việc.

Cô không thể hình dung được. Một mình đi trên tàu điện ngầm hoặc xe điện, chăm sóc những con ngựa mới, nói chuyện với những người mới, sống giữa đám người mỗi ngày không phải là Clark.

Một cuộc sống, một nơi, được chọn vì lý do cụ thể đó - nó sẽ không có hình ảnh của Clark.

Điều lạ lùng và đáng sợ mà cô nhận thấy rõ ràng về thế giới trong tương lai, như cô hình dung ra bây giờ, là cô sẽ không tồn tại ở đó. Cô chỉ sẽ đi bộ xung quanh, và mở miệng và nói, và làm cái này cái kia. Cô sẽ không thực sự ở đó. Và điều lạ về vấn đề này là cô làm tất cả, cô đi trên xe buýt này với hy vọng tìm lại chính mình. Như bà Jamieson có thể nói - và như chính cô có thể hài lòng để nói - định đoạt cuộc sống của riêng cô. Mà không ai nhìn trừng trừng vào cô, không ai lay nhiễm tâm trạng của họ làm cô đau khổ.

Nhưng cô sẽ quan tâm cái gì? Làm sao cô biết cô vẫn còn sống?

Trong khi cô đang chạy trốn khỏi anh - bây giờ - Clark vẫn giữ vị trí của anh trong cuộc sống của cô. Nhưng khi cô bỏ chạy xong, khi cô chỉ tiếp tục, cô sẽ cho cái gì thay vào chỗ của anh? Cái gì khác - ai khác - một thách thức có thể bao giờ cũng sinh động như vậy sao?

Cô đã cố gắng ngừng khóc, nhưng cô bắt đầu run rẩy. Cô đang ở trong một chiều hướng xấu và sẽ phải giữ lấy, tự kềm chế lại. "Tự kềm chế lại," Clark đôi khi đã nói với cô, đi qua một căn phòng cô đang dày vò, cố gắng không khóc, và đó thực sự là cái gì cô phải làm.

Họ đã dừng lại ở một thị trấn khác. Đây là thành phố thứ ba từ

khi rời khỏi nơi cô đã lên xe buýt, có nghĩa là họ đã đi qua thị trấn thứ hai mà thậm chí cô không để ý. Xe buýt đã dừng lại, người lái xe kêu tên ra, và cô không nghe hoặc nhìn thấy cái gì trong lần sương mù sợ hãi của cô. Chẳng bao lâu họ sẽ đến đường cao tốc lớn, họ sẽ rẽ vào hướng đi Toronto.

Và cô sẽ bị thất lạc.

Cô sẽ bị lạc. Mục đích là gì để lấy một xe taxi và đưa địa chỉ mới, để thức dậy vào buổi sáng và đánh răng và đi vào thế giới? Tại sao cô phải tìm một công việc, đưa thức ăn vào miệng, được chuyên chở bởi giao thông công cộng từ nơi này đến nơi khác?

Chân của cô dường như bây giờ thật xa cách với cơ thể của cô. Đầu gối, trong chiếc quần nhăn nheo không quen thuộc, nặng như sắt. Cô đang chìm xuống đất như một con ngựa bị đánh không bao giờ đứng dậy nổi.

Xe buýt đã cho lên vài hành khách và các bưu kiện chờ đợi ở thị trấn này. Một phụ nữ và một em bé trong xe đẩy đang vẫy tay ai đó chào tạm biệt. Tòa nhà phía sau họ, quán cà phê phục vụ như một điểm dừng xe buýt, cũng chuyển động. Một làn sóng hóa lỏng đi qua những viên gạch và cửa sổ như thể chúng sắp tan rã. Trong hiểm họa của cuộc đời cô, Carla kéo cơ thể khổng lồ, chân tay sắt của mình, về phía trước. Cô vấp ngã, cô la lên: "Cho tôi đi xuống."

Ông tài xế thắng lại, ông ta nói câu kính, "Tôi tưởng cô đi Toronto mà?" Mọi người tình cờ hướng về cô những cái nhìn tò mò, không ai dường như hiểu được cô đang lo lắng.

"Tôi phải xuống ở đây."

"Có một nhà vệ sinh ở phía sau."

"Không. Không, tôi phải xuống."

"Tôi không chờ đợi. Cô hiểu không? Cô có hành lý bên dưới không?"

"Không. Có. Không"

"Không có hành lý?"

Một giọng nói trong xe buýt cho biết, "Bình sợ nơi chật hẹp. Cô

mắc chứng bệnh sợ nơi chật hẹp."

"Cô bị bệnh?" Người lái xe hỏi.

"Không. Không, tôi chỉ muốn đi xuống."

"Được rồi. Được rồi. Tốt thôi."

"Ông đến giúp tôi. Xin ông vui lòng. Ông đến giúp tôi."

"Tôi sẽ đến."

Sylvia đã quên khóa cửa. Bà nhận ra là bà cần phải khóa lại ngay bây giờ, không mở ra, nhưng đã quá trễ, bà đã mở ra rồi.

Và không có ai ở đó.

Tuy nhiên, bà chắc chắn, chắc chắn, tiếng gõ có thực.

Bà đóng cửa và lần này bà khóa lại.

Có một âm thanh vui tươi, một tiếng gõ nhẹ leng keng, từ bức tường cửa sổ. Bà vịn đèn lên, nhưng không thấy gì ở đó, và tắt đi một lần nữa. Một con vật - có thể một con sóc? Cửa kính được để mở giữa các cửa sổ, dẫn ra sân, cũng không có khóa. Thậm chí nó không thực sự được đóng, vì bà để hở một chút như vậy cho ngôi nhà thoáng khí. Bà bắt đầu đóng cửa lại và ai đó cười, gần bên, đủ gần để ở trong phòng với bà.

"Tôi đây", một người đàn ông nói. "Tôi có làm bà sợ không?"

Anh ta đứng sát vào cửa kính, anh đứng ngay bên cạnh bà.

"Tôi là Clark," anh nói. "Clark ở cuối đường."

Bà sẽ không mời anh ta vô trong, nhưng bà sợ đóng cửa vào mặt anh. Anh có thể chụp lấy trước khi bà thực hiện được ý định. Bà cũng không muốn bật đèn lên. Bà mặt một cái áo dài ngắn tay đi ngủ. Bà quên kéo cái chặn từ ghế dài để phủ lên người mình, nhưng bây giờ đã quá trễ rồi.

"Bà có muốn mặc quần áo vào không?", anh hỏi. "Những gì tôi có ở đây, có thể là những món bà đang rất cần."

Anh có một túi xách trong tay. Anh đẩy nó vào bà, nhưng không cố gắng nói gì thêm.

"Cái gì?", bà hỏi bằng một giọng ngập ngừng.

"Bà nhìn xem. Không phải một quả bom đâu. Đây, bà cầm đi."

Bà sờ bên trong túi, không nhìn. Một cái gì mềm mại. Và sau

đó bà nhận ra nút áo khoác, lụa áo sơ mi, dây nịch quần.

"Tôi chỉ nghĩ bà nên có những món này lại", anh nói. "Là của bà, phải không?"

Bà siết chặt hàm răng để nó không đập thành tiếng. Miệng và cổ họng bà trở nên khô vì sợ hãi.

"Tôi hiểu quần áo này của bà," anh nói nhẹ nhàng.

Lưỡi của bà di động như một nắm lông cừu. Bà buộc mình phải nói, "Carla đâu rồi?"

"Bà muốn nói vợ tôi Carla?"

Bây giờ bà có thể nhìn khuôn mặt của anh rõ ràng hơn. Bà có thể thấy anh ta đang thích thú.

"Carla vợ tôi ở nhà, trong giường. Đang ngủ trên giường. Cô thuộc về nơi đó."

Anh là một người đàn ông vừa đẹp trai vừa có vẻ ngớ ngẩn. Cao, gầy, khỏe mạnh, nhưng vụng về dường như giả tạo. Một thái độ đe dọa, ý thức và trù tính. Một lọn tóc đen rơi trên trán, một bộ ria mép nhỏ vô ích, đôi mắt nói lên vừa sự hy vọng vừa sự chế nhạo, một nụ cười trẻ con luôn sẵn sàng biến thành hờn dỗi.

Bà luôn luôn không thích nhìn thấy anh - bà đã đề cập chuyện này với Leon, ông nói người đàn ông chỉ không chắc chắn về bản thân, anh chỉ hơi quá thân thiện.

Thực tế là anh không chắc chắn về anh sẽ không làm cho bà cảm thấy an toàn hơn bây giờ.

"Cô ta khá mệt mỏi," anh nói. "Sau chuyến phiêu lưu nhỏ của cô. Bà nên nhìn mặt của bà - bà nên nhìn vẻ mặt của bà khi nhận ra những quần áo này. Bà nghĩ cái gì? Bà nghĩ là tôi đã giết cô ấy à?"

"Tôi ngạc nhiên," Sylvia trả lời.

"Chắc chắn là vậy. Sau khi bà giúp đỡ rất nhiều cho cô ta trốn đi."

"Tôi giúp cô ấy -", Sylvia cố gắng để nói, "tôi đã giúp cô vì cô dường như đang gặp nạn."

"Gặp nạn," anh nói, như thể anh đang căn nhắc từ ngữ. "Tôi

đoán cô gặp nạn thật. Cô gặp nạn rất lớn khi cô nhảy ra khỏi xe buýt và chạy đi lấy điện thoại để gọi tôi đến đưa cô về. Cô đã khóc đến độ tôi hầu như không thể nhận ra cô nói cái gì."

"Cô ấy muốn trở lại?"

"Ô, đúng. Bà hãy tin chắc là cô muốn quay trở lại. Cô ở trong trạng thái kích động thực sự để trở lại. Cô là một cô gái có cảm xúc lên xuống rất bất chợt. Nhưng tôi đoán bà không biết cô ta nhiều như tôi đâu."

"Cô có vẻ rất vui khi đi được."

"Cô có thực sự như vậy không? Tốt, tôi phải tin lời bà. Tôi không đến đây để tranh luận với bà."

Sylvia không nói gì.

"Tôi đến đây để nói với bà tôi không ưa thích bà can thiệp vào cuộc sống của tôi với vợ tôi."

"Cô là một con người," Sylvia nói, mặc dù bà biết có lẽ tốt hơn bà nên giữ im lặng. "Ngoài chuyện là vợ của anh."

"Ôi trời ơi, như vậy sao? Vợ tôi là một con người? Thực sự? Cảm ơn bà đã cho biết. Nhưng bà không nên cố gắng làm ra vẻ thông minh với tôi. Sylvia."

"Tôi không cố gắng làm ra vẻ thông minh."

"Tốt. Tôi mừng là bà không phải như vậy. Tôi không muốn điên lên. Tôi chỉ có một vài điều quan trọng để nói với bà. Điều thứ nhất, là tôi không muốn bà xía mũi vào bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, trong cuộc sống của tôi và vợ tôi. Điều thứ hai, là tôi sẽ không muốn cô ấy đến đây nữa. Không phải là vì cô sẽ đặc biệt muốn đến, tôi khá chắc chắn về điều đó. Cô ấy không có một ý niệm quá tốt về bà lúc này. Và đó là lúc bà nên học cách dọn dẹp nhà của bà đi.

"Bây giờ," anh nói. "Bây giờ. Điều này đã rõ ràng chưa?"

"Khá đầy đủ."

"Ồ, tôi thực sự hy vọng nó rõ ràng. Tôi hy vọng như vậy."

Sylvia nói, "Đúng."

"Và bà biết tôi nghĩ gì khác nữa không?"

"Cái gì?"

"Tôi nghĩ bà nợ tôi cái gì đó."

"Cái gì?"

"Tôi nghĩ bà nợ tôi - có thể - bà nợ tôi một lời xin lỗi."

Sylvia nói, "Được rồi. Nếu anh nghĩ như vậy. Tôi xin lỗi."

Anh đổi chỗ, có lẽ chỉ để đưa tay ra, và với sự chuyển động của cơ thể anh, bà hét lên.

Anh cười. Anh đặt tay lên khung cửa để đảm bảo bà không đóng lại.

"Cái gì vậy?"

"Cái gì là cái gì?", anh nói, như thể bà đang thử lừa anh và sẽ không làm được. Nhưng lúc đó anh bắt gặp một cái gì phản ánh trong cửa sổ, và anh quay nhanh lại để nhìn.

Cách nhà không xa là một mảnh đất rộng nông cạn thường bao phủ với sương mù ban đêm vào khoảng thời gian này trong năm. Đêm nay sương mù đã có đó, tất cả thời gian qua. Nhưng bây giờ vào một lúc nào đó có một sự thay đổi. Sương mù đã dày lên, hợp thành một hình dạng tách biệt, biến chuyển thành cái gì có gai nhọn và rạn rỡ. Lúc đầu là một cây bồ công anh tròn sống động, ngã nhào về phía trước, sau đó ngưng tụ thành một động vật siêu phàm, màu trắng tinh khiết, từ địa ngục, một cái gì giống như một con kỳ lân khổng lồ, chạy xông vào họ.

"Chúa Giêsu", Clark nói khẽ và thành tâm. Và nắm lấy vai của Sylvia. Sự va chạm này không làm bà sợ hãi gì cả - bà chấp nhận biết rằng anh đã làm như vậy hoặc để bảo vệ bà hoặc để trấn an chính anh.

Sau đó khung nhìn bùng nổ. Ra khỏi sương mù, và ra khỏi ánh sáng tuyệt vời - bây giờ nhìn thấy được đó là một chiếc xe chạy dọc theo con đường phía sau này, có thể tìm kiếm một nơi để đậu - ra khỏi khung cảnh này một con dê trắng xuất hiện. Một con dê nhỏ màu trắng đang nhảy, nó không to hơn một con chó chăn cừu.

Clark buông tay ra. Anh nói: "Chúa ơi, mi từ đâu đến?"

"Đó là con dê của anh", Sylvia nói. "Có phải là con dê của anh không?"

"Flora", anh gọi. "Flora".

Con dê đã dừng lại cách họ khoảng một thước, tỏ ra nhút nhát và gục đầu xuống.

"Flora", Clark gọi. "Mi ở chỗ quái nào về đây? Mi làm chúng tôi sợ chết được."

Chúng tôi.

Flora đến gần hơn nhưng vẫn không nhìn lên. Nó dùng đầu húc vào chân của Clark.

"Con vật chết tiệt ngu ngốc", anh nói run rẩy. "Mi từ đâu đến?"

"Nó bị lạc", Sylvia nói.

"Ờ. Chắc vậy. Không bao giờ chúng tôi nghĩ sẽ thấy lại nó, thực sự."

Flora nhìn lên. Ánh trăng bắt được một tia long lanh trong mắt của nó.

"Mi làm chúng tôi sợ chết được", Clark nói với nó. "Mi đi tìm một bạn trai à? Sợ chết được. Phải không? Chúng tôi nghĩ mi là một con ma."

"Đó là ảnh hưởng của sương mù," Sylvia nói. Bây giờ bà bước ra khỏi cửa, vào sân. Khá an toàn.

"Ờ."

"Sau đó, ánh đèn của chiếc xe."

"Giống như một sự xuất hiện," anh nói, lấy lại bình tĩnh. Và hài lòng là anh đã nghĩ đến việc mô tả này.

"Đúng."

"Con dê từ không gian bên ngoài. Mi là vậy đó. Mi là một con dê chết tiệt từ không gian bên ngoài," anh nói, vỗ nhẹ Flora. Nhưng khi Sylvia đưa bàn tay ra để làm như vậy – tay kia bà vẫn cầm túi quần áo mà Carla đã mặc - Flora ngay lập tức cúi đầu như để chuẩn bị húc mạnh.

"Dê không thể đoán trước được", Clark nói. "Chúng có thể có vẻ thuần hóa nhưng chúng không thực sự là vậy. Chỉ sau khi chúng

lớn lên."

"Nó đã trưởng thành chưa? Nó trông quá nhỏ."

"Nó lớn được như vậy thôi."

Họ đứng nhìn con dê, như mong đợi nó sẽ làm cho họ trò chuyện thêm. Nhưng hình như sẽ không xảy ra. Từ lúc này, họ không thể nói gì hơn hoặc bàn luận tiếp. Sylvia tin rằng bà có thể thấy một bóng hối tiếc trên khuôn mặt của anh là câu chuyện kết thúc ở đây.

Nhưng anh thừa nhận. Anh nói, "Đã muộn rồi."

"Tôi cũng đoán vậy," Sylvia nói, giống như đây chỉ là một chuyến viếng thăm bình thường.

"Được rồi, Flora. Đến lúc chúng ta đi về nhà."

"Tôi sẽ làm những sắp xếp khác nếu tôi cần người giúp đỡ", bà nói. "Tôi có thể sẽ không cần đến bây giờ, dù sao đi nữa." Bà nói thêm gần như cười, "Tôi sẽ tránh xa không làm phiền anh."

"Chắc chắn," anh nói. "Tốt hơn bà nên vào bên trong. Bà sẽ bị lạnh."

"Người ta thường nghĩ sương mù ban đêm nguy hiểm."

"Điều đó mới đối với tôi."

"Vậy ngủ ngon", bà nói. "Chúc ngủ ngon, Flora."

Điện thoại reo lúc đó.

"Xin lỗi."

Anh giơ tay lên và quay đi. "Chúc ngủ ngon."

Đó là Ruth trong điện thoại.

"À," Sylvia nói. "Một sự thay đổi trong kế hoạch."

Bà không ngủ, suy nghĩ đến con dê nhỏ, mà sự xuất hiện ra khỏi sương mù dường như đối với bà càng lúc càng kỳ diệu hơn. Bà thậm chí còn tự hỏi nếu, có thể, Leon có thể đã làm cái gì đó. Nếu bà là một nhà thơ bà sẽ viết một bài về một cái gì như thế này. Nhưng trong kinh nghiệm của bà các chủ đề bà nghĩ nhà thơ có thể viết đều không hấp dẫn đối với Leon.

Carla không nghe Clark đi ra ngoài nhưng cô tỉnh dậy khi anh về. Anh nói với cô anh chỉ đi ra kiểm soát xung quanh nhà kho.

"Một chiếc xe chạy qua trên con đường này lúc nãy và anh tự hỏi họ làm gì ở đây. Anh không thể ngủ lại cho đến khi anh ra ngoài và kiểm soát xem mọi chuyện có ổn không."

"VẬY, ỔN CHỨ?"

"Như anh có thể nhìn thấy."

"Và sau đó như anh đã dậy", anh nói, "anh nghĩ anh cũng có thể đi thăm đường trên. Anh mang quần áo trả lại."

Carla ngồi dậy trên giường.

"Anh không đánh thức bà ấy?"

"Bà thức dậy. Không sao. Chúng anh đã nói chuyện."

"Ồ."

"Không sao."

"Anh không đề cập gì đến chuyện đó, phải không?"

"Anh không có đề cập."

"Thật sự tất cả đều được tạo dựng lên. Thật như vậy. Anh phải tin em. Tất cả là lời nói dối."

"Được rồi."

"Anh phải tin em."

"VẬY ANH TIN EM."

"Em dựng lên tất cả."

"Được rồi."

Anh lên giường ngủ.

"Bàn chân anh lạnh", cô nói. "Giống như bị ướm."

"Sương nặng."

"Lại đây," anh nói. "Khi anh đọc tờ giấy của em, anh cảm thấy như bên trong anh trống rỗng. Thật vậy. Nếu em bỏ đi, anh sẽ cảm thấy như anh không còn cái gì hết trong anh."

Thời tiết tươi sáng vẫn tiếp tục. Trên đường phố, trong các cửa hàng, trong Sở Bưu Điện, người ta chào nhau bằng cách nói mùa hè cuối cùng đã đến. Đồng cỏ và thậm chí mùa màng xấu bị đổ ngã cũng nâng đầu lên. Các vũng nước khô cạn, bùn biến thành bụi. Một ngọn gió ấm áp nhẹ nhàng thổi và mọi người cảm thấy hứng thú muốn bắt tay vào việc lại. Điện thoại reo. Hỏi thăm để

cưỡi ngựa trên đường mòn, về những buổi học cưỡi ngựa. Bây giờ trại hè được để ý đến, họ đã hủy bỏ những chuyến đi đến các bảo tàng viện. Nhiều xe rẽ vào, chỗ đầy trẻ em bồn chồn phấn khởi. Máy con ngựa chạy nhảy dọc theo hàng rào, tấm chắn được cởi bỏ ra.

Clark đã tìm cách mua được một mảnh đủ lớn tấm lợp nóc với một giá tốt. Anh đã dành cả ngày đầu tiên sau Ngày Chạy Trốn (đó là cách họ gọi khi đề cập đến chuyến đi xe buýt của Carla) để sửa mái nhà của vòng tập luyện.

Trong vài ngày, khi họ đi làm công việc, anh và Carla sẽ vẫy tay nhau. Nếu cô tình cờ đi ngang gần anh, và không có ai khác xung quanh, Carla có thể hôn lên vai anh qua làn vải mỏng của chiếc áo sơ mi mùa hè anh mặc.

"Nếu em còn thử bỏ anh đi nữa anh sẽ lột da em", anh nói với cô, và cô trả lời, "Anh sẽ có làm không?"

"Cái gì?"

"Lột da em?"

"Chắc chắn là vậy." Bây giờ tinh thần anh lên cao, không thể cưỡng lại được như lúc đầu khi cô vừa quen anh.

Chim ở khắp mọi nơi. Những con chim đen cánh đỏ, chim cổ đỏ, một cặp bồ câu ca hát lúc rạng đông. Rất nhiều quạ, và mòng biển làm nhiệm vụ trinh sát từ hồ nước, và điều hâu to như gà tây ngồi trên nhánh một cây sồi đã chết cách đó nửa dặm, ở bìa rừng. Lúc đầu, chúng chỉ ngồi đó, phơi khô cặp cánh đồ sộ, thỉnh thoảng nâng mình lên bay thử một chuyến, vỗ cánh xung quanh một chút, sau đó tu chĩnh lại để cho ánh nắng và không khí ấm áp làm việc. Trong một hai ngày chúng đã khôi phục, bay cao, vòng quanh và thả xuống đất, biến mất trong rừng, trở lại nghỉ ngơi trên cây trống quen thuộc.

Chủ con ngựa Lizzie - Joy Tucker - xuất hiện trở lại, râm nắng và thân thiện. Cô chỉ chán nản vì mưa hoài và lấy ngày nghỉ leo núi trong dãy Rocky Mountains. Bây giờ cô đã về.

"Thời tiết thật là hoàn hảo", Clark nói. Anh và Joy Tucker bắt

đầu nói đùa như không có gì xảy ra.

"Lizzie trông có vẻ khỏe mạnh", cô nói. "Nhưng người bạn nhỏ của nó đâu rồi? Tên là gì - Flora?"

"Nó đi rồi", Clark nói. "Có lẽ nó bỏ đi đến dãy núi Rocky Mountains."

"Có rất nhiều dê hoang ở ngoài đó. Với những cái sừng tuyệt vời."

"Tôi cũng nghe nói."

Trong ba hoặc bốn ngày họ đã quá bận rộn để đi xuống và nhìn vào hộp thư. Khi Carla mở ra cô tìm thấy hóa đơn điện thoại, một vài hứa hẹn nếu họ đăng ký với một tạp chí nào đó họ có thể thắng giải thưởng một triệu đô la, và lá thư của bà Jamieson.

Carla thân mến của tôi,

Tôi đã suy nghĩ về những sự kiện (khá bi đát) xảy ra trong mấy ngày qua và tôi nhận thấy tôi nói chuyện với chính mình nhưng thực ra là với cô, vì vậy tôi thường nghĩ tôi phải nói chuyện với cô, ngay cả khi - cách tốt nhất tôi có thể làm bây giờ - chỉ trong một lá thư. Và cô đừng lo - cô không cần phải trả lời tôi.

Bà Jamieson tiếp tục nói rằng bà sợ bà đã liên quan quá chặt chẽ đến cuộc sống của Carla và đã sai lầm nghĩ rằng một cách nào đó hạnh phúc và tự do của Carla đều giống nhau. Bà chỉ lo cho hạnh phúc của Carla và bây giờ bà thấy cô - Carla - phải tìm thấy nó trong hôn nhân của cô. Bà chỉ có thể hy vọng là có lẽ chuyện chạy trốn và tình cảm hỗn loạn của Carla đã mang đến rõ ràng cho cô những cảm xúc thật sự và có lẽ một sự thừa nhận ở người chồng về những cảm xúc thật sự của anh luôn nữa.

Bà nói rằng bà sẽ hoàn toàn hiểu nếu Carla ước muốn tránh bà trong tương lai và bà sẽ luôn luôn biết ơn sự hiện diện của Carla trong cuộc sống của bà khoảng thời gian quá khó khăn đó.

Điều kỳ lạ và tuyệt vời nhất trong toàn bộ chuyện này dường như đối với tôi là sự tái xuất hiện của Flora. Trong thực tế nó có vẻ khá giống như một phép lạ. Nó đã ở đâu suốt thời gian qua và

tại sao nó chỉ chọn thời điểm đó để xuất hiện trở lại? Tôi chắc chắn chồng cô đã mô tả cho cô. Chúng tôi đang nói chuyện ở cửa sân và tôi - đối mặt ra - là người đầu tiên nhìn thấy một cái gì đó màu trắng xông vào chúng tôi từ màn đêm. Tất nhiên đó là ảnh hưởng của sương mù từ mặt đất. Nhưng thực sự đáng sợ. Tôi nghĩ tôi hét lớn lên. Tôi chưa bao giờ cảm thấy ý nghĩa thực của tà thuật như vậy trong cuộc đời. Tôi cho rằng tôi cần phải trung thực mà nói là sợ hãi. Chúng tôi đang ở đó, hai người lớn, đông cứng lại, và sau đó Flora nhỏ bé thất lạc bước ra khỏi sương mù.

Chắc phải có một cái gì đặc biệt về sự kiện này. Tôi biết tất nhiên Flora là một con vật nhỏ bình thường và có lẽ nó muốn đi xa tìm cách có thai. Một cách khác sự trở về của nó không liên hệ gì với cuộc sống của con người chúng ta. Tuy nhiên, sự xuất hiện của hiện tượng đó đã gây ra một hiệu ứng sâu sắc cho chồng cô và tôi. Khi hai con người đang bị chia rẽ bởi sự thù địch, cùng một lúc cả hai đều bối rối - không, sợ hãi - bởi sự xuất hiện, có một liên kết bùng lên giữa họ, và họ thấy họ hợp nhất một cách bất ngờ. Hợp nhất trong tình nhân loại - đó là cách duy nhất tôi có thể mô tả. Chúng tôi chia tay gần như là bạn bè. Vì vậy, Flora có vị trí như một thiên thần tốt trong cuộc sống của tôi và có lẽ cũng trong cuộc sống của chồng cô và của cô.

Với tất cả những lời chúc tốt đẹp của tôi, Sylvia Jamieson

Ngay sau khi Carla đọc xong lá thư, cô vò nát nó. Sau đó, cô đốt cháy trong bồn rửa chén. Ngọn lửa cao lên đáng báo động và cô bật vòi nước ra, rồi nhặt đóng đen kính tắm mềm nhũn và thấy nó xuống nhà vệ sinh như cô đứng ra nên làm lúc đầu.

Cô bận rộn phần còn lại ngày hôm đó, và ngày tiếp theo, và ngày tiếp theo. Trong thời gian này, cô phải mang hai toán đi trên những con đường mòn, những lớp học cho trẻ em, cá nhân và theo nhóm. Ban đêm khi Clark vòng tay quanh người cô - bận rộn như anh bây giờ, anh không bao giờ quá mệt mỏi, không bao giờ bỏ qua - cô không thấy khó để hợp tác.

Giống như cô có một cây kim giết người ở đâu đó trong phổi,

và nếu thở một cách cẩn thận, cô có thể tránh khỏi cảm giác đó. Nhưng thỉnh thoảng cô cần thở thật sâu, và nó vẫn còn ở đó.

Sylvia mượn một căn hộ ở làng đại học nơi bà dạy. Ngôi nhà không để bán - hoặc ít nhất không có một bảng hiệu nào cắm ở phía trước. Leon Jamieson đã nhận một loại giải thưởng di cảo - tin này được đăng trong báo. Lần này không có đề cập đến tiền bạc.

Và những ngày vàng khô của mùa thu đến - một mùa khích lệ và lợi nhuận - Carla thấy cô cũng quen với ý nghĩ sắc nhọn nằm trong người cô. Nó không còn sắc nhọn nhiều nữa - trên thực tế, nó không còn làm cô ngạc nhiên. Và bây giờ cô bị ám ảnh bởi một khái niệm gần như quyến rũ, một sự cảm dỗ liên tục thật thấp.

Cô chỉ cần ngược mắt lên, cô chỉ cần nhìn vào một hướng, để biết cô có thể đi đâu. Một buổi tối đi bộ, một khi công việc trong ngày của cô đã hoàn tất. Đến bìa rừng, và cây trồng nơi những con điều hâu đã tổ chức tiệc vui của chúng.

Và sau đó đồng xương nhỏ bắn thủ trên cỏ. Chiếc sọ với có lẽ một vài miếng da dính máu còn bám vào đó. Một cái sọ cô có thể cầm như một tách trà trong một tay. Hiểu biết trong một tay.

Hoặc có lẽ không. Không có gì ở đó.

Những thứ khác có thể xảy ra. Anh ta có thể đuổi Flora đi. Hoặc cột nó ở phía sau xe tải và chở nó đi xa và thả nó đi. Đưa nó trở lại nơi mà họ đã mua nó. Để không có nó xung quanh, nhắc họ nhớ lại.

Nó có thể được trả tự do.

Ngày qua ngày và Carla không đi đến gần nơi đó. Cô chống lại sự cảm dỗ.

CƠ HỘI



Nguyên tác: Chance

*R*hoảng giữa tháng sáu năm 1965, nhiệm kỳ làm việc tại Torrance House chấm dứt. Trường không có một công việc thường trực nào cho Juliet. Người giáo viên mà cô thay thế đã hồi phục lại và bây giờ cô có thể lên đường trở về nhà. Nhưng cô dự định làm một vòng nhỏ để ghé thăm một người bạn sống gần bờ biển.

Một tháng trước, cô đi chơi với một giáo viên khác, Juanita là người bạn duy nhất trong nhóm nhân viên gần tuổi với cô để xem lại một cuốn phim tựa đề Hiroshima Mon Amour (Hiroshima Tình Yêu của Tôi). Juanita sau đó thú nhận rằng bản thân cô giống người phụ nữ trong câu chuyện yêu thương một người đàn ông đã có gia đình, cha của một học sinh. Sau đó, Juliet nói cô đã thấy mình trong tình trạng gần như tương tự nhưng không cho phép sự việc tiếp tục vì hoàn cảnh bi thảm của người vợ. Vợ ông là một người hoàn toàn bị tê liệt, ít nhiều não bộ đã chết. Juanita nói cô ước muốn vợ người tình của mình bị chết não nhưng không phải như vậy – cô ấy mạnh mẽ và oai quyền và có thể làm Juanita bị sa thải.

Và sau đó không bao lâu, một lá thư đến như thể được gọi lên bởi những lời nói dối không xứng đáng hoặc gần như dối trá. Phong bì nhìn tồi tàn, hình như nó nằm trong túi khá lâu và nó chỉ ghi gởi cho "Juliet (Giáo viên), Torrance House, 1482 Đường Mark, Vancouver, B.C." Bà hiệu trưởng đưa cho Juliet, nói rằng "Tôi nghĩ thư này gởi cho cô. Thật kỳ lạ không có ghi tên họ nhưng họ đã ghi đúng địa chỉ. Tôi đoán họ có thể tìm ra điều này."

"Juliet thân mến, tôi quên không biết cô đang giảng dạy ở trường nào nhưng ngày hôm đó, tôi tự nhiên nhớ ra, cho nên

dường như đối với tôi đó là một dấu hiệu tôi phải viết thư cho cô. Tôi hy vọng cô vẫn còn ở đó và công việc sẽ phải khá khủng khiếp để cô rời bỏ trước mãn thời kỳ và dù sao tôi không thấy ở cô hình ảnh một người bỏ cuộc.

Cô có thích thời tiết phía tây bờ biển của chúng ta không? Nếu cô nghĩ Vancouver mưa rất nhiều thì thử tưởng tượng chúng tôi nhận được ở đây gấp đôi.

Tôi thường nghĩ đến cô ngồi nhìn những vì sao ở cầu thang. Cô thấy tôi viết cầu thang, đêm đã khuya và đến lúc tôi vào giường nằm.

Ann cũng bình thường. Khi tôi đi xa trở về, tôi nghĩ bà ấy thất bại khá nhiều nhưng chủ yếu bởi vì tôi có thể nhìn thấy tất cả cùng một lúc bà đã xuống dốc từ hai ba năm qua. Tôi không để ý sự suy giảm đó khi tôi nhìn thấy bà mỗi ngày.

Tôi không nghĩ đã nói với cô là tôi có ghé qua Regina để thăm con trai của tôi nay đã mười một tuổi. Cậu sống ở đó với mẹ. Tôi cũng nhận thấy một sự thay đổi lớn ở cậu ta.

Tôi rất vui cuối cùng nhớ được tên trường học nhưng bây giờ tôi hết sức lo sợ vì tôi không thể nào nhớ tên họ của cô. Dù sao tôi sẽ dán bức thư này lại và hy vọng sẽ nhớ được tên.

Tôi thường nghĩ đến cô.

Tôi thường nghĩ đến cô

Tôi thường nghĩ đến cô zzzzzz"

Xe buýt chở Juliet từ trung tâm thành phố Vancouver đến Vịnh Horseshoe Bay và sau đó qua một chiếc phà. Sau đó vượt qua một bán đảo lục địa và lên một chiếc phà khác và vào đất liền một lần nữa và từ đó đến thị trấn nơi người đàn ông viết bức thư đang sống. Vịnh Whale Bay. Và thật nhanh chóng, thậm chí trước khi đến Vịnh Horseshoe Bay, bạn vượt qua từ thành phố đến nơi hoang dã ngay. Tất cả khóa này cô đã sống giữa những bãi cỏ và vườn hoa của Kerrisdale với những ngọn núi phía bắc bờ biển trông giống một bức màn sân khấu khi thời tiết quang đãng. Khung viên trường được bao bọc và văn mình, che chở bởi

một bức tường đá với một loài hoa nào đó nở rộ mọi mùa trong năm. Và khu vực các nhà xung quanh cũng vậy. Được tĩa cắt thật phong phú voi các loài hoa đỗ quyên, ô rô, nguyệt quế và wisteria. Nhưng trước khi bạn đến thậm chí một nơi xa như Vịnh Horseshoe Bay, một khu rừng thực sự, chứ không phải một công viên rừng xuất hiện. Và từ đó là nước và đá, cây sậm tối, rong rêu lũng lảng. Thỉnh thoảng một làn khói thoát ra từ vài ngôi nhà nhỏ ẩm ướt siêu vẹo với một khoảng sân chứa đầy củi đốt, gỗ và lớp xe, xe hơi và các bộ phận xe, xe đạp bị hỏng hoặc có thể sử dụng, đồ chơi, tất cả những gì để bên ngoài được khi người ta thiếu nhà để xe hoặc tầng hầm.

Các thị trấn mà xe buýt dừng lại là những thị trấn không có tổ chức chút nào. Ở một số nơi vài căn nhà giống nhau, nhà của công ty xây dựng cạnh nhau nhưng hầu hết giống những căn nhà trong rừng, mỗi nhà nằm trong sân rộng đầy rác rưởi như thể chúng được dựng lên một cách vô tình trong tầm nhìn của nhau. Không có đường trải nhựa, ngoại trừ đường cao tốc đi qua, không có vỉa hè. Không có tòa nhà lớn vững chắc để đặt Bưu Điện hoặc Văn Phòng Thị Trấn, không có khối trang trí của các cửa hàng dựng lên để được chú ý. Không có di tích chiến tranh, vòi nước uống hay công viên hoa nhỏ. Đôi khi một khách sạn trông như thể nó chỉ là một quán rượu. Đôi khi một trường học hiện đại hoặc bệnh viện hợp lệ nhưng thấp và tầm thường như một nhà kho.

Và có lúc, nhất là khi đi trên chiếc phà thứ hai, cô bắt đầu có những nghi ngờ làm dạ dày sôi động về toàn bộ câu chuyện.

Tôi thường nghĩ đến cô

Tôi nghĩ đến cô thường

Đó chỉ là những gì người ta nói để an ủi hoặc từ một mong muốn nhẹ nhàng để lưu giữ ai đó lại.

Nhưng sẽ phải có một khách sạn hoặc ít nhất phòng cho du khách ở Vịnh Whale Bay. Cô sẽ đi đến đó. Cô đã bỏ chiếc va-li lớn lại trường để lấy sau. Cô chỉ có túi du lịch đeo trên vai, cô sẽ

không bị ai chú ý. Cô sẽ ở lại một đêm. Có thể gọi cho ông..

Và nói cái gì?

Rằng cô đến đây để thăm một người bạn. Cô bạn Juanita quen ở trường, cô ấy có một căn nhà mùa hè, ở đâu? Juanita có một căn nhà nhỏ trong rừng. Cô là loại phụ nữ thích sống ngoài trời không hề sợ hãi (hoàn toàn khác với Juanita thực sự, một người hiếm khi rời khỏi chiếc giày cao gót). Và căn nhà nhỏ này hóa ra không xa về phía nam của Vịnh Whale Bay. Khi chuyến đi thăm căn nhà nhỏ và Juanita xong, Juliet đã suy nghĩ, cô đã suy nghĩ, vì dù sao cô cũng ở gần đó rồi, cô nghĩ cô cũng có thể...

Đá, cây, nước, tuyết. Những thứ này liên tục bị sắp xếp lại tạo thành một khung cảnh sáu tháng trước, bên ngoài cửa sổ xe lửa vào một buổi sáng giữa Giáng sinh và Năm Mới. Những tảng đá lớn, đôi khi nhô ra, đôi khi nhẵn như hòn đá cuội, màu xám đen hoặc khá đen. Cây chủ yếu là cây trường xanh, cây thông hoặc vân sam hoặc tuyết tùng. Cây vân sam đen có những cái trông giống như cây con mọc thêm, thật nhỏ đâm ra từ phía đầu. Những cây không phải trường xanh khẳng khiu và trơ trọi, có thể là cây dương hoặc một loại thông. Một số có thân đầy đốm. Tuyết rơi dày trên các tảng đá và theo hướng gió dán vào một bên thân cây. Nó phủ một lớp mềm mịn trên nhiều mặt hồ lớn nhỏ đông lạnh. Nước không có băng chỉ chảy nhanh thỉnh thoảng trong một dòng suối tối và hẹp.

Juliet có một cuốn sách mở trên đùi nhưng cô không đọc. Cô không rời mắt khỏi những gì đang lướt qua. Cô ngồi một mình trên chiếc ghế đôi và có một ghế đôi trống đối diện với cô. Đây là khoảng trống cô sẽ làm giường ngủ ban đêm. Hiện giờ, người khuân vác đang bận rộn trong toa xe ngủ này, tháo gỡ thu xếp cho buổi tối. Ở một số nơi, những tấm vải bố che có khóa kéo màu xanh lá cây đậm vẫn được treo xuống đến sàn. Vải này có mùi như vải lều và có thể một mùi nhẹ quần áo ngủ và nhà vệ sinh. Một luồng không khí mát mùa đông ập vào mỗi lần có ai mở cửa ở đầu toa xe. Những người cuối cùng đi ăn sáng, những

người khác trở lại.

Có những dấu vết đi trong tuyết của động vật nhỏ. Những lần chuỗi hạt, vòng tròn và biến mất.

Juliet hai mươi một tuổi và đã lấy được bằng Cử Nhân và Cao Học ngành Cổ Điển. Cô đang làm luận án Tiến Sĩ nhưng đã dành thời gian để dạy tiếng La-tinh tại một trường tư nữ sinh ở Vancouver. Cô không được đào tạo như một giáo viên nhưng trường sẵn sàng thu nhận cô khi bất ngờ giữa khóa có một chỗ trống. Có lẽ không ai khác đã trả lời quảng cáo. Mức lương ít hơn bất kỳ giáo viên có trình độ có thể chấp nhận. Nhưng Juliet rất sung sướng để nhận được bất kỳ khoản thù lao nào sau nhiều năm với học bổng bursar.

Cô là một cô gái cao, da trắng và tinh xương với mái tóc nâu nhạt ngay cả khi xịt keo cũng không giữ lại một nếp phòng nào. Cô có dáng vẻ của một nữ sinh tươi tỉnh. Đầu ngẩng cao, cằm tròn gọn gàng, miệng rộng môi mỏng, mũi dọc, đôi mắt sáng và một vàng trán thường đỏ lên vì cố gắng hay hiểu biết. Các giáo sư rất hài lòng vì cô, họ vui mừng ngày nay thấy bất cứ ai chịu khó học tiếng cổ xưa và đặc biệt đối với một người có năng khiếu như vậy, nhưng đồng thời họ cũng lo lắng. Vấn đề là cô là một cô gái. Nếu cô ấy kết hôn và có thể xảy ra vì cô ấy không xấu xí đối với một cô gái có học bổng, cô ấy không xấu xí chút nào nên cô sẽ lãng phí tất cả công việc khó khăn của cô và của họ và nếu cô không kết hôn cô có thể sẽ trở thành ảm đạm và bị cô lập, mất đi những cơ hội thăng tiến so với đàn ông (những người này cần hơn vì họ phải hỗ trợ gia đình). Và cô ấy sẽ không thể bảo vệ sự lựa chọn kỳ quặc về bộ môn Cổ Điển của mình để chấp nhận những gì mọi người sẽ nhìn thấy như không thích hợp hoặc mơ mộng để bong nó ra như một người đàn ông có thể làm. Sự lựa chọn kỳ lạ chỉ đơn giản dễ dàng hơn cho người đàn ông mà hầu hết sẽ tìm được người phụ nữ vui mừng kết hôn với họ. Không phải như vậy nếu vai trò đổi ngược lại.

Khi cô được mời giảng dạy, họ thúc giục cô nhận lời. Tốt cho

cô. Hãy đi ra và bước vào thế giới một chút. Thấy một phần nào cuộc sống thực.

Juliet đã quen với lời khuyên như vậy rồi mặc dù cô thất vọng khi nghe nó từ những người đàn ông không có vẻ như họ đã từng tung hoành trong thế giới thực một cách thật háo hức. Ở thị trấn nơi cô lớn lên, loại trí thông minh của cô thường được đặt trong cùng thể loại như một cái chân khập khiễng hoặc một ngón tay cái dư thừa và người ta đã nhanh chóng chỉ tay vào các dự kiến phụ bất lợi - cô không biết sử dụng một máy may hoặc cột gọn gàng một bưu kiện, hoặc nhận thấy cô để lộ quần lót. Cô sẽ trở thành người như thế nào, đó là câu hỏi.

Việc này xảy ra ngay cả với mẹ và cha của cô, những người tự hào về cô. Mẹ cô muốn cô được mọi người biết đến và với mục đích đó đã thúc giục cô học trượt băng và chơi đàn dương cầm. Cô đã làm một cách miễn cưỡng và không tốt. Cha cô chỉ muốn cô hòa nhập vào. Con cần phải hòa nhập vào, ông nói với cô, nếu không người ta sẽ biến cuộc sống của con thành địa ngục. (Điều này bỏ qua thực tế là ông và đặc biệt là mẹ của Juliet, đã tự họ không hòa nhập được tốt lắm và không sống đau khổ. Có lẽ ông nghi ngờ Juliet có thể không được may mắn như họ.)

Tôi hòa nhập, Juliet nói một khi cô đã vào đại học. Tôi hòa nhập vào Phần Sở Cổ Điển. Tôi vô cùng ổn định.

Nhưng cùng một thông điệp từ các thầy cô, những người đã có vẻ coi trọng và vui mừng ở cô. Niềm vui thân mật của họ không giấu được mối quan tâm. Hãy đi ra và bước vào thế giới, họ đã nói. Làm như nơi cô đã sống qua đến bây giờ không là gì hết.

Tuy nhiên, trên chuyến xe lửa, cô thật hạnh phúc.

Taiga, cô nghĩ. Cô không biết liệu đó có phải là từ thích hợp cho những gì cô đang nhìn không. Ở một mức độ nào đó, có thể cô đã có ý tưởng mình là một phụ nữ trẻ trong một cuốn tiểu thuyết của Nga, đi ra ngoài trong một khung cảnh không quen thuộc, đáng sợ và phấn khởi nơi những con sói sẽ hú lên vào ban đêm và nơi cô sẽ gặp số phận của cô. Cô không quan tâm số phận

này, trong một cuốn tiểu thuyết của Nga, có thể sẽ trở thành âm đam hoặc bi thảm hoặc cả hai.

Dù sao số phận cá nhân không phải là điểm chính yếu. Những gì đã lôi cuốn cô - thực sự mê hoặc cô, là sự dũng dưng, lặ lại, bất cần và thách thức đối với sự hài hòa được tìm thấy trên mặt mờ ảo của tảng đá mòn Precambrian.

Một cái bóng xuất hiện ở bên mắt của cô. Sau đó, một ống quần bước vào.

"Có ai ngồi chỗ này không?"

Tất nhiên là không có. Cô có thể nói gì?

Đôi giày đi bộ có tua, quần nâu, áo khoác nâu ô vuông với các đường kẻ màu hạt dẻ, áo sơ mi xanh đậm, cà vạt màu hạt dẻ với đốm màu xanh và vàng. Tất cả đều mới và tất cả ngoại trừ đôi giày trông hơi quá lớn, tựa như bàn chân bên trong đã rút ngắn phần nào từ khi mua.

Đó là một người đàn ông ở tuổi ngũ tuần với những sợi tóc màu nâu vàng dán trên da đầu. (Tóc không thể nào bị nhuộm, có thể có, ai mà nhuộm một chỏm tóc ít ỏi như vậy?) Lông mày của ông sậm hơn, hơi đỏ, chìa lên và rậm rạp. Tất cả da mặt có vẻ sần sùi dày như mặt sữa chua.

Ông xấu xí? Vâng, tất nhiên. Ông xấu xí nhưng theo ý cô cũng như nhiều, nhiều người đàn ông khoảng độ tuổi ông. Cô sẽ không nói, dù sau, là ông xấu xí một cách rõ rệt.

Chưng mày ông nhướng lên, đôi mắt ướm màu nhạt mở to như sữa soạn một niềm hân hoan. Ông ngồi xuống đối diện với cô. Ông nói, "Không có gì nhiều để xem ngoài đó."

"Không." Cô nhìn xuống cuốn sách của cô.

"À," ông nói, như thể câu chuyện đã được mở ra một cách thoải mái. "Và cô đi có xa lắm không?"

"Vancouver."

"Tôi cũng vậy. Tất cả tuyến đường xuyên qua nước. Cũng có thể để nhìn thấy tất cả trong khi cô đi qua, đúng không?"

"Ừm."

Nhưng ông vẫn kiên trì.

"Cô cũng lên xe từ Toronto?"

"Phải."

"Toronto là nơi tôi ở. Tôi sống cả đời ở đó. Cô cũng vậy?"

"Không," Juliet nói, nhìn vào cuốn sách của mình một lần nữa và cố gắng để kéo dài thời gian. Nhưng một cái gì đó, cách cô được nuôi dạy, sự bối rối của cô. Chúa có lẽ biết sự thương hại của cô quá mãnh liệt và cô nghĩ ra tên thành phố cô ở, sau đó đặt vị trí nó cho ông với một khoảng cách từ nhiều thị trấn khác nhau lớn hơn, đó là vị trí của Hồ Lake Huron, Vịnh Georgian Bay.

"Tôi có một người chị em họ ở Collingwood. Một vùng đất tốt đẹp, trên đó. Tôi có đi đến thăm cô ấy và gia đình vài lần. Cô đi du lịch một mình? Như tôi?"

Ông tiếp tục vỗ bàn tay này qua bàn tay kia.

"Vâng." Không nói nữa, cô nghĩ. Không nói nữa.

"Đây là lần đầu tiên tôi đi một chuyến xa đến bất cứ nơi nào. Tất cả một chuyến đi, một mình."

Juliet không nói gì.

"Tôi vừa thấy cô ngồi đó đọc sách chỉ một mình và tôi nghĩ có lẽ cô đi một mình và cũng có một chặng đường dài để đi, như vậy chúng ta có thể là loại bạn thân cùng đi chung với nhau?"

Nghe những từ đó, bạn thân với nhau, một sự hỗn loạn ớn lạnh bốc lên trong người Juliet. Cô hiểu rằng ông không có ý đeo đuổi cô. Một trong những điều vô đạo đức đôi khi xảy ra là người đàn ông khá vụng về và cô đơn cũng như không hấp dẫn sẽ làm một nỗ lực trơ trọi với cô, ngụ ý cô cần chung một ý hướng với họ. Nhưng ông đã không làm điều đó. Ông muốn có một người bạn, không phải một cô bạn gái. Ông muốn có một người bạn thân.

Juliet biết rằng đối với nhiều người cô có vẻ kỳ lạ và đơn độc và như vậy, trong một khía cạnh là đúng. Nhưng cô cũng đã có kinh nghiệm trong hầu hết cuộc sống của cô, về cảm giác bị bao quanh bởi những người muốn rút tĩa sự chú ý và thời gian và cả

linh hồn của cô. Và thường thường cô để họ làm.

Tỏ ra sẵn sàng, thân thiện (đặc biệt nếu không ai biết đến bạn), đó là những gì bạn học được trong một thị trấn nhỏ và cả trong một ký túc xá nữ sinh. Hãy làm ơn với bất kỳ ai tha thiết cần đến bạn ngay cả khi họ không biết gì về bạn.

Cô nhìn thẳng vào người đàn ông này và không cười. Ông đã nhìn thấy quyết tâm của cô, có một tia báo động trên khuôn mặt của ông.

"Sách của cô hay không? Nó nói về cái gì?"

Cô sẽ không nói là về Hy Lạp cổ đại và tài liệu phụ thuộc đáng kể làm cho người Hy Lạp phi lý. Cô sẽ không giảng dạy tiếng Hy Lạp nhưng được mời dạy một khóa học gọi là Ý Tưởng Hy Lạp vì vậy cô đọc Dodds một lần nữa để xem cô có thể ghi nhận những gì. Cô nói: "Tôi rất muốn đọc sách. Tôi nghĩ tôi sẽ đi đến toa xe quan sát."

Và cô đứng dậy bỏ đi nghĩ rằng cô không nên nói nơi cô sẽ đi, ông có thể đứng dậy và đi theo cô, xin lỗi, tìm đến lời cầu xin khác. Ngoài ra, có thể sẽ lạnh trong xe quan sát và cô ước muốn mang theo chiếc áo len. Nhưng bây giờ không thể trở lại để lấy nữa.

Khung cảnh chung quanh từ toa xe quan sát ở cuối tàu dường như không làm cô hài lòng bằng cái nhìn từ cửa sổ toa xe ngủ. Bây giờ trước mặt, hình ảnh của xe lửa luôn xen vào.

Có lẽ vấn đề là cô bị lạnh giống như cô đã nghĩ lúc nãy. Và bối rối. Nhưng không hối tiếc. Một chút nữa thôi thì bàn tay lạnh của ông sẽ chìa ra, cô nghĩ nó có thể lạnh hoặc khô và có vẩy, tên họ sẽ được trao đổi, cô sẽ bị khóa nhốt lại. Đây là loại chiến thắng đầu tiên mà cô chưa bao giờ điều động và để chống lại một đối thủ thật tội nghiệp và buồn nhất. Bây giờ cô có thể nghe ông, nhai lại từ ngữ bạn thân với nhau. Xin lỗi và xác xược. Xin lỗi là thói quen của ông. Và xác xược là kết quả của một số hy vọng hay quyết tâm phá vỡ bề mặt của sự cô đơn, tâm trạng đói khổ của ông.

Điều này cần thiết nhưng không dễ dàng, thật không dễ dàng chút nào. Trong thực tế được xem nhiều hơn là một chiến thắng, một cách chắc chắn, để đương đầu với một người nào đó trong một trạng thái như vậy. Nó được xem nhiều hơn là một chiến thắng nếu ông đã khéo léo và tự tin. Nhưng một lúc nào đó cô sẽ phần nào cảm thấy khốn khổ.

Chỉ có hai người khác ngồi trong xe quan sát. Hai phụ nữ lớn tuổi, mỗi người ngồi một mình. Khi Juliet nhìn thấy một con sói lớn băng qua trên mặt hoàn hảo của một hồ nước nhỏ phủ tuyết, cô biết rằng họ cũng phải nhìn thấy nó. Nhưng không ai phá vỡ sự im lặng và điều đó làm cô vui lòng. Con sói không để ý đến xe lửa, nó không do dự hay đi nhanh. Bộ lông của nó dài, bóng bạc thành màu trắng. Nó nghĩ điều này khiến nó vô hình chăng?

Trong khi cô đang nhìn con sói, một người hành khách khác đã đến. Một người đàn ông, người chọn chỗ ngồi bên kia lối đi ngang với cô. Ông cũng mang theo một cuốn sách. Một cặp vợ chồng lớn tuổi theo sau, bà nhỏ người và hoạt bát, ông to lớn và vụng về với những hơi thở nặng nề bất lịch sự.

"Ở đây lạnh," ông nói khi họ đã ngồi xuống.

"Ông có muốn tôi đi lấy áo khoác cho ông không?"

"Đừng bận tâm."

"Không có gì bận tâm."

"Tôi sẽ ổn thôi."

Trong chốc lát người phụ nữ nói, "Ông chắc chắn có được một cái nhìn ở đây." Ông không trả lời và bà cố gắng một lần nữa. "Ông có thể thấy tất cả xung quanh."

"Có gì đó để xem."

"Chờ đến khi chúng ta đi qua những ngọn núi. Sẽ thật ngoạn mục. Ông dùng bữa ăn sáng có ngon không?"

"Trúng hơi lỏng."

"Tôi biết." Người phụ nữ thương xót. "Tôi nghĩ, tôi chỉ cần xông vào nhà bếp và tự tay mình thực hiện món trứng."

"Galley, bếp ở trên xe lửa. Họ gọi đó là 'galley' bếp ở trên xe

lửa."

"Tôi lại nghĩ đó là trên một chiếc tàu."

Juliet và người đàn ông bên kia lối đi ngược mắt lên khỏi cuốn sách của họ cùng một lúc và ánh mắt họ gặp nhau, với một sự thanh tịnh không chứa đựng một biểu hiện nào hết. Và trong một hay hai giây phút đó, xe lửa chạy chậm, sau đó dừng lại và họ nhìn đi nơi khác.

Họ đã đến một khu lập nghiệp nhỏ trong rừng. Một bên là nhà ga sơn màu đỏ sẫm và bên kia vài ngôi nhà được sơn cùng màu. Nhà hoặc doanh trại cho công nhân đường sắt. Có một thông báo sẽ dừng ở đây mười phút.

Sân ga đã được dọn sạch tuyết và Juliet nhìn chăm chú về phía trước, thấy một số người xuống xe lửa để đi thả bộ. Cô cũng thích có thể làm như vậy nhưng cần có một chiếc áo khoác.

Người đàn ông bên kia lối đi đứng dậy và đi xuống cầu thang mà không có một cái nhìn xung quanh. Cánh cửa mở ra một nơi nào đó bên dưới, mang lại một luồng không khí lạnh tàng hình. Người chồng lớn tuổi hỏi họ đang làm gì ở đây và nơi này tên gì. Vợ ông đi lên phía trước xe lửa để thử xem tên nhưng bà không thấy được.

Juliet đang đọc về sự kiện hành vi hoành hành giận dữ. Các nghi lễ diễn ra vào ban đêm, ở giữa mùa đông, Dodds nói. Những người phụ nữ lên đến đỉnh núi Parnassus và khi họ tới đó, đến một lúc họ bị cắt ngang bởi một cơn bão tuyết, một toán cứu cấp đã được gửi đi. Những người được xem như hoành hành được đưa xuống, quần áo của họ cứng như băng. Với tất cả sự điên cuồng của họ, họ đành chấp nhận giải cứu. Điều này có vẻ giống hành vi đương thời hơn đối với Juliet. Một cách nào đó nó đúc thành một ánh sáng hiện đại trên sự thực hiện của những người cử hành. Các học sinh sẽ thấy như vậy không? Không hẳn. Họ có thể sẽ được trang bị chống lại bất kỳ hình thức giải trí nào, bất kỳ sự tham gia nào như học sinh thường làm. Và những người không trang bị đầy đủ sẽ không muốn biểu hiện ra.

Tiếng gọi lên xe vang dội, không khí mát lạnh bị cắt ngang, có những chuyển động đổi đường miễn cưỡng. Cô ngược mắt lên xem và thấy, cách phía trước một khoảng, đầu máy biến mất qua một khúc queo.

Và sau đó là một cơn lúc lắc hoặc một sự lung lay, một lung lay dường như chạy dài toàn bộ con tàu. Một cảm giác, ở đây, của chiếc xe rung chuyển. Một cái ngừng đột ngột.

Tất cả mọi người ngồi đợi tàu khởi hành lại và không ai nói chuyện. Thậm chí người chồng rên rĩ cũng im lặng. Những giây phút trôi qua. Các cửa được mở ra và đóng lại. Tiếng nói của các ông gọi nhau, một cảm giác sợ hãi và kích động lan truyền. Trong toa xe câu lạc bộ, ở ngay bên dưới, một giọng nói oai quyền, có thể đó là của ông trưởng tàu. Nhưng không thể nghe những gì ông nói.

Juliet đứng dậy và đi lên phía trước của toa xe, nhìn qua nóc của tất cả toa xe đằng trước. Cô thấy vài bóng người chạy trong tuyết.

Một trong những người phụ nữ đi một mình đi đến và đứng bên cạnh cô.

"Tôi cảm thấy có một cái gì đó sẽ xảy ra," người phụ nữ nói. "Tôi cảm thấy như vậy ở phía sau, khi chúng ta dừng lại. Tôi không muốn chúng ta khởi hành lại nữa, tôi nghĩ một cái gì đó sẽ xảy ra."

Người phụ nữ đi một mình kia đã đến và đứng phía sau họ.

"Sẽ không có gì đâu", bà nói. "Có lẽ một nhánh cây vắt ngang trên đường rầy."

"Họ có một trang bị ở phía trước xe lửa," người phụ nữ đầu tiên nói với cô. "Nó được dùng với mục đích để phát hiện những thứ như một nhánh cây vắt ngang trên đường rầy."

"Có thể nó vừa rơi xuống."

Cả hai phụ nữ nói chuyện với cùng một giọng miền bắc nước Anh và thiếu lịch sự với người lạ hay quen biết. Bây giờ Juliet có một cái nhìn rõ về họ, cô nhận thấy họ có thể là chị em, dù một

người có khuôn mặt trẻ hơn, rộng hơn. Vậy họ cùng đi du lịch với nhau nhưng ngồi riêng biệt. Hoặc có lẽ họ có một hàng ghế.

Ông trưởng tàu đi lên cầu thang vào xe quan sát. Ông quay lại nửa chừng để nói chuyện.

"Không có gì nghiêm trọng phải lo lắng, quý vị, hình như chúng ta đụng vào một vật cản trên đường rầy. Chúng tôi xin lỗi vì sự chậm trễ và chúng tôi sẽ tiếp tục đi ngay khi có thể nhưng có lẽ chúng ta ở đây một thời gian ngắn. Người tiếp viên nói với tôi sẽ có cà phê miễn phí ở dưới đây trong một vài phút."

Juliet theo ông xuống cầu thang. Cô đã nhận thức, ngay khi cô đứng dậy, rằng cô có một vấn đề của riêng mình cần thiết cho cô quay trở lại chỗ ngồi và hành lý của cô, dù người đàn ông cô lạnh nhạt vẫn còn đó hay không. Khi cô đi qua những toa xe cô gặp những người khác di chuyển. Người ta dán sát vào cửa sổ ở một bên xe lửa hoặc họ đã dừng lại giữa những toa xe như thể họ chờ đợi các cửa mở ra. Juliet không có thời gian để đặt câu hỏi nhưng khi cô đi qua, cô nghe nói rằng đó có thể là một con gấu, một con nai sừng tấm hoặc một con bò. Và người ta tự hỏi một con bò làm gì ở đây trong bụi cây hoặc tại sao tất cả những con gấu không ngủ yên bây giờ hoặc nếu một ai đó say rượu đã ngủ quên trên đường rầy.

Trong toa xe ăn người ta đang ngồi ở bàn, tất cả nắp bàn trắng đã được cất đi. Họ đang uống cà phê miễn phí.

Không có ai ngồi ở chỗ của Juliet hoặc ở ghế bên kia lối đi. Cô lấy túi xách của cô và vội vã đi đến phòng vệ sinh dành cho phụ nữ. Kinh nguyệt hàng tháng là tai ương của cuộc đời cô. Nó thậm chí, đôi lúc làm trở ngại với các kỳ thi viết quan trọng dài ba giờ bởi vì cô không thể rời khỏi phòng tìm người thay thế.

Cô đỏ mặt, đau quặn, cảm thấy hơi chóng mặt và bệnh. Cô ngồi xuống bồn cầu, lấy ra miếng băng ướt sũng và bọc nó trong giấy vệ sinh và cho nó vào thùng được cung cấp. Khi cô đứng dậy, cô gắn miếng băng mới từ túi xách của cô. Cô nhìn thấy nước và nước tiểu trong bồn màu đỏ thẫm với máu của cô. Cô đặt

tay lên nút để giựt cầu, ngay lúc đó nhận thấy trước mắt lời cảnh báo không được giựt cầu nhà vệ sinh khi tàu đang đứng yên. Điều đó có nghĩa, tất nhiên, khi tàu đang đứng gần nhà ga, nơi sẽ diễn ra sự thảm, thật khó chịu, đúng nơi người ta có thể nhìn thấy nó. Ở đây, cô có nguy cơ đó.

Nhưng lúc cô vừa chạm vào nút một lần nữa cô nghe những tiếng nói gần đó, không phải trong xe lửa nhưng bên ngoài cửa sổ kính sỏi của nhà vệ sinh. Có lẽ công nhân xe lửa đi bộ ngang qua.

Cô có thể ở lại cho đến khi xe lửa di chuyển nhưng bao lâu nữa? Và nếu ai đó rất cần muốn vào? Cô quyết định điều cô chỉ có thể làm là đặt nắp xuống và đi ra.

Cô trở về chỗ ngồi của mình. Bên kia lối đi, một đứa trẻ bốn hoặc năm tuổi đang nguệch ngoạc một cây bút chì trên các trang giấy của một cuốn sách tô màu. Mẹ cậu bé nói với Juliet về ly cà phê miễn phí.

"Có thể là miễn phí nhưng có vẻ như bạn phải đi lấy", cô nói. "Cô có thể để ý cậu bé trong khi tôi đi không?"

"Con không muốn ở lại với cô ấy," đứa trẻ nói, không nhìn lên.

"Tôi sẽ đi," Juliet nói. Nhưng vừa lúc đó một người bồi bàn bước vào toa với xe cà phê.

"Đây rồi. Tôi không nên phàn nàn quá sớm," bà mẹ nói. "Cô có nghe đó là một xác... người không?"

Juliet lắc đầu.

"Ông ấy thậm chí không có một chiếc áo khoác trên người. Ai đó thấy ông xuống xe và đi bộ về phía trước nhưng họ không bao giờ nhận ra ông đang làm gì. Ông chắc vừa đi đến đường quẹo vì vậy người kỹ sư không thể nhìn thấy ông cho đến khi đã quá muộn."

Cách đó một vài chỗ ngồi phía trước, bên kia lối đi của người mẹ, một người đàn ông nói: "Đây họ trở lại kìa," và vài người đứng dậy, bên Juliet và cúi xuống để xem. Đứa trẻ cũng đứng lên, ép mặt vào kính. Mẹ cậu bé bảo nó ngồi xuống.

"Con tô màu đi. Nhìn vào mớ nguệch ngoạc con đã làm, lem luốt trên tất cả các dòng."

"Tôi không thể nhìn," bà nói với Juliet. "Tôi không thể chịu đựng nhìn bất cứ điều gì như vậy."

Juliet đứng dậy và nhìn. Cô thấy một nhóm nhỏ đàn ông thất thểu quay trở lại nhà ga. Vài người đã cởi áo khoác ra, đặt chồng lên băng ca mà một vài người đang khiêng.

"Bà không thể nhìn thấy gì hết", một người đàn ông đằng sau Juliet nói với một người phụ nữ không đứng dậy. "Họ đã bao phủ ông ấy hết."

Không phải tất cả những người đàn ông tiến hành, đầu cúi xuống là nhân viên đường sắt. Juliet nhận ra người đàn ông đã ngồi bên kia lối đi với cô trong xe quan sát.

Sau mười hay mười lăm phút nữa, xe lửa bắt đầu di chuyển. Khi chạy qua đường cong không thấy có máu ở cả hai bên toa xe. Nhưng có một khu vực bị dẫm đạp, một đống tuyết được xúc lên. Người đàn ông phía sau cô lại đứng lên. Ông nói: "Tôi đoán đó là nơi đã xảy ra," và theo dõi một chút để xem có điều gì khác không, sau đó quay lại và ngồi xuống. Xe lửa, thay vì tăng tốc độ để bù đắp cho thời gian đã mất, dường như đi chậm hơn so với trước đây. Có lẽ để tỏ ra sự tôn trọng hoặc với lo âu về những gì có thể ở phía trước đến khúc quanh kế tiếp. Người bồi bàn trưởng đi qua toa xe mời gọi nhóm đầu tiên dùng bữa ăn trưa và người mẹ với đứa con nhỏ cùng một lúc đứng dậy và đi theo ông. Một đoàn người bắt đầu đi và Juliet nghe một phụ nữ đi qua nói, "Thật không?"

Người phụ nữ nói chuyện với cô nhẹ nhàng nói, "Đó là những gì bà nói. Đây máu. Vì vậy, nó phải văng vào khi xe lửa chạy qua,"
"Đừng nói điều đó."

Một lát sau, khi đoàn người đã kết thúc và những người ăn trưa sớm đang ăn, người đàn ông đi qua, người đàn ông từ xe quan sát mà người ta đã thấy ở bên ngoài đi bộ trong tuyết.

Juliet đứng dậy và nhanh chóng đuổi theo ông. Trong khoảng

trống lạnh tối đen giữa những toa xe, đúng lúc ông sắp sửa đẩy cánh cửa nặng nề trước mặt ông, cô nói, "Xin lỗi. Tôi phải hỏi ông điều này."

Khoảng trống này đầy tiếng ồn đột ngột, tiếng kêu rồn rảng bánh xe nặng trên đường rầy.

"Cái gì vậy?"

"Ông có phải là bác sĩ? Ông đã thấy người đàn ông,"

"Tôi không phải là bác sĩ. Không có bác sĩ trên xe lửa. Nhưng tôi có một số kinh nghiệm y tế."

"Ông ta bao nhiêu tuổi?"

Người đàn ông nhìn cô với một sự kiên nhẫn ổn định và hơi không hài lòng.

"Khó nói. Không còn trẻ."

"Có phải ông ấy mặc áo sơ mi màu xanh? Ông có mái tóc màu nâu vàng?"

Ông lắc đầu, từ chối không trả lời câu hỏi của cô.

"Có phải cô biết người này?" ông nói. "Cô nên nói cho ông trưởng tàu nếu biết."

"Tôi không biết ông ta."

"Vậy xin lỗi cô." Ông đẩy cửa mở và bỏ đi.

Tất nhiên. Ông nghĩ rằng cô đầy sự tò mò kinh tởm, giống như bao nhiêu người khác.

"Đầy máu. Thật kinh tởm, nếu cô muốn."

Cô không bao giờ có thể nói với ai về sự sai lầm đã xảy ra, lời đùa kinh khủng của nó. Người ta sẽ nghĩ cô thô bạo và nhẫn tâm một cách khác thường nếu cô đề cập tới. Và cái gì trong một phần của sự hiểu lầm, cơ thể đập nát vì tự tử, có vẻ khi kể lại, khó chịu hơn và khủng khiếp hơn chính máu kinh nguyệt của cô.

Không bao giờ nói điều đó cho bất cứ ai. (Trên thực tế cô đã nói ra, một vài năm sau đó, cho một phụ nữ tên Christa, một phụ nữ mà lúc đó cô chưa biết tên.)

Nhưng cô rất muốn nói với ai cái gì. Cô lấy ra cuốn tập và trên một trang giấy có kẻ hàng, bắt đầu viết một bức thư cho cha mẹ

cô.

"Chuyến xe lửa con đi chưa đạt đến biên giới Manitoba và hầu hết mọi người đã phàn nàn rằng khung cảnh khá đơn điệu nhưng họ không thể nói rằng chuyến đi đã thiếu sự cố kịch tính. Sáng hôm nay xe dừng lại ở một vùng nhỏ lập nghiệp hoang vắng trong khu rừng phía Bắc, tất cả được sơn màu đỏ Thê Lương của Đường Sắt. Con đang ngồi ở phía sau xe lửa trong Toa Xe Quan Sát và lạnh cóng đến chết bởi vì họ tiết kiệm sưởi trên đó (ý tưởng là vì những vinh quang của danh lam thắng cảnh sẽ làm mọi người quên đi sự khó chịu) và con đã quá lười biếng để lê bước trở lại lấy áo len. Ai cũng ngồi đó chờ mười hay mười lăm phút và sau đó khởi hành lại và con có thể thấy đầu máy quẹo qua một đường cong phía trước và rồi đột nhiên có một tiếng Đấm Khủng Khiếp..."

Cô và cha cô và mẹ cô đã luôn luôn quan tâm đến việc mang lại những câu chuyện giải trí vào nhà. Việc này yêu cầu một sự thích hợp tinh tế không những của các sự kiện mà của vị trí con người trong thế giới. Hoặc như vậy Juliet đã tìm thấy khi thế giới của cô là học đường. Cô đã làm cho mình trở thành một người quan sát khá cao, bất khả xâm phạm. Và bây giờ cô sống xa nhà, bao giờ lập trường này cũng đã trở thành thói quen, gần như là một trách nhiệm.

Nhưng ngay sau khi cô viết những chữ Đấm Khủng Khiếp, cô thấy mình không thể tiếp tục. Không thể, trong ngôn ngữ quen thuộc của cô, để tiếp tục.

Cô cố gắng nhìn ra cửa sổ nhưng khung cảnh bao gồm các yếu tố tương tự, đã thay đổi. Khoảng dưới một trăm dặm, khí hậu có vẻ ấm hơn. Các hồ được bao quanh bởi băng, chứ không bao phủ. Nước đen, đá màu đen, dưới những đám mây mùa đông, tràn ngập không gian với bóng tối. Cô càng mệt mỏi để nhìn và cô nhặt lên cuốn sách Dodds, mở nó ra ở bất cứ trang nào bởi vì dù sao, cô đã đọc nó trước rồi. Cứ vài trang cô dường như điên cuồng gạch dưới. Cô bị thu hút bởi những đoạn đó nhưng khi đọc lại, cô

phát hiện những gì cô đã vô lấy thật hài lòng một lúc nào đó, bây giờ có vẻ khó hiểu và lộn xộn.

... những gì một phần tầm nhìn của người sống xuất hiện như hành động của một con quái vật, được cảm nhận bởi cái sâu sắc rộng lớn hơn của người chết như một khía cạnh của công lý vũ trụ...

Cuốn sách trượt ra khỏi tay, mắt cô nhắm và bây giờ cô đang đi bộ với một số trẻ em (học sinh?) trên mặt một hồ nước. Khắp nơi ở mỗi bước đi xuất hiện một vết nứt năm cạnh, tất cả thật đẹp đồng đều nên mặt băng trông giống như một sàn lát gạch. Các em hỏi cô tên của những viên gạch đá băng và cô trả lời với tự tin, đó là câu thơ năm chữ iambic pentameter. Nhưng họ cười và với tiếng cười này các vết nứt mở rộng thêm ra. Cô nhận ra sai lầm của mình sau đó và biết rằng chỉ một từ ngữ đúng mới cứu vãn tình thế nhưng cô không thể nắm bắt nó được.

Cô tỉnh dậy và thấy người đàn ông đó, người đàn ông cô đã đi theo và quấy rầy giữa những toa xe, ngồi đối diện bên kia với cô.

"Cô đang ngủ." Ông nhẹ mỉm cười về những gì ông đã nói. "Rõ ràng".

Cô đã ngủ với cái đầu gục xuống phía trước giống như một bà già và chảy nước dãi ở khóe miệng. Ngoài ra, cô biết rằng cô phải đi đến phòng vệ sinh phụ nữ ngay, hy vọng không có gì trên váy của cô. Cô nói: "Xin lỗi" (như ông đã nói với cô lúc nãy) và lấy túi xách và bỏ đi vừa cố gắng càng ít vội vã càng tốt.

Khi cô trở lại, rửa sạch, gọn gàng và tỉnh táo, ông vẫn còn đó.

Ông nói ngay. Ông nói rằng ông muốn xin lỗi.

"Tôi nhận thấy tôi đã thô lỗ với cô. Khi cô hỏi tôi,"

"Vâng," cô nói.

"Cô đã nói đúng", ông nói. "Cách cô mô tả ông ấy."

Phần ông, điều này có vẻ như một sự tỏ bày ít hơn là một giao dịch trực tiếp và cần thiết. Nếu cô không quan tâm nói chuyện, ông chỉ có thể đứng lên và bỏ đi, không hẳn thất vọng khi đã thực hiện những gì ông muốn đến để làm.

Đáng hổ thẹn, đôi mắt của Juliet tràn đầy nước mắt. Điều này quá bất ngờ nên cô không có thời gian để quay mặt đi chỗ khác.

"Không sao," ông nói. "Không sao đâu."

Cô nhanh chóng gạt đầu, nhiều lần, sụt sịt một cách khổ sở, xì mũi trên chiếc khăn giấy cô tìm thấy trong túi xách của cô.

"Không sao," cô nói và sau đó cô kể với ông, một cách thẳng thừng, những gì đã xảy ra. Người đàn ông cúi xuống thế nào và hỏi cô nếu chiếc ghế có ai ngồi chưa, ông ngồi xuống thế nào, cô nhìn ra cửa sổ thế nào và cô không thể làm điều đó nửa thế nào, vì vậy cô đã cố gắng hoặc giả vờ đọc sách, ông hỏi nơi cô đã lên tàu thế nào và biết được nơi cô cư ngụ và tiếp tục cố gắng đeo đuổi với cuộc trò chuyện cho đến khi cô chọn đứng dậy đi và bỏ ông lại.

Điều duy nhất cô không tiết lộ cho ông là từ ngữ bạn thân. Cô đã có một quan điểm rằng nếu cô nhắc đến, cô sẽ bật khóc thêm một lần nữa.

"Người ta thường bắt chuyện với người phụ nữ", ông nói. "Dễ dàng hơn so với nam giới."

"Đúng. Họ hay làm như vậy."

"Họ nghĩ rằng phụ nữ có khuynh hướng dễ chịu hơn."

"Nhưng ông chỉ muốn ai đó để nói chuyện," cô nói, hơi chuyển bên một chút. "Ông ấy muốn ai đó tệ hơn là tôi không muốn một ai. Bây giờ tôi nhận ra rồi. Và tôi không có vẻ khó chịu. Tôi không có vẻ tàn nhẫn. Nhưng tôi đã cư xử như vậy."

Cô tạm ngừng, cố gắng một lần nữa kềm chế mũi sụt sịt và đôi mắt ướm đầm.

Ông nói, "Cô có bao giờ đã muốn làm điều đó với bất kỳ ai trước đây không?"

"Có. Nhưng tôi chưa bao giờ làm. Tôi chưa bao giờ đi quá xa như vậy. Và tại sao tôi đã làm lần này tại vì ông ấy quá khiêm tốn. Và ông mặc tất cả quần áo mới mà ông có thể đã mua cho chuyến đi. Ông có lẽ chán nản và nghĩ rằng ông muốn đi chơi một chuyến và đó là một cách tốt để gặp gỡ người ta và làm bạn."

"Có thể nếu ông ta chỉ đi một đoạn ngắn...", cô nói. "Nhưng ông cho biết ông đi Vancouver và tôi sẽ phải chịu đựng ông ta. Trong nhiều ngày."

"Phải."

"Thực sự tôi có thể như vậy."

"Phải."

"Vì vậy."

"Không may mắn chút nào", ông nói, mỉm cười một chút. "Lần đầu tiên cô lấy can đảm để phản ứng lại một người, ông ta nhảy dưới bánh xe lửa."

"Có thể đó là lần cuối cùng," cô nói, bây giờ cảm thấy một chút bào chữa. "Có thể như vậy."

"Tôi đoán cô chỉ phải cẩn thận trong tương lai."

Juliet ngược cầm lên và nhìn ông một lúc.

"Ông muốn nói là tôi đang phóng đại."

Sau đó, một cái gì xảy ra đột ngột và tự nhiên như nước mắt của cô. Miệng cô bắt đầu co giật. Tiếng cười không kềm chế được vang lên.

"Tôi đoán nó hơi cực đoan."

Ông nói: "Một chút."

"Ông nghĩ tôi đang bị kịch?"

"Điều đó tự nhiên."

"Nhưng ông nghĩ đó là một sai lầm," cô nói, khi kềm chế được tiếng cười. "Ông nghĩ cảm thấy có lỗi chỉ là một khoan hồng?"

"Những gì tôi nghĩ là...", ông nói. "Tôi nghĩ chuyện này không đáng kể. Có những điều sẽ xảy ra trong cuộc sống, những điều có thể sẽ xảy ra trong cuộc sống làm cho chuyện này xem như không đáng kể. Có những điều khác có thể cô sẽ cảm thấy tội lỗi."

"Hình như ai cũng luôn luôn nói vậy mà? Với ai đó con trẻ tuổi hơn? Họ nói, ồ, bạn sẽ không nghĩ như vậy một ngày nào đó. Bạn cứ chờ xem. Như thể bạn không có quyền có bất kỳ cảm xúc nghiêm trọng nào. Như thể bạn không có khả năng đó."

"Cảm xúc", ông nói. "Tôi đang nói về kinh nghiệm."

"Nhưng hình như ông đang nói cảm giác tội lỗi không ích lợi gì cả. Người ta hay nói vậy. Có đúng không?"

"Cô nói cho tôi biết."

Họ tiếp tục nói về đề tài này một thời gian nữa, giọng thấp xuống nhưng đủ mạnh để những người đi qua đôi khi nhìn ngạc nhiên, hoặc thậm chí có thể bị xúc phạm khi người ta tình cờ nghe những cuộc tranh luận dường như trừu tượng một cách không cần thiết. Juliet nhận ra sau một lúc, mặc dù cô đang tranh cãi, khá tốt, cô nghĩ, cho sự cần thiết của một số cảm giác tội lỗi cả trong cuộc sống công cộng và riêng tư, cô đã ngừng có bất kỳ cảm giác nào cho thời điểm này. Thậm chí có thể nói rằng cô ấy đang làm một chuyện gì thích thú.

Ông đề nghị họ tiếp tục nói chuyện trong phòng khách, nơi họ có thể uống cà phê. Một khi ở đó Juliet phát hiện là cô rất đói mặc dù giờ ăn trưa đã qua lâu rồi. Bánh Pretzels và đậu phộng là tất cả những gì họ có thể mua được và cô ăn ngấu nghiến đến độ buổi trò chuyện chu đáo, một chút cạnh tranh mà họ có trước đó, không còn được trọng dụng nữa. Vì vậy, thay vào đó họ nói chuyện về bản thân họ. Ông tên là Eric Porteous và sống ở một nơi gọi là Vịnh Whale Bay, đâu đó phía bắc Vancouver, trên bờ biển phía tây. Nhưng ông sẽ không đi đến đó ngay, ông ghé ngang qua Regina để thăm một số người đã lâu ông không gặp. Ông là một ngư dân, ông bắt tôm. Cô hỏi về những kinh nghiệm y tế ông đã đề cập đến và ông nói, "Ồ, nó không được rộng rãi. Tôi đã làm một số nghiên cứu y tế. Khi người ta sống ở ngoài hoang dã hoặc trên chiếc thuyền bất cứ điều gì có thể xảy ra. Cho những người đang làm việc với mình. Hoặc cho chính mình."

Ông đã có vợ, vợ ông tên là Ann.

Tám năm trước, ông nói, Ann đã bị thương trong một tai nạn xe hơi. Trong nhiều tuần bà ở trong tình trạng hôn mê. Bà vượt ra khỏi đó nhưng bà vẫn bị tê liệt, không thể đi bộ hoặc thậm chí để nuôi bản thân. Bà dường như biết ông và người phụ nữ chăm sóc bà là ai, với sự giúp đỡ của người phụ nữ này ông có thể giữ

bà ở nhà nhưng những nỗ lực của bà để nói chuyện và để hiểu những gì đang diễn ra xung quanh bà, sớm phai mờ đi.

Họ đã đi dự một buổi tiệc. Bà đã không hẳn muốn đi nhưng ông lại muốn đi. Sau đó, bà quyết định đi bộ về nhà một mình, không vui mấy với những chuyện xảy ra ở buổi tiệc.

Một nhóm thanh thiếu niên say rượu từ một buổi tiệc khác lái xe chạy ra khỏi đường và đâm vào bà.

May mắn là ông và Ann không có con. Đúng, may mắn.

"Cô nói với người ta về chuyện này và họ cảm thấy họ phải nói, quá khủng khiếp. Thật là một thảm kịch. Vân vân."

"Ông có thể đổ lỗi cho họ?" Juliet nói, chính cô cũng đã định nói cái gì đó tương tự.

Không, ông nói. Nhưng đó chỉ là toàn bộ một sự kiện rất phức tạp hơn nhiều. Ann đã cảm thấy đó là một bi kịch không? Có lẽ không. Còn ông? Đó là một cái gì đó mình sẽ quen thôi, một lối sống mới. Chỉ vậy thôi.

Tất cả các kinh nghiệm thú vị của Juliet về người đàn ông đều được tưởng tượng. Một hoặc hai ngôi sao điện ảnh, người ca sĩ giọng cao, không phải người anh hùng cường tráng vô tâm, trên một bản ghi âm cũ nào đó của Don Giovanni. Henry V, như cô đọc về ông trong Shakespeare và như Laurence Olivier đã đóng vai ông trong phim.

Điều này vô lý, đáng thương, nhưng liệu có ai cần biết không? Trong cuộc sống thực tế đã có sự sỉ nhục và thất vọng mà cô đã cố gắng để đẩy ra khỏi tâm trí càng nhanh càng tốt.

Kinh nghiệm bị vướng mắc trên sự nhiều chuyện của những cô gái khác không ai muốn để ý tại các buổi nhảy đầm của trường trung học và buồn chán đến độ thực hiện một nỗ lực ngứa ngáy thật sinh động để có những buổi hẹn đại học với các chàng trai cô không thích lắm, họ cũng không thích cô lắm. Đi chơi với cháu trai của bà cố vấn luận án của cô năm ngoài và bị tấn công, không thể gọi đó là hiếp dâm, cô cũng xác định, vào lúc đêm khuya trong Công Viên Willis Park.

Trên đường về nhà, anh ta đã giải thích rằng cô không phải là loại người của anh. Và cô đã cảm thấy quá nhục để đối đáp lại hoặc thậm chí nhận thức được, lúc đó, rằng anh ta không phải của cô.

Cô không bao giờ có ảo tưởng về một người đàn ông cụ thể thực sự, ít nhất về bất cứ thầy giáo nào của cô. Dường như đối với cô, những người đàn ông lớn tuổi hơi không lành mạnh, trong cuộc sống thực.

Người đàn ông này bao nhiêu tuổi? Ông đã lấy vợ được ít nhất tám năm và có thể hai năm, hai hoặc ba năm, nhiều hơn thế. Khiến cho ông có lẽ ba mươi lăm hay ba mươi sáu tuổi. Tóc của ông sậm tối và xoắn với vài cọng bạc ở hai bên, trán rộng và cao, vai khỏe mạnh và hơi cúi xuống. Ông hầu như không cao hơn cô. Đôi mắt của ông mở rộng, u tối và háo hức nhưng cũng cảnh giác. Cằm của ông tròn, má lúm đồng tiền, vẻ hay cãi.

Cô kể cho ông về công việc của cô, tên của trường - Torrance House. ("Bạn có muốn cá là nó được gọi là Đau Khổ không?") Cô nói với ông cô không phải là một giáo viên thật thụ nhưng họ vui mừng khi nhận bất cứ ai đã học chuyên ngành bằng tiếng Hy Lạp và tiếng La-tinh ở đại học. Hầu như không ai học như vậy nữa.

"Vậy, tại sao cô học?"

"Ồ, tôi đoán chỉ để khác biệt thôi."

Sau đó cô nói với ông những gì cô đã luôn biết rằng cô không bao giờ nên nói với bất kỳ người đàn ông hay cậu trai vì sợ rằng họ đâm ra chán ngay lập tức.

"Và bởi vì tôi thích môn học đó. Tôi yêu tất cả những môn đó. Tôi thật sự thích."

Họ cùng nhau ăn tối, mỗi người uống một ly rượu vang và sau đó họ đi lên toa xe quan sát, nơi đó họ ngồi trong bóng tối, chỉ có mình họ thôi. Lần này, Juliet đã mang chiếc áo len của cô theo.

"Người ta phải nghĩ rằng không có gì để xem ở đây vào ban đêm," ông nói. "Nhưng nhìn các ngôi sao cô có thể thấy một đêm

trong sáng."

Đêm thực sự trong sáng. Không có mặt trăng, ít nhất là chưa và các ngôi sao xuất hiện trong bụi dày đặc, vừa mờ vừa sáng. Và giống như bất cứ ai đã sống và làm việc trên tàu, ông đã quen thuộc với bản đồ của bầu trời. Cô chỉ có thể xác định vị trí chòm Bắc Đẩu.

"Đó là điểm khởi đầu của cô", ông nói. "Hãy nhắm vào hai ngôi sao ở phía bên của Bắc Đẩu đối diện với tay cầm. Cô thấy chưa? Đó là những điểm trỏ. Theo chúng đi lên. Theo chúng, cô sẽ tìm thấy sao cực." Và những sao khác.

Ông đã tìm cho cô Orion mà ông nói đó là chòm sao lớn ở Bắc Bán Cầu vào mùa đông. Và Sirius, Sao Con Chó, vào thời gian đó trong năm là ngôi sao sáng nhất trên cả bầu trời miền bắc.

Juliet rất hài lòng khi được hướng dẫn nhưng cũng hài lòng khi đến lượt cô để làm hướng dẫn. Ông biết tên nhưng không biết lịch sử.

Cô nói với ông rằng Orion bị mù mắt bởi Enopion nhưng đã khôi phục lại tầm nhìn bằng cách nhìn vào mặt trời.

"Anh đã bị mù vì anh ấy rất đẹp nhưng Hephaestus đã đến cứu anh. Sau đó anh cũng bị giết chết bởi Artemis nhưng anh đã biến đổi thành một chòm sao. Điều này thường xảy ra khi ai đó thực sự có giá trị gặp rắc rối xấu, họ được biến đổi thành một chòm sao. Cassiopeia ở đâu?"

Ông chỉ cho cô một W không được rõ ràng lắm.

"Hình như đó là một phụ nữ trong tư thế ngồi."

"Đó cũng là một câu chuyện đẹp nữa", cô nói.

"Vẻ đẹp nguy hiểm?"

"Đúng vậy. Cô đã kết hôn với vua của Ethiopia và là mẹ của Tiên Nữ Andromeda. Và cô ấy khoác lác về vẻ đẹp của cô và để trừng phạt cô đã bị trục xuất lên bầu trời. Có một chòm sao Tiên Nữ nữa không?"

"Đó là một thiên hà. Cô có thể sẽ nhìn thấy nó tối nay. Nó là vật xa nhất mà cô có thể nhìn thấy bằng mắt thường."

Ngay cả khi hướng dẫn cô, nói với cô nơi để nhìn xem trên bầu trời, ông không bao giờ chạm vào cô. Tất nhiên là không. Ông đã có vợ.

"Andromeda là ai?" Ông hỏi cô.

"Cô ấy đã bị xích vào một tảng đá nhưng Perseus đã cứu cô."

Vịnh Whale Bay.

Một bến tàu dài, một số tàu thuyền lớn, một trạm xăng và cửa hàng có một tấm bảng trong cửa sổ ghi rằng nó cũng là trạm xe buýt và Bưu Điện.

Một chiếc xe đậu bên cạnh cửa hàng này có dấu hiệu tự chế taxi ở cửa sổ. Cô đứng ngay nơi cô bước xuống từ xe buýt. Xe buýt rời bến. Xe taxi bấm còi. Người tài xế bước ra và đi về phía cô.

"Cô đi một mình," ông nói. "Cô đi về hướng nào?"

Cô hỏi nếu có một nơi cho du khách ở. Rõ ràng là sẽ không có một khách sạn.

"Tôi không biết nếu có ai cho thuê phòng trong năm nay. Tôi có thể hỏi họ bên trong. Cô không biết ai xung quanh đây sao?"

Không có gì để làm ngoài nói tên của Eric.

"Ồ chắc chắn," ông nói nhẹ nhõm. "Đi nào, tôi sẽ chở cô đến đó nhanh thôi. Nhưng rất tiếc, cô đã hụt buổi lễ trước đám tang rồi."

Lúc đầu, cô nghĩ rằng ông muốn nói chờ đợi. Hoặc trọng lượng? Cô nghĩ đến các cuộc thi câu cá.

"Một thời gian buồn," người tài xế nói, bây giờ đã ngồi ở phía sau tay lái. "Tuy nhiên, bà ấy sẽ không bao giờ khỏe hơn được."

Buổi lễ trước đám tang. Người vợ. Ann.

"Không sao," ông nói. "Tôi hy vọng vẫn sẽ còn một số người ở đó. Tất nhiên là cô đã hụt đám tang rồi. Ngày hôm qua. Thật kinh khủng. Cô không thể đi được?"

Juliet nói, "Không"

"Tôi không nên gọi đó là một buổi lễ trước đám tang, phải không? Buổi lễ trước đám tang là cái gì xảy ra trước khi chôn cất, đúng không? Tôi không biết gọi cái gì diễn ra sau đó. Cô sẽ không

muốn gọi đó là một buổi tiệc, phải không? Tôi chỉ có thể đưa cô đến và chỉ cho cô tất cả hoa và lời tưởng nhớ, được không?"

Ra khỏi đường cao tốc, sau khoảng một phần tư dặm của con đường đất gồ ghề nội địa, là Nghĩa trang công đoàn của Vịnh Whale Bay. Và gần hàng rào là ụ đất hoàn toàn bị chôn vùi dưới bông hoa. Hoa thật đã tàn, hoa giả tươi sáng, một cây thánh giá bằng gỗ nhỏ với tên và ngày tháng. Những sợi dây băng xoắn vòng sáng chói bay đầy trên cỏ của nghĩa trang. Ông hướng sự chú của cô đến tất cả dấu bánh xe hỗn độn của biết bao nhiêu chiếc đến hôm qua.

"Phân nửa trong số họ chưa bao giờ gặp bà ấy. Nhưng họ biết ông ta vì vậy họ muốn đến. Mọi người đều biết Eric."

Họ quay trở ra, lái xe trở lại nhưng không phải đến tận đường cao tốc. Cô muốn nói với người tài xế rằng cô đã thay đổi ý kiến, cô không muốn ghé thăm ai, cô muốn chờ tại cửa hàng để đón xe buýt đi trở về. Cô có thể nói rằng cô thực sự đã sai lầm về ngày giờ và bây giờ cô rất xấu hổ đã hụt đám tang nên cô không muốn xuất hiện gì cả.

Nhưng cô không thể mở lời. Và ông sẽ báo cáo về cô, dù có vấn đề gì hay không.

Họ đang chạy theo những con đường hẹp, quanh co phía sau, qua một vài ngôi nhà. Một cảm giác hoãn lại mỗi khi họ đi qua một ngõ đậu xe mà không queo vào.

"Thật, đây là một bất ngờ," người tài xế nói và bây giờ họ queo vào. "Tất cả mọi người đi đâu hết rồi? Một giờ trước đây khi tôi lái xe qua có khoảng sáu chiếc xe. Ngay cả xe tải của ông ấy cũng đi rồi. Tiếc tàn. Xin lỗi - tôi không nên nói như vậy."

"Nếu không có ai ở đây," Juliet nói háo hức, "Tôi chỉ có thể đi trở lại."

"Ồ, có ai ở đây, cô đừng lo lắng về điều đó. Ailo ở đây. Có chiếc xe đạp của cô ấy. Cô đã bao giờ gặp Ailo chưa? Cô biết, cô ấy là người chăm lo mọi chuyện?" Ông bước ra và mở cửa cho cô.

Ngay khi Juliet bước ra, một con chó vàng lớn chạy đến và sủa

và một phụ nữ lên tiếng gọi từ mái hiên của căn nhà.

"A, được rồi, Pet," người tài xế nói, bỏ tiền vào túi và nhanh chóng trở vào trong xe lại.

"Im đi. Im đi, Pet. Nằm xuống. Nó sẽ không làm hại cô đâu," người phụ nữ gọi. "Nó chỉ là một con chó nhỏ."

Con chó nhỏ Pet, Juliet nghĩ, cũng có đủ khả năng vật ngã cô. Và bây giờ là một con chó nhỏ màu nâu đỏ đến tham gia vào cuộc bạo động. Người phụ nữ bước xuống bậc thang, la hét, "Pet. Corky. Ngoan nhé. Nếu chúng nghĩ rằng cô sợ hãi chúng, chúng nó sẽ tấn công cô dữ dội hơn nữa."

Cô chỉ ú ớ một cái gì đó.

"Tôi không sợ," Juliet nói, nhẩy lùi lại khi mũi con chó vàng xoa mạnh vào cánh tay của cô.

"Vậy thì mời cô vào. Im đi, cả hai hết, không thôi tôi sẽ gõ vào đầu. Có phải cô đã làm ngày đám tang không?"

Juliet lắc đầu như để muốn nói rằng cô xin lỗi. Cô tự giới thiệu.

"Thật, rất tiếc. Tôi là Ailo." Họ bắt tay nhau.

Ailo là một người phụ nữ cao, vai rộng với một cơ thể dày nhưng không nhão và mái tóc màu vàng trắng xõa trên vai. Giọng nói của cô mạnh mẽ và kiên quyết với một âm thanh phong phú trong cổ họng. Một giọng Đức, Hoà Lan, Bắc Âu?

"Tốt hơn cô nên ngồi xuống đây trong nhà bếp. Tất cả mọi thứ đều hỗn độn. Tôi sẽ lấy cà phê cho cô."

Nhà bếp sáng sủa nhờ cửa sổ ở trần nhà cao dốc. Dĩa và ly và nồi được chất đống khắp mọi nơi. Pet và Corky đã theo Ailo ngoan ngoãn vào bếp và bắt đầu quỳ xuống ăn cái gì trong chảo rang mà cô đã đặt xuống sàn nhà.

Ngoài nhà bếp, lên hai nấc rộng, là phòng khách được thu dọn như một hang động bóng mát với những gối đệm lớn ném trên sàn.

Ailo kéo ra một chiếc ghế tại bàn. "Bây giờ cô ngồi xuống. Cô ngồi xuống đây và dùng cà phê và thức ăn."

"Tôi không cần dùng", Juliet nói.

"Không. Có cà phê tôi vừa làm, tôi sẽ uống của tôi trong khi làm việc. Và có rất nhiều thứ còn lại để ăn."

Trước mặt Juliet, với cà phê, cô đặt một miếng bánh màu xanh lá cây tươi, được bao phủ bởi đường đặt làm bằng lòng trắng trứng.

"Thạch chanh Jell-O", cô nói, cố không phê bình. "Dù sao, có thể ăn được. Hoặc là có thạch đại hoàng?"

Juliet nói: "Được thôi."

"Thật nhiều hỗn độn ở đây. Tôi dọn sạch sau buổi lễ trước đám tang. Tất cả đều được thu xếp. Sau đó là đám tang. Bây giờ sau đám tang tôi lại phải thu dọn tất cả một lần nữa."

Giọng nói của cô đầy than thở bực dọc. Juliet cảm thấy bắt buộc phải nói, "Khi tôi xong cái này, tôi có thể giúp cô."

"Không. Tôi không nghĩ vậy," Ailo nói. "Tôi biết tất cả mọi thứ." Cô ấy đang di chuyển xung quanh không nhanh chóng nhưng có mục đích và hiệu quả. (Những phụ nữ này không bao giờ muốn ai giúp đỡ. Họ có thể nói bạn như thế nào.) Cô tiếp tục lau khô ly và đĩa và dao nĩa, cất những gì cô đã lau khô trong tủ và ngăn kéo. Sau đó cạo nồi và chảo, kể cả cái mà cô lấy lại từ những con chó, nhấn chìm trong nước xà phòng mới, chà sạch mặt bàn và các quầy, vắt khô khăn lau đĩa như thể đó là cổ gà. Và vừa nói chuyện với Juliet, vừa ngừng nghỉ tay.

"Cô là một người bạn của Ann? Cô biết bà ấy từ trước?"

"Không."

"Không. Tôi nghĩ cô không biết. Cô còn quá trẻ. Vậy tại sao cô muốn đến tang lễ của bà ấy?"

"Tôi không", Juliet nói. "Tôi không biết. Tôi chỉ ghé qua để thăm." Cô cố gắng làm ra vẻ như thể đây là một ý muốn của cô, như thể cô có rất nhiều bạn bè và đi lang thang ghé ngang thăm viếng bình thường.

Với một năng lượng tốt đơn thuần và thách thức Ailo đánh bóng một cái nồi khi cô quyết định không trả lời điều này. Cô để cho Juliet đợi cô chùi thêm vài cái nồi nữa trước khi cô nói.

"Cô đến thăm Eric. Cô tìm đúng ngôi nhà. Eric sống ở đây."

"Cô không sống ở đây, phải không?" Juliet nói, làm như điều này có thể thay đổi chủ đề.

"Không. Tôi không sống ở đây. Tôi sống dưới chân đồi với chồng của tôi." Từ ngữ chồng mang theo một trọng lượng của tự hào và trách móc.

Không hỏi, Ailo chế đây tách cà phê cho Juliet, sau đó cho cô. Cô mang tới một miếng bánh cho mình. Nó có một lớp màu hồng phía dưới và một lớp kem bên trên.

"Bánh trứng đại hoàng. Phải ăn hoặc nó sẽ hỏng đi. Tôi không cần nhưng tôi vẫn ăn. Có lẽ tôi lấy cho cô một miếng?"

"Không. Cảm ơn cô."

"Bây giờ. Eric đã đi rồi. Ông sẽ không trở lại đêm nay. Tôi không nghĩ vậy. Ông đến nơi Christa ở. Cô có biết Christa không?"

Juliet lắc đầu chặt chẽ.

"Ở đây tất cả chúng tôi đang sống để chúng tôi biết tình trạng của những người khác. Chúng tôi biết rõ. Tôi không biết nó như thế nào nơi cô sống. Ở Vancouver?" (Juliet gật đầu.) "Trong một thành phố. Nó không giống nhau. Đối với Eric là một người rất tốt đã chăm sóc vợ của ông, ông phải cần sự giúp đỡ, cô có thấy không? Tôi là một trong những người giúp ông ta."

Khá đại dột Juliet nói, "Nhưng không phải là cô được trả lương sao?"

"Chắc chắn là tôi được trả tiền. Nhưng điều đó nhiều hơn là một công việc. Ngoài ra một loại giúp đỡ khác từ một người phụ nữ, ông ta cần chuyện đó. Cô có hiểu những gì tôi nói không? Không phải một người phụ nữ với một người chồng, tôi không tin vào điều đó, nó không phải là tốt đẹp, đó là một cách để gây ra tranh chấp. Đầu tiên Eric đã có Sandra, sau đó cô ấy chuyển đi nơi khác và ông có Christa. Có một khoảng thời gian ngắn có cả hai Christa và Sandra, nhưng họ là những người bạn tốt, tất cả đều ổn thôi. Nhưng Sandra có con của cô, cô muốn dọn đi nơi

khác có các trường học lớn hơn. Christa là một nghệ sĩ. Cô sáng chế sản phẩm từ gỗ mà cô tìm thấy trên bãi biển. Cô gọi gỗ đó là gì?"

"Gỗ trôi dạt," Juliet miễn cưỡng nói. Cô bị tê liệt bởi sự thất vọng, bởi sự xấu hổ.

"Đúng là nó. Cô mang chúng đến nhiều nơi và họ bán dùm cô. Những món lớn. Thú vật và chim nhưng không hiện thực. Không hiện thực?"

"Không thực tế?"

"Phải. Phải. Cô chưa bao giờ có con. Tôi không nghĩ rằng cô ấy sẽ muốn dọn đi nơi khác. Eric có nói với cô điều này không? Cô dùng thêm cà phê? Vẫn còn trong bình."

"Không. Không, cảm ơn. Không ông không có nói."

"Vậy. Bây giờ tôi đã nói với cô. Nếu cô đã uống xong, tôi sẽ lấy tách để rửa."

Cô đi vòng qua để đánh con chó vàng nằm ở phía bên kia tủ lạnh với chiếc giày.

"Nào đứng lên. Mi lười biếng quá. Chúng ta sắp về nhà rồi."

"Có một chuyến xe buýt đi trở lại Vancouver, nó đi qua lúc tám giờ mười", cô nói, bận rộn tại bồn rửa, lưng quay vào phòng. "Cô có thể về nhà với tôi và khi đến giờ chồng tôi sẽ lái xe đưa cô. Cô có thể ăn với chúng tôi. Tôi đi xe đạp, tôi đi chậm để cô có thể theo kịp. Không xa lắm đâu."

Tương lai trước mắt dường như rõ ràng quá chắc chắn nên Juliet đứng dậy mà không có một suy nghĩ, nhìn xung quanh tìm túi xách của cô. Sau đó, cô ngồi xuống một lần nữa nhưng trong cái ghế khác. Cái nhìn mới này của nhà bếp dường như giúp cô quyết định.

"Tôi nghĩ tôi sẽ ở lại đây", cô nói.

"Ở đây?"

"Tôi không có gì nhiều để mang đi. Tôi sẽ đi bộ đến xe buýt."

"Làm sao cô biết đường đi? Nó xa một dặm."

"Không có xa." Juliet tự hỏi về con đường đi, nhưng nghĩ rằng,

dù sao, cô chỉ cần đi xuống ngọn đồi.

"Ông ấy không quay trở lại, cô biết," Ailo nói. "Không phải tối nay."

"Điều đó không quan trọng."

Ailo biểu lộ một cái nhún vai lớn, có lẽ khinh khỉnh.

"Đứng dậy, Pet. Đứng lên." Không quay lại, cô nói, "Corky ở đây. Cô muốn nó ở trong hay bên ngoài?"

"Tôi nghĩ bên ngoài."

"Vậy tôi sẽ cột nó lại, như thế nó không thể đi theo. Nó có thể không muốn ở lại với một người lạ."

Juliet không nói gì.

"Cửa sẽ khóa lại khi chúng tôi đi ra. Cô thấy không? Vì vậy, nếu cô đi ra ngoài và muốn quay trở lại, cô phải bấm cái này. Nhưng khi cô đi, cô không nhấn. Nó sẽ khoá lại. Cô hiểu không?"

"Hiểu."

"Chúng tôi thường không cần bận tâm khóa ở đây, nhưng bây giờ có quá nhiều người lạ."

Sau khi họ đã được nhìn các ngôi sao, xe lửa đã dừng lại trong một thời gian ở Winnipeg. Họ bước ra và đi bộ trong một cơn gió rất lạnh đến độ họ thở đau đớn, nói chi nói chuyện. Khi họ lên tàu trở lại, họ ngồi trong phòng khách và ông gọi rượu brandy.

"Làm cho chúng ta ấm lên và dễ vào giấc ngủ," ông nói.

Ông sẽ không ngủ. Ông sẽ ngồi cho đến khi ông đi xuống ở Regina, khoảng vào buổi sáng.

Khi ông đưa cô trở lại toa xe của cô, hầu hết các giường đã được làm xong, các rèm cửa màu xanh lá cây đậm làm lối đi hẹp lại. Tất cả toa xe có tên và tên toa của cô là Miramichi.

"Đây rồi," cô thì thầm, trong khoảng trống giữa các toa xe, tay của ông đã đẩy cửa cho cô.

"Hãy nói lời tạm biệt ở đây." Ông rút tay lại và họ giữ thăng bằng chống lại sự lắc lư để ông có thể hôn cô trọn vẹn. Khi xong rồi, ông không buông ra nhưng giữ cô lại và vuốt ve lưng của cô và sau đó bắt đầu hôn khắp khuôn mặt của cô.

Nhưng cô lùi ra, cô nói khẩn trương, "Tôi là một trinh nữ."

"Vâng, vâng." Ông cười và hôn lên cổ cô, sau đó buôn cô ra và đẩy cánh cửa mở ở phía trước cô. Họ vào lối đi cho đến khi cô tìm được chiếc giường của cô. Cô ép người vào bức màn, quay lại và mong chờ ông hôn cô nữa hoặc chạm vào cô nhưng ông bỏ đi gần như thể họ đã tình cờ gặp nhau.

Thật ngu ngốc, thật thảm hại. Sợ hãi, tất nhiên, là tay của ông vuốt ve sẽ đi xuống xa hơn và chạm vào cái gút cô đã cột tấm băng vệ sinh vào thắt lưng. Nếu cô là loại cô gái có thể tin vào tấm băng vệ sinh để bên trong người, điều này sẽ không bao giờ xảy ra.

Và tại sao trinh nữ? Khi cô đã trải qua những thời gian dài khó chịu trong Công Viên Willis Park, để bảo đảm một điều kiện như vậy sẽ không là một trở ngại? Cô đã phải suy nghĩ về những gì cô cần nói với ông, cô sẽ không bao giờ có thể nói với ông rằng cô đang có kinh nguyệt, trường hợp ông hy vọng tiến xa hơn nữa. Dù sao, làm thế nào ông có thể có kế hoạch như vậy được? Làm thế nào? Ở đâu? Trên giường của cô, thật chật chội và tất cả các hành khách khác rất có thể còn thức xung quanh họ? Đứng lên, lắc lư qua lại, ép vào một cánh cửa mà ai cũng có thể đi tới và mở, trong khoảng trống tạm bợ đó giữa những toa xe?

Vậy bây giờ ông có thể nói với ai đó ông làm thế nào nghe cô gái ngu ngốc này tất cả buổi tối khoe khoan những gì cô biết về thần thoại Hy Lạp và đoàn kết, khi cuối cùng ông hôn chúc cô ngủ ngon, để thoát khỏi cô, thì cô bắt đầu la lên rằng cô là một trinh nữ.

Ông không có vẻ là loại đàn ông làm điều như vậy, nói như vậy, nhưng cô không thể không tưởng tượng được.

Cô nằm thao thức trong đêm khuya nhưng đã thiếp ngủ khi tàu dừng lại ở Regina.

Còn lại một mình, Juliet có thể khám phá ngôi nhà. Nhưng cô không làm như vậy. Hai mươi phút, ít nhất, trước khi cô có thể thoát khỏi sự hiện diện của Ailo. Không phải là cô sợ rằng Ailo có

thể trở lại để kiểm soát cô hoặc để lấy một cái gì đó cô ấy đã bỏ quên. Ailo không phải là loại người quên những món gì, ngay cả cuối một ngày vất vả. Và nếu cô ấy đã nghĩ Juliet sẽ ăn cắp cái gì, chỉ cần cô ấy đã đá cô ra thôi.

Tuy nhiên cô ấy là loại phụ nữ thích dành không gian, đặc biệt là không gian nhà bếp. Tất cả mọi thứ trong cái nhìn của Juliet đều nói lên sự hiện diện của Ailo, từ các chậu cây (thảo dược) trên cửa sổ đến khối củi chặt và nước sơn đánh bóng.

Và khi cô đã thành công đẩy lui Ailo lại, không ra khỏi phòng nhưng có lẽ phía sau bên cạnh tủ lạnh cũ, Juliet lại đương đầu với Christa. Eric có một người phụ nữ. Tất nhiên là ông có. Christa. Juliet thấy một Ailo trẻ hơn, quyến rũ hơn. Hông rộng, cánh tay mạnh mẽ, tóc dài thật vàng không có bạc, ngực nhấp nhô thẳng thắn dưới một chiếc áo sơ mi rộng. Cùng tích cực và trong Christa, khiêu gợi, thiếu sang trọng. Cùng cách ăn nói thô bạo thích thú của cô.

Hai người phụ nữ khác đi vào tâm trí của cô. Briseis và Chryseis. Những người bạn của Achilles và Agamemnon. Mỗi người được mô tả là "đôi má xinh đẹp." Khi giáo sư đọc từ đó (mà bây giờ cô không thể nhớ), trán của ông đã chuyển màu khá hồng và hình như ông ta đang cố đè nén một tiếng cười khúc khích. Lúc đó, Juliet xem thường ông ta.

Vậy nếu Christa hóa ra là một phiên bản phía bắc hơn, thô hơn của Briseis/Chryseis, Juliet có thể sẽ bắt đầu khinh Eric luôn không?

Nhưng làm thế nào cô sẽ không bao giờ biết được nếu cô đi xuống đường cao tốc và lấy chuyến xe buýt?

Thực tế là cô không bao giờ có ý định đáp chuyến xe buýt đó. Có vẻ như vậy. Với Ailo đi khỏi, cô thấy dễ dàng hơn để khám phá những ý định của mình. Cuối cùng cô đứng dậy và làm thêm cà phê, sau đó chế vào một cái lý to, không phải một trong những cái tách mà Ailo đã lấy ra.

Cô không thoải mái nên không cảm thấy đói nhưng cô xem

xét những chai trên quầy mà người ta chắc đã mang đến cho buổi lễ. Rượu brandy sơ ri, schnapps đào, Tia Maria, vermouth ngọt. Những chai này đã mở nhưng không được nhiều người dùng đến. Vỏ chai không mà Ailo đã thu dọn bên cạnh cửa đã được uống sạch. Gin và whisky, bia và rượu vang.

Cô cho Tia Maria vào cà phê và mang cái chai với cô lên bực thang vào phòng khách lớn.

Đây là một trong những ngày dài nhất trong năm. Nhưng cây cối xung quanh đây, cây trường xanh rậm rạp lớn và cây dương mai nhánh đỏ, làm tắt ánh sáng khi mặt trời giảm dần. Cửa sổ ở trần nhà làm bấp sáng lên, trong khi các cửa sổ trong phòng khách không là gì ngoài những khe hở dài trong tường và nơi đây bóng tối đã bắt đầu tích lũy. Sàn nhà chưa làm xong, những tấm thảm cũ tồi tàn được trải ra trên những ô vuông bằng gỗ dán và căn phòng được trang bị một cách kỳ quặc và bừa bãi. Chủ yếu là gối đệm, nằm ngổn ngang trên sàn nhà, một vài gối nhỏ bọc bằng da đã rách. Một chiếc ghế da lớn, loại nghiêng ra sau và có một chỗ để nghỉ chân. Một chiếc ghế dài được phủ bởi một tấm chăn đích thực chấp vá nhưng rách nát, một máy truyền hình xưa và kệ sách đóng bằng gạch và ván, trên đó không có sách chỉ những chồng sách cũ National Geographics với một vài tạp chí chèo thuyền và vài số Popular Mechanics.

Ailo rõ ràng là đã không có đến đây để dọn dẹp căn phòng này. Có những vết ố tro nơi gạt tàn thuốc đã rơi vào thảm. Và vụn bánh mì ở khắp mọi nơi. Juliet thoáng nghĩ muốn tìm kiếm máy hút bụi, nếu có, nhưng sau đó cô nghĩ rằng thậm chí nếu cô có dùng được nó, có thể một số rủi ro sẽ xảy ra, ví dụ những tấm thảm mỏng có thể bị nhấn và kẹt trong máy. Vì vậy, cô chỉ ngồi trong chiếc ghế da, cho thêm Tia Maria vào khi lượng cà phê bắt đầu giảm.

Không có gì nhiều để cô thích trên bờ biển này. Cây quá lớn và quá nhiều và không có một cá tính nào riêng biệt, chúng chỉ đơn giản tạo thành một khu rừng. Những ngọn núi quá vĩ đại và

không hợp lý và các hòn đảo nổi trên mặt nước của Eo Biển Georgia quá liên tục như tranh vẽ. Ngôi nhà này, với không gian lớn và trần nhà nghiêng và gỗ chưa hoàn thành, biểu lộ nét rõ và có ý thức hơn.

Con chó sủa thỉnh thoảng nhưng không khẩn trương. Có lẽ nó muốn đi vào và có bạn. Nhưng Juliet chưa bao giờ có một con chó, một con chó trong nhà sẽ là một nhân chứng, không phải là một người bạn đồng hành và chỉ sẽ làm cho cô cảm thấy khó chịu.

Có lẽ con chó sủa khi khám phá hươu, nai, hoặc một con gấu, hoặc một con báo. Đã có một bản tin gì đó trong báo chí Vancouver về một con báo, cô nghĩ trên bờ biển này, cần một đứa trẻ.

Ai mà muốn sống nơi bạn phải chia sẻ tất cả khoảng không gian ngoài trời với những con vật không thân thiện và cướp bóc?

Kallipareos. Cửa đôi má đẹp. Bây giờ cô nhớ rồi. Từ ngữ Homer lấp lánh trên móc cửa cô. Và ngoài ra cô đột nhiên ý thức được tất cả ngữ vựng tiếng Hy Lạp, của tất cả mọi thứ mà dường như đã được xếp vào một ngăn tủ gần sáu tháng nay. Bởi vì cô không dạy tiếng Hy Lạp, cô cất nó đi.

Đó là những gì xảy ra. Bạn cất nó đi một thời gian ngắn và bây giờ và một lần nữa bạn tìm trong tủ một cái gì khác và bạn nhớ và bạn sớm suy nghĩ. Sau đó nó trở thành cái gì đó đang ở đó, trong tủ và những cái khác chen chúc ở phía trước và ở trên nó và cuối cùng bạn không còn nghĩ về nó nữa.

Điều đó đã từng là kho báu tươi sáng của bạn. Bạn không nghĩ về nó. Một mát mát bạn không thể chiêm ngưỡng một lúc nào đó và bây giờ nó trở thành một cái gì bạn chỉ có thể nhớ mơ hồ.

Đó là những gì xảy ra.

Và ngay cả nếu nó không được cất đi, ngay cả nếu bạn sống nhờ nó, mỗi ngày? Juliet nghĩ đến các giáo viên lớn tuổi ở trường, đã số họ quan tâm rất ít đến bất cứ điều gì họ giảng dạy. Chẳng hạn như Juanita, cô chọn tiếng Tây Ban Nha bởi vì nó đi với tên

thánh của cô (cô người Ái Nhĩ Lan) và vì cô muốn nói ngôn ngữ đó giỏi để sử dụng trong chuyến du lịch của cô. Bạn không thể nói rằng tiếng Tây Ban Nha là kho tàng của cô ấy.

Ít người, rất ít có một kho tàng và nếu có, bạn phải bám vào nó. Bạn không được để cho mình bị trấn lột và tước mất đi.

Rượu Tia Maria uống khá hợp với cà phê. Nó làm cho cô cảm thấy bất cần nhưng mạnh mẽ. Nó làm cho cô nghĩ rằng Eric dù sao, cũng không quan trọng lắm. Ông là một người cô có thể giởn chơi với. Giởn chơi là chữ cô muốn nói. Như Aphrodite đã làm với Anchises. Và sau đó vào một buổi sáng cô ấy sẽ bị mất ưu thế.

Cô đứng dậy và tìm nhà vệ sinh, sau đó trở lại và nằm xuống chiếc ghế dài với tấm chăn phủ lên người, quá buồn ngủ để nhận thấy lông Corky trên đó hoặc mùi của Corky.

Khi cô thức dậy trời đã sáng, mặc dù chỉ mới sáu giờ hai mươi ở đồng hồ nhà bếp.

Cô bị nhức đầu. Có một lọ aspirin trong phòng tắm, cô lấy hai viên và rửa mặt và chải tóc và lấy bàn chải đánh răng từ túi xách của cô và đánh răng. Sau đó cô làm một bình cà phê mới và ăn một miếng bánh mì làm ở nhà mà không cần làm nóng hoặc thoa bơ. Cô ngồi tại bàn ăn trong bếp. Ánh sáng mặt trời rọi xuống thông qua cây cối, làm cho đồ đồng chóa sáng trên thân tron tru của cây dương mai. Corky bắt đầu sữa và sữa khá lâu trước khi xe tải queo vào sân và nó im đi.

Juliet nghe cửa xe tải đóng lại, cô nghe ông nói chuyện với con chó và nỗi sợ hãi đi qua người cô. Cô muốn trốn ở đâu đó (cô nói sau đó, tôi có thể bò dưới bàn nhưng tất nhiên cô không nghĩ làm một điều lố bịch như vậy). Nó giống như thời điểm ở trường trước khi người ta tuyên bố người được giải thưởng. Chỉ tệ hơn, bởi vì cô không có hy vọng hợp lý nào. Và bởi vì sẽ không bao giờ có một cơ hội khác quan trọng như vậy trong cuộc sống của cô.

Khi cửa mở ra, cô không thể nhìn lên. Trên đầu gối, ngón của cả hai bàn tay đang vào nhau, nắm chặt lại với nhau.

"Cô ở đây," ông nói. Ông cười trong chiến thắng và ngưỡng mộ,

như thể trước một hình ảnh bất nhả và táo bạo ngoạn mục nhất. Khi ông mở cánh tay ra, nó như một cơn gió thổi vào phòng và làm cho cô nhìn lên.

Sáu tháng trước đây cô không biết người đàn ông này tồn tại. Sáu tháng trước đây, người đàn ông chết dưới gầm tàu vẫn còn sống và có lẽ đang chọn ra những bộ quần áo cho chuyến đi của ông.

"Cô ở đây."

Cô có thể nói qua giọng của ông rằng ông đang chờ cô. Cô đứng lên, hoàn toàn tê liệt và thấy rằng ông già hơn, nặng hơn, hung hăng hơn cô đã nhớ. Ông tiến đến cô và cô cảm thấy mình bị lục soát từ trên xuống dưới, tràn ngập với nhẹ nhõm, tấn công bởi hạnh phúc. Thật đáng kinh ngạc làm sao. Thật gần như ngỡ ngàng.

Thật ra thì Eric không hẳn rất bất ngờ như ông giả vờ. Ailo gọi điện thoại cho ông đêm qua để cảnh báo ông về một cô gái lạ, Juliet và đề nghị để ý dùm cho ông xem cô gái có lấy chuyến xe buýt hay không. Một cách nào đó ông đã nghĩ đúng để có cơ hội cô sẽ làm như vậy, có thể để kiểm tra số phận nhưng khi Ailo gọi điện nói rằng cô gái không đi ông đã giật mình bởi ông cảm thấy vui. Tuy nhiên, ông không về nhà ngay và ông đã không nói với Christa mặc dù ông biết ông sẽ phải nói với cô ấy, thật sớm.

Tất cả chuyện này Juliet hấp thụ từ từ trong những tuần lễ và tháng kế tiếp. Một số thông tin đến một cách vô tình và một số là kết quả của sự thăm dò thiếu thận trọng của cô.

Sự tiết lộ của chính cô (về vấn đề không còn trinh) được xem là nhỏ.

Christa không giống Ailo một chút nào. Cô không có hông rộng hoặc tóc vàng. Cô là một phụ nữ mảnh mai tóc sậm, dí dỏm và đôi khi buồn buồn, cô sẽ trở thành người bạn tuyệt vời và chỗ dựa chính của Juliet trong những năm tới, mặc dù cô sẽ không bao giờ từ bỏ hoàn toàn thói quen trêu chọc tinh quái, nhấp nháy mĩa mai của một sự cạnh tranh đã chìm lỉm.

SỚM



Nguyên tác: Soon
(Phần tiếp theo truyện "Cơ Hội")

*H*ai hình ảnh đối mặt nhau. Hình một con bò cái màu trắng tinh, với nét đặc biệt dịu hiền, hình kia là một người đàn ông mặt xanh, không trẻ mà cũng không già. Ông có vẻ là một công chức thường, có thể một người đưa thư - ông đội nón kết. Mũi ông xanh xao, tròng trắng mắt sáng ngời. Một bàn tay có lẽ của ông mồi mua, từ bên dưới của bức tranh, một cây nhỏ hoặc một nhánh cây nặng trĩu những món trang sức.

Phía trên bức tranh là đám mây đen tối, dưới đó vài căn nhà nhỏ rải rác và một ngôi nhà thờ với cây thánh giá, đặt trên mặt cong của trái đất. Gần bên một người đàn ông nhỏ bé (tuy vẽ theo một tỉ lệ lớn hơn so với các ngôi nhà) đi bộ nét cương quyết, lưỡi hái trên vai, và một phụ nữ, vẽ với cùng tỉ lệ, dường như đang chờ đợi ông. Nhưng bà lại treo lộn ngược.

Có những chi tiết khác nữa. Ví dụ, một cô gái vắt sữa bò, ở phía trong má con bò cái.

Juliet quyết định ngay mua bản in này như món quà tặng Giáng Sinh cho cha mẹ cô.

"Bởi vì nó nhắc tôi nhớ đến họ," cô nói với Christa, người bạn cùng đi với cô từ Whale Bay để mua sắm. Họ đang ở trong cửa hàng quà tặng của Art Gallery Vancouver.

Christa cười. "Người đàn ông màu xanh lá cây và con bò? Chắc họ sẽ vui thích lắm."

Thoạt đầu, Christa không bao giờ lấy làm nghiêm túc bất cứ điều gì, cô luôn tìm cách nói đùa trước. Juliet không cảm thấy phiền. Cô mang thai ba tháng với em bé mà cô sẽ đặt tên Penelope, đột nhiên cô hết buồn nôn, và vì lý do đó, hoặc một lý do nào khác, cô lại có những cơn thật phấn khởi. Cô luôn nghĩ

đến thức ăn, và thậm chí cô đã không muốn đi vào cửa hàng quà tặng, bởi vì cô vừa nhìn thấy một nơi ăn trưa.

Cô yêu tất cả mọi thứ trong tấm hình, nhưng đặc biệt là những hình thể nhỏ và các tòa nhà ọp ẹp ở trên cùng. Người đàn ông với lưỡi hái và người phụ nữ treo ngược xuống.

Cô nhìn đến chủ đề. Tôi và Làng.

Một ý nghĩa thật tinh tế.

"Chagall. Tôi thích Chagall," Christa nói. "Picasso là một đứa con hoang."

Juliet rất hài lòng với bức tranh cô đã tìm được nên không để ý gì khác.

"Cô có biết người ta nói ông ta đã phát biểu cái gì không? Chagall là để cho các cô gái chọn mua," Christa nói với cô. "Vậy, có gì sai nếu các cô gái chọn mua? Chagall nên nói, Picasso là để cho những người có khuôn mặt buồn cười."

"Ý tôi là, nó làm cho tôi nghĩ đến cuộc sống của họ", Juliet nói. "Tôi không biết tại sao, nhưng thật vậy."

Cô có kể cho Christa vài điều về cha mẹ cô - làm thế nào họ sống ở một nơi cô lập kỳ lạ nhưng không phải là không vui, mặc dù cha cô là một giáo viên có tiếng. Một phần họ bị cách ly vì bệnh tim của Sara, nhưng cũng vì họ mua dài hạn những tạp chí mà không ai xung quanh họ đọc, nghe các chương trình trên mạng phát thanh quốc gia, mà không ai xung quanh họ nghe. Vì Sara tự may quần áo - đôi khi không khéo - dùng mẫu Vogue, thay vì Butterick. Thậm chí vì họ còn giữ một vài cảm giác của tuổi trẻ thay vì mập dầy và ủ rũ như cha mẹ của những người bạn học của Juliet. Juliet đã tả Sam giống như cô - cổ dài, một chỗ trũng trên cằm, tóc mềm màu nâu nhạt - và Sara như một phụ nữ yếu đuối tóc vàng nhạt, một nét đẹp bề bộn mỏng manh.

Khi Penelope được mười ba tháng, Juliet bay với con đến Toronto, sau đó lấy xe lửa. Đây là vào năm 1969. Cô đi xuống một thị trấn cách nơi cô đã lớn lên hai mươi dặm, mà Sam và Sara vẫn còn cư ngụ. Hình như xe lửa không còn dừng lại ở đó

nữa.

Cô thất vọng khi xuống nhà ga không quen thuộc này và không thấy xuất hiện trở lại, ngay lúc đó, hàng cây, vỉa hè và căn nhà cô từng nhớ - sau đó, chẳng bao xa, là nhà riêng của cô, nhà của Sam và Sara, rộng rãi nhưng đơn giản, không có nghi ngờ gì hết cũng với nước sơn màu trắng phồng rộp và tồi tàn, phía sau cây phong to lớn mềm mại.

Cô chưa bao giờ thấy Sam và Sara đến thị trấn này lúc trước, họ đang mỉm cười nhưng lo lắng, vẻ suy giảm.

Sara kêu lên một tiếng nhỏ kỳ lạ, như thể một cái gì đó mổ vào bà. Một vài người trên sân ga quay lại nhìn.

Hình như đó chỉ là sự phấn khởi.

"Chúng dài và ngắn, nhưng vẫn còn hợp nhau", bà nói.

Lúc đầu Juliet không hiểu bà muốn nói cái gì. Sau đó, cô nhận ra - Sara mặc một chiếc váy đen bằng len dài xuống bắp chân và một cái áo khoác phù hợp. Cổ áo và cổ tay áo khoác được may với một miếng vải màu chanh xanh lá cây chói sáng điểm chấm tròn đen. Một khăn xếp cùng vải che mái tóc bà. Bà chắc đã may bộ trang phục, hoặc nhờ thợ. Màu sắc không hợp cho làn da của bà, trông như lớp bụi phấn mỏng đã phủ lên đó.

Juliet mặc một áo đầm ngắn màu đen.

"Mẹ tự hỏi không biết con sẽ nghĩ gì về mẹ, mùa hè lại mặt màu đen, như mẹ đang có tang vậy," Sara nói. "Và đây con cũng mặt giống mẹ. Con trông rất thông minh, mẹ hoàn toàn ưa thích những chiếc áo đầm ngắn này."

"Và mái tóc dài," Sam nói. "Một người hoàn toàn đột sống mới." Ông cúi nhìn mặt em bé. "Chào, Penelope."

Sara thêm vào, "Như một con búp bê."

Bà với tay bế Penelope - mặc dù cánh tay bà đưa ra khỏi tay áo là hai chiếc que quá yếu đuối để ôm một em bé nặng như vậy. Và bà không cần phải cố gắng, vì Penelope, từ nãy căng thẳng khi lần đầu tiên nghe giọng nói của bà ngoại, bây giờ nó hét lên và quay đi, giấu khuôn mặt của vào cổ của Juliet.

Sara cười. "Bà giống một người bù nhìn ghê gớm vậy sao?" Một lần nữa giọng nói bình hoạn của bà phát ra, vút lên thật chói tai và nhỏ lại, lôi cuốn những cái nhìn chăm chăm. Một điều mới lạ - mặc dù có thể không hoàn toàn. Juliet có ý tưởng mọi người có vẻ luôn nhìn theo hướng mẹ cô khi bà cười hoặc nói chuyện, nhưng ngày xưa họ đã nhận thấy đó là để bộc lộ niềm vui, một cái gì đó nữ tính và thu hút (mặc dù không phải mọi người đều có thể thích, họ sẽ nói bà luôn cố gắng để gây sự chú ý).

Juliet nói, "Con bé rất mệt."

Sam giới thiệu người phụ nữ trẻ đang đứng phía sau, giữ khoảng cách như thể cô không muốn được nhận diện là cô đi chung. Và trên thực tế Juliet cũng không có để ý đến cô.

"Juliet, đây là Irene. Irene Avery."

Juliet cố gắng đưa tay ra trong khi vẫn bế Penelope và mang túi tã, và khi nó trở nên rõ ràng là Irene sẽ không bắt tay - hay có lẽ đã không nhận ra ý định - cô mỉm cười. Irene không mỉm cười lại. Cô đứng khá bất động, nhưng cho ấn tượng là cô muốn giữ im lặng.

"Chào cô," Juliet nói.

Irene trả lời: "Vui được gặp cô" với một giọng nói đủ nghe, nhưng không có biểu lộ.

"Irene là nàng tiên của ba mẹ," Sara nói, và sau đó mặt của Irene biến đổi. Cô cau mày một chút, vẻ bối rối rõ ràng.

Cô không cao như Juliet - người đã cao - nhưng vai và hông của cô rộng hơn, với cánh tay khỏe mạnh và cầm bướng bỉnh. Mái tóc xoắn đen dày, cột ra phía sau thành một cái đuôi ngắn to, lông mày đen rậm không thân thiện, và loại da dễ ăn nắng. Đôi mắt cô màu xanh lá cây hoặc màu xanh, một màu sắc nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên với làn da này, và khó nhìn vào, thật sâu thẳm. Cũng vì cô giữ đầu hơi cúi thấp và xoay mặt sang một bên. Sự cảnh giác này có vẻ được đề cao và cố tình.

"Đối với một nàng tiên cô ấy thật đã làm rất quá nhiều việc," Sam nói, với nụ cười chiến lược toe toét. "Tôi sẽ nói với tất cả mọi

người là cô như vậy."

Và bây giờ tất nhiên Juliet nhớ lại họ có đề cập trong những bức thư về một người phụ nữ đến giúp đỡ, vì sức khỏe của Sara xuống dốc quá nhanh. Nhưng cô lại nghĩ đến một người lớn tuổi hơn nhiều. Irene chắc chắn là không lớn hơn cô.

Vẫn là chiếc xe Pontiac mà Sam đã mua lại có lẽ mười năm trước. Màu sơn xanh ban đầu cho thấy những vết dầy đó nhưng hầu như mờ nhạt thành màu xám, và những ảnh hưởng của muối trên con đường mùa đông có thể thấy ở rìa rỉ sét bên dưới.

"Con ngựa già màu xám," Sara nói, gần như hết hơi sau khi đi bộ một khoảng ngắn từ sân ga xe lửa.

"Nó vẫn còn chạy được," Juliet thêm vào. Cô nhận xét một cách thán phục, đúng như họ chờ đợi ở cô. Cô quên rằng họ gọi chiếc xe như vậy, mặc dù đó là cái tên chính cô đã nghĩ ra.

"Ồ, nó không bao giờ bỏ cuộc," Sara nói, một khi bà đã vào ngồi ở ghế sau với sự giúp đỡ của Irene. "Và ba mẹ cũng sẽ không bao giờ bỏ nó."

Juliet vào ngồi ở ghế trước, loay hoay với Penelope, bé bắt đầu rên rỉ lại. Hơi nóng bên trong xe thật khó chịu, mặc dù nó đã được đậu với cửa sổ quay xuống trong bóng mát thừa thớt của hàng cây dương ở trạm xe lửa.

"Trên thực tế ba định" Sam vừa nói vừa lui xe ra, "Ba định biến nó thành một chiếc xe tải."

"Ông không muốn nói như vậy," Sara rít lên.

"Cho việc làm ăn", Sam tiếp tục. "Nó sẽ ích lợi hơn rất nhiều. Và mình sẽ làm được một số quảng cáo mỗi lần mình lái xe xuống phố, chỉ cần cái tên ghi trên cửa."

"Ông nói chơi," Sara cho biết. "Làm thế nào tôi ngồi trong một chiếc xe chạy quanh với hàng chữ Rau Tươi? Vậy ông cho tôi là bí rợ hoặc bấp cẩu?"

"Tốt hơn diu xuống đi, bà ơi," Sam nói, "không thôi bà sẽ không còn hơi thở nào hết khi chúng ta về đến nhà."

Sau gần ba mươi năm giảng dạy trong các trường công lập

trên toàn quận - mười năm tại trường học cuối cùng - Sam đã đột nhiên bỏ nghề và quyết định vào làm kinh doanh bán rau, toàn thời gian. Ông luôn trồng một vườn rau lớn, và cây mâm xôi, trên mảnh đất mở rộng thêm bên cạnh ngôi nhà, và họ đã bán được sản phẩm thặng dư cho một vài người xung quanh thị trấn. Nhưng bây giờ, hình như, điều này sẽ thay đổi cách kiếm sống của ông, bán cho các cửa hàng tạp hóa và có lẽ sau cùng dựng lên một gian hàng ngoài chợ tại cửa phía trước.

"Ba thật sự có ý định này?" Juliet lặng lẽ hỏi.

"Trời, đúng vậy."

"Ba sẽ không nhớ tiếc việc giảng dạy?"

"Không nhớ gì hết. Ba đã chán ngấy. Ba đã chán ngấy tới mắt."

Sự thật là sau bao nhiêu năm đó, không ai bao giờ đề nghị ông giữ chức vụ hiệu trưởng tại bất cứ trường nào. Cô cho rằng đó là lý do làm cho ông chán ngấy. Ông là một nhà giáo đáng ghi nhận, tất cả mọi người sẽ nhớ đến những khôi hài và nghị lực của ông, Lớp Sáu không giống bất cứ năm nào khác trong cuộc đời các học sinh của ông. Tuy nhiên, ông đã để thời gian qua đi rất nhiều, và có lẽ chính vì lý do đó. Phương pháp của ông có thể bị xem làm giảm đi uy quyền. Vì vậy, bạn có thể tưởng tượng Uy Quyền nói rằng ông không phải là loại người phụ trách, nên để ông tiếp tục ở nhiệm sở sẽ gây ít tổn hại hơn.

Ông thích làm việc ngoài trời, ông hay nói chuyện với mọi người, ông có thể sẽ thành công, bán rau.

Nhưng Sara ghét như vậy.

Juliet cũng không thích. Nếu cô phải nghiêng một bên, tuy nhiên, cô sẽ phải lựa chọn ông. Cô sẽ không muốn có vẻ tự cao.

Và sự thật là cô thấy mình - cô thấy cô và Sam và Sara, nhưng đặc biệt là chính cô và Sam - như hơn tất cả mọi người xung quanh một cách nào đó. Vậy, chuyện bán rau của ông làm gì phải có vấn đề?

Bây giờ Sam nói bằng một giọng bí ẩn, trầm lắng hơn.

"Tên bé là gì?"

Ông muốn nói em bé.

"Penelope. Mình sẽ không bao giờ gọi bé là Penny. Penelope."

"Không, ba muốn nói - ba muốn hỏi họ của em bé."

"Ồ. Con nghĩ là Henderson-Porteous. Hoặc Porteous-Henderson. Nhưng có lẽ nó sẽ dài quá để gọi, khi bé có tên Penelope rồi? Chúng con biết nhưng vẫn thích Penelope. Trước sau gì chúng con cũng sẽ phải quyết định."

"VẬY, con bé mang tên anh ấy," Sam nói. "Tốt, được. Ba muốn nói là, điều này tốt."

Juliet ngạc nhiên một lúc, sau đó thì không.

"Tất nhiên là tên anh", cô nói. Giả vờ bối rối và thích thú. "Con của anh."

"Ồ, đúng. Đúng. Nhưng trong hoàn cảnh này."

"Con quên đi hoàn cảnh," cô nói. "Nếu ba muốn nói thực tế là vì chúng con không có kết hôn, hầu như không có cái gì để lo hết. Nơi chúng con sống, người dân chúng con biết, đó không phải điều người ta nghĩ đến."

"Giả sử không," Sam nói. "Anh có kết hôn với người đầu tiên không?"

Juliet đã kể với họ về vợ của Eric, người mà anh đã chăm sóc trong tám năm cô đã sống sau tai nạn xe hơi.

"Ann? Có. Có thể, con thực sự không biết. Nhưng có. Con nghĩ như vậy. Có."

Sara gọi ra ghế trước, "Hay quá nếu mình ngừng lại ăn kem nhe?"

"Ở nhà mình đã có kem trong tủ lạnh," Sam trả lời. Và nói thêm với Juliet, giọng nhỏ đi, một cách ngạc nhiên, "Cứ đưa bà ấy đi bất cứ nơi nào để ăn uống, và bà sẽ dựng lên một màn trình diễn."

Cửa sổ vẫn còn quay xuống, gió ấm áp thổi vào trong xe. Trời đã thực sự vào hè - một mùa không bao giờ đến, Juliet có thể thấy, trên bờ biển phía tây. Những cây gỗ cứng nhô lên từ xa như những cục bướu ở ven bờ cánh đồng, tạo ra những hang động

bóng mát màu xanh-đen, đất trồng trọt và đồng cỏ trải dài trước mặt họ với một màu vàng và xanh lá cây, dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Lúa mì non, lúa mạch, ngô và đậu thật tươi tốt - tất cả làm cho đôi mắt của bạn mở to ra.

Sara nói: "Ồ ghế trước bàn thảo cái gì vậy? Chúng tôi không thể nghe được ở phía sau này vì gió quá."

Sam nói, "Không có gì đặc biệt. Tôi chỉ hỏi Juliet nếu người bạn vẫn còn làm nghề bắt tôm cá."

Eric sống với nghề bắt tôm từ lâu. Lúc trước anh là một sinh viên y khoa. Anh phải bỏ học vì anh đã thực hiện một vụ phá thai, cho một người bạn (không phải là bạn gái). Tất cả diễn ra tốt đẹp, nhưng bằng cách nào đó câu chuyện đã lọt ra ngoài. Juliet nghĩ sẽ tiết lộ cho cha mẹ vì đầu óc họ rộng rãi. Có lẽ cô muốn giới thiệu anh như một người đàn ông có học thức, không phải chỉ là một ngư dân. Nhưng tại sao lại đặt vấn đề đó, đặc biệt bây giờ Sam là một người bán rau? Ngoài ra, đầu óc rộng rãi của họ có thể không đáng tin tưởng như cô nghĩ.

Họ có nhiều sản phẩm khác để bán ngoài rau tươi và quả mọng. Mứt, nước trái cây đóng chai, đồ chua, được biến hoá trong nhà bếp. Buổi sáng đầu tiên của Juliet, mứt mâm xôi đang được chế biến. Irene phụ trách việc này, áo khoác của cô ướt đầm hơi nước hoặc mồ hôi, bám vào da ở giữa hai bả vai. Cô cũng thường đưa mắt liếc nhìn máy truyền hình, đã được đẩy xuống hành lang phía sau ngay cửa nhà bếp, vì vậy bạn phải ép mình lại để bước vào trong. Trên màn hình chương trình buổi sáng dành cho trẻ em đang chiếu một phim hoạt họa Bullwinkle. Thỉnh thoảng Irene cười thật lớn với mấy trò vui, và Juliet cũng cười, để tỏ ra thân thiện. Irene không để ý.

Quầy bếp cần được thu dọn để Juliet có thể luộc và nghiền một quả trứng cho bữa ăn sáng của Penelope, pha cà phê và nướng bánh mì cho cô. "Cô có đủ chỗ không?" Irene hỏi, với một giọng không rõ ràng, như thể Juliet là một kẻ đột nhập mà nhu cầu không thể đoán trước được.

Nếu nhìn gần có thể thấy nhiều sợi lông đen mịn trên cánh tay của Irene. Cũng có vài sợi trên má, ngay phía trước tai của cô.

Cô liếc xiên nhìn tất cả mọi động tác của Juliet, vặn thử các nút mở lò (cô không nhớ lúc đầu ổ điện nào kiểm soát), lấy trứng ra khỏi nồi và lột vỏ (lần này bị dính, và tróc ra từ từ một ít thay vì một mảnh lớn dễ dàng), sau đó cô chọn cái đĩa để tán nhuyễn.

"Chắc cô không muốn con bé làm rơi cái đĩa đó trên sàn nhà." Có muốn nói đến cái đĩa Tàu. "Cô không lấy một cái bằng nhựa cho nó sao?"

"Tôi sẽ cẩn thận", Juliet nói.

Thì ra Irene cũng là một người mẹ. Cô có một bé trai ba tuổi và một bé gái dưới hai tuổi. Tên là Trevor và Tracy. Người cha đã chết mùa hè vừa qua trong một tai nạn ở chuồng gà nơi anh làm việc. Cô trẻ hơn Juliet ba tuổi - hai mươi hai. Juliet biết được vì cô có hỏi về con cái và người chồng, và dựa theo câu trả lời cô có thể đoán độ tuổi.

Khi Juliet nói: "Ồ, tôi rất tiếc" - nhắc đến vụ tai nạn, cô cảm thấy đã khiếm nhã gọi lại, và bây giờ cô có vẻ đạo đức giả để thương xót - Irene trả lời, "Ồ. Đúng vào ngày sinh nhật thứ hai mươi mốt của tôi," như thể nỗi bất hạnh là một cái gì đó để tích lũy, như những vật đeo lưng lẳng trong một chiếc vòng tay.

Sau khi Penelope ăn hết quả trứng, Juliet bế nó một bên hông và đi lên lầu.

Nửa chừng cô nhận ra cô chưa rửa đĩa.

Không có nơi nào để em bé xuống, nó chưa biết đi nhưng có thể bò thật nhanh. Chắc chắn là không thể để nó một mình thậm chí năm phút trong nhà bếp, với nồi nước sôi diệt trùng, mút còn nóng và dao cắt - cũng không thể yêu cầu Irene trông con bé được. Và điều đầu tiên sáng nay một lần nữa cô đã từ chối thân thiện. Vì vậy, Juliet bế con bé lên cầu thang trên căn gác - đóng cửa lại phía sau - và để nó chơi trên các bước thang, trong khi cô tìm cái chuồng chơi cũ. May mắn là Penelope rất quen bò trên các bước thang.

Ngôi nhà cao hai tầng, bây giờ Juliet cảm thấy những căn phòng đung đến trần nhà trông giống cái hộp. Mái nhà thật dốc, nhờ đó cô có thể đi bộ tới lui ở giữa căn gác. Juliet thường làm như vậy, khi cô con nhỏ. Cô đi vòng vòng kể cho mình nghe một số chuyện cô đã đọc, đôi khi thêm bớt hoặc thay đổi. Nhảy múa - cũng có nữa - trước một khán giả tưởng tượng. Khán giả thực sự gồm những bàn ghế hỏng hoặc đơn giản không dùng nữa, những chiếc rương cũ, một chiếc áo khoác da trâu vô cùng nặng nề, căn nhà chim én màu tím (một món quà của các học sinh xa xưa của Sam, họ đã thất bại trong việc thu hút chim én màu tím), nón sắc của Đức mà hình như cha của Sam đã mang về sau Thế Chiến Thứ Nhất, và một bức tranh vẽ tài tử buồn cười một cách vô tình về chiếc tàu Empress of Ireland chìm ở Vịnh St. Lawrence, với những hình thể bằng que diêm văng ra tứ phía.

Và ở đó, dựa vào tường, là bức tranh Tôi và Làng. Đối mặt ra ngoài - không có ý che giấu. Và không có bụi trên đó, nghĩa là nó cũng vừa mới được mang lên đây.

Sau một lúc tìm kiếm, cô thấy chuồng chơi cho em bé. Một món đồ nặng và đẹp, với sàn và hai bên trục chính bằng gỗ. Và xe đẩy em bé. Cha mẹ cô đã giữ tất cả mọi thứ, hy vọng có thêm một đứa con nữa. Họ đã có ít nhất một lần sẩy thai. Vào mỗi buổi sáng chủ nhật, tiếng cười trong giường của họ đã làm cho Juliet cảm thấy như thể ngôi nhà bị xâm chiếm bởi một xáo trộn lén lút, thậm chí đáng xấu hổ, không thuận lợi cho cô.

Xe trẻ con là một loại có thể được gấp xuống để trở thành một xe đẩy. Đây là một chi tiết Juliet đã quên mất, hoặc không biết đến. Bây giờ cô đổ mồ hôi, và phủ đầy bụi, cô cần tìm cách xếp nó lại. Cô không bao giờ thấy việc làm này dễ dàng, cô không nắm bắt được ngay lập tức cách thức ráp lại với nhau, và cô có thể lôi cả chiếc xe xuống cầu thang và mang ra vườn để nhờ Sam giúp, nhưng cô nghĩ đến Irene. Đôi mắt nhạt nhấp nháy của Irene, những cái nhìn gián tiếp nhưng đo lường, đôi tay khéo léo. Vẽ cảnh giác của cô, trong đó có cái gì không hẳn là khinh thường.

Juliet không biết có thể gọi là gì. Một thái độ, đứng đưng nhưng kiên quyết, giống như một con mèo.

Cuối cùng cô tìm được cách dựng chiếc xe đẩy. Nó cồng kềnh, một nửa to hơn xe đẩy bình thường. Và tất nhiên là bản thủ. Bây giờ cô đã ổn, và trên các bậc thang, Penelope cũng có vẻ ổn hơn nữa. Và ngay bên cạnh tay của bé một cái gì đó mà Juliet thậm chí đã không để ý. Một cây đinh. Thứ mà bạn không bao giờ quan tâm đến, cho đến khi bạn có một đứa bé ở trong giai đoạn cho tất cả vào miệng, và lúc đó bạn phải luôn luôn thận trọng.

Và cô đã không cẩn thận. Tất cả mọi thứ ở đây làm cho cô bị phân tâm. Hơi nóng, Irene, những thứ quen thuộc và những thứ không quen thuộc.

Tôi và Làng.

"Ồ," Sara nói. "Mẹ hy vọng con sẽ không nhận thấy. Con đừng buồn nhe."

Phòng ánh nắng bây giờ là phòng ngủ của Sara. Lúc trước là một phần của hành lang trước cửa nhà - những tấm sáo bằng tre được treo trên tất cả các cửa sổ, ánh sáng màu vàng nâu và hơi nóng đều hoà tràn đầy trong căn phòng. Tuy nhiên, Sara vẫn mặc bộ đồ ngủ bằng len màu hồng. Hôm qua, tại nhà ga, bà kẻ lông mày bằng bút chì, môi sơn màu quả mâm xôi, đội khăn xếp và mặt bộ trang phục, Juliet thấy bà giống một phụ nữ lớn tuổi người Pháp (không phải vì Juliet đã gặp nhiều phụ nữ lớn tuổi người Pháp), nhưng bây giờ, với mái tóc trắng phơ bầy từng lọn, đôi mắt sáng lo lảng dưới lông mày gằn như không có, bà trông giống như một đứa trẻ già đi trước tuổi. Bà đang ngồi lên dựa vào những chiếc gối với tấm chăn kéo đến eo. Khi Juliet đưa bà đi vào phòng tắm, trước đó, mặc dù với nhiệt độ như vậy, cho thấy bà mang cả vợ và dép trong giường.

Một cái ghế lưng thẳng được đặt bên cạnh giường, bà có thể với tay ra chỗ ngồi dễ dàng hơn là một cái bàn. Trên đó có những viên thuốc men, phấn bột, kem nuôi da, một nửa tách trà sữa đã uống, một cái ly đầy lại dựng hình như một loại thuốc bổ màu

sẫm, có thể là chất sắt. Trên đầu giường là các tạp chí – những số cũ của Vogue và Ladies' Home Journal.

"Con không buồn", Juliet trả lời.

"Ba mẹ đã treo nó lên. Ở trong hành lang phía sau gần cửa phòng ăn. Sau đó, ba đã lấy xuống."

"Tại sao?"

"Ông không có nói gì hết với mẹ. Ông không nói là ông sẽ lấy xuống. Sau đó, đến một ngày nó không còn ở đó nữa."

"Tại sao ba lại lấy nó xuống?"

"Ồ. Có thể là một ý niệm của ông, con biết đó."

"Ý niệm gì?"

"Ồ. Mẹ nghĩ con biết, mẹ nghĩ nó có thể liên hệ đến Irene. Nó làm phiền Irene."

"Không có ai khỏa thân trong đó. Không phải như Botticelli."

Vì thực ra có một bản in The Birth of Venus treo trong phòng khách của Sam và Sara. Nó đã là chủ đề của những chuyện đùa căng thẳng mấy năm trước nhân dịp họ mời những nhà giáo khác đến ăn tối.

"Không. Nhưng nó hiện đại. Mẹ nghĩ rằng nó làm cho ba khó chịu. Hoặc có thể nhìn vào đó với Irene cũng nhìn vào đó - khiến cho ông khó chịu. Ông có thể lo sợ nó sẽ làm cho cô ấy cảm thấy - ồ, như khinh thường ba mẹ. Con biết - là chúng ta kỳ quặc. Ông sẽ không muốn để Irene nghĩ chúng ta là loại người như vậy."

Juliet nói: "Loại người treo bức ảnh này? Mẹ muốn nói là ba quan tâm quá nhiều đến những gì cô ấy nghĩ về hình ảnh của chúng ta?"

"Con biết ba mà."

"Ba không sợ trái ý với người ta. Không phải đó là vấn đề trong công việc của ba sao?"

"Cái gì?" Sara hỏi. "Ồ. Đúng. Ba có thể trái ý. Nhưng ba đôi khi cẩn thận. Và Irene. Irene rất - ba cẩn thận với cô ấy. Irene rất quý đối với ba mẹ."

"Ba nghĩ cô sẽ từ bỏ công việc bởi vì cô thấy chúng ta có một

tấm hình kỳ quặc sao?"

"Mẹ sẽ vẫn treo nó lên, con à. Mẹ đánh giá cao bất cứ cái gì của con. Nhưng ba..."

Juliet không nói gì. Từ khi cô lên chín hoặc mười cho đến khi cô có lẽ mười bốn tuổi, cô và Sara có một sự hiểu biết về Sam. Con biết ba mà.

Đó là thời điểm hai người phụ nữ cùng chia sẻ với nhau. Tóc quá thẳng và mịn của Juliet được thử uốn tại nhà, buổi may áo làm ra những bộ trang phục không giống ai, bữa ăn tối bánh mì lát bơ đậu phộng với cà chua và thoa sốt tròng vàng trứng đánh với dầu những buổi tối Sam ở lại trễ cho cuộc họp tại trường. Những câu chuyện được kể đi kể lại về bạn trai và bạn gái cũ của Sara, những câu nói đùa họ giỡn chơi và niềm vui họ có, những ngày mà Sara cũng là nhà giáo, trước khi trái tim bà quá xấu. Những câu chuyện từ thời gian trước đó, khi bà nằm trên giường với cơn sốt thấp khớp và có những người bạn tưởng tượng Rollo và Maxine giải quyết bí ẩn, thậm chí giết người, giống như các nhân vật trong vài cuốn truyện trẻ em. Những cái nhìn thoáng qua về sự tán tỉnh u mê của Sam, tai họa với chiếc xe mượn, thời điểm ông xuất hiện ở cửa Sara cải trang như một kẻ lang thang.

Sara và Juliet, làm kẹo sô cô la và luồn sợi dây băng qua lỗ dây viền trên váy lót, hai người thật gần bó với nhau. Và sau đó đột ngột, Juliet không còn muốn làm bất cứ cái gì nữa, cô muốn thay vào đó nói chuyện với Sam thật trễ ban đêm trong nhà bếp, hỏi ông về những hố đen, Kỷ Băng Hà, Chúa. Cô ghét cách Sara mở to mắt đặt những câu hỏi ngây thơ phá hoại cuộc nói chuyện của họ, cách Sara luôn cố gắng tìm cách lôi kéo chủ đề trở lại với bà. Đó là lý do tại sao buổi nói chuyện chỉ xảy ra trễ ban đêm và cô cũng như Sam cũng phải hiểu là không bao giờ nên đề cập đến. Chờ cho đến khi Sara không có mặt. Tất nhiên chỉ là bấy giờ thôi.

Dù sao họ cũng luôn tự nhắc nhở một điều. Đối xử tốt với Sara. Bà đã liều mạng sống để sinh ra cô, một hành động đáng ghi nhớ.

"Ba không quan tâm trái ý với những người ở trên ba," Sara

nói, hít một hơi thở thật sâu. "Nhưng con biết ba thế nào đối với những người ở dưới ba. Ba sẽ làm sao để đảm bảo họ không cảm thấy ba khác họ, ba chỉ cần đặt mình xuống ngang hàng với họ -"

Tất nhiên là Juliet đã biết. Cô biết cách Sam nói chuyện với cậu bé tại máy bơm xăng, cách ông nói đùa trong cửa hàng kim khí. Nhưng cô không nói gì.

"Ba cần phải thu hút họ," Sara nói với một giọng thay đổi đột ngột, một khía cạnh dao động của tật xấu, một tiếng cười yếu ớt.

Juliet chùi sạch xe đẩy em bé, và cùng Penelope, họ đi bộ vào phố. Cô lấy lý do là cô cần mua một nhãn hiệu xà phòng khử trùng nhẹ để giặt tã - nếu cô sử dụng xà phòng thường em bé sẽ có thể bị dị ứng. Nhưng cô cũng có những lý do khác, không thể cưỡng lại được mặc dù ngại ngùng.

Đây là con đường cô đã đi bộ tới trường trong nhiều năm của cuộc đời cô. Ngay cả khi cô lên đại học, và trở về nhà trong một chuyến viếng thăm - cô vẫn là một cô gái còn đi học. Cô sẽ không bao giờ hoàn tất việc học sao? Ai đó hỏi Sam như vậy vào một thời điểm cô vừa đoạt Giải Liên Trường Thông Dịch Tiếng La Tinh, và ông đã nói, "Tôi sợ là không." Ông kể câu chuyện này cho riêng ông. Lạy Chúa ông phải đề cập đến các giải thưởng. Để Sara làm điều đó - dù Sara có thể chỉ quên không biết giải thưởng gì.

Và hiện giờ cô đang ở đây, trọn vẹn. Đẩy em bé giống như bất cứ người phụ nữ trẻ nào khác. Quan tâm đến xà phòng giặt tã. Và không chỉ là em bé của cô. Đứa con tình yêu. Đôi khi cô nói về Penelope như vậy, chỉ với Eric. Anh xem đó là một lời đùa, cô nói đùa, bởi vì tất nhiên là họ sống với nhau và cũng khá lâu rồi, và họ có ý định đi tiếp tục bên nhau. Điều thực tế họ không có kết hôn không có nghĩa gì với anh, như cô biết cho đến nay, và chính cô nhiều khi cũng quên. Nhưng thỉnh thoảng - và bây giờ, đặc biệt là ở đây tại quê nhà, chính thực tế tình trạng không kết hôn cho cô một cảm giác mạnh đã hoàn tất, một sự gia tăng phúc lạc thật ngớ ngẩn.

"VẬY - hôm nay con đi ra đường," Sam hỏi. (Ông luôn nói ra đường? Sara và Juliet nói lên phố.) "Con có gặp ai con quen không?"

"Con phải đi đến nhà thuốc," Juliet trả lời. "Và có nói chuyện với Charlie Little."

Cuộc nói chuyện này diễn ra trong bếp, sau mười một giờ đêm. Juliet đã quyết định đây là lúc tốt nhất để sửa soạn mấy bình sữa của Penelope cho ngày mai.

"Little Charlie?" Sam hỏi - ông luôn có thói quen khác này mà cô đã không nhớ, thói quen tiếp tục gọi người ta bằng biệt danh lúc ở trường. "Anh ta có khen con bé không?"

"Tất nhiên."

"Và cũng tốt."

Sam đang ngồi ở bàn, uống rượu lúa mạch đen và hút thuốc lá. Ông mới uống rượu whisky đây thôi. Bởi vì cha của Sara là một người uống rượu - không phải nghiện rượu, ông vẫn tiếp tục hành nghề bác sĩ thú y, nhưng ông đã gây ra khá nhiều sợ hãi trong nhà đủ làm cho con gái ông kinh hoàng vì uống rượu - Sam chưa bao giờ uống nhiều hơn một ly bia ở nhà, ít nhất theo Juliet được biết.

Juliet đã đi vào nhà thuốc vì đó là nơi duy nhất để mua xà phòng giặt tẩy. Cô không mong đợi gặp Charlie, mặc dù đó là cửa hàng của gia đình anh. Lần cuối cùng cô nghe nói về anh là anh sẽ học ra kỹ sư. Hôm nay cô có đề cập điều đó với anh, có lẽ một cách không khéo léo, nhưng anh đã dễ dãi và vui vẻ nói với cô rằng chuyện đó không thành. Anh mập ở khoảng giữa, và tóc của anh mỏng ra, mất đi vài làn sóng và lấp lánh. Anh chào đón Juliet với sự nhiệt tình, tăng bốc cô cũng như con cô, và điều này làm cho cô bối rối, vì vậy cô cảm thấy mặt và cổ nóng lên, hơi đổ mồ hôi, suốt lúc anh nói chuyện với cô. Ở trung học anh đã không có thời gian cho cô - trừ một lời chào tử tế, với cách cư xử của anh luôn niềm nở, dân chủ. Anh đi chơi với các cô gái hấp dẫn nhất trong trường, và bây giờ, như anh nói, kết hôn với một trong số

các cô đó. Janey Peel. Họ có hai con, một đứa khoảng tuổi của Penelope, một đứa lớn hơn. Đó là lý do, anh cho biết, với một sự thẳng thắn dường như nói lên cái gì đó về tình cảnh riêng của Juliet - đó là lý do khiến anh không học tiếp tục để trở thành kỹ sư.

Vì vậy, anh biết làm thế nào để Penelope cười riu rít, và anh nói chuyện với Juliet như một người thân thuộc, bây giờ họ đều có gia đình. Cô cảm thấy hãnh diện và hài lòng một cách ngu ngốc. Nhưng anh còn để ý nhiều hơn nữa - anh liếc nhìn bàn tay trái không mang nhẫn của cô, nói đùa về cuộc hôn nhân của anh. Và cái gì khác. Anh đánh giá cô, một cách bí mật, có lẽ anh nhìn thấy cô bây giờ như một phụ nữ trưng bày thành quả của một cuộc sống tình dục một cách dạn dĩ. Juliet, trong tất cả mọi người. Người vụng về, người học giả.

"Con bé có giống cô không?" Anh hỏi, cúi xuống để nhìn Penelope.

"Nó giống ba nó hơn," Juliet trả lời bình thường, nhưng với tất cả niềm tự hào, mồ hôi bây giờ tụ lại ở môi trên của cô.

"Vậy à?" Charlie tò mò, và đứng thẳng lên, phát biểu một cách kín đáo. "Dù sao, tôi sẽ nói với cô một điều. Tôi nghĩ đó là một sự xấu hổ -"

Juliet nói với Sam, "Anh ta nói với con anh nghĩ đó là một sự xấu hổ những gì đã xảy ra cho ba."

"Anh ấy nói vậy, phải không? Con đã trả lời thế nào?"

"Con không biết nói gì. Con không biết anh ta muốn nói cái gì. Nhưng con không muốn anh ấy biết như vậy."

"Không."

Cô ngồi xuống bàn. "Con muốn uống cái gì nhưng con không thích rượu whisky."

"Vậy, bây giờ con cũng uống rượu?"

"Rượu vang. Chúng con tự làm rượu vang. Trong Vịnh tất cả mọi người đều làm."

Sau đó ông kể cho cô một chuyện cười, loại nói đùa mà ông

không bao giờ kể với cô trước đây. Nó liên quan đến một cặp đi vào một nhà trọ, và nó kết thúc với câu "Vậy, nó giống những gì ba luôn nói với các cô gái ở trường học ngày chủ nhật – các cô không cần uống rượu và hút thuốc lá để có những lúc vui vẻ."

Cô cười nhưng cảm thấy khuôn mặt của cô nóng lên, như với Charlie.

"Tại sao ba bỏ công việc của ba?" cô hỏi. "Có phải ba bỏ đi vì con?"

"Thôi nào." Sam cười. "Đừng nghĩ con rất quan trọng. Ba không bỏ đi. Ba không bị sa thải."

"Được rồi. Ba từ chức."

"Ba từ chức."

"Nó có bất cứ điều gì liên quan tới con không?"

"Ba từ chức vì ba đã quá mệt mỏi luôn bị cổ họng xiết chặt trong cái thòng lọng đó. Ba đã dự định từ chức cả bao nhiêu năm rồi."

"Nó không có gì liên quan tới con?"

"Được rồi," Sam trả lời. "Ba đã tranh cãi. Có những điều đã nói ra."

"Điều gì?"

"Con không cần phải biết."

"Và con đừng lo lắng", ông nói một lúc sau. "Họ không sa thải ba. Họ không thể sa thải ba. Có những quy tắc. Nó giống như ba đã nói với con dù sao ba cũng đã sẵn sàng để đi."

"Nhưng ba không nhận ra," Juliet nói. "Ba không nhận ra. Ba không nhận ra chuyện này ngớ ngẩn thế nào và nơi này thật kinh tởm để sống, nơi người ta nói như vậy, và làm thế nào nếu con nói với họ là con biết chuyện này, họ sẽ không tin. Nó sẽ có vẻ như một lời nói đùa."

"Thôi. Thật không may ba mẹ không sống nơi con sống. Đây là nơi ba mẹ đang sống. Bạn của con có nghĩ rằng đó là một lời nói đùa luôn không? Ba không muốn nói về chuyện này nữa tối nay, ba đi ngủ. Ba sẽ vô thăm Mẹ và sau đó ba đi ngủ."

"Chuyến xe lửa", Juliet nói tiếp, vẫn bực dọc, thậm chí khinh miệt. "Nó vẫn còn ngừng lại ở đây. Phải không? Ba không muốn con xuống ở đây. Phải không?"

Ba cô đang đi ra khỏi phòng, ông không trả lời.

Bây giờ ánh sáng từ con đường cuối cùng có đèn trong thị trấn chiếu vào giường của Juliet. Cây phong lớn mềm mại đã bị cắt xuống, thay thế bằng một mảnh đất trồng đại hoàng của Sam. Đêm qua cô đã kéo màn cửa đóng lại để có bóng tối ở giường, nhưng đêm nay cô cảm thấy cô cần không khí bên ngoài. Vì vậy, cô phải chuyển gối xuống chân giường, cùng với Penelope, nó đã ngủ như một thiên thần với tất cả ánh sáng chiếu vào mặt nó.

Cô ước gì mình đã uống một chút rượu whisky. Cô nằm chờ người ra với nỗi thất vọng và giận dữ, thảo trong đầu một bức thư cho Eric. Em không biết em đang làm gì ở đây, em đứng ra không bao giờ nên đến đây, em chỉ mong đợi để về nhà.

Nhà.

Vào buổi sáng khi trời hầu như vẫn còn tối, cô tỉnh dậy với tiếng ồn của máy hút bụi. Sau đó, một giọng nói – của Sam - gián đoạn tiếng ồn này, và cô đã ngủ lại. Khi cô thức dậy sau đó, cô nghĩ chắc là một giấc mơ. Nếu không Penelope cũng sẽ thức dậy.

Sáng nay nhà bếp mát hơn, không còn đầy mùi nung nấu trái cây. Irene đang đập mấy cái nắp nhỏ với vải gingham, và dán nhãn, vào tất cả các keo.

"Tôi nghĩ tôi nghe cô hút bụi," Juliet nói, tạo nét thật vui vẻ. "Chắc tôi phải nằm mơ. Nó chỉ khoảng năm giờ sáng."

Irene không trả lời ngay. Cô đang viết nhãn. Cô thật tập trung để viết, đôi môi kẹt giữa hai hàm răng.

"Bà đó," cô nói khi cô viết xong. "Bà đánh thức ba cô dậy và ông buộc phải đi nói bà ngừng lại."

Thật là khó tưởng tượng. Hôm qua Sara chỉ có rời giường để đi vào phòng tắm.

"Ông kể với tôi," Irene nói. "Bà thức dậy giữa đêm và nghĩ bà sẽ làm cái gì và sau đó ông phải dậy để nói bà ngừng lại."

"Chắc bà phải có một sức đẩy năng lượng nào đó," Juliet nói.

"Ừ." Irene tiếp tục viết trên một cái nhãn khác. Khi xong, cô đối mặt với Juliet.

"Bà muốn đánh thức ba cô dậy và gây sự chú ý, chỉ có vậy. Ông ta mệt muốn chết và ông phải ra khỏi giường để lo cho bà."

Juliet quay đi. Không muốn để Penelope xuống - như thể đứa bé không an toàn ở đây - cô vác nó lên một bên hông trong khi cô vớt trứng ra với một cái muỗng, đập, bóc vỏ và nghiền nó với một tay.

Trong khi cô cho Penelope ăn, bà sợ nói chuyện, ngại rằng giọng nói của bà làm em bé sợ hãi và khóc thét. Tuy nhiên, một cái gì đó truyền đạt đến Irene. Cô nói với một giọng nhẹ nhàng hơn - nhưng với một âm điệu thách thức - "Đó chỉ là cách họ chấp nhận. Khi họ bệnh như vậy, họ không làm sao hơn. Họ không thể nghĩ đến ai khác ngoài bản thân họ."

Đôi mắt của Sara nhắm lại, nhưng bà mở ra ngay lập tức. "Ồ, con cháu thân yêu của mẹ," bà nói, như thể cười với chính bà. "Juliet của mẹ. Penelope của mẹ."

Penelope dường như bắt đầu quen với bà. Ít nhất sáng nay, nó không khóc, hoặc quay mặt đi.

"Đây," Sara nói, với tay lấy một cuốn tạp chí của bà. "Để nó xuống cho nó chơi với cái này."

Penelope nhìn do dự trong giây lát, sau đó lấy một trang giấy và xé thật mạnh.

"Đó con thấy chưa," Sara nói. "Tất cả em bé đều thích xé mấy tạp chí. Mẹ nhớ."

Trên chiếc ghế cạnh bên giường có một chén Kem Lúa Mì, gần như không đụng tới.

"Mẹ không ăn sáng?" Juliet hỏi. "Không phải mẹ muốn ăn cái này sao?"

Sara nhìn vào chén giống như bà phải cân nhắc kỹ càng, nhưng không thể quyết định được.

"Mẹ không nhớ. Không, mẹ nghĩ mẹ không muốn ăn." Bà vừa

cười khúc khích vừa thở hổn hển. "Ai biết được? Mẹ vừa thoáng nghĩ - cô ấy có thể đầu độc mẹ."

"Mẹ chỉ đùa thôi", bà nói khi bà dịu lại. "Nhưng cô ta rất khó chịu. Irene. Chúng ta không nên coi thường - Irene. Con có thấy những sợi lông trên cánh tay cô ấy không?"

"Giống như lông mèo," Juliet nói.

"Giống như lông chồn hôi."

"Chúng ta nên hy vọng không có một sợi nào rơi trong nút."

"Đừng làm cho mẹ - cười nữa -"

Penelope khá bận rộn để xé tạp chí nên Juliet lợi dụng để nó trong phòng của Sara và mang chén Kem Lúa Mì xuống bếp. Cô không nói gì, và bắt đầu pha một ly eggnog với sữa, đường, trứng và rượu. Irene đi vào mang những thùng chất đầy keo nút ra để vào xe. Ở bước thang dưới, Sam đang xịt vòi nước rửa sạch đất bám vào khoai tây mới được đào lên. Ông bắt đầu hát - lúc đầu quá nhỏ nên không nghe được lời hát của ông. Sau đó, khi Irene vừa bước ra, ông cất tiếng lớn hơn.

"Irene, ngủ ngon-o-on,

Irene, ngủ ngon,

Chúc ngủ ngon, Irene, ngủ ngon, Irene,

Anh sẽ gặp em trong giấc mơ của anh."

Irene, trong nhà bếp, quay ngoắt lại và hét lên: "Ông đừng hát bài này về tôi."

"Bài hát nào về cô?" Sam hỏi, giả vờ kinh ngạc. "Ai hát một bài hát về cô?"

"Ông hát. Ông vừa mới hát."

"Ồ - bài hát đó. Bài hát đó về Irene? Cô gái trong bài hát? Trời ơi - tôi quên mất đó cũng là tên của cô nữa."

Ông bắt đầu cất tiếng lên một lần nữa, nhưng ồn ào, lén lút. Irene đứng nghe, đỏ mặt, ngực phập phồng, chờ đợi để xông vào nếu cô còn nghe một chữ nữa.

"Ông không được hát về tôi. Nếu có tên tôi trong đó, là về tôi."

Đột nhiên Sam bùng ra thật lớn.

"Tối thứ bảy vừa qua tôi lấy vợ,
Tôi và vợ tôi ngồi xuống -"

"Ngừng lại. Ông ngừng lại," Irene hét lên, mắt mở to, tóe lửa.
"Nếu ông không ngừng lại tôi sẽ ra đó và xịt vòi nước vào ông."

Trưa hôm đó, Sam đi giao mứt đến các cửa hàng tạp hóa và một vài cửa tiệm quà tặng đã đặt mua. Ông rủ Juliet đi cùng. Ông đã đến tiệm kim khí và mua cái ghế mới tinh để em bé ngồi trong xe cho Penelope.

"Đó là một món mà chúng ta không có trong căn gác," ông nói.
"Khi con còn nhỏ, ba không biết nếu họ đã có bán chưa. Dù sao, nó cũng không quan trọng. Chúng ta không có xe hơi."

"Nó thật đẹp," Juliet nói. "Con hy vọng nó không tốn tiền nhiều quá."

"Chỉ một việc nhỏ mọn," Sam nói, gạt đầu nói cô vào trong xe.

Irene ra vườn hái thêm mâm xôi. Lần này sẽ để làm bánh. Sam nhún cùi hai lần và vẫy tay chào khi họ bắt đầu chạy, và Irene đã trả lời, nâng một cánh tay như để xua đuổi một con ruồi.

"Cô ta là một cô gái lạ lùng," Sam nói. "Ba không biết làm thế nào ba mẹ có thể sống sót mà không có cô. Nhưng ba tưởng tượng cô ấy có vẻ khá cộc cằn với con."

"Con không biết cô ta nhiều."

"Không. Cô ấy rất sợ con."

"Chắc chắn là không." Và cố gắng nghĩ một cái gì đó cảm kích hoặc ít nhất trung lập để nói về Irene, Juliet hỏi làm sao chồng cô chết tại chuồng gà.

"Ba không biết nếu anh ta là một tội phạm hay chỉ vì thiếu hiểu biết. Dù sao, anh lén vào với vài tên bắt lương lập kế hoạch đánh cắp gà và tất nhiên họ đã làm còi báo động kêu lên và người nông dân chạy ra với một khẩu súng và liệu ông có ý định bắn anh ta hay không, anh đã..."

"Trời ơi."

"Vì vậy, Irene và cha mẹ chồng đi ra tòa nhưng ông ta không bị gì hết. Đúng, ông không có tội. Dù sao cô chắc chắn đã phải

đương đầu với rất nhiều khó khăn. Ngay cả khi người chồng không có vẻ đáng gì hết."

Juliet nói tất nhiên là phải rất khó khăn, và hỏi ông nếu Irene là một trong những người học trò ông đã dạy ở trường.

"Không không không. Cô hầu như không có đi học, theo ba biết được."

Ông nói gia đình cô sống ở phía bắc, một nơi nào đó gần Huntsville. Đúng. Một nơi nào gần đó. Một hôm tất cả mọi người đều đến thị trấn. Cha, mẹ, con cái. Và người cha nói với họ rằng ông có vài chuyện để làm và ông sẽ gặp lại họ một lát nữa. Ông nói với họ ở đâu. Lúc nào. Và họ đi lang thang mà không có tiền để chi tiêu, cho đến khi tới giờ. Và ông không bao giờ xuất hiện.

"Ông ta không bao giờ có ý định trở lại. Ông bỏ rơi họ. Vì vậy, họ phải sống bằng trợ cấp xã hội. Sống trong một cái chòi ở miền quê, với giá rẻ. Chị của Irene, người trụ cột, hơn cả người mẹ, ba nghĩ vậy - cô qua đời vì vỡ ruột thừa. Không có cách nào chở cô vào phố, trong cơn bão tuyết và họ không có điện thoại. Irene không muốn đi học trở lại sau đó, bởi vì chị cô đã luôn bảo vệ cô khỏi cách đối xử của những đứa trẻ khác. Bây giờ cô có vẻ dày da nhưng ba đoán không phải lúc nào cô cũng vậy. Thậm chí nó có thể chỉ nhiều lắm là bề ngoài thôi."

Và giờ đây, ông nói, giờ đây mẹ Irene đang chăm sóc hai đứa bé, nhưng con biết không, sau tất cả những năm đó người cha đã xuất hiện và đang cố gắng kéo người mẹ quay trở lại với ông ta, và nếu điều đó xảy ra Irene không biết cô sẽ phải làm gì, vì cô không muốn con cô ở gần ông.

"Những đứa bé cũng dễ thương. Cô bé bị sút môi và nó đã qua một kỳ giải phẫu nhưng nó sẽ cần một lần khác sau này. Nó sẽ ổn. Nhưng đó chỉ là một điều nữa thôi."

Một điều nữa.

Juliet làm sao vậy? Cô không thực sự thông cảm. Cô cảm thấy trong thâm tâm mình nổi loạn, chống lại chuỗi sự kiện khốn khổ này. Thật là quá nhiều. Khi đứa con bị sút môi xuất hiện trong

câu chuyện thực sự cô ta chỉ muốn phàn nàn. Quá nhiều bi đát.

Cô biết cô sai, nhưng cảm giác không thay đổi. Cô sợ nói cái gì thêm, vì ra khỏi miệng cô phản bội trái tim chai cứng của mình. Cô sợ cô sẽ nói với Sam, "Tất cả sự đau khổ này có gì là tuyệt vời để biến cô thành một vị thánh đâu?" Hoặc cô có thể nói, không tha thứ được, "Con hy vọng ba không có ý hoà nhập gia đình mình với những người như vậy."

"Ba cho con biết," Sam nói, "lúc cô ấy đến để giúp ba mẹ ba không còn biết cách nào nữa. Mùa thu vừa rồi, mẹ con hết sức thê thảm. Và không có nghĩa là mẹ đã buồn bỏ tất cả. Không. Tốt hơn nếu mẹ đã buồn bỏ tất cả. Tốt hơn nếu mẹ đừng làm gì hết. Mẹ làm cái gì, bắt đầu một công việc và sau đó mẹ không thể tiếp tục nữa. Và mẹ cứ làm như vậy. Không phải điều này hoàn toàn mới lạ gì. Ba muốn nói, ba luôn luôn phải theo sau mẹ để thu dọn và chăm sóc và giúp mẹ làm việc nhà. Cả hai cha con - nhớ không? Mẹ luôn là cô gái đẹp dễ thương này với một trái tim bình và mẹ quen được chịu đựng. Một đôi khi trong những năm qua ba cũng có nghĩ là mẹ có thể cố gắng hơn một chút nữa."

"Nhưng tình trạng trở nên quá tệ," ông nói. "Khi ba về nhà thấy máy giặt ở giữa sàn nhà bếp và quần áo ướt sũng khắp nơi. Và món ăn nướng mẹ bắt đầu làm và bỏ dở, món khác để cháy khét trong lò. Ba sợ mẹ sẽ tự đốt cháy. Đốt cháy căn nhà. Ba đã nói với mẹ nhiều lần, là ở trong giường. Nhưng mẹ không nghe và sau đó mẹ làm tùm lum như vậy, khóc lóc. Ba đã thử cho một vài cô gái đến giúp và họ không thể nào lo cho mẹ được. Nên, sau đó, có Irene."

"Irene," ông nói với một tiếng thở dài mạnh mẽ. "Ba chúc lành cho ngày đó. Ba cho con biết. Chúc lành cho ngày đó."

Nhưng giống như tất cả những cái tốt đẹp, ông nói, điều này cũng sẽ kết thúc. Irene sắp sửa lấy chồng. Với một người góa vợ bốn mươi hoặc năm mươi tuổi. Nông dân. Nghe nói ông có tiền và vì lợi ích của cô ta Sam hy vọng đó là sự thật. Bởi vì người đàn ông không có gì khác để tự giới thiệu.

"Chúa biết ông không có gì. Ba có thể nhìn thấy đầu ông ta trống rỗng. Dấu hiệu xấu, theo ba. Quá tự hào hay keo kiệt để mướn người cắt dọn. Thử suy nghĩ - một cô gái khỏe mạnh như cô ấy."

"Khi nào họ sẽ lấy nhau?"

"Khoảng mùa thu. Vào mùa thu."

Penelope ngủ từ nãy giờ – nó đã bắt đầu ngủ trong chiếc ghế của nó gần như ngay sau khi xe vừa chạy. Cửa sổ phía trước được quay xuống và Juliet có thể ngửi mùi cỏ khô, vừa mới cắt và đóng kiện - không còn ai làm thành cuộn nữa. Vài cây du vẫn còn đứng sững, bây giờ kỳ diệu, thật biệt lập.

Họ dừng lại ở ngôi làng xây dọc theo con đường trong một thung lũng hẹp. Những tảng đá nhô ra khỏi bức thành của thung lũng - một nơi duy nhất đá thật đồ sộ trải dài cả dặm xung quanh. Juliet nhớ đã đến đây, có một công viên đặc biệt phải trả tiền vào cửa. Trong công viên có một vòi phun nước, một quán trà họ bán bánh dâu tây và kem - và chắc chắn còn những thứ khác mà cô không thể nhớ. Mỗi hang động trong tảng đá mang tên của Bảy Chú Lùn. Sam và Sara đã ngồi trên mặt đất gần vòi phun nước ăn kem trong khi cô chạy trước để khám phá các hang động. (Thực sự không có gì nhiều - không sâu.) Cô muốn họ đi với cô nhưng Sam đã nói: "Con biết mẹ con không thể leo lên được."

"Con chạy xem," Sara nói. "Rồi trở lại kể cho ba mẹ nghe với." Cô mặc áo đẹp. Một cái váy taffeta màu đen trải thành một vòng tròn xung quanh cô trên bãi cỏ. Họ gọi là váy múa ballet.

Một ngày đặc biệt.

Juliet hỏi Sam về kỷ niệm này khi ông bước ra khỏi cửa hàng. Lúc đầu, ông không thể nhớ. Sau đó, ông nhớ lại. Một dây thạch cao, ông nói. Ông không biết khi nào nó đã biến mất.

Juliet không thể thấy dấu vết của một vòi phun nước hoặc một quán trà ở nơi nào cả dọc theo con đường.

"Một người mang đến bình an và trật tự," Sam nói, và phải mất

một lúc cô mới nhận ra ông vẫn còn đang nói về Irene. "Cô sẽ dùng tay để làm đủ mọi chuyện. Cắt cỏ và cuốc vườn. Cô bao giờ cũng cố gắng hết sức mình khi làm bất cứ việc gì và xem như là một đặc ân cho cô. Đó là những gì luôn làm cho ba rất ngạc nhiên."

Có một dịp nào có thể thành thơi không? Ngày sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới?

Sam nói khẳng khẳng, thậm chí trang trọng, qua tiếng ồn của chiếc xe cố gắng leo lên đồi.

"Cô ấy phục hồi niềm tin của ba ở phụ nữ."

Sam mang hàng vào mỗi cửa tiệm sau khi nói với Juliet ông sẽ không đi quá một phút, và trở ra xe lâu hơn giải thích rằng ông không thể nào bỏ đi được. Người ta muốn hỏi thăm, họ đã để dành nhiều chuyện cười để kể cho ông. Một vài người theo ông ra ngoài để gặp con gái và đứa bé.

"VẬY, đó là cô gái nói tiếng La-Tinh", một phụ nữ nói.

"Ngày nay nó hơi bị rĩ rôi," Sam nói. "Cô luôn bận tay."

"Tôi chắc là vậy," người phụ nữ phụ họa, đưa đầu lên để nhìn Penelope. "Họ thật là một phước lành, phải không? Ồ, những đứa bé."

Juliet nghĩ cô có thể nói chuyện với Sam về luận án cô có ý định quay trở lại làm - mặc dù hiện tại đó chỉ là một giấc mơ. Những chủ đề này thường được đề cập một cách tự nhiên giữa họ. Không phải với Sara. Sara sẽ nói, "Bây giờ, con phải cho mẹ biết con đang làm gì trong vấn đề học của con," và Juliet sẽ tóm lược lại tất cả, và Sara có thể hỏi làm thế nào cô nhớ được thẳng thừng tất cả những cái tên Hy Lạp. Nhưng Sam đã biết những gì cô đang nói. Tại đại học cô đã đề cập làm thế nào ba cô giải thích chữ 'thaumaturgy' cho cô (sự làm phép lạ hoặc những kỳ diệu), khi cô đọc qua từ ngữ ở tuổi mười hai hay mười ba. Cô được hỏi nếu ba cô là một học giả.

"Chắc chắn," cô trả lời. "Ông dạy Lớp Sáu."

Bây giờ cô có cảm giác ông sẽ cố gắng khéo léo làm cô nãn chí.

Hoặc có thể không quá khéo léo. Ông có thể sử dụng chữ thoáng đấng - cổ tích. Hoặc cho rằng ông đã quên những điều cô không thể tin là ông đã quên.

Nhưng có lẽ ông đã quên. Các phòng trong tâm trí của ông đóng lại, cửa sổ tối đen - cái gì trong đó bị ông đánh giá là quá vô dụng, không xứng đáng, để gặp ánh sáng ban ngày.

Juliet lên tiếng gay gắt hơn là cô dự định.

"Cô ấy có muốn lấy chồng không? Irene?"

Câu hỏi này làm Sam giật mình, bộc phát với giọng điệu đó và sau một sự im lặng đáng kể.

"Ba không biết", ông nói.

Và một lúc sau, "Ba không thấy làm thế nào cô ta có thể lấy."

"Ba hỏi cô ấy," Juliet nói. "Ba chắc muốn hỏi, cách ba cảm nhận về cô ta."

Họ lái một hoặc hai dặm trước khi ông nói. Rõ ràng là cô đã khiêu khích.

"Ba không biết con đang nói cái gì," ông nói.

"Vui Vẻ, Gắt Gỏng, Ngốc Nghếch, Ngái Ngủ, Hắt Hơi," Sara nói.

"Thầy Lang", Juliet nói.

"Thầy Lang. Thầy Lang. Vui Vẻ, Hắt Hơi, Thầy Lang, Gắt Gỏng, Bẽn Lẽn, Hắt Hơi - Không. Hắt Hơi, Bẽn Lẽn, Thầy Lang, Gắt Gỏng - Ngái Ngủ, Vui Vẻ, Thầy Lang, Bẽn Lẽn..."

Sara đếm trên ngón tay, và hỏi, "Không phải là tám sao?"

"Chúng ta đã đến đó hơn một lần", bà nói. "Mình hay gọi là Đền của Bánh Dâu - ô, mẹ muốn trở lại làm sao."

"Nhưng, không có gì ở đó," Juliet nói. "Ngay cả con không thể nhìn thấy nơi đó nữa."

"Mẹ chắc là mẹ có thể. Tại sao mẹ không đi với con? Một chuyến đi hè. Cần sức mạnh như thế nào để ngồi trong xe? Ba luôn nói là mẹ không có sức."

"Mẹ đến đón con."

"Có, mẹ đã đi," Sara nói. "Nhưng ông ta không muốn mẹ đi. Mẹ phải làm âm lên."

Bà vói tay xung quanh để kéo lên những chiếc gối phía sau đầu, nhưng bà làm không được, vì vậy Juliet đã giúp bà.

"Bực quá," Sara nói. "Mẹ thật là một món hàng vô dụng. Dù sao, mẹ nghĩ mẹ có thể lo liệu tắm được. Nếu có khách đến?"

Juliet hỏi nếu bà đang chờ ai.

"Không. Nhưng nếu?"

Juliet đưa bà vào phòng tắm và Penelope bò theo họ. Sau đó, khi nước đã sẵn sàng và đưa mẹ cô vào, Penelope quyết định là bồn tắm phải cho bé nữa. Juliet cởi quần áo nó ra, và em bé cùng người phụ nữ lớn tuổi được tắm chung. Mặc dù Sara, người trần, không giống một bà già nhiều như một cô gái già - một cô gái, có thể nói là, mang một căn bệnh kỳ lạ, hao mòn, khô héo.

Penelope chấp nhận sự hiện diện của bà mà không hoảng sợ, nhưng vẫn nắm giữ thật chắc viên xà phòng hình con vịt màu vàng.

Trong bồn tắm Sara cuối cùng mới có dịp để hỏi về Eric, một cách cẩn thận.

"Mẹ chắc chắn anh ta là một người đàn ông tốt", bà nói.

"Đôi khi," Juliet nói băng quơ.

"Anh ấy quá tốt với người vợ đầu tiên."

"Người vợ duy nhất," Juliet sửa lại. "Cho đến nay."

"Nhưng mẹ chắc chắn bây giờ con có con bé này - con hạnh phúc, mẹ muốn nói. Mẹ chắc chắn con hạnh phúc."

"Hạnh phúc đủ để sống trong tội lỗi," Juliet nói, vừa làm bà ngạc nhiên khi vắt một chiếc khăn tay ướt sũng trên đầu đầy xà phòng của bà.

"Đó là điều mẹ muốn nói," Sara trả lời sau khi tránh né và che mặt lại, với một tiếng hét vui vẻ. Sau đó, "Juliet?"

"Dạ?"

"Con biết mẹ không có ý đó nếu mẹ nói những điều không tốt về ba. Mẹ biết ba yêu thương mẹ. Ba chỉ không hạnh phúc."

Juliet mơ thấy lúc mình là một đứa trẻ và trong ngôi nhà này, mặc dù sự sắp xếp của các phòng hơi khác nhau. Cô nhìn ra

ngoài cửa sổ của một trong những căn phòng xa lạ, và thấy một vòng cung nước lấp lánh trong không khí. Nước này xuất phát từ vòi tưới cây. Ba cô, quay lưng lại với cô, đang tưới vườn. Một bóng dáng di chuyển vào ra giữa những bụi cây mâm xôi và cho thấy, một lúc sau, đó là Irene - mặc dù một Irene trẻ con hơn, mềm mại và vui vẻ. Cô chạy né tránh vòi nước xịt ra. Cô trốn, rồi xuất hiện ra, phần đông thoát được nhưng luôn bị tưới ướt ngay trước khi cô bỏ chạy. Trò chơi đúng ra vui vẻ, nhưng Juliet, phía sau cửa sổ, nhìn nó với vẻ ghê tởm. Ba cô luôn xoay lưng lại với cô, cô tin rằng - bằng cách nào đó cô thấy - ông cầm vòi nước thấp, ở phía trước ông, và chỉ có đầu phun là ông đang xoay tới xoay lui thôi.

Giấc mơ tràn ngập một nỗi kinh dị ghê gớm. Không phải loại kinh dị làm nổi da gà, nhưng loại xoắn qua các ngõ hẹp nhất của mạch máu.

Khi cô thức dậy cô vẫn còn cảm giác đó. Cô thấy giấc mơ thật xấu hổ. Rõ ràng, tầm thường. Một khoái lạc dơ bẩn của riêng cô.

Có một tiếng gõ cửa trước vào giữa buổi trưa. Không ai sử dụng cửa trước - Juliet thấy hơi do dự để mở.

Người đàn ông đứng đó mặc một chiếc áo tay ngắn màu vàng ửng trắng, và quần màu tan. Ông có lẽ một vài tuổi lớn hơn cô, cao nhưng vế yếu đuối, ngực hơi trũng, nhưng mạnh mẽ trong lời chào, không ngừng mỉm cười.

"Tôi đến gặp người phụ nữ của ngôi nhà," ông nói.

Juliet để ông đứng đó và đi vào phòng ánh nắng.

"Có một người đàn ông ở cửa," cô nói. "Ông ấy có thể bán cái gì đó. Con có nên nói ông ta đi không?"

Sara cố gắng đứng lên. "Không, không," bà nói không kịp thở. "Con sửa soạn mẹ một chút, được không? Mẹ nghe giọng nói của ông. Đó là Don. Bạn của mẹ, Don."

Don đã bước vào nhà và đứng bên ngoài cửa phòng ánh nắng.

"Không sao, Sara. Chỉ là tôi. Bà có ổn không?"

Sara, với một nét tự nhiên và vui vẻ, với tay lấy bàn chải tóc

mà bà không làm được, sau đó chịu thua và lướt những ngón tay qua mái tóc. Giọng của bà vang lên vui vẻ. "Tôi chưa bao giờ ổn như vậy, tôi sợ. Ông vào đây."

Người đàn ông xuất hiện, vội vã bước đến bà, và bà nâng hai cánh tay lên phía ông. "Ông ngửi mùi của mùa hè", bà nói. "Cái gì vậy?" Bà chỉ ngón tay vào áo sơ mi của ông. "Ủi. Vải bông ũi. Thật là đẹp."

"Tôi tự làm đó," ông nói. "Sally ở nhà thờ bạn rộn với những bông hoa. Không có tệ quá, phải không?"

"Đẹp lắm," Sara nói. "Nhưng xem chút nữa là ông không được vô. Juliet nghĩ ông là một người bán hàng. Juliet con gái yêu của tôi. Tôi đã nói với ông, phải không? Tôi đã nói với ông là cô ấy sẽ đến. Don là mục sư của mẹ, Juliet. Người bạn và mục sư của mẹ."

Don đứng thẳng lên, bắt lấy tay của Juliet.

"Tốt, cô ở đây - Tôi rất vui mừng được gặp cô. Và cô cũng không hẳn là sai, thực sự. Tôi là một loại người bán hàng."

Juliet mỉm cười một cách lịch sự trước lời nói đùa của ông mục sư.

"Ông là mục sư của nhà thờ nào?"

Câu hỏi làm cho Sara cười. "Ôi trời - làm lộ hết bí mật, phải không?"

"Tôi thuộc nhà thờ Trinity", Don nói, với nụ cười bối rối. "Và về chuyện để lộ bí mật - nó không có gì lạ với tôi là Sara và Sam đều không tham gia bất cứ giáo hội nào trong cộng đồng. Tôi chỉ mới bắt đầu ghé qua đây thôi, vì mẹ cô là một phụ nữ thật duyên dáng."

Juliet không thể nhớ Giáo Hội Anglican hay United Church được gọi là 'Trinity'.

"Con có thể lấy cho Don một cái ghế nào tốt được không con?" Sara nói. "Ông đang cúi xuống mẹ như một con cò đây. Và nước giải khát gì, Don? Ông có muốn một eggnog không? Juliet làm cho tôi eggnog ngon nhất. Không. Không, có thể nặng quá. Ông mới vào và bên ngoài nóng thật. Trà? Cũng nóng quá. Nước

gừng? Nước trái cây? Mình có nước trái cây gì, Juliet?"

Don trả lời, "Tôi không cần gì hết ngoài một ly nước. Thật là tốt."

"Không uống trà? Thực sự?" Sara gằn huyệt hơi. "Nhưng tôi nghĩ tôi muốn uống. Ông có thể uống một nửa tách, chắc chắn. Juliet?"

Một mình, trong bếp - Irene ở ngoài vườn, hôm nay cô đang cuốc xung quanh những cây đậu - Juliet tự hỏi nếu trà không là một mưu mẹo để cô ra khỏi phòng cho họ có một vài lời riêng tư. Một vài lời riêng tư, có lẽ thậm chí một vài lời cầu nguyện? Ý tưởng làm cho cô muốn bịnh.

Sam và Sara không bao giờ thuộc về bất cứ nhà thờ nào, mặc dù Sam đã nói với ai đó, khi họ mới về đây sống, rằng họ là Tu Sĩ. Điều này đã được lan tràn là họ thuộc về một nhà thờ không có đại diện trong phố, và thông tin đã di chuyển họ lên một bậc là không có tôn giáo nào hết. Juliet chính cô đã đi học trường chủ nhật trong một thời gian tại Nhà Thờ Anglican, mặc dù chủ yếu là vì cô có một người bạn Anglican. Ở trường, Sam chưa bao giờ chống lại vì phải đọc Kinh Thánh và nói Lời Cầu Nguyện của Chúa mỗi buổi sáng, cũng như phản đối bài hát "God Save the Queen".

"Có những lúc bạn cần đưa mặt ra và những lúc không nên," ông đã nói. "Bạn làm họ hài lòng cách này, có lẽ bạn có thể trốn thoát cách khác để nói với những đứa trẻ một vài sự kiện về sự tiến hóa."

Có một thời gian Sara đã quan tâm đến đức tin Baha'i, nhưng Juliet tin rằng sự quan tâm này đã suy giảm.

Cô làm đủ trà cho cả ba và tìm thấy một số bánh quy tiêu hóa trong tủ - cùng với cái khay đồng mà Sara đã thường lấy ra cho những dịp đặc biệt.

Don nhận một tách, và uống hết ly nước đá mà cô đã nhớ mang ra, nhưng ông lắc đầu không lấy bánh.

"Không phải cho tôi, cảm ơn."

Ông dường như nói với một sự nhấn mạnh đặc biệt. Như thể thương để cảm ông ta.

Ông hỏi Juliet về nơi cô sống, thời tiết như thế nào trên bờ biển phía tây, chồng cô làm nghề gì.

"Anh ấy là một ngư dân bắt tôm, nhưng thực sự anh không phải là chồng tôi," Juliet nói vui vẻ.

Don gật đầu. A, vâng.

"Biển động ngoài đó?"

"Đôi khi".

"Whale Bay. Tôi chưa bao giờ nghe nói nhưng bây giờ tôi sẽ nhớ. Cô đi nhà thờ nào ở Whale Bay?"

"Chúng tôi không đi. Chúng tôi không đi nhà thờ."

"Không có một nhà thờ giáo phái của cô sao?"

Juliet lắc đầu, mỉm cười.

"Không có nhà thờ giáo phái của chúng tôi. Chúng tôi không tin vào Chúa."

Tách của Don khẽ kêu vang khi ông đặt nó xuống đĩa. Ông nói rất tiếc khi nghe vậy.

"Thật sự rất tiếc khi nghe vậy. Cô đã có được ý kiến này từ bao lâu rồi?"

"Tôi không biết. Kể từ khi tôi suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề này."

"Và mẹ cô nói với tôi cô có một đứa con. Cô có một con gái nhỏ, phải không?"

Juliet trả lời phải, đúng vậy.

"Và cô bé không bao giờ được đặt tên thánh? Cô có ý định nuôi nó lớn như một ngoại đạo?"

Juliet trả lời cô sẽ để Penelope tự định đoạt về vấn đề đó, sau này.

"Nhưng chúng tôi có ý định nuôi nó lớn không có tôn giáo. Đúng."

"Thật là buồn", Don nói khẽ. "Cho cả hai, thật là buồn. Cô và – cô gọi anh ta thế nào đó – đã quyết định từ chối ân sủng của

Chúa. Thôi. Cả hai là người lớn. Nhưng từ chối cho đứa con nhỏ của cô - giống như phủ nhận dinh dưỡng nó."

Juliet cảm thấy mất bình tĩnh. "Nhưng chúng tôi không tin," cô nói. "Chúng tôi không tin vào ân sủng của Chúa. Nó không giống như phủ nhận nuôi dưỡng con bé, mà là từ chối nuôi dạy nó trên những lời dối trá."

"Dối trá. Những gì hàng triệu người trên toàn thế giới tin tưởng, cô gọi là dối trá. Cô không nghĩ cô hơi kiêu ngạo sao, gọi Chúa là một dối trá?"

"Hàng triệu người không tin điều đó, họ chỉ đi nhà thờ," Juliet cho biết, giọng của cô nóng lên. "Họ chỉ không suy nghĩ. Nếu có một Chúa, thì Chúa đã cho tôi một tâm trí, và không phải ông ta có ý định cho tôi sử dụng nó sao?"

"Ngoài ra," cô nói, cố gắng tự kiềm chế ổn định lại. "Ngoài ra, hàng triệu người tin tưởng một cái gì đó khác biệt. Họ tin vào Đức Phật, ví dụ. Vì vậy, làm thế nào hàng triệu người tin tưởng vào bất cứ cái gì làm cho nó có thật được?"

"Chúa Kitô sống", Don nói dễ dàng. "Phật thì không."

"Đó chỉ là một cái gì để nói thôi. Có nghĩa là gì? Tôi không thấy bất cứ bằng chứng nào về một trong hai người đã sống, theo câu chuyện."

"Cô không thấy. Nhưng những người khác có thấy. Cô có biết rằng Henry Ford - Henry Ford thứ nhì, người có tất cả những gì mà bất cứ ai trong cuộc sống có thể mong muốn - tuy nhiên ông quỳ xuống và cầu nguyện Chúa mỗi tối trong cuộc đời ông không?"

"Henry Ford?" Juliet hét lên. "Henry Ford? Tôi làm gì cần quan tâm đến bất cứ điều gì Henry Ford làm?"

Cuộc tranh luận đã đi vào một hướng mà những tranh luận loại này bắt buộc đi qua. Tiếng nói của ông mục sư, vốn đã khởi đầu với nhiều vẻ buồn hơn là giận dữ - mặc dù luôn bày tỏ niềm tin bọc thép - bây giờ chuyển sang một giai điệu chói tai và la mắng, trong khi Juliet, người đã bắt đầu, theo cô nghĩ, với sự

kháng cự hợp lý - bình tĩnh, khôn ngoan, khá lịch sự một cách điển hình - bây giờ đang trong cơn thịnh nộ lạnh lùng và gay gắt. Cả hai đều dùng những lập luận và bác bỏ có tính cách xúc phạm nhiều hơn là hữu ích.

Trong khi đó Sara cắn nhẹ một miếng bánh, không nhìn lên họ. Thỉnh thoảng bà rùng mình, như thể lời nói của họ chạm vào bà, nhưng họ đều không để ý.

Tiếng hét khóc lớn của Penelope đã giúp kết thúc sự phẫn nộ của họ, con bé đã thức dậy vì tã ướt và nãy giờ đã cự nự nhẹ nhàng, sau đó phàn nàn dữ dội hơn, và cuối cùng nó đã lên cơn giận dữ. Đầu tiên Sara nghe nó, và cố gắng làm cho họ chú ý.

"Penelope," bà nói yếu ớt, sau đó, với nhiều cố gắng hơn, "Juliet. Penelope." Juliet và ông mục sư đều nhìn bà một cách lơ đãng, và sau đó ông mục sư cho biết, đột ngột hạ giọng nói xuống, "Con của cô".

Juliet vội vã ra khỏi phòng. Cô run rẩy khi cô bế Penelope lên, cô gằn như đâm vào tay cô khi ghim tã khô lại. Penelope ngừng khóc, không phải vì bé được an ủi nhưng vì bé giật mình bởi sự chú ý mạnh tay này. Đôi mắt to ướt của nó, ánh mắt ngạc nhiên, xen vào mối bận tâm của Juliet, và cô cố gắng lảng đi xuống, nói chuyện hết sức nhẹ nhàng và sau đó bế con lên, đi tới lui trong hành lang tầng trên. Penelope không được trấn an ngay lập tức, nhưng sau một vài phút nó bắt đầu bớt căng thẳng.

Juliet cảm thấy điều tương tự xảy ra với cô, và khi cô nghĩ cả hai người đã phần nào kiềm chế và lảng đi trở lại, cô bế Penelope xuống nhà.

Ông mục sư đã rời phòng của Sara và đang đợi cô. Bằng một giọng có thể ăn năn, nhưng thực tế dường như sợ hãi, ông nói, "Em bé dễ thương."

Juliet trả lời, "Cảm ơn ông."

Cô nghĩ bây giờ họ có thể nói lời tạm biệt một cách đàng hoàng, nhưng cái gì đó ngăn ông lại. Ông tiếp tục nhìn cô, không cử động. Ông đưa tay ra như muốn nắm giữ vai cô, sau đó bỏ tay

xuống.

"Cô biết nếu cô có -", ông nói, sau đó lắc đầu nhẹ. Một âm thanh thoát ra không rõ ràng.

"Nước...trái...cây," ông nói, và vỗ vào cổ họng. Ông vẫy tay chỉ vào bếp.

Thoạt đầu Juliet nghĩ là ông say. Đầu của ông đưa nhẹ từ trước ra sau, đôi mắt dường như nhìn thẳng. Ông có đến đây say rượu không, ông đã mang theo cái gì trong túi? Sau đó cô nhớ ra. Một cô gái, một học sinh tại trường nơi cô đã từng dạy nửa năm. Cô gái này, bị bệnh tiểu đường, sẽ bị một cơn động kinh, lưỡi trở nên dày ra, quần trí, kính ngạc, nếu cô không có ăn gì hết trong một thời gian khá lâu.

Chuyển Penelope qua bên hông, cô nắm lấy cánh tay của ông và đưa ông đi từ từ về phía nhà bếp. Nước trái cây. Họ đã cho cô bé uống, đó là điều ông muốn nói.

"Chỉ cần một phút, một phút thôi, ông sẽ ổn", cô nói. Ông đứng thẳng người lên, tay vịn trên quầy, đầu hạ xuống.

Không có nước cam - cô nhớ cho Penelope uống hết sáng nay rồi, nghĩ rằng cô còn nữa. Nhưng có một chai soda nhỏ, mà Sam và Irene thích uống khi họ làm việc ở ngoài vườn về.

"Đây rồi," cô nói. Với một tay, như cô quen làm, cô rót ra một ly đầy. "Đây." Và khi ông uống, cô nói, "Tôi xin lỗi không có nước trái cây. Nhưng đó là đường, phải không? Ông cần phải có đường?"

Ông uống xong và nói, "Ờ. Đường. Cảm ơn." Giọng nói của ông rõ ràng ngay. Cô cũng nhớ điều này nữa, về cô gái ở trường - sự phục hồi thật nhanh chóng và hình như kỳ diệu. Nhưng trước khi ông được phục hồi hoàn toàn, hoặc trở lại chính mình, trong khi ông vẫn còn giữ đầu nghiêng một bên, ông bắt gặp ánh mắt của cô. Không phải cố ý, có vẻ như, một cách ngẫu nhiên. Ánh mắt không phải biết ơn, hoặc tha thứ - nó không phải thực sự là cá nhân, nó chỉ là cái nhìn đơn thuần của một con vật bàng hoàng, bám vào bất cứ cái gì nó có thể tìm thấy.

Và trong vòng vài giây đôi mắt, khuôn mặt, trở thành gương mặt của người đàn ông, ông mục sư, người lấy kính ra và không nói một lời bỏ chạy ra khỏi nhà.

Sara ngủ hay giả vờ, khi Juliet đi vào dọn khay trà. Trạng thái ngủ, ngủ gà ngủ gật, và thức dậy của bà bây giờ thật mỏng manh và hay thay đổi nên khó mà biết được. Trong tình trạng đó, bà nói, thì thầm, "Juliet?"

Juliet dừng lại ở ngưỡng cửa.

"Chắc con nghĩ Don là - đúng hơn là một người đại khờ," Sara nói. "Nhưng ông không được khỏe. Ông bị tiểu đường. Nó nghiêm trọng."

Juliet trả lời, "Dạ."

"Ông cần đức tin của ông."

"Một lập luận cá nhân," Juliet âm thầm nói, và có lẽ Sara không nghe, vì bà tiếp tục nói chuyện.

"Đức tin của mẹ không đơn giản," Sara nói, giọng bà thật run rẩy (và dường như đối với Juliet, đó là một thảm hại chiến lược, ở thời điểm này). "Mẹ không thể mô tả được. Nhưng nó - mẹ chỉ có thể nói - nó là cái gì đó. Một cái gì đó - tuyệt vời. Khi sức khỏe của mẹ thực sự xấu - khi nó quá xấu mẹ - con có biết lúc đó mẹ nghĩ gì không? Mẹ nghĩ, được rồi. Mẹ nghĩ - Sớm. Mẹ sẽ sớm gặp con, Juliet."

Eric anh yêu,

Em bắt đầu từ đâu? Em khoẻ và Penelope cũng khoẻ. Xem như vậy. Bây giờ nó đi rất tự tin xung quanh giường của Sara nhưng vẫn còn cẩn thận cố gắng và không muốn ai giúp. Cái nóng mùa hè thật tuyệt vời, so với bờ biển phía tây. Ngay cả khi trời mưa. Một điều tốt trời mưa vì Sam đang bận rộn hoàn toàn với vụ kinh doanh khu vườn để bán ra chợ. Ngày hôm trước em có đi cùng với ông trong chiếc xe cổ để giao trái mâm xôi tươi và làm mứt (được chế biến bởi một người hung dữ cỡ Ilse Koch ở trong nhà bếp của gia đình) và những củ khoai đầu mùa mới được đào. Ông thật là nhiệt tình và tận tâm. Sara vẫn ở trên giường và ngủ gà

ngủ gật hoặc xem những tạp chí thời trang đã cũ. Một mục sư đến thăm bà và ông ta và em đã tranh luận thật lớn tiếng và ngu ngốc về sự tồn tại của Chúa hoặc một số chủ đề nóng như vậy. Dù sao chuyến viếng thăm cũng được...

Đây là một bức thư Juliet tìm thấy những năm sau đó. Eric đã tình cờ giữ nó - nó không có gì đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của họ.

Cô đã trở lại ngôi nhà thời thơ ấu của cô một lần nữa, cho tang lễ của Sara, vài tháng sau khi lá thư được viết. Irene không còn ở đó nữa, và Juliet không nhớ có hỏi hoặc có ai nói cô ta ở đâu. Có lẽ gần như cô đã lấy chồng. Cũng như Sam đã lấy vợ lại, vài năm sau. Ông lấy một cô giáo đồng nghiệp, một người phụ nữ tánh tốt, đẹp, có tài. Họ sống trong nhà của bà - Sam phá sập căn nhà nơi ông và Sara đã sống, và mở rộng khu vườn. Khi vợ ông về hưu, họ mua một chiếc xe kéo và bắt đầu đi những chuyến thật dài mùa đông. Họ đến thăm Juliet hai lần tại Whale Bay. Eric đã đưa họ đi chơi trong chiếc tàu của anh. Anh và Sam rất hợp nhau. Như Sam nói, một cách nhanh chóng và mạnh mẽ.

Khi cô đọc lá thư, Juliet nhăn mặt, như bất cứ ai khi khám phá tiếng nói lưu giữ và bối rối của một số kỷ niệm trong quá khứ mà cô tưởng tượng. Cô tự hỏi về sự che đậy vui vẻ, tương phản với nỗi đau của những ký ức. Sau đó cô nghĩ rằng một vài thay đổi hần đã xảy ra, tại thời điểm đó, mà cô không nhớ. Một số thay đổi liên quan đến đâu là nhà. Không phải ở Whale Bay với Eric nhưng mà trở lại nơi mà nhà đã có trước đây, tất cả cuộc sống của cô trước đây.

Bởi vì đó là những gì xảy ra ở nhà mà bạn cố gắng để bảo vệ, một cách tốt nhất mà bạn có thể làm, và lâu nhất mà bạn có thể giữ.

Nhưng cô đã không bảo vệ được Sara. Khi Sara nói, mẹ sẽ sớm gặp con Juliet, Juliet đã không tìm một câu trả lời nào. Tại sao cô không thể có một câu trả lời? Tại sao nó phải quá khó khăn như vậy? Chỉ cần cô nói Đúng. Đối với Sara nó sẽ có ý nghĩa biết bao –

đối với chính cô, chắc chắn, không có nghĩa lý gì nhiều. Nhưng cô đã quay đi, cô đã mang khay vào bếp, và ở đó cô rửa và chùi khô các ly tách và cái ly đã đựng nước soda nho. Cô đã cất tất cả mọi thứ vào.

IM LẶNG



Nguyên tác: Silence
(Phần tiếp theo truyện "Sớm")

*J*rên chuyến phà ngắn từ Vịnh Buckley đến đảo Denman, Juliet xuống xe và đứng ở phía trước con tàu, trong làn gió nhẹ mùa hè. Một người phụ nữ đứng đó nhận ra cô, và họ bắt chuyện với nhau. Không có gì lạ nếu người ta nhìn Juliet lần thứ hai và tự hỏi họ đã gặp cô ở đâu, và đôi khi để cố nhớ lại. Cô xuất hiện thường xuyên trên các kênh Truyền Hình của Tỉnh, phỏng vấn những người đang sống một cuộc đời đơn thuần hoặc đáng chú ý, và khéo léo điều khiển những cuộc thảo luận, trong một chương trình gọi là Vấn Đề trong Ngày. Mái tóc của cô bây giờ được cắt ngắn, càng ngắn càng tốt, nhuộm màu nâu rất tối, phù hợp với gọng mắt kính. Cô thường mặc quần đen - như hôm nay - và một chiếc áo lụa màu ngà, và đôi khi một áo khoác đen. Mẹ cô có thể sẽ gọi cô là một người phụ nữ nổi bật.

"Xin lỗi cô. Chắc người ta luôn làm phiền cô."

"Không sao," Juliet nói. "Ngoại trừ khi tôi vừa ra khỏi phòng mạch nha sĩ hoặc cái gì đó."

Người phụ nữ khoảng tuổi Juliet. Mái tóc dài đen lẫn lộn tóc bạc, không trang điểm, váy dài bằng vải denim. Cô sống trên đảo Denman, vì vậy Juliet hỏi cô có biết gì về Trung Tâm Cân Bằng Tâm Linh không.

"Bởi vì con gái tôi đang ở đó," Juliet nói. "Cô ấy tham gia một khóa tu hoặc một khóa học, tôi không biết họ gọi thế nào. Trong sáu tháng. Đây là lần đầu tiên tôi cần phải gặp con tôi, trong sáu tháng."

"Có một vài nơi như vậy," người phụ nữ nói. "Họ đến rồi đi. Tôi không muốn nói có điều gì khả nghi về họ. Họ thường chỉ ở trong rừng, cô biết, và không liên hệ gì nhiều với cộng đồng. Phải, sao

họ lại cần một nơi để tu luyện nếu họ đã rút lui?"

Cô nói chắc Juliet mong đợi gặp lại con gái lắm, và Juliet trả lời phải, cô rất mong.

"Tôi tệ lắm", cô nói. "Con gái tôi hai mươi tuổi – cô sẽ được hai mươi một tháng này, đúng vậy - và chúng tôi không xa nhau nhiều."

Người phụ nữ nói cô có một con trai hai mươi tuổi và hai con gái mười tám và mười lăm, và có những lúc cô đã trả tiền cho họ đi dự một khóa tu, riêng từng người hoặc cùng đi chung.

Juliet cười. "À, còn tôi chỉ có đứa này. Tất nhiên là tôi không chắc tôi sẽ không để cô ta trở lại vài tuần."

Cô cảm thấy nói chuyện dễ dàng như một người mẹ vừa thương yêu vừa bực tức con (Juliet chuyên đưa ra những câu trả lời trấn an), nhưng sự thật là Penelope hầu như không bao giờ làm cho cô phải buồn phiền, và nếu cô muốn hoàn toàn thành thật mà nói, vào thời điểm này cô sẽ thú nhận là cô thật khó chịu không có tin tức gì của con gái một ngày, nói chi là sáu tháng. Penelope đã làm việc tại Banff, như một người làm phòng vào mùa hè, và nàng đã đi du lịch bằng xe buýt đến Mexico, một chuyến đi quá giang đến Newfoundland. Nhưng cô luôn sống với Juliet, và không bao giờ vắng mặt đến sáu tháng.

Juliet có thể nói là con cô mang lại niềm vui cho cô. Chứ không phải một trong những người thích ca hát, nhảy múa trong ánh nắng mặt trời, và chỉ biết vui nhìn khía cạnh tươi sáng. Tôi hy vọng tôi đã nuôi dạy con tốt hơn. Cô ấy duyên dáng và từ bi và rất khôn ngoan như thể cô đã sống trên trái đất này tám mươi năm qua. Bản chất của cô ta phản chiếu, không lan tràn mọi nơi như tôi. Hơi kín đáo, giống ba của cô. Cô cũng đẹp như một thiên thần, cô giống mẹ tôi, tóc vàng nhưng không quá yếu đuối. Mạnh mẽ và cao quý. Tôi nên nói, như một pho tượng đúc. Và trái với quan niệm thông thường tôi không hề ganh tị. Tất cả thời gian này không có cô ấy - và không có một tin nhắn nào, bởi vì Cân Bằng Tâm Linh không cho phép thư từ hoặc điện thoại - tất cả

thời gian này tôi sống tựa như trong một sa mạc, và khi tôi nhận được tin cô ấy gửi đến, tôi như một mảnh đất cù khô nứt đón nhận được một trận mưa tươi mát.

Niềm hy vọng gặp lại con buổi trưa chủ nhật. Bây giờ đến lúc rồi.

Đến lúc để về nhà, Juliet hy vọng và hiểu như vậy, nhưng tất nhiên cô sẽ để Penelope lựa chọn.

Penelope đã vẽ một bản đồ thô sơ, và không bao lâu sau đó Juliet đậu xe trước một nhà thờ cũ - một nhà thờ xây cách đây bảy mươi lăm hay tám mươi năm, tường tráng đầy xi măng, không hẳn cũ hoặc gầy một ấn tượng nào như phần đông nhà thờ thường thấy tại Canada vùng Juliet đã lớn lên. Đằng sau là một tòa nhà xây gần đây hơn. Mái nhà dốc và cửa sổ trải ngang trên mặt tiền. Nó cũng có một lầu đơn giản, vài băng ngồi và một khoảng trống tựa như một sân bóng chuyền với màn lưới chùng xuống. Tất cả mọi thứ đều tồi tàn, và mảnh đất dạo nào được khai hoang bây giờ bị xâm chiếm bởi cây bách và cây dương.

Một vài người - cô không thể nói đó là đàn ông hay đàn bà - đang bận rộn sửa chữa sân khấu, và những người kia ngồi trên băng ghế từng nhóm nhỏ riêng. Tất cả mặc quần áo bình thường, chứ không phải áo choàng màu vàng hoặc cái gì tương tự. Trong vài phút không ai để ý đến xe của Juliet. Sau đó, một trong những người trên băng đứng lên và đi từ tốn về phía cô. Một người đàn ông lùn, trung niên, đeo kính.

Cô bước ra khỏi xe, chào ông và hỏi gặp Penelope. Ông không nói chuyện - có lẽ một quy luật của sự im lặng - nhưng gật đầu và quay đi bước vào nhà thờ. Ngay sau đó, từ trong xuất hiện, không phải Penelope, nhưng một người đàn bà nặng nề, di chuyển chậm với mái tóc bạc, mặc quần jeans và một chiếc áo len rộng thùng thình.

"Thật là một vinh dự được gặp bà", bà ấy nói. "Mời bà vào bên trong. Tôi đã nói Donny pha trà cho chúng ta."

Bà có khuôn mặt tươi rộ, một nụ cười vừa xảo quyệt vừa dịu

dàng, và cái gì Juliet phải gọi là đôi mắt lấp lánh. "Tôi tên Joan," bà nói. Juliet đã chờ đợi một cái tên giả như Thanh Thảo, hoặc tên gì với một hương vị phương Đông, chứ không quá đơn giản và quen thuộc như Joan. Sau đó, tất nhiên, cô nghĩ về Đức Giáo Hoàng Joan.

"Tôi đã đến đúng chỗ, phải không? Tôi là một người lạ ở Denman," cô nói một cách dịu dàng. "Bà biết tôi đến để gặp Penelope?"

"Tất nhiên. Penelope." Joan kéo dài tên, với một giọng điệu lễ nghi.

Vải màu tím treo trên cửa sổ cao làm bên trong nhà thờ tối đi. Những băng ghế dài và đồ đạc khác của nhà thờ đã được tháo gỡ ra, và những tấm màn trắng đơn giản được treo lên để tạo những phòng riêng biệt, như trong một bệnh viện. Căn phòng Juliet được hướng dẫn đến, tuy nhiên, không có giường, chỉ có một cái bàn nhỏ và hai cái ghế nhựa, và vài kệ mở với giấy tờ rời rạc, chồng chất, bừa bộn.

"Tôi sợ chúng tôi vẫn còn đang sửa sang vài thứ trong này," Joan nói. "Juliet. Tôi có thể gọi bà là Juliet?"

"Được chứ, tất nhiên."

"Tôi không quen nói chuyện với một người nổi tiếng." Joan chấp hai tay vào nhau dưới cằm như đang cầu nguyện. "Tôi không biết mình nên thoải mái hay không."

"Tôi không phải là một người nổi tiếng."

"Ồ, có chứ. Xin bà đừng nói vậy. Và tôi sẽ tiết lộ ngay cho bà biết, tôi thật ngưỡng mộ công việc bà làm. Đó là một tia sáng trong bóng tối. Đài truyền hình duy nhất đáng để xem."

"Cảm ơn bà," Juliet nói. "Tôi đã nhận được một tin nhắn của Penelope"

"Tôi biết. Nhưng tôi xin lỗi phải nói cho bà biết, Juliet, tôi thật xin lỗi và tôi không muốn bà quá thất vọng - Penelope không có ở đây."

Người phụ nữ nói những lời đó - Penelope không có ở đây -

thật nhẹ nhàng. Người ta sẽ nghĩ như sự vắng mặt của Penelope có thể trở thành một vấn đề suy ngẫm đùa giỡn, ngay cả để giúp vui cho cả hai.

Juliet cần lấy một hơi thở thật sâu. Trong một khoảnh khắc, cô không thể nói. Sự sợ hãi tuôn vào người cô. Cô đã biết trước. Sau đó cô tự chủ lại để xem xét hợp lý thực tế này. Cô lục tìm trong túi xách của cô.

"Cô ấy nói cô hy vọng..."

"Tôi biết. Tôi biết," Joan nói. "Cô ấy có ý định ở đây, nhưng thực tế là, cô không thể"

"Cô ấy đâu? Cô ấy đi đâu?"

"Tôi không thể nói với bà được."

"Có nghĩa là bà không thể hoặc không muốn nói?"

"Tôi không thể. Tôi không biết. Nhưng tôi có thể nói với bà một điều giúp bà được an tâm. Bất cứ nơi nào cô ấy đã đi qua, bất cứ điều gì cô ấy đã quyết định, sẽ là điều đúng cho cô ta. Đó sẽ là điều đúng cho tâm linh và mở mang của cô."

Juliet quyết định bỏ qua điều này. Chữ tâm linh làm cho cô buồn cười, vì nó bao gồm, như cô thường nói, tất cả mọi thứ từ những vòng cầu nguyện đến những buổi Lễ Lớn. Cô không bao giờ nghĩ rằng Penelope, với trí thông minh của nàng, sẽ bị lẫn lộn trong một chuyện như vậy.

"Tôi chỉ nghĩ tôi nên biết", bà nói, "trong trường hợp cô ấy muốn tôi gửi vài đồ đạc của cô."

"Đồ đạc của cô?" Joan dường như không thể ngăn chặn một nụ cười rộng mở, mặc dù bà sửa lại ngay với một biểu hiện dịu dàng. "Penelope không quan tâm lắm ngay bây giờ về đồ đạc của cô."

Đôi khi Juliet đã cảm thấy, trong một cuộc phỏng vấn, người cô đối mặt có trữ lượng thù địch không rõ ràng trước khi ống kính bắt đầu thu ảnh. Một người mà Juliet đã đánh giá thấp, người mà cô đã nghĩ ngu ngốc, có thể có sức mạnh tương tự. Vui tươi nhưng thù địch chết người được. Vấn đề sau đó là không bao giờ để cho thấy mình đang sửng sốt, không bao giờ để biểu thị

bất kỳ dấu hiệu thù địch nào ngược lại.

"Khi tôi nói đến sự mở mang, tôi muốn nói đến sự mở mang trong trại của chúng tôi, lẽ tất nhiên," Joan nói.

"Tôi hiểu," Juliet trả lời, nhìn vào mắt bà.

"Penelope đã có một cơ hội tuyệt vời trong cuộc sống để gặp gỡ những người tài giỏi - Trời, cô ấy không cần gặp ai khác, cô đã lớn lên với một người tài giỏi, bà là mẹ của cô - nhưng bà biết, đôi khi thiếu một khía cạnh, con cái trưởng thành cảm thấy họ đã bỏ lỡ một cái gì đó".

"Ồ vâng," Juliet nói. "Tôi biết con cái trưởng thành có thể có tất cả các loại khiếu nại."

Joan đã quyết định có thái độ cứng rắn hơn.

"Khía cạnh tinh thần - tôi phải nói điều này - có phải nó hoàn toàn thiếu trong cuộc sống của Penelope không? Tôi hiểu là cô ấy không lớn lên trong một gia đình dựa trên đức tin."

"Tôn giáo không phải là một chủ đề ngăn cấm. Chúng tôi có thể nói đến."

"Nhưng có lẽ do cách bà nói về vấn đề. Cách trí thức của bà? Nếu bà biết tôi muốn nói gì. Bà rất thông minh," Joan thêm vào, nhã nhặn.

"Nếu bà nói vậy."

Juliet nhận thức cô từ từ không còn điều khiển buổi nói chuyện, và cả chính cô, và có thể cô đã để vuột mất.

"Không phải tôi nói vậy, Juliet. Mà Penelope nói. Penelope là một cô gái tốt dễ thương, nhưng cô ấy đã đến với chúng tôi ở đây trong sự khao khát. Khao khát những điều không có sẵn cho cô ở nhà. Và bà đây, với cuộc sống bận rộn, thành công, tuyệt vời, nhưng Juliet, tôi phải nói với bà là con gái bà đã hiểu thế nào là cô đơn, thế nào là bất hạnh."

"Không phải hầu hết ai cũng cảm thấy cô đơn và bất hạnh ở một thời điểm nào đó sao?"

"Tôi không phải là người để nói.Ồ, Juliet. Bà là một người phụ nữ với những hiểu biết tuyệt vời. Tôi thường theo dõi bà trên

truyền hình và tôi đã suy nghĩ, làm thế nào mà bà đi thẳng vào điểm chính của những vấn đề như vậy, và luôn tỏ ra khả ái và lịch sự với mọi người? Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi đang ngồi nói chuyện với bà mặt đối mặt. Và hơn nữa, tôi ở một vị trí để giúp bà".

"Tôi nghĩ có lẽ bà đang nhầm lẫn về điều đó."

"Bà cảm thấy bị tổn thương. Chuyện tự nhiên là bà cảm thấy bị tổn thương."

"Nó cũng là chuyện riêng của tôi."

"À, thôi. Có lẽ cô ấy sẽ liên lạc với bà. Dầu sau đi nữa."

Penelope đã liên lạc với Juliet, vài tuần sau đó. Một tấm thiệp sinh nhật được gửi đến vào chính ngày sinh nhật của cô ấy, ngày 19 tháng 6. Sinh nhật thứ hai mươi mốt. Đó là một tấm thiệp bạn gửi cho một người quen mà bạn không thể đoán được thị hiếu của họ. Không phải là một tấm thiệp đùa giỡn thô sơ hoặc một tấm thiệp thực sự dí dỏm hoặc một tấm thiệp tình cảm. Mặt trước của nó là một bó hoa pansies nhỏ cột bằng một sợi dây ruy băng mỏng màu tím vẽ ra những chữ Sinh Nhật Vui Vẻ. Vài chữ Chúc Bạn Một Sinh Nhật Thật Vui Vẻ được viết thêm bên trong phía trên bằng nét chữ vàng.

Và không có chữ ký. Juliet nghĩ lúc đầu là ai đó đã gửi thiệp này cho Penelope, và quên ký tên, và cô, Juliet, đã mở ra mà không để ý. Người nào có tên và ngày sinh của Penelope trong hồ sơ. Nha sĩ, có thể, hoặc người thầy dạy lái xe của cô. Nhưng khi Juliet xét lại nét chữ viết trên phong bì, cô nhận thấy không thể sai lầm được - đó thực sự chính là tên của cô ta, được chính tay Penelope viết.

Dấu bưu điện không cho bạn manh mối nào nữa. Nó đều ghi Canada Post. Juliet nghĩ có cách cho biết ít nhất một lá thư đến từ tỉnh nào, nhưng muốn như vậy sẽ phải đến sở Bưu điện, với lá thư và rất có thể phải chứng minh trường hợp của bạn, quyền của bạn để biết tin tức. Và ai đó chắc chắn sẽ nhận ra cô.

Cô đến gặp người bạn thân Christa, người đã sống ở Whale Bay

khi chính cô cũng sống ở đó, ngay cả trước khi Penelope ra đời. Christa ở Kitsilano, trong một nơi hỗ trợ sinh hoạt. Cô mang bệnh đa xơ cứng. Phòng của cô ở tầng trệt, với một khoảng sân nhỏ riêng biệt, và Juliet ngồi với cô ở đó, nhìn ra mảnh cỏ nhỏ đầy nắng, và hoa wisteria nở rộ dọc theo hàng rào che giấu mấy thùng rác.

Juliet thuật lại cho Christa toàn bộ câu chuyện của chuyến đi đến đảo Denman. Cô không kể với ai khác, và hy vọng có lẽ không phải nói với bất cứ ai. Mỗi ngày cô trên đường đi làm về, cô tự hỏi nếu Penelope đang chờ đợi trong căn hộ. Hoặc ít nhất là sẽ có một lá thư. Và sau đó có tấm thiệp tàn nhẫn - và cô đã xé rách nó ra với hai bàn tay run rẩy.

"Có ý nghĩa gì đó", Christa nói. "Nó nói cho bạn biết cô ấy ổn. Cái gì đó sẽ kế tiếp. Nó sẽ đến. Bạn hãy kiên nhẫn."

Juliet nói một cách cay đắng sau đó về Mẹ Shipton. Đó là cái tên mà cuối cùng cô quyết định đặt cho bà ấy, sau khi đùa giỡn và không hài lòng với Giáo Hoàng Joan. Thật là mảnh khỏe dã man, cô nói. Thật là đáng sợ, khó chịu, đằng sau bộ mặt tôn giáo, hạ cấp, ngọt ngào. Không thể tưởng tượng được là Penelope đã được bà ta tiếp nhận.

Christa cho rằng có lẽ Penelope đã đến thăm nơi đó bởi vì cô ấy dự định viết một bài gì. Một loại báo chí điều tra. Nghiên cứu hiện trường. Góc nhìn riêng - nhận xét cá nhân mà hiện nay rất phổ biến.

Điều tra trong vòng sáu tháng? Juliet nói. Penelope có thể hiểu ngay Mẹ Shipton trong mười phút.

"Kỳ lạ thật," thừa nhận Christa.

"Bạn không làm sao biết được nhiều hơn những gì bạn được kể, phải không?" Juliet nói. "Tôi ghét thậm chí phải yêu cầu như vậy. Tôi cảm thấy chói với như trong biển cả. Tôi cảm thấy ngu ngốc. Người phụ nữ đó có ý định làm cho tôi cảm thấy ngu ngốc, tất nhiên. Giống như nhân vật trong một vở kịch, thốt ra cái gì đó và tất cả mọi người quay đi vì họ đều biết cái gì mà cô không

biết".

"Họ không còn thực hiện loại vở kịch đó nữa", Christa nói. "Bây giờ không ai biết bất cứ điều gì. Không - Penelope không tâm sự với tôi nhiều hơn với bạn. Tại sao cô ta phải làm như vậy? Cô biết cuối cùng tôi sẽ nói lại với bạn."

Juliet im lặng một lúc, rồi cô thì thầm hờn dỗi, "Có những điều bạn không cho tôi biết."

"Ồ, Chúa ơi," Christa nói, nhưng không với một ác cảm nào. "Lại nhắc nữa."

"Lại nhắc nữa," Juliet đồng ý. "Tôi đang ở trong một tâm trạng tệ hại, chỉ vậy thôi."

"Chỉ cần giữ vững tinh thần. Một trong những thử thách của bậc cha mẹ. Dù sau, cô ấy đã không làm bạn phiền não nhiều. Một năm sau, tất cả chuyện này sẽ thành lịch sử cổ đại."

Juliet không kể với cô rằng cuối cùng cô không thể bỏ đi một cách trang nghiêm. Cô đã quay đi và khóc lớn van xin, giận dữ.

"Bà ấy đã nói gì với bạn?"

Và Mẹ Shipton đứng đó nhìn cô, như thể bà đã chờ đợi điều này. Một nụ cười thương hại kéo dài đôi môi khép kín, bà lắc đầu.

Năm sau, Juliet thỉnh thoảng nhận được các cú điện thoại, từ những người thân thiện với Penelope. Cô đều luôn luôn có câu trả lời giống nhau cho những thắc mắc của họ. Penelope đã quyết định lấy một năm nghỉ ngơi. Cô đang đi du lịch. Chương trình du lịch của cô không thể nào cố định và Juliet không có cách nào liên lạc với cô hết, cũng như không có địa chỉ nào của cô ấy để có thể cho họ được.

Cô không có tin tức từ bất cứ một người bạn thân nào. Điều này có thể có nghĩa là những người gần gũi với Penelope biết rất rõ cô ấy ở đâu. Hoặc là có thể họ cũng đi ra nước ngoài, đã tìm được việc làm ở tỉnh khác, đã bắt tay vào cuộc sống mới, quá bận rộn hoặc không chắc chắn trong hiện tại để cho phép họ thắc mắc về những người bạn cũ.

(Người bạn cũ, trong giai đoạn này của cuộc sống, có nghĩa là

ai đó bạn không gặp trong nửa năm.)

Bất cứ lúc nào cô vào nhà, điều đầu tiên Juliet xem có ánh sáng nhấp nháy trên chiếc máy trả lời không - một điều cô rất muốn tránh, nghĩ rằng sẽ có ai đó làm phiền cô về những lời phát biểu công khai. Cô cố gắng dùng nhiều trò ngớ ngẩn khác nhau, làm bao nhiêu bước đến điện thoại, làm thế nào để nhắc nó lên, làm thế nào để thở. Chỉ mong đó là cô ấy thôi.

Không có gì tiến triển. Sau một thời gian, thế giới dường như vắng đi những người Penelope từng quen biết, các bạn trai cô đã bỏ và những người bỏ cô, các bạn gái đã nhiều chuyện và có lẽ tâm sự với cô. Cô đã đi học một trường tư nội trú cho con gái - Torrance House - chứ không phải một trường trung học công, và điều này có nghĩa là hầu hết các bạn lâu năm của cô - ngay cả những người vẫn còn là bạn ở đại học - đã đến từ những nơi ngoài thành phố. Một số từ Alaska hay Prince George hoặc Peru.

Không có tin nhắn nào vào dịp Giáng sinh. Nhưng tháng sáu, một tấm thiệp khác, rất giống phong cách của tấm đầu tiên, không một chữ nào viết bên trong. Juliet đã uống một ly rượu trước khi mở ra, sau đó ném đi ngay tức khắc. Cô đã có những cơn khóc, thỉnh thoảng xảy ra một lần cô run lên không kiểm soát được, nhưng cô vụt ra khỏi những cơn giận dữ nhanh chóng, đi bộ xung quanh nhà và đấm vào lòng bàn tay. Cơn giận dữ đã được hướng vào Mẹ Shipton, nhưng hình ảnh của người phụ nữ đó đã phai mờ, và cuối cùng Juliet phải thừa nhận rằng bà ấy thực sự chỉ là một phương tiện thôi.

Tất cả hình ảnh của Penelope bị cất vào phòng ngủ của cô ấy, với những bó tranh vẽ và bút chì cô đã thực hiện trước khi họ rời Whale Bay, sách của cô, và một bình làm cà phê với pít tông từ châu Âu mà cô đã mua tặng cho Juliet với món tiền đầu tiên cô làm được trong mùa hè tại McDonald. Và cả những món quà mua cho căn hộ như một chiếc quạt bằng nhựa nhỏ xíu dính trên tủ lạnh, một chiếc máy cày đồ chơi lên dây, một bức màn kết hạt thủy tinh để treo trong cửa sổ phòng tắm. Cửa phòng ngủ đó

được đóng lại và với thời gian có thể đi qua mà không bị quấy rầy.

Juliet đã suy nghĩ rất nhiều để ra khỏi căn hộ này, giúp cho cô lợi ích của môi trường mới. Nhưng cô nói với Christa rằng cô không thể làm vậy, bởi vì đó là địa chỉ Penelope có, và thư từ chỉ có thể được chuyển tiếp trong ba tháng, và sau đó sẽ không có nơi nào con gái cô có thể tìm đến cô được.

"Cô ấy có thể liên lạc luôn với bạn tại sở làm", Christa nói.

"Ai biết tôi sẽ làm ở đó bao lâu nữa?" Juliet nói. "Cô ấy có thể sống trong một làng xã mà họ không được phép giao tiếp. Với một số đạo sư ngủ với tất cả phụ nữ và bắt họ ra đường để xin ăn. Nếu tôi đã gửi cô đến trường học ngày chủ nhật và dạy cô lời cầu nguyện, chuyện này có lẽ sẽ không xảy ra. Phải chi tôi làm như vậy. Phải chi tôi làm như vậy. Nó sẽ như mũi thuốc tiêm phòng. Tôi bỏ rơi tâm linh của cô. Mẹ Shipton đã nói."

Khi Penelope khoảng mười ba tuổi, cô đi một chuyến cắm trại tại Núi Kootenay của tỉnh British Columbia, với một người bạn từ trường Torrance House, và gia đình cô ấy. Juliet đã ủng hộ chuyện này. Penelope học tại Torrance House chỉ có một năm (được chấp nhận theo các điều khoản tài chính thuận lợi vì mẹ cô ngày trước dạy ở đó), và Juliet vui khi cô ấy quen rất thân một người bạn và được gia đình cô ta chấp nhận dễ dàng. Ngoài ra cô còn sẽ đi cắm trại - cái gì đó mà trẻ em bình thường làm và Juliet, khi còn là một đứa trẻ, chưa bao giờ có cơ hội. Không phải là cô đã ước muốn, vì cô bị chôn vùi trong đóng sách, nhưng cô hoan nghênh dấu hiệu cho thấy Penelope đang trở thành một cô gái bình thường hơn chính cô.

Eric tỏ vẻ sợ hãi về toàn bộ ý định. Ông nghĩ Penelope còn quá trẻ. Ông không thích cô ấy đi chơi với những người mà ông biết rất ít về họ. Và bây giờ cô ta đi trường nội trú, họ gặp cô quá ít - vậy tại sao thời gian đó lại phải rút ngắn đi?

Juliet có một lý do khác - cô chỉ đơn giản muốn Penelope đi chỗ khác vài tuần đầu tiên của kỳ nghỉ hè, vì không khí ngột

thở giữa cô và Eric. Cô muốn mọi chuyện giải quyết, và không giải quyết được. Cô không muốn phải giả vờ rằng tất cả đều tốt, vì lợi ích của đứa trẻ.

Eric, mặt khác, không mong muốn gì hơn là thấy vấn đề của họ lướt trôi qua, phủ lấp đi. Đối với cách suy nghĩ của Eric, văn mình sẽ khôi phục lại cảm giác tốt, bề ngoài của tình yêu sẽ đủ để tiếp tục sống đến khi tình yêu tự nó có thể được khám phá trở lại. Và nếu không bao giờ có cái gì hơn ngoài sự giả vờ - được, phải làm vậy thôi. Eric có thể chấp nhận.

Thật vậy, Juliet nghĩ ông có thể làm một cách tuyệt vọng.

Có Penelope ở nhà, một lý do để họ cư xử tốt - cho Juliet cư xử tốt, vì theo ý ông, cô là người khuấy động tất cả hận thù - sẽ rất đúng ý Eric.

Vì vậy, Juliet đã nói với ông, và tạo ra một nguồn cay đắng đồ lỗi mới, bởi vì ông thương nhớ Penelope rất nhiều.

Cuộc tranh cãi của họ có một lý do cũ và thông thường. Vào mùa xuân, qua một số tiết lộ nhỏ nhặt - và sự thẳng thắn hoặc có thể ác ý của Ailo, bà hàng xóm lâu năm, luôn trung thành với vợ quá cố của Eric và có một vài dè dặt về Juliet - Juliet đã phát hiện Eric ngủ với Christa. Cô này là bạn thân của cô từ lâu, nhưng trước đó, là bạn gái của Eric, người tình của ông (mặc dù không ai nói điều đó nữa). Ông đã bỏ cô ta khi ông hỏi Juliet về sống với ông. Cô đã biết tất cả về Christa lúc đó và cô không thể chống đối hợp lý những gì đã xảy ra trong khoảng thời gian trước khi cô và Eric sống chung. Cô không làm như vậy. Những gì cô phản đối - những gì cô đòi hỏi đã phá vỡ trái tim cô - đã xảy ra sau đó. (Tuy nhiên, Eric vẫn nói nó xảy ra đã lâu trước đây.) Khi Penelope tròn một tuổi, Juliet mang bé đi Ontario, về nhà thăm cha mẹ cô. Để thăm viếng như cô luôn nhấn mạnh bây giờ - thăm mẹ cô đang hấp hối. Khi cô đi xa, và nhớ thương Eric từng số thịt của cô (bây giờ cô tin điều này), Eric đã đơn giản quay trở lại thói quen cũ của ông.

Lúc đầu, ông thú nhận có một lần (khi say rượu), nhưng khi cô

thúc giục nữa, và với lượng rượu, ông khai có thể nó đã xảy ra thường xuyên hơn.

Có thể? Ông không thể nhớ? Nhiều lần đến nỗi ông không thể nhớ?

Ông có thể nhớ.

Christa đến gặp Juliet, để đảm bảo với cô không có gì nghiêm trọng. (Đây cũng là điệp khúc của Eric.) Juliet đuổi cô ấy đi và yêu cầu đừng bao giờ trở lại. Christa quyết định bảy giờ là thời điểm tốt để cô đi thăm anh trai ở California.

Sự phẫn nộ của Juliet với Christa thực sự như một hình thức. Cô hiểu rằng chuyện ông lặn một vài vòng trong cỏ khô với cô bạn gái cũ (Eric mô tả thảm họa, cố gắng đánh giá xấu để giảm thiểu hành động của ông) không hẳn đe dọa như vòng ôm nóng bỏng với vài phụ nữ mới quen. Ngoài ra, sự phẫn nộ của cô với Eric quá khốc liệt và không thể kềm nén để chừa chỗ mà đổ lỗi cho bất cứ ai khác.

Luận điểm của cô là ông không yêu cô, chưa bao giờ yêu cô, đã nhạo báng cô, với Christa, sau lưng cô. Ông đã biến cô thành một trò cười trước mặt người khác như Ailo (bà luôn ghét cô). Là ông đã đối xử với cô với sự khinh miệt, ông xem tình yêu cô cảm thấy (hoặc đã cảm thấy) cho ông với sự khinh miệt, ông đã sống với cô trong lời nói dối. Quan hệ tình dục không có nghĩa gì với ông, hoặc ở bất cứ mức độ nào đều không có ý nghĩa của nó (như cô đã nghĩ) với cô, ông nên đi tìm nó với bất cứ ai tiện dụng.

Chỉ luận điểm cuối cùng có ít vi trùng sự thật nhất trong đó, và trong những trạng thái yên tĩnh hơn, cô biết. Nhưng ngay cả sự thật nhỏ nhất này cũng đủ để kéo xuống tất cả mọi thứ xung quanh cô. Điều đó không nên, nhưng nó đã xảy ra. Và Eric không thể - với tất cả sự trung thực ông không thể - hiểu được lý do tại sao phải như vậy. Ông không ngạc nhiên khi thấy cô phải phản đối, nổi cơn giận, thậm chí khóc (mặc dù một phụ nữ như Christa sẽ không bao giờ làm vậy), nhưng cô đã thật sự bị tổn thương, cô nên nhìn lại mình đang tước mất tất cả sự sống - và

cho cái gì đó đã xảy ra mười hai năm trước – điều này, ông không thể hiểu được.

Đôi khi ông tin rằng cô đang giả vờ, và cố tình quá mức, và có những lúc khác ông cảm thấy hoàn toàn thật đau buồn, rằng ông đã làm cô đau khổ. Nỗi đau buồn làm cho họ khấn khít, và họ làm tình với nhau thật tuyệt diệu. Và mỗi lần ông nghĩ nó sẽ kết thúc vấn đề, nỗi khổ đau của họ sẽ chấm dứt. Mỗi lần ông đều lầm.

Trên giường, Juliet cười và kể về ông bà Pepys, nồng nàn đam mê trong những hoàn cảnh tương tự. (Từ khi cô từ bỏ không nhiều thì ít những lớp cổ điển, cô đọc sách rất nhiều, và ngày nay tất cả những gì cô đọc dường như phải liên quan đến tội ngoại tình.) Không bao giờ quá thường xuyên và không bao giờ quá nóng bỏng, Pepys đã nói, mặc dù ông có ghi lại rằng vợ ông cũng đã nghĩ đến giết ông trong giấc ngủ. Juliet cười về điều này, nhưng nửa giờ sau đó, khi Eric đến nói tạm biệt trước khi ra đi lấy thuyền kiểm tra những bẫy tôm, cô để lộ một khuôn mặt lạnh như đá và hôn ông một cách miễn cưỡng, như thể ông sẽ đi gặp một người phụ nữ ở giữa vịnh và dưới bầu trời đang mưa.

Trời không hẳn chỉ mưa. Mặt nước hầu như không biến động khi Eric ra khơi, nhưng sau đó vào buổi chiều gió đột ngột đưa tới, từ phía đông nam, và xé tan vùng biển Desolation Sound và Eo Biển Malaspina. Nó tiếp tục thổi đến gần tối và không thực sự dứt hẳn đến khoảng mười một giờ trong tuần lễ cuối cùng này của tháng sáu. Đến lúc đó, một thuyền buồm từ Campbell River đã mất tích, với ba người lớn và hai trẻ em. Cũng có hai thuyền đánh cá - một chiếc với hai người đàn ông và chiếc kia chỉ có một người đàn ông - Eric.

Sáng hôm sau, bầu trời yên tĩnh và nắng - đồi núi, vùng biển, bờ biển, tất cả đều đẹp và lấp lánh.

Tất nhiên, có thể không ai trong số những người đó bị mất hết, rằng họ đã tìm được nơi trú ẩn và qua đêm ở một trong vô số các vịnh nhỏ. Điều này có nhiều hy vọng thực sự cho ngư dân

hơn là gia đình trên chiếc thuyền buồm, vì họ không phải là dân địa phương mà là du khách từ Seattle. Buổi sáng hôm đó, tàu thuyền ra khơi ngay lập tức, để tìm kiếm trên đất liền và bờ biển các hải đảo cũng như vùng nước.

Đầu tiên, người ta tìm thấy các trẻ em chết đuối, trong chiếc áo phao, và thi thể của cha mẹ vào cuối ngày. Ông nội cùng đi với họ chỉ được tìm thấy qua hôm sau. Xác những người đàn ông cùng đi đánh cá không bao giờ xuất hiện, mặc dù tàn tích chiếc thuyền của họ trôi dạt gần Refuge Cove.

Cơ thể của Eric đã được vớt lên vào ngày thứ ba. Juliet không được phép nhìn. Một cái gì đó đã xảy ra cho ông, họ cho biết (có nghĩa một con thú), sau khi cơ thể dạt vào bờ.

Có lẽ vì lý do này - vì không có vấn đề viếng cơ thể và không cần một nhà quàn - nên trong số những người bạn cũ của Eric và ngư dân đã có ý nghĩ thiêu Eric trên bãi biển. Juliet không phản đối. Một giấy chứng tử cần được thực hiện, nên họ gọi điện thoại tại văn phòng của ông bác sĩ ở Powell River, ông chỉ đến Whale Bay một tuần một lần, và ông đã cho phép Ailo làm, vì bà vừa là người phụ tá của ông hàng tuần vừa là một y tá đăng ký.

Xung quanh có nhiều gỗ trôi dạt, nhiều vỏ cây ngâm muối biển để đốt một ngọn lửa cao. Trong vài giờ tất cả đã chuẩn bị xong. Tin tức được lan đi - bằng cách nào đó, thậm chí trong thời gian ngắn như vậy, các phụ nữ bắt đầu mang thức ăn đến. Ailo là người đứng ra lo - giọng máu Bắc Âu của bà, tướng thẳng đứng và mái tóc bạc trắng, bà dường như phù hợp một cách tự nhiên với vai trò người Quá Phụ của Biển. Trẻ em chạy quanh các khúc gỗ, và bị đuối ra xa giàn thiêu càng lúc càng to, Eric được quán lại thành một bọc thật khiêm tốn đến ngạc nhiên. Những phụ nữ trong nhà thờ cung cấp một bình cà phê để làm hủ tro cho buổi lễ nửa ngoại giáo này, và những thùng bia, chai nước đủ loại, được tạm thời xếp đặt kín đáo, phía sau xe ô tô và xe tải.

Câu hỏi đặt ra là ai sẽ phát biểu, và ai sẽ châm lửa giàn thiêu. Họ yêu cầu Juliet, cô sẽ làm điều đó không? Yếu đuối và bận rộn,

Juliet đang mời cà phê, cho biết họ đã nhận định sai, là góa phụ đúng ra cô phải nhảy vào ngọn lửa. Cô cười thực sự khi nói điều này, và những người đã yêu cầu cô dừng lại, sợ rằng cô đang trở nên điên cuồng. Người đàn ông đi tàu cùng với Eric nhiều nhất đồng ý châm ngọn lửa, nhưng ông cho biết không thể phát biểu được. Dù sao, vài người cũng nghĩ như vậy, vì vợ ông theo đạo Tin Lành Giáo Phái Anh, và ông có thể cảm thấy bắt buộc phải nói những điều sẽ làm cho Eric buồn nếu ông ta có thể nghe được. Sau đó, chồng của Ailo đã tình nguyện - ông là một người nhỏ thấp bị một đám cháy trên thuyền biển dạng vài năm trước, một người theo xã hội chủ nghĩa và thuyết vô thần luôn cầu nhàu, và trong điệu văn, ông không luôn đề cập đến Eric, ngoại trừ việc tôn vinh như một người Anh trong Trận Chiến. Ông tiếp tục nói khá lâu, và điều ngạc nhiên này đã được gán, sau đó, với cuộc sống áp bức ông chịu đựng dưới sự chỉ huy của Ailo. Có thể một vài bồn chồn trong đám đông làm cho ông ngưng lại lời phát biểu than trách, vài cảm giác sự kiện đã trở thành không quá tốt đẹp, hoặc trang nghiêm, hoặc đau lòng, như mong muốn. Nhưng khi ngọn lửa bắt đầu cháy, cảm giác này biến mất, và tất cả đều tập trung, thậm chí, hoặc đặc biệt, với các trẻ em, cho đến khi một người đàn ông nói lớn: "Mang trẻ em ra khỏi đây." Đó là lúc ngọn lửa chạm đến cơ thể, làm cho mọi người nhận thức, hơi muộn, là chất béo, tim, thận và gan khi bị tiêu thụ, có thể phát xuất những tiếng nổ hoặc cháy bỏng khó chịu. Nên rất nhiều trẻ em đã được các bà mẹ kéo đi, vài đứa nghe theo, vài đứa ngỡ ngàng. Vì vậy phần cuối của ngọn lửa đã trở thành một buổi lễ chủ yếu là nam giới, và hơi tai tiếng, thậm chí nếu không muốn nói, trong trường hợp này, là bất hợp pháp.

Juliet ở lại, mắt mở to, người đu đưa, khuôn mặt ép vào cơn nóng. Cô không hẳn có mặt ở đó. Cô nghĩ đến bất cứ một ai kia - Trelawny? - giật tim của Shelley ra khỏi ngọn lửa. Trái tim, với lịch sử dài ý nghĩa của nó. Kỳ lạ để nghĩ rằng, ngay cả ở thời điểm đó, cách đây không lâu, một nội tạng xác thịt được xem như rất

quý, điển hình cho dũng cảm và tình yêu. Nó chỉ là thịt, đang cháy. Không có gì kết nối với Eric hết.

Penelope không biết gì về chuyện đang xảy ra. Có một bản tin ngắn trong báo Vancouver -không phải về đám cháy trên bãi biển, tất nhiên, mà chỉ nói về tai nạn chết đuối - nhưng không có báo chí hoặc báo cáo phát thanh nào đạt đến cô được, khuất sâu trong dãy núi Kootenay. Khi cô trở lại Vancouver cô gọi điện thoại về nhà, từ nhà cô bạn Heather. Christa trả lời - cô đã trở lại quá trễ cho buổi lễ, nhưng ở lại với Juliet, và tìm cách giúp đỡ. Christa nói rằng Juliet không có ở đó - một lời nói dối - và xin được nói chuyện với mẹ của Heather. Cô giải thích với bà những gì đã xảy ra, và nói cô sẽ lái xe đưa Juliet đi Vancouver, họ sẽ đi ngay, và Juliet sẽ kể cho Penelope một khi đến đó.

Christa thả Juliet tại nhà Penelope đang ở, và Juliet đi vào một mình. Mẹ của Heather đưa cô đến phòng nắng sáng, Penelope đang chờ. Cô nhận hung tin với một nét sợ hãi, sau đó - khi Juliet theo nguyên tắc vòng tay qua ôm cô - với một vẻ như xấu hổ. Có lẽ vì trong nhà bạn, trong căn phòng nắng sáng màu trắng, xanh lá cây và cam, với anh em của Heather đang chơi bóng rổ ở sân sau, tin tức nghiêm trọng như vậy khó có thể thâm nhập. Chuyện thiêu đốt không được đề cập - trong căn nhà và khu vực này nó sẽ chắc chắn có vẻ không văn minh, kỳ dị. Trong căn nhà này, cũng có thể, phong cách của Juliet sáng suốt hơn dự định - hành vi của cô gần như là một cử chỉ tốt.

Sau khi gõ nhẹ, mẹ của Heather bước vào - với những ly trà đá. Penelope uống một hơi và đi ra tìm Heather, đang đứng rình trong hành lang.

Mẹ của Heather sau đó nói chuyện với Juliet. Bà xin lỗi phải xen vào vì có vấn đề thực tế cần bàn nhưng cho biết là hơi gấp. Bà và cha của Heather sẽ lái xe về vùng phía đông trong vài ngày tới để thăm viếng người thân. Họ sẽ đi một tháng, và đã dự định mang theo Heather. (Các con trai sẽ đi trại hè.) Nhưng bây giờ Heather lại quyết định không muốn đi, cô năn nỉ xin được ở lại

đây trong nhà, với Penelope. Một người mười bốn tuổi và một người mười ba tuổi không thể thực sự ở một mình, và bà đã nghĩ đến Juliet có thể cô muốn có thời gian đi xa, để nghỉ ngơi, sau những gì đã trải qua. Sau sự mất mát và bi kịch của cô.

Vì vậy, không bao lâu Juliet thấy mình sống trong một thế giới khác, trong một căn nhà rộng lớn thật sạch sẽ, trang trí rục rờ và chu đáo, với những gì được gọi là tiện nghi - nhưng với cô là xa xỉ - khắp mọi nơi. Căn nhà nằm trên một con đường cong với những ngôi nhà tương tự, sau những bụi cây được tỉa cắt và luống hoa sặc sỡ. Ngay cả thời tiết, tháng đó, thật hoàn hảo - ấm áp, mát mẻ, tươi sáng. Heather và Penelope đi bơi, chơi cầu lông ở sân sau, đi xem phim, nướng bánh, ăn mặc kín đáo, ăn uống cẩn thận, phơi nắng, nhà đầy âm nhạc với lời hát làm cho Juliet ngớ ngẩn và khó chịu, đôi khi mời bạn gái đến chơi, không hẳn mời bạn trai nhưng có những buổi trò chuyện kéo dài, chầm chọc, vu vơ với một vài người ghé qua hoặc ở bên cạnh. Tình cờ, Juliet nghe Penelope nói với một trong những cô gái đến chơi, "Thật ra, tôi hầu như không biết ông nhiều, thực sự."

Cô nói về ba của cô.

Lạ thật.

Cô không bao giờ sợ đi thuyền, như Juliet, khi có dịp sinh hoạt trên nước. Cô đã quấy rầy Eric để được đi cùng và thường thành công. Khi theo ông, trong chiếc áo phao màu cam có vẻ chuyên nghiệp, mang theo những thiết bị cô có thể tự lo liệu, cô luôn biểu lộ một nét nghiêm túc và tận tâm đặc biệt. Cô ghi xuống nơi đặt những chiếc bẫy và trở nên khéo léo, nhanh chóng và tàn nhẫn để cắt đầu và đóng bao sản lượng bắt được. Ở một giai đoạn nào đó của thời thơ ấu - khoảng tám đến mười một tuổi - cô luôn nói rằng cô sẽ đi đánh cá khi lớn lên, và Eric đã nói ngày nay cũng có những cô gái làm nghề đó. Juliet nghĩ có thể được, vì Penelope thông minh nhưng không thích đọc sách, và vô cùng khỏe mạnh, can đảm. Nhưng Eric nói rằng - Penelope để ngoài tai - ông hy vọng ý tưởng đó sẽ phai mờ, ông không muốn cuộc

sống này cho bất cứ ai. Ông luôn nói vậy, về sự khó khăn và không chắc chắn của công việc ông đã lựa chọn, nhưng tự hào, như Juliet nghĩ, về những điều ông làm.

Và bây giờ ông bị bác bỏ. Bởi Penelope, gần đây cô đã sơn móng chân màu tím và mang một hình xăm giả trên bụng. Ông, người đã mang lại đầy đủ cho cuộc sống của cô. Cô bác bỏ ông ra.

Nhưng Juliet cảm thấy như cô cũng làm như vậy. Tất nhiên, cô đang bận rộn tìm kiếm một việc làm và một nơi để sống. Cô đã đăng bán căn nhà ở Whale Bay - cô không thể tưởng tượng ở lại đó. Cô bán chiếc xe tải và cho đi dụng cụ của Eric, những cái bẫy được thu hồi lại, và thuyền cao su. Con trai lớn của Eric từ Saskatchewan đến và mang con chó đi.

Cô đã nộp đơn xin việc trong phần sở tham khảo tài liệu của thư viện đại học, và trong thư viện công cộng, và cô có cảm giác sẽ nhận được một trong hai. Cô nhìn những căn hộ trong khu Kitsilano hoặc Dunbar hoặc Point Grey. Nét sạch sẽ, ngăn nắp, và quản lý của cuộc sống thành phố tiếp tục làm cho cô ngạc nhiên. Đó là cách người ta sống, nơi mà việc làm của người đàn ông không xảy ra bên ngoài cửa, và nơi mà nhiều hoạt động khác kết nối với nó không kết thúc bên trong. Và nơi mà thời tiết có thể là một yếu tố trong tâm trạng của bạn nhưng không bao giờ trong cuộc sống, nơi mà các vấn đề nghiêm trọng như thay đổi những thói quen và sự dôi dáo của tâm, cá hồi chỉ đơn thuần thú vị, hoặc chẳng bao giờ được để ý tới. Cuộc sống cô đã trải qua tại Whale Bay, một thời gian ngắn trước đây, có vẻ lộn xộn, hỗn độn, mệt mỏi, nếu so sánh. Và bản thân cô đã được rửa sạch tâm trạng của những tháng cuối cùng - cô nhanh nhẹn và có tài năng, và trông đẹp hơn.

Phải chi Eric nhìn thấy được cô bây giờ.

Cô luôn nghĩ về Eric như vậy. Không phải là cô không nhận thức rằng Eric đã chết - điều đó không bao giờ xảy ra. Tuy nhiên cô vẫn liên tục đề cập đến ông, trong tâm trí cô, như thể ông vẫn là người mà sự tồn tại của cô quan trọng hơn đối với bất cứ ai

khác. Như thế ông vẫn còn là người mà cô hy vọng tỏa sáng trong đôi mắt. Cũng là người mà cô trình bày những lập luận, thông tin, bất ngờ. Đây là cả một thói quen của cô, và xảy ra một cách rất tự động, mà dường như thực tế cái chết của ông không ảnh hưởng đến.

Cuộc tranh cãi cuối cùng của họ cũng không được giải quyết hoàn toàn. Cô vẫn còn buộc tội sự phản bội của ông. Bây giờ khi cô tự tin hơn một chút, cô chống lại điều đó.

Cơn bão, vớt xác lên, hỏa thiêu trên bãi biển - tất cả như một cuộc thi cô bị buộc phải xem và buộc phải tin vào, mà vẫn không có cái gì liên quan đến Eric và chính cô.

Cô nhận được việc làm trong thư viện tham khảo tài liệu, cô tìm được một căn hộ hai phòng ngủ mà cô chỉ có đủ khả năng, Penelope trở lại trường Torrance House theo học ban ngày. Công chuyện của họ tại Whale Bay đã xong, cuộc sống ở đó kết thúc. Ngay cả Christa cũng dọn đi, đến Vancouver vào mùa xuân.

Trước ngày đó, một ngày trong tháng hai, Juliet đứng trong nơi trú ẩn tại trạm xe buýt của trường sau buổi chiều làm việc. Mưa trong ngày đã tạnh, bầu trời có một dãy quang đấng ở phía tây, ửng đỏ nơi mặt trời lặn, phía trên Eo Biển Georgia. Dấu hiệu này của những ngày kéo dài, lời hứa của thời tiết thay đổi, có một ảnh hưởng bất ngờ và đè nặng lên cô.

Cô nhận thức rằng Eric đã chết.

Như thế tất cả thời gian này, trong khi cô ở Vancouver, ông đang chờ đâu đó, chờ đợi để xem cô có sẽ tiếp tục cuộc sống với ông không. Như thế sự lựa chọn để sống với ông vẫn còn đó. Cuộc đời của cô kể từ khi đến đây vẫn được sống trong bối cảnh của Eric, mà cô không bao giờ hoàn toàn hiểu rằng Eric không còn tồn tại. Không có gì của ông tồn tại. Việc tưởng nhớ đến ông trong thế giới hàng ngày và bình thường đã rút lui.

Nỗi đau buồn là vậy. Cô cảm thấy như thể một bao xi măng đã được đổ vào người và nhanh chóng cứng lại. Cô khó có thể cử động. Bước lên xe buýt, xuống xe buýt, đi bộ một nửa đường đến

chung cư của cô (tại sao cô lại sống ở đây?), giống như leo lên một vách đá. Và bây giờ cô phải giấu điều này với Penelope.

Tại bàn ăn tối, cô bắt đầu run lên, nhưng không thể nói lỏng ngón tay để bỏ dao nĩa xuống. Penelope đi vòng qua bàn và gỡ tay cô ra. Cô nói: "Vì Ba, phải không Mẹ?"

Sau đó Juliet nói với một vài người - chẳng hạn như Christa - rằng đó là những lời có vẻ hoàn toàn tha thứ nhất, dịu dàng nhất, mà chưa bao giờ ai nói với cô.

Bàn tay mát mẻ của Penelope chạy lên xuống bên trong cánh tay của Juliet. Cô gọi điện thoại cho thư viện vào ngày hôm sau để cho biết mẹ bị bệnh, và cô đã chăm sóc mẹ một vài ngày, ở nhà không đi trường cho đến khi Juliet phục hồi. Hoặc cho đến khi, ít nhất, cơn khó khăn đã qua.

Trong những ngày đó Juliet kể tất cả cho Penelope. Christa, cãi nhau, hoả thiêu trên bãi biển (điều mà cô cho đến nay đã cố gắng, gần như kỳ diệu, để che giấu). Tất cả mọi chuyện.

"Mẹ không nên làm con bạn tâm với tất cả chuyện này."

Penelope nói, "Dạ, có lẽ không." Nhưng thêm vào, vẻ kiên quyết, "Con tha thứ cho mẹ. Con nghĩ con không phải là một đứa bé."

Juliet trở lại cuộc sống. Cơn cảm xúc xảy ra trong trạm xe buýt tái phát, nhưng không bao giờ quá mạnh mẽ như vậy nữa.

Qua việc nghiên cứu trong thư viện, cô gặp vài người từ kênh Truyền Hình Tĩnh, và nhận một công việc mà họ mời. Cô làm ở đó khoảng một năm thì bắt đầu phụ trách các cuộc phỏng vấn. Tất cả bài đọc không phân biệt cô đã làm trong nhiều năm (mà Ailo rất không tán thành, trong những ngày ở Whale Bay), tất cả những mẫu thông tin cô thu nhặt, sự khao khát ngẫu nhiên và hòa đồng nhanh chóng của cô, giờ đây đến một cách tự nhiên. Và cô trau dồi phong cách nhã nhặn, trêu chọc nhẹ nhàng dường như đều diễn ra tốt. Trước máy ảnh, ít điều làm cho cô lúng túng. Mặc dù trong thực tế, cô sẽ về nhà và đi tới đi lui, phát ra những tiếng rên rĩ hoặc nguyên rủa khi cô nhớ lại nhận thức vài trực

trắc hoặc bối rối, hay tệ hơn, một phát âm sai.

Sau năm năm thiệp sinh nhật không đến nữa.

"Nó không có nghĩa gì hết", Christa nói. "Tất cả chỉ là để cho bạn biết cô ấy còn sống ở đâu đó. Bây giờ cô ta biết bạn đã nhận được tin nhắn. Cô tin tưởng bạn không gửi ai tìm kiếm cô. Chỉ vậy thôi."

"Tôi có đặt quá nhiều áp lực vào cô ấy không?"

"Ồ, Juliet."

"Tôi không muốn nói chỉ với Eric chết đi. Những người đàn ông khác, sau đó. Tôi để cô ấy thấy quá nhiều đau khổ. Sự đau khổ ngu ngốc của tôi."

Vì Juliet đã có hai cuộc tình trong những năm Penelope khoảng giữa tuổi mười bốn và hai mươi mốt, và trong cả hai lần cô đã rơi vào tình yêu một cách nồng nàn, mặc dù cô cảm thấy xấu hổ sau đó. Một trong những người đàn ông lớn tuổi hơn cô nhiều, và đã có gia đình vững chắc. Người kia trẻ hơn, và thật sững sốt bởi những cảm xúc đột xuất của cô. Về sau cô tự hỏi, cô đã thực sự không để ý gì đến ông ta.

"Tôi không nghĩ rằng bạn đã làm điều đó", Christa nói, người mệt mỏi. "Tôi không biết."

"Ồ, Christa. Tôi thật là một kẻ ngốc. Tôi không còn thái độ đó nữa với đàn ông. Phải không?"

Christa không muốn nói là có thể vì thiếu ứng viên.

"Không, Juliet. Không."

"Thực ra tôi đâu có làm điều gì khủng khiếp như vậy", Juliet nói tiếp, mặt sáng lên. "Tại sao tôi cứ than vãn đó là lỗi của tôi? Cô ta thật khó hiểu, vậy thôi. Tôi cần phải đổi mặt điều đó."

"Một con người khó hiểu và lạnh lùng," cô nói, trong một loạt phân giải.

"Không," Christa trả lời.

"Không," Juliet nói. "Không - không đúng sự thật."

Sau khi tháng sáu thứ hai trôi qua không có tin tức nào hết, Juliet quyết định dọn đi. Trong năm năm đầu tiên, cô nói với

Christa, cô đã chờ đợi tháng sáu, tự hỏi cái gì có thể đến. Theo tình trạng hiện giờ, cô phải tự hỏi mỗi ngày. Và thất vọng mỗi ngày.

Cô dọn vào một tòa nhà cao tầng ở West End. Cô muốn vứt bỏ đồ đạc trong phòng Penelope, nhưng cuối cùng cô nhồi tất cả vào những túi rác và mang theo. Cô chỉ có một phòng ngủ bây giờ, nhưng có nơi lưu trữ trong tầng hầm.

Cô bắt đầu chạy bộ trong Công Viên Stanley. Ngày nay ít khi cô đề cập đến Penelope, thậm chí với Christa. Cô có bạn trai – người ta gọi như vậy bây giờ - ông ấy không hề nghe nói về con gái cô.

Christa càng ngày càng gầy đi và buồn rầu hơn. Khá đột ngột, trong tháng một, cô ấy qua đời.

Cô không tiếp tục mãi được, để xuất hiện trên truyền hình. Mặc dù khán giả đã tìm thấy khuôn mặt của cô khả ái, đến một lúc họ sẽ muốn thay đổi người. Họ mời Juliet làm những việc khác - nghiên cứu, viết bài đọc cho những chương trình về thiên nhiên - nhưng cô vui vẻ từ chối, mô tả cô cần một sự thay đổi tổng quát. Cô trở lại Môn Học Cổ Điển - một phân khoa thu nhỏ hơn ngày trước - cô muốn tiếp tục viết luận án cho bằng Tiến Sĩ. Cô dọn ra khỏi chung cư cao tầng và thuê một phòng nhỏ gọn, để tiết kiệm tiền.

Bạn trai của cô nhận được một việc giảng dạy ở Trung Quốc.

Căn hộ của cô ở trong tầng hầm một căn nhà, nhưng cửa kéo ở phía sau mở ra trên mặt đất. Và ở đó cô có một mảnh sân nhỏ lát gạch, một mạng lưới với đậu ngọt và cây ông lao, rau thơm và hoa trong chậu. Lần đầu tiên trong đời, và một cách thu nhỏ lại, cô là người làm vườn, giống như ba cô.

Đôi khi người ta hỏi cô - trong các cửa hàng, hoặc trên xe buýt đại học - "Xin lỗi, nhưng khuôn mặt của cô rất quen thuộc," hoặc, "Có phải cô là người phụ nữ thường xuất hiện trên truyền hình không?" Nhưng sau khoảng một năm không ai còn hỏi nữa. Cô dành nhiều thời gian ngồi đọc sách, uống cà phê ở vỉa hè, và

không ai nhận ra cô. Cô để tóc dài ra. Trong những năm tóc được nhuộm màu đỏ, nó đã mất đi sức sống màu nâu tự nhiên - bây giờ nó màu nâu bạc, mịn và gọn sóng. Làm cho cô nhớ đến mẹ cô, Sara. Tóc Sara mềm, màu vàng, phát phơ, ngã màu xám và sau đó bạc trắng.

Cô không có phòng để mời người đến ăn tối nữa, và cô cũng không còn thích nấu ăn. Cô dùng những bữa ăn đủ dinh dưỡng, nhưng nhàm chán. Không hẳn cố tình, cô mất liên lạc với hầu hết bạn bè của cô.

Chẳng có gì lạ. Bây giờ cô có một cuộc sống khác với đời sống của người phụ nữ từng được xã hội biết tới, hoạt bát, quan tâm, luôn hiểu biết. Cô sống giữa đống sách, cô đọc hầu như mỗi khi thức giấc và tự buộc phải sâu sắc, thay đổi, với bất cứ tiền đề nào cô đã khởi đầu. Cô thường xuyên hút những tin tức thế giới có lần cả tuần.

Cô đã từ bỏ luận án của cô và bắt đầu quan tâm đến một số nhà văn được gọi là tiểu thuyết gia Hy Lạp, mà công việc đến khá muộn trong lịch sử văn học Hy Lạp (bắt đầu từ thế kỷ thứ nhất trước Thiên Chúa, như bây giờ cô đã học cách gọi nó, và tiếp tục vào thời tiền Trung Cổ). Aristeides, Longus, Heliodorus, Achilles Tatius. Phần lớn công việc của họ bị lạc mất hoặc bị rời rạc và cũng bị phê bình là không đúng đắn. Nhưng có một chuyện tình lãng mạn viết bởi Heliodorus, và mang tựa đề Aethiopica (tìm thấy ban đầu trong một thư viện tư nhân, thu hồi tại cuộc bao vây của Buda), đã được biết đến ở châu Âu kể từ khi nó được in tại Basle năm 1534.

Trong câu chuyện này nữ hoàng của Ethiopia sinh ra một đứa bé da trắng, và bà sợ sẽ bị buộc tội ngoại tình. Vì vậy, bà giao đứa bé - con gái - cho các nhà triết học khỏa thân (gymnosophists) chăm sóc - có nghĩa là những ẩn sĩ thần bí. Cô gái, mang tên Charicleia, cuối cùng được đưa đến Delphi, nơi đó cô trở thành một trong các tu sĩ của Artemis. Tại đây cô gặp một nhà quý tộc Thessalian tên Theagenes, ông yêu cô và, với sự giúp đỡ của một

người Ai Cập thông minh, mang cô ra khỏi nơi ấy. Nữ hoàng Ethiopia, trong khi đó, không bao giờ ngưng mong mỗi con gái mình và đã thuê cũng người Ai Cập này để tìm kiếm con. Sự rủi ro và cuộc phiêu lưu tiếp tục cho đến khi tất cả các nhân vật chính gặp nhau tại Meroe, và Charicleia được giải cứu - một lần nữa - vừa đúng lúc cô sắp sửa bị chính cha ruột của mình làm vật hiến tế.

Những chủ đề thú vị nhiều như ruồi ở đây, và câu chuyện mang đến cho Juliet một niềm đam mê tiếp tục tự nhiên. Đặc biệt là phần nói về các nhà triết học khỏa thân. Cô cố gắng tìm hiểu càng nhiều càng tốt về họ, thường được gọi là các nhà triết học Hindu. Trong trường hợp này, có phải Ấn Độ được xem là tiếp giáp với Ethiopia không? Không - Heliodorus đến trễ đủ để biết vị trí địa lý rõ hơn. Các nhà triết học khỏa thân là những kẻ lang thang, lan rộng đi xa, thu hút và đẩy lùi những người mà họ sống cùng với lòng sùng mộ bực bội để tinh khiết hoá cuộc sống và tư tưởng, khinh miệt của cải, ngay cả đối với quần áo và thực phẩm. Một cô gái xinh đẹp được nuôi lớn với họ cũng có thể bị bỏ quên với một vài áo ước sâu sắc cho một cuộc sống sung sướng trống trải.

Juliet quen một người bạn mới tên Larry. Ông dạy tiếng Hy Lạp, và ông để cho Juliet lưu trữ các túi đồ ở tầng hầm nhà ông. Ông thích tưởng tượng làm thế nào họ có thể biến câu chuyện Aethiopica thành một vở nhạc kịch. Juliet hợp tác với ý tưởng này, thậm chí để sáng tác những bài hát kỳ diệu ngớ ngẩn và dựng lên những hiệu ứng lồ bịch cho sân khấu. Nhưng cô đã bí mật dự định đặt ra một kết thúc khác biệt, trong đó sẽ bao gồm sự từ bỏ, và trở lại tìm kiếm, trong đó cô gái sẽ chắc chắn gặp những kẻ giả mạo và lang băm, kẻ mạo danh, mô phỏng tệ hại những gì cô thực sự tìm kiếm. Đó là hòa giải, cuối cùng, với sự lầm lỗi, ăn năn, và nhất là lòng thương bao la của Nữ hoàng Ethiopia.

Juliet gần như chắc chắn đã nhìn thấy Mẹ Shipton ở đây tại

Vancouver. Cô mang một số quần áo mà cô sẽ không bao giờ mặc nữa (tủ quần áo của cô càng ngày càng thực dụng) cho Salvation Army một cửa tiệm tiết kiệm, và khi cô đặt túi xuống trong phòng tiếp nhận, cô nhìn thấy một phụ nữ lớn tuổi mập mạp mặc chiếc áo sợi dệt đang gắn nhãn vào quần. Bà đang nói chuyện với các nhân viên khác. Bà có vẻ là một người giám sát, vui vẻ nhưng cảnh giác trông nôm - hoặc có lẽ nét của một phụ nữ đảm nhận vai trò đó cho dù bà có một chức vụ chính thức cao hơn hay không.

Nếu trong thực tế bà ấy là Mẹ Shipton, bà đã trở về với hiện tại. Nhưng không phải là rất nhiều. Bởi vì nếu bà là Mẹ Shipton, không phải là bà sẽ luôn có những trữ lượng vui vẻ và tự tán thành, chẳng hạn để ngăn cản sự thất bại thực sự xảy ra sao?

Cùng với trữ lượng cố vấn, cố vấn tai hại nữa.

Bà đã đến đây trong cơn đói lớn.

Juliet đã kể với Larry về Penelope. Cô cần một người biết chuyện. "Có phải là vì tôi đã không nói với cô ấy về một cuộc sống cao quý?", cô thắc mắc. "Hy sinh? Mở đời sống của bạn ra cho nhu cầu của những người xa lạ? Tôi không bao giờ nghĩ như vậy. Tôi đã hành động như thế nếu cô ấy trở thành như tôi cũng là một điều đủ tốt rồi. Có phải vì vậy mà cô ta phát bệnh?"

Larry không phải là một người đàn ông muốn điều gì ở Juliet ngoài tình bạn và tính vui của cô. Ông thường được gọi là một người độc thân hủ lậu, vô tính như cô có thể nói (nhưng có lẽ cô không thể nói nhiều hơn), khó tính về bất cứ tiết lộ cá nhân, giải trí không ngừng nào.

Hai người đàn ông khác cũng đã xuất hiện muốn cô là một người bạn đồng hành. Một trong hai người cô đã gặp khi ông ngồi vào bàn của cô trên vỉa hè. Ông vừa mất vợ. Cô thích ông ấy, nhưng sự cô đơn của ông quá thô và theo đuổi cô rất tuyệt vọng nên cô trở nên hoảng hốt.

Người đàn ông kia là em trai của Christa, cô đã gặp nhiều lần lúc cô ấy còn sống. Tình bạn của ông phù hợp với cô - trên nhiều

phương diện ông giống Christa. Hôn nhân của ông đã kết thúc từ lâu, ông không tuyệt vọng - qua Christa, cô biết là đã có nhiều phụ nữ sẵn sàng để kết hôn với ông mà ông tránh né. Nhưng ông quá hợp lý, sự chọn lựa của ông nghiêng về điểm lạnh lùng của cô, có cái gì đó làm cho cô xấu hổ.

Nhưng tại sao xấu hổ? Nó không phải như cô yêu ông.

Chuyện xảy ra khi cô vẫn còn đi chơi với anh của Christa – tên ông là Gary Lamb - cô tình cờ gặp Heather, trên một con đường ở trung tâm thành phố Vancouver. Juliet và Gary vừa đi ra khỏi một nhà hát mà họ xem một xuất phim ban chiều, và họ đang bàn về nơi ăn tối. Đó là một buổi tối ấm áp mùa hè, ánh sáng vẫn còn trên bầu trời.

Một người phụ nữ tách mình ra khỏi một nhóm trên vỉa hè. Cô ấy đi thẳng đến Juliet. Một người phụ nữ gầy, có lẽ gần bốn mươi tuổi. Ăn mặc thời trang, với những vệt màu nâu trên mái tóc đậm của cô.

"Bà Porteous. Bà Porteous."

Juliet biết giọng nói, mặc dù cô sẽ không bao giờ nhận ra khuôn mặt. Heather.

"Thật là khó tin được," Heather la lên. "Cháu ở đây ba ngày và mai cháu sẽ đi rồi. Chồng cháu đang dự một cuộc họp. Cháu đang suy nghĩ cháu không biết ai ở đây nữa và sau đó cháu quay lại và nhìn thấy bác."

Juliet hỏi cô bây giờ sống ở đâu và cô ấy trả lời Connecticut.

"Và chỉ cách đây khoảng ba tuần, cháu đi thăm anh Josh - bác nhớ anh Josh của cháu không? - cháu đến thăm anh và gia đình ở Edmonton và cháu tình cờ gặp Penelope. Chỉ như vậy, trên đường phố. Không - thực sự là trong trung tâm thương mại, cái trung tâm vĩ đại ở đó. Cô ấy đi cùng với hai đứa con trai, cô đưa chúng đến mua đồng phục đi học. Cả hai đều sửng sốt. Cháu không nhận ra cô ấy ngay lập tức nhưng cô ấy nhận ra cháu. Cô đã đi bằng máy bay xuống, tất nhiên. Từ nơi đó tận phía bắc. Nhưng cô nói ở đó khá vắng mình, thực sự. Và cô ấy nói bác vẫn

còn sống ở đây. Nhưng cháu đi với những người này - họ là bạn của chồng cháu - và cháu thực sự không có thời gian để gọi bác được -"

Juliet làm cử chỉ cho biết rằng tất nhiên là không có thời gian và cô cũng không chờ đợi được gọi.

Cô hỏi Heather bao nhiêu con.

"Ba. Chúng đều thật quấy phá. Cháu hy vọng chúng lớn nhanh lên. Nhưng cuộc sống của cháu là một bữa ăn picnic thoải mái ngoài trời so với Penelope. Năm đứa."

"Phải."

"Bây giờ cháu phải chạy, chúng cháu sẽ đi xem phim. Cháu thậm chí vừa mới biết, cháu cũng không thích phim Pháp. Nhưng thật là tuyệt vời gặp được bác như thế này. Cha mẹ cháu dọn đến White Rock. Họ thường nhìn thấy bác luôn trên truyền hình. Họ hay khoe với bạn bè rằng bác đã sống trong ngôi nhà của gia đình cháu. Họ nói bác không xuất hiện trên ấy nữa, có phải vì bác đã chán ngấy không?"

"Hình như thế."

"Tôi tới ngay, tôi tới ngay." Cô ôm và hôn Juliet, cách mà tất cả mọi người bây giờ đều làm, và chạy đến với các bạn.

Như vậy. Penelope không sống ở Edmonton - cô đã xuống Edmonton. Bay xuống. Có nghĩa là cô phải sống ở Whitehorse hoặc ở Yellowknife. Còn nơi nào khác nữa mà cô có thể mô tả là khá văn minh? Có lẽ cô ấy đã tỏ ra mỉa mai, chế giễu Heather một chút, khi cô nói như vậy.

Cô có năm đứa con và ít nhất hai con trai. Họ mặc đồng phục đi học. Điều đó có nghĩa là một trường tư. Nghĩa là tiền.

Heather đã không nhận ra cô ấy lúc đầu. Có nghĩa là cô ta già đi? Rằng hình dạng cô biến đổi sau năm lần mang thai, rằng cô đã không chăm sóc bản thân mình? Như Heather đã làm. Như Juliet đã làm, đến một mức độ nào đó. Rằng cô từng là một trong những phụ nữ hoàn toàn nghĩ rằng một cuộc phấn đấu như vậy có vẻ vô lý, một lời thú nhận bất an? Hay chỉ là một cái gì đó cô

không có thời gian để làm – nằm ngoài sự xem xét của cô.

Juliet đã nghĩ là Penelope dính líu với nhóm transcendentalists, chủ trương nhấn mạnh trực quan và tinh thần trên thực nghiệm và vật chất, khiến cô trở thành huyền bí, sống trong chiêm niệm. Hoặc cái gì khác - chứ không phải ngược lại nhưng vẫn hoàn toàn đơn giản và thờ ơ trước sự thoải mái, sang trọng - gây dựng cuộc sống cô một cách vất vả và nguy hiểm, câu cá, có lẽ với một người chồng, có lẽ với vài đứa con nhỏ khó khăn, trong vùng nước lạnh của Inside Passage ngoài khơi bờ biển tỉnh British Columbia.

Hoàn toàn không phải. Cô ấy đang sống cuộc đời của một mệnh phụ thực tế, thành công. Kết hôn với một bác sĩ, có thể, hoặc với một trong những công chức quản lý vùng phía bắc của đất nước trong thời kỳ mà họ đang dần dần, thận trọng, nhưng hơi âm ỉ, từ bỏ sự kiểm soát cho người dân bản địa. Nếu mà cô có gặp lại Penelope, họ có thể bật cười vì Juliet đã thật sai lầm. Khi họ kể về các cuộc gặp gỡ riêng biệt với Heather, thật kỳ lạ làm sao, họ sẽ cười.

Không. Không. Thực tế là chắc chắn cô đã cười quá nhiều về Penelope. Quá nhiều thứ chỉ là chuyện cười. Cũng như quá nhiều thứ - chuyện cá nhân, tình yêu có thể chỉ là sự thỏa mãn - chỉ là bi kịch. Cô ấy đã thiếu những kiểm chế và khuôn phép và sự tự chủ của người mẹ.

Penelope đã nói là cô, Juliet, vẫn còn sống tại Vancouver. Cô ấy không có nói gì với Heather về việc vi phạm. Chắc chắn là không. Nếu cô đã được cho biết, Heather sẽ không nói chuyện một cách quá dễ dàng.

Làm thế nào Penelope biết rằng cô vẫn còn ở đây, trừ khi xem xét trong điện thoại niên giám? Và nếu cô ấy có làm, vậy nghĩa là gì?

Không có gì. Đừng làm cho nó có ý nghĩa.

Cô bước đến lề đường gặp Gary, ông đã khéo léo đi xa chỗ hội ngộ.

Whitehorse, Yellowknife. Thật là đau đớn biết tên những nơi này - nơi mà cô ấy có thể bay đến. Những nơi mà cô ta có thể đi lang thang ngoài đường phố, có kế hoạch để có những cái nhìn thoáng qua.

Nhưng cô không bực mình lắm. Cô không nên bực mình.

Tại bữa ăn tối, cô nghĩ rằng những tin tức cô vừa hấp thụ đặt cô vào một tình huống tốt hơn để kết hôn với Gary, hoặc sống với ông ấy - bất cứ điều gì ông muốn. Không có gì phải lo lắng, hoặc tự kềm chế để chờ đợi, liên quan đến Penelope. Cô ấy không phải là một bóng ma, cô được an toàn, như ai cũng an toàn, và cô ấy có lẽ hạnh phúc như bất cứ ai hạnh phúc. Cô đã tách rời khỏi Juliet và rất có thể khỏi trí nhớ của Juliet, và Juliet không thể làm sao tốt hơn mà cũng đến lượt cô tự tách mình ra.

Nhưng cô ấy đã nói với Heather rằng Juliet đang sống ở Vancouver. Cô ấy đã nói Juliet? Hoặc Mẹ. Mẹ tôi.

Juliet nói với Gary rằng Heather là con của những người bạn cũ. Cô chưa bao giờ nói chuyện với ông về Penelope, và ông chưa bao giờ có dấu hiệu gì cho biết về sự tồn tại của Penelope. Có thể là Christa đã nói với ông, và ông đã giữ im lặng xét rằng đó không phải là chuyện của ông. Hoặc Christa đã nói với ông, và ông đã quên. Hoặc Christa đã không bao giờ đề cập điều gì về Penelope, ngay cả tên cô ấy.

Nếu Juliet sống với ông, sự thật về Penelope sẽ không bao giờ được đề cập đến, Penelope sẽ không tồn tại.

Penelope cũng không tồn tại. Cô Penelope Juliet tìm kiếm không còn. Người phụ nữ Heather đã phát hiện ở Edmonton, người mẹ đã mang các con trai đến Edmonton để mua đồng phục đi học, người đã thay đổi khuôn mặt và cơ thể khiến cho Heather không nhận ra, là một người Juliet không biết.

Juliet có tin điều này không?

Nếu Gary thấy cô bị kích động ông giả vờ không để ý. Nhưng có lẽ là trong buổi tối này cả hai đều hiểu họ sẽ không bao giờ sống bên nhau. Nếu họ có thể ở bên nhau cô có thể đã nói với

ông, Con gái của tôi bỏ đi mà không nói lời từ biệt với tôi và trong thực tế có lẽ cô đã không biết lúc đó rằng cô ấy sẽ ra đi. Cô không biết cô ấy sẽ đi luôn. Sau đó dần dần, tôi tin rằng, cô ấy chợt nhận ra là cô rất mong muốn tránh ra xa. Nó chỉ là một cách mà cô đã tìm thấy để quản lý cuộc sống của mình.

"Có thể là cô ấy không thể đối mặt được với tôi để giải thích. Hoặc không có thời gian để làm, thực sự. Bạn biết, chúng ta luôn có ý tưởng rằng có lý do này hay lý do đó và chúng ta tiếp tục cố gắng để tìm ra lý do. Và tôi có thể cho bạn biết rất nhiều về những gì tôi đã làm sai. Nhưng tôi nghĩ lý do có thể là cái gì đó thật không dễ dàng đào lên. Cái gì đó giống như sự tinh khiết trong cá tánh của cô. Đúng. Một chút thanh nhã và nghiêm khắc và tinh khiết, một chút trung thực cứng như đá trong cô. Ba tôi thường nói về một người mà ông không thích, rằng ông không cần dùng người đó. Có phải những chữ đó chỉ nói lên một cách đơn giản ý nghĩa của chúng không? Penelope không cần dùng tôi.

Có lẽ cô ấy không thể chịu đựng tôi. Có thể.

Juliet có bạn bè. Bây giờ không còn nhiều nữa - nhưng bạn bè. Larry tiếp tục đến thăm, và kể những câu chuyện vui. Cô tiếp tục việc học của cô. Từ ngữ học dường như không mô tả được những gì cô làm - đúng ra là nghiên cứu.

Và vì thiếu tiền, cô làm vài giờ một tuần tại quán cà phê nơi mà cô thường dành nhiều thời gian tại các bàn vỉa hè. Cô tìm thấy ở công việc này một cân bằng tốt cho sự liên hệ của cô với các người Hy Lạp lớn tuổi đến nỗi cô tin rằng cô sẽ không bỏ việc ngay cả khi cô có thể.

Cô vẫn tiếp tục hy vọng nhận được tin của Penelope, nhưng không phải một cách căng thẳng. Cô hy vọng như người ta biết nên hy vọng hơn cho những phước lành không xứng đáng, những thuyên giảm tự nhiên, những điều tương tự như vậy.

ĐAM MÊ



Nguyên tác: Passion

Cách đây không lâu, Grace trở về tìm ngôi nhà mùa hè của gia đình Travers ở Thung Lũng Ottawa. Nhiều năm đã qua cô không có đến nơi này, và tất nhiên là có những thay đổi. Quốc lộ 7 bây giờ không còn chạy qua các thị trấn như ngày xưa, mà đi thẳng vào những nơi có đường cong, như cô nhớ. Và vùng Canadian Shield này có nhiều hồ nhỏ, loại bản đồ thông thường không có chỗ để xác định. Ngay cả khi cô tìm được Hồ Little Sabot, hoặc nghĩ rằng cô đã tìm được, dường như có quá nhiều đường dẫn vào đó từ con đường quận, và sau khi cô chọn một, quá nhiều đường lát đá chạy qua đó, tất cả với những cái tên mà cô không nhớ. Trong thực tế không có một cái tên nào khi cô đã ở đây hơn bốn mươi năm trước. Và không có vỉa hè. Chỉ có một con đường đất chạy về phía hồ, sau đó nó chạy khá tự nhiên dọc theo bờ hồ.

Bây giờ có một ngôi làng. Hoặc một vùng ngoại ô, có thể gọi như vậy, bởi vì cô không thấy Sở Bưu Điện hoặc thậm chí một cửa hàng tạp hoá nào hết. Nơi lập nghiệp gồm bốn hoặc năm con đường chạy sâu dọc theo hồ, với những ngôi nhà nhỏ nối liền nhau trên các lô đất. Một số chắc chắn là nhà nghỉ cho mùa hè, cửa sổ đã được đóng gỗ, như họ luôn chuẩn bị cho mùa đông. Nhưng nhiều căn khác cho thấy tất cả dấu hiệu có người ở quanh năm, trong nhiều trường hợp, cư ngụ bởi những người để đây trong sân bộ tập thể dục bằng nhựa, lò nướng ngoài trời, xe đạp thể thao, xe gắn máy và bàn ăn ngoài trời, nơi một số người ngồi ăn trưa hoặc uống bia vào ngày này tháng chín thời tiết vẫn còn ấm. Và bởi những người khác, không thấy họ nhiều, có thể là sinh viên, hoặc người hippies già sống một mình, họ dùng lá cờ hoặc giấy thiếc làm màn cửa. Những ngôi nhà nhỏ, rẻ tiền, chủ

yếu là phong nhã, một số được sửa chữa để chịu đựng mùa đông, và một số thì không.

Grace quyết định sẽ quay trở lại nếu cô không nhìn thấy ngôi nhà hình bát giác, với trang trí dọc theo mái nhà, và các cửa ra vào cách nhau một bức tường. Nhà của gia đình Woods. Cô luôn nhớ nó như có tám cửa, nhưng dường như chỉ có bốn. Cô chưa bao giờ vào trong để nhìn thấy, hoặc khoảng trống được chia thành các phòng như thế nào. Cô cũng không nghĩ một ai trong gia đình Travers đã từng vào đó. Ngôi nhà được bao quanh bởi những hàng rào tuyệt vời, ngày trước, và bởi các cây dương lấp lánh luôn kêu sột soạt vì một cơn gió thổi dọc theo bờ hồ. Ông bà Woods đã già, như Grace bây giờ, và hình như không có bạn bè hoặc con cái đến thăm. Nhà cổ kính nguyên thủy của họ bây giờ có một vẻ tuyệt vọng, nhảm lẫn. Hàng xóm với những khu ổ chuột ồn ào và những chiếc xe đôi khi thiếu phụ tùng, đồ chơi và quần áo giặt, chồng chất lên hai bên nhà.

Ngôi nhà của gia đình Travers cũng vậy khi cô tìm thấy, khoảng một phần tư dặm trên con đường này. Bây giờ nó chạy ngang qua nhà, thay vì kết thúc ở đó, và những ngôi nhà hai bên chỉ cách hành lang sâu rộng bao quanh có một vài bước.

Đó là căn nhà đầu tiên mà Grace chưa bao giờ thấy được xây cất theo cách này, cao một tầng, mái nhà chính liên tục không nối liền phủ lên hành lang, từ mọi phía. Về sau cô thấy nhiều loại nhà như vậy ở Úc. Một kiểu kiến trúc làm bạn nghĩ đến những mùa hè nóng nực.

Ngày xưa, bạn thường có thể chạy từ hành lang qua cuối con đường đậu xe bụi bặm, qua một khu cát dẫm lên cỏ và dâu tây dại, cũng trên đất của gia đình Travers, và sau đó nhảy, không, thực sự là lội xuống hồ. Bây giờ bạn sẽ khó có thể nhìn thấy hồ, vì căn nhà lớn đã được xây dựng ngay bên kia con đường, một trong vài ngôi nhà ngoại ô bình thường ở đây, với nhà để xe cho hai chiếc.

Grace thực sự đang tìm kiếm cái gì khi cô thực hiện chuyến đi

này? Điều tệ nhất có thể chỉ để có được cái gì đó cô nghĩ đang đi tìm. Mái nhà trú ẩn, cửa sổ có lưới, mặt hồ ở phía trước, dãy cây phong và tuyết tùng và đường Gilead phía sau. Bảo quản hoàn hảo, còn nguyên vẹn, khi cô chỉ có thể chứng kiến sự thật trái ngược. Tìm thấy một cái gì suy đồi như vậy, vẫn còn tồn tại nhưng không liên quan, như vẻ của căn nhà Travers bây giờ, với cửa sổ mái nhà được thêm vào, màu sơn xanh nổi bật, nhiều khi có thể ít gây xót xa hơn.

Và nếu bạn nhận thấy nó biến mất hoàn toàn thì sao? Bạn sẽ làm âm ỉ. Nếu ai đó đến để nghe, bạn sẽ than vãn sự mất mát. Nhưng bạn không có thể có một cảm giác nhẹ nhõm vì những nhầm lẫn hoặc trách nhiệm nào đó ngày xưa được xóa đi sao?

Ông Travers đã xây dựng căn nhà, có nghĩa là, ông đã cho xây nó, như một món quà cưới bất ngờ cho bà Travers. Lần đầu tiên khi Grace nhìn thấy, nó đã ba mươi tuổi. Các con bà Travers được sinh ra với nhiều khoảng cách - Gretchen khoảng hai mươi tám hay hai mươi chín, đã lập gia đình và là một người mẹ, và Maury hai mươi mốt, vào năm cuối cùng đại học. Và sau đó là Neil, cậu khoảng ba mươi lăm. Nhưng Neil không mang họ Travers. Cậu tên Neil Borrow. Bà Travers từng kết hôn trước đó với một người đàn ông đã mất. Bà đã kiếm sống, và nuôi con như một cô giáo dạy môn tiếng Anh Kinh Doanh tại một trường cho thư ký. Ông Travers, khi đề cập đến thời điểm này trong cuộc sống của bà trước khi ông gặp, đã kể như một thời gian khó khăn gần như khổ cực, một cái gì đó hầu như không để để bù đắp bằng cả một đời thoải mái, mà ông sẽ vui vẻ cung cấp cho bà.

Chính bà Travers không hề nói về điều này như vậy bao giờ. Bà đã sống với Neil trong một ngôi nhà cũ lớn chia thành nhiều căn hộ, không xa đường rầy xe lửa tại thị trấn Pembroke, và nhiều câu chuyện bà đã kể tại bàn ăn tối là về các sự kiện ở đó, về những người đồng nghiệp thuê nhà của bà, và người chủ đất người Canada gốc Pháp, mà bà hay bắt chước giọng Pháp khó chịu và tiếng Anh lộn xộn. Những câu chuyện có thể đã có tựa

đề, như của Thurber mà Grace đã đọc trong "Tuyển Tập Hài Hước Mỹ" (The Anthology of American Humour), được tìm thấy một cách không giải thích được trên kệ thư viện ở phía sau Lốp Mười của cô. Ngoài ra còn có cuốn "Người Bá Tước Cuối Cùng" (The Last of the Barons), "Hai Năm Trước Cột Buồm" (Two Years Before the Mast), "Đêm mà Bà Già Cromarty trèo lên mái nhà" (The Night Old Mrs. Cromarty Got Out on the Roof), "Làm Thế Nào Ông Phát Thư Ve Vãn Cô Hoa" (How the Postman Courted Miss Flowers), "Con Chó Ăn Cá Mòi" (The Dog Who Ate Sardines).

Ông Travers không bao giờ kể chuyện và ít nói trong bữa ăn tối, nhưng nếu ông thấy bạn chẳng hạn, nhìn lò sưởi bằng đá, ông có thể hỏi, "Bạn thích đá?" và cho bạn biết mỗi tảng đá đến từ đâu, và làm thế nào ông đã kiếm và tìm kiếm đá granit màu hồng đặc biệt, bởi vì bà Travers từng thốt lên tiếng trầm trồ khi thoáng thấy một tảng đá như vậy, trong một ngõ cụt. Hoặc ông có thể chỉ cho bạn thấy những điểm không thực sự khác thường mà chính ông đã thêm vào thiết kế căn nhà, những kệ tủ ở góc có thể đưa ra trong bếp, những nơi lưu trữ đồ đạc dưới chỗ ngồi ở cửa sổ. Ông là một người đàn ông cao hơi cúi xuống với một giọng nói nhẹ nhàng và mái tóc thưa mỏng trên da đầu. Ông mang đôi giày đi tắm để vào trong nước, và mặc dù ông không có vẻ mập trong bộ quần áo bình thường, ông để cho thấy một làn da thịt trắng xệ xuống trên quần tắm của ông.

Mùa hè năm đó Grace làm việc tại khách sạn ở Thác Bailey, phía bắc Hồ Little Sabot. Đầu mùa gia đình Travers đã đến ăn tối ở đó. Cô không nhận ra họ - họ không ngồi ở một trong các bàn cô phục vụ và đó là một đêm bận rộn. Cô đang sửa soạn bàn cho một nhóm khách mới khi cô nhận ra ai đó đang chờ để nói chuyện với cô.

Đó là Maury. Anh nói, "Tôi tự hỏi nếu cô có muốn thỉnh thoảng đi chơi với tôi không?"

Grace hầu như không nhìn lên và tiếp tục xếp đặt dao nĩa bạc. Cô nói: "Đây có phải là một sự thách đố không?" Bởi vì giọng nói

của anh cao và căng thẳng và anh đứng đó cứng nhắc, như thể bắt buộc mình. Và vì đôi khi một nhóm thanh niên từ khu nhà ở sẽ thách thức nhau để mời một cô hầu bàn đi chơi. Nó không hoàn toàn là một trò đùa, họ thực sự sẽ xuất hiện, nếu được chấp nhận, mặc dù đôi khi họ chỉ muốn để đậu xe, mà không đưa bạn đi xem phim hay ngay cả đi uống cà phê. Vì vậy, điều này được xem khá đáng xấu hổ, chứ không phải khó khăn để cô gái đồng ý.

"Cái gì?", anh nói một cách đau đớn, và sau đó Grace dừng lại và nhìn anh. Dường như cô nhìn thấy toàn bộ con người của anh trong lúc đó, Maury thực sự. Sợ hãi, khó chịu, vô tội, quả quyết.

"Được rồi," cô nói một cách nhanh chóng. Cô có thể ngụ ý là, được rồi, bình tĩnh lại, tôi biết đó không phải là một thách thức, tôi biết anh sẽ không làm điều đó. Hoặc, được rồi, tôi sẽ đi chơi với anh. Bản thân cô cũng khó biết cái nào. Tuy nhiên, anh coi đó là thỏa thuận, và sắp xếp ngay - mà không cần hạ thấp giọng, hoặc để ý những cái nhìn từ những thực khách xung quanh - rằng anh sẽ đón cô sau khi làm việc tối mai.

Anh đã đưa cô đi xem phim. Họ đã xem phim Cha Của Cô Dâu (Father of the Bride). Grace không thích nó. Cô ghét những cô gái như Elizabeth Taylor trong bộ phim đó, cô ghét những cô gái giàu hư hỏng mà không bao giờ ai hỏi họ cái gì chỉ có họ được dỗ dành và đòi hỏi. Maury nói đó chỉ là một bộ phim hài, nhưng cô cho biết đó không phải là điểm chính yếu. Cô không thể nói rõ điểm đó là gì. Ai cũng nghĩ bởi vì cô làm việc như một phục vụ bàn và quá nghèo để đi học đại học, và nếu cô muốn một loại đám cưới như vậy cô sẽ phải mất nhiều năm tiết kiệm để trả tiền cho chính cô. (Maury đã nghĩ điều này, và thấu hiểu cô một cách kính trọng.)

Cô không thể giải thích hay hiểu rõ rằng đó không hoàn toàn là vì cô cảm thấy ghen tức, mà đó là cơn thịnh nộ. Và không phải vì cô không thể mua sắm hay ăn mặc như vậy. Đó là bởi vì nó biểu tượng cho những cô gái. Đó là những gì người đàn ông, người ta, tất cả mọi người - nghĩ họ phải giống như vậy. Đẹp, quý

giá, hư hỏng, ích kỷ, ít đầu óc. Đó là những gì một cô gái cần thể hiện, để được rơi vào tình yêu. Sau đó cô sẽ trở thành một người mẹ và cô sẽ luôn bận rộn dành tất cả cho con cái của mình. Không ích kỷ nữa, chỉ một đầu óc đơn giản. Mỗi mỗi.

Cô bực dọc về điều này trong khi ngồi bên cạnh một cậu bé đã yêu cô bởi vì anh tin - ngay lập tức ở tinh thần cũng như tâm hồn toàn vẹn và độc đáo của cô, và đã thấy sự nghèo nàn của cô như một ánh sáng lãng mạn trong đó. (Anh có thể biết cô ấy nghèo không chỉ vì công việc cô đang làm nhưng vì giọng nói mạnh mẽ của Thung Lũng Ottawa, mà hình như cô chưa biết.)

Anh tôn trọng cảm xúc của cô về cuốn phim. Thật vậy, bây giờ anh đã thấy cô tức giận cố gắng giải thích, đến lượt anh phấn đấu để nói một cái gì đó với cô. Anh nói đã nhìn thấy bây giờ không có cái gì thật đơn giản, thật nữ tính như ghen tuông. Anh thấy. Và cô không thích sự phù phiếm, không muốn giống hầu hết các cô gái. Cô là một người đặc biệt.

Grace luôn nhớ cô đã mặc cái gì trong đêm đó. Một váy ngắn rộng màu xanh đậm, một áo ngắn tay trắng có những lỗ ren nhỏ kiểu cách có thể nhìn thông qua thấy phần trên ngực của cô, một dây thắt lưng rộng màu hồng bằng thun. Có một sự khác biệt, không nghi ngờ, giữa cách cô ấy tự thể hiện và cách cô muốn được đánh giá. Nhưng không có gì về cô là xinh xắn hay sẵn sàng hoặc chải chuốt theo phong cách của thời gian. Một chút rách rưới ở bìa, trên thực tế, cho cô vẻ Gypsy của người dân sống nay đây mai đó, với những vòng đeo sơn bạc rẻ tiền, và mái tóc dài sậm xoắn tự nhiên mà cô phải cột lại khi hầu bàn.

Đặc biệt.

Anh đã nói với mẹ về cô và mẹ của anh nói: "Con phải mang Cô Grace của con đến ăn tối."

Tất cả đều mới đối với cô, tất cả ngay lập tức đều thú vị. Trong thực tế, cô đã yêu bà Travers, cũng như Maury đã yêu cô. Không phải bản chất của cô, tất nhiên, để tỏ ra quá sững sờ, quá sùng bái, một cách công khai như anh.

Grace đã được nuôi dạy bởi cô và chú của cô, thực sự là bà cô và ông chú. Mẹ cô qua đời khi cô ba tuổi, và cha cô đã dọn đi Saskatchewan, nơi ông có gia đình khác. Những người thay thế cha mẹ cô rất tốt, thậm chí hãnh diện về cô, mặc dù hoang mang, nhưng họ không đặt câu hỏi. Ông chú sống bằng nghề làm ghé mây và đã chỉ dạy Grace cách làm để cô có thể giúp và sau cùng sẽ thay thế ông vì thị lực của ông yếu đi. Nhưng sau đó cô nhận được việc làm tại Thác Bailey cho mùa hè, và mặc dù điều này khó khăn cho ông và cả cho bà để cho cô đi, họ tin rằng cô cần nếm hương vị của cuộc sống trước khi cô ổn định cuộc đời.

Cô hai mươi tuổi và vừa học xong trung học. Đúng ra cô đã hoàn thành một năm trước đây, nhưng cô đã làm một sự lựa chọn kỳ lạ. Tại thị trấn rất nhỏ nơi cô sống - không xa thị trấn Pembroke của bà Travers - tuy vậy mà có một trường trung học, với năm cấp, để chuẩn bị cho các kỳ thi chính phủ và cái mà lúc đó họ gọi là lớp cao cấp. Trường không bao giờ thấy cần thiết để học tất cả các môn giảng dạy, và vào cuối năm đầu tiên của cô - đúng ra phải là năm cuối của cô, Lớp Mười Ba - Grace đã cố gắng thi Lịch Sử và Thực Vật Học và Động Vật Học và tiếng Anh và tiếng La-Tinh và tiếng Pháp, nhận một cách không cần thiết những điểm cao. Nhưng cô trở lại trường vào tháng chín, sẵn sàng để học Vật Lý và Hóa Học, Lượng Giác, Hình Học và Đại Số, mặc dù các môn này được xem là đặc biệt khó khăn cho con gái. Khi cô học xong năm đó, cô đã lấy tất cả các môn của Lớp Mười Ba ngoại trừ tiếng Hy Lạp và tiếng Ý và tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đức, vì không ai giảng dạy ở trường của cô. Cô học rất giỏi tất cả ba ngành của toán học và khoa học, mặc dù kết quả không có gì thật ngoạn mục như năm trước. Thậm chí cô đã nghĩ, sau đó, là cô tự học tiếng Hy Lạp và tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý và tiếng Đức để cô có thể thử những kỳ thi này năm sau. Nhưng ông hiệu trưởng của trường đã có một buổi nói chuyện với cô, là điều này sẽ không đưa cô đi đâu hết vì cô sẽ không thể có khả năng để đi học đại học, và dù sao không có khóa học đại học nào yêu cầu

một trang bị học vấn đầy đủ như vậy. Tại sao cô làm việc đó? Cô có kế hoạch nào không?

Không, Grace nói, cô chỉ muốn học tất cả mọi thứ cô có thể học miễn phí. Trước khi cô bắt đầu sự nghiệp làm đồ mây của cô.

Chính ông hiệu trưởng là người quen biết với ông quản lý quán trọ, và cho biết ông sẽ nói một tiếng giúp cô nếu cô muốn thử làm việc hầu bàn mùa hè. Ông cũng đề cập đến chuyện cô nên có một hương vị của cuộc sống.

Như vậy, ngay cả người chịu trách nhiệm của tất cả việc học nơi đó cũng không tin rằng sự học ảnh hưởng đến cuộc sống. Và bất cứ ai Grace nói về những gì cô đã làm - cô nói ra để giải thích lý do tại sao cô đã rời trung học trễ - đã nói một cái gì đó như cô đã bị điên thật.

Ngoại trừ bà Travers, bà đã được gửi đi học tại một đại học kinh doanh thay vì một đại học thực sự bởi vì bà được nói bà phải hữu ích, và giờ đây bà ước muốn bất cứ cái gì - bà nói - là phải chi bà nhồi vào tâm trí của bà thay vào đó với những gì vô ích, hoặc ít ra lúc đầu.

"Mặc dù cô phải làm để kiếm sống", bà nói. "Dù sao đan ghế mây có vẻ như một việc làm hữu ích. Chúng ta sẽ phải chờ xem."

Xem cái gì? Grace không muốn suy nghĩ trước gì cả. Cô chỉ muốn cuộc sống tiếp tục như bây giờ. Bằng cách đổi phiên làm việc với một cô gái khác, như vậy cô được nghỉ ngày chủ nhật, từ bữa ăn sáng. Điều này có nghĩa là cô luôn làm trễ ngày thứ bảy. Trong thực tế, có nghĩa là cô đã đổi giờ với Maury để có thời gian với gia đình Maury. Bây giờ cô và Maury không bao giờ có thể đi xem phim, không bao giờ có một cái hẹn thực sự. Nhưng anh sẽ đón cô khi công việc của cô xong, khoảng 11 giờ, và họ sẽ chở nhau đi chơi, dừng lại để ăn kem hoặc một hamburger bánh mì thịt bò băm - Maury cẩn thận về việc không đưa cô vào một quán rượu, bởi vì cô chưa hai mươi một tuổi - nên cuối cùng đậu xe ở đâu đó.

Những kỷ niệm của Grace về những lần đậu xe - có thể kéo dài

đến một hoặc hai giờ sáng - được chứng tỏ là nhiều hơn so với ký ức của cô ngồi chung quanh bàn ăn tròn với gia đình Travers hay là - khi tất cả mọi người cuối cùng đứng dậy và di chuyển, với cà phê hoặc đồ uống tươi ra ngồi trên ghế dài bằng da nâu vàng, ghế đu, ghế mây có đệm, ở đầu kia căn phòng. (Không có vấn đề ồn ào để rửa đĩa và dọn dẹp nhà bếp - một người phụ nữ bà Travers gọi là "bà Abel người bạn có khả năng của tôi" sẽ đến lo mọi chuyện vào buổi sáng.)

Maury luôn kéo đệm xuống thảm và ngồi đó. Gretchen, không bao giờ mặc gì khác đến bữa ăn tối ngoài quần jean hoặc quần quân đội, và thường ngồi xếp bằng trên ghế rộng. Cả cô và Maury đều to lớn và vai rộng, với một nét đẹp nào đó của bà mẹ, làn tóc lượn sóng màu vàng caramel và đôi mắt nâu ấm áp của mẹ. Thậm chí, trong trường hợp Maury, với một má lúm đồng tiền. Các cô tiếp viên khác thấy Maury dễ thương. Họ huýt sáo khe khẽ. Bà Travers, tuy nhiên, chỉ cao khoảng một thước sáu mươi, và dưới chiếc áo đầm rộng tươi sáng của bà, bà không có vẻ béo nhưng mạnh mẽ đầy đặn, như một người trẻ còn trong độ tuổi lớn. Và ánh sáng mãnh liệt của đôi mắt bà, sự vui tươi luôn sẵn sàng bộc phát ra, không có hoặc không thể bắt chước hay di truyền được. Ngoài trừ một vết màu đỏ nổi lên, gần như dị ứng, trên đôi má của bà. Đó có thể là kết quả đi ra ngoài trong bất cứ thời tiết nào mà không nghĩ đến làn da, và như thân hình, như chiếc áo rộng, nó thể hiện tánh độc lập của bà.

Đôi khi, ngoài gia đình, có khách đến chơi các buổi tối chủ nhật này. Một cặp vợ chồng, cũng có thể là một người độc thân, thường gần độ tuổi ông bà Travers, và thường giống họ ở điểm người phụ nữ sẽ háo hức và dí dỏm và người đàn ông yên tĩnh hơn, chậm hơn, khoan dung. Họ kể những câu chuyện vui, trong đó họ thường nói đùa về họ. (Grace luôn là một người nói chuyện hấp dẫn từ lâu nên bây giờ đôi khi cô thấy mệt mỏi, và thật khó cho cô để nhớ lại những cuộc đàm thoại trong buổi ăn tối mà có lần cô nghĩ tựa như tiểu thuyết vậy. Nơi cô xuất thân, hầu hết

cuộc trò chuyện sôi nổi đều có dụng ý đùa bỡn, trong đó tất nhiên cô và chú của cô không dự vào. Vào những dịp hiếm hoi khi họ có khách, chỉ có lời khen và xin lỗi về thức ăn, thảo luận về thời tiết, và một mong muốn tha thiết cho bữa ăn được kết thúc càng sớm càng tốt.)

Sau bữa ăn tối tại nhà của gia đình Travers, nếu thời tiết khá mát mẻ, ông Travers đốt lửa lên. Họ chơi cái gì mà bà Travers gọi là "trò chơi chữ ngu ngốc", trong đó, trên thực tế, ai cũng phải khá thông minh, ngay cả khi họ nghĩ ra những định nghĩa ngớ ngẩn. Và đó là lúc mà ai đó khá im lặng trong bữa ăn tối có thể bắt đầu phát biểu. Lập luận giả có thể được xây dựng xung quanh những yêu cầu thật phi lý tuyệt vời. Wat, chồng của Gretchen đã làm điều này, và một lát sau đến Grace, trong niềm vui của bà Travers và Maury (Maury kêu lên, trước sự vui đùa của mọi người ngoài Grace, "Thấy chưa? Tôi đã nói với các bạn. Cô ấy thông minh"). Và đến lượt bà Travers dẫn đầu trong việc chế ra các từ ngữ với nhiều phản ứng ồn ào, đảm bảo trò chơi không nên quá nghiêm trọng hoặc không ai quá lo lắng.

Lần duy nhất có vấn đề không hài lòng với một trò chơi là khi Mavis, người đã kết hôn với Neil con trai bà Travers, đến bữa ăn tối. Mavis và hai đứa con không ở xa, ở với cha mẹ của cô trên con đường xuống bờ hồ. Đêm đó chỉ có gia đình, và Grace, và ai cũng nghĩ Mavis và Neil sẽ mang các con nhỏ đến. Nhưng Mavis đến một mình - Neil là một bác sĩ, và cuối tuần đó anh lại bận rộn tại Ottawa. Bà Travers thất vọng nhưng bà lấy lại phần khởi, nói lớn trong một vẻ bàng hoàng vui vẻ, "Nhưng các cháu bé không ở Ottawa, chắc chắn như vậy chứ?"

"Thật không may," Mavis nói. "Nhưng chúng nó không được đặc biệt khỏe. Con chắc chắn chúng nó sẽ kêu la suốt bữa ăn tối. Em bé bị nổi nhiệt và chỉ có Chúa mới biết Mikey có vấn đề gì không."

Cô là một phụ nữ mảnh khảnh da rám nắng mặc một áo đầm màu tím, với một băng cột tóc rộng cùng màu tím để giữ lại mái

tóc sạm của cô. Đẹp, nhưng với những nét nhỏ của sự nhàm chán hoặc không đồng ý ẩn trên góc miệng. Cô gần như không đụng đến bữa ăn tối, giải thích rằng cô bị dị ứng với cà ri.

"Ồ, Mavis. Thật tội nghiệp", bà Travers nói. "Có phải là mới đây không?"

"Ồ không. Con bị tù lâu rồi nhưng con đã tỏ ra lịch sự về vấn đề này. Sau đó, con bị ốm phải nôn ra cả nửa đêm."

"Nếu con chỉ cần nói với mẹ - Con có thể ăn cái gì được?"

"Mẹ đừng lo về điều này, con không sao. Con cũng không muốn ăn, với nhiệt độ và những niềm vui làm mẹ như thế này".

Cô châm một điếu thuốc.

Sau đó, trong trò chơi, cô đã tranh cãi với Wat về một định nghĩa anh ta sử dụng, và khi tự điển chứng minh chữ đó chấp nhận được, cô nói, "Ồ, tôi xin lỗi. Tôi đoán tôi chỉ không thắng nổi các bạn." Và khi đến lúc tắt cả mọi người nộ chữ của mình trên một tờ giấy cho vòng kế tiếp, cô mỉm cười và lắc đầu.

"Tôi không có chữ nào."

"Ồ, Mavis," bà Travers nói. Và ông Travers nói, "Thôi nào, Mavis. Bất cứ chữ xưa nào cũng được."

"Nhưng con không có chữ xưa nào. Con thật xin lỗi. Tối nay con chỉ cảm thấy ngu ngốc. Các bạn chỉ cần chơi tiếp tục."

Và họ chơi tiếp, tất cả mọi người giả vờ không có chuyện gì xảy ra, trong khi Mavis hút thuốc và tiếp tục mỉm cười một cách ngọt ngào cương quyết vừa tổn thương vừa không vui. Sau đó cô đứng dậy và nói cô hết sức mệt mỏi, cô không thể để các con cho ông bà trong lâu hơn nữa, là cô đã có một buổi thật đẹp học hỏi, và bây giờ cô phải về nhà.

"Tôi phải cho các bạn một tự điển Oxford mùa Giáng sinh tới," cô không nói với ai đặc biệt lúc cô bước ra ngoài với một tiếng cười rộn rã cay đắng.

Tự điển của gia đình Travers mà Wat đã sử dụng là một cuốn tự điển Mỹ.

Khi cô đi rồi không một ai nhìn nhau. Bà Travers nói,

"Gretchen, con có đủ sức để làm một bình cà phê cho tất cả chúng ta không?" Và Gretchen đi vào bếp, lẩm bẩm, "Thật thú vị. Chúa Giêsu đã khóc."

"Cô ấy đang cố gắng trong cuộc sống," bà Travers nói. "Với hai con nhỏ."

Trong tuần Grace có giờ nghỉ, mỗi ngày, giữa lúc thu dọn bữa ăn sáng và sắp đặt cho bữa ăn tối, và khi bà Travers biết ra điều này, bà bắt đầu lái xe lên đến Thác Bailey để đón cô về bờ hồ trong những giờ trống. Maury sẽ phải làm việc lúc đó anh đang làm cho mùa hè với một nhóm ngoài đường sửa chữa Quốc Lộ 7 - và Wat trong văn phòng của anh ở Ottawa và Gretchen thì bơi với các con hoặc chèo thuyền với chúng nó trên hồ. Thường chính bà Travers sẽ thông báo bà cần đi mua sắm, hoặc sửa soạn cho bữa ăn tối, hoặc thư từ để viết, và bà sẽ để Grace một mình trong phòng khách - phòng ăn rộng lớn, đầy bóng mát mẽ, với chiếc ghế dài bằng da sờn rách quá nhiều và những kệ đầy sách.

"Cô cứ đọc bất cứ cái gì cô thích," bà Travers nói. "Hoặc cuộn tròn và ngủ đi nếu cô muốn. Việc làm cực nhọc, chắc cô phải mệt mỏi. Tôi sẽ để ý chắc chắn đưa cô trở lại đúng giờ."

Grace không bao giờ ngủ. Cô đọc sách. Cô hầu như không di chuyển, và dưới chiếc quần ngắn của cô, đôi chân trần bắt đầu đỏ mồ hôi và dính vào da ghế. Có lẽ là vì niềm vui mãnh liệt đọc sách. Khá thường xuyên cô không nhìn thấy gì ở bà Travers cho đến lúc tới giờ bà chở cô ấy trở lại làm việc.

Bà Travers sẽ không bắt đầu trò chuyện cho đến khi đủ thời gian trôi qua để Grace buồn lửng những suy nghĩ từ cuốn sách cô vừa đọc. Sau đó, bà có thể đề cập đến việc bà cũng đã đọc qua, và nói những gì bà nghĩ - nhưng luôn luôn với một cách vừa chu đáo vừa vô tư. Ví dụ, bà nói, về Anna Karenina, "Tôi không biết tôi đã đọc nó bao nhiêu lần, nhưng tôi biết là lúc đầu tôi thấy hợp với Kitty, và sau đó là Anna - ồ, thật là khó chịu, với Anna, và bây giờ, cô biết, lần cuối cùng tôi cảm thấy chính tôi luôn luôn thông cảm với Dolly. Dolly khi cô ấy đi về quê, cô biết không, với tất cả

những trẻ em đó, cô phải tìm ra cách làm sao để giặt đồ, vì có vấn đề với các bồn giặt - Tôi cho rằng điều này đã làm nổi thông cảm của mình thay đổi khi mình già đi. Niềm đam mê bị đẩy lùi sau các bồn giặt. Dù sao đừng để ý đến tôi. Cô không nên, đúng không?"

"Tôi không biết nếu tôi quan tâm nhiều đến bất cứ ai." Grace ngạc nhiên với chính mình và tự hỏi nếu cô ấy có vẻ kiêu ngạo hoặc trẻ con. "Nhưng tôi thích nghe bà nói chuyện."

Bà Travers cười. "Tôi thích nghe chính tôi."

Một cách nào đó, khoảng thời gian này, Maury đã bắt đầu nói chuyện về việc họ kết hôn. Điều này sẽ không xảy ra trong khoảng thời gian tới ít nhất đến khi anh đủ điều kiện và làm việc như một kỹ sư - nhưng anh đề cập tới nó như một cái gì đó mà cô cũng như anh đều để tự nó đến. Khi chúng ta sẽ kết hôn, anh nói, và thay vì đặt câu hỏi hoặc mâu thuẫn với anh, Grace sẽ lắng nghe một cách tò mò.

Khi họ kết hôn họ sẽ có một nơi để sống gần Hồ Little Sabot. Không quá gần với cha mẹ của anh, mà cũng không quá xa. Tất nhiên nó chỉ sẽ là một nơi để sống mùa hè. Phần còn lại họ sẽ sống bất cứ nơi nào công việc của anh như một kỹ sư cần đưa họ đi. Đó có thể là bất cứ ở đâu - Peru, Iraq, các vùng Lãnh Thổ Tây Bắc. Grace rất vui bởi ý tưởng của những chuyến đi xa như vậy - nhiều hơn là cô vui mừng bởi ý tưởng về những gì anh nói, với một niềm tự hào nghiêm trọng, về căn nhà riêng của họ. Không có gì trong những điều này có vẻ hoàn toàn thực đối với cô, nhưng sau đó, ý tưởng giúp ông chú, tiếp nối cuộc đời của một người làm ghé mây, trong thị trấn và ngôi nhà mà cô đã lớn lên, cũng chưa bao giờ có vẻ thực.

Maury cứ hỏi cô đã nói những gì với cô và chú của cô về anh, khi nào cô sẽ đưa anh về nhà để gặp họ. Thậm chí anh sử dụng dễ dàng từ ngữ nhà đó dường như hơi ngắn gọn đối với cô, mặc dù chắc chắn nó cũng đã được chính cô sử dụng. Nó có vẻ phù hợp hơn để nói ngôi nhà của cô và chú của tôi.

Trong thực tế, cô đã không nói gì trong những bức thư hàng tuần ngắn ngủi của cô, ngoại trừ đề cập đến chuyện cô "đi chơi với một cậu bé làm việc gần đây cho mùa hè." Cô có thể đã cho ấn tượng là anh làm việc tại khách sạn.

Không phải là cô chưa bao giờ nghĩ đến việc sẽ kết hôn. Cô đã nghĩ đến điều này gần như chắc chắn có thể xảy ra, cùng với cuộc sống làm ghế mây. Mặc dù thực tế chưa bao giờ có ai ve vãn cô, cô nghĩ nó sẽ xảy ra, một ngày nào đó, và một cách chính xác như vậy, với người đàn ông lấy quyết định ngay lập tức. Anh ta sẽ gặp cô - có thể anh sẽ mang một chiếc ghế đến sửa và khi thấy cô, anh sẽ yêu cô. Anh đẹp trai, như Maury. Đam mê, như Maury. Sự thân mật thể chất thú vị sẽ xảy ra tiếp theo.

Đây là điều không có xảy ra. Trong xe của Maury, hay trên cỏ dưới những ngôi sao, cô đã đồng ý. Và Maury đã sẵn sàng, nhưng không đồng ý. Anh cảm thấy có trách nhiệm bảo vệ cô. Và cách cô dễ dàng đến với anh làm anh mất thăng bằng. Anh cảm thấy, có thể, vì trời lạnh. Một sự mời mọc cố ý mà anh không thể hiểu và nó không phù hợp chút nào với quan niệm của anh về cô. Bản thân cô không hiểu cô lạnh thế nào - cô tin rằng thể hiện sự hào hứng của mình sẽ dẫn đến những thú vui cô biết, trong cô đơn và tưởng tượng, và cô cảm thấy điều đó tùy ở Maury để tiếp nhận. Mà anh sẽ không làm.

Sự kiềm chế này làm cho cả hai bản khoăn và hơi giận hay xấu hổ, do đó họ không thể ngừng hôn, ôm nhau, dùng những lời nói dịu dàng, để làm vui lòng nhau trước khi họ chúc nhau ngủ ngon. Thật nhẹ nhõm cho Grace khi còn lại một mình, đi vào giường ngủ trong ký túc xá và xóa bỏ những giờ cuối cùng ra khỏi tâm trí. Và cô nghĩ nó cũng nhẹ nhõm cho Maury lái xe xuống đường cao tốc, sắp xếp lại ấn tượng về Grace của anh để anh luôn có thể hết lòng yêu cô.

Hầu hết các nữ tiếp viên rời bỏ việc làm sau Lễ Lao Động để trở lại trường học hoặc cao đẳng. Nhưng khách sạn luôn mở cửa cho đến Lễ Tạ Ơn với một số ít nhân viên - Grace ở trong số đó. Họ có

nói, năm nay, về việc mở lại vào đầu tháng mười hai cho mùa đông, hoặc ít nhất cho mùa Giáng Sinh, nhưng trong số các nhân viên nhà bếp hoặc phòng ăn không ai dường như biết nếu điều này sẽ thực sự xảy ra hay không. Grace viết thư cho cô và chú của cô như thể mùa Giáng Sinh sẽ mở chắc chắn. Trong thực tế, cô không hề đề cập đến chuyện đóng cửa, trừ khi có thể sau Năm Mới. Như vậy, họ không mong đợi cô.

Tại sao cô làm như vậy? Không phải là vì cô có những kế hoạch khác. Cô đã nói với Maury cô nghĩ cô nên dành một năm này để giúp chú của cô, có thể cố gắng tìm một người khác để học làm đồ mây, trong khi anh, Maury, sẽ vào năm cuối tại trường đại học. Cô thậm chí còn hứa sẽ đưa anh đến thăm vào dịp Giáng Sinh để anh có thể gặp gia đình cô. Và anh đã nói rằng Giáng Sinh là thời điểm tốt để thực hiện buổi lễ đính hôn chính thức của họ. Anh đã tiết kiệm tiền lương mùa hè để mua cho cô một chiếc nhẫn kim cương.

Cô cũng đã tiết kiệm tiền lương của cô. Như vậy, cô sẽ có thể lấy xe buýt đến Kingston, để thăm anh trong năm học.

Cô nói về điều này, hứa hẹn nó, thật dễ dàng. Nhưng cô có tin, hoặc thậm chí có ước muốn, rằng nó sẽ xảy ra không?

"Maury là một nhân vật thành thật," bà Travers nói. "Đúng vậy, cô có thể chính cô nhìn thấy. Anh sẽ là một người đàn ông dễ mến không rắc rối, giống như cha của anh. Không giống như người anh. Anh trai Neil rất sáng suốt. Tôi không ngụ ý là Maury không phải vậy, chắc chắn anh không thể nào là một kỹ sư nếu không có một hoặc hai bộ não trong đầu, nhưng Neil thì anh ta có chiều sâu." Bà cười với chính bà. "Những hang động sâu thẳm của con gấu đại dương - tôi đang nói gì vậy? Một thời gian dài Neil và tôi không có ai hết ngoài hai mẹ con. Vì vậy, tôi nghĩ anh ấy đặc biệt. Tôi không muốn nói là anh không thể vui nhộn. Nhưng đôi khi người vui vẻ nhất có thể u sầu, phải không? Mình thắc mắc về họ. Nhưng tại sao cần lo lắng cho con cái đã trưởng thành? Với Neil tôi lo lắng một chút, với Maury chỉ một chút xíu

thôi. Và với Gretchen tôi không lo lắng gì cả. Bởi vì phụ nữ luôn có được một cái gì đó, đúng không, để họ tiếp tục đi tới? Mà người đàn ông không có."

Căn nhà bên bờ hồ không bao giờ đóng cửa cho đến Lễ Tạ Ơn. Gretchen và các con phải trở lại Ottawa, tất nhiên, để đi học. Và Maury, mà công việc đã xong, phải đi Kingston. Ông Travers sẽ chỉ ra đây vào cuối tuần. Nhưng thông thường, bà Travers đã nói với Grace, bà ở lại, đôi khi với bạn bè, đôi khi một mình.

Sau đó, kế hoạch của bà đã thay đổi. Bà trở về Ottawa với ông Travers vào tháng chín. Điều này xảy ra bất ngờ, bữa ăn tối cuối tuần bị hủy bỏ.

Maury nói thỉnh thoảng bà gặp rắc rối với dây thần kinh của bà. "Bà cần nghỉ ngơi," anh nói. "Bà phải vào bệnh viện khoảng một vài tuần và họ sẽ giúp bà ổn định lại. Bà luôn trở ra khỏe mạnh."

Grace nói rằng mẹ của anh là người cuối cùng cô có thể nghĩ đến có những vấn đề như vậy.

"Điều gì khởi động nó?"

"Anh không nghĩ họ biết," Maury nói.

Nhưng một lúc sau, anh nói, "Đó có thể là chồng của bà. Anh muốn nói là, người chồng đầu tiên. Cha của Neil. Những gì đã xảy ra với ông ta, vân vân."

Những gì đã xảy ra là cha của Neil đã tự sát.

"Anh đoán ông ấy không ổn định."

"Nhưng có thể là không phải vì vậy," anh tiếp tục.

"Có thể là vì những chuyện khác. Vấn đề phụ nữ ở khoảng tuổi của bà. Mặc dù vậy không sao đâu - bây giờ họ có thể giúp bà trở lại bình thường dễ dàng, với thuốc. Họ có nhiều thuốc tuyệt vời. Không nên lo lắng."

Đến Lễ Tạ Ơn, như Maury đã dự đoán, bà Travers được rời khỏi bệnh viện và cảm thấy khỏe. Bữa ăn tối Lễ Tạ Ơn được tổ chức tại bờ hồ như bình thường. Và vào ngày chủ nhật - đó cũng là chuyện bình thường, để có thì giờ sửa soạn và đóng cửa nhà vào

thứ hai. Và may mắn cho Grace, bởi vì chủ nhật vẫn là ngày nghỉ của cô.

Cả gia đình sẽ có mặt ở đó. Không có khách, trừ khi tính Grace. Neil và Mavis và con cái sẽ ở nhà cha mẹ của Mavis, và ăn tối ở đó vào thứ hai, nhưng họ sẽ đến nhà Travers chủ nhật.

Khi Maury đưa Grace đến bờ hồ vào sáng Chủ nhật, con gà tây đã được cho vào lò. Vì có trẻ con, buổi ăn tối sẽ sớm hơn, khoảng 5 giờ. Các ổ bánh được đặt trên quầy bếp - bí, táo, việt quất dại. Gretchen phụ trách nhà bếp, một đầu bếp phối hợp giỏi và khỏe mạnh. Bà Travers ngồi tại bàn ăn, uống cà phê và chơi một trò ghép hình với con gái nhỏ của Gretchen, Dana.

"A, Grace," bà kêu, nhảy lên để ôm cô - lần đầu tiên bà chưa làm điều này bao giờ và với một cử chỉ vụng về của bàn tay bà làm rơi ra các mảnh ghép hình.

Dana than thở, "Bà", và chị gái, Janey, nãy giờ quan sát nghiêm trọng, gom lại các miếng bị đánh rơi.

"Mình có thể sắp xếp lại", cô bé nói. "Bà không cố ý."

"Mẹ cất nước sốt nham lê ở đâu?" Gretchen hỏi.

"Trong tủ," bà Travers nói, vẫn ôm cánh tay của Grace và không để ý đến trò chơi ghép hình bị phá hủy.

"Ở đâu trong tủ?"

"Ồ. Nước sốt nham lê," bà Travers nói. "Đúng, mẹ nấu nó. Đầu tiên mẹ cho trái nham lê trong một ít nước. Sau đó, mẹ giữ ở nhiệt độ thấp - không, mẹ nghĩ đầu tiên mẹ ngâm nước".

"Nhưng, con không có thời giờ để làm tất cả điều đó", Gretchen nói. "Mẹ muốn nói mẹ không có trong hộp?"

"Mẹ đoán là không. Mẹ không có, bởi vì mẹ tự làm."

"Con sẽ phải cần ai đi mua."

"Con có thể hỏi bà Woods?"

"Không. Con hầu như thậm chí không nói chuyện với bà ấy. Con không có can đảm. Ai đó phải đi mua ở cửa hàng."

"Con à - hôm nay là Lễ Tạ Ơn," bà Travers nói nhẹ nhàng. "Không nơi nào sẽ mở."

"Chỗ xuống đường cao tốc đó, nó luôn mở." Gretchen hỏi lớn.
"Wat đâu rồi?"

"Anh ấy đi chèo thuyền," Mavis nói vọng ra từ phòng ngủ phía sau. Cô nói như vừa cho biết, bởi vì cô đang cố gắng dỗ em bé ngủ. "Anh dẫn Mikey đi thuyền."

Mavis đã lái xe hơi đến với Mikey và em bé. Neil đến sau - anh có một vài cú điện thoại để gọi.

Và ông Travers đã đi chơi golf.

"Tôi chỉ cần ai đi đến cửa hàng," Gretchen nói. Cô chờ đợi, nhưng không có đề nghị nào xuất phát từ phòng ngủ. Cô nhướng mày nhìn Grace.

"Cô không thể lái xe, phải không?"

Grace nói không.

Bà Travers nhìn xung quanh để tìm chiếc ghế của bà, và ngồi xuống, thở dài nhẹ nhàng.

"Đúng rồi," Gretchen nói. "Maury có thể lái xe. Maury đâu rồi?"

Maury ở trong phòng ngủ phía trước đang tìm kiếm quần bơi của anh, mặc dù tất cả mọi người đã nói với anh rằng nước quá lạnh để bơi. Anh nói cửa hàng sẽ không mở.

"Nó sẽ mở," Gretchen nói. "Họ bán xăng. Và nếu nó không mở, có một cái khác vừa đi vào Perth, anh biết đó, với mấy chiếc bánh kem..."

Maury muốn Grace đi cùng với anh, nhưng hai cô bé, Janey và Dana, đang kéo cô đi với họ để xem xích đu ông nội đã dựng lên dưới cây phong Na Uy bên hông ngôi nhà.

Đi xuống cầu thang, cô cảm thấy sợi dây của một chiếc dép bị đứt. Cô lấy cả đôi giày ra và đi không khó khăn trên đất cát, cây mã đề phẳng ép, và nhiều chiếc lá cuộn tròn đã rơi.

Đầu tiên cô đẩy các em trên xích đu, sau đó họ đẩy cô. Và khi cô nhảy xuống, chân không, một cái chân quặp lại và cô hét lên một tiếng đau đớn, không biết chuyện gì đã xảy ra.

Đó là bàn chân của cô, chứ không phải chân. Cơn đau đã bắn lên từ bàn chân trái của cô, cắt bởi cạnh sắc bén của một vỏ sò.

"Dana mang đến những vỏ sò đó," Janey nói. "Em định làm nhà cho con ốc của nó."

"Nó đi mất rồi," Dana nói.

Gretchen và bà Travers và ngay cả Mavis chạy vội ra khỏi nhà, nghĩ là tiếng hét từ một trong những đứa trẻ.

"Chân cô ấy đẫm máu," Dana nói. "Có máu nhiều quá ở dưới đất."

Janey nói, "Cô ấy bị cắt bởi vỏ sò. Dana đã để những vỏ sò ở đây, em định xây nhà cho Ivan con ốc của em."

Sau đó một cái thau được mang ra, nước để rửa chỗ cắt, một chiếc khăn, và tất cả mọi người đều hỏi có đau lắm không.

"Không đến nỗi," Grace nói, khập khiễng bước lên bực thêm, với cả hai cô bé tranh nhau để đưa cô lên và thường thì chỉ cản lối đi của cô.

"Ồ, ghê quá," Gretchen nói. "Nhưng tại sao cô lại không mang giày?"

"Sợi dây của cô bị đứt," Dana và Janey cùng nói, lúc đó một chiếc xe mui trần, màu rượu vang không có tiếng động nhiều, quẹo vòng gọn gàng vào chỗ đậu xe.

"Đây rồi, thật là đúng lúc," bà Travers nói. "Người đàn ông mà chúng ta đang rất cần. Ông bác sĩ."

Đó là Neil, lần đầu tiên Grace chưa bao giờ thấy anh ta. Anh ta cao, ung dung, di chuyển nhanh chóng.

"Túi xách của anh," bà Travers la lên một cách vui mừng. "Chúng tôi đã có một vụ cho anh."

"Anh có một mảnh rác đẹp đó", Gretchen nói. "Mới à?"

Neil nói, "Một mảnh điên rồ."

"Bây giờ em bé bị đánh thức rồi." Mavis đưa ra một tiếng thở dài buộc tội không rõ ràng và cô bỏ đi vào trong nhà.

Janey nói một cách nghiêm trọng, "Không ai có thể làm điều gì được mà không làm em bé này thức dậy."

"Tốt hơn là con im lặng," Gretchen nói.

"Con đừng nói với mẹ là con không có mang theo," bà Travers

nói. Nhưng Neil đã đưa túi xách bác sĩ ra từ ghế sau, và bà nói: "Ồ, anh có mang theo, tốt qua, anh không bao giờ biết được."

"Cháu là bệnh nhân?" Neil nói với Dana. "Có chuyện gì vậy? Châu nuốt một con cóc?"

"Là cô ấy," Dana nói với vẻ nghiêm trọng. "Đó là Grace."

"Tôi thấy. Cô nuốt con cóc."

"Cô ấy bị cắt chân. Chảy máu nhiều quá."

"Trên một vỏ sò," Janey nói.

Bây giờ Neil nói với các cháu gái "Các cháu đi qua một bên", và ngồi trên bực thêm phía dưới Grace, cẩn thận nâng bàn chân cô lên và nói, "Đưa cho tôi miếng vải hoặc cái gì đó", sau đó chùi vết máu để nhìn chỗ cắt. Bây giờ anh ấy ngồi rất gần cô, Grace nhận thấy một mùi cô đã học xác định mùa hè này khi làm việc tại nhà trọ - mùi rượu có vị nhẹ bạc hà.

"Chắc chắn là vậy," anh nói. "Chảy máu nhiều quá. Đó là một điều tốt, để làm sạch chỗ cắt. Đau không?"

Grace nói, "Hơi đau".

Anh nhìn vào mặt cô dò xét, dù chỉ thoáng qua. Có lẽ tự hỏi nếu cô đã ngửi được mùi rượu, và cô nghĩ gì.

"Tôi cũng nghĩ vậy. Cô thấy miếng da này? Tôi phải xem ở dưới và làm cho nó chắc chắn sạch, sau đó sẽ khâu một hoặc hai mũi. Tôi có một loại thuốc có thể chà xát lên, như vậy sẽ không đau lắm như cô nghĩ." Anh nhìn lên Gretchen. "Này. Em có thể cho mọi người ra khỏi nơi đây."

Anh vẫn chưa nói một lời nào với mẹ anh, bà hiện lặp đi lặp lại rằng đó là một điều tốt anh đã đến đúng lúc như anh đã làm.

"Hương Đạo," anh nói. "Luôn luôn sẵn sàng."

Bàn tay anh không cảm thấy say, và đôi mắt anh không có cái nhìn đó. Anh cũng không trông giống như người cậu vui vẻ mà anh đã đóng vai khi nói chuyện với các cháu, hoặc người luôn trấn an anh chọn đến với Grace. Anh có một vầng trán cao tái nhợt, một chòm tóc chặt xoắn lại màu xám đen, đôi mắt sáng màu xám, một miệng rộng môi mỏng dường như cong lại vì một

sự thiếu kiên nhẫn mạnh mẽ, hoặc khao khát, hoặc đau đớn.

Khi chỗ cắt đã được băng bó, bên ngoài trên bực thêm - Gretchen đã quay trở vào nhà bếp và bắt các con đi theo cô, nhưng bà Travers ở lại, nhìn chăm chú, với đôi môi của bà ép chặt vào nhau như thể tự hứa sẽ không làm gián đoạn - Neil nói anh nghĩ nên đưa Grace nhanh vào thành phố, đến bệnh viện.

"Để chích một mũi chống uốn ván."

"Nó cũng không đau lắm," Grace nói.

Neil nói: "Đó không phải là vấn đề."

"Tôi đồng ý", bà Travers nói. "Uốn ván - cái này khủng khiếp."

"Chúng tôi không đi lâu," anh nói. "Này. Grace? Grace, tôi sẽ giúp cô ra xe. "Anh dìu cô dưới một cánh tay. Cô đã mang vào một chiếc dép, và cố gắng để ngón chân vào chiếc kia để cô có thể kéo lê nó. Miếng băng rất gọn và chặt.

"Tôi sẽ chỉ chạy vào trong", anh nói, khi cô vào ngồi trong xe. "Hãy xin lỗi cho tôi."

Đến Gretchen? Đến Mavis.

Bà Travers đi xuống từ hiên nhà, với cái nhìn nhiệt tình mơ hồ mà dường như tự nhiên với bà, và thực sự không thể kèm chế, trong ngày hôm nay. Bà đặt tay lên cửa xe.

"Tốt", bà nói. "Rất tốt. Grace, cô thật là phước lành Trời mang đến. Cô sẽ cố gắng giữ không cho anh ta đi uống rượu ngày hôm nay, phải không? Cô sẽ biết làm thế nào."

Grace nghe những lời nói, nhưng gần như không để ý đến. Cô quá thất vọng về sự thay đổi ở bà Travers, bởi cái gì như một biến chuyển lớn dồn dập, một nét cứng cỏi trong tất cả các cử chỉ của bà, một vẻ ngẫu nhiên và hơi điên cuồng của lòng nhân từ, một sự vui mừng muốn khóc ở khóe mắt. Và một lớp gì như ngọt ngào không rõ ràng ở các góc miệng.

Bệnh viện ở Carleton Place, cách đó khoảng ba dặm. Họ lấy một cầu vượt ngang của đường cao tốc trên đường rầy, và họ đã chạy với tốc độ nhanh đến nỗi Grace có ấn tượng tại đỉnh cao chiếc xe đã nhấc lên khỏi mặt đường, họ đang bay. Gần như

không có giao thông lúc đó, cô không sợ hãi, và dù sao cô cũng không có thể làm gì khác được.

Neil biết cô ý tá đang trực trong Phòng Khẩn Cấp, và sau khi anh đã điền vào một mẫu đơn và để cô ấy nhìn sơ qua chân của Grace ("Tốt lắm", cô vừa nói vừa không chú trọng lắm), anh có thể tiếp tục và chích cho cô một mũi thuốc ngừa uốn ván. ("Bây giờ nó sẽ không đau, nhưng sau đó có thể.") Lúc anh vừa xong, cô ý tá trở lại vào phòng và nói: "Có một anh chàng ở phòng chờ để đưa cô ấy về nhà."

Cô nói với Grace, "Anh ta nói là vị hôn thê của cô."

"Hãy cho anh ấy biết cô chưa xong", Neil nói. "Không. Nói với anh ta là chúng tôi đã đi rồi."

"Tôi nói là ông ở đây."

"Nhưng khi cô trở lại," Neil nói, "chúng tôi đã đi rồi."

"Anh ấy nói ông là anh của anh ta. Anh ấy sẽ không thấy chiếc xe của ông đậu trong này sao?"

"Tôi đậu ở phía sau. Tôi đậu ở nơi dành cho bác sĩ."

"Thật là rắc rối," cô ý tá nói, không quay lại.

Và Neil nói với Grace, "Cô chưa muốn về nhà, phải không?"

"Không," Grace nói, như thể cô đã nhìn thấy chữ đó viết trước mặt cô, trên tường. Như thể cô đang thử mắt.

Một lần nữa cô được giúp ra đến xe, chiếc dép lẹp xẹp từ sợi dây ở ngón chân, và ngồi vào ghế nệm màu kem. Họ lấy một con đường phía sau để ra khỏi bãi đậu xe, một lối đi không quen thuộc ra khỏi thị trấn. Cô biết họ sẽ không nhìn thấy Maury. Cô không phải suy nghĩ đến anh ta. Và còn ít hơn đến Mavis.

Diễn tả đoạn này, sự thay đổi này trong cuộc sống của cô, về sau, Grace có thể nói - cô đã nói - rằng tựa như lúc đó một cánh cổng đã đóng âm lại sau lưng cô. Nhưng vào thời điểm ấy không có tiếng kêu vang - phức tùng chỉ đơn giản là gợn sóng chạy qua người cô, quyền lợi của những kẻ ở lại bị hủy bỏ một cách nhẹ nhàng.

Trí nhớ của cô ngày hôm đó vẫn rõ ràng và chi tiết, mặc dù có

một vài thay đổi trong các phần mà cô nhấn mạnh.

Và thậm chí trong vài chi tiết đó cô đã sai lầm. Đầu tiên họ lái xe về phía tây trên Quốc lộ 7. Trong hồi ức của Grace, không có một chiếc xe khác trên đường cao tốc, và tốc độ của họ gần giống chuyến bay trên cầu vượt đường cao tốc. Điều này không thể có thật - phải có người trên đường, người ta trên đường về nhà buổi sáng chủ nhật đó, trên đường đi mừng Lễ Tạ Ơn với gia đình. Trên đường đến nhà thờ hay đi về nhà từ nhà thờ. Neil đã phải chậm lại khi lái xe qua làng hay bên ngoài thị trấn, và trên nhiều đường cong của đường cao tốc cũ. Cô không quen ngồi trong một chiếc xe hơi mui trần, gió thổi trong mắt, gió làm rối mái tóc của cô. Điều này cho cô ảo ảnh của tốc độ liên tục, của chuyến bay hoàn hảo - không điên cuồng nhưng kỳ diệu, thanh thản.

Và mặc dù Maury, Mavis và phần còn lại của gia đình đã bị xóa khỏi tâm trí của cô, lời nói của bà Travers vẫn còn, đâu đó, thì thầm nhấn gởi lần cuối cùng với một giọng cười khúc khích kỳ lạ, xấu hổ.

"Cô sẽ biết làm thế nào."

Tất nhiên là Grace và Neil không nói chuyện. Như cô nhớ lại, cô sẽ phải hét lên để anh nghe được. Và những gì cô nhớ về thế nào là quan hệ tình dục, thật sự mà nói, hầu như cô không phân biệt được đó là ý tưởng hay tưởng tượng của cô tại thời điểm đó. Cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, các dấu hiệu cảm lạnh nhưng mạnh mẽ, chuyến bay gần như im lặng trong đó chính cô cảm thấy nhiều hay ít như một tù nhân. Một sự đầu hàng thoáng đãng, bây giờ không có gì gọi là xác thịt, ngoại trừ một luồng khát vọng.

Họ dừng lại, cuối cùng, tại Kaladar, và đi vào khách sạn - khách sạn cũ vẫn còn đó. Nắm lấy tay cô, đan ngón tay của anh vào ngón tay của cô, anh chậm bước để phù hợp với bước không đều của cô. Neil dẫn cô vào quán rượu. Cô nhận ra đó là một quán rượu, mặc dù cô chưa bao giờ vào một nơi như vậy trước đây. (Nhà Trọ Thác Bailey chưa có giấy phép - khách chỉ được uống rượu trong phòng, hoặc trong một căn nhà cũ kỹ gọi là câu lạc bộ

bên kia đường.) Đây là một nơi giống như cô đã chờ đợi - một phòng lớn tối om không có không khí, với những chiếc ghế và bàn xếp lại một cách bất cẩn sau khi dọn dẹp vội vàng, một mùi nước tẩy Lysol không xóa được mùi bia, rượu whisky, xì gà, ống điếu, đàn ông.

Không có ai ở đó cả - có lẽ nó không mở cho đến buổi chiều. Nhưng có thể bây giờ không phải là buổi chiều? Ý tưởng về thời gian của cô dường như bị lệch lạc.

Bây giờ có một người đàn ông bước đến từ một căn phòng khác, và nói chuyện với Neil. Ông nói, "Xin chào ông, bác sĩ," và đi ra phía sau quầy rượu.

Grace tin rằng nó sẽ như thế này - bất cứ họ đi đến đâu, đều có người Neil quen biết.

"Ông biết hôm nay là chủ nhật," người đàn ông nói lớn tiếng bằng một giọng lạnh lùng, gần như hét lên, như thể ông muốn trong bãi đậu xe người ta nghe được. "Tôi không thể bán cho ông bất cứ cái gì ở đây vào ngày chủ nhật. Và tôi không thể bán bất cứ cái gì cho cô ấy, không bao giờ. Thậm chí cô không được ở trong đây. Ông có hiểu không?"

"Ồ đúng, thưa ông. Đúng vậy, thưa ông," Neil nói. "Tôi hoàn toàn đồng ý, thưa ông."

Trong khi hai người đàn ông đang nói chuyện, người đàn ông phía sau quầy đã lấy một chai rượu mạnh whisky từ một kệ ẩn dấu và chế một ít vào ly và đẩy nó qua cho Neil.

"Cô khát nước?" Ông nói với Grace. Ông đã mở một chai Coke. Ông đưa cho cô không có cái ly.

Neil đặt một tờ giấy bạc trên quầy và người đàn ông đẩy nó đi.

"Tôi đã nói với ông," ông nói. "Không thể bán."

"Thế còn chai Coke?" Neil hỏi.

"Không thể bán."

Người đàn ông cất chai đi, Neil uống cái gì đó trong ly thật nhanh. "Ông là một người tốt", anh nói. "Linh hồn của pháp luật."

"Ông hãy cầm lấy chai Coke. Cô ấy rời khỏi nơi đây càng sớm

tôi càng thoải mái."

"Đúng vậy", Neil nói. "Cô là một cô gái tốt. Em dâu của tôi. Em dâu tương lai. Vì vậy, tôi hiểu."

"Có phải là sự thật không?"

Họ không quay trở lại quốc lộ 7. Thay vào đó họ lấy đường phía bắc, không trải nhựa, nhưng đủ rộng và khá tu bổ. Chất rượu dường như có tác dụng ngược lại với những gì đồ uống thường ảnh hưởng đến tay lái của Neil. Anh chạy chậm lại theo vận tốc yêu cầu của con đường này một cách hợp lệ, thậm chí thận trọng.

"Không phiền cô chứ?", anh nói.

Grace hỏi, "Phiền cái gì?"

"Bị lôi kéo vào những nơi cũ kỹ."

"Không."

"Tôi cần sự hiện diện của cô. Chân của cô thế nào?"

"Không sao."

"Phải hơi đau."

"Không hẳn. Không sao đâu."

Anh nhặt bàn tay không giữ chai Coke của cô, ép lòng bàn tay lên miệng anh, liếm nó một cái, và bỏ nó xuống.

"Cô có nghĩ tôi bắt cóc cô với mục đích không tốt?"

"Không," Grace nói dối, nghĩ từ ngữ này sao giống mẹ của anh. Không tốt.

"Có một lúc cô có thể đúng", anh nói, làm như cô đã trả lời có. "Nhưng không phải hôm nay. Tôi không nghĩ vậy. Ngày hôm nay cô an toàn như một nhà thờ."

Giọng nói của anh thay đổi, đã trở thành thân mật, thẳng thắn, và yên tĩnh, và ký ức đôi môi của anh ép lên, sau đó lưỡi lần qua, da của cô, ám ảnh Grace đến mức độ cô nghe những từ ngữ, thay vì giác quan, của những gì anh đang nói với cô. Cô có thể cảm thấy một trăm, hàng trăm nhịp lưỡi của anh, một điệu nhảy cầu khẩn, trên tất cả làn da của cô. Nhưng cô suy nghĩ để nói, "Nhà thờ không phải chỗ luôn luôn an toàn."

"Đúng. Đúng."

"Và tôi không phải là em dâu của anh."

"Tương lai. Không phải tôi nói tương lai sao?"

"Tôi cũng không phải như vậy."

"Ồ. Tốt. Tôi đoán tôi không ngạc nhiên. Không. Không ngạc nhiên."

Sau đó, giọng nói của anh thay đổi một lần nữa, trở thành nhu hiểu biết.

"Tôi đang tìm một ngã rẽ ở đây, bên phải. Có một con đường tôi phải nhận ra. Cô có biết gì về vùng này không?"

"Tôi không biết nơi đây, không."

"Không biết Trạm Hoa? Oompah, Ba Lan? Đường Tuyết?"

Cô không nghe nói về những nơi này.

"Có một người tôi muốn gặp."

Anh quẹo qua bên phải, vừa lăm bắm không rõ ràng. Không có dấu hiệu nào. Con đường này hẹp hơn và gồ ghề hơn, với một cây cầu sàn ván cho một làn xe. Trên đầu nhánh cây của rừng gỗ cứng đan vào nhau. Lá cây thay màu trẻ năm nay vì thời tiết ấm áp kỳ lạ, do đó các nhánh vẫn còn màu xanh lá cây, ngoại trừ một vài cái đâm ra ở đây đó như một ngọn cờ. Cảm giác của một khu bảo tồn. Suốt cả dặm đường Neil và Grace đều im lặng, và vẫn không dừng lại nghỉ ngơi, rừng vẫn vô tận. Nhưng sau đó Neil phá vỡ sự yên tĩnh.

Anh hỏi, "Cô có thể lái?" và khi Grace nói không, anh nói, "Tôi nghĩ cô nên học."

Anh muốn nói, ngay sau đó. Anh dừng xe, bước ra và đi vòng đến bên cô, và cô phải di chuyển qua phía sau tay lái.

"Không nơi nào tốt hơn thế này."

"Nếu một cái gì đó xảy ra?"

"Không có. Chúng ta có thể lo liệu nếu nó đến. Đó là lý do tại sao tôi chọn một con đường thẳng. Và đừng lo, cô dùng chân phải của cô để làm tất cả mọi chuyện."

Họ đang ở khởi đầu một đường hầm dài dưới bóng cây, mặt

đất tràn ngập với ánh sáng mặt trời. Anh không bận tâm giải thích bất cứ điều gì về cách xe chạy - anh chỉ đơn giản cho cô nơi đặt bàn chân, và nói cô thực hành cách chuyển đổi vận tốc, sau đó nói: "Bây giờ chạy, và làm những gì tôi nói cô."

Bước nhảy vọt đầu tiên của chiếc xe làm cô khiếp sợ. Cô hạ vận tốc xuống, và cô nghĩ anh sẽ chấm dứt bài học ngay lập tức, nhưng anh cười. Anh nói, "Khoan, từ từ. Từ từ. Tiếp tục chạy," và cô làm theo. Anh không phê bình về cách cô lái, hoặc cách tay lái làm cô quên đi phần gia tăng tốc độ, ngoại trừ để nói, "Tiếp tục chạy, tiếp tục chạy, tiếp tục trên con đường, không để cho động cơ chết."

"Khi nào tôi có thể dừng lại?", cô nói.

"Cho đến khi tôi nói với cô làm thế nào."

Anh để cho cô lái xe cho đến khi họ ra khỏi đường hầm, và sau đó hướng dẫn cô về cái thẳng. Ngay sau khi cô dừng lại, cô mở cửa để họ có thể đổi chỗ, nhưng anh nói, "Không. Đây chỉ là tạm nghỉ. Chẳng bao lâu cô sẽ cảm nhận thích lái." Và khi họ bắt đầu lại, cô nhận thấy anh có thể đúng. Sự tự tin mãnh liệt nhất thời của cô xem đưa họ xuống mương. Tuy nhiên, anh cười khi anh phải dành lấy tay lái, và bài học tiếp tục.

Anh không để cô ngừng xe lại cho đến khi họ lái đường như cả dậm, và thậm chí còn chạy vòng - từ từ - vào những đường cong. Sau đó, anh nói họ nên chuyển tay lái tốt hơn, bởi vì anh không thể có được một cảm giác định hướng trừ khi anh đang lái xe.

Anh hỏi cô bây giờ cảm thấy thế nào, và mặc dù toàn thân cô đang run rẩy, cô nói, "Được thôi."

Anh xoa cánh tay của cô từ vai đến khuỷu tay và nói: "Cô nói dối." Nhưng anh không đụng vào cô, xa hơn nữa, không để cho miệng anh chạm bất cứ phần cơ thể nào của cô nữa.

Anh phải có được cảm giác định hướng vài dặm trước đó khi họ đến một ngã tư, vì anh quẹo trái, và hàng cây thưa ra và họ leo lên một con đường gỗ gề trên một ngọn đồi dài, và sau một vài dặm họ đến một ngôi làng, hoặc ít nhất một dãy nhà bên lề

đường. Một nhà thờ và một cửa hàng, không cái nào mở để phục vụ những mục đích chính yếu của nó, nhưng có lẽ có người sống ở đó, dựa vào những xe hơi xung quanh và bức màn thảm nã ở cửa sổ. Một vài ngôi nhà trong tình trạng tương tự và phía sau một trong số đó, một nhà kho suy sụp, với cỏ khô cũ đen tối phình ra giữa những cây đà rạn nứt như nội tạng sừng phù.

Neil kêu lên vui mừng khi nhìn thấy nơi này, nhưng không dừng lại ở đó.

"Thật là nhẹ nhõm", anh nói. "Thật - nhẹ - nhõm. Bây giờ tôi biết rồi. Cảm ơn cô."

"Tôi?"

"Vì đã để tôi dạy cô lái xe. Giúp tôi bình tĩnh lại."

"Anh bình tĩnh lại?" Grace hỏi. "Thật không?"

"Thật như tôi đang sống." Neil mỉm cười, nhưng không nhìn cô. Anh đang bận rộn nhìn từ bên này đến bên kia qua các cánh đồng nằm dọc theo đường sau khi chạy qua làng. Anh nói như với chính anh.

"Đây rồi. Chắc chắn là đây. Bây giờ chúng ta biết đâu rồi."

Và cứ như vậy, cho đến khi anh rẽ vào một con đường không chạy thẳng nhưng vòng vo xung quanh qua một cánh đồng, tránh các tảng đá và các lùm cây bách xù. Vào cuối ngõ là một căn nhà trong tình trạng không khá hơn so với những ngôi nhà trong làng.

"Bây giờ, chỗ này", anh nói, "tôi sẽ không mang cô vào nơi đây. Tôi chỉ cần năm phút."

Anh đi lâu hơn nữa.

Cô ngồi trong xe, trong bóng mát của ngôi nhà. Cửa vào nhà mở, chỉ cánh cửa lưới đóng lại. Cửa lưới được vá nhiều nơi, những dòng dây kẽm mới đan kết với những dòng dây cũ. Không ai đến gặp cô, thậm chí cả một con chó. Và bây giờ chiếc xe đã ngừng lại, ban ngày tràn ngập với một sự yên tĩnh không tự nhiên. Không tự nhiên bởi vì ai cũng mong chờ một buổi trưa nóng như vậy sẽ đầy tiếng ù tai và ồn ào và lú lo của các loài côn

trùng trong cỏ, trong bụi cây bách xù. Ngay cả không ai có thể nhìn thấy chúng ở đâu, tiếng ồn ào của chúng dường như sẽ vang lên từ mọi cây cỏ mọc ra trên mặt đất, đến tận chân trời. Nhưng đã đến quá cuối năm, có thể cũng đã quá trễ để thậm chí nghe đàn ngỗng kêu inh ỏi khi chúng bay về phương nam. Dù thế nào, cô cũng không nghe gì hết.

Dường như ở đây họ đã lên đỉnh của thế giới, hoặc một trong những đỉnh. Cánh đồng trải rộng ra từ mọi phía, cây cối xung quanh chỉ có thể nhìn thấy một phần vì chúng mọc trên một mặt đất thấp hơn.

Anh quen ai ở đây, ai sống trong ngôi nhà này? Một phụ nữ? Không lẽ loại phụ nữ anh muốn có thể sống ở một nơi như thế này, nhưng sự kỳ lạ mà Grace có thể gặp ngày hôm nay không có đoạn kết. Không có một đoạn kết nào.

Ngày xưa đó là một ngôi nhà gạch, nhưng bức tường gạch bắt đầu bị tháo dỡ. Vách tường bằng gỗ đơn giản đã được để trần, bên dưới, và những viên gạch đã gỡ được chất đống trong sân, có thể chờ để bán đi. Những viên gạch còn lại trên bức tường của ngôi nhà làm thành hình một đường chéo, như bức thang, và Grace, không có gì để làm, dựa lưng, đẩy ghế ra phía sau, để đếm. Cô làm điều này vừa ngu ngốc vừa nghiêm túc, như cách người ta gỡ từng cánh của một bông hoa, nhưng không phải với những chữ hiển nhiên như Anh yêu tôi, anh yêu tôi không.

May mắn. Không. May mắn. Không. Cô chỉ dám nghĩ có bấy nhiêu.

Cô thấy khó khăn để theo dõi các viên gạch sắp xếp theo kiểu ngoằn ngoèo như vậy, đặc biệt từ khi lằn gạch thẳng ra trên cánh cửa.

Cô biết rồi. Còn có thể nào khác nữa? Đó là nhà của một người buôn lậu rượu. Cô nghĩ đến người buôn lậu rượu ở nhà, một ông già gầy ốm, nhếch nhác, buồn rầu và nghi ngờ. Ông ngồi trên bực thềm phía trước nhà của ông với một khẩu súng sẵn vào đêm Halloween. Và ông vẽ số trên những khúc củi đốt chồng chất

cạnh cửa để ông biết nếu có cái nào bị đánh cắp. Cô nghĩ đến anh - hoặc ông này đang thiu thiu ngủ trong sưởi nóng của căn phòng bần thủ nhưng gọn gàng (cô biết nó sẽ như vậy bởi các mảnh vá trong cửa lưới). Thức dậy trên chiếc giường hoặc cái ghế dài cũ kỹ của ông, với tấm chăn dơ bẩn phủ lên đó mà một phụ nữ bà con đã làm từ lâu, một phụ nữ nào đó giờ đã mất.

Không phải là cô đã từng ở trong nhà của một người buôn lậu rượu, nhưng các phân chia phòng mỏng mảnh, ở nhà, giữa vài cách sống tầm thường đáng kính, và một số không như vậy. Cô biết sự việc như thế nào.

Thật kỳ lạ sao cô đã nghĩ đến việc kết hôn với Maury. Nó sẽ là một loại phản bội. Một sự phản bội với chính cô. Nhưng không phải một sự phản bội để đi với Neil, vì anh biết vài điều tương tự mà cô đã làm. Và cô càng lúc càng biết về anh ta nhiều hơn.

Và bây giờ ở ngưỡng cửa dường như cô có thể thấy chú của cô, cúi xuống và bối rối, nhìn ra cô, như thể cô đã đi xa từ nhiều năm. Như thể cô đã hứa sẽ về nhà và sau đó cô đã quên đi, và suốt thời gian đó ông đứng ra đã chết rồi nhưng ông chưa chết.

Cô cố gắng để nói chuyện với ông, nhưng ông đã biến mất. Cô thức dậy, đang đi chuyển. Cô ở trong xe với Neil, chạy tiếp tục trên đường. Cô đã ngủ với miệng mở và cô khát nước. Anh quay sang cô một lúc, và cô nhận thấy, ngay cả với cơn gió thổi xung quanh họ, một mùi rượu whisky nồng nặc.

Đúng vậy.

"Cô thức? Cô đã ngủ say khi tôi ra khỏi nơi đó", anh nói. "Xin lỗi, tôi phải hòa đồng một lúc. Cô có buồn đi tiểu không?"

Đó là một vấn đề cô đã nghĩ đến, trên thực tế, khi họ dừng lại tại nhà. Cô đã nhìn thấy một nhà vệ sinh ở phía sau, ngoài ngôi nhà, nhưng cảm thấy ngại để bước ra và đi bộ đến đó.

Anh nói: "Đây có thể là một nơi để đi," và dừng xe. Cô xuống xe và bước vào giữa vài bụi cây hoa dài nở vàng, Queen Anne và Aster hoang dại, để ngồi xổm xuống. Anh đứng trong những khóm hoa tương tự ở phía bên kia đường, quay lưng lại với cô.

Khi cô trở vào xe cô nhìn thấy cái chai trên sàn bên cạnh chân của cô. Hơn một phần ba của nó dường như đã vơi đi.

Anh thấy cô nhìn.

"Ồ, cô đừng lo", anh nói. "Tôi vừa cho một số vào đó." Anh giơ lên một cái bình. "Dễ dàng hơn khi tôi đang lái xe."

Trên sàn cũng có một chai Coca-Cola khác. Anh nói cô nhìn trong ngăn chứa đồ để tìm cái mở chai.

"Nó lạnh", cô nói ngạc nhiên.

"Hộp đựng nước đá. Họ cắt đá ra khỏi hồ vào mùa đông và lưu trữ nó trong mát chườm. Ông ta cất nó dưới nhà."

"Tôi nghĩ tôi thấy chú tôi ở ngưỡng cửa ngôi nhà đó", cô nói. "Nhưng tôi đã nằm mơ."

"Cô có thể kể cho tôi về chú của cô. Kể cho tôi về nơi cô sống. Công việc của cô. Bất cứ cái gì. Tôi chỉ muốn nghe cô nói."

Có một sức mạnh mới trong giọng nói, và một thay đổi trên nét mặt của anh, chứ không phải một tia sáng say rượu. Giống như anh vừa bị bệnh - không bệnh nhiều, chỉ xuống tinh thần, vì thời tiết và bây giờ anh muốn an tâm cô là anh khỏe hơn. Anh đập nắp chai lại và đặt nó xuống và nắm lấy tay cô. Anh nắm một cách nhẹ nhàng, như cái nắm của một người đồng chí.

"Ông ấy già lắm," Grace nói. "Ông thực sự là ông chú của tôi. Ông làm nghề đan mây - nghĩa là ông làm ghế mây. Tôi không thể giải thích điều đó cho anh, nhưng tôi có thể chỉ cho anh nếu chúng ta có một chiếc ghế mây để đan -"

"Tôi không có cái nào."

Cô cười và nói: "Nó thực sự nhàm chán."

"Vậy cô nói cho tôi biết những gì cô thích. Cô thích cái gì?"

Cô nói: "Anh đó."

"Ồ. Cô thích gì về tôi?" Anh buông tay cô ra.

"Những gì anh đang làm bây giờ," Grace nói giọng cương quyết. "Tại sao."

"Cô muốn nói là uống rượu? Tại sao tôi uống? "Nắp chai rơi ra khỏi bình một lần nữa. "Tại sao cô không hỏi tôi?"

"Bởi vì tôi biết anh sẽ nói cái gì."

"Cái gì vậy? Tôi sẽ nói cái gì?"

"Anh sẽ nói, còn cái gì khác để làm? Hoặc cái gì đó tương tự."

"Đúng", anh nói. "Tôi sẽ nói như vậy. Được rồi, vậy cô hãy cố gắng cho tôi biết lý do tại sao tôi sai."

"Không," Grace trả lời. "Không. Tôi sẽ không nói."

Sau đó, cô cảm thấy lạnh. Cô nghĩ cô thật tình, nhưng bây giờ cô thấy cô đã cố gây ấn tượng với những câu trả lời đó, tỏ vẻ mình trần thế như anh, và trong câu chuyện này cô đã đối diện với sự thật chắc chắn. Sự thiếu niềm hy vọng - chính đáng, hợp lý, và đời đời.

Neil hỏi: "Cô sẽ không nói? Không. Cô sẽ không nói. Nhẹ nhõm. Cô là một sự nhẹ nhõm, Grace."

Một lát sau, anh nói, "Cô biết - Tôi buồn ngủ. Ngay khi chúng ta tìm được một chỗ tốt tôi sẽ dừng lại và ngủ. Chỉ một chút thôi. Không phiền cô chứ?"

"Không. Tôi nghĩ anh nên."

"Cô sẽ trông tôi chứ?"

"Được."

"Tốt."

Chỗ anh tìm thấy ở trong một thị trấn nhỏ tên Fortune. Có một công viên tại ngoại ô, bên cạnh một dòng sông, và một khoảng trống sỏi đá cho xe ô tô. Anh ngã ghế ra phía sau, và ngủ thiếp đi ngay sau đó. Bây giờ là ban chiều, khoảng giờ ăn tối, chứng minh rằng dù sao không phải là một ngày mùa hè nữa. Một thời gian ngắn trước đó người ta đã có một bữa ăn ngoài trời cho ngày Lễ Tạ Ơn ở đây - vẫn còn khói bốc lên từ lò đốt lửa ngoài trời và mùi bánh mì kẹp thịt bò băm trong không khí. Mùi không làm cho Grace cảm thấy đói, một cách chính xác - nó khiến cô nhớ lại những lúc bị đói trong các trường hợp khác.

Anh đã vào giấc ngủ ngay lập tức, và cô bước ra ngoài. Bụi đã bám vào cô với tất cả những lần dừng lại và khởi đầu của bài học lái xe. Cô rửa tay và mặt thật sạch ở một vòi nước bên ngoài. Sau

đó, để giúp bàn chân bị cắt, cô bước chậm chạp về bờ sông, thấy nó cạn như thế nào, với đám lau sậy trở lên mặt nước. Một dấu hiệu cảnh cáo ngôn ngữ thô tục, khiêu dâm hoặc dơ bẩn bị cấm ở nơi này và sẽ bị trừng phạt.

Cô thủ ngồi lên xích đu, đối mặt với hướng tây. Đu lên cao, cô nhìn bầu trời thật trong - màu xanh lá cây nhạt, màu vàng mờ dần, viền hồng thật khó chịu ở chân trời. Không khí đã bắt đầu lạnh.

Cô nghĩ đó là cảm ứng. Miệng, lưỡi, da, cơ thể, xương đập lên xương. Kích thích. Đam mê. Nhưng đó không phải là những gì có ý nghĩa như vậy cả đối với họ. Đó là trò chơi trẻ con, so với cách cô biết anh, bây giờ cô đã nhìn thông suốt vào anh như thế nào.

Những gì cô nhìn thấy là lần chót. Như thể cô đang ở ven bờ một cơ thể nước tối ôm trái phảng dãi vô tận. Mực nước lạnh. Nhìn ra mực nước tối, lạnh đó, và biết rằng tất cả chỉ có như vậy thôi.

Không hẳn uống rượu có trách nhiệm. Điều tương tự đang chờ đợi, dù sao đi nữa, và lúc nào cũng vậy. Uống rượu, cần uống rượu - đó chỉ là một loại giải trí, giống như mọi thứ khác.

Cô trở lại xe và cố gắng đánh thức anh dậy. Anh cử động nhưng không thức dậy. Nên cô tiếp tục đi bộ xung quanh một lần nữa để giữ ấm, và để tập cái chân cách dễ nhất - cô hiểu bây giờ cô sẽ đi làm trở lại, phục vụ bữa ăn, vào buổi sáng.

Cô cố gắng một lần nữa, nói chuyện với anh một cách cấp bách. Anh trả lời với những lời hứa hẹn và lảm bảm khác nhau, và một lần nữa anh ngủ thiếp đi. Đến lúc trời thực sự tối cô đã chịu thua. Bây giờ với cái lạnh của ban đêm một vài sự kiện khác trở nên rõ ràng với cô. Rằng họ không thể ở lại đây, rằng dù sao họ vẫn còn trên thế gian. Rằng cô phải trở lại Thác Bailey.

Với một số khó khăn, cô đưa anh qua ngòi vào ghế hành khách. Nếu điều đó không đánh thức anh, rõ ràng không có gì khác có thể. Cô mất một thời gian để tìm ra cách bật đèn pha, và sau đó cô bắt đầu di chuyển xe, vừa giục, vừa chậm, để trở ra

đường.

Cô không có một ý niệm nào về phương hướng, và không có một bóng người nào trên đường để hỏi. Cô chỉ tiếp tục lái xe đến bên kia của thị trấn, và nơi đó, thật nhờ phước lành, có một trong số các bảng hiệu chỉ con đường đến Thác Bailey. Chỉ có chín dặm.

Cô lái dọc theo đường cao tốc hai làn xe với một vận tốc không bao giờ vượt quá ba mươi dặm một giờ. Có rất ít lưu thông. Một hoặc hai lần một chiếc xe qua mặt cô, bấm còi, và một vài chiếc cô gặp cũng bấm còi. Trong một trường hợp có thể là vì cô đã chạy quá chậm, và một lần khác, bởi vì cô không biết làm thế nào để bớt đèn. Không sao. Cô không thể dừng để thu can đảm lại ở giữa đường. Cô chỉ có thể tiếp tục chạy, như anh đã nói. Tiếp tục chạy.

Lúc đầu, cô không nhận ra Thác Bailey, khi cô đến từ một lối không quen thuộc này. Khi cô đã tới, cô đâm ra sợ hãi hơn là khi cô chạy qua suốt chín dặm. Một là điều cô lái xe vào lãnh thổ không quen thuộc, hai là quẹo vào cửa quán trọ.

Anh đã thức dậy khi cô dừng lại ở bãi đậu xe. Anh không tỏ vẻ ngạc nhiên đến nơi này, hoặc những gì cô đã làm. Trong thực tế, anh nói với cô, tiếng còi xe đã đánh thức anh, cả dặm trước đó, nhưng anh giả vờ là vẫn còn đang ngủ, bởi vì điều quan trọng là không làm cho cô giật mình. Dù sao anh đã không lo lắng. Anh biết cô sẽ làm được.

Cô hỏi anh có đủ tỉnh táo để lái xe bây giờ không.

"Thật tỉnh táo. Sáng như một đồng đô la."

Anh nói cô cởi dép ra, và anh sờ vào chân và đè lên chỗ này chỗ kia trước khi nói, "Tốt. Không nóng. Không sưng. Cánh tay của cô đau không? Có thể không." Anh đưa cô đến cửa, và cảm ơn cô đã đi với anh. Cô vẫn còn ngạc nhiên đã về đến một cách an toàn. Cô khó cảm nhận đã đến lúc nói lời tạm biệt.

Một vấn đề thực tế đến ngày nay cô không biết nếu những chữ đó được nói ra hay không, hoặc nếu anh chỉ bắt lấy cô, hai cánh tay ôm quanh người cô, giữ cô thật chặt, với một áp lực liên tục,

thay đổi mà dường như cần nhiều hơn hai cánh tay để làm, rằng cô được anh bao bọc, cơ thể của anh mạnh mẽ và nhẹ nhàng, đòi hỏi và từ bỏ tất cả cùng một lúc, như thể anh nói với cô, cô đã sai lầm khi từ bỏ anh, tất cả đều có thể, nhưng sau đó một lần nữa rằng cô không sai lầm, anh chỉ muốn chiếm đoạt cô rồi bỏ đi.

Vào buổi sáng sớm, người quản lý gõ cửa ký túc xá, gọi Grace.

"Có ai gọi điện thoại," ông nói. "Cô đừng bận tâm, họ chỉ muốn biết nếu cô có ở đây. Tôi nói tôi sẽ đi xem. Bây giờ tốt rồi."

Có thể là Maury, cô nghĩ. Dù sao cũng là một trong những người đó. Nhưng có lẽ Maury. Bây giờ cô phải đối phó với Maury.

Khi cô đi xuống để phục vụ bữa ăn sáng - cô mang giày bằng vải bố - cô nghe nói về vụ tai nạn. Một chiếc xe đã lao vào trụ cầu giữa đường đến Hồ Little Sabot. Nó đã bị đâm ngay vào, đập nát hoàn toàn và bùng cháy. Không có xe hơi nào khác liên quan, và dường như không có hành khách. Người lái xe cần được xác định bởi hồ sơ nha khoa. Hoặc có thể giờ này họ đã làm rồi.

"Thật là khủng khiếp," người quản lý nói. "Tốt hơn là tự cắt cổ cho xong."

"Có thể đó là một tai nạn", người đầu bếp nói, với bản chất lạc quan. "Có thể người đó ngủ gục."

"Ừ. Chắc chắn."

Cánh tay của cô bây giờ bị đau như thể nó đã nhận một đòn ác độc. Cô không thể giữ cân bằng cái khay nhưng phải bung trước mặt, sử dụng cả hai tay.

Cô không phải đối phó với Maury mặt đối mặt. Anh viết một bức thư cho cô.

Cô chỉ cần nói anh ấy đã buộc cô làm điều đó. Cô chỉ cần nói cô không muốn đi.

Cô viết lại bốn chữ. Tôi đã muốn đi. Cô định viết thêm tôi xin lỗi, nhưng dừng lại.

Ông Travers đến quán trọ để gặp cô. Ông lịch sự và như một doanh nhân, nghiêm chỉnh, thoải mái, không khó chịu. Cô gặp ông bây giờ trong hoàn cảnh đưa đẩy ông đến. Một người đàn

ông có thể lãnh trách nhiệm, có thể thu xếp gọn gàng lại mọi thứ. Ông nói rất buồn, tất cả mọi người đều rất buồn, chỉ vì nghiện rượu là một điều khủng khiếp. Khi bà Travers khá hơn một chút ông sẽ đưa bà đi một chuyến, một kỳ nghỉ, một nơi nào đó ấm áp.

Sau đó, ông nói ông cần phải đi, nhiều việc để làm. Khi ông bắt tay chào tạm biệt cô, ông đưa một phong bì cho cô.

"Cả hai chúng tôi đều hy vọng cô sẽ tận dụng nó thật tốt," ông nói.

Tám ngàn phiếu ghi một ngàn đô la. Ngay lập tức cô nghĩ đến việc gửi lại hoặc xé rách nó ra, và đôi khi ngay cả bây giờ cô nghĩ đó sẽ là một điều to tát để làm. Nhưng cuối cùng, tất nhiên, cô không thể làm. Thời buổi đó, số tiền này đủ để đảm bảo cho cô một sự khởi đầu trong cuộc sống.

ĐẢO CORTES



Nguyên tác: Cortes Island

Ô dậu nhỏ. Tôi hai mươi tuổi, cao một thước sáu mươi bảy, nặng khoảng sáu mươi, sáu mươi lăm ký, nhưng vài người - vợ ông chủ của Chess, bà thư ký già trong văn phòng của anh, và bà Gorrie trên lầu, gọi tôi là cô dậu nhỏ. Đôi khi, cô dậu nhỏ của chúng tôi. Chess và tôi xem đó là lời nói đùa, nhưng phản ứng tự nhiên của anh là một cái nhìn vui thích và yêu mến. Còn tôi là một nụ cười hờn dỗi - bẽn lễn, chấp nhận.

Chúng tôi sống trong một tầng hầm ở Vancouver. Nhà không phải của gia đình Gorries, như tôi đã nghĩ lúc đầu, nhưng là của Ray, con trai bà Gorrie. Anh thỉnh thoảng đến sửa chữa những thứ xung quanh nhà. Anh đi vào bằng cửa tầng hầm, như Chess và tôi. Anh là một người đàn ông gầy, ngực hẹp, có lẽ ở tuổi ba mươi, luôn mang theo một thùng dụng cụ và đội chiếc mũ thợ. Dường như lưng anh bao giờ cũng cong, có thể vì thường cúi xuống, làm đường ống dẫn nước, hệ thống dây điện hoặc gỗ mộc. Khuôn mặt anh như sáp, và anh thường ho nhiều. Mỗi tiếng ho nói lên tánh độc lập kín đáo, xác định việc hiện diện của anh trong tầng hầm như một sự xâm nhập cần thiết. Anh không xin lỗi vì có mặt ở đó, nhưng anh không di chuyển như thể anh là chủ nhà. Những lần duy nhất tôi nói chuyện với anh là khi anh gõ cửa cho tôi biết nước hoặc điện sẽ bị tắt trong một thời gian ngắn. Tiền thuê nhà được trả bằng tiền mặt mỗi tháng cho bà Gorrie. Tôi không biết bà ấy có đưa lại cho anh hoặc giữ một phần để đỡ chi phí. Nếu không tất cả bà và ông Gorrie có - bà nói với tôi như vậy - là lương hưu của ông Gorrie. Không phải của bà. «Tôi chưa đủ già», bà nói.

Bà Gorrie luôn gọi xuống cầu thang để hỏi thăm Ray và xem anh có muốn một tách trà không. Anh luôn trả lời anh không sao

và không có thời gian. Bà nói anh làm việc quá cực, giống như bà. Bà cố gắng đưa cho anh một vài món tráng miệng bà đã làm dư ra, vài thứ mứt hoặc bánh hay bánh gừng - cũng là những thứ bà luôn đẩy cho tôi. Anh sẽ trả lời không, anh vừa ăn xong, hay có đầy đồ ăn ở nhà. Tôi cũng luôn từ chối, nhưng sau lần thứ bảy hay thứ tám tôi chịu thua. Thật xấu hổ để tiếp tục từ chối, trước vẻ mặt dịu dàng và thất vọng của bà. Tôi khâm phục cách Ray có thể tiếp tục trả lời không. Anh thậm chí không nói, "Không, thưa Mẹ." Mà chỉ «*Không*».

Sau đó, bà cố gắng tìm một vài chủ đề trò chuyện.

"VẬY, con có gì mới và hay không?"

Không có gì nhiều. Không biết. Ray không bao giờ thô lỗ hoặc khó chịu, nhưng anh không bao giờ cho bà biết thêm. Sức khỏe anh ổn. Cơ cảm lạnh cũng ổn. Bà Cornish và Irene cũng luôn ổn.

Anh sống trong ngôi nhà của bà Cornish, ở phía Đông Vancouver. Anh luôn có việc để làm xung quanh nhà bà Cornish cũng như nhà này - đó là lý do tại sao anh phải vội vàng đi ngay sau khi công việc đã được thực hiện. Anh còn phụ giúp chăm sóc Irene, con gái của bà, ngồi xe lăn. Irene bị bại não. "Thật tội nghiệp", bà Gorrie nói, sau khi Ray cho biết Irene vẫn ổn. Bà không bao giờ trách cứ trước mặt anh về thời gian anh dành cho cô gái bị bệnh, các cuộc đi chơi ở Công Viên Stanley hoặc những buổi tối đi mua kem. (Bà biết về những điều này bởi vì đôi khi bà nói chuyện điện thoại với bà Cornish.) Nhưng đối với tôi, bà nói, "Tôi không thể không nghĩ đến hình ảnh cô ấy để kem chảy xuống khuôn mặt. Tôi không thể. Người ta chắc cười và trở mắt nhìn họ".

Bà nói khi bà đưa ông Gorrie ra ngoài trong xe lăn, người ta nhìn họ (ông Gorrie bị đột quỵ), nhưng khác, bởi vì bên ngoài ông không cử động hoặc làm một âm thanh nào và bà luôn cẩn thận cho ông ăn mặc đàng hoàng. Trong khi Irene ngồi ưỡn người ra và cứ ngông kêu không ngừng. Cô thật tội nghiệp không thể làm sao khác.

Bà Cornish có thể có một ý nghĩ gì đó trong đầu, bà Gorrie nói. Ai sẽ là người chăm sóc cô gái bệnh tật đó khi bà ấy không còn nữa?

"Phải có một đạo luật không cho người khỏe mạnh có thể kết hôn với một người như thế, nhưng cho đến nay thì không có."

Khi bà Gorrie mời tôi lên uống cà phê tôi không bao giờ muốn đi. Tôi bận rộn với cuộc sống riêng trong tầng hầm. Đôi khi bà ấy đến gõ cửa, tôi giả vờ như không có ở nhà. Nhưng để làm vậy tôi cần phải tắt đèn và khóa cửa ngay khi tôi nghe bà mở cửa ở đầu cầu thang, và sau đó tôi phải hoàn toàn im lặng khi bà đến gõ nhẹ móng tay vào cửa và gọi nhỏ tên tôi. Ngoài ra tôi phải rất yên tĩnh ít nhất một giờ sau đó và không được xả nước nhà vệ sinh. Nếu tôi trả lời là không thể có thời gian, tôi có chuyện để làm, bà sẽ cười và hỏi "Chuyện gì?".

"Tôi đang viết thư," tôi trả lời.

"Luôn luôn viết thư," bà nói. "Cô chắc nhớ nhà."

Lông mày của bà màu hồng - một biến thể của màu đỏ hơi hồng từ mái tóc bà. Tôi không nghĩ tóc có thể tự nhiên, nhưng làm sao bà có thể nhuộm lông mày? Khuôn mặt bà ốm, ửng đỏ, linh động, răng to và sáng lấp lánh. Sự khao khát thân thiện, có bạn của bà không chấp nhận được sự từ khước nào. Sáng hôm đầu tiên Chess đưa tôi đến căn hộ, sau khi đón tại bến xe lửa, bà đã gõ cửa chúng tôi với một đĩa bánh và nụ cười chó sói này. Tôi vẫn còn đội chiếc mũ trên đầu, và Chess đã phải ngừng tay âu yếm tôi. Máy cái bánh đã khô cứng và được phủ lên một lớp đường đặt màu hồng tươi để mừng danh nghĩa cô dâu của tôi. Chess nói chuyện với bà cộc lốc. Anh phải trở lại làm việc trong vòng nửa giờ, và sau khi anh đã đuổi bà đi, anh không còn thời gian để tiếp tục những gì anh đã bắt đầu. Thay vào đó, anh ăn hết cái bánh này đến cái khác, phàn nàn rằng nó có vị như mặt cửa.

"Chồng cô thật là nghiêm", bà nói với tôi. "Tôi phải cười, anh luôn nhìn tôi với cái nét nghiêm trọng, thật nghiêm trọng này

khi tôi thấy anh đi đi về về. Tôi muốn nói với anh ta là hãy thu thả, anh chưa phải vác tất cả mọi vấn đề của thế giới lên vai."

Đôi khi tôi phải theo bà lên lầu, tách rời khỏi cuốn sách hoặc đoạn văn tôi đang viết. Chúng tôi ngồi tại bàn phòng ăn của bà. Có một miếng vải ren trải lên, và một cái gương bát giác phản ảnh một con thiên nga bằng gốm. Chúng tôi uống cà phê trong những cái tách bằng sứ tàu và ăn trong những đĩa nhỏ cùng bộ (cũng những cái bánh đó nữa, hoặc bánh nho khô dính lại, hay bánh nướng dầu) và dùng những khăn ăn thêu nhỏ xíu để chạm vào môi xóa đi những mảnh vụn. Tôi ngồi đối diện với tủ đựng đồ sứ tàu trong đó tất cả các ly tốt, và bộ kem đường, muối tiêu được cất vào - quá xinh xắn hoặc khéo tay để sử dụng hàng ngày, cũng như bình hoa, một ấm trà có hình dạng như một căn nhà tranh, và chân đế nện hình hoa loa kèn. Mỗi tháng một lần bà Gorrie lấy tất cả mọi thứ ra khỏi tủ đựng đồ sứ tàu và rửa sạch. Bà cho biết như vậy. Bà nói với tôi những điều liên quan đến tương lai tôi, căn nhà và ngày mai mà bà cho rằng tôi sẽ có, và bà càng nói tôi càng cảm thấy một trọng lượng sắt đè nặng lên chân tay, tôi càng muốn ngáp và ngáp vào giữa buổi sáng, bò ra chỗ khác và trốn đi ngủ. Nhưng tôi lại nói lớn trầm trồ tất cả mọi thứ. Các đồ sứ tàu trong tủ, các thói quen chăm sóc nhà cửa trong cuộc sống của bà Gorrie, các bộ trang phục bà mặc vào mỗi buổi sáng. Váy và áo len trong sắc thái màu hoa cà hoặc san hô, rất hợp với những chiếc khăn lụa nhân tạo.

"Điều đầu tiên là luôn ăn mặc chỉnh tề, giống như cô sắp sửa đi làm vậy, chải tóc, và trang điểm" - bà đã bắt gặp tôi hơn một lần trong chiếc áo choàng mặc ở nhà - "và sau đó cô vẫn luôn có thể mang một chiếc tạp dề vào nếu cô phải giặt đồ hoặc nấu nướng. Như vậy rất tốt cho tinh thần cô".

Và luôn có vài cái bánh nướng sẵn để khi có người nào có thể ghé qua (theo như tôi biết, bà không bao giờ có bất cứ người khách nào khác ngoài tôi, và khó có thể nói rằng tôi đến thành linh). Và không bao giờ mời cà phê trong ly to.

Cách bà trình bày không hẳn quá khô khan. Mà là "Tôi luôn..." hoặc "Tôi luôn thích" hoặc "Tôi nghĩ nó tốt đẹp hơn để...".

"Ngay cả lúc tôi sống xa trong vùng hoang dã, tôi luôn thích..." Nhu cầu để ngáp hay la hét của tôi lắng xuống một chút. Bà đã sống trong những vùng hoang dã ở đâu? Và khi nào?

"Ồ, bờ biển xa phía trên", bà trả lời. "Tôi cũng là một cô dâu, ngày xưa. Tôi đã sống ở đó nhiều năm. Vịnh Union. Nhưng nơi đó không quá hoang dã. Đảo Cortes."

Tôi hỏi nơi đó ở đâu, và bà nói: "Ồ, một nơi xa trên đó."

"Đó hẳn phải thú vị lắm", tôi nói.

"Ồ, thú vị", bà lặp lại. "Nếu cô gọi những con gấu là thú vị. Hoặc những con báo là thú vị. Tôi lại muốn có một chút ít nền văn minh cho riêng tôi."

Những cánh cửa kéo bằng gỗ sồi ngăn phòng ăn với phòng khách. Chúng luôn được hé mở để bà Gorrie, ngồi ở cuối bàn, có thể trông chừng ông Gorrie, đang ngồi trong chiếc ghế tựa trước cửa sổ phòng khách. Bà nói về ông như người "chồng trong xe lăn," nhưng trên thực tế ông chỉ ngồi xe lăn khi bà đưa ông đi ra ngoài. Họ không có máy truyền hình - nó vẫn gần như còn là một thứ mới lạ ở thời điểm đó. Ông Gorrie ngồi nhìn đường phố, Công Viên Kitsilano bên kia đường và cửa tiệm Burrard Inlet xa hơn. Ông tự đi vào phòng tắm, với một cây gậy trong tay và tay kia nắm chặt lưng ghế hoặc vịn vào tường. Một khi vào trong ông tự lo được, mặc dù phải mất một thời gian dài. Và bà Gorrie cho biết đôi khi cần lau dọn một chút sau đó.

Thường tôi chỉ có thể nhìn thấy một ống quần của ông Gorrie ló dài ra trên chiếc ghế tựa màu xanh lá cây sáng rực. Một hoặc hai lần khi tôi ở đó ông buộc phải lê lét đi lảo đảo đến phòng vệ sinh. Một người đàn ông to lớn - đầu to, vai rộng, xương nặng.

Tôi không nhìn khuôn mặt của ông. Người bị tê liệt bởi đột quy hay bệnh đối với tôi là những điềm báo xấu, ấn tượng ghê sợ. Nó không phải cái nhìn chân tay vô dụng hoặc các dấu hiệu thể chất khác của số phận ác nghiệt mà tôi phải né tránh - nhưng là

đôi mắt con người của họ.

Tôi cũng không tin rằng ông nhìn tôi, mặc dù bà Gorrie gọi cho ông biết tôi lên thăm. Ông phát ra một tiếng gầm gừ mà ông chỉ có thể làm được khá nhất để biểu hiện một lời chào, hoặc đuổi đi.

Căn hộ của chúng tôi CÓ hai phòng ngủ. Nó được trang bị lúc thuê, và những nơi như vậy chỉ có một nửa đồ đạc, với những thứ nếu không dùng đến sẽ vứt đi thôi. Tôi nhớ sàn phòng khách được lót những ô vuông và hình chữ nhật còn sót lại bằng vải sơn cứng - tất cả màu sắc và hình thể khác nhau gắn khít như cái chặn diên rồ với những dải kim loại. Và bếp hơi thì phải bỏ hai mươi lăm xu để sử dụng. Giường của chúng tôi nằm trong một hốc tường bên ngoài bếp - nó quá vừa vặn đến độ phải trèo lên giường từ phía dưới. Chess đã đọc biết rằng đây là cách các cô gái hậu cung phải lên giường của vua, đầu tiên sùng bái đôi chân của ông, sau đó bò lên tỏ lòng tôn kính các bộ phận khác. Vì vậy, đôi khi chúng tôi hay chơi trò này.

Một bức màn được luôn kéo kín ở chân giường, để phân chia hốc tường với nhà bếp. Nó thực sự là tấm trải giường cũ, một miếng vải trơn có tua màu be ngả vàng một bên, với mô hình đầy hoa hồng và lá xanh, và bên mặt trải giường là những đường sọc màu rượu vang đỏ và xanh lá cây với hoa lá tựa như bóng ma trên nền màu be. Tôi nhớ rõ bức màn này hơn bất cứ cái gì khác trong căn hộ. Và không có gì để ngạc nhiên. Trong tình vợ chồng nồng thắm, và sau khi đạt đến cao độ của nó, tấm vải đó hiện ra trước mắt tôi và gọi cho tôi nhớ lại những điều tôi thích khi lấy chồng - phần thưởng mà tôi chịu đựng bị xúc phạm không lường trước được với danh hiệu cô dâu nhỏ và mối đe dọa đặc biệt của tử đưng đồ sứ tàu.

Chess và tôi đều xuất thân từ những gia đình xem quan hệ tình dục khi chưa lập gia đình là kinh tởm và không thể tha thứ, và sau khi kết hôn nó dường như không bao giờ được đề cập đến và sớm cho vào quên lãng. Chúng tôi ở đúng thời kỳ mà lối suy

nghĩ này đã kết thúc, mặc dù chúng tôi không biết. Khi mẹ của Chess tìm thấy bao cao su trong túi xách của anh, bà đã khóc với cha anh. (Chess nói rằng anh đã nhận được ở trại đào tạo quân sự trường đại học - thật vậy - và anh đã quên hẳn luôn, đó là một lời nói dối.) Vì vậy, có một nơi và một cái giường của riêng chúng tôi, nơi vợ chồng có thể tiếp tục những gì mình thích dường như là tuyệt vời. Chúng tôi đã thực hiện được điều mặc cả này, nhưng không bao giờ nghĩ rằng những người lớn tuổi hơn - cha mẹ, các cô và chú bác - cũng có thể làm được, cho sự ham muốn. Dường như sự bận tâm chính của họ là về nhà cửa, bất động sản, máy cắt cỏ, tủ đông lạnh và bức tường chắn. Và, tất nhiên, đối với phụ nữ, là có con cái. Tất cả những điều đó chúng tôi nghĩ có thể hoặc không lựa chọn, trong tương lai. Chứ không bao giờ nghĩ nó sẽ đến mà không thể thay đổi được, như tuổi tác hay thời tiết.

Và bây giờ khi tôi nghĩ lại một cách trung thực, nó không xảy ra. Không có gì đến mà chúng tôi không có sự chọn lựa. Kể cả không mang thai. Chúng tôi làm liều, chỉ để xem nếu mình đã thực sự trưởng thành chưa, nếu thực sự nó có thể xảy ra không.

Một điều khác tôi làm phía sau bức màn là đọc sách. Tôi đọc những cuốn sách mượn được từ Thư Viện Kitsilano cách đây vài khu phố. Và khi cuốn sách có thể khuấy lên một trạng thái ngạc nhiên nào đó, tôi sẽ nhìn lên và thấy những lần sọc hoa mắt thật chóng mặt. Và không chỉ các nhân vật, câu chuyện, nhưng bối cảnh của cuốn sách trở thành gắn liền với những sợi dây dài bông hoa không tự nhiên màu rượu vang sẫm hoặc xanh lá cây ảm đạm. Tôi đọc những cuốn sách dày có tựa đề quen thuộc và thần bí - tôi thậm chí cố gắng đọc Lễ Đính Hôn - và xen ở giữa các tiểu thuyết của Aldous Huxley và Henry Green, và Đến Ngọn Hải Đăng, Cuối Cùng của Cheri và Cái Chết của Trái Tim. Tôi ngấu nghiến hết cuốn này qua cuốn khác mà không cần thiết lập bất kỳ sự lựa chọn nào, lần lượt lao đầu vào từng cuốn giống như thời thơ ấu. Tôi vẫn còn trong giai đoạn háo hức thêm đọc đó, tham lam, gần như khốn khổ.

Từ nhỏ tôi đã có một rắc rối - dường như tôi phải là một nhà văn vừa là một đọc giả. Tôi mua một cuốn tập học trò và thử viết - đã viết, những trang bắt đầu thật hách và sau đó trở thành khô khan, vì vậy mà tôi phải xé chúng ra và xoắn lại như một hình phạt gắt gao và vút vào thùng rác. Tôi làm như vậy nhiều lần cho đến khi tôi chỉ còn mảnh bìa cuốn tập. Sau đó, tôi mua một cuốn khác và bắt đầu toàn bộ quá trình một lần nữa. Cùng chu kỳ - phấn khởi và tuyệt vọng, phấn khởi và tuyệt vọng. Nó giống như một trạng thái mang thai bí mật và sẩy thai mỗi tuần.

Cũng không hoàn toàn bí mật. Chess biết tôi đọc rất nhiều và tôi đang cố gắng để viết. Anh không ngăn cản gì cả. Anh nghĩ đó là một việc hợp lý mà tôi có lẽ hoàn toàn có thể học để làm. Nó sẽ đòi hỏi tập luyện khó khăn nhưng có thể chế ngự được, như chơi cờ hay quần vợt. Tôi không cảm ơn anh vì lòng tin rộng lượng này. Nó chỉ làm các thảm họa của tôi thêm khôi hài.

Chess làm việc cho một công ty buôn bán thực phẩm. Anh đã nghĩ đến trở thành một thầy dạy lịch sử, nhưng cha anh đã thuyết phục rằng nghề giảng dạy không có cách nào lo cho vợ được và anh nên bước ra đời. Ông đã giúp anh có được công việc này nhưng nói rằng một khi được thu nhận vào làm anh không nên mong đợi bất kỳ ưu đãi nào. Anh nghe theo. Anh ra khỏi nhà trước khi trời sáng, trong mùa đông đầu tiên của hôn nhân chúng tôi, và trở về nhà sau khi trời tối. Anh làm việc chăm chỉ, không thắc mắc công việc anh làm có phù hợp với bất cứ lợi ích nào mà anh có thể có hoặc có bất cứ mục đích nào mà anh có thể một lần nào đó mong thực hiện. Không có mục đích nào ngoại trừ đưa cả hai chúng tôi đến với cuộc sống của máy cắt cỏ và tủ đông đá mà chúng tôi tin là không bao giờ bận tâm tới. Tôi có thể ngạc nhiên trước sự khuất phục của anh, nếu tôi nghĩ đến. Một sự khuất phục vui vẻ, bạn có thể nói hào hiệp, của anh.

Nhưng về sau, tôi nghĩ, đó là những gì người đàn ông làm.

Tôi đi ra ngoài tìm việc làm cho mình. Nếu trời không mưa to quá tôi đến tiệm thuốc mua một tờ báo đọc quảng cáo trong khi

uống một tách cà phê. Sau đó, tôi bắt đầu đi bộ, ngay cả trong cơn mưa phùn, đến những nơi đang cần một cô hầu bàn hay nhân viên bán hàng hoặc một công nhân nhà máy - bất kỳ công việc nào không đòi hỏi cụ thể đánh máy hoặc kinh nghiệm. Nếu mưa thật nhiều tôi sẽ dùng xe buýt. Chess nói tôi nên luôn đi bằng xe buýt và không đi bộ để tiết kiệm tiền. Anh nói trong khi tôi đang tiết kiệm, vài cô gái khác có thể nhận được việc rồi.

Thực ra đó là điều mà tôi dường như hy vọng. Tôi chưa bao giờ hoàn toàn hối tiếc để nghe. Đôi khi tôi sẽ đi đến nơi và đứng trên vỉa hè, nhìn vào Tiệm Áo Phụ Nữ, với những tấm gương và thảm màu nhạt, hoặc xem các cô gái vội vã xuống cầu thang vào giờ nghỉ trưa từ văn phòng đang cần một nhân viên sắp xếp hồ sơ. Tôi thậm chí không vào bên trong, biết rằng thế nào tóc, móng tay và đôi giày cũ sẽ không thể hiện tốt cho tôi. Và tôi cũng cảm thấy đủ nản lòng bởi các xưởng máy - tôi có thể nghe tiếng ồn máy móc hoạt động trong các tòa nhà nước ngọt được vô chai hoặc đồ trang trí Giáng Sinh được kết lại, và tôi có thể nhìn thấy mấy cái bóng đèn treo trên trần tựa như trong nhà kho. Móng tay và đôi giày phẳng gót có thể không quan trọng ở nơi đó, nhưng sự vụng về và ngu dốt về cơ khí sẽ làm cho họ chửi, la vào mặt tôi (tôi cũng có thể nghe được những mệnh lệnh hét lớn át cả tiếng ồn của máy móc). Tôi sẽ bị sỉ nhục và sa thải. Tôi cũng không nghĩ rằng bản thân mình có khả năng thậm chí để học cách sử dụng một máy tính tiền. Tôi đã nói như vậy với người quản lý một nhà hàng, khi ông thực sự dường như nghĩ đến việc thu nhận tôi. "Cô có nghĩ rằng cô có thể học hỏi được không?", ông hỏi, và tôi nói không. Ông nhìn như thể ông chưa bao giờ nghe bất cứ ai thừa nhận một điều như vậy trước đây. Nhưng tôi đã nói sự thật. Tôi không nghĩ tôi có thể học hỏi được, khi phải vội vàng và ở nơi công cộng. Tôi sẽ chết cứng. Điều duy nhất mà tôi có thể dễ dàng thu nhận được giống như những khúc mắt của Cuộc Chiến Ba Mươi Năm.

Tất nhiên, thật sự là tôi không phải lo. Chess giúp đỡ tôi, trên

mức độ rất cơ bản. Tôi không phải tự ép buộc mình đi ra ngoài vì anh đã đi. Người đàn ông cần phải đi làm.

Tôi nghĩ có lẽ tôi có thể quản lý công việc trong thư viện, vì vậy tôi đến đó để hỏi, mặc dù họ không có đăng cần người. Một phụ nữ ghi tên tôi vào danh sách. Cô lịch sự nhưng không có khách lễ. Sau đó, tôi đi đến các nhà sách, chọn những nơi trông như họ không có một máy tính tiền. Tiệm càng trống và ngổn ngang càng tốt. Người chủ thường bận hút thuốc hoặc ngủ gà ngủ gật ở bàn làm việc, và trong các cửa tiệm bán sách cũ thường có mùi mèo.

"Mùa đông chúng tôi không bận rộn lắm", họ nói. Một người phụ nữ nói tôi có thể trở lại vào mùa xuân. "Mặc dù chúng tôi thường cũng không bận lắm lúc đó."

Mùa đông ở Vancouver không giống như bất kỳ mùa đông nào tôi đã từng biết đến. Không có tuyết, thậm chí không có cái gì có thể gọi là một cơn gió lạnh. Ở giữa ban ngày, trong phố, tôi có thể ngửi cái gì đó giống như đường cháy - tôi nghĩ đó phải là dây xe điện. Tôi đi dọc theo Đường Hastings, nơi mà không có một người phụ nữ nào khác sẽ đi bộ - chỉ có những ông già nghèo người Tàu lang thang, say rượu, lê lét từng bước. Không ai nói một lời xấu nào với tôi. Tôi đi ngang qua kho hàng, những khu cỏ dại mà ngay cả bóng dáng một người đàn ông cũng không thấy. Hoặc xuyên qua Kitsilano, với những ngôi nhà cao bằng gỗ đầy người sống chật chội, như chúng tôi, đến khu phố gọn gàng Dunbar, với các ngôi nhà gỗ vữa và cây đốn đi. Và qua Kerrisdale, những hàng cây sang trọng xuất hiện, cây phong trên sân cỏ. Những cây đà Tudor, đối xứng kiểu Georgia, giống như Bạch Tuyết với mái tranh giả. Hoặc có thể mái nhà lợp bằng lá thật, làm sao tôi biết được?

Ở tất cả những nơi có người sinh sống, đèn được bật sáng khoảng bốn giờ chiều, và sau đó đèn đường sáng lên, đèn trong xe buýt điện thấp sáng, và những đám mây ở phía tây cũng thường sẽ tách rời nhau trên biển để lộ những vệt màu đỏ của

mặt trời lặn - và khi tôi đi vòng trong công viên để về nhà, những chiếc lá từ bụi cây mùa đông lấp lánh trong không khí ẩm ướt của một hoàng hôn mờ nhạt màu hồng. Người ta đi mua sắm đang trở về nhà, người đi làm đang sửa soạn về nhà, người ở trong nhà cả ngày đi bộ ra ngoài một chút để giúp trở về một mái nhà hấp dẫn hơn. Tôi gặp những người phụ nữ đẩy xe con và phàn nàn con trẻ và không bao giờ nghĩ rằng tôi cũng sớm muộn gì sẽ giống họ. Tôi gặp những người già dắt chó đi bộ, và những người khác, di chuyển chậm chạp hoặc ngồi xe lăn, được người bạn hay người trông nôm họ đẩy. Tôi gặp bà Gorrie đẩy ông Gorrie. Bà mặc một áo choàng và mũ len mềm màu tím (bây giờ tôi biết bà may hầu hết quần áo của bà) và rất nhiều phấn hồng trên mặt. Ông Gorrie đội một chiếc mũ thấp và một khăn dày quấn quanh cổ. Bà chào tôi nghe chói tai và chủ nhân, ông thì không có phản ứng. Ông không có vẻ thích đi. Nhưng người ngồi xe lăn hiếm khi biểu lộ bất cứ điều gì ngoài sự cam chịu. Vài người có vẻ bị sỉ nhục hoặc hết sức khó chịu.

"Này, khi chúng tôi gặp cô ở công viên ngày hôm ấy," bà Gorrie hỏi, "cô không phải đi tìm việc làm về, phải không?"

"Không" tôi nói dối. Bản năng của tôi là nói dối với bà ta về bất cứ điều gì.

"Ồ, tốt. Bởi vì tôi chỉ muốn nói, cô biết, là nếu cô có đi ra ngoài tìm việc cô thực sự cần chăm sóc cô lại một chút. Vâng, chắc cô biết điều đó."

«Vâng» tôi trả lời.

"Tôi không thể hiểu được cách một số phụ nữ đi ra ngoài ngày nay. Tôi chưa bao giờ đi ra ngoài trong đôi giày bằng phẳng và không trang điểm, ngay cả khi tôi chỉ cần đến tiệm tạp hóa. Chứ đừng nói là nếu tôi sẽ đi gặp ai đó để xin việc."

Bà biết tôi đang nói dối. Bà biết tôi đứng lặng yên bên kia cửa tầng hầm, không trả lời tiếng bà gõ. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu bà bươi rác của chúng tôi, phát hiện và đọc những trang giấy lộn xộn, nhàu nát mà tôi đã viết ra những thảm họa đông dài của tôi.

Tại sao bà ấy không tha tôi? Bà không thể. Tôi là một công việc đặt ra cho bà - có lẽ tánh đặc thù, thiếu khả năng của tôi, nằm trong một lớp với những tai biến của ông Gorrie, và cái gì không thể sửa đổi được đành phải cam chịu.

Một hôm bà đi xuống cầu thang khi tôi đang trong tầng hầm giặt đồ. Tôi được phép sử dụng máy quay, ép, giặt và bồn giặt mỗi thứ ba.

"Vậy, cô có hy vọng nào tìm được việc chưa?" bà hỏi, và ở thời điểm kích thích này tôi trả lời rằng thư viện có lẽ có việc cho tôi trong tương lai. Tôi nghĩ có thể tôi giả vờ đi làm ở đó - tôi có thể đi và ngồi ở đó mỗi ngày tại một trong những bàn dài, đọc sách hoặc thậm chí cố gắng để viết văn, như tôi đã làm thỉnh thoảng trong quá khứ. Tất nhiên, sẽ lòi đuôi mèo ra nếu bà Gorrie đến thư viện, nhưng bà sẽ không thể đẩy ông Gorrie đi lên đồi, xa như vậy. Hoặc nếu bà ấy có đề cập đến việc làm của tôi với Chess - nhưng tôi cũng không nghĩ sẽ xảy ra. Bà cho biết đôi khi bà ngại chào anh ấy, vì anh có cái nhìn thật khó chịu.

"Vậy, có lẽ trong khi chờ đợi...", bà nói. "Tôi nghĩ có lẽ trong khi chờ đợi cô có muốn một việc làm nhỏ ngồi với ông Gorrie buổi chiều không?"

Bà nói bà nhận được việc làm phụ bán trong cửa hàng quà tặng tại Bệnh Viện St Paul ba hoặc bốn buổi chiều một tuần. "Đó không phải là một công việc có lương nếu không tôi đã gửi cô đến đó", bà nói. "Nó chỉ là việc làm tình nguyện. Nhưng bác sĩ nói nó sẽ tốt để tôi ra khỏi nhà. "Bà sẽ bị đuổi sức," ông ta nói. Không phải là tôi cần tiền, Ray rất tốt với chúng tôi, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là một công việc tình nguyện nhỏ thôi -" Bà nhìn vào bồn giặt và thấy áo sơ mi của Chess trong nước sạch với áo ngủ bông hoa của tôi và những tấm ra giường màu xanh nhạt.

"Ồ, cô ơi," bà nói. "Cô không giặt đồ trắng và đồ màu chung chứ?"

"Chỉ là màu nhạt thôi," tôi trả lời. "Nó không lan ra."

"Màu nhạt vẫn là màu", bà nói. "Cô có thể nghĩ áo sơ mi màu

trắng như vậy, nhưng chúng sẽ không còn trắng như trước nữa."

Tôi trả lời lần sau tôi sẽ nhớ.

"Đó chỉ là cách cô chăm sóc chồng cô thôi," bà nói, với một nụ cười chường tai gai mắt.

"Chess không bận tâm," tôi nói, không nhận ra điều này sẽ trở nên càng lúc càng xa sự thật trong những năm tới và tất cả những việc dường như ngẫu nhiên, dễ dàng, và phụ thuộc, sẽ trở thành điểm tâm trong cuộc sống thực của tôi.

Tôi nhận việc, ngồi với ông Gorrie buổi chiều. Trên một bàn nhỏ bên cạnh chiếc ghế tựa màu xanh lá cây có trải một khăn tay - để thấm nước đổ ra - và trên đó là những chai thuốc, thuốc nước và một đồng hồ nhỏ để ông biết giờ. Bàn phía bên kia chồng đầy sách đọc. Tờ báo buổi sáng, tờ báo buổi tối hôm qua, các số tạp chí Life, Look và Maclean, tất cả đều là những tạp chí mỏng to lớn thời đó. Trên kệ dưới bàn là một đồng hồ lưu niệm - loại trẻ em sử dụng ở trường, giấy màu nâu, bìa cạnh cứng. Vài mẫu giấy báo và hình ảnh ló ra. Đó là những cuốn sổ lưu niệm ông Gorrie đã cất giữ trong những năm qua, cho đến khi ông bị đột quỵ và không thể nào cắt những mẫu báo được nữa. Trong phòng có một kệ sách, nhưng nó chỉ đựng thêm nhiều tạp chí và sổ lưu niệm khác và một nửa kệ đựng sách giáo khoa trung học, có thể là của Ray.

"Tôi luôn đọc báo cho ông ấy," bà Gorrie nói. "Ông không mất khả năng đó, nhưng ông không thể cầm tờ báo với hai tay, và đôi mắt ông mệt mỏi hơn."

Như vậy, tôi đọc cho ông Gorrie nghe trong khi bà Gorrie, dưới chiếc dù hoa, bước nhẹ ra cửa đi tới bến xe buýt. Tôi đọc trang thể thao và những tin tức địa phương, tin tức thế giới và tất cả các vụ án mạng, cướp của cũng như thời tiết xấu. Tôi đọc các thư gửi đến ban biên tập, các thư gửi đến bác sĩ cho lời khuyên y tế và các thư gửi đến Ann Landers cùng những trả lời của bà. Có vẻ như tin tức thể thao và Ann Landers làm cho ông chú ý nhiều nhất. Đôi khi tôi phát âm sai tên một cầu thủ hoặc nhầm lẫn các

thuật ngữ, do đó những gì tôi đọc không có nghĩa gì hết, và ông sẽ lảm bảm không hài lòng để cho tôi biết và đọc lại. Khi tôi đọc trang thể thao ông luôn gằn như căng thẳng và cau mày. Nhưng khi tôi đọc Ann Landers khuôn mặt của ông thoải mái và ông phát ra tiếng mà tôi hiểu là cảm kích - giống như riu rít và thở sâu. Ông phát những tiếng này chỉ khi các lá thư đề cập đến một vài quan tâm đặc biệt hoặc tầm thường của phụ nữ (một người viết rằng bà chị dâu luôn giả vờ tự nướng được một chiếc bánh, mặc dù giấy từ tiệm bánh vẫn còn nằm ở bên dưới khi nó được đem ra mời) hoặc khi họ đề cập - một cách cẩn thận thời đó - đến quan hệ tình dục.

Trong khi đọc trang xã luận hoặc vài bài dài nói huyền thuyên về những gì người Nga nói và những gì người Mỹ nói tại Liên Hiệp Quốc, mí mắt của ông sẽ sụp xuống - hoặc, đúng hơn, mí bên mắt tốt sẽ rũ xuống gần như hoàn toàn và mí bên kia, xấu hơn, sẽ rũ xuống một chút - và các chuyển động ngực sẽ thấy rõ hơn, vì vậy tôi có thể dừng lại một chút để xem nếu ông đã ngủ. Và lúc đó ông sẽ phát ra một thứ tiếng khác - cộc lốc và quở trách. Như tôi đã quen với ông, và ông đã quen với tôi, tiếng này bắt đầu có vẻ ít như khiển trách mà trấn an nhiều hơn. Và sự trấn an không chỉ để cho biết ông không ngủ nhưng là thực tế vào thời điểm đó ông không có hấp hối.

Lúc đầu tôi đã xem chuyện ông chết trước mắt tôi như một điều khủng khiếp. Tại sao ông không phải chết, khi ông dường như đã chết phân nửa rồi? Con mắt hồng của ông như một hòn đá dưới nước đục, và một bên miệng giứt mở, cho thấy mấy cái răng xấu, nguyên thủy (đa số người già đều có răng giả) với chất hàn sậm tối sáng ngời qua lớp men ảm ướm. Việc ông còn sống và trên thế giới dường như đối với tôi là một sai lầm có thể bị xóa bỏ bất cứ lúc nào. Nhưng sau đó, như tôi đã nói, tôi quen với ông. Ông chiếm một tọa độ lớn, với cái đầu to cao cả, lồng ngực rộng và bàn tay phải bất lực nằm trên đùi quần dài, lọt vào mắt tôi khi đọc sách. Như một di tích, ông là một cựu chiến binh thời chưa

khai hóa. Eric Blood-Axe. Vua Knut.

«*Sức mạnh của tôi suy yếu nhanh chóng*», ông vua biển nói với thuộc hạ của ông.

«*Tôi sẽ không bao giờ đi biển, giống như một kẻ chiến thắng nữa.*»

Đó là hình ảnh của ông. Phân nửa cơ thể to lớn nặng nề phá hỏng đồ nội thất và đập vào bức tường mỗi khi ông từ từ tiến dần vào phòng tắm. Mùi người, không phân loại được nhưng cũng không hẳn là xà phòng và phấn bột sạch sẽ của trẻ con - một mùi thuốc lá bám vào quần áo dày (mặc dù ông không hút thuốc nữa) và lớp da ủ kín tôi nghĩ dày như da thú, với chất bài tiết và hơi nóng động vật nực nồng. Một mùi nước tiểu thoáng nhưng nặng, trên thực tế, sẽ làm cho tôi ghê tởm nếu từ một người phụ nữ nhưng mà dường như trong trường hợp ông, không những được tha thứ mà là biểu hiện một cách nào đó của đặc quyền thời xưa. Khi tôi đi vào phòng tắm sau khi ông vừa ở đó ra, nó giống như ổ hang của một con thú ghê, vẫn còn mạnh mẽ.

Chess nói tôi đang lãng phí thời gian ngồi trông ông Gorrie. Bây giờ thời tiết sáng sủa, và ban ngày dài hơn. Các cửa hàng thay đổi trưng bày mới, bừng dậy khỏi giấc ngủ mê của mùa đông. Mọi người đều sẵn sàng hơn để nghĩ đến việc thuê người. Vì vậy, tôi cần phải đi ra ngoài bây giờ, nghiêm túc tìm kiếm một việc làm. Bà Gorrie chỉ trả tôi bốn mươi xu một giờ.

"Nhưng em đã hứa với bà", tôi nói.

Anh cho biết một hôm đã thấy bà ấy xuống xe buýt. Anh nhìn thấy bà từ cửa sổ văn phòng. Và nó không gần Bệnh Viện St. Paul gì hết.

Tôi nói, "Có thể bà đang trong giờ nghỉ".

Chess trả lời: "Anh chưa bao giờ thấy bà ta đi ra ngoài ban ngày trước đây. Chúa ơi!".

Tôi đề nghị đưa ông Gorrie đi dạo trong chiếc xe lăn, bây giờ thời tiết đã tốt hơn. Nhưng ông bác bỏ ý kiến với vài tiếng phát biểu cho tôi hiểu chắc chắn có điều gì đó khó chịu đối với ông khi bị đẩy ngồi trong xe lăn ra chỗ công cộng - hoặc có thể bị đẩy bởi

một người như tôi, rõ ràng là được thuê để làm công việc.

Tôi đã gián đoạn đọc báo để hỏi ông điều này, và khi tôi định tiếp tục ông làm một cử chỉ và tiếng ồn khác, cho tôi biết ông không muốn nghe nữa. Tôi đặt tờ báo xuống. Bàn tay khỏe của ông vẫy về phía đồng hồ lưu niệm trên kệ dưới bàn bên cạnh. Ông phát ra nhiều tiếng nữa. Tôi chỉ có thể diễn tả những tiếng như gầm gừ, khịt mũi, tăng hắng, sủa, lầm bầm. Nhưng đến bây giờ đối với tôi nghe gần giống như chữ. Phát âm tựa như chữ. Tôi nghe không những chỉ những lời bắt buộc và yêu cầu ("Không muốn", "Giúp tôi ngồi lên", "Cho tôi xem giờ", "Tôi cần uống") mà những tuyên bố khó khăn hơn: "Chúa ơi, tại sao con chó đó không im đi?" hoặc "Nhiều căng thẳng" (điều này sau khi tôi đọc một số bài phát biểu hoặc của ban biên tập trong báo).

Bây giờ điều tôi nghe là "Hãy xem trong đó có cái gì hay hơn trong báo không".

Tôi lôi chồng sổ lưu niệm ra khỏi kệ và bày trên sàn dưới chân ông. Trên bìa được viết, bằng bút chì đen lớn, ngày của những năm gần đây. Tôi lướt qua năm 1952 và thấy bài báo nói về đám tang của Vua George VI. Phía trên có hàng chữ bút chì. "Albert Frederick George. Sinh năm 1885. Chết năm 1952." Hình ảnh của ba nữ hoàng mang khăn tang che mặt.

Trang kế tiếp là một câu chuyện về đường Cao Tốc Alaska.

"Đây là một hồ sơ thú vị," tôi nói. "Ông có muốn tôi giúp ông bắt đầu một cuốn khác không? Ông có thể chọn những gì ông muốn tôi cắt ra và dán vào, và tôi sẽ làm."

Ông phát ra tiếng có nghĩa "Quá nhiều rắc rối" hay "Tại sao bận tâm bây giờ?" hoặc thậm chí "Thật là một ý tưởng ngu ngốc". Ông gạt qua một bên Vua George VI, muốn xem ngày trên những cuốn sách khác. Ông không tìm được điều ông muốn. Ông ra dấu về phía kệ sách. Tôi mang ra một chồng sổ lưu niệm nữa. Tôi hiểu đó là cuốn sách cho một năm đặc biệt mà ông đang tìm, và tôi đưa mỗi cuốn sách lên để ông có thể nhìn thấy trang bìa. Đôi khi tôi lật mở các trang mặc dù ông từ chối. Tôi thấy một bài viết

về các con báo trên Đảo Vancouver và một bài về cái chết của một nghệ sĩ nhào lộn và một bài khác về một đứa trẻ sống sót dù bị mắc kẹt trong một trận tuyết lở. Trở lại trong những năm ba mươi chiến tranh, trong năm tôi được sinh ra, gần một thập kỷ trước đó ông mới hài lòng. Và ra lệnh. Nhìn cuốn này. 1923.

Tôi bắt đầu lật từ đầu.

"Tuyết rơi trong tháng giêng chôn vùi những ngôi làng tại -"
Không phải nó. Nhanh lên. Tiếp tục đi.

Tôi bắt đầu lật nhanh hơn.

Chậm lại. Từ từ. Chậm lại.

Tôi lật từng trang một không dừng lại để đọc cái gì hết cho đến trang ông muốn. Đây rồi. Đọc đi.

Không có hình ảnh hoặc tựa đề. Hàng chữ bằng bút chì viết: "Vancouver Sun, 17 tháng 4 năm 1923." "Đảo Cortes", tôi đọc. "Được rồi?" Đọc đi. Tiếp tục.

Đảo Cortes. Vào buổi sáng sớm chủ nhật hay khuya tối thứ bảy, một hỏa hoạn đã hoàn toàn phá hủy căn nhà của Anson James Wild ở phía nam hòn đảo. Ngôi nhà ở một khoảng cách rất xa với bất kỳ nhà hoặc cư trú nào khác và vì vậy không một ai trên đảo đã phát hiện những ngọn lửa. Có báo cáo cho biết sáng sớm chủ nhật, một tàu đánh cá đi về hướng Desolation Sound đã thấy ngọn lửa nhưng người đi trên tàu nghĩ ai đó đang đốt cháy những bụi cỏ khô. Biết rằng ngọn lửa không nguy hiểm vì khu rừng lúc đó ẩm ướt nên họ tiếp tục con đường của họ.

Ông Wild là chủ Khu Vườn Trái Cây Wildfruit và là một cư dân sống trên đảo khoảng mười lăm năm. Ông là một người cô độc và trước đó đã ở trong quân đội nhưng ông tỏ ra thân thiện với những người ông gặp. Ông đã có vợ một thời gian và có một con trai. Hình như ông được sinh ra ở vùng các Tỉnh Miền Đại Tây Dương.

Ngôi nhà hoàn toàn đã bị phá hủy bởi ngọn lửa và cột nhà rơi sập xuống. Xác của ông Wild được tìm thấy giữa đống tro tàn gần như không còn nhận diện được.

Một lon thiếc cháy đen cho là đã đựng dầu lửa được phát hiện trong đồng đồ nát.

Vợ ông Wild không có ở nhà vào thời điểm đó, vì thứ tư trước bà đã chấp nhận đi theo một chiếc thuyền đến chỗ một trọng tải táo từ vườn trái cây của chồng bà đến Comox. Bà có ý định trở lại cùng ngày nhưng đã ở lại ba ngày và bốn đêm vì động cơ chiếc thuyền có vấn đề. Sáng chủ nhật bà quay trở lại với người bạn cho quá giang và họ đã khám phá thảm kịch.

Nỗi lo sợ được hướng về cậu con trai của gia đình Wilds không có trong nhà khi lửa cháy. Một cuộc tìm kiếm bắt đầu ngay sau đó và trước khi trời tối vào chiều chủ nhật đứa trẻ được tìm thấy trong rừng cách căn nhà khoảng một dặm. Nó bị ướt và lạnh ở trong bụi cây hằng giờ nhưng không hề hấn gì. Hình như nó có mang theo một số thực phẩm khi rời khỏi nhà vì trên người có vài miếng bánh mì vụn.

Một cuộc điều tra sẽ tiến hành tại Courtenay để tìm nguyên nhân của đám cháy đã phá hủy căn nhà của gia đình Wilds và dẫn đến cái chết của ông Wild.

"Ông có biết những người này không?" Tôi hỏi.

Lật trang.

Ngày 4 tháng tám 1923. Một cuộc điều tra được tiến hành tại Courtenay trên Đảo Vancouver về cơn hỏa hoạn gây ra cái chết của Anson James Wild tại Đảo Cortes, trong tháng tư năm nay, cho thấy sự nghi ngờ đốt phá bởi người đàn ông chết hoặc một hoặc nhiều người vô danh không thể được chứng minh. Sự hiện diện của một lon thiếc dầu lửa không tại hiện trường hỏa hoạn đã không được chấp nhận như bằng chứng đầy đủ. Ông Wild thường xuyên mua và sử dụng dầu lửa, theo lời ông Percy Kemper, thủ kho của Manson's Landing, Đảo Cortes. Đứa con trai bảy tuổi của ông không thể cung cấp bằng chứng nào về đám cháy. Nó được tìm thấy bởi một nhóm nhiều giờ sau đó, lang thang trong rừng không xa nhà lắm. Để trả lời câu hỏi, cậu bé nói rằng cha cậu đã cho miếng bánh mì và táo và nói cậu đi đến

Mansons Landing nhưng cậu đi lạc. Nhưng vài tuần sau đó, cậu bé nói không nhớ điều này và không biết làm sao để có thể đi lạc, con đường mà cậu đã đi nhiều lần trước đây. Bác sĩ Anthony Helwell ở Victoria phát biểu ông đã khám nghiệm cậu bé và tin rằng cậu có thể đã bỏ chạy khi vừa trông thấy ngọn lửa, có thể có thời gian để quơ lấy một số thực phẩm mang theo, mà bây giờ cậu hoàn toàn không nhớ gì hết. Lần lượt, ông nói câu chuyện của cậu bé có thể đúng và hồi ức bị xoá bỏ sau đó. Ông nói hỏi thêm đứa trẻ sẽ không ích lợi bởi vì cậu ta có lẽ không thể phân biệt giữa thực tế và tưởng tượng của cậu trong vấn đề. Bà Wild không có mặt ở nhà vào thời điểm hỏa hoạn vì bà đã đi đến Đảo Vancouver trên chiếc thuyền của James Thompson Gorrie ở Union Bay. Cái chết của ông Wild đã được phán xét là một tai nạn xảy ra bất ngờ, nguyên nhân của nó là một ngọn lửa không rõ nguồn gốc.

Đóng cuốn sách lại bây giờ.

Cất nó đi. Cất tất cả đi.

Không. Không. Không phải như vậy. Cất chúng theo thứ tự. Từng năm. Như vậy tốt hơn. Như chúng đã được cất đi.

Bà ấy về đến chưa? Nhìn ra cửa sổ.

Tốt. Nhưng bà sắp sửa về đến.

Vậy, cô nghĩ gì về chuyện đó?

Tôi không cần biết. Tôi không cần biết cô nghĩ gì.

Cô có bao giờ nghĩ rằng cuộc sống con người có thể như thế và kết thúc như thế này không? Đúng, có thể.

Tôi không có nói với Chess về chuyện này, mặc dù tôi thường nói với anh bất cứ điều gì tôi nghĩ sẽ làm anh thích hoặc vui về sinh hoạt trong ngày của tôi. Bây giờ anh có một cách để bác bỏ bất cứ đề cập nào đến ông bà Gorries. Anh dành một chữ cho họ. Đó là "lố bịch".

Trong công viên tất cả những cây nhỏ có vẻ thảm thương đã trở hoa. Bông hoa màu hồng tươi sáng, tựa như bắp rang nhuộm màu nhân tạo.

Và tôi bắt đầu làm một công việc thực sự.

Thư viện Kitsilano gọi điện thoại và yêu cầu tôi đến làm một vài giờ vào buổi chiều thứ bảy. Tôi được ngồi ở phía bên kia bàn làm việc, đóng dấu ngày đến hạn trong những cuốn sách của khách. Tôi quen mặt một số người này, cùng là đến mượn sách. Và bây giờ tôi mỉm cười với họ, thay mặt cho thư viện. Tôi nói, "Hẹn gặp lại trong hai tuần".

Vài người cười và trả lời: "Ồ, sớm hơn nhiều," cũng là người nghiện sách như chính tôi.

Thật ra đó là một công việc tôi có thể phụ trách. Không có máy tính tiền - khi tiền phạt được trả tôi có thể lấy tiền thối lại trong một ngăn kéo. Và tôi đã biết hầu hết những cuốn sách ở đâu trên kệ. Khi cần sắp xếp thẻ vào, tôi biết bảng chữ cái.

Tôi được cho làm nhiều giờ hơn. Không bao lâu sau đó, một công việc toàn thời gian tạm thời. Một trong những nhân viên thường trực bị sẩy thai. Cô nghỉ hai tháng và đến cuối thời gian đó cô lại mang thai và bác sĩ khuyên cô không trở lại làm việc. Vì vậy, tôi gia nhập nhóm nhân viên thường xuyên và giữ công việc này cho đến khi tôi vào nửa thời kỳ mang thai đầu tiên của tôi. Tôi làm việc với những phụ nữ tôi đã biết mặt từ lâu. Mavis và Shirley, bà Carlson và bà Yost. Tất cả mọi người đều nhớ thời gian tôi thường đến và đi lang thang xung quanh - như họ nói - hằng giờ trong thư viện. Tôi ước gì họ không để ý đến tôi nhiều như vậy. Tôi ước gì mình không đến đây thường như vậy.

Một niềm vui thật đơn giản, đến chỗ ngồi của tôi, đối diện với khách từ phía sau bàn làm việc, có khả năng, nhanh nhẹn và thân thiện với những người tiếp xúc với tôi. Được nhìn thấy như một người biết công việc, có một chức năng rõ ràng trên thế giới. Bỏ tánh ỉn trốn, lang thang, mơ ước và trở thành cô gái trong thư viện.

Tất nhiên, bây giờ tôi có ít thời gian hơn để đọc, và đôi khi tôi sẽ cầm một cuốn sách trong giây lát, lúc làm việc tại bàn - tôi sẽ cầm một cuốn sách như một vật thể, không như một chiếc tàu

mà tôi phải làm ráo nước ngay lập tức - và tôi sẽ có một thoáng sợ hãi, như trong giấc mơ khi cảm thấy mình đến làm nơi hoặc quên giờ thi và hiểu rằng đây chỉ là đỉnh của vài thảm họa mờ ảo hoặc sai lầm cả đời người.

Nhưng sự sợ hãi này sẽ biến mất trong một phút.

Những phụ nữ làm việc chung với tôi nhắc lại những lần họ đã nhìn thấy tôi đang viết trong thư viện.

Tôi nói tôi viết thư. "Cô viết thư trong tập giấy nháp?" "Đúng vậy", tôi trả lời. "Nó rẻ hơn."

Cuốn tập cuối cùng đã trở lạnh, giấu trong ngăn kéo đựng ngỗng ngang vớ và đồ lót của tôi. Nó đã lạnh, nhìn thấy nó làm tôi cảm thấy đầy hoài nghi và hổ thẹn. Tôi định vứt bỏ nó nhưng không làm.

Bà Gorrie đã không chúc mừng tôi khi nhận được việc này.

"Cô không có nói với tôi là cô vẫn đang tìm kiếm việc", bà nói. Tôi trả lời tôi đã để tên lại ở thư viện trước đây đã lâu và tôi đã nói với bà.

"Đó là trước khi cô bắt đầu làm việc cho tôi", bà nói. "Vậy, bây giờ phải làm gì với ông Gorrie?" "Tôi xin lỗi", tôi trả lời.

"Không có tốt cho ông chút nào, đúng không?"

Bà nhú lông mày màu hồng và cất giọng cao để nói chuyện với tôi. Tôi đã nghe bà ấy nói chuyện trong điện thoại, với người bán thịt hoặc người bán tạp hóa khi họ làm sai hóa đơn của bà.

"Và tôi phải làm gì?", bà nói. "Cô đã đặt tôi trong một tình trạng khó xử, phải không? Tôi hy vọng cô giữ lời hứa với những người khác khá hơn một chút so với tôi."

Tất nhiên, chuyện này vô lý. Tôi đã không hứa hẹn gì với bà là tôi sẽ làm bao lâu. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy bất an có lỗi, nếu không tội lỗi. Tôi đã không hứa hẹn gì, nhưng còn những lần khi tôi đã không trả lời tiếng gõ của bà, khi tôi đã cố gắng lén vào và ra khỏi nhà mà không để bị chú ý, hạ thấp đầu xuống khi tôi đi qua dưới cửa sổ nhà bếp? Còn cách tôi đã luôn có một cố nhẹ nhưng ngọt ngào tình bạn khi trả lời những lời mời - chắc chắn -

có thật của bà?

"Thực sự nó chỉ tốt thôi", bà nói. "Tôi cũng không muốn một người không đáng tin cậy trông chừng ông Gorrie. Tôi không hoàn toàn hài lòng với cách cô chăm sóc ông ấy, dù sao, tôi có thể nói với cô điều đó."

Không bao lâu bà tìm được một người khác để ngồi trông ông - một phụ nữ nhỏ như người nhện với mái tóc đen, bọc lưới. Tôi chưa bao giờ nghe bà ta nói chuyện. Nhưng tôi nghe bà Gorrie nói chuyện với bà ấy. Cánh cửa ở đầu cầu thang để mở vì vậy tôi biết.

"Cô ấy không bao giờ rửa tách trà của ông. Phân nửa thời gian cô cũng thậm chí không bao giờ làm trà cho ông. Tôi không biết cô ấy tốt ở cái gì. Ngồi và đọc báo."

Ngày nay khi tôi rời khỏi nhà, cửa sổ nhà bếp để mở tung và giọng nói của bà vang lên trên đầu tôi, mặc dù bà có vẻ đang nói chuyện với ông Gorrie.

"Cô đi đó. Trên đường đi. Thậm chí cô cũng sẽ không bận tâm vẫy tay mình bây giờ nữa. Chúng ta đã cho cô một việc làm lúc không ai khác nhận cô, nhưng cô sẽ không bận tâm.Ồ, không."

Tôi không vẫy tay. Tôi phải đi ngang cửa sổ phía trước, nơi ông Gorrie đang ngồi, nhưng tôi có ý nghĩ nếu tôi vẫy tay bây giờ, ngay cả khi tôi nhìn ông, ông sẽ bị mất mặt. Hoặc tức giận. Bất cứ tôi làm điều gì có vẻ giống như chế nhạo.

Trước khi tôi đi được nửa đường tôi đã quên cả hai. Buổi sáng rục rỡ, và tôi di chuyển với một cảm giác thư thả và có mục đích. Trong những lần như vậy, quá khứ ngay lập tức của tôi có vẻ thoáng hồ thẹn. Hằng giờ sau bức màn của hốc tường, hằng giờ tại bàn ăn nhà bếp viết hết trang này đến trang kia một cách thất bại, hằng giờ trong căn phòng quá nóng với ông già. Tắm tắm và ghé bọc nệm cũ xì, mùi quần áo và cơ thể của ông và những cuốn tập sưu tầm dán tài liệu keo đã khô, bao nhiêu giấy báo tôi phải bước qua. Câu chuyện rùng rợn mà ông đã lưu lại và bảo tôi đọc. (Tôi không bao giờ hiểu trong một giây phút rằng đó là loại

sách bi kịch của con người mà tôi ưa chuộng.) Nhớ lại tất cả những điều đó như nhớ lại một thời kỳ lúc nhỏ tôi bị bệnh được quấn chặt trong những tấm nỉ ấm cúng với mùi dầu gió, kẹt trong sự mệt mỏi và cơn sốt, không hoàn toàn nhìn thấy các cành cây qua cửa sổ trên lầu. Tôi không hối tiếc quá nhiều những lúc như vậy vì chúng sẽ bị loại bỏ một cách tự nhiên. Và nó dường như là một phần của chính tôi lúc ốm yếu? - giờ đây sẽ bị loại bỏ. Bạn sẽ nghĩ hôn nhân sẽ làm chuyển đổi này, nhưng không, trong một thời gian. Tôi đã ngủ qua mùa đông và nghiền ngẫm con người tôi - tựa như con lừa, thiếu nữ tính, bí mật một cách phi lý. Bây giờ tôi chọn đứng dậy và thừa nhận sự may mắn của tôi chuyển thành một người vợ và một nhân viên. Đủ đẹp và có khả năng khi gặp rắc rối. Không lạ. Tôi có thể vượt qua.

Bà Gorrie mang lên một áo gối. Đưa hàm răng ra trong một nụ cười vô vọng, thù địch, bà hỏi có phải của tôi không. Tôi trả lời không do dự là không phải. Hai áo gối mà tôi có được mặc vào hai chiếc gối trên giường chúng tôi.

Bà nói bằng một giọng khó chịu, "Vây, chắc chắn không phải là của tôi".

Tôi trả lời, "Làm thế nào bà biết được?".

Từ từ, một cách nghiêm túc, nụ cười của bà mang vẻ tự tin hơn. "Đây không phải là loại vải tôi từng để trên giường của ông Gorrie. Hoặc của tôi." Tại sao không?

"Bởi vì nó-không-đủ-tốt."

Nên tôi phải đi vào lấy áo gối ra khỏi gối trên giường trong hốc tường và mang chúng ra cho bà ấy, và chúng tỏ không phải là một cặp, mặc dù tôi đã thấy như vậy. Một được thực hiện bằng thứ vải "tốt" - của bà - và một trong tay bà là của tôi.

"Tôi sẽ không tin rằng cô đã không nhận thấy," bà nói, "nếu là người khác chứ không phải cô".

Chess đã nghe nói về một căn hộ khác. Một căn hộ thực sự, không phải là một "phòng lớn" - nó có một phòng tắm đầy đủ và hai phòng ngủ. Một người bạn nơi làm việc của anh đang dọn đi,

bởi vì hai vợ chồng đã mua một ngôi nhà. Nó ở trong một tòa nhà cao góc First Avenue và Macdonald Street. Tôi vẫn có thể đi bộ đến nơi làm việc, và anh có thể lấy cùng xe buýt anh đi bây giờ. Với hai tiền lương, chúng tôi có đủ khả năng.

Người bạn và vợ đã để lại một số đồ nội thất, mà họ sẽ bán với giá rẻ. Nó sẽ không phù hợp với ngôi nhà mới của họ, nhưng đối với chúng tôi nó có vẻ lộng lẫy. Chúng tôi đi quanh phòng tầng thứ ba thật sáng sủa, trầm trồ các bức tường sơn kem, sàn gỗ sồi, tủ bếp rộng rãi, và sàn phòng tắm lát gạch. Thậm chí có cả một ban công nhỏ nhìn ra ngoài lá cây Công Viên MacDonald. Chúng tôi đã yêu nhau một cách mới, yêu với trạng thái mới của chúng tôi, sự xuất hiện của chúng tôi vào cuộc sống trưởng thành từ tầng hầm chỉ là một trạm dừng rất tạm thời. Nó sẽ được đề cập trong câu chuyện chúng tôi như một lời đùa, một thử nghiệm chịu đựng, trong nhiều năm tới. Từng diễn tiến của chúng tôi - thuê nhà, ngôi nhà đầu tiên chúng tôi sở hữu, ngôi nhà thứ hai chúng tôi sẽ có, ngôi nhà đầu tiên trong một thành phố khác - sẽ tạo ra cảm giác phấn khích này của sự tiến bộ và thắt chặt kết nối của chúng tôi. Cho đến ngôi nhà vĩ đại nhất cuối cùng và cho đến nay, mà tôi bước vào với những cảm giác về thiên tai và linh cảm thật mờ nhạt về trốn thoát.

Chúng tôi thông báo cho Ray, mà không nói với bà Gorrie. Làm bà tăng lên một cấp độ thù địch mới. Thực tế, bà hơi điên rồ.

"Ồ, cô ấy nghĩ cô quá thông minh. Thậm chí cô còn không thể giữ hai phòng sạch. Khi cô quét sàn cô ta chỉ quét bụi vào một góc.

Khi tôi mua cây chổi đầu tiên, tôi đã quên mua một máng rác, và thời gian đó tôi đã làm như vậy. Nhưng cô chỉ có thể biết nếu cô lẻn vào phòng chúng tôi với chìa khóa của cô khi tôi ra ngoài. Điều đó trở nên rõ ràng là cô đã làm.

Cô ấy là một kẻ lén lút, bạn biết. Tôi biết lần đầu tiên tôi thấy cô thật là một kẻ lén lút. Và nói dối. Đầu cô không ổn. Cô ngồi xuống đó và nói đang viết thư và cô cứ viết đi viết lại cùng một

thứ - không phải là thư, đó chỉ là điều tương tự lập đi lập lại. Đầu cô ấy không ổn."

Bây giờ tôi biết rằng bà đã mở xem các trang vò nát trong sọt rác của tôi. Tôi thường cố gắng bắt đầu cùng câu chuyện với cùng những chữ. Như bà nói, cứ viết đi viết lại nữa.

Thời tiết đã trở nên khá ấm áp, và tôi đi làm không có áo khoác, mặc một chiếc áo len ấm nhét vào váy, và một sợi dây nịt thắt thật chặt.

Bà mở cửa trước và hét sau lưng tôi.

"Đàn bà hư. Nhìn người đàn bà hư, cách cô ta hờn ngược và lắc lư mông. Cô tưởng cô là Marilyn Monroe hả?"

Và "Chúng tôi không cần cô trong nhà chúng tôi. Cô dọn ra khỏi đây càng sớm càng tốt".

Bà gọi điện thoại cho Ray và nói với anh tôi định ăn cắp ra trải giường của bà. Bà phàn nàn rằng tôi đã kể chuyện về bà ngoài đường phố. Bà đã để cửa mở chắc chắn cho tôi có thể nghe, và bà hét vào điện thoại, nhưng điều này hầu như không cần thiết, bởi vì chúng tôi cùng trên một đường dây và có thể nghe được bất cứ lúc nào. Tôi không bao giờ làm vậy - bản năng tôi là bịt tai lại - nhưng vào một buổi tối khi Chess ở nhà anh nhắc điện thoại lên và trả lời.

"Anh đừng để ý đến bà ấy, Ray, bà chỉ là một người đàn bà già điên. Tôi biết bà là mẹ của anh, nhưng tôi phải nói với anh là bà ấy điên."

Tôi hỏi anh là Ray đã nói những gì, anh ta có giận hay không. Anh ấy chỉ nói, "Chắc chắn, không sao."

Bà Gorrie đã gác điện thoại lại và la lớn thẳng xuống cầu thang, "Tôi sẽ nói cho các người biết ai điên. Tôi sẽ nói ai là kẻ nói dối điên khùng rêu rao những lời dối trá về tôi và chồng tôi-".

Chess trả lời, "Chúng tôi không nghe bà. Bà để yên vợ tôi." Sau đó, anh hỏi tôi, "Bà ta ngụ ý gì về bà và chồng bà?"

Tôi trả lời, "Em không biết".

"Bà ấy chỉ kiếm chuyện với em thôi", anh nói. "Bởi vì em còn

trẻ và đẹp và bà ấy là một mục già."

"Quên đi," và anh nói một lời nửa đùa để tôi vui lên.

"Phụ nữ lớn tuổi họ làm sao vậy?"

Chúng tôi chuyển đến căn hộ mới bằng taxi chỉ mang theo vali.

Chúng tôi đứng chờ trên vỉa hè đưa lưng vào nhà. Tôi mong đợi một vài tiếng la hét cuối cùng lúc đó, nhưng không có một âm thanh nào hết.

"Nếu bà ta có một khẩu súng và bắn vào lưng em?" Tôi hỏi.

"Đừng nói chuyện như bà ấy", Chess nói.

"Em muốn vẫy tay ông Gorrie nếu ông ở đó."

"Không nên."

Tôi không có một cái nhìn cuối cùng về căn nhà, và tôi không bao giờ trở lại đi bộ xuống con đường đó, khu Arbutus Street đối diện với công viên và biển. Tôi không có một ý tưởng rõ ràng về bên ngoài của nó, mặc dù tôi nhớ một vài điều – tấm màn ở hốc tường, tủ đựng đồ sứ tàu, chiếc ghế tựa màu xanh của ông Gorrie - rất rõ.

Chúng tôi quen biết những cặp vợ chồng trẻ khác cũng đã bắt đầu như chúng tôi, sống trong những nơi rẻ tiền trong nhà người khác. Chúng tôi nghe nói về chuột, gián, nhà vệ sinh kinh hồn, bà chủ nhà điên khùng. Và chúng ta sẽ nói về bà chủ nhà điên của chúng tôi. Hoang tưởng.

Ngoài ra, tôi không nghĩ đến bà Gorrie.

Nhưng, ông Gorrie xuất hiện trong giấc mơ của tôi. Trong đó, tôi dường như quen biết ông trước khi ông biết bà ấy. Nhanh nhẹn và mạnh mẽ, nhưng ông không còn trẻ, và ông không có vẻ khỏe hơn so với lúc tôi đọc sách cho ông trong phòng phía trước. Có lẽ ông có thể nói chuyện, nhưng ở mức độ các tiếng ồn mà tôi đã học để hiểu ra - nó đột ngột và bắt buộc, một chú thích cần thiết nhưng có lẽ khinh thị với hành động. Và hành động bùng nổ, vì đây là những giấc mơ khiêu dâm. Suốt thời gian tôi là một người vợ trẻ, và sau đó, không chậm trễ, một người mẹ trẻ - bạn

rộn, trung thành, thường xuyên hài lòng - tôi cứ có những giấc mơ thỉnh thoảng như vậy, trong đó sự tấn công, phản ứng, khả năng xảy ra, vượt ra ngoài cuộc sống thực. Và hoàn toàn không có tình cảm lãng mạn. Kể cả sự đúng đắn. Giường của chúng tôi - ông Gorrie và tôi - là bãi biển sỏi đá hoặc boong tàu thô cứng hoặc cuộn dây roi trừng phạt nhòn mủ. Có một sự thích thú mà bạn có thể gọi là xấu xa. Mùi hăng, con mắt thạch, hàm răng chó của ông. Tôi tỉnh dậy ra khỏi những giấc mơ ngoại giáo rã rời thậm chí vì ngạc nhiên, hay xấu hổ, và ngủ thiếp đi một lần nữa và thức dậy buổi sáng với một trí nhớ mà tôi thường phủ nhận. Trong thật nhiều năm và chắc chắn lâu sau khi ông đã chết, ông Gorrie hoạt động trong cuộc sống về đêm của tôi như vậy. Cho đến khi tôi dùng ông, tôi cho như vậy, như chúng ta dùng người chết. Nhưng nó không bao giờ có vẻ như vậy - rằng tôi là người chủ động, là tôi đã mang ông đến đó. Cả hai cách dường như đều xảy ra tốt, như thể ông cũng đã mang tôi đến đó, và đó là kinh nghiệm của ông cũng như là của tôi.

Và chiếc thuyền, boong tàu và sỏi đá trên bờ biển, những hàng cây chỉ lên trời hoặc cúi xuống, nghiêng ra trên mặt nước, nét phức tạp của những hòn đảo xung quanh và những ngọn núi mờ ảo nhưng khác nhau, dường như hiện hữu trong một hỗn độn tự nhiên, ngẫu nhiên hơn nhưng bình thường hơn bất cứ điều gì tôi có thể mơ đến hoặc chế tạo ra. Tựa như một nơi vẫn tiếp tục hiện hữu cho dù bạn có đó hay không, và trong thực tế nó vẫn còn đó.

Nhưng tôi không bao giờ nhìn thấy những xà ngang cháy nám của ngôi nhà rơi xuống xác người chồng. Chuyện đó đã xảy ra quá lâu trước đây và khu rừng đã lớn lên bao bọc tất cả lại.

TẠI NẠN



Nguyên tác: Accident

*F*rances đang lai vãng bên một cửa sổ ở tầng hai của trường trung học Hanratty, vào một buổi trưa đầu tháng mười hai. Đó là năm 1943. Trang phục của Frances đúng một thời bấy giờ: một chiếc váy sọc đen có tua, khăn choàng hình tam giác cùng loại vải, phủ qua vai với hai đầu cho vào thắt lưng; một cái áo xa ten màu kem - xa ten thú thật, một chất liệu không tồn tại được bao lâu nữa - với nhiều nút ngọc trai nhỏ chạy dài xuống phía trước và lên tay áo. Cô không bao giờ mặc áo váy như vậy khi cô đến dạy âm nhạc tại trường trung học; bất cứ chiếc áo len và váy cũ nào là được rồi. Sự thay đổi này không phải là không được chú ý.

Cô không có việc gì ở lầu hai. Nhóm của cô đang hân hoan ca hát ở tầng dưới. Cô đang làm việc chăm chỉ với họ, tập dượt để họ sẵn sàng cho buổi hòa nhạc Giáng Sinh. "Ông Sẽ Chăn Nuôi Đàn Thú (He Shall Feed His Flock)" là một bài khó khăn cho họ. Sau đó, "Bài Thánh Ca Huron (The Huron Carol)" (một phụ huynh khiếu nại cho biết ông hiểu bài này được một linh mục viết ra), "Tim của Cây Sồi (Hearts of Oak)" vì phải có một bài gì yêu nước, để thể hiện thời buổi bấy giờ, và "Bài Hát Sa Mạc (The Desert Song)" mà chính họ lựa chọn. Bây giờ họ đang hát "Phố Thánh (The Holy City)". Bài này được nhiều người thích, đặc biệt là với những cô gái tươi sáng ngực to và đoàn phụ nữ hợp xướng. Những cô gái trung học có thể làm cho Frances đôi lúc bực mình. Khi thì họ muốn đóng cửa sổ, khi thì họ muốn mở ra. Họ cảm thấy những luồng gió, họ ngất đi vì nóng. Họ dịu dàng với cơ thể của họ, hướng vào một trạng thái tự yêu ảm đạm, lắng nghe những kích động của con tim, tâm sự những nỗi đau nhói. Khi họ bắt đầu bước vào giai đoạn làm người phụ nữ. Sau đó, những gì sẽ xảy ra với họ? Những vấn đề lớn ở phía trước và phía sau,

tầm quan trọng nhạt nhẽo, mập mờ, nghiện thuốc, bướng bỉnh. Mùi của áo nịt ngực, tiết lộ kinh tởm. Họ mang một vẻ hiển tế trong đoàn hợp xướng. Tất cả chỉ là một loại tình dục ảm đạm. Anh đi với tôi và anh nói chuyện với tôi và anh nói tôi là của riêng anh.

Cô đã để nhóm của cô ở lại một mình, giả vờ cô cần lên phòng vệ sinh của giáo sư. Tất cả những gì cô làm ở đó là bật đèn lên và nhìn một cách nhẹ nhàng khuôn mặt thân nhiên, không bị sưng, một khuôn mặt dài sáng sủa, với cái mũi khá to, đôi mắt nâu trong sáng và mái tóc ngắn đờ đen, rậm, thật quăn. Frances thích ngoại hình của mình, cô thường cảm thấy vui bởi khuôn mặt khi nhìn trong gương. Hầu hết phụ nữ, ít nhất là trong sách, dường như có một vấn đề về ngoại hình của họ, nghĩ mình ít đẹp hơn là trong thực tế. Frances phải thừa nhận có thể cô có một vấn đề ngược lại. Không phải là cô nghĩ mình xinh đẹp; chỉ là khuôn mặt của cô có vẻ đem lại may mắn cho cô, và khuyến khích. Cô đôi khi nhớ một cô gái ở nhạc viện, Natalie gì đó, cô chơi vĩ cầm. Frances rất ngạc nhiên khi biết người ta có lúc nhầm lẫn cô với Natalie này, người xanh xao, mái tóc quăn, gương mặt xương; cô thậm chí còn ngạc nhiên hơn khi biết, qua mạng lưới bạn bè và tâm sự, rằng điều này làm phiền nhiều Natalie cũng như cô. Và khi cô hủy bỏ đính hôn với Paul, một sinh viên khác ở nhạc viện, anh nói với cô bằng một giọng khắc nghiệt, thực tế không có một sự lễ độ hoặc tình cảm nào mà trước kia anh đã cảm thấy bắt buộc phải sử dụng đối với cô, "Tốt, cô có thực sự nghĩ rằng cô có thể khá hơn nhiều không? Cô biết cô không phải là người đẹp nhất."

Cô tắt đèn và thay vì trở lại với nhóm ca đoàn vui vẻ cô đi lên lầu. Những buổi sáng mùa đông nhà trường ảm đạm; sương ẩm lên chưa đủ, tất cả mọi người ngáp và run rẩy, những đứa trẻ vùng quê rời khỏi nhà trước khi trời sáng dụi khóe mắt cho tỉnh ngủ. Nhưng khoảng thời gian này trong ngày, giữa trưa, Frances cảm thấy một niềm an ủi với nơi chốn, một cơn buồn ngủ dễ chịu

hơn, với những tấm ván tối dưới chân ngâm trong ánh sáng, và những phòng đựng áo choàng im lặng treo đầy áo khoác len đã khô và khăn quàng cổ và giày ống và giày trượt băng và gậy khúc côn cầu. Qua cây chắn ngang để mở, vài hướng dẫn trật tự; mệnh lệnh bằng tiếng Pháp; những sự kiện tin tưởng. Và cùng với tất cả trật tự và phục tùng này có một áp lực quen thuộc, mong mỗi hoặc linh cảm, một khối u kỳ lạ của một cái gì đó mà bạn có thể cảm thấy đôi khi trong âm nhạc hay một phong cảnh, gần như không đè nén, hứa hẹn sẽ bùng nổ và tiết lộ, nhưng nó không xảy ra, nó hòa tan và biến mất.

Frances đang trực tiếp đối diện với cửa phòng khoa học. Cây ngang cũng được mở, và cô có thể nghe những âm thanh phong nhã, giọng nói thấp, dụng cụ chuyển dịch. Chắc anh đang cho họ làm một thí nghiệm. Một cách vô lý, đáng hổ thẹn, cô cảm thấy những giọt mồ hôi trong lòng bàn tay, tiếng đập mạnh trong ngực, như trước khi cô qua một cuộc thi hay buổi biểu diễn dương cầm. Về khủng hoảng này, khả năng phải chiến thắng hoặc thảm họa mà cô có thể gây ra, cho bản thân và những người khác, bây giờ có vẻ giả tạo, đại dột, nhân tạo. Nhưng còn chuyện này, cuộc tình của cô với Ted Makkavala? Cô vẫn chưa đi và cô không thể thấy thật là đại dột cho bất cứ ai đứng nhìn như vậy. Không sao. Nếu đại dột có nghĩa là rủi ro và thiếu thận trọng, cô không quan tâm. Có lẽ tất cả những gì cô từng ước muốn là có một cơ hội để nắm lấy. Nhưng đôi khi cô có ý nghĩ về tình yêu có thể là, không phải giả tạo, nhưng một cách nào đó được đặt ra và cố ý, một cơ hội đưa đến, cũng như những màn trình diễn ngớ ngẩn đó: một sáng kiến không có gì là chắc chắn. Đó là một ý tưởng cô không nên lấy cơ hội; cô không nghĩ đến nó nữa.

Giọng nói của một nữ sinh, bối rối và phàn nàn (một điều về nữ sinh trung học - họ rên rỉ khi họ không hiểu; nam sinh thì gầm gừ khinh thường dễ chịu hơn). Ted trả lời giọng trầm, giải thích. Frances không thể nghe những gì anh nói. Cô nghĩ anh đang khò khò xuống chăm chú, thực hiện một số động tác bình

thường chẳng hạn như hạ thấp ngọn lửa của một lò đốt Bunsen. Cô thích nghĩ về anh như siêng năng, kiên nhẫn, khép kín. Nhưng cô biết, nghe qua người khác, là hành vi lớp học của anh khác với những gì anh làm cho cô hoặc bất cứ ai tin. Anh có thói quen nói một cách khinh miệt về công việc hay học sinh của anh. Nếu hỏi anh áp dụng loại kỷ luật nào, anh sẽ nói, Ồ, không có gì, có thể một cái bạt tay, có thể một cú đá thật nhanh sau mông. Sự thật là, anh gây được sự chú ý của học sinh bằng đủ loại thủ thuật và lời nịnh ngọt; anh sử dụng các vật phụ thuộc như mũ lừa bằng giấy và còi sinh nhật; anh tiếp tục một cách rất phóng đại trên sự ngu dốt của họ, và có một lần anh đốt cháy những bài kiểm tra của họ từng cái một trong bồn rửa tay. Cả một cá tánh, Frances đã nghe học sinh nói về anh. Cô không thích nghe họ nói như vậy. Cô chắc chắn họ cũng nói thế về cô, bản thân cô không sử dụng những chiến thuật quá ngông cuồng, chảy máu cả ngón tay mà giựt mái tóc rậm, rên rỉ không-không-không-không khi họ hát sai. Nhưng cô mong thà anh không phải làm những điều đó. Đôi khi cô tránh né không đề cập đến anh, không nghe những gì người ta có thể nói. Anh ấy rất thân thiện, họ nói, và cô nghĩ cô nghe một số lúng túng, một số khinh miệt; tại sao anh lại chịu khó như vậy? Cô cũng tự hỏi; cô biết anh nghĩ gì về thị trấn này và những người dân ở đây. Hoặc những gì anh nói anh nghĩ.

Cửa mở ra, làm cho Frances bị một cú sốc. Cô không muốn Ted thấy cô ở đây, đang lắng nghe, rình rập. Nhưng không phải Ted, cảm ơn Chúa, đó là bà thư ký của trường, một người phụ nữ tròn trịa, nghiêm túc, người đã giữ chức vụ thư ký ở đây tự bao giờ, từ lúc Frances còn là một học sinh, và trước đó. Bà tận tâm cho trường học, và lớp học Kinh Thánh bà dạy tại Nhà Thờ United Church.

"Chào cô; đang lấy một chút không khí à?"

Cửa sổ Frances đang đứng bên cạnh dĩ nhiên là không có mở, thậm chí các vết nứt xung quanh còn được dán lại. Nhưng Frances làm một bộ mặt đồng ý hài hước, nói: "Chơi trốn," để xác

nhận cô ra khỏi lớp học của mình, và bà đi xuống cầu thang một cách thản nhiên, giọng nói của bà vọng lại.

"Ban hợp ca vui vẻ của cô hôm nay hát thật hay đó. Tôi luôn luôn thích nhạc Giáng Sinh."

Frances trở lại lớp học của cô và ngồi trên bàn làm việc, mỉm cười với các khuôn mặt đang ca hát. Họ đã hát qua bài "Phố Thánh" và tự họ tiếp tục hát bài "Thánh Ca Westminster." Họ trông ngỡ ngàng thật, nhưng họ đâu có thể làm sao hơn? Ca hát là ngỡ ngàng hoàn toàn. Cô không bao giờ nghĩ họ sẽ nhận thấy nụ cười của cô và đề cập đến sau đó, chắc chắn là cô đã đi ra để gặp Ted trong hành lang. Khi Frances tưởng tượng cuộc tình của cô là một bí mật, cô cho thấy, rõ ràng nhất, là cô thiếu bản năng của thành phố nhỏ, một sự tin tưởng và liêu lĩnh mà cô không biết; đây là những gì người ta muốn ám chỉ khi họ nói về cô chắc chắn cho thấy rằng cô đã đi xa một thời gian. Cô chỉ đi có bốn năm thôi, đến nhạc viện; sự thật là, cô luôn luôn thiếu thận trọng. Cao, tinh xương, đôi vai hẹp, cô có phong cách nhanh chóng của người ngoài phố, nét bận tâm, giọng nói cao, khẩn cấp, vẻ ngây thơ của người ngoài nghĩ mình không bị quan sát khi cô chạy từ nơi này đến nơi khác trong thị trấn, tay đầy sách nhạc, gọi nhau ngoài đường cho một số thông tin liên quan đến sinh hoạt và có vẻ cuộc sống của cô gần như không thể nào sắp xếp được.

Nói với Bonnie không đến trước 3 giờ 30!

Bạn có chìa khóa không? Tôi bỏ quên trong văn phòng rồi!

Cô cho thấy ngay cả khi cô còn nhỏ, và rất quyết tâm để học chơi dương cầm, mặc dù họ không có một cây đàn, trong căn hộ trên cửa hàng kim khí, nơi cô sống với mẹ và em trai cô (mẹ cô là một góa phụ, lương thấp, bà làm việc ở tầng dưới). Bằng cách nào đó bà có được ba mươi lăm xu một tuần, nhưng chiếc đàn dương cầm duy nhất cô nhìn thấy là của bà giáo. Ở nhà, cô tập luyện trên bàn phím vẽ bằng bút chì trên bệ cửa sổ. Có một nhà soạn nhạc - hình như là Handel? - ông tập luyện trên đàn phong cầm trong căn gác với cánh cửa đóng lại, do đó cha của ông không

biết là âm nhạc đã bám vào ông ta. (Làm thế nào mà ông có thể lén mang một cây đàn phong cầm vào đó là một câu hỏi thú vị.) Nếu Frances trở thành một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng, bàn phím trên bệ cửa sổ - nhìn ra ngõ hẻm, mái nhà của sân chơi - sẽ trở thành một huyền thoại khác.

"Cô đừng nghĩ rằng cô là một thiên tài" là một điều khác mà Paul đã nói với cô "bởi vì cô không phải như vậy." Cô có nghĩ điều đó không? Cô nghĩ tương lai có một cái gì đó đáng ghi nhận được lưu giữ cho cô. Ngay cả cô không nghĩ đến nó thật rõ ràng, chỉ cư xử như thể cô nghĩ đến nó. Cô trở về nhà, bắt đầu dạy âm nhạc. Thứ hai tại trường trung học, thứ tư tại trường công, thứ ba và thứ năm tại trường nhỏ ở đồng quê. Thứ bảy luyện tập đại phong cầm và học trò riêng; chủ nhật cô chơi trong Nhà Thờ United Church.

"Vẫn loay hoay trong thành phố văn hóa lớn này", cô viết nguệch ngoạc trên thiệp Giáng Sinh gửi cho những người bạn cũ từ nhạc viện, ý tưởng là một khi mẹ cô qua đời, một khi cô được tự do, cô tưởng tượng lờ mờ sẽ bắt đầu cuộc sống riêng vẫn đang chờ đợi cô, và vô cùng thỏa mãn hơn. Những tin tức cô nhận trở lại thường có giọng điệu sao lãng và hoài nghi. Một em bé nửa và bàn tay của tôi thường xuyên bận rộn giặt tã hơn là trên bàn phím như bạn cũng có thể tưởng tượng. Tất cả họ đều vừa quá ba mươi tuổi. Một tuổi mà đôi khi rất khó để thừa nhận rằng cuộc sống đang sống là của bạn.

Bên ngoài gió đang uốn cây và tuyết làm mờ cảnh vật. Một trận bão tuyết nhỏ đang xảy ra, không có gì để chú ý nhiều trong vùng này của đất nước. Trên khung cửa sổ là một bình mực bằng đồng méo mó với một cái vòi dài, một vật dụng quen thuộc làm Frances nghĩ đến những đêm Ả Rập, hoặc cái gì đó như vậy; một cái gì với lời hứa hẹn, hoặc gợi ý, có tính chất nước ngoài, kín đáo, thú vị.

"Chào em! Khỏe không?" Ted nói khi cô gặp anh trong hành lang sau bốn giờ. Sau đó, anh nói nhỏ, "Phòng vật liệu. Anh sẽ

đến ngay."

"Được," Frances nói. "Được rồi." Cô đi cất sách nhạc trong tủ khóa và đóng dương cầm lại. Cô luống cuống và loay hoay quanh đó cho tới khi tất cả học sinh đi ra, sau đó chạy lên lầu, vào phòng khoa học, đến một tủ lớn xây trong tường, không có cửa sổ, đựng vật liệu của Ted. Anh chưa tới.

Căn phòng là một loại nơi đựng thức ăn, ngăn ra nhiều kệ đựng mấy chai hóa học khác nhau - hóa chất sulfat đồng là chai duy nhất cô có thể nhận ra mà không có nhãn, cô nhớ màu thật đẹp - lò đốt Bunsen, bình, ống nghiệm, một bộ xương người và của một con mèo, một số bộ phận trong chai, hoặc có thể sinh vật; cô không nhìn gần quá và dù sao trong phòng cũng tối.

Cô lo sợ người canh gác có thể đi vào, hoặc thậm chí vài học sinh làm việc theo chỉ đạo của Ted về một số dự án liên quan đến nắm mốc hoặc ếch đẻ trứng (mặc dù chắc chắn không phải thời điểm trong năm để làm). Làm sao nếu họ trở lại để kiểm tra cái gì đó? Khi cô nghe tiếng chân tim cô bắt đầu đập mạnh, khi cô nhận ra đó là Ted nó không lắng xuống nhưng dường như chuyển sang tần số khác, để nó đập thành thịch không vì sợ hãi mà vì mong đợi tràn ngập, mạnh mẽ, trong đó, tuy thú vị, nhưng khó khăn cho cô, về thể chất, như lo sợ, dường như đủ để làm cô nghẹt thở.

Cô nghe anh ấy khóa cửa.

Cô có hai cách nhìn anh, tất cả trong thời gian anh sắp xuất hiện ở ngưỡng cửa phòng vật liệu, sau đó khép cửa lại, họ hầu như trong bóng tối. Đầu tiên, cô nhìn anh như cách đây một năm, và anh là một người không có gì liên can đến cô. Ted Makkavala, giáo sư khoa học, không dự vào cuộc chiến, mặc dù anh dưới bốn mươi tuổi, anh đã có vợ và ba con, và có lẽ anh từng bị một cơn nhói tim, hoặc một cái gì đó như vậy, anh trông có vẻ mệt mỏi. Một người đàn ông cao lớn, lưng hơi khòm, tóc đen, da sạm với một nét gắt gỏng, hài hước, đôi mắt vừa mệt mỏi vừa tươi sáng. Anh chắc cũng có một cái nhìn tương tự về cô, đứng

đó vẻ phân vân lưỡng lự và lo lắng, với chiếc áo khoác trên cánh tay và giày ống trong tay, kể từ khi cô nghĩ không nên để đồ đạc trong phòng treo áo của giáo sư. Đã có dịp ở một thời điểm họ không thể nào gây ra công tác, để nhìn nhau một cách khác; họ không nhớ sự giao nhau đã được điều hành thế nào hay một ân huệ không thể đến với họ, và nếu có thể như vậy, thì họ đang làm gì ở nơi này?

Khi anh kéo cửa đóng lại cô nhìn anh một lần nữa, một bên gương mặt và xương gò má, một cái nghiêng Tartar tuyệt vời, tươi sáng; cô cảm nhận hành động kéo cửa đóng lại là lén lút và thô bạo, và cô biết không có cơ may nào trên thế giới để họ không thực hiện được công tác. Nó đã xảy ra.

Sau đó, như thường lệ. Liếm và áp lực, lưỡi và cơ thể, trêu chọc và đau thương và an ủi. Mời mọc, quan tâm. Cô đã từng tự hỏi, những ngày cô quen với Paul, nếu toàn bộ câu chuyện có thể là một gian lận, như mang vào người một bộ quần áo Hoàng Đế, nếu không ai thực sự cảm thấy những gì họ giả vờ, và chắc chắn là cô và Paul không có. Một không khí tồi tệ xin lỗi và gượng gạo và bối rối về toàn bộ sự việc, khó chịu nhất là tiếng rên rỉ và âu yếm và bảo đảm mà họ trao đổi. Nhưng không, đó không phải là một sự giận hận, tất cả đều có thật, vượt qua mọi thứ, và các dấu hiệu cho thấy nó có thể xảy ra - mất khóa lai, rùng mình dọc theo cột sống, tất cả sự ngu ngốc nguyên thủy - cũng có thật.

"Có bao nhiêu người khác biết chuyện này vậy anh?" Cô hỏi Ted. "Ồ, không nhiều lắm, có thể khoảng mười, mười hai người."

"Nó sẽ không bao giờ lan truyền, anh không nghĩ."

"Đúng. Nó sẽ không bao giờ được phổ biến ra đám đông."

Khoảng trống giữa các kệ chật hẹp. Có quá nhiều thiết bị rất dễ vỡ. Và tại sao cô không có đủ ý thức để bỏ giày ống và áo khoác xuống? Sự thật là cô không mong đợi quá nhiều hoặc ôm nhau có chủ đích như thế. Cô nghĩ anh chỉ muốn nói một cái gì đó với cô thôi.

Anh mở cửa một chút, để có thêm ánh sáng cho họ. Anh lấy

đôi giày khỏi tay cô và để ra bên ngoài cửa. Sau đó, anh lấy áo khoác của cô. Nhưng thay vì đặt nó xuống bên ngoài anh mở ra và trải rộng nó trên sàn gỗ trần. Lần đầu cô đã nhìn thấy anh làm một chuyện tương tự như vậy là mùa xuân vừa qua. Trong khu rừng lạnh lá vẫn chưa có, anh đã cởi áo chắn gió ra và trải nó xuống một khoảng nhỏ trên mặt đất. Cô cảm thấy xúc động mạnh mẽ bởi hành động chuẩn bị đơn giản này, cách anh trải chiếc áo ra và vỗ nhẹ nó xuống, không hỏi một câu, một nghi ngờ hoặc vội vàng. Cô không chắc chắn, cho đến khi anh làm điều đó, về những gì sẽ xảy ra. Anh có một cái nhìn thật nhẹ nhàng, ổn định, định mệnh. Cô đã bị khuấy động khi nhớ lại lúc anh quỳ xuống trong khoảng trống hẹp này và trải áo khoác của cô ra. Đồng thời cô nghĩ: nếu anh muốn làm chuyện đó bây giờ, có nghĩa là anh không thể đến thứ tư? Tối thứ tư họ thường gặp gỡ nhau, trong nhà thờ sau khi Frances thực tập với ca đoàn. Frances sẽ tiếp tục ở lại trong nhà thờ, chơi đàn phong cầm, cho đến khi tất cả mọi người ra về. Vào khoảng 11 giờ cô sẽ đi xuống và tắt đèn và chờ đợi ở cửa sau, cửa của lớp học ngày chủ nhật, để mở cho anh vào. Họ đã nghĩ về điều này khi thời tiết trở lạnh. Cô không biết anh đã nói gì với vợ.

"Em cởi tất cả ra đi."

"Chúng ta không thể ở đây", Frances nói, dù cô biết họ sẽ làm. Họ luôn luôn cởi tất cả quần áo ra, ngay cả lần đầu tiên trong rừng, cô không bao giờ tin cô có thể cảm thấy quá ít lạnh như vậy.

Chỉ một lần trước ở đây, trong trường, cũng trong phòng này, và đó là thời kỳ nghỉ hè, trời vừa tối. Tất cả các đồ gỗ trong phòng khoa học đã được sơn mới và không có dấu hiệu cảnh cáo nào được dán lên - tại sao phải có, vì không ai được vào đây. Mùi đủ mạnh, khi cuối cùng họ đã nhận thấy. Họ đã quán vào nhau thế nào mà chân của họ nằm ở ngưỡng cửa này, và cả hai đều bị dính đầy sơn từ khung cửa. May mắn là Ted đã mặc quần ngắn buổi tối hôm đó - một cảnh tượng kỳ lạ trong phố, lúc đó - và có thể đã

nói sự thật với Greta, rằng anh dính phải chân khi anh vào phòng khoa học làm một cái gì đó, mà không cần phải giải thích làm sao chân lại trần. Frances không cần giải thích vì mẹ cô không làm sao để ý những điều như vậy. Cô không chùi sạch vết sơn (nó chỉ ở trên mắt cá chân), cô để nó từ từ phai đi, và thích nhìn vào nó và biết nó ở đó, giống như cô thích những vết bầm tím, những vết cắn, trên cánh tay trên và vai, mà cô có thể dễ dàng che đậy với tay áo dài nhưng thường thì cô không làm. Sau đó người ta sẽ nói với cô, "Làm sao cô bị vết bầm ghê đó vậy?" Và cô sẽ nói: "Bạn biết đó, tôi không biết nữa! Tôi hay bị bầm dễ dàng. Mỗi khi tôi nhìn vào chính tôi, là có một vết bầm!" Adelaide em dâu của cô, vợ của em trai, là người duy nhất có thể biết đó là cái gì, và sẽ tìm cơ hội để nói điều gì đó.

"Ồ ồ, cô lại đi chơi với con mèo đực đó nữa. Có phải không, ề? Có phải không?" Cô sẽ cười và thậm chí đặt ngón tay lên cái dấu.

Adelaide là người duy nhất Frances đã kể lại. Ted cho biết anh không nói với ai hết, và cô tin ở anh. Anh không biết rằng cô đã kể cho Adelaide. Cô ước gì mình không làm vậy. Cô không thích Adelaide đủ để làm một người thân tín của mình. Tất cả là thô tục, không xứng đáng; cô đã làm điều đó chỉ để có một ai cô có thể diễn hành trước mặt họ thôi. Khi Adelaide nói mèo đực, một cách thô lỗ, trêu chọc, khiêu khích và ghen tuông một cách vô ý thức, Frances lấy làm hài lòng và vui mừng, mặc dù tất nhiên là xấu hổ. Cô sẽ điên cuồng nếu cô nghĩ Ted có những tâm sự tương tự về cô.

Đêm mà họ bị dính sơn trên người là một đêm thật nóng nực, cả thị trấn trở nên cáu kỉnh và ủ rũ và chờ đợi cơn mưa, đến lúc gần sáng, với một cơn bão. Frances nhìn lại thời điểm này luôn luôn nghĩ đến tia sét, một loại ham muốn đau đớn, điên khùng và vỡ từng mảnh. Cô thường nghĩ đến mỗi lần riêng biệt ra, nhớ lại từng giai đoạn trong tâm trí cô. Có một mã số đặc biệt, một cảm giác khác nhau, cho mỗi lần. Thời gian trong phòng khoa học tựa như một tia chớp và sơn ướt. Thời gian trong xe lúc trời

mưa giữa buổi trưa, với nhịp điệu buồn ngủ, họ cảm thấy thật dễ chịu và buồn ngủ lúc đó, tựa như họ không thể nào bị quấy rầy để làm cái gì kế tiếp được. Thời điểm đó, trong tâm trí, cô có một cảm giác uốn cong và mịn màng; đường cong xuất phát từ những hàng nước mưa trên kính chắn gió, trông như bức màn cửa được thắt lại.

Kể từ khi họ gặp nhau thường xuyên trong nhà thờ, cách thức không thay đổi gì nhiều, lần này cũng giống như lần kia.

"Tất cả mọi thứ," Ted nói một cách tự tin. "Không sao đâu."

"Người gác cổng."

"Không sao đâu. Ông xong công việc ở đây."

"Làm sao anh biết?"

"Anh yêu cầu ông xong hết để anh có thể làm việc ở đây."

"Làm việc", Frances nói, cười khúc khích, vừa cởi áo và chiếc nịt ngực ra. Anh đã mở các nút áo, nhưng vẫn còn sáu nút trên mỗi tay áo. Cô thích ý tưởng anh làm kế hoạch, cô thích nghĩ đến sự đòi hỏi kiên trì sôi động trong anh trưa nay khi anh đang bận rộn điều hành lớp học. Và một mặt khác cô không thích chút nào; cô cười khúc khích để che đậy một vẻ hơi hoảng hốt hay thất vọng mà cô không muốn nghe. Cô hôn lên đường thẳng của những sợi lông chạy như một thân cây trên bụng của anh, từ chòm rể dưới bụng lên đến bụi cây thật đối xứng trên ngực. Cơ thể của anh là một người bạn tuyệt vời của cô, dù sao đi nữa. Có một nốt ruồi sậm, bằng phẳng, hình giọt lệ, có lẽ quen thuộc với cô (và với Greta?) hơn là với anh. Nốt rốn kín đáo, vết sẹo dài vì loét dạ dày, vết sẹo cắt ruột thừa. Bụi rậm lông cứng và dương vật vui vẻ hồng hào, thẳng đứng và giống người lao động. Những sợi lông nhỏ cứng rắn trong miệng cô.

Sau đó, có vài tiếng gõ cửa.

"Suyt. Không sao. Họ sẽ bỏ đi."

"Ông Makkavala!"

Đó là bà thư ký.

"Suyt. Bà ấy sẽ bỏ đi."

Bà thư ký đang đứng trong hành lang và tự hỏi phải làm gì.

Bà khá chắc chắn là Ted ở trong đó, và Frances đang ở với ông ta. Giống như hầu hết mọi người khác trong thành phố, bà đã biết về họ cũng một thời gian qua. (Trong số ít người dường như không biết là vợ của Ted, Greta, và mẹ của Frances. Greta là một phụ nữ không ưa giao thiệp chút nào nên không ai tìm cách để nói với cô ấy. Người ta đã cố gắng nhiều cách khác nhau để nói với bà cụ Wright, nhưng bà có vẻ không để ý đến.)

"Ông Makkavala!"

Ngay trước mắt Frances 'người lao động' đó mất màu, rũ xuống, và trông dị dạng và tuyệt vọng.

"Ông Makkavala! Tôi xin lỗi. Con trai của ông bị tử nạn!"

Con trai của Ted, Bobby, mười hai tuổi, không bị tử nạn, nhưng bà thư ký không biết điều đó. Bà được thông báo có một tai nạn, một tai nạn khủng khiếp ở phía trước bưu điện; cậu bé O'Hare và cậu bé Makkavala tử nạn. Bobby bị thương rất nặng và được đưa đến London, bằng xe cứu thương, ngay lập tức. Phải mất gần bốn giờ để đến đó, bởi vì cơn bão tuyết. Ted và Greta theo sau trong xe của họ.

Họ ngồi trong phòng chờ của Bệnh Viện Victoria. Ted nhận thấy bà nữ hoàng già, bà góa phụ khó tính, trong một cửa sổ kính màu. Như một vị thánh, và một vị không hài lòng. Anh giả sử, đó là đối thủ của tượng thạch cao Thánh Giuse họ có trong bệnh viện khác, mở rộng hai tay ra sẵn sàng để lật đổ vào người bạn. Một người xấu không thua gì người kia. Anh nghĩ sẽ nói với Frances. Khi một cái gì đó làm cho anh buồn cười hay nổi giận – có những cái với cả hai trạng thái này, và xảy ra cùng một lúc - anh nghĩ sẽ nói với Frances. Điều đó dường như đã làm anh hài lòng, trong khi một người đàn ông khác có thể được hài lòng bằng cách viết một lá thư cho biên tập viên.

Anh nghĩ gọi điện thoại cho cô, không phải để nói với cô về Nữ Hoàng Victoria, không phải bây giờ, nhưng để cho cô biết chuyện gì đã xảy ra, rằng anh đang ở London. Anh cũng đã

không nói với cô, là anh sẽ không thể gặp cô vào tối thứ tư. Anh đã định sẽ nói với cô sau đó. Sau đó. Bây giờ nó không quan trọng. Tất cả mọi thứ đã thay đổi. Và anh không thể gọi cho cô từ đây; các điện thoại đều ở một nơi dễ thấy trong phòng chờ.

Greta nói cô nhận thấy có một phòng ăn, hoặc một dấu hiệu có mũi tên chỉ hướng một phòng ăn. Đó là sau chín giờ, và họ chưa ăn tối.

"Mình phải ăn," Greta nói, không nhất thiết nói riêng với Ted, nhưng nói ra từ những nguyên tắc chung của cô. Có lẽ tại thời điểm này cô muốn nói tiếng Phần Lan. Cô không nói tiếng Phần Lan với Ted. Anh chỉ biết một vài chữ, đã lớn lên trong một gia đình mà tiếng Anh luôn được nhấn mạnh. Gia đình Greta thì ngược lại. Không có ai ở Hanratty để cô có thể nói tiếng Phần Lan; đó là một trong những vấn đề của cô. Hóa đơn điện thoại là hoang phí chính của họ, bởi vì Ted cảm thấy anh không có thể phản đối các cuộc nói chuyện dài với mẹ và chị em, nghe âm ỉ nhưng dường như làm cho cô ấy sống lại.

Họ chọn bánh mì thịt giảm béo và phô mai, và cà phê. Greta lấy một miếng bánh nhỏ. Tay cô ngừng lại một phút trước khi chọn, có thể chỉ do dự về loại bánh cô muốn. Hoặc có thể cô ngại ăn bánh vào giờ này, và trước mặt chồng. Khi họ ngồi xuống Ted nảy ra ý định bây giờ là lúc để cáo lỗi, quay trở lại điện thoại, gọi Frances.

Anh nhìn khuôn mặt trắng nặng nề của Greta, đôi mắt nhợt nhạt của cô, khi cô bắt đầu ăn một cách sốt sắng, có lẽ với hy vọng. Cô ăn để dìm xuống nỗi hoảng sợ, giống như anh nghĩ về Nữ Hoàng Victoria và Thánh Giuse. Anh chỉ sắp sửa cáo lỗi, và đứng lên, khi anh nhận được không biết ý tưởng từ đâu ra là nếu anh đi điện thoại cho Frances, con trai anh sẽ chết. Bằng cách không gọi điện thoại cho cô, bằng cách thậm chí không nghĩ về cô, bằng cách sẵn sàng ngăn chặn sự hiện hữu của cô trong cuộc sống của anh, anh có thể làm tăng những cơ may của Bobby, chặn đứng cái chết của con anh. Thật là cả một lũ chuyện vô lý,

mê tin dị đoan, bao phủ anh khi anh không mong đợi. Và anh không thể dừng lại, không thể bỏ qua. Làm gì nếu tình trạng tồi tệ hơn sẽ đến? Làm gì nếu ý tưởng kế tiếp trình bày một trong những mặc cả điên rồ? Tin tưởng vào Thiên Chúa, Chúa Tin Lành, hứa sẽ quay trở lại nhà thờ, làm điều đó ngay tức khắc, bây giờ, và Bobby sẽ không chết. Từ bỏ Frances, hãy từ bỏ cô ấy luôn, và Bobby sẽ không chết.

Từ bỏ Frances.

Thật là ngu ngốc và không công bằng, nhưng mà thật dễ dàng, để đặt Frances một bên, nhiễm độc, và bên kia con anh bị thương, đứa con tội nghiệp bị nghiền nát mà cái nhìn, lần duy nhất cậu bé đã mở mắt ra, thể hiện một câu hỏi mù quáng, đòi lại cuộc sống mười hai tuổi của nó. Ngây thơ và hư hỏng; Bobby; Frances; thật đơn giản, thật vô lý. Một sự vô lý mạnh mẽ.

Bobby qua đời. Xương sườn bị nghiền nát, phổi bị thủng. Các bác sĩ ngạc nhiên tại sao cậu bé đã chịu đựng được đến giờ phút này. Nhưng trước nửa đêm, cậu qua đời.

Mãi về sau, Ted kể cho Frances, không những về nữ hoàng ngu ngốc nhưng về bữa ăn trong phòng ăn, về những suy nghĩ anh điện thoại cho cô, và tại sao anh đã không làm; những suy nghĩ về mặc cả; tất cả mọi chuyện. Anh không kể cho cô như một lời thú tội, nhưng như một vấn đề quan tâm, một minh chứng cho thấy tâm trí hợp lý nhất có thể suy sụp và lặn đi. Anh không tưởng tượng những gì anh đang kể với cô có thể làm khó chịu, khi anh đã, sau cùng, quyết định triệt để đứng về phía cô.

Frances chờ đợi một vài phút, một mình trong phòng vật liệu, mặc quần áo, cài nút, mang giày vô, xỏ áo khoác lên. Cô không nghĩ gì hết. Cô nhìn những bộ xương. Bộ xương con người nhìn nhỏ hơn so với một người đàn ông, trong khi bộ xương con mèo nhìn to hơn, dài hơn một con mèo.

Cô đi ra khỏi trường mà không gặp ai hết. Cô vào xe. Tại sao cô đã lấy áo khoác và giày ống ra khỏi phòng treo áo, như vậy để có vẻ cô đã đi về nhà, khi bất cứ ai có thể nhìn thấy chiếc xe của cô

vẫn còn đậu ở đây?

Frances lái một chiếc xe cũ, một Plymouth năm 1936. Sau khi cô đi rồi, nhiều người giữ lại trong tâm trí của họ hình ảnh của Frances ngồi sau tay lái chiếc xe bị hỏng, thử hết cái này tới cái kia (cô đã bị trễ đến một nơi nào đó) trong khi nó ho hen, khập khểnh và từ chối không nổ máy. Hoặc - như bây giờ - cửa sổ quay xuống, cô đưa đầu trần ra ngoài trong tuyết rơi, cố gắng đưa bánh xe đang quay ra khỏi nơi bị lệch, với một nét mặt nói rằng cô chưa bao giờ mong đợi chiếc xe này làm được cái gì ngoài trừ gây khó khăn và xáo trộn cho cô, nhưng cô sẽ tiếp tục không chịu thua nó đến hơi thở cuối cùng.

Sau cùng, cô cũng đã đi ra được, và lái xe xuống đồi hướng về phía đường chính. Cô không biết chuyện gì đã xảy ra cho Bobby, một tai nạn nào. Cô không có nghe họ nói cái gì, sau khi Ted bỏ cô đi. Trên con đường phố chính của hàng đã bật đèn sáng thật âm. Ngựa cũng như xe dọc theo đường phố (tại thời điểm này những con đường thị trấn nhỏ không được dọn sạch), hơi thở thoải mái của mấy con ngựa tỏa ra như đám mây trong không khí lạnh. Hình như cô thấy nhiều người hơn bình thường, đang đứng xung quanh nói chuyện, hoặc không nói, chỉ không muốn tách rời nhau. Vài người bán tiệm ra bên ngoài và cũng đang đứng ở đó, trong những chiếc áo sơ mi của họ, trong tuyết. Góc bưu điện dường như bị chặn lại, và đó là hướng người ta đang nhìn.

Cô đậu phía sau cửa hàng kim khí, và chạy lên cầu thang dài bên ngoài, mà buổi sáng cô đã dùng xẻng xúc sạch tuyết và băng, và sẽ phải xúc thêm một lần nữa. Cô cảm thấy như thể cô đang chạy đến một nơi ẩn náu. Nhưng không được; Adelaide có mặt ở đó.

"Frances, có phải cô không?"

Frances cởi áo khoác ra trong hành lang phía sau, kiểm soát nút áo cánh. Cô đặt giày ống trên tấm thảm cao su.

"Tôi vừa nói với Bà. Bà không hề biết chuyện gì hết. Bà không

hề nghe tiếng xe cứu thương."

Có một giỏ quần áo giặt sạch trên bàn ăn nhà bếp, một cái áo gối cũ phủ lên để tuyết không rơi vào. Frances bước vào nhà bếp chuẩn bị để cắt ngăn Adelaide nhưng biết cô không thể khi nhìn thấy mớ quần áo giặt đó. Vào những lúc Frances bận rộn nhất, gần Giáng Sinh, hay buổi biểu diễn mùa xuân, Adelaide sẽ đến và mang quần áo giặt của họ về nhà cô, và trở lại với tất cả mọi thứ ủi, tẩy trắng và hồ bột. Cô có bốn con, nhưng cô luôn giúp đỡ những người khác, nấu nướng và mua sắm cho họ, chăm sóc các trẻ sơ sinh, ra vào những căn nhà có vấn đề. Hoàn toàn rộng lượng. Hoàn toàn làm tiền.

"Xe của Fred Beecher đầy máu," Adelaide nói, quay sang Frances. "Cốp xe của anh để mở, anh có chiếc xe đẩy em bé ở trong đó mà anh chở đến cho người chị dâu, và cốp xe của anh đầy máu. Nó đầy máu."

"Có phải là Fred Beecher?" Frances hỏi, bởi vì cô không thể nào tránh né được nửa bây giờ, cô phải có người nói cho cô biết. "Có phải Fred Beecher đã đụng - cậu bé Makkavala không?" Cô biết tên của Bobby, tất nhiên, cô biết tên và khuôn mặt tất cả các con của Ted, nhưng cô đã để bộc lộ một sự mập mờ giả tạo khi nói về bất cứ đứa nào - về Ted nữa - để mà ngay cả bây giờ cô phải nói cậu bé Makkavala.

"Cô cũng không biết gì à?" Adelaide nói. "Cô đã ở đâu? Cô không có ở trường trung học sao? Không phải họ đã đến đó để kiểm ông ta à?"

"Tôi nghe họ có đến," Frances nói. Cô thấy Adelaide đã pha trà. Cô rất muốn một tách, nhưng sợ chạm vào tách hoặc ấm trà, vì tay cô đang run lên. "Tôi nghe nói con trai ông đã tử nạn."

"Không phải cậu bé đó mà là cậu bé O'Hare. Có hai cậu bé trong vụ này. Cậu bé O'Hare chết ngay lập tức. Thật khủng khiếp. Cậu bé Makkavala sẽ không sống nổi. Họ đưa nó đi London trong xe cứu thương. Nó sẽ không sống sót."

"Ô, ô," mẹ của Frances nói, ngồi ở bàn, cuốn sách của bà mở ra

trước mặt. "Ô, ô. Hãy nghĩ đến người mẹ tội nghiệp." Nhưng bà đã nghe tất cả một lần rồi.

"Không phải là Fred Beecher đã đụng họ, không phải như vậy chút nào," Adelaide nói với Frances bằng một giọng như trách mắng. "Họ cột chiếc xe trượt tuyết của họ phía sau xe của anh ta. Anh ấy thậm chí không hề biết họ làm như vậy. Họ có lẽ đã cột nó vào khi anh đang chạy chậm lại ở phía trước cửa trường khi tất cả các trẻ em vừa được cho ra ngoài và lúc đó trên đồi một chiếc xe chạy tới phía sau, trượt bánh và tông vào họ. Nó đẩy xe trượt tuyết ngay dưới gầm xe của Fred."

Bà cụ Wright phát ra một tiếng thở dài, rên rỉ.

"Họ phải được cảnh cáo. Tất cả những đứa trẻ đã được cảnh cáo và họ vẫn làm từ nhiều năm qua và nó chỉ xảy ra lại. Thật là khủng khiếp", Adelaide cho biết, nhìn chăm chăm vào Frances như thể chờ thêm phản ứng của cô. "Tất cả những ai đã thấy đều nói rằng họ sẽ không bao giờ quên. Fred Beecher đi vào trong tuyết và nôn ra. Ngay trước bưu điện. Ô, toàn là máu."

"Khiếp quá," mẹ của Frances cho biết. Quan tâm của bà đã phai mờ đi. Bà có lẽ đang suy nghĩ đến bữa ăn tối. Từ khoảng ba giờ chiều, quan tâm của bà về bữa ăn tối càng lúc càng gia tăng. Khi Frances về trễ, như tối nay, hoặc khi ai đó ghé qua vào cuối buổi chiều, nghĩ rằng, không nghi ngờ gì hết, bà sẽ vui mừng có một người đến thăm viếng, bà sẽ càng trở nên kích động hơn, nghĩ đến bữa ăn tối sẽ bị trì hoãn. Bà sẽ cố gắng tự kiểm soát, trở nên rất niềm nở, nhanh chóng trả lời, lục lọi trong trí nhớ những câu nói xã giao, xử dụng hết câu này đến câu khác, trong niềm hy vọng người khách sẽ sớm được hài lòng và ra về.

"Cô có mua sườn heo không?" Cô hỏi Frances.

Tất nhiên, Frances đã quên. Cô đã hứa làm sườn heo tẩm bột và cô không có đi mua ở hàng bán thịt, cô đã quên. "Tôi sẽ đi ngay."

"Ồ, thôi đừng bận tâm."

"Cô suy nghĩ quá nhiều vì vụ tai nạn," Adelaide cho biết.

" Ở nhà đã có một nồi hầm sườn heo tối qua, đó là món cô cho vào lò với bắp xây nhuyễn, và chưa bao giờ nó ngon như vậy."

"Đúng. Frances làm món đó với bánh mì vụn."

"Ồ, tôi cũng làm như vậy. Cách đó cũng ngon nữa. Đôi khi mình cảm thấy muốn có một sự thay đổi. Tôi thấy cha cậu bé O'Hare bước ra khỏi nhà mai táng. Thật là thể thảm nhìn anh ta. Anh trông giống như sáu mươi tuổi."

"Nhìn cơ thể," mẹ Frances cho biết. "Không khác nào như nhìn trứng trắng."

"Vậy à?" Frances nói, không thể chịu nổi ý nghĩ đi trở ra đường.

"Ồ, đúng. Và tiết kiệm với phiếu giảm giá."

"Họ có phải là ma quỷ không, phiếu giảm giá? Anh ta chưa cho thăm viếng được. Không thể nào với tất cả công việc cần phải thực hiện trên cơ thể. Anh còn chọn quan tài."

"Ồ. Hình như vậy."

"Không, cậu bé chưa được sửa sang lại đâu. Chắc vẫn còn nằm ở trên bàn đá."

Cách Adelaide diễn tả, trên bàn đá, có vẻ quá rõ ràng, quá đầy hiểu biết, tựa như cô đập một con cá ươn to lớn xuống trước mặt họ. Cô có một người chú làm trong nhà quàn, ở một thành phố khác, và cô rất tự hào về sự liên hệ này, về kiến thức nội bộ của cô. Chắc chắn là cô bắt đầu kể công việc của người chú về những người bị tai nạn, một cậu bé đã bị lột da đầu và làm thế nào chú của cô đã phục hồi vẻ bên ngoài lại, đi đến tiệm hớt tóc và lấy tóc vụn từ sọt rác, pha trộn để có được đúng màu chính xác, làm việc cả đêm. Gia đình cậu bé không thể tin cậu trông rất tự nhiên. Cả một nghệ thuật, Adelaide nói, khi họ biết công việc kinh doanh của họ như ông chú.

Frances nghĩ cô phải kể cho Ted về chuyện này. Cô thường kể với Ted những gì Adelaide đã nói. Sau khi cô nhớ lại.

"Tất nhiên, họ có thể để quan tài đóng lại nếu họ muốn", Adelaide cho biết, sau khi giải thích một lần nữa vẻ thua kém của

người nhà quàn này so với chú của cô. "Có phải đó là con trai duy nhất của Makkavala không?" Cô hỏi Frances.

"Tôi nghĩ đúng vậy."

"Tôi cảm thấy buồn cho họ. Và họ không có người thân nào hết ở đây. Cô ta thậm chí còn không nói được tiếng Anh giỏi lắm, phải không? Tất nhiên vì gia đình O'Hare là Công Giáo, họ có bốn hoặc năm người con nữa. Cô biết, vị linh mục đến đây và đã chăm sóc cho anh, ngay cả khi anh chết."

"Ô, ô," mẹ Frances nói vẻ không bằng lòng. Thực sự không có nhiều sự thù nghịch với người Công Giáo trong sự phủ nhận này, đó là một cách lịch sự người Tin Lành cần phải đối xử với nhau.

"Mẹ sẽ không cần phải đi đến nhà quàn, phải không?" Một cái nhìn lo lắng, nhất quyết thể hiện trên khuôn mặt mẹ của Frances bất cứ lúc nào có một cơ hội bà có thể phải đến gần người bệnh hoặc chết. "Tên của họ là gì vậy?"

"O'Hare."

"Ồ, đúng. Người Công Giáo." "Và Makkavala."

"Mẹ không biết họ. Phải không? Họ là người nước ngoài?"

"Phần Lan. Từ Bắc Ontario."

"Mẹ nghĩ như vậy. Nghe có vẻ nước ngoài. Mẹ không cần phải đi."

Frances cần phải đi ra ngoài một lần nữa. Cô phải đến thư viện, vào buổi tối, để lấy sách cho mẹ cô. Mỗi tuần cô đều mang về cho mẹ ba cuốn sách mới từ thư viện. Mẹ cô thích nhìn một cuốn sách hay dày. Rất nhiều để đọc trong cuốn đó, bà nói như vậy, giống như bà sẽ nói xử dụng rất nhiều một chiếc áo khoác hoặc một cái chăn. Thật vậy, cuốn sách cũng giống như một chăn lông vịt dày ấm áp mà bà có thể kéo phủ lên người, chui rúc vào. Khi bà sắp sửa đến đoạn cuối, và phần còn lại mỏng hơn và mỏng hơn, bà sẽ đếm các trang và nói, "Con có lấy cho mẹ một cuốn sách khác chưa?Ồ, có. Đây rồi. Mẹ nhớ. Đúng, mẹ vẫn còn cuốn kia sau khi xong cuốn này."

Nhưng luôn có lúc đến khi bà đã đọc xong cuốn sách cuối cùng

và phải chờ đợi trong khi Frances đi ra thư viện và mượn thêm ba cuốn. (May mắn thay, Frances có thể mượn lại cùng cuốn sách sau một thời gian ngắn, ba hoặc bốn tháng gì đó, mẹ của cô sẽ chìm đắm một lần nữa vào đó, thậm chí còn đưa ra vài chi tiết về bối cảnh và các nhân vật, như thể bà chưa bao giờ đọc qua trước đây.)

Frances sẽ nói với mẹ nghe đài phát thanh trong khi chờ đợi, nhưng mặc dù mẹ cô không bao giờ từ chối làm bất cứ điều gì được yêu cầu, đài phát thanh không có vẻ làm bà an vui. Trong khi bà không có gì để bận rộn, có thể nói như vậy, bà sẽ đi vào phòng khách và lôi ra một cuốn sách cũ khỏi kệ sách - Jacob Trung Thành hoặc Lorna Doone - và ngồi cúi xuống trên cái ghế đầu thấp, cầm cuốn sách lên đọc. Những lần khác, bà có thể chỉ lục đục xung quanh từ phòng này sang phòng kia. Không bao giờ giở chân lên ngoại trừ bước qua một ngưỡng cửa, vịn vào bàn ghế, và mò mẫm vào các bức tường, mù vì bà đã không bật đèn lên, yếu vì bây giờ bà không bao giờ đi bộ, chế ngự bởi một sự bồn chồn sợ hãi, một loại chuyển động chậm mê sảng, mà bà có thể cảm thấy khi bà không có sách hoặc thực phẩm hoặc thuốc ngủ để xoa dịu nó đi.

Tối nay Frances tức giận mẹ cô vì bà hỏi: "Còn mấy cuốn sách thư viện của mẹ đâu?" Cô tức giận vì bà thiếu tế nhị, chỉ nghĩ đến mình, nhu nhược, sống còn, đôi chân nhỏ khốn khổ và cánh tay của bà mà da rủ xuống như một tay áo nhăn nheo. Nhưng mẹ cô không thiếu tế nhị hơn chính cô. Cô đi qua góc bưu điện mà bây giờ không có một dấu hiệu nào của tai nạn, chỉ tuyết mới, tuyết thổi trên đường từ phía nam, từ London (anh sẽ trở lại, dù chuyện gì xảy ra đi nữa anh cũng sẽ phải trở lại). Cô cảm thấy giận dữ với đứa trẻ đó, sự ngu ngốc, liều lĩnh ngu ngốc, khoe khoang, nó đã xâm phạm vào cuộc sống của những người khác, vào cuộc sống của cô. Ngay bây giờ cô không thể chịu đựng được ý nghĩ của bất cứ ai. Ví dụ ý nghĩ của Adelaide. Adelaide, trước khi cô ta về, đã theo Frances đi vào phòng ngủ nơi Frances cởi áo

cánh xa ten ra, vì cô không thể mặc áo đó để nấu bữa ăn tối. Cô mở phía trước, cô cởi các nút tay áo, cô đang đứng trước Adelaide giống như cô đã đứng trước mặt Ted cách đây không lâu.

"Frances", Adelaide thì thầm căng thẳng, "cô cảm thấy ổn chứ?"

"Có."

"Cô không nghĩ rằng đó là giá phải trả cho cô và ông ta?"

"Cái gì?"

"Thiên Chúa trả lại anh," Adelaide cho biết. Vẻ hứng thú, hài lòng, tự thỏa mãn tỏa sáng ở cô. Trước khi kết hôn với người em trai bướng bỉnh và ngây thơ của Frances, cô đã vui hưởng một hai năm nổi tiếng về tình dục, hoặc tai tiếng, tên của cô thường xuyên được mang ra nói giễu. Cô có dáng dấp chắc nịch của một bà mẹ, đôi mắt hơi lé. Frances không thể hiểu những gì đã đẩy cô vào một tình bạn như vậy, hoặc quan hệ, hoặc bất cứ điều gì có thể gọi được. Họ ngồi trong nhà bếp của Adelaide vào những buổi tối Clark ra ngoài huấn luyện đội khúc côn cầu cho trẻ em, cho rượu whisky của Clark vào cà phê thêm đậm đà (họ cho nước vào phần còn lại), tã phơi bên cạnh bếp lò, vài đường rây xe lửa đồ chơi bằng kim loại rẻ tiền và con búp bê xấu xí, không có mắt, không có tay trên bàn trước mặt họ, họ đã nói chuyện về tình dục và đàn ông. Một sự giải tỏa đáng xấu hổ, một niềm đam mê tội lỗi, một sai lầm tồi tệ. Thiên Chúa đã không tham gia vào cuộc trò chuyện của Adelaide lúc đó. Cô chưa bao giờ nghe từ ngữ dương vật, thử nói nhưng không thể quen được. Một loại cuốc, cô nói. Rút ra cái cuốc, cô nói, với sự thích thú đáng lo ngại như cô nói trên bàn đá vậy.

"Cô không có vẻ ổn, tôi nói cho cô biết," cô ta nói với Frances. "Cô trông giống như ngớ ngẩn. Cô có vẻ bệnh."

"Cô đi về nhà đi", Frances nói.

Cô phải làm thế nào để trả lại cho chuyện đó?

Hai người đàn ông đang treo đèn Giáng Sinh trên những cây vân sam màu xanh ở phía trước cửa bưu điện. Tại sao họ làm việc

vào giờ này? Họ có lẽ đã bắt đầu trước khi tai nạn xảy ra, sau đó đã phải gián đoạn. Họ có thể đã phải dành thời gian đi uống rượu, ít nhất một trong hai người. Cal Callaghan đang gỡ rối một sợi dây nhiều đèn màu. Người đàn ông kia, Boss Creer, người có cái tên như vậy vì anh sẽ không bao giờ làm ông chủ của bất cứ cái gì, đứng đợi Cal giải quyết những khó khăn của ông ta. Boss Creer không biết đọc hay viết, nhưng ông biết làm thế nào để được thoải mái. Phía sau chiếc xe tải của họ đầy vòng hoa ô rô nhân tạo và dây màu đỏ và xanh lá cây để còn treo lên nữa. Frances, vì cô tham gia vào những buổi hòa nhạc, trình diễn và gần như tất cả mọi lễ hội công cộng của thành phố, nên biết nơi họ cất giữ những đồ trang trí năm này qua năm kia trên căn gác của Tòa Thị Sảnh, rồi bỏ quên, rồi được nhớ lại và lôi ra khi ai đó trong hội đồng thành phố nói: "A, bây giờ chúng ta nên nghĩ định sẽ làm gì cho Giáng Sinh." Để hai kẻ ngu này tự động sắp xếp những sợi dây màu, dây đèn và treo vòng hoa, Frances thấy khinh họ thật. Không có khả năng, vòng hoa và dây đèn cũ kỹ, vẻ cực nhọc bình thường, họ làm tất cả với thứ cảm giác vô lý bắt buộc cho mùa lễ. Một lần khác, cô có thể thấy cảm động, hơi khâm phục. Cô có thể sẽ cố gắng giải thích cho Ted, vì anh không bao giờ có thể hiểu được cảm giác trung thành của cô với Hanratty. Anh nói anh có thể sống trong một thành phố, hay trong rừng, trong một loại định cư vùng biên giới mà anh đã từng ở, nhưng không ở một nơi như thế này, một nơi quá chật hẹp, chưa phát triển không có sự bù trừ của hoang dã, chật hẹp không có tính cách đa dạng của đô thị hoặc cuộc sống.

Nhưng anh đây rồi.

Cô nhớ lại cảm giác ghê tởm này đối với tất cả mọi thứ vào mùa hè cuối cùng. Ted và Greta và các con đã đi xa, trong ba tuần, lên miền Bắc Ontario để thăm người thân. Hai tuần đầu, Frances đã đi đến một ngôi nhà nghỉ hè trên hồ Huron, cùng ngôi nhà cô luôn thuê. Cô đem mẹ theo, bà ngồi đọc sách dưới cây Nhựa Thơm của Gilead. Frances cảm thấy ổn tại nơi đó.

Trong ngôi nhà có một phiên bản cũ Bách Khoa Toàn Thư và cô lấy nó ra đọc đi đọc lại bài viết đã quá thời về Phần Lan. Cô nằm ở mái hiên của căn nhà vào ban đêm, lắng nghe bờ hồ và nghĩ về miền Bắc Ontario, mà cô chưa bao giờ đến. Hoang dã. Nhưng khi cô phải quay trở lại thị trấn và anh không có ở đó, cô cảm thấy rất khó chịu. Mỗi buổi sáng cô đi đến bưu điện và không có thư từ gì của anh hết. Cô sẽ đứng nhìn Tòa Thị Sảnh từ cửa sổ bưu điện, nơi đó có một hàn thủ biểu lớn màu trắng ghi nhận tiến bộ của chương trình Trái Phiếu Chiến Thắng. Cô không còn có thể đặt anh ta ở miền Bắc Ontario nữa, trong nhà người thân của anh, say sưa uống rượu và ăn các bữa ăn to lớn. Anh đã đi xa. Anh có thể ở bất cứ nơi nào, bên ngoài thị trấn này; anh đã ngừng hiện hữu cho cô, ngoại trừ trong đau khổ vô lý của trí nhớ. Lúc đó, cô rất ghét tất cả mọi người; cô khó có thể đưa ra một câu trả lời dễ nghe. Cô ghét con người, cái nóng, Tòa Thị Sảnh, hàn thủ biểu Trái Phiếu Chiến Thắng, vỉ hè, tòa nhà, tiếng nói. Cô sợ phải suy nghĩ về điều này sau đó, cô không muốn nghĩ làm sao các hình dạng vô hại, phong nhã của những ngôi nhà, hoặc giọng điệu dễ chịu chào hỏi có thể phụ thuộc vào sự hiện hữu của một người, mà cô không quen biết một năm trước đây, làm thế nào sự hiện diện của anh trong cùng thành phố, ngay cả khi cô không thể nhìn thấy hoặc nghe anh nói, mang đến sự cân bằng cần thiết cho chính cô.

Đêm đầu tiên anh trở lại là đêm họ đã vào trường và cọ xát dính vào sơn mới. Lúc đó cô nghĩ rằng làm mà không có anh cũng có giá trị của nó, đó chỉ là giá phải trả. Cô quên cảm giác nó như thế nào, cũng giống như họ nói quên cơn đau hạ sanh em bé, từ lần này đến lần kế tiếp.

Bây giờ cô có thể nhớ. Đó chỉ là một câu chuyện kể lại, đó là một cái gì cô đã tưởng tượng, để làm khổ chính cô. Bây giờ nó sẽ là sự thật. Anh sẽ trở về Hanratty nhưng anh sẽ không trở lại với cô. Bởi vì anh đang ở với cô khi nó xảy ra anh sẽ ghét cô; ít nhất, anh sẽ ghét nghĩ về cô, bởi vì nó luôn khiến anh nghĩ về vụ tai

nạn. Và giả sử bằng cách nào đó đứa trẻ sống sót, bị tê liệt. Đó cũng sẽ không tốt hơn, cho Frances. Họ sẽ muốn rời khỏi nơi này. Anh đã nói với cô là Greta không thích ở đây, đó là một trong ít điều anh đã nói với cô về Greta. Greta cô đơn, cô không cảm thấy ở nhà tại Hanratty. Bây giờ cô sẽ ít thích nó hơn bao nhiêu nữa? Những gì Frances đã tưởng tượng về mùa hè cuối cùng sẽ là hiện thực cho mùa hè này. Anh sẽ ở một nơi nào đó bên ngoài, đoàn tụ với vợ mà anh có thể đang ôm trong vòng tay ở phút này, an ủi cô, nói chuyện với cô bằng ngôn ngữ riêng của họ. Anh nói anh không nói chuyện với cô bằng tiếng Phần Lan. Frances đã hỏi anh. Cô có thể thấy anh không thích cô hỏi. Anh nói gần như anh không nói tiếng Phần Lan. Cô không tin anh.

Nguồn gốc của bộ lạc người Phần Lan và Ugric được bao phủ trong bí ẩn, Frances đã đọc. Sự phát biểu này làm cô hài lòng; cô không nghĩ một quyển bách khoa toàn thư có thể thừa nhận một điều như vậy. Người Phần Lan được gọi là Tavastians và Karelians, và họ vẫn là người dân ngoại đạo cho đến thế kỷ thứ mười ba. Họ tin vào một vị thần của không khí, một vị thần của rừng, một vị thần của nước. Frances học tên các vị thần này và làm cho Ted ngạc nhiên. Ukko. Tapio. Ahti. Anh không nghe nói đến những cái tên này. Tổ tiên anh biết không phải là những người ngoại đạo hòa bình này, những người Magyar định cư trong rừng, ở một số nơi, theo bách khoa toàn thư, họ vẫn cúng tế lễ cho ma quỷ; họ là những người chủ nghĩa xã hội, đảng cấp tiến của thế kỷ mười chín. Gia đình anh đã bị trục xuất khỏi Phần Lan. Không phải là khu rừng phía Bắc, cây thông và bạch dương, nhưng là hội trường và văn phòng báo chí của Helsinki, phòng giảng và phòng đọc sách, mà Ted đã từng được dạy để nuôi tiếc. Không có nghi lễ ngoại đạo nào vấn vương trong tâm trí của anh (vô lý, anh nói, khi Frances kể với anh về tế lễ cho ma quỷ), mà về một thời điểm in ấn bí mật, phát truyền đơn trong đêm tối, biểu tình bị lên án và hình phạt danh dự. Họ biểu tình chống Thụy Điển và tuyên truyền chống người Nga. Nhưng nếu gia đình anh

là Cộng Sản họ sẽ không ủng hộ Nga sao, Frances nói ngớ ngẩn, nhầm lẫn về tất cả thời điểm; anh nói về một thời kỳ trước cuộc cách mạng. Không phải là nó khác gì nhau bây giờ. Nga đã xâm chiếm Phần Lan, Phần Lan đã chính thức liên kết với Đức. Lòng trung thành của Ted không có nơi nào để hướng đến. Họ chắc chắn sẽ không hướng về Canada, nơi mà anh cho rằng ngày nay anh bị coi là kẻ thù ngoại lai và chịu sự giám sát của Cảnh Sát Hoàng Gia Canada. Frances khó có thể tin được một điều như vậy. Và anh có vẻ tự hào về nó.

Khi họ ra ngoài đi bộ vào mùa thu, trong khu rừng khô, anh đã kể với cô rất nhiều điều cô đã phải xấu hổ vì không biết; về cuộc Nội Chiến Tây Ban Nha, những cuộc thanh trừng ở Nga. Cô lắng nghe, nhưng sự chú ý cứ thất thoát, trốn trong những câu hỏi và trả lời hợp lý, để bám vào một cây cột hàng rào hoặc một lỗ của con heo đất. Cô hiểu một cách đại khái. Anh tin rằng một cuộc phá sản tổng quát có thật, và cuộc chiến, thường được tin là một khủng hoảng rất lớn nhưng tạm thời, trên thực tế chỉ là một khía cạnh tự nhiên của tình trạng này. Bất cứ lúc nào cô nêu ra một khả năng hy vọng, anh đều giải thích sự sai lầm của cô, tại sao bây giờ tất cả các hệ thống bị tiêu diệt và một trận đại hồng thủy này sẽ kế tiếp một trận khác cho đến khi –

"Cái gì?"

"Cho đến khi tất cả bị đập bể."

Lúc anh nói, anh có vẻ thật hài lòng. Làm sao cô có thể lập luận chống lại một cái nhìn dường như mang lại bình an và thỏa mãn cho anh?

"Tóc anh đen thật," cô nói, xoay nhẹ tay anh." "Tôi không biết một người Âu Châu miền Bắc nào tóc đen như vậy."

Anh nói với cô có hai loại hình dáng người ở Phần Lan, dáng Magyar và Scandinavia, tóc đen và tóc vàng, và họ dường như không làm sao hòa nhập nhưng sống riêng biệt, thể hiện từ thế hệ này qua thế hệ kia không thay đổi, trong cùng một huyện, trong cùng một gia đình.

"Gia đình Greta là một ví dụ điển hình", anh nói. "Greta hoàn toàn là người Scandinavia. Cô ấy có xương to, xương dài, cái đầu dài -"

"Cái gì?"

"Cái đầu dài. Cô ấy da trắng và mắt xanh và tóc vàng.

Kể đó, Kartrud em gái của cô có làn da màu ô liu và mắt hơi xiên, tóc thật đen. Điều tương tự trong gia đình anh. Bobby giống Greta. Margaret giống anh. Ruth-Ann giống Greta."

Frances cảm thấy vừa lảng địu vừa tò mò nghe anh nói về Greta, về gia đình của chúng ta. Cô không bao giờ hỏi, không bao giờ nói về họ. Ban đầu, anh cũng không nói. Hai điều anh kể mà cô luôn ghi nhớ. Một là anh và Greta đã kết hôn trong khi anh vẫn còn học ở đại học, với học bổng; cô ở lại miền Bắc cùng gia đình của cô cho đến khi anh tốt nghiệp và có việc làm. Điều đó làm Frances tự hỏi nếu Greta đã có thai; có phải đó là lý do anh đã kết hôn với cô ấy? Điều kia mà anh nhắc đến - một cách nhẹ nhàng, và trong khi anh và Frances đang nói về những nơi để gặp gỡ - là anh chưa bao giờ phản bội trước đây. Frances đã luôn giả thuyết như vậy, do sự ngây thơ hoặc tự phụ của cô; cô chưa bao giờ tin một lúc cô có thể dự phần vào diễn tiến. Nhưng danh từ không chung thủy (anh thậm chí không nói không chung thủy với Greta) cho thấy một sự liên kết. Nó đặt Greta dưới ánh đèn sáng cho họ, cho thấy cô đang ngồi ở đâu đó chờ đợi; bình thản và kiên nhẫn, phong nhã, sai lầm. Nó làm cho cô ấy vinh dự; anh đã vinh dự cô ấy.

Lúc đầu, chỉ có bấy nhiêu thôi. Nhưng bây giờ trong các cuộc trò chuyện của họ nhiều cửa đang mở ra, để nhanh chóng đóng lại. Frances thoáng nhìn vào, và cô cảm thấy xót xa và mong muốn. Greta cần phải có xe để đưa Ruth-Ann đi bác sĩ; Ruth-Ann bị đau tai, bé đã khóc suốt đêm. Ted và Greta cùng dán giấy ở hành lang trước của nhà. Cả gia đình bị ốm sau khi ăn xúc xích có vấn đề. Frances bắt được nhiều hơn những cái nhìn thoáng qua. Cô cũng bắt được cái cảm lạnh của gia đình Makkavala. Cô

bắt đầu cảm thấy cô sống với họ trong một sự thân mật kỳ lạ và như mộng mơ.

Cô đã đưa ra một câu hỏi.

"Tờ giấy dán tường như thế nào? Mà anh và vợ anh dán trong hành lang?"

Anh cần phải suy nghĩ.

"Nó có sọc. Sọc trắng và bạc."

Sự lựa chọn giấy dán tường làm cho Greta có vẻ khó khăn hơn, lạnh lùng hơn, tham vọng hơn lúc cô đi ngoài đường hoặc mua sắm ở Cửa Hàng Thực Phẩm, trong những chiếc áo mềm mại, không lịch sự, bông hoa, những cái quần ca rô rộng, một băng cột tóc trên đầu. Một bà nội trợ to lớn, tóc vàng, đầy tàn nhang, một lần cô đã đụng vào tay của Frances với giỏ hàng tạp hóa và nói: "Xin lỗi." Những chữ duy nhất Frances đã nghe từ cô ấy. Một giọng nói thật cứng, lạnh lùng và nhút nhát. Tiếng mà Ted nghe mỗi ngày trong cuộc sống của anh, cơ thể anh ngủ mỗi đêm bên cạnh. Đầu gối của Frances yếu đi và run rẩy, ở ngay trong Cửa Hàng Thực Phẩm trước kệ chất đầy những hợp thức ăn Kraft và thịt heo đậu. Chỉ đứng thật gần người phụ nữ to lớn, bí ẩn, rất ngây thơ và mạnh mẽ này, cũng đủ mờ tâm trí và làm cho cô run lên trong đôi giày của cô.

Sáng Thứ bảy Frances tìm thấy một tin nhắn trong hộp thư, yêu cầu cô để cho Ted vào nhà thờ đêm đó. Cô thật là căng thẳng suốt cả ngày như cô đã từng chờ để gặp anh lần đầu tiên, tại Quán Rượu Beattie. Cô đợi, trong bóng tối, bên cửa lớp học chủ nhật. Đó là một đêm xấu, thứ bảy, vị mục sư hoặc người gác cổng có thể sẽ có mặt ở đó, vì cả hai đã có mặt, trước đó, khi Frances chơi đàn một cách lơ đãng. Họ đã đi về, cô hy vọng họ sẽ không trở lại.

Họ thường làm tình ở đây trong bóng tối, nhưng đêm nay Frances nghĩ họ sẽ cần một cái đèn để nói chuyện. Cô dẫn đường ngay đến một lớp học chủ nhật đằng sau khán đài của ban hợp ca. Đó là một căn phòng dài, hẹp, ngột ngạt không có cửa sổ bên

ngoài. Những chiếc ghế của lớp học chủ nhật đã được xếp chồng lên nhau trong một góc. Có một cái gì lạ trên bàn một giáo viên - một gạt tàn thuốc với hai điếu thuốc lá dụi tắt trong đó. Frances giơ nó lên.

"Có người nào khác cũng đến đây nữa."

Cô phải nói cái gì ngoài vụ tai nạn, bởi vì cô chắc chắn không bao giờ cô có thể nói một điều gì đúng về chuyện đó.

"Cả một nơi hẹn hò của tình nhân," Ted nói, làm cho cô nhẹ nhõm. "Anh sẽ không ngạc nhiên." Anh nêu ra có thể một số cặp. Bà thư ký trường và ông hiệu trưởng. Em dâu của Frances và vị mục sư của nhà thờ này. Nhưng giọng anh buồn bã.

"Chúng ta sẽ phải lập một lịch trình."

Họ không bận tâm lấy ghế xuống, nhưng ngồi trên sàn nhà dựa lưng vào tường, dưới một tấm hình của Chúa Giêsu đi bộ trên Biển Galilee.

"Anh chưa bao giờ có một tuần phần đầu như vậy trong cuộc sống," Ted nói. "Anh không biết bắt đầu từ đâu. Chúng anh trở về từ London thứ ba, và thứ tư, gia đình của Greta kéo xuống. Họ lái xe cả đêm, hai đêm. Anh không biết họ làm thế nào. Họ trưng dụng một xe cào tuyết đi trước họ trong khoảng năm mươi dặm ở một nơi nào đó. Những người phụ nữ này có khả năng làm bất cứ điều gì. Người cha chỉ là một cái bóng. Người phụ nữ là nỗi kinh hoàng. Kartrud tệ nhất. Cô ấy có tám đứa con và cô không bao giờ ngừng điều khiển các chị em và gia đình của họ và bất cứ ai khác sẽ cho phép cô. Greta chỉ vô ích đối với cô ấy."

Anh nói rắc rối đã xảy ra ngay lập tức, về tang lễ. Ted quyết định chọn một tang lễ không tôn giáo. Anh đã nhất quyết từ lâu nếu có người trong gia đình anh qua đời, anh sẽ không liên lạc với nhà thờ. Người lo vụ mai táng không thích, nhưng đồng ý. Greta nói được. Ted viết ra một vài đoạn văn tưởng niệm anh có ý định sẽ đọc. Vậy thôi. Không có thánh ca, không có cầu nguyện. Không có gì mới về phần này hết. Họ đều biết anh cảm thấy thế nào. Greta biết. Gia đình cô ấy biết. Tuy nhiên, họ bắt đầu tiếp tục

như thế đây là một sự tiết lộ mới và kinh hoàng. Họ hành động như thể chủ nghĩa vô thần chưa bao giờ được biết đến. Họ cố gắng để nói với anh là một đám tang như thế này là bất hợp pháp, là anh có thể đi tù.

"Họ mang một ông già theo với họ, mà anh chỉ giả định là ông chú hoặc anh em họ hàng gì đó. Anh chưa gặp họ hết, đó là một gia đình rất lớn. Vì vậy, sau khi anh cho biết kế hoạch lo đám tang họ giải thích với anh ông ta là vị mục sư của họ. Một vị mục sư Phần Lan của giáo phái Lutheran họ đã chở theo vượt bốn trăm dặm để đe dọa anh. Hình dạng ông cũng xấu, một ông già nghèo vẻ gian. Ông ta bị cảm lạnh. Họ lẳng xăng đặt những lớp mù tạt trên người ông, ngâm chân và cố gắng chăm sóc cho ông khỏe lại để thực hiện buổi lễ. Ông cần phục vụ họ đúng nếu ông không muốn làm họ thất vọng."

Ted đã đứng lên lúc bảy giờ, đi đi lại lại trong lớp học chủ nhật. Anh cho biết anh sẽ không bao giờ để họ đe dọa. Họ có thể chở cả giáo đoàn và Giáo Hội Lutheran đến trên một chiếc xe rộng lớn. Anh nói với họ như vậy. Anh muốn cho họ hiểu anh sẽ chôn con trai của anh theo cách riêng của anh. Đến lúc này Greta đã nhượng bộ, cô đã đứng về phía họ. Không phải là vì cô ta có một tí gì cảm giác tôn giáo, mà chỉ vì tiếng khóc lóc và lời trách cứ và sự yếu đuối khi đối mặt với gia đình mà cô luôn có thái độ đó. Cũng không phải để cho gia đình định đoạt. Nhiều kẻ tò mò ở Hanratty cũng can dự vào. Nhà đầy người. Vị mục sư Giáo Hội United Church, mục sư của nhà thờ này, xuất hiện một lúc để tư vấn với ông mục sư Lutheran. Ted đã đuổi ông ta ra. Sau đó, anh phát hiện thật sự không phải lỗi của ông mục sư, ông không tự động đến. Kartrud đã cho mời ông ta, nói rằng có một tình huống tuyệt vọng, chị của cô đang bị suy nhược thần kinh.

"Có đúng không?" Frances hỏi.

"Cái gì?"

"Cô ấy - vợ của anh - có bị suy nhược thần kinh không?" "Ai cũng có thể bị suy nhược thần kinh với nhóm người điên đó"

trong nhà."

Đám tang là riêng tư, Ted nói, nhưng điều đó dường như không ngăn cản được ai muốn đến có mặt. Chính anh đứng ngay bên cạnh quan tài sẵn sàng đánh gục bất cứ ai can thiệp vào. Cô em vợ - với niềm thích thú - hay ông mục sư già ốm yếu hoặc thậm chí cả Greta nếu họ đẩy cô vào đó.

"Ồ, không," Frances nói một cách vô tình.

"Anh biết cô ấy sẽ không làm. Nhưng Kartrud có thể. Hoặc bà mẹ già.

Anh không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Anh biết anh không thể cho họ thấy một sự do dự nào. Thật là kinh khủng. Anh bắt đầu nói chuyện và bà mẹ già bắt đầu khuấy động và than khóc. Anh phải hét lên áp tiếng của bà. Bà càng la lớn bằng tiếng Phần Lan anh càng hét to hơn bằng tiếng Anh. Thật là điên khùng."

Anh vừa nói vừa trút các đầu vụn thuốc lá từ gạt tro tàn vào tay, ném qua ném lại.

Sau một lúc, Frances nói, "Nhưng Greta là mẹ của cậu bé."

"Em nói như vậy nghĩa là gì?"

"Nếu cô ấy muốn có một đám tang bình thường."

"Ồ, cô ấy không muốn."

"Làm sao anh biết?"

"Anh biết cô ấy. Cô không có bất cứ ý kiến nào hết.

Cô ấy chỉ nhượng bộ trước Kartrud, cô luôn luôn làm vậy".

Frances đang suy nghĩ, anh đã làm tất cả cho chính anh. Anh không nghĩ đến Greta trong một lúc. Hoặc đến Bobby. Anh nghĩ đến bản thân và niềm tin của anh và anh không chịu thua kẻ thù của mình. Đó là những gì quan trọng đối với anh. Cô không thể không nhìn thấy điều này và cô không thích. Cô không thể không nhìn thấy là cô thật sự không thích chút nào. Điều đó không có nghĩa là cô đã ngừng không thích anh; ít nhất, cô đã không ngừng yêu anh. Nhưng có một sự thay đổi. Sau này khi cô nghĩ lại, dường như đến thời điểm đó cô đã để mình dính líu vào một cái gì trẻ con và đáng xấu hổ. Cô đã điều hành tất cả cho

niềm vui riêng của cô, nhìn thấy anh như cô muốn, chú ý đến khi cô muốn, không xem anh quan trọng, mặc dù cô nghĩ cô đã làm như vậy; cô có thể đã nói anh là điều quan trọng nhất trong cuộc sống của cô.

Cô sẽ không còn được phép như vậy nữa, lừa dối và lừa dối.

Lần đầu tiên, cô rất ngạc nhiên khi anh muốn làm tình. Cô chưa sẵn sàng, cô không thể hiểu anh ta được, nhưng anh có vẻ quá bận rộn để chú ý.

Ngày hôm sau, chủ nhật, khi cô chơi đàn cho các buổi lễ, đó là lần cuối cùng Frances chơi trong Giáo Hội United Church.

Thứ hai Ted được gọi vào văn phòng hiệu trưởng. Chuyện gì đã xảy ra là Kartrud em gái của Greta đã quen biết những phụ nữ ở Hanratty trong năm ngày nhiều hơn là Greta trong mười tám tháng, và có người đã kể với cô ta về Ted và Frances. Frances nghĩ sau đó có thể Adelaide là người đã nói, chắc là Adelaide, nhưng cô đã lầm. Adelaide đã đến nhà Makkavala, nhưng cô không phải là người đã nói ra; ai đó đã đến trước cô. Kartrud, trong một cơn thịnh nộ đã có từ sự tranh chấp trong tang lễ, và mất mát ở đó, đã đến thăm cả hai, ông hiệu trưởng của trường trung học và ông mục sư của Giáo Hội United Church. Cô hỏi họ định dùng những biện pháp gì để giải quyết. Cả ông mục sư lẫn ông hiệu trưởng đều không muốn dùng biện pháp nào. Cả hai đều đã biết về chuyện này, và rất lo lắng, và hy vọng nó sẽ qua đi. Ted và Frances đều có giá trị cho họ. Cả hai đều nói với Kartrud là chắc chắn bây giờ, sau cái chết của đứa con, vợ và chồng sẽ gắn lại với nhau và chuyện này sẽ bị lãng quên. Họ cho biết thật là một điều đáng tiếc để làm om sòm lên bây giờ, khi gia đình đã phải đau khổ vì một sự mất mát như vậy và sự tổn thương có thể được hàn gắn lại, với người vợ khôn ngoan hơn. Nhưng Kartrud hứa cô sẽ là người khôn ngoan hơn. Cô ngụ ý sẽ nói với Greta, trước khi cô trở về nhà, cô muốn nói sẽ thuyết phục Greta đi theo cô, nếu một cái gì đó không được thực hiện để chấm dứt chuyện này. Cô là một phụ nữ có quyền lực, cả về thể chất lẫn lời nói. Cô đã làm

cho cả hai người đàn ông đều sợ hãi.

Ông hiệu trưởng nói với Ted là một vấn đề đáng tiếc đã làm ông quan tâm, được đưa lên trình với ông. Ông xin lỗi phải đưa nó ra ngay biết rằng anh vừa mất người thân nhưng ông không có sự lựa chọn nào khác. Ông nói hy vọng là Ted có thể đoán vấn đề ông muốn đề cập đến, trong đó liên quan đến một phụ nữ của thành phố này trước đây đã được sự tôn trọng của mọi người và ông hy vọng cô sẽ lấy lại được tình cảm đó. Ông tưởng tượng rằng có thể Ted đã quyết định chấm dứt mọi việc. Ông chờ đợi Ted sẽ làm một báo cáo mập mờ xấu hổ về vấn đề anh đã, hoặc sẽ, chấm dứt mọi chuyện, và cho dù nó có vẻ thuyết phục được hay không, ông hiệu trưởng đã chuẩn bị để chấp nhận bản báo cáo này. Ông chỉ thực hiện lời hứa của ông; như vậy Kartrud sẽ rời khỏi thị trấn mà không gây thêm rắc rối nữa.

Ted nháy lên, trước sự ngạc nhiên của ông hiệu trưởng, và cho biết đây là một sự quấy rối, và anh sẽ không chịu đựng được. Anh nói anh biết ai đứng đằng sau vụ này. Anh nói anh sẽ không chấp nhận mọi sự can thiệp, các mối quan hệ của anh hoàn toàn là chuyện riêng của anh, và dù sao hôn nhân không là gì hết ngoài một phong tục lỗi thời thúc đẩy bởi các cơ quan của nhà thờ, giống như mọi thứ khác mà họ nhồi xuống cổ họng của người dân. Một cách không nhất quyết, anh tiếp tục nói rằng dù sao anh cũng sẽ chia tay với Greta, anh sẽ rời khỏi trường, công việc của anh, Hanratty; anh sẽ kết hôn với Frances.

Không, không, ông hiệu trưởng cứ lặp đi lặp lại, uống một ly nước. Anh không có ý định như vậy, thật là vô lý. Anh không thể quyết định được khi anh đang ở trong một trạng thái như thế này.

"Tâm trí của tôi đã quyết định từ lâu rồi," Ted nói. Ông tin rằng đó là sự thật.

"Anh có thể ít nhất hỏi em trước," Ted nói với Frances. Họ đang ngồi trong phòng khách của căn hộ, cuối buổi chiều. Thứ hai đó Frances đã không đến trường trung học; cô đã ra lệnh cho

nhóm ca hát gặp nhau tại Tòa Thị Sảnh, để cô có thể luyện tập cho họ ở đó, cho họ quen với sân khấu. Cô trở về nhà khá muộn và mẹ cô nói, "Có một người đàn ông chờ con trong phòng phía trước. Ông có nói tên, nhưng mẹ quên." Mẹ cô cũng quên nói rằng ông mục sư đã gọi điện và muốn Frances gọi lại ông ta. Frances không bao giờ biết điều đó.

Cô nghĩ rằng có lẽ là nhân viên bảo hiểm. Có vài vấn đề về bảo hiểm cháy cho tòa nhà. Ông đã gọi tuần trước và hỏi nếu ông có thể đến gặp cô khi ông ghé tiếp theo trong thị trấn. Đi qua hành lang, cô cố gắng giải tỏa tâm trí để nói chuyện với ông, tự hỏi nếu cô có phải tìm một nơi khác để sống. Sau đó, cô nhìn thấy Ted ngồi bên cửa sổ, trong chiếc áo khoác. Anh đã không bật đèn. Nhưng một số ánh sáng từ ngoài đường rọi vào, vài cầu vồng Giáng Sinh màu đỏ và màu xanh lá cây mùa máy trên người anh.

Cô biết ngay chuyện gì đã xảy ra khi cô nhìn thấy anh. Cô không biết chi tiết nhưng đại khái. Làm thế nào khác để anh có thể đến ngồi ở đây trong phòng khách của mẹ cô ở phía trước mặt là giấy dán tường cũ kỹ hình dương xỉ và Kinh Truyền Tin?

"Đây là một căn phòng kiểu cũ," anh nói nhẹ nhàng, như thể đoán được suy nghĩ của cô. Anh trông mỗi mệ, anh ở trong trạng thái kỳ lạ, suy yếu, mơ màng tiếp theo những dòng khủng khiếp hoặc quyết định không thể sửa đổi. "Nó không giống như em chút nào."

"Đây là phòng của mẹ em," Frances nói, muốn hỏi - nhưng không đúng lúc - loại phòng nào sẽ giống như cô. Cô có vẻ như thế nào, đối với anh, anh đã thực sự nhận thấy bao nhiêu về cô? Cô kéo màn cửa lại và bật lên hai cái đèn treo tường.

"Đó có phải là góc của em không?" Ted hỏi một cách lịch sự, khi cô đóng bài nhạc trên cây đàn dương cầm. Cô đóng nó lại như vậy nó sẽ không làm phiền anh, hoặc để bảo vệ nó; anh không thích âm nhạc.

"Có lẽ vậy. Đó là Mozart ", cô nói vội vàng, chạm vào hình tượng rở tiền đặt trên chiếc bàn bên cạnh. "Nhà soạn nhạc yêu

thích của em."

Thật là một điều ngu ngốc, nữ sinh để nói. Cô cảm thấy lời xin lỗi của cô không phải để cho Ted, nhưng cho góc này của cuộc đời cô, đàn dương cầm và Mozart và bản in đen của Một Cái Nhìn của Toledo (A View of Toledo), mà cô rất thích, và bây giờ sẵn sàng để phơi bày và phản bội.

Ted bắt đầu kể với cô về các sự kiện trong ngày, những gì ông hiệu trưởng đã nói, những gì anh đã nói, như anh có thể nhớ. Khi kể, phần trả lời của anh đã phần nào dịu hơn, kiểm soát hơn và chu đáo hơn là khi xảy ra trong thực tế.

"VẬY, anh nói là anh sẽ kết hôn với em, và sau đó anh nghĩ, tất cả đều là giả định. Cái gì xảy ra nếu cô ấy nói không?"

"Ồ, anh biết em sẽ không..." Frances nói. "nói không".

Tất nhiên là anh đã biết điều đó. Họ đang bàn bạc, không có gì có thể ngăn chặn họ. Không phải mẹ của Frances, bà ngồi trong bếp đọc sách và không biết bà ở dưới bản án tử hình (vì nó sẽ đưa tới, bà sẽ đến Clark và Adelaide và sự rắc rối trong nhà họ sẽ kết thúc cuộc sống của bà; họ sẽ quên những cuốn sách thư viện của bà và bà sẽ đi ngủ và chết đi). Không phải những đứa con gái nhỏ của Ted, họ trượt băng trưa nay ở trong sân ngoài trời, với tiếng nhạc văng vẳng "Chuyện khu Rừng Vienna" (Tales from the Vienna Woods), và vui chơi, một cách nhẹ nhàng và tội lỗi, nghĩ đến cái chết của người anh.

"Anh có muốn uống cà phê không?" Frances hỏi. "Ồ, em không biết nếu ở nhà có không. Em dành tất cả các phiếu giảm giá để mua trà. Anh có muốn uống trà không?"

"Chúng anh để dành tất cả để mua cà phê. Không. Được rồi em."

"Em xin lỗi."

"Anh thực sự không muốn cái gì hết."

"Chúng ta bị choáng váng," Frances nói. "Cả hai chúng ta đều bị choáng váng."

"Dù sao nó cũng sẽ xảy ra. Sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ phải

quyết định."

"Anh nghĩ như vậy?"

"Ồ, có, tất nhiên," Ted nói một cách sốt ruột. "Tất nhiên chúng ta sẽ phải quyết định." Nhưng nó không có vẻ như vậy đối với Frances, và cô tự hỏi nếu anh chỉ nói vì anh không thể chịu nổi ý nghĩ bất cứ điều gì được thực hiện ngoài sự kiểm soát của anh - và thật là lãng phí, thật tàn nhẫn - và bởi vì anh cảm thấy cần phải che giấu cô vai trò cho dù rất nhỏ mà cô đã can dự vào tất cả chuyện này. Không, không phải là một vai trò nhỏ; một vai trò mơ hồ. Một chuỗi dài các sự kiện, một số nhiều được che giấu để cô không biết, đã đưa ông đến đây để cầu hôn cô tại địa điểm thích hợp nhất, phòng khách của mẹ cô. Điều này cần thiết cho cô. Và nó không ích lợi để nghĩ, có ai khác cũng sẽ làm như vậy, nó có sẽ xảy ra không nếu chuỗi sự kiện không liên kết chính xác như thế? Bởi vì nó được liên kết như vậy, và không phải là bất cứ ai khác. Đó là Frances, cô đã luôn tin tưởng một cái gì đó sẽ xảy ra với cô, một thời điểm phân chia rõ ràng sẽ đến, và cô sẽ được đối diện với tương lai của cô. Cô đã thấy trước điều đó, và cô có thể thấy trước một số tai tiếng; nhưng không với gánh nặng, xáo trộn, khả năng thất vọng, điều đó ở ngay trung tâm của nó.

"Chúng ta sẽ phải cẩn thận", cô nói.

Anh nghĩ cô muốn nói là họ không nên có con, ít nhất là trong một thời gian ngắn, và anh đồng ý, mặc dù anh nghĩ cô chọn một thời điểm không thích hợp để đề cập đến. Cô không muốn nói như thế.

Gần ba mươi năm sau đó, Frances đang chào khách, đứng cạnh em trai Clark và quan tài của em dâu Adelaide trong Nhà Quàn Hanratty. Nơi này là một phần mở rộng mới của cửa hàng bán bàn ghế bên cạnh cửa hàng cũ bán đồ kim khí. Cửa hàng kim khí bị cháy rụi. Vì vậy, Frances đang đứng bên dưới nơi cô từng sống, nếu có thể tưởng tượng được. Frances không tưởng tượng đến.

Tóc cô có một màu sắc kỳ lạ. Những sợi tóc đen đã chuyển

sang xám nhưng không phải màu đỏ, thành một hỗn hợp tóc hoa râm mà các con gái của cô đã thuyết phục cô để nhuộm đi. Nhưng họ đã chọn lộn màu cho cô. Màu tóc sai lầm, tuy nhiên, giống như son môi nhạt tan, bộ quần áo phù hợp kẻ sọc, tướng gầy ốm chịu đựng và vẻ phân tâm, đầy năng lượng, chỉ làm cho cô trong giống cô hơn, và nhiều người rất vui mừng khi gặp cô.

Cô có trở lại trước đây, tất nhiên, nhưng không thường xuyên. Cô không bao giờ đem Ted theo. Cô mang các con về, họ nghĩ Hanratty là một nơi cổ xưa, vô lý, ngớ ngẩn mà cha mẹ của họ đã sống qua. Cô có hai con gái. Ted có tất cả bốn con gái, nhưng không có con trai. Mỗi lần trong phòng sinh, Frances đều cảm thấy nhẹ nhõm.

Cô tiếp tục tin rằng Adelaide đã cho tin về cô, và cô vẫn tức giận về chuyện đó, mặc dù cô thấy có thể dễ dàng cho cô hơn nên biết ơn cô ấy. Bây giờ Adelaide đã chết. Cô rất béo mập; cô có vấn đề về tim.

Khách tại nhà tang lễ không hỏi Frances về Ted nhưng cô cảm thấy điều này là do sự ngưỡng ngừng ngày xưa, không phải ghét bỏ. Họ hỏi về những đứa con của cô. Sau đó Frances tự cô đã nêu tên của Ted, nói rằng con gái nhỏ đã về nhà từ Montreal, nơi cô đang theo học, để ở một vài ngày gần cha cô trong khi mẹ đi vắng. Ted đang ở trong bệnh viện, anh bị bệnh thũng. Anh vào bệnh viện khi trở cơn, bớt đi, trở về nhà lại. Tình trạng này sẽ kéo dài một thời gian.

Sau đó mọi người bắt đầu nói về Ted, nhớ lại những trò khôi hài trong lớp học của anh, nói rằng chưa bao giờ có được ai như anh, cần phải có thêm nhiều giáo sư như thế, thật là cả một loại trường khác họ sẽ có được. Frances cười, đồng ý, nghĩ đến thế nào cô cũng phải báo cáo tất cả điều này cho Ted, nhưng một cách bình thường, như vậy anh sẽ không nghĩ họ thể hiện để cổ vũ anh. Anh không bao giờ trở lại dạy, sau khi rời khỏi Hanratty. Anh có việc làm tại Ottawa, trong chính phủ, như một nhà sinh vật học. Có một công việc như vậy có thể được trong thời kỳ

chiến tranh, mà không cần bằng cấp cao. Frances làm việc như một giáo sư âm nhạc, để họ có thể gửi tiền cho Greta, cô ấy đã trở lại miền Bắc Ontario, với gia đình của cô ta. Cô tin rằng Ted thích công việc của anh. Anh đã tham gia vào nhiều bàn cãi và tranh chấp lớn và nói chuyện bất cần đạo lý nhưng điều này như cô có thể nhìn thấy là cách hành xử của công chức. Nhưng anh đã nhìn vào việc giảng dạy như là một nghề nghiệp thật sự của anh. Anh nhắc càng ngày càng nhiều về những ngày giảng dạy, khi tuổi càng cao, làm cho chúng trở thành một loại phiêu lưu nổi tiếp, với những ông hiệu trưởng điên khùng, hội đồng nhà trường phi lý, học sinh ngoan cố nhưng cuối cùng khuất phục, sự chú ý phát xuất ra ở những nơi không nghĩ đến được. Anh sẽ vui mừng khi biết bao kỷ niệm của học trò anh phù hợp với ký ức của anh.

Cô cũng định kể với anh về Helen, con gái của Adelaide, một người phụ nữ tròn trịa vào tuổi ba mươi. Cô đến mời Frances có một cái nhìn gần vào Adelaide, miệng được khép chặt và kín đáo như chưa bao giờ xảy ra khi cô còn sống.

"Cô xem họ làm thế nào, họ luôn dây kềm vào hàm để đóng lại. Đó là cách họ làm bây giờ, họ cho dây kềm vào hàm và nó không bao giờ có vẻ tự nhiên. Họ thường cho vào các miếng bông nhỏ và độn vào môi nhưng họ không làm như vậy nữa, quá nhiều rắc rối."

Một người đàn ông mập, mặt tái nhạt, sử dụng hai cây gậy, đi đến Frances.

"Tôi không biết bà nhớ tôi không. Tôi từng là hàng xóm của Clark và Adelaide. Fred Beecher."

"Có chứ, tôi nhớ ông," Frances nói, mặc dù cô không thể nghĩ trong một lúc làm thế nào cô nhớ ông ta. Ký ức trở lại với cô khi họ nói chuyện. Ông cho cô những kỷ niệm lảng giềng với Adelaide và nói với cô về phương pháp điều trị của ông cho viêm khớp. Cô nhớ Adelaide kể rằng ông nôn trong tuyết. Cô nói cô rất tiếc về nỗi đau, và sự đi đứng khó khăn của ông, nhưng cô thực

sự muốn nói cô xin lỗi về vụ tai nạn. Nếu ông không đi ra ngoài trong tuyết ngày hôm đó để chở chiếc xe em bé qua phố, Frances sẽ không sống tại Ottawa bây giờ, cô sẽ không có hai con, cô sẽ không có cuộc sống của cô, không cùng cuộc sống. Đó là sự thật. Cô chắc chắn như vậy, nhưng quá ghê gớm để nghĩ đến. Góc độ mà cô đã nhìn thấy nó không bao giờ có thể được chấp nhận; nó có vẻ vô nhân đạo. Và nếu ông đã không đi ra ngoài ngày hôm đó - Frances suy nghĩ vừa nói chuyện với ông - tất cả chúng ta sẽ đang ở đâu bây giờ? Bobby sẽ khoảng bốn mươi tuổi, có lẽ anh ta sẽ là một kỹ sư - những ý thích của anh lúc trẻ con, bây giờ được Ted thường xuyên gọi lại hơn, làm cho nó có vẻ thực tế - anh sẽ có một công việc tốt, thậm chí có thể là một công việc thú vị, một người vợ và con cái. Greta sẽ đi đến thăm Ted trong bệnh viện, chăm sóc bệnh thũng của anh. Frances có thể vẫn có mặt ở đây, tại Hanratty, giảng dạy âm nhạc; hoặc cô có thể ở nơi nào khác. Cô có thể đã bình phục trở lại, đã yêu một người nào khác, hoặc cô có thể trở thành khó khăn và đơn độc vì vết thương của cô.

Cả một sự khác biệt, Frances nghĩ. Cô không biết sự suy nghĩ đó đến từ đâu hoặc nó có nghĩa gì, vì tất nhiên là có sự khác biệt, ai cũng có thể nhìn thấy đó, sự khác biệt của một cuộc sống. Cô đã có tình yêu của cô, vụ tai tiếng của cô, người đàn ông của cô, con cái của cô. Nhưng bên trong cô tự đánh dấu đi, cùng một Frances đã có ở đó trước khi mọi chuyện xảy ra.

Chắc chắn không hoàn toàn giống nhau.

Giống nhau.

Tôi sẽ càng ngày càng tệ như Mẹ khi tôi già đi, cô nghĩ, xoay qua một cách hăm hở để chào một ai đó. Không sao đâu. Cô còn cả một con đường để đi nữa.

THỊ TRẤN BÊN ĐƯỜNG



Nguyên tác: Miles City, Montana

Cha tôi băng qua cánh đồng ôm xác một đứa bé trai bị chết đuối. Họ có nhiều người, trở về sau cuộc lùng kiếm, nhưng ông là người mang xác thằng bé. Những người đàn ông mình mẩy đầy bùn, mệt lả, bước đi đầu cúi xuống, như thể họ là những người có lỗi. Ngay những con chó cũng chán nản, lông nhều nước từ con sông lạnh giá. Thế mà vài giờ trước đó khi khởi sự, chúng còn tỏ ra bồn chồn, chạy quanh sủa ăng ẳng, những người đàn ông quyết tâm, căng thẳng, và có một không khí kích động bị kìm nén lại, không diễn tả được, bao trùm toàn bộ khung cảnh. Lúc đó ai cũng biết rằng có thể họ sẽ tìm thấy một điều gì khủng khiếp.

Tên của thằng bé là Steve Gauley. Tám tuổi. Tóc và quần áo nó nhuốm bùn, bê bết cỏ, cành vụn và lá chết. Nó là nỗi cự tuyệt được gửi lại từ mùa đông. Mặt nó úp vào ngực cha tôi, nhưng tôi vẫn còn thấy được một lỗ mũi, một vành tai nhét đầy bùn xanh lợt lợt.

Tôi không nghĩ thế. Tôi không nghĩ rằng tôi đã thực sự trông thấy những điều ấy. Có lẽ tôi đã thấy cha tôi mang xác thằng bé, thấy những người khác đi theo ông, những con chó, nhưng tôi không thể nào được phép đến gần tới mức nhìn thấy một thứ gì như bùn trong lỗ mũi. Chắc là tôi đã được nghe ai đó kể lại và tự mình tưởng tượng ra. Tôi nhìn thấy khuôn mặt của nó không thay đổi trừ những vết bùn – khuôn mặt quen thuộc của thằng Steve, mặt nó nhọn, vẻ lém lỉnh – và thật ra không thể nào như thế được; nó phải sưng phồng lên chứ, phải biến dạng và dính bùn khắp nơi sau nhiều giờ ngâm trong nước.

Việc mang về một tin như thế, một bằng chứng như thế, cho một gia đình mỗi mắt trông chờ, nhất là người mẹ, khiến cho

những người đi lòng kiếm đứa bé cử động nặng nề, nhưng điều đang xảy ra ở đây còn tệ hại hơn nữa. Rõ ràng là có một nỗi xấu hổ (nghe người ta nói thế) rằng thật ra chẳng có một người mẹ nào cả, chẳng có một người phụ nữ nào hết – không bà nội không bà ngoại không cô không dì không chị không em – đứng chờ thằng Steve và trao cho nó nỗi đau buồn thương tiếc xứng đáng kia. Cha của Steve là một người làm công, hay uống rượu nhưng không phải là kẻ say sưa, một người đàn ông được chằng hay chớ nhưng không phải quá ham chơi, một kẻ không thân thiện mấy nhưng không làm phiền ai. Mỗi tình phụ tử xem ra cũng ngẫu nhiên, và vì đứa bé bị người mẹ ra đi bỏ lại, và hai cha con vẫn tiếp tục sống với nhau, xem chừng càng có vẻ tình cờ. Họ sống trong ngôi nhà với mái nhọn lợp gỗ xám ở xó núi quê mùa, trông chỉ khá hơn túp lều chút đỉnh – người cha sửa chữa mái nhà và dựng những cái giá đỡ ở bên dưới, cũng vừa đủ thôi và cũng đúng lúc cần thiết – và cuộc đời của hai cha con cũng dựa dẫm vào nhau tương tự như thế; tức là cũng tốt vừa đủ để cho cơ quan can thiệp vì quyền lợi của trẻ em không can dự vào gia đình của họ. Hai cha con không ăn chung với nhau, không ai nấu cho ai, nhưng nhà vẫn có thức ăn, đôi khi người cha cho con một ít tiền để mua thức ăn ở tiệm và người ta thấy thằng Steve tới đó mua những thứ xem ra cũng cần thiết như bột làm bánh hay bữa ăn tối kiểu bột mì có thịt.

Tôi biết rõ Steve Gauley. Tôi cũng thích nó, nhưng phần nhiều là không thích. Steve lớn hơn tôi hai tuổi. Nó đến chơi ở chỗ chúng tôi vào các ngày thứ bảy, ra vẻ coi khinh những trò của tôi nhưng lại không thể bỏ mà đi được. Tôi cũng không thể ngồi lên ghế xích đu mà không có nó khởi động và khi tôi có muốn bỏ cuộc nó liền chạy tới đẩy một cái khiến tôi hoảng lên co rúm người lại. Nó chọc ghẹo những con chó. Nó làm cho tôi phiền bực – có tính toán và rất quỷ quái, sau này tôi nghĩ lại – bằng cách khiến tôi làm những việc mình không tự nghĩ ra: đào khoai lên để xem chúng lớn cỡ nào khi còn nhỏ xíu, chất củi lên thành

đồng để chúng tôi nhảy từ trên đó xuống. Ở trường chúng tôi chẳng bao giờ nói chuyện với nhau. Steve cô độc nhưng không đau khổ. Nhưng vào những buổi sáng thứ bảy, khi chợt nhìn thấy cái dáng của nó điềm tĩnh, gầy gò, xuyên qua hàng rào dương liễu, tôi biết là tôi sắp tham dự một điều gì đó và Steve sẽ quyết định điều ấy. Đôi khi chúng cũng êm xuôi. Chúng tôi giả đò làm cao bồi huấn luyện những con ngựa hoang. Chúng tôi chơi đùa trên cánh đồng cỏ gần bờ sông, không xa lắm chỗ Steve bị chết đuối. Chúng tôi giả đò làm ngựa và kỵ sĩ, la hét, mang dây nhợ, vung vẩy những ngọn roi làm bằng cây lá, ở trên bờ con sông không tên chảy xuôi xuống vùng Saugeen ở phía Nam tỉnh Ontario.

Đám tang được tổ chức trong nhà chúng tôi. Nhà của Steve không đủ chỗ cho đám đông đến dự bởi tình cảnh đặc biệt. Tôi vẫn còn lưu giữ ký ức về căn phòng đầy người nhưng không nhớ là có tấm hình nào của thằng Steve trên quan tài của nó hay có linh mục nào đến làm lễ, hay có những tràng hoa được gửi đến. Tôi chỉ nhớ rằng tôi cầm một bông hoa, loại thủy tiên màu trắng, chắc là ngắt từ chậu bông ai đó đẩy vào cửa, vì lúc ấy chưa phải là mùa của liên kiều trở bông hoặc hoa huệ và cúc vạn thọ hay gập trong rừng. Tôi đứng trong hàng của những đứa trẻ, mỗi chúng tôi cầm một bông thủy tiên. Chúng tôi đồng ca bài hát của trẻ con, có một người nào đó chơi đàn cương cầm: “Khi Người Đến, Khi Người Đến, Làm Nên Châu Ngọc Rạng Ngời”. Tôi mang đôi tất màu trắng, chúng ngựa kinh khủng, đầy những nếp nhăn ở đầu gối và mắt cá chân. Cảm giác đối với những đôi tất này trên chân tôi lẫn lộn với cảm giác trong ký ức của tôi. Thật khó diễn tả. Chắc là chúng có liên quan gì đó tới cha mẹ tôi. Liên quan tới người lớn nói chung nhưng đặc biệt là cha mẹ tôi? Cha tôi người là mang xác Steve từ bờ sông lên, và mẹ tôi là người gần như đã làm tất cả các việc thu xếp cho tang lễ này. Cha tôi trong bộ đồ vest màu xanh sậm và mẹ tôi trong chiếc áo đầm nhung nâu với cái viền cổ sa-tanh kem. Họ đứng bên nhau mở miệng ra khép

miệng lại trong bài nguyện ca, và tôi đứng xa, giữa những đứa trẻ khác, nhìn chăm chú. Tôi có cảm giác ghê tởm điên cuồng và đau đớn. Trẻ con đôi khi có cảm giác bức bối căm ghét như thế đối với người lớn. Kích thích, những cái bóng lờ mờ, sức mạnh bỗng bệnh. Hơi thở, sự thô ráp, lông lá, sự chế tiết khó chịu. Nhưng còn hơn thế nữa. Và cơn giận đi kèm chẳng có gì rõ ràng và đúng mức. Không có một việc gì làm thoải mái hơn và cuối cùng tôi gập người lại nhặt một hòn đá ném về phía Steve. Không thể nào hiểu được hay diễn tả được, mặc dù cảm giác ấy dần biến thành một thứ nặng nề, thành mùi vị trên lưỡi, một mùi vị tình cờ – loãng, đầy nghi hoặc hay quen thuộc.

Hai mươi năm sau hoặc lâu hơn nữa, năm 1961, chồng tôi, Andrew, và tôi mua được một chiếc xe mới toanh, cái xe đầu tiên – tức là cái xe mới đầu tiên. Hiệu Morris Oxford, màu vỏ hào (người bán xe gọi nó bằng một cái tên thú vị hơn) – một chiếc xe loại nhỏ khá bụi, với nhiều chỗ ngồi đủ cho chúng tôi và hai đứa trẻ. Con bé Cynthia lên sáu và Meg ba tuổi rưỡi.

Chồng tôi chụp một bức ảnh tôi đứng bên xe hơi. Tôi mặc quần trắng, áo cổ cò màu đen, và mang kính râm. Tôi đứng dựa vào cửa xe, nghiêng hông để làm mình gầy đi.

“Tuyệt vời,” chồng tôi nói. “Hay lắm. Nhìn em giống Jacky Kennedy.”

Thời ấy khắp nơi những phụ nữ trẻ tuổi, tóc đen, mảnh mai, đều được bảo rằng, khi họ diện đồ sành điệu, hoặc khi chụp hình, trông giống đệ nhất phu nhân Jacky Kennedy.

Andrew chụp nhiều hình cho tôi và những đứa trẻ, nhà chúng tôi, khu vườn, đồ đạc, kỷ vật. Anh chụp hình, ghi chú tỉ mỉ lên đó, gửi về cho mẹ của anh và dì của anh và cậu của anh ở Ontario. Anh cũng đưa những bức hình để tôi gửi cho ba tôi, cũng đang sống ở Ontario, và tôi cũng làm thế nhưng không đều đặn như anh. Khi nhìn thấy những bức ảnh lẽ ra tôi phải gửi đi rồi hãy còn nằm lẩn lóc, Andrew bối rối bức bối lắm. Anh muốn những thứ kỷ vật này được chuyển đi hết.

Mùa hè năm đó chúng tôi về thăm nhà thật, chứ không phải chỉ những bức hình. Chúng tôi lái xe từ Vancouver, nơi đang sinh sống, về Ontario, nơi chúng tôi cũng gọi là nhà, trên chiếc xe hơi mới toanh. Năm ngày đi đường, mười ngày ở đó, năm ngày trở về. Lần đầu tiên Andrew được nghỉ làm trong ba tuần lễ. Anh làm việc trong bộ phận pháp luật của công ty thủy điện tỉnh bang British Columbia.

Buổi sáng thứ bảy, chúng tôi mang vali, hai bình thủy – một cà phê, một nước chanh đường – trái cây, bánh mì, sách ảnh, vở tô màu, bút chì, giấy vẽ, thuốc diệt côn trùng, áo len (phòng khi trời lạnh ở trong vùng núi), và hai đứa con gái của chúng tôi lên xe hơi. Andrew khóa cửa lại và Cynthia nói kiểu cách: “Chào già biệt, nhà ta ơi”.

Meg nói: “Chào già biệt, nhà” rồi nó nói thêm “Thế bây giờ chúng ta sống ở đâu?”

“Không phải chia tay mãi mãi,” Cynthia nói “Chúng mình sẽ trở về. Mẹ ơi! Con Meg nghĩ là chúng ta sẽ không bao giờ về đây nữa.”

“Em có nói thế đâu,” Meg bảo, lấy chân đá vào sau lưng chiếc ghế ngồi của tôi. Andrew và tôi mang kính râm lên và chúng tôi lái xe vượt qua cầu Sư tử xuyên qua cửa ngõ Vancouver. Chúng tôi rũ bỏ ngôi nhà của mình, hàng xóm của mình, thành phố của mình, và – ở biên giới giữa tiểu bang Washington và tỉnh British Columbia – đất nước chúng tôi. Chúng tôi lái xe về phía Đông đi xuyên qua nước Mỹ, dọc theo xa lộ cực Bắc, con đường này sẽ chạy trở vào Canada lần nữa ở Sarnia, Ontario. Tôi không biết chúng tôi đã chọn con đường này vì thời ấy quốc lộ xuyên Canada chưa xây dựng xong hay vì chúng tôi muốn có cảm giác lái xe qua một nước khác, chỉ hơi khác một chút thôi – một chút đỉnh của sự thú vị và phiêu lưu.

Ai cũng phấn chấn. Andrew khoái chí hoan hô chiếc xe hơi nhiều lần. Anh nói anh thấy rõ là nó chạy ngon hơn chiếc xe cũ của chúng tôi, một cái xe Austin đời 1951 bò chậm như rùa khi

lên dốc và mang hình ảnh một bà già râu rĩ. Andrew bảo thế.

“Thế chiếc xe mới này có hình ảnh của cái gì?” Cynthia hỏi. Nó lắng nghe chúng tôi chăm chú và thích tập nói những chữ mới lạ như chữ hình ảnh. Thường nó nói cũng đúng.

“Sống động,” tôi bảo “Giống kiểu xe thể thao. Nhưng không khoe mẽ.”

“Nó tiện lợi, nhưng vẫn có đẳng cấp riêng,” Andrew bảo. “Giống như hình ảnh của anh.” Cynthia ngẫm nghĩ về điều ấy và nói với sự tự hào thận trọng “Thế nghĩa là giống như ba muốn ba cũng y vậy, phải không ba?”

Tôi thật hạnh phúc vì cảm giác rũ bỏ. Tôi muốn rũ bỏ hết. Trong ngôi nhà của mình dường như lúc nào tôi cũng tìm chỗ để trốn – đôi khi trốn mấy đứa trẻ nhưng nhiều hơn là công việc cần làm, tiếng điện thoại reo và giao thiệp với hàng xóm. Tôi muốn chạy trốn, ẩn núp để có thể tập trung vào công việc thật sự của mình, một thứ gì như gọi lại quá khứ xa xăm. Tôi đã sống trong tình trạng bị vây hãm, khi nào cũng đánh mất một điều gì tôi đang giữ trong tay. Nhưng cuộc du hành mới dễ dàng làm sao. Lúc này tôi có thể trò chuyện với chồng, với các con và quan sát những điều chúng muốn tôi quan sát – một con lợn ở trên bảng chỉ đường, một con ngựa non trên cánh đồng, một chiếc xe hơi Volkswagen nằm trên xe tải lớn – và đổ ly nước vào những chiếc tách nhựa, và những thứ này thứ kia bay hòa quyện trong nhau suốt ngày trong tôi. Một sự kết hợp quan trọng mà tôi có thể đạt tới. Điều này làm tôi đầy hy vọng, thấy tâm hồn thanh thản, nhẹ nhõm, mà một người quan sát bàng quan mới làm được. Một người quan sát chứ không phải một người canh giữ.

Chúng tôi rẽ về phía Đông ở Everett và vượt lên vùng Cascades. Tôi chỉ cho Cynthia lộ trình trên bản đồ. Trước hết tôi chỉ cho con bé bản đồ của toàn nước Mỹ, đồng thời cũng thấy được phần cực Nam của Canada. Tôi dở qua trang khác của cuốn bản đồ gồm những tiểu bang mà chúng tôi đi qua. Washington, Idaho, Montana, North Dakota, Minnesota, Wisconsin. Tôi chỉ

cho Cynthia những vạch đứt quãng xuyên hồ Michigan, cũng là đường của chuyến phà chúng tôi sẽ qua. Kế đó chúng tôi sẽ lái xuyên Michigan đến cây cầu nối liền Hoa Kỳ và Canada ở vùng Sarnia, Ontario. Về nhà.

Bé Meg cũng muốn nhìn.

“Mày đâu có hiểu gì,” Cynthia bảo. Nhưng nó cũng lôi tập bản đồ ra băng ghế sau.

“Ngồi xuống đi,” nó bảo em “Ngồi yên. Chị chỉ cho mà xem.”

Tôi có thể nghe tiếng động những ngón tay Cynthia chỉ đường cho Meg rất chính xác, như tôi vừa mới làm với nó. Nó coi hết bản đồ các tiểu bang, biết cách tìm chúng theo mẫu tự.

“Mày có biết cái vạch kẻ này là đường gì không?” Cynthia hỏi. “Cái đó kêu bằng xa lộ. Đó là nơi mà chúng ta sẽ lái xe đi. Chúng ta đang đi trên chính cái vạch này đây.”

Meg chẳng nói gì cả.

“Mẹ ơi, chỉ cho con chúng ta đang ở chỗ nào lúc này,” Cynthia nói.

Tôi lấy tám bản đồ lên, chỉ con đường đi xuyên qua núi, và nó lấy lại bày cho Meg. “Có thấy vạch kẻ này không, nó rất là ngoằn ngoèo. Nó ngoằn ngoèo bởi vì có nhiều lối vòng quanh. Những chỗ ngoằn ngoèo là những khúc quanh.” Nó lật một trang rồi chờ một lát. “Bây giờ chỉ cho chị xem chúng ta đang ở đâu”. Rồi nó kêu lên với tôi “Mẹ, Meg hiểu. Nó chỉ ra được cái chỗ đó. Meg cũng hiểu bản đồ!”

Đối với tôi có vẻ chúng ta bịa tạc ra các phẩm chất của trẻ con. Chúng ta xếp đặt chúng sao cho mọi thứ vận hành êm thắm. Cynthia thì sáng láng và cần cù, nhạy cảm, nhã nhặn, cẩn thận. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn trêu đùa nó về việc quá chú ý, chuyên tâm làm bằng được những điều thật ra thâm tâm chúng tôi cũng muốn. Bất cứ cái gì chậm chạp, bị thất bại, bị cự tuyệt, đều làm nó xúc động sâu xa. Con bé có mái tóc mượt, làn da đẹp nõn nà, nhưng dễ bị ăn nắng, dễ ngấm mùi của gió, của lòng tự hào, của cả sự tủ hờn. Meg thì cứng rắn hơn, kín đáo hơn –

không nổi loạn nhưng đôi khi ương ngạnh, bí ẩn. Sự lặng lẽ của nó gây cảm giác về sức mạnh của tính cách, trong khi sự ương ngạnh lại là dấu hiệu của tính độc lập điềm tĩnh. Tóc nâu, và cắt thành những lọn thẳng. Mắt vàng sẫm, trong veo, chói sáng.

Chúng tôi hài lòng với những tính cách của con mình, thích thú với vẻ trái ngược nhau và vẻ xác định của từng cá tính. Chúng tôi không thích lắm quan điểm nặng nề, bảo thủ của cha mẹ. Tôi sợ cảm giác trở thành kiểu bà mẹ thân thể thì chảy xệ xuống, người nặng mùi vải bông, mùi sữa, nghiêm khắc với ba chuyện vặt vãnh. Tôi tin rằng tất cả những nỗi lo lắng quá mức của người mẹ, nhu cầu của họ vác lên vai vai trò của mình, chính là nguyên nhân của chúng đau khóc dạ đề ở trẻ con, chúng đái dầm, chúng hen suyễn. Tôi thích nuôi dạy con kiểu khác – sự liêu lĩnh đầy giấu cợt, tính chế nhạo của những bà mẹ có trình độ chuyên môn thường viết bài cho các tạp chí. Trong các tạp chí ấy, những đứa trẻ tự mình lớn lên, sắc cạnh, bất thường, không bị bẻ gãy. Có những bà mẹ, với sự hóm hỉnh thông minh của họ, đã cứng cỏi được như thế. Những người mẹ trong đời thật làm tôi thích thú là những người có thể nhắc phone lên và thản nhiên nói, “Liệu cái bào thai Hitler của tôi có vô tình chạy qua nhà chị không?” Họ có thể cười hăng hắc trên đám sương mù đặc như sữa.

Tôi nhìn thấy một con nai chết cột trước chiếc xe tải nhỏ.

“Có ai đã bắn hạ nó,” Cynthia nói, “Những người thợ săn bắn mấy con nai.”

“Mùa săn đã tới đâu,” Andrew trả lời. Chắc là họ tông phải nó trên đường. Con có thấy bảng báo hiệu vẽ nai băng qua đường không?”

“Con sẽ khóc nếu chúng ta tông phải một con nai,” Cynthia nói nghiêm nghị.

Tôi làm những cái bánh mì kẹp với bơ, đậu phụng, mứt cam và quýt cho mấy đứa trẻ và món cá hồi sốt cà chua cho chúng tôi. Nhưng tôi không bỏ rau diếp xà lách vào và Andrew tỏ ra thất

vọng.

“Nhưng em chẳng có miếng nào,” tôi bảo.

“Thế em chẳng có cách nào kiếm được à?”

“Em đã mua cả một bó cải xà lách vừa đủ cho bánh mì xăng uých, nhưng rồi em nghĩ không cần.”

Thật ra tôi nói dối, tôi đã quên mất.

“Có rau diếp xà lách thì ngon hơn,” anh nói.

“Em thì thấy chẳng có gì khác nhau,” sau một hồi tôi nói. “Đừng có cáu kỉnh như thế chứ.”

“Anh không cáu, anh chỉ thích xà lách ở trong món bánh mì kẹp mà thôi.”

“Em chẳng nghĩ chuyện đó quan trọng chi.”

“Thế nếu anh quên đồ xăng thì sao?”

“Hai chuyện đó khác nhau chứ.”

“Thôi hãy hát một bài ca,” Cynthia bảo. Rồi nó bắt đầu hát.

«Năm chú vịt nhỏ một ngày đi ra

Đi lên ngọn đồi và đi thật xa

Một chú vịt nhỏ đi qua và kêu

Quác quác quác

Bốn con vịt nhỏ lúc lắc quay về».

Andrew siết chặt tay tôi, bảo “Thôi mình đừng cãi nhau nữa.”

“Anh nói đúng. Lẽ ra em cần phải mua cải xà lách.”

“Thôi chuyện đó có chi quan trọng đâu.”

Tôi ước gì tôi có thể hưởng những cảm giác về Andrew thành những cảm hứng có ích và đáng tin cậy. Tôi đã cố gắng viết hai danh sách, một là những thứ mà tôi thích về anh, cái kia là những thứ tôi không thích – trong đời sống thân mật vợ chồng có những thứ tôi thích, những thứ tôi ghét – như thể tôi hy vọng rằng điều này có thể mang lại một chứng minh nào đó, một kết luận nào đó. Nhưng rồi tôi lại bỏ cuộc vì thấy những điều ấy tôi biết rồi – rằng tôi có nhiều mâu thuẫn không sửa được. Đôi khi tiếng bước chân của anh ấy đối với tôi cũng có vẻ độc tài chuyên chế, cái miệng của anh ấy cũng có vẻ bần tiện và tự mãn, thân

thể của anh cứng rắn thẳng thớm như một rào cản – một cách đầy ý thức, đầy bản phận, sự hài lòng đáng ghét của quyền lực đàn ông – ở giữa tôi và niềm vui sướng hay nhẹ nhõm mà tôi có thể đạt được trong đời mình. Thế rồi không hề báo trước anh bỗng trở thành người bạn tốt, một người bạn đường quan trọng nhất trên đời. Tôi cảm nhận sự ngọt ngào của thân xác thanh thản, ý tưởng nghiêm nghị, sự yếu đuối dễ vỡ của tình yêu của anh, mà tôi hình dung ra là nó thuần khiết hơn và trong sáng chân thật hơn so với tình yêu của tôi. Tôi có thể khi thì xúc động sâu xa vì sự cứng cỏi, tính khuôn phép đúng mức, khi thì chế nhạo chúng. Tôi nghĩ chồng tôi thật là khiêm tốn khi đứng ngay ngắn vào vị trí của người chồng đã mặc định, vai trò của người cha, một người đi làm việc mang tiền về, và khi tự so sánh với những người đàn ông như vậy, tôi thấy mình là kẻ ích kỷ đáng ghét bí mật. Cũng không hẳn bí mật lắm, không phải nhìn từ phía anh.

Từ dưới sâu xa những cuộc cãi lộn giữa hai vợ chồng, chúng tôi lột hết những sự thật xấu xa nhất. “Anh biết có một điều gì đó rất ích kỷ và rất giả dối ở nơi em,” Andrew có lần nói, “Anh lúc nào cũng biết chuyện đó. Anh cũng biết rằng chính vì vậy mà anh yêu em.”

“Đúng thế,” tôi trả lời. Cảm thấy đau buồn nhưng tự mãn.

“Anh biết rằng em sẽ sống tốt hơn nếu chẳng có anh.”

“Đúng, em có thể như thế đấy.”

“Mà anh cũng hạnh phúc hơn nếu không có em.”

“Đúng chứ.”

Và rồi cuối cùng – cuối cùng – xô đẩy nhau, hành hạ nhau, chúng tôi lại vỗ tay và cười phá lên, cười vào mặt những kẻ ngốc khờ kia, tức cũng là chúng tôi. Sự đau khổ của họ, sự nhớ tiếc của họ, khả năng tự bào chữa cho mình của họ, chúng tôi đã vượt qua những điều ấy, chúng tôi tuyên bố họ là những kẻ nói dối. Chúng tôi uống rượu vang trong bữa tối hay quyết định tổ chức những bữa tiệc.

Đã nhiều năm tôi không gặp lại Andrew, không biết anh còn giữ dáng người thanh mảnh, hay tóc anh đã bạc, vẫn thói quen lúc nào cũng đòi ăn rau diếp xà lách, thích nói thật, hay vẫn nồng nàn và thất vọng như xưa.

Chúng tôi qua đêm ở Wenatchee, Washington, nơi nhiều tuần lễ không mưa. Chúng tôi ăn tối trong một nhà hàng dựng bên thân cây- không phải cây ghép trong chậu mà cây bông gòn mạnh mẽ cao lớn. Sáng sớm khi mặt trời mọc, chúng tôi lái xe ra khỏi thung lũng có nước tưới, leo lên những ngọn đồi khô cằn, sỏi đá, dốc đứng, mỗi ngày một thêm nhiều đồi cho đến khi tới một cao nguyên rộng xuyên qua bởi sông Spokane và sông Columbia. Trung du và thảo nguyên, dặm đường này đến dặm đường kia. Rồi có những con đường thẳng tắp, những thị trấn nông trại nhỏ, những kho tồn trữ lúa mì. Một cái bảng trên đường ghi rõ vùng chúng tôi đi vào, hạt Douglas, là nơi sản xuất lúa mì lớn thứ hai ở Mỹ. Có những thị trấn trồng nhiều cây xanh bóng mát. Hoặc ít ra tôi nghĩ chúng được trồng, bởi vì không thấy những cây lớn như thế ở vùng quê lân cận.

Tất cả khung cảnh ấy chào đón tôi một cách huy hoàng. “Vì sao em yêu chúng đến vậy?” Tôi bảo Andrew. “Chẳng phải vì nó hấp dẫn hay sao?”

“Vì nó gợi nhớ tới quê nhà của em,” Andrew nói. “Một nỗi hoài hương khẩn trương bi thiết”.

Nhưng anh nói thế với giọng tử tế.

Khi nói đến chữ “quê nhà” và ám chỉ Ontario, hai chúng tôi nghĩ đến những vùng khác nhau. Cố thổ của tôi là một nông trại nuôi gà tây, nơi cha tôi sống như người đàn ông góa vợ, và mặc dù đó là ngôi nhà mẹ tôi hằng sống, bà đã từng dán giấy lên tường, sơn phết dọn dẹp, sắp đặt bàn ghế, vẫn thấy rõ dấu hiệu của điêu tàn, của cuộc sống bắt đầu hoang dại. Một đời sống tiếp tục kiêu mà mẹ tôi không thể đoán trước hay tha thứ. Có những buổi tiệc của những người thợ làm gà tây, thợ máng nước, thợ nhổ lông gà, đôi khi có một hai chàng trẻ tuổi sống tạm vài ngày

như quán trọ, rủ rê bạn bè tới tiệc tùng vui nhộn. Đời sống ấy, tôi nghĩ tốt hơn nhiều cho cha tôi so với cuộc sống cô đơn lạnh lẽ, mà tôi cũng không bài bác và chẳng có quyền gì để phê phán. Andrew hoàn toàn không thích tới đó, cũng dễ hiểu thôi, bởi vì anh không phải loại người có thể ngồi lòng vòng quanh bàn bếp với những người thợ làm gà, kể chuyện chọc cười vui vẻ. Những người thợ ngưng ngưng khi có mặt anh, cảm thấy như bị coi thường, và đối với tôi thì cha tôi, những khi họ ở đó, cần đứng về phía họ. Và không chỉ Andrew là bực bội. Tôi chịu được chuyện pha trò của đám thợ, nhưng cũng phải cố gắng lắm.

Tôi ước những ngày nhỏ dại, trước khi gia đình có trại gà tây. Trước đó chúng tôi nuôi bò sữa và bán sữa cho hãng phô-mát. Trại gà không thể nào sánh được với trại nuôi bò hay nuôi cừu. Bạn có thể thấy những con gà tây nằm trên một băng dài nối tới những thùng đông lạnh và thịt chuẩn bị ăn được. Chúng không có vẻ giả tạo của đời sống thanh bình trong trại gia súc, những con lợn trong vườn cây râm mát. Chuồng gà là một dãy nhà dài, tiện lợi, làm bằng tôn. Không có những cái túi hay cỏ hay chuồng. Ngay mùi phân gà tuy loãng hơn nhưng lại khó chịu hơn phân bò. Không có một hình ảnh nào về cuộn cỏ, hàng rào hay chim chóc ca hát hay bụi mận gai trở bông. Những con gà tây để đầy trên mặt đất nhưng chúng đã được rửa sạch. Chúng trông không giống những con chim lớn mà giống một thứ đồ đem giặt biết đập cánh.

Một lần nọ, ít lâu sau khi mẹ tôi qua đời và khi tôi đã lập gia đình – thực tế là tôi đã gói đồ đạc chuẩn bị về ở với Andrew ở Vancouver – tôi ở lại nhà vài ngày với cha tôi. Trời mưa lớn khác thường suốt đêm. Sáng sớm, trại nuôi gà ngập lụt. Ít nhất là những chỗ thấp bị ngập nước- trông như cái hồ với những hòn đảo nhỏ. Những con gà đứng xúm xít lại trên các hòn đảo ấy. Gà tây là thứ rất ngốc. Cha tôi vẫn nói, “Con có biết gà không? Có biết chúng xuẩn ngốc cỡ nào chưa? Vậy mà gà vẫn còn là Einstein nếu đem so với bọn gà tây này”. Nhưng chúng vẫn biết

tụ lại trên cao để tránh chết trôi. Bây giờ chúng xô đẩy nhau đến ngạt thở, run lạnh và chết. Không thể chờ nước rút. Chúng tôi kiếm chiếc xuống cũ, tôi chèo còn cha tôi nắm những con gà lôi chúng lên xuống, mang chúng vào trại gia súc. Trời vẫn còn mưa lai rai. Công việc thật vất vả, nhàm chán và khó chịu. Chúng tôi cười phá lên. Tôi cảm thấy hạnh phúc có dịp làm việc với cha tôi. Tôi cảm thấy gần gũi với thứ công việc nặng nhọc, lập đi lập lại, kinh khủng, khi thân xác bạn rã rời, trí óc chìm ngấm (dù đôi khi tinh thần khinh khoái), và lòng tôi chưa chi đã nảy sinh mối hoài niệm lạ lùng về nơi chốn đây, cuộc sống này, trong những ngày sắp tới. Tôi nghĩ là nếu Andrew nhìn thấy tôi trong hoàn cảnh như thế, trong mưa, lòng bàn tay đỏ ửng lên, người đầy bùn, vừa cố nắm chặt chân gà vừa chèo thuyền, chắc anh chỉ muốn lôi tôi ra khỏi chỗ này và làm tôi quên bằng đi mọi việc ở đây. Cuộc sống thô sơ như nhiên này làm anh tức giận. Sự gắn bó của tôi với nó càng làm anh giận dữ. Tôi nghĩ lẽ ra tôi không nên lấy anh. Nhưng lấy ai bây giờ? Một trong những người thợ làm gà tây chăng?

Và tôi cũng không muốn ở đây lâu. Có lẽ tôi sẽ buồn khi bỏ đi, nhưng còn tệ hơn nếu có ai đó khiến tôi phải ở lại.

Mẹ của Andrew sống ở Toronto trong một căn hộ chung cư nhìn ra công viên Muir. Khi Andrew và người chị của anh còn ở nhà, mẹ họ ngủ ngoài phòng khách. Chồng của bà, một bác sĩ, qua đời khi những đứa trẻ còn nhỏ dại chưa đến tuổi tới trường. Bà học một khóa huấn luyện thư ký và bán căn nhà của mình với giá rẻ mạt, dọn vào cư xá, nuôi dạy con cái tươm tất, với sự giúp đỡ của vài người thân- người chị của bà tên Caroline, người anh rể tên Roger. Andrew và chị đi học trường tư và đi cắm trại mùa hè.

“Thế mà em cứ tưởng là nhờ quỹ tương tế xã hội kia chứ?” Có lần tôi bảo thế, chế nhạo anh về việc anh tự cho mình là một người nghèo. Trong trí tôi, đời sống thành thị của Andrew an toàn quá mức, cầu kỳ kiểu cách. Mẹ của anh về nhà ôm lấy đầu

sau một ngày làm việc đầy tiếng động, ánh sáng chói chang của văn phòng tiệm tạp hóa, nhưng đối với tôi đời sống của bà không có gì khó khăn hay đáng thán phục. Tôi không nghĩ bản thân bà tin rằng mình là một người đáng thán phục – chỉ là không may mắn. Bà lo lắng về công việc của mình ở văn phòng, quần áo, việc bếp núc, con cái. Bà lo âu gần như về tất cả những gì mà Roger và Caroline có thể để mắt tới.

Caroline và Roger sống ở phía đông của công viên, trong một ngôi nhà đá đẹp tuyệt. Roger cao, hói đầu, da mặt tàn nhang, có cái bụng lớn nhưng rắn chắc. Cuộc giải phẫu ở vùng họng làm ông nói giọng khó nghe – như tiếng thì thào thô ráp. Nhưng ai cũng chú ý nghe cả. Có lần trong bữa ăn tối ở ngôi nhà bằng đá kia – tất cả những bàn ghế đồ đạc trong phòng ăn đều lớn, màu tối lộng lẫy, nguy nga – tôi hỏi anh một câu. Tôi nghĩ là có liên quan đến Whittakers Chambers, câu chuyện của ông ta xuất hiện trên báo Bưu Điện Chiều Thứ Bảy. Tôi hỏi nhẹ nhàng thôi nhưng anh nghĩ là có dụng ý khiêu khích và gọi tôi là bà Gromyko, ý muốn nói người mà tôi cùng chia sẻ quan điểm. Có thể anh cần một đối thủ nhưng chẳng tìm thấy ai. Trong bữa ăn tối, tôi nhìn thấy tay của Andrew run lên khi anh bật lửa châm thuốc cho mẹ anh. Dượng Roger trả tiền cho việc học hành cho Andrew, và có chân trong ban giám đốc của một số công ty.

“Dượng ấy chỉ là một người có quan niệm ương bướng,” sau này Andrew bảo tôi. “Làm gì mà em cứ phải tranh cãi với ông?”

Trước khi chúng tôi rời Vancouver, mẹ của Andrew viết thư, Roger có vẻ tò mò về ý định của con muốn mua một cái xe hơi loại nhỏ! Dấu chấm than của bà diễn tả lo ngại. Vào thời đó, đặc biệt là ở Ontario, việc mua một chiếc xe hơi nhỏ kiểu châu Âu thay vì xe Mỹ cỡ bự trông như là một bản tuyên bố – một tuyên bố về lập trường mà Roger đánh hơi được từ lâu.

“Nhưng xe này không thuộc loại xe nhỏ,” Andrew nói bực bội.

“Đó không phải là điểm chính,” tôi bảo anh. “Điểm chính là, mắc mớ chi tới dượng ấy!”

Chúng tôi qua đêm thứ hai ở Missoula. Người ta bảo chúng tôi trong một trạm đổ xăng ở Spokane, là có chỗ sửa chữa xe cộ phụ tùng dọc theo tuyến đường cao tốc số 2 và chúng tôi đã lái qua những dặm đường nóng nực đầy bụi bặm, những thời gian chờ đợi rất dài, vì vậy chúng tôi rẽ về xa lộ liên tỉnh, băng qua Coeur d'Alene và Kellogg để vào Montana. Qua khỏi Missoula chúng tôi hướng lên phía nam về phía Butte, nhưng rồi vòng lại để thăm Helena, thủ phủ của tiểu bang Montana. Trên xe hơi chúng tôi chơi trò Tôi Là Ai?

Cynthia đóng vai một người Mỹ, một người đã chết, và có thể là bé gái. Có thể một phụ nữ. Cô ấy không có mặt trong câu chuyện. Cô không hề xuất hiện trên tivi. Cynthia cũng không đọc gì về cô ta trong sách. Cô không phải là người đã từng tới thăm lớp mẫu giáo hay bà con gì của bạn bè của Cynthia.

“Cô ta có phải là người không?” Andrew hỏi một cách tinh ý đột ngột.

“Không! Đó là thứ mọi người quên hỏi!”

“Một con vật,” Tôi nói sau khi đã suy nghĩ.

“Có phải đó là một câu hỏi không? Có mười sáu câu hỏi!”

“Không, đó không phải là một câu hỏi. Mẹ đang suy nghĩ. Một con vật đã chết.”

“Đó là con nai,” Meg nói, nhưng nó không phải là người chơi.

“Không công bằng!” Cynthia nói. “Meg không chơi.”

“Con nai nào?” Andrew nói.

Tôi bảo, “Ngày hôm qua”

“Ngày hôm trước,” Cynthia nói. “Meg không chơi. Không ai đoán được.”

“Con nai trên xe tải,” Andrew bảo.

“Đó là một con nai cái, vì nó không có gạc, và đó là một con nai Mỹ, và nó đã chết rồi,” Cynthia bảo.

Andrew nói, “Cha nghĩ đó là ý tưởng bệnh hoạn, đóng vai một con nai chết.”

“Con hiểu rồi,” Meg nói.

Cynthia bảo, “Con nghĩ con biết bệnh hoạn nghĩa là gì. Đó là một thứ sâu muộn.”

Helena, một thị trấn khai mỏ bạc cũ, trông hoang vắng ngay trong ánh nắng bình minh. Rồi đến Bozeman và Billings, không tiêu điều chút nào – sống động mạnh mẽ với nhiều dặm dài lông lánh kim tuyến của bãi bán xe hơi cũ. Chúng tôi mệt lử và cảm thấy nóng ngay cả khi chơi trò Tôi Là Ai? Những thành phố bận rộn và tẻ nhạt nhắc tôi nhớ tới những địa điểm khác ở Ontario, và tôi sực nghĩ, điều gì thực ra đang chờ đợi mình ở đó – những đồ đạc bia đá trong phòng ăn của dì dưỡng Caroline và Roger, những bữa ăn tối khiến tôi phải ủi những bộ trang phục của trẻ con, nhắc chúng về những cái nĩa và một cái bàn ăn khác một trăm dặm xa, những trêu đùa chọc ghẹo của đám thợ làm gà tây của cha tôi. Niềm vui thú tôi hằng nghĩ tới – thả mắt nhìn ra xa vùng quê êm ả hay uống một chai Coke trong tiệm tạp hoá cũ với những cây quạt trần và mái tôn cao – đã bị những thứ ấy giứt phăng mất.

“Meg buồn ngủ,” Cynthia nói. “Nó nóng quá. Làm con ngồi gần cũng nóng lây.”

“Mẹ hy vọng là nó không bị sốt,” tôi bảo, không ngoảnh lại.

Chúng tôi làm những chuyện này vì cái gì, tôi nghĩ thầm, và câu trả lời đến ngay – để khoe thôi. Để cho mẹ của Andrew và cha tôi niềm vui gặp cháu của họ. Đó là bốn phận. Nhưng đằng sau cái đó chúng tôi còn muốn khoe một điều gì khác nữa. Thực là những đứa trẻ hăm hở biết bao, tôi và Andrew, những kẻ lúc nào cũng đi tìm sự tán đồng ở người khác. Như thế vào một lúc nào đó ở một điểm nào đó chúng tôi đã nhận được những thông điệp khó nuốt không thể nào quên – rằng chúng tôi đã đi quá xa, và rằng sự thành công thông thường trong đời đã ở sau lưng chúng tôi quá lâu. Dưỡng Roger đã phát đi những thông điệp ấy, tất nhiên theo cách của ông – nhưng mẹ của Andrew, mẹ tôi và cha tôi, cũng không ai khác biết cách phát đi thông điệp. Tất cả họ đều muốn nói với chúng tôi rằng “Cẩn thận đấy, phải hoà hợp

với mọi người thôi”. Cha tôi khi tôi còn ở trung học đã từng chế nhạo rằng tôi nghĩ mình quá thông minh nên chắc không bao giờ có một đứa bạn trai. Rồi ông quên bằng điều ông nói trong một tuần, nhưng tôi thì không bao giờ quên. Andrew và tôi không quên điều gì cả. Chúng tôi dễ bị tổn thương.

“Con ước có một bãi biển,” Cynthia nói.

“Có lẽ có một cái,” Andrew bảo. “Ngay phía sau đường lượn vòng.”

“Không có đường vòng nào cả,” Cynthia bảo, giống như tức tối.

“Mẹ cũng muốn nói thế đấy.”

“Con ước gì có một ly chanh đường.”

“Mẹ thì muốn có cây đu đủ thần và biến phép một ly chanh đường,” tôi nói. “Được thôi, Cynthia? Hay là một ly nước nho vắt? Rồi mẹ hoá phép một bãi biển ở đó nữa”

Cynthia im lặng và tôi cảm thấy hối hận ngay. “Có thể trong thị trấn trước mặt sẽ có một bể bơi,” tôi nói. Tôi nhìn bản đồ. “Ở thị trấn Miles City. Dù sao chúng ta sẽ có một thứ gì đó mát để uống.”

“Xa hay gần hả em?” Andrew hỏi.

“Không xa lắm đâu,” tôi nói, “Ba mươi dặm, cỡ đó.”

“Ở thị trấn Miles City,” Cynthia nói, giọng trầm xuống như đang niệm chú, “sẽ có một bể bơi xanh ngắt đẹp tuyệt dành cho trẻ con và một công viên cây cối mơ màng.”

Andrew bảo tôi, “Em có thể bắt đầu vài thứ em thích”.

Nhưng quả thật có một bể bơi. Một công viên nữa, mặc dù nó không giống ốc đảo trong mơ của Cynthia. Những cây cối thảo nguyên có lá mỏng – cây bông gòn và cây dương – cỏ uá, và hàng rào thép bao quanh bể tắm. Bên trong hàng rào ấy, một bức tường chưa xây xong gồm những tấm xi măng ghép. Không có tiếng cười đùa, tiếng giỡn nước; xuyên qua lối vào tôi nhìn thấy tấm bảng ghi bể bơi tạm đóng cửa từ mười hai giờ trưa đến hai giờ chiều. Lúc đó là mười hai giờ hai mươi lăm phút.

Nhưng tôi vẫn gọi, “Có ai đó không?” tôi nghĩ có người quanh đây, vì một chiếc xe tải nhỏ đỗ trên lối vào. Trên thành xe có tấm bảng ghi: Chúng tôi có mưu lược để sửa chữa ống nước. (Chúng tôi cũng có dịch vụ hút cầu Roto- Rooter).

Một cô gái chạy ra, mặc áo cứu hộ màu đỏ bên ngoài bộ đồ tắm. “Xin lỗi, chúng tôi đóng cửa.”

“Chúng tôi vừa lái xe ngang qua,” tôi nói.

“Chúng tôi đóng cửa mỗi ngày từ mười hai giờ trưa đến hai giờ chiều. Trên bảng có ghi rõ.” Cô ta đang ăn bánh mì xăng ụch.

“Tôi có thấy tấm bảng,” tôi nói. “Nhưng đây là nơi đầu tiên có nước tắm rửa sau nhiều ngày đường, mà các cháu thì nóng nực quá sức, và tôi mong chúng có thể nhảy ùm xuống nước một lát chỉ năm phút thôi mà. Chúng tôi sẽ canh chừng chúng.”

Một cậu trai trẻ xuất hiện sau lưng cô gái. Cậu trai mang quần jeans và áo thun in hàng chữ Roto- Rooter .

Tôi định kể chúng tôi đi từ British Columbia đến Ontario nhưng chợt nhớ đối với nhiều người Mỹ mấy cái địa danh Canada này chẳng gọi lên điều gì nên thôi.”Chúng tôi lái xe xuyên liên bang,” tôi nói. “Chúng tôi không có thời giờ để chờ bể bơi mở cửa. Chỉ hy vọng là các cháu có cái gì tắm mát một chút.”

Cynthia chạy chân không tới đằng sau tôi.”Mẹ. Mẹ ơi, bộ đồ tắm của con đâu?” Rồi nó dừng lại, nhận ra tính nghiêm trọng trong cuộc thương lượng của hai chúng tôi. Meg đang trèo ra khỏi xe hơi- vừa thức giấc, áo kéo lên đầu, quần tụt xuống bẹn, bày cái bụng hồng hồng.

“Chỉ có hai đứa bé này thôi à?” cô gái hỏi.

” Chỉ hai cháu này thôi. Chúng tôi sẽ canh chừng chúng ạ.”

“Tôi không thể cho người lớn vào đây. Nếu chỉ có hai đứa, tôi nghĩ tôi có thể coi được. Tôi đang ăn trưa.” Cô ta hỏi Cynthia, ” Cháu có muốn xuống hồ bơi không?”

“Dạ có ạ,” Cynthia trả lời rõ ràng.

Meg nhìn xuống đất.

“Chỉ một lát thôi, vì hồ bơi đã đóng cửa,” tôi nói.” Chúng tôi

thực cảm ơn cô lắm lắm,” tôi bảo cô gái.

“Thôi vậy, tôi có thể ăn trưa ngoài ấy, nếu chỉ có hai cô bé này.” Cô nhìn ra xe chúng tôi như thể bỗng dưng tôi có thể lòi ra thêm vài đứa trẻ nữa.

Khi tôi tìm ra bộ đồ tắm của Cynthia, nó mang ngay vào phòng thay đồ. Nó không muốn ai, ngay cả Meg, nhìn thấy nó ở trường. Tôi thay đồ cho Meg, nó đứng trên ghế trước trong xe. Nó có bộ đồ tắm bằng vải hồng với dây buộc và nút cài. Có giải rút ở đũng quần.

“Người cháu nóng lắm,” tôi nói.” Nhưng tôi nghĩ không phải bị sốt đâu.”

Tôi thích giúp Meg mặc hay cởi áo quần, vì cơ thể nó còn chưa tự ý thức về mình, với tính thờ ơ ngọt ngào, một cái gì như mùi sữa, của trẻ sơ sinh. Cơ thể của Cynthia thì từ lâu đã được gọt giũa, tạo hình và thay đổi, để trở thành chính Cynthia. Ai cũng muốn hôn lấy hôn để, quệt mặt vào người Meg. Đôi khi nó nhăn nhó bực bội, đánh lại chúng tôi, và tính tự lập quyết liệt, sự ngượng ngùng giận dữ này, càng làm nó thêm hấp dẫn, khiến người ta cứ muốn ôm nghiêng lấy, thọc lét, kiểu người thân trong nhà.

Andrew và tôi ngồi trong xe hơi, cửa kính hạ xuống. Tôi nghe được tiếng nhạc văng ra từ radio và nghĩ đó là máy của cô gái hay bạn trai cô ta. Tôi khát quá, ra khỏi xe, tìm một chỗ mát mẻ, hay một cái máy bán thức uống, đâu đó trong công viên. Tôi mang quần đùi và sau hai bắp chân ướt lấm mồ hôi. Tôi thấy một vòi nước uống bên kia công viên và đi tới đó bằng lối vòng dưới bóng hàng cây. Không có gì là có thật cả cho đến khi bạn bước ra khỏi xe. Lừ đừ vì nóng, vì mặt trời trên các ngôi nhà bóng rợp lửa, hè đường, cỏ cháy, tôi bước đi chậm chạp. Tôi chú ý đến một chiếc lá bị dầm nát, bóp vụn một que khuấy cà phê dưới gót giày, nheo mắt nhìn thùng rác cột vào thân cây. Đó là cách bạn quan sát những vật hèn mọn nhất bỗng trời lên bề mặt thế giới, sau khi bạn đã lái xe đi thật lâu- bạn cảm nhận được tính chất riêng

biệt của chúng, nơi cư ngụ chính xác và nỗi trùng hợp tình cờ đáng thương của việc bạn cũng có mặt nơi đây để nhìn ngắm chúng.

Những đứa trẻ đâu rồi?

Tôi xoay người lại, bước rất mau, không hẳn là chạy, tới bên một đoạn hàng rào nơi bức tường bên trong chưa xây xong. Từ đây tôi có thể nhìn thấy hồ bơi. Tôi thấy Cynthia, đứng ngâm mình trong nước ngang thắt lưng, vung tay đập nước và chăm chăm nhìn một vật gì phía cuối hồ bơi, nhưng tôi không thấy được. Căn cứ vào dáng đứng của nó, sự chăm chú, vẻ mặt, tôi nghĩ nó đang coi mấy trò của cô gái cứu hộ và gã bồ cô ta. Tôi không thấy Meg. Nhưng tôi nghĩ nó đang chơi ở chỗ nước cạn- cả hai đầu nước cạn và nước sâu tôi đều không nhìn thấy.

“Cynthia!” Tôi phải gọi hai lần con bé mới nhìn ra chỗ đứng của tôi.”Cynthia! Meg đâu rồi?”

Có vẻ Cynthia, bất cứ khi nào tôi nhớ lại cảnh này, quay mình duyên dáng về phía tôi, rồi xoay cả người trong nước- làm tôi nghĩ tới một vũ điệu ba lê – và dang tay ra như đứng trên sân khấu. “B- i- ế- n- m- ấ- t!”

Cynthia vốn có tính duyên dáng tự nhiên, mà con bé lại học múa, vì thế những động tác này có thể đã xảy ra đúng như thế thật. Nó quả thật có nói “Biến mất!” sau khi đã nhìn quanh mặt hồ một lượt, nhưng điệu bộ và cách nói giả tạo này, cái kiểu không hề khẩn trương chi, thì chắc là do sự tưởng tượng thêm của tôi. Nỗi sợ hãi xâm chiếm lập tức khi không tìm thấy con bé Meg- ngay cả khi tôi tự bảo mình có lẽ nó đứng phía nước cạn- đã là nguyên do khiến những cử chỉ của Cynthia trở nên quá chậm chạp, quá vô lý đối với tôi, và giọng điệu của chữ “Biến mất” ngay trước khi hàm ý của nó kịp xuất hiện (hay là con bé che giấu, ngay tức thì, cảm giác tội lỗi của nó?) trở nên một lời nói ích kỷ không chịu nổi.

Tôi la lớn lên gọi Andrew, và cô gái coi hồ bơi lập tức xuất hiện. Cô chỉ tay về phía vùng nước sâu và nói, “Cái gì kia kìa?”

Ở đó, ngay trước mắt tôi, một nhúm giải rút hồng hồng phồng lên, trông như một bó hoa, ngay dưới làn nước. Làm sao một nhân viên cứu nạn lại có thể đứng dừng lại và chỉ tay, sao cô ta lại có thể hỏi như thế, sao không nhảy ùm xuống nước và bơi về phía ấy? Cô ta không bơi; mà chạy dọc bờ nước. Nhưng lúc ấy Andrew đã leo lên hàng rào. Bao nhiêu thứ xảy ra không thể giải thích chút nào- cử chỉ của Cynthia rồi đến điệu bộ của cô nhân viên cứu nạn- và bây giờ tôi lại có cảm giác rằng Andrew nhảy phóc một cái đã qua được hàng rào cao bảy bộ. Chắc anh phải trèo nhanh lắm, túm chặt hàng rào dây thép.

Tôi không thể nhảy hay leo gì cả, tôi chạy về phía lối vào, ở đó có một cái cổng kiểu mắt cáo, khoá chặt. Cái cổng không cao lắm, và tôi đu người trèo qua. Tôi chạy dọc theo hành lang xi măng, tới sát mép nước.

Bi kịch kết thúc.

Andrew nắm được Meg đầu tiên, và kéo nó lên khỏi mặt nước. Anh chỉ cần vươn tay ra là nắm lấy nó, vì Meg phần nào đang tự bơi, nhưng đầu đã hụp sâu trong nước – nó lặn ngụp về phía thành hồ tắm. Anh bồng nó đi, và cô cứu hộ bước nhanh phía sau. Cynthia vừa trèo ra khỏi nước và chạy về phía họ. Chỉ một người thờ ơ với toàn bộ sự việc là gã bạn trai của cô nhân viên, cứ ngồi trên ghế dài phía nước cạn, uống một thứ nước pha sữa. Anh ta còn mỉm cười với tôi, và tôi nghĩ thật kẻ là vô cảm, mặc dù nguy hiểm đã qua. Cũng có thể anh ta có hảo ý. Tôi để ý thấy anh ta không tắt radio đi, chỉ vặn nhỏ xuống.

Meg không uống nước đầy bụng. Con bé thậm chí chưa kịp sợ hãi. Tóc dính bết vào đầu và mắt mở to, vàng long lanh.

”Con muốn xuống lấy cái lược,” nó nói.”Con không biết nước sâu thế.”

Andrew nói, ”Meg vẫn tự bơi! Nó bơi mình nó. Anh thấy bộ đồ tắm của con trong nước rồi anh thấy nó bơi”

”Nó sắp chìm ngấm luôn rồi,” Cynthia nói. “Không phải vậy sao? Meg sắp chết đuối.”

“Tôi không biết mọi chuyện có thể xảy ra như thế.” Cô cứu hộ nói. “Con bé vừa mới ở chỗ này, chỉ một thoáng đã không còn đó nữa.”

Chuyện xảy ra là Meg đã lên khỏi nước ở phía nước cạn và chạy dọc theo bể bơi đến đầu kia, chỗ nước sâu. Nó thấy một cái lược người nào đánh rơi dưới đáy. Nó khom người cúi thật sát để lược cái lược lên, tưởng là nước không sâu. Nó chồm người lên nữa và trượt chân xuống hồ, rơi bồm một cái nhưng không ai nghe được tiếng động- kể cả cô gái cứu hộ, đang bận hôn anh bồ của mình, hoặc Cynthia đang đứng mãi nhìn hai người. Đó đúng là lúc khi tôi đứng dưới bóng cây và chợt nghĩ, Bọn trẻ đang ở đâu vậy? Đó cũng là lúc, Meg trượt chân, lấy làm ngạc nhiên, xuống làn nước trong xanh để đánh lừa người ta.

“Mọi chuyện ổn rồi,” tôi bảo cô nhân viên, lúc ấy gần sắp khóc. “Con bé bơi rất nhanh.” (Mặc dù thường chúng tôi không nói về Meg như thế. Chúng tôi nói nó ngấm nghĩ mọi chuyện trước đã rồi mới thông thả làm.)

“Em đã bơi, Meg”, Cynthia nói, kiểu như chúc mừng. (Sau này nó kể cho chúng tôi nghe về việc hai người kia hôn nhau.)

“Con không biết là nước sâu thế,” Meg bảo. “Con đã không bị chết đuối.”

Chúng tôi ăn trưa ở một tiệm bán thức ăn mang đi, có bánh mì kẹp thịt heo hamburger và khoai tây chiên, ngồi quanh một cái bàn ngoài trời không xa lắm xa lộ cao tốc. Quá vui mừng, tôi quên băng mua cho Meg một cái bánh mì kẹp không mùi, và phải cạo bỏ dưa và mù tạt bằng muỗng nhựa, rồi lau miếng thịt với tấm giấy chùi miệng, trước khi đưa cho con bé ăn. Tôi lợi dụng cái thùng rác gần đó để lau chùi xe hơi. Rồi chúng tôi lại lên đường lái xe về phương Đông, cửa kính xe hơi phía trước mở hết ra. Cynthia và Meg ngủ thiếp đi trên băng ghế sau.

Andrew và tôi thăm thì trò chuyện về những điều vừa xảy ra. Giả sử tôi không linh cảm vụt chạy đi tìm những đứa trẻ vào lúc ấy? Giả sử chúng tôi đi vào thành phố để uống một cái gì, như dự

định ban đầu thì sao? Làm thế nào Andrew có thể nhảy qua hàng rào? Anh ấy trèo lên hay thực sự đã nhảy qua? (Anh không thể nào nhớ nổi.) Làm cách nào anh đã chạy tới và chụp lấy Meg nhanh đến thế? Và nghĩ đến chuyện cô nhân viên cứu hộ không hề nhìn nhỡ gì đến con bé. Rồi Cynthia đứng trân trân nhìn hai người kia hôn hít nhau. Nó chẳng nhìn thấy gì khác nữa. Không nhìn thấy Meg rơi khỏi mép nước.

Biến mất.

Nhưng nó còn bơi. Nó nín thở và tiếp tục bơi.

Một chuỗi những biến cố may mắn.

Đó là tất cả những gì chúng tôi trò chuyện- may mắn. Nhưng tôi không thể ngừng mà không nghĩ đến chuyện tệ hại xảy ra theo hướng ngược lại. Vào lúc này đây, chúng tôi đã có thể phải ngồi điền những tờ đơn khai báo. Người ta mang Meg khỏi vòng tay của chúng tôi, cơ thể nó được quán lại chuẩn bị chở đi xa. Về lại Vancouver- nơi chúng tôi chẳng bao giờ lưu ý đến một thứ gì như là nghĩa địa- hay tới Ontario? Những bức tranh nguệch ngoạc mà Meg vẽ sáng nay chắc vẫn còn nằm lại trên ghế ngồi của nó sau xe. Làm thế nào tất cả những điều này có thể chịu đựng được, làm sao con người có thể đương đầu nổi với những câu chuyện như thế? Đôi vai và hai bàn tay và hai bàn chân ngọt ngào, tròn trịa, mái tóc nâu óng ả, vẻ mặt hài lòng và bí ẩn – tất cả đều giống hệt như lúc nó còn sống. Một bi kịch hết sức đời thường. Một đứa trẻ chết trôi trong một bể bơi vào buổi trưa một ngày mùa hạ sáng lòa. Mọi việc sẽ thu gọn lại mau chóng. Hồ bơi sẽ mở cửa lại lúc hai giờ chiều. Cô nhân viên cứu hộ sẽ run rẩy một lúc và xin phép nghỉ việc chiều hôm đó. Cô sẽ lái xe ra đi cùng với người tình trên chiếc xe tải nhỏ hút cầu Roto-Rooter. Cái xác của đứa bé sẽ được khâm liệm trong chiếc quan tài nhỏ để chở đi. Thuốc an thần, những cuộc gọi điện thoại, những thu xếp này nọ. Sự trống rỗng bỗng nhiên ập tới, nổi chìm khuấy và dịch chuyển mù tối. Thức giấc choáng váng vì thuốc ngủ và an thần, trong một lát chợt nghĩ thầm ồ đó là điều không thật. Rồi

nghĩ rằng giá như chúng tôi không dừng lại bên đường, giá như chúng tôi đừng đi con đường này, giá như họ không cho phép chúng tôi dùng bể bơi. Có lẽ sẽ không một người nào biết gì về cái lược im lặng nằm dưới đáy hồ kia.

Có một điều gì đó tồi tệ đối với trí tưởng tượng kiểu này, phải không? Một điều gì như sự xấu hổ. Đặt ngón tay của bạn lên hàng rào thép gai, nhận một cú sốc điện, biết được cảm giác ấy thế nào, rồi giựt tay lại. Tôi tin là Andrew còn tử mỉ hơn tôi về những điều này, và vào lúc ấy anh cố tình nghĩ đến việc khác.

Khi đứng tách khỏi cha mẹ tôi trong tang lễ của Steve Gauley và quan sát họ, tôi đã bắt gặp cảm giác mới mẻ này, không thoải mái chút nào về họ, tôi nghĩ rằng tôi bắt đầu thấu hiểu một điều gì đó về cha mẹ, lần đầu tiên trong đời. Một điều gì nghiêm trọng chết người. Tôi hiểu ra rằng họ có dính líu tới tai nạn này. Thân thể cao lớn, cứng nhắc, trong y phục nghiêm trang, vẫn không thể nào chắn ngang giữa tôi và cái chết đột ngột kia, hoặc bất kỳ một cái chết nào khác. Họ đã tán thành tai nạn ấy. Có vẻ như vậy. Họ đã cho phép cái chết của những đứa trẻ và cái chết của tôi nữa, xảy ra, không phải bởi lời nói hay hành động của họ, mà bởi vì chính họ đã sinh ra những đứa trẻ ấy trên đời – họ đã sinh ra tôi. Họ đã tạo ra tôi, và vì lý do đó cái chết của tôi – bất kể họ khóc thương thế nào, bất kỳ họ chịu đựng ra sao – đối với họ cũng đều không phải là thứ không tự nhiên hay không thể xảy ra được. Đó là một điều có thật, dù ngay lúc ấy tôi cũng biết rằng thật ra họ không đáng trách.

Nhưng tôi đã trách họ. Tôi đã buộc tội họ về sự trơ tráo, thói đạo đức giả. Thay mặt cho Steve Gauley, cho tất cả những đứa trẻ khác, những kẻ biết rằng chúng có quyền vươn thẳng lên tự do, được sống cuộc đời mới, tuyệt diệu, không bị mắc vào những cái bẫy của người lớn với đời sống thất bại, tình dục và các tang lễ của họ.

Steve đã chết đuối, người ta bảo thế, bởi vì nó gần như là một đứa trẻ mồ côi và được phép rong chơi tự do tha hồ. Nếu nó được

nhắc nhở kịp thời, giao cho công kia việc nọ để làm, được giám sát kỹ càng, nó đã không thể nào tuột tay từ một cành cây mỏng mảnh không đáng tin cậy chút nào mà rơi xuống ao nước mùa xuân, rơi vào một cái hố đào sỏi gần bờ sông – nó đã không chết đuối. Nó đã bị bỏ rơi, nó đã được thả rong tự do, và nó đã chết. Và cha nó vẫn thấy đó là một tai nạn, như thứ có thể xảy ra cho một con chó. Ông ta không có cả một cỗ đồ lễ tử tế để mặc trong ngày đám tang của con, cũng không cúi đầu khi cầu nguyện. Nhưng ông ta là người lớn duy nhất mà tôi không thèm trách cứ. Ông ta là người duy nhất mà tôi không thấy rõ sự tán thành. Ông ta đã không thể ngăn ngừa một điều gì, nhưng ông ta cũng không dính líu đến tai nạn – không giống như những người lớn khác trong khi cầu nguyện lời Chúa với giọng trầm trọng không mấy tự nhiên, làm rỉ ra thứ tín ngưỡng và thứ mất danh dự đáng hổ thẹn.

Khi tới vùng Glendive, không xa biên giới North Dakota, chúng tôi có một chọn lựa – hoặc là tiếp tục đi theo xa lộ liên tỉnh, hoặc là hướng về Đông Bắc, phía Williston, rẽ vào đường số 16, vài đường khác, và trở lại với xa lộ cao tốc số 2.

Hai chúng tôi đồng ý rằng đường liên tỉnh thì nhanh hơn, và quan trọng nhất là không nên chạy xe quá nhiều – tức là xài tiền – trên đường. Cuối cùng chúng tôi quyết định rẽ vào xa lộ số 2.

“Em thích thế hơn,” tôi nói.

Andrew bảo, “Đó là vì chúng ta đã định như thế từ đầu.”

“Chúng ta sẽ không được gặp Kalispell và Havre. Và Wolf Point nữa. Em thích cái tên đó.”

“Chúng ta sẽ gặp chúng trên đường trở về nhà.”

Andrew nói câu “trở về nhà” với một vẻ vui sướng đáng ngạc nhiên đối với tôi. Tất nhiên tôi hoàn toàn nghĩ rằng chúng tôi sẽ quay về nhà sau chuyến đi, với chiếc xe của chúng tôi và cuộc đời của chúng tôi và gia đình của chúng tôi nguyên vẹn, sau đi đã đi qua biết bao dặm đường, đã trải qua biết bao chuyện trung thành và rắc rối, xích lại gần nhau hơn, nhìn xuống con đường liêu lĩnh

của mình. Nhưng vẫn thật là an ủi khi nghe anh ấy nói thế.

“Điều anh không thể nào hiểu được,” Andrew nói, “là làm sao em nhận được tín hiệu ấy. Phải là một thứ linh cảm mà chỉ những người mẹ mới có.”

Phần nào tôi cũng muốn tin thế thật, tự sưởi ấm mình trong khả năng linh cảm ngoại cảm kia. Phần khác tôi muốn cảnh báo Andrew – cảnh báo tất cả mọi người – đừng bao giờ dựa dẫm vào những thứ ấy.

“Điều mà em không hiểu,” tôi nói “là làm sao anh có thể nhảy qua hàng rào.”

“Anh cũng đâu có biết.”

Chúng tôi tiếp tục trò chuyện như thế, với hai đứa trẻ trên băng ghế sau, đặt hết tin tưởng vào chúng tôi, bởi chúng cũng chẳng có chọn lựa nào khác, và chúng tôi thì tin rằng mình sẽ được tha thứ, cùng với thời gian, về tất cả những điều mà trẻ con nhìn thấy và lên án trước tiên: bất cứ điều gì vô cảm, tùy tiện, bất cần, nhẫn tâm – những lỗi lầm vừa tự nhiên vừa cá biệt của chúng ta.

QUÁ NHIỀU HẠNH PHÚC



Nguyên tác: Too Much Happiness

«*N*hiều người không học toán học nhầm lẫn nó với số học và coi đó là một khoa học khô khan và cần cỗi. Tuy nhiên, trên thực tế, khoa học này đòi hỏi một sự tưởng tượng tuyệt vời» - Sophia Kovalevsky.

Ngày đầu tháng giêng năm 1891, một phụ nữ nhỏ người và một người đàn ông to lớn đi bộ trong Nghĩa Trang Cũ, tai Genoa. Cả hai đều khoảng bốn mươi tuổi. Người phụ nữ có cái đầu to trông trẻ con, bộ tóc dày lộn đen và nét mặt hăm hờ, kín đáo cầu khẩn. Gương mặt của cô bắt đầu mỗi mét. Người đàn ông to lớn. Anh cân nặng 140 ký, một thân hình rộng và là người Nga, người ta thường gọi anh là con gấu, hay là Cossack. Hiện giờ, anh đang cúi xuống trên các mộ bia và viết trong cuốn sổ tay, thu thập những chữ ghi khắc và tìm hiểu những chữ viết tắt không được rõ ràng với anh, mặc dù anh nói tiếng Nga, Pháp, Anh, Ý và hiểu biết tiếng La-tinh cổ điển và trung cổ. Kiến thức của anh mở rộng như vóc dáng của anh và mặc dù anh chuyên về luật pháp chính phủ, anh có khả năng giảng dạy về sự phát triển của các tổ chức chính trị đương thời ở Mỹ, những đặc thù của xã hội ở Nga và phương Tây, và những bộ luật và thông lệ của đế quốc cổ xưa. Nhưng anh không phải là một nhà giáo. Anh dí dỏm và được nhiều người biết đến, dễ chịu ở nhiều cấp độ khác nhau, và có thể sống thoải mái nhất, nhờ những bất động sản của anh gần Kharkov. Tuy nhiên, anh đã bị cấm giữ một chức vụ giảng dạy ở Nga, vì anh là một người Tự Do.

Tên của anh phù hợp với anh. Maksim. Maksim Maksimovich Kovalevsky.

Người phụ nữ đi với anh cũng mang tên Kovalevsky. Cô đã kết hôn với một người họ hàng xa của anh, nhưng bây giờ cô là một

góa phụ.

Cô nói với anh giọng trêu chọc.

"Anh biết là một trong chúng ta sẽ chết", cô nói. "Một trong chúng ta sẽ chết năm nay."

Chỉ nghe có phân nửa, anh hỏi lại, "Tại sao vậy?"

"Tại vì chúng ta đi bộ trong nghĩa trang vào ngày đầu của Năm Mới."

"Đúng vậy."

"Hiện vẫn còn một vài điều anh không biết", cô bộc lộ nhưng lo lắng. "Tôi biết trước khi tôi lên tám tuổi."

"Con gái dành nhiều thời gian với người giúp việc trong bếp và con trai trong chuồng bò - Tôi nghĩ đó là lý do tại sao."

"Con trai trong chuồng bò không nghe nói về cái chết?"

"Không nhiều lắm. Họ bận tập trung vào những thứ khác."

Ngày hôm đó có tuyết rơi nhẹ. Bước chân của họ làm tuyết tan để lại những dấu vết đen.

Cô gặp anh lần đầu tiên vào năm 1888. Anh đến Stockholm tư vấn về việc thành lập một trường khoa học xã hội. Họ cùng quốc tịch và cùng cả một tên, nên họ bị đẩy gần lại với nhau mặc dù không có một sự hấp dẫn đặc biệt nào. Cô có trách nhiệm tiếp đón và thường chăm lo người đồng hương Tự Do, không được ưu đãi ở nước nhà.

Nhưng đó không phải là nhiệm vụ gì cả. Họ chạy đến nhau như thể họ thực sự là người thân đã mất liên lạc từ lâu. Một loạt những câu chuyện cười đùa và câu hỏi nối tiếp, một sự thông cảm ngay lập tức, một tràng tiếng Nga phong phú, như thể họ đã bị nhốt quá lâu trong chiếc lồng hình thức hời hợt của ngôn ngữ Tây Âu, hoặc một sự thay thế không đáng kể cho lời nói thực sự của con người. Cách cư xử của họ cũng vậy, đã vượt qua những nghi thức của Stockholm. Anh ở lại trễ trong căn hộ của cô. Cô đi ăn trưa một mình với anh tại khách sạn. Khi anh đau chân vì trượt trên băng, cô giúp anh ngâm và băng chân lại, và hơn thế nữa, cô nói với mọi người về anh. Cô rất chắc chắn về mình lúc

đó, và đặc biệt là chắc chắn về anh. Cô viết mô tả anh cho một người bạn, mượn bài thơ của De Musset.

*«Anh rất vui vẻ, và cùng một lúc rất ảm đạm
Người hàng xóm khó chịu, một đồng chí hoàn toàn
Đầu óc cực nhẹ, nhưng rất dễ cảm động
Ngây thơ một cách tức tối, tuy nhiên rất nhàm chán
Chân thành khủng khiếp, và cùng một lúc rất ranh mãnh».*

Và đoạn kết cô viết: "Anh là một người Nga thực sự, đồng ý như vậy."

Lúc đó, cô gọi anh là Maksim Mập.

"Chưa bao giờ tôi có ý định viết tiểu thuyết, như lúc tôi ở bên Maksim Mập."

Và "Anh chiếm quá nhiều chỗ, trên đi vắng và trong tâm trí của con người. Với sự hiện diện của anh, tôi không thể nghĩ gì khác hơn ngoài anh ta."

Đây đúng là lúc cô cần phải làm việc ngày đêm, chuẩn bị đề trình cho giải thưởng Bordin. "Tôi bỏ qua không những Chức Năng của tôi, mà cả Chiều Dài Vòng Cung và Vật Rắn," cô nói đùa với đồng nghiệp toán học, Mittag-Leffler, người đã thuyết phục Maksim đến lúc phải đi và giảng dạy ở Uppsala trong một thời gian. Cô tự tách rời mình ra khỏi những suy nghĩ về anh, khỏi các mơ mộng, để trở lại với sự chuyển động của những vật rắn và giải pháp của cái gọi là vấn đề mỹ nhân ngư bằng cách sử dụng các chức năng theta với hai biến đổi độc lập. Cô làm việc một cách tuyệt vọng nhưng hạnh phúc, bởi vì anh vẫn còn ở trong tâm trí cô. Khi anh trở lại cô đã kiệt sức nhưng chiến thắng. Hai chiến thắng - công trình của cô sẵn sàng để duyệt lại lần cuối và đề trình ẩn danh; người yêu của cô gặm gù nhưng vui vẻ, háo hức trở về từ lưu đày của anh và với tất cả các dấu hiệu cho thấy, như cô nghĩ, rằng cô là người đàn bà của cuộc đời anh.

Giải thưởng Bordin làm họ hư hỏng. Sophia tin như vậy. Lúc đầu chính bản thân cô cũng bị lôi cuốn vào đó, lóa mắt bởi tất cả các đèn chùm và rượu sâm banh. Lời khen ngợi khá chóng mặt,

ngạc nhiên và hôn tay tràn đầy trên một số sự thật không thuận lợi nhưng không thay đổi được. Thực tế là họ sẽ không bao giờ cho cô một công việc xứng đáng với thiên tài của cô, rằng cô sẽ thực sự may mắn lắm để có một chỗ giảng dạy ở một trường trung học tỉnh cho nữ sinh. Trong khi cô đang vui mừng, Maksim bỏ đi. Tất nhiên là không bao giờ có một lời nói nào về lý do thực sự - chỉ là anh phải viết tài liệu, và cần sự bình an yên tĩnh ở Beaulieu.

Anh cảm thấy không ai để ý đến anh. Một người đàn ông không quen bị bỏ rơi, có thể chưa bao giờ đến bất cứ một buổi họp mặt, bất cứ một tiếp tân nào, từ khi trưởng thành, đó là trường hợp của anh. Và cũng không có gì khác nhiều ở Paris. Không phải là anh vô hình ở đó, trong ánh đèn sáng chiếu vào Sonya, mà vì bình thường anh như vậy. Một người đàn ông có giá trị vững chắc và uy tín thương lượng, với một hình dáng và trí tuệ to lớn nào đó, cùng với ánh sáng của trí thông minh, một sự quyến rũ nam tính khéo léo. Trong khi cô là một khám phá mới lạ hoàn toàn, một nhân vật kỳ dị thú vị, người phụ nữ có thiên tài về toán học và sự rụt rè nữ tính, khá quyến rũ, nhưng với một tâm trạng không bình thường nhất, dưới những lọn tóc của cô.

Từ Beaulieu anh đã viết lời xin lỗi lạnh lùng và hờn dỗi, từ chối đề nghị của cô đến thăm một khi sự bối rối của cô qua đi. Anh nói có một phụ nữ đang ở với anh, anh không thể giới thiệu cho cô được. Người phụ nữ ấy gặp nạn và cần sự chú ý của anh lúc này. Anh nói Sonya sẽ trở lại Thụy Điển, cô sẽ hạnh phúc với bạn bè đang chờ đợi cô ở đó. Các học sinh cũng sẽ cần đến cô và đứa con gái nhỏ của cô cũng vậy. (Một cái mĩa mai ở đây, một gợi ý quen thuộc với cô, sự thiếu bốn phận làm mẹ?)

Và cuối thư anh viết một câu tội tộ.

"Nếu tôi yêu cô tôi sẽ viết khác đi."

Tất cả mọi chuyện đã kết thúc. Từ Paris trở về với giải thưởng và tiếng tăm sáng chói kỳ dị, sự trở lại của cô với bạn bè đột nhiên không còn ý nghĩa gì nhiều hơn là nhất thời. Trở lại với các

sinh viên còn có một ý nghĩa gì đó, nhưng chỉ khi cô đứng trước mặt họ để biến thành nhân vật toán học mà cô thể hiện được một cách kỳ lạ. Và trở lại với bé Fufu của cô bị cho là bỏ rơi nhưng thật ra nó phá phách và vui nhộn.

Tất cả mọi thứ ở Stockholm đều làm cô nhớ lại.

Cô ngồi cũng trong phòng đó, bàn ghế được chở về với một chi phí quá ư là điên cuồng qua Biển Baltic. Tướng người to lớn của anh gần đây đã ngồi một cách ung dung trên cái đi văng trước mặt cô. Và khi cô đến bên cạnh, anh khéo léo ôm cô vào vòng tay. Dù với kích thước đồ sộ của anh, anh không bao giờ vụng về trong chuyện ái ân.

Cũng chiếc ghế gấm hoa màu đỏ này, các vị khách quý và tầm thường đã ngồi trong căn nhà cũ kỹ lạc lõng của cô. Có lẽ Fyodor Dostoyevsky đã ngồi đó với tâm trạng căng thẳng tội nghiệp, hoa mắt bởi Aniuta, chị của Sophia. Và Sophia, đứa con mà người mẹ không hài lòng, chắc chắn cảm thấy bực mình như thường lệ.

Cũng chiếc tủ cũ mang từ nhà cô ở Palibino, với bức chân dung của ông bà vẽ trên sứ lộng trong đó.

Ông bà Shubert. Không được thoải mái. Ông trong bộ đồng phục, bà trong một chiếc áo dạ hội, phô trương sự hài lòng vô lý. Họ đã có những gì họ muốn, Sophia nghĩ vậy, và chỉ có sự khinh miệt đối với những người không đồng ý hoặc may mắn như họ.

"Anh có biết là tôi lai Đức?", cô đã nói với Maksim.

"Tất nhiên. Làm thế nào khác hơn được vì cô là một thần đồng của ngành công nghiệp? Và đầu của cô đầy số huyền thoại?"

Nếu tôi yêu cô.

Fufu mang mút đến cho cô trên một cái đĩa, rủ cô chơi bộ bài của trẻ con.

"Để mẹ yên. Con để mẹ yên được không?"

Sau đó cô lau những giọt nước mắt và cầu xin đứa bé tha lỗi.

Nhưng Sophia, dù sao, không phải là một người buồn rầu mãi mãi. Cô nuốt niềm tự hào và tập trung nguồn lực của mình, viết thư vui vẻ đề cập dễ dàng đến những thú vui phù phiếm của họ -

cô đi trượt băng, cưỡi ngựa và sự chú ý của họ đến chính trị Nga và Pháp có thể đủ để làm anh thoải mái, và thậm chí đủ để cho anh cảm thấy rằng lời cảnh cáo của anh tàn nhẫn và không cần thiết. Cô tìm cách cố gỏi đi một lời mời khác, và lấy ngày nghỉ đi Beaulieu ngay sau khi các lớp giảng của cô kết thúc, vào mùa hè.

Những thời gian dễ chịu. Cũng có hiểu lầm, như cô gọi. (Với thời gian, cô thay đổi điều này thành "nói chuyện".) Những lúc lạnh lẽo, tan vỡ, gần tan vỡ, sự tài ba đột ngột. Một chuyến đi gập ghềnh vòng Châu Âu, tự giới thiệu, một cách công khai và tai tiếng, như những người tình.

Đôi khi cô tự hỏi liệu anh có người phụ nữ nào khác không. Chính cô hay đùa giỡn với ý nghĩ kết hôn với một người Đức đeo đuổi cô. Nhưng người Đức quá nhỏ mọn, và cô nghi ngờ anh ta muốn một bà nội trợ. Ngoài ra, cô không yêu anh ấy. Máu của cô càng nguội hơn mỗi khi anh nói những lời yêu đương thậm trọng bằng tiếng Đức.

Maksim, có một lần anh đã nghe nói về cuộc tán tỉnh thật vẻ vang này, nói rằng tốt hơn cô nên kết hôn với chính anh. Anh nói miễn là cô thoải mái với những gì anh có thể mang lại. Khi anh đề cập đến điều này, anh giả vờ nói chuyện về tiền bạc. Để được thoải mái với sự giàu có của anh tất nhiên là một trò đùa. Để được thoải mái với sự cung cấp cảm giác lịch sự, ấm áp, loại bỏ những lần cô thất vọng và bối cảnh không vui - là một vấn đề hoàn toàn khác nhau.

Cô né tránh bằng cách trêu chọc, để anh nghĩ rằng cô tin anh không có ý định nghiêm túc, và không có quyết định gì nữa. Nhưng khi cô trở lại Stockholm cô nghĩ mình là một kẻ ngốc. Và vì vậy cô đã viết cho Julia, trước khi cô đi về miền nam vào dịp Giáng Sinh, nói rằng cô không biết cô đang hướng về hạnh phúc hay buồn khổ. Cô muốn nói cô sẽ tỏ ra nghiêm túc và tìm hiểu nếu anh cũng vậy không. Cô đã chuẩn bị cho mình sự thất vọng nhục nhã nhất.

Cô không cần phải làm gì hết. Dù sau, Maksim là một người

đàn ông lịch sự và anh đã giữ lời hứa. Họ sẽ kết hôn vào mùa xuân. Một khi đã quyết định, họ trở nên thoải mái với nhau hơn là lúc khởi đầu. Sophia cư xử tốt, không hờn dỗi hoặc nổi giận. Anh mong chờ một chút đoan trang, nhưng không phải là một người nội trợ đoan trang. Anh sẽ không bao giờ phản đối, như một người chồng Thụy Điển có thể làm, khi cô hút thuốc lá và uống trà và tranh cãi chính trị không ngừng. Và cô không khó chịu khi bệnh gút làm phiền anh, làm cho anh vô lý, câu có và tự thương hại, như chính cô. Dù sau, họ cũng là đồng hương. Và cô cảm thấy tội lỗi phiền hà người Thụy Điển đã thừa nhận được và cũng là người Châu Âu duy nhất sẵn sàng mượn một nhà toán học nữ cho viện đại học mới của họ. Thành phố của họ quá sạch sẽ và ngăn nắp, thói quen quá chừng mực, đảng phái quá lịch sự. Một khi họ đã quyết định một số phương hướng chính xác họ chỉ cần tiếp tục làm và theo dõi, mà không cần một trong những đêm hăng hái và có lẽ nguy hiểm để tranh cãi liên tục mãi mãi ở Petersburg hay Paris.

Maksim sẽ không can thiệp vào công việc thực sự của cô, đó là nghiên cứu, chứ không phải giảng dạy. Anh sẽ vui mừng cô có một cái gì đó để thu hút cô, mặc dù cô nghi ngờ anh nhận thấy toán học không tầm thường, nhưng chiếm một vị trí nào đó bên ngoài. Làm sao một giảng viên về luật và xã hội học có thể nghĩ khác được?

Một vài ngày sau đó, thời tiết ấm hơn ở Nice, khi anh đưa cô ra xe lửa.

"Làm thế nào em có thể đi được, làm thế nào em có thể để lại khí hậu ấm áp này?"

"A, nhưng mà bàn làm việc và các phương trình vi phân của em đang chờ đợi. Vào mùa xuân, em sẽ không thể nào tách rời mình ra được nữa."

"Anh nghĩ như vậy sao?"

Cô không được suy nghĩ - cô không được nghĩ rằng đó là một cách chạy vòng của anh muốn nói anh ước ao họ sẽ không kết

hôn vào mùa xuân.

Cô đã viết cho Julia, nói rằng cuối cùng đó là để hưởng về hạnh phúc. Cuối cùng là hạnh phúc. Hạnh phúc.

Tại bến xe lửa một con mèo đen băng chéo qua con đường họ đi. Cô ghét mèo, đặc biệt là mèo đen. Nhưng cô không nói gì và khẽ rùng mình. Và như để thưởng cho sự tự chủ của cô anh tuyên bố sẽ đi với cô đến tận Cannes, để cô cảm thấy dễ chịu hơn. Cô gần như không thể trả lời, cô cảm thấy thật an lòng. Cùng lúc đó nước mắt như muốn tuôn trào ra. Khóc ở nơi công cộng là cái gì đó anh thấy hèn hạ. (Anh cũng không nghĩ anh cần phải chịu đựng nó một cách riêng tư.)

Cô cố gắng cầm lại nước mắt, và khi họ đến Cannes, anh ôm chặt cô vào bộ đồ rộng rãi may cắt thật đẹp đầy mùi nam tính của anh – một hỗn hợp động vật có lông và thuốc lá đắt tiền. Anh hôn cô một cách đàng hoàng, nhưng vừa đưa lưỡi lướt nhẹ dọc theo môi cô, gợi lại những ham muốn cá nhân.

Tất nhiên là cô đã không nhắc anh rằng công việc về Lý Thuyết Phương Trình Vi Phân đã được hoàn thành khoảng thời gian trước đây. Cô dành giờ đầu tiên của chuyến đi đơn độc như cô thường làm sau khi chia tay với anh - để cân bằng những dấu hiệu tình cảm đối với sự thiếu kiên nhẫn và sự thờ ơ đối với một niềm đam mê nào đó.

"Luôn luôn nhớ rằng khi một người đàn ông đi ra khỏi phòng, anh để lại tất cả mọi thứ trong đó," Marie Mendelson bạn của cô đã nói. "Khi một người phụ nữ đi ra cô mang theo tất cả những gì xảy ra trong phòng."

Ít nhất bây giờ cô có thời gian để khám phá rằng cô đau cổ. Nếu anh cũng bị, cô hy vọng anh sẽ không nghi ngờ cô. Là một người độc thân sức khỏe vững chắc anh xem mọi lây nhiễm nhẹ như một sự xúc phạm, hệ thống thông gió kém hoặc hơi thở hôi hám như những cuộc tấn công cá nhân. Nói một cách khác anh thực sự khá hư hỏng.

Thực sự hư hỏng và ganh tị. Trước đây anh viết cho cô nói

rằng vài tác phẩm của anh đã bắt đầu được gắn liền với cô, vì sự rủi ro của cái tên. Anh đã nhận được một lá thư từ một đại lý văn học ở Paris, bắt đầu bằng cách gọi anh là Bà.

Than ôi anh đã quên, anh nói, rằng cô vừa là một tiểu thuyết gia vừa là một nhà toán học. Thật là thất vọng cho anh chàng đại lý ở Paris rằng anh không là gì hết. Chỉ đơn thuần là một học giả, và một người đàn ông.

Thật là một trò đùa rất lớn.

Cô ngủ thiếp đi trước khi đèn được bật sáng trong xe lửa. Những suy nghĩ cuối cùng của cô khi còn thức - suy nghĩ khó chịu - là về Victor Jaclard, chồng người chị đã chết của cô, mà cô định ghé thăm ở Paris. Thực sự là cô mong gặp đứa cháu trai, Urey, con của chị cô, nhưng cậu ta sống với cha. Cô luôn thấy Urey trong tâm trí như cậu bé vào khoảng năm hoặc sáu tuổi, tóc vàng như một thiên thần, tin tưởng và dễ thương một cách tự nhiên, nhưng không có tính khí giống mẹ, Aniuta.

Cô thấy mình trong một giấc mơ lẫn lộn về Aniuta, nhưng về một Aniuta từ lâu trước khi Urey và Jaclard có mặt trong bối cảnh. Aniuta chưa lập gia đình, có mái tóc vàng, xinh đẹp và nóng tính, lúc ở trang trại gia đình Palibino, nơi cô đang trang trí căn phòng ở tháp của mình với các biểu tượng Chánh Giáo và phàn nàn rằng đây không phải là hiện vật tôn giáo thích hợp cho thời trung cổ Châu Âu. Cô đã đọc một cuốn tiểu thuyết của Bulwer-Lytton và đã che mặt quần vải vào người, để đóng vai một cách đúng hơn Edith Cổ Thiên Nga, tình nhân của Harold of Hastings. Cô dự định viết cuốn tiểu thuyết về Edith, và đã viết một vài trang mô tả cảnh nhân vật nữ chính, phải nhận diện cơ thể người yêu bị chặt ra, qua vài dấu vết mà chỉ một mình cô biết được.

Bằng cách nào đó Aniuta đã đến trên chuyến xe lửa và đọc các trang này cho Sophia, mà cô không thể nào tìm được lời để giải thích với Aniuta rằng các sự kiện đã thay đổi và những gì đã xảy

ra kể từ ngày cô sống trong căn phòng ở tháp.

Khi thức dậy Sophia nghĩ tất cả đều đúng sự thật - nỗi ám ảnh của Aniuta với thời Trung cổ và đặc biệt là lịch sử Anh - và đến một ngày chuyện đó biến mất thế nào, khăn che mặt và tất cả, như chẳng có gì đã từng xảy ra, và thay vào đó một Aniuta nghiêm tắn và hiện đại đang viết về một cô gái, vì những lời thúc giục của cha mẹ và những lý do thông thường từ chối một học giả trẻ và anh chàng chết. Sau đó cô nhận ra cô yêu anh, vì vậy cô không có sự lựa chọn nào khác ngoài tìm cái chết để theo chàng.

Cô bí mật gửi câu chuyện này cho một tạp chí mà Fyodor Dostoyevsky làm biên tập, và nó đã được in.

Cha cô bị xúc phạm.

"Bây giờ con bán các câu chuyện của con, đến lúc nào thì con sẽ bán mình?"

Trong tình trạng hỗn loạn này chính Fyodor xuất hiện trong bối cảnh, hành xử xấu tại một bữa tiệc nhưng dịu dàng với mẹ của Aniuta bằng một cú gọi điện riêng, và kết thúc bằng một lời cầu hôn. Cha cô quá dứt khoát chống lại hành vi của cô nên gần như đã thuyết phục Aniuta chấp nhận, để né tránh tai tiếng. Nhưng dù sau cô cũng thích ánh đèn rạng rỡ của riêng mình, và có lẽ linh cảm thế nào cô phải hy sinh điều này với Fyodor, nên cô đã từ chối anh. Anh đã cho cô vào cuốn tiểu thuyết của anh tựa đề Kẻ Ngốc như Aglia (The Idiot as Aglia), và cưới một người viết tốc ký trẻ.

Sophia ngủ gật một lần nữa, rơi vào một giấc mơ khác trong đó cô và Aniuta đều còn trẻ nhưng không quá trẻ như khi ở Palibino, và họ đang ở tại Paris, và Jaclard người yêu của Aniuta - chưa là chồng của cô ấy - đã thay thế Harold of Hastings và tiểu thuyết gia Fyodor như người hùng của cô, và Jaclard là một anh hùng chân chính, mặc dù có những thói xấu (anh tự hào với lý lịch nông dân của mình), và từ lúc đầu, anh không chung thủy. Anh đang chiến đấu ở đâu đó bên ngoài Paris, và Aniuta sợ anh sẽ bị giết, vì anh rất dũng cảm. Bây giờ trong giấc mơ của Sophia,

Aniuta đi tìm anh, nhưng các đường phố cô đi lang thang khóc lóc và gọi tên anh nằm trong Petersburg, không phải Paris, và Sophia bị bỏ lại trong một bệnh viện lớn ở Paris đầy những người lính chết và người dân máu me đầm đìa, và một trong những người chết chính là chồng của cô, Vladimir. Cô chạy ra khỏi tất cả những thương vong đó, cô tìm kiếm Maksim, người được an toàn khỏi cuộc chiến tại Khách Sạn Splendide. Maksim sẽ mang cô ra khỏi nơi đây.

Cô thức dậy. Trời mưa bên ngoài và tối, và không phải có một mình cô trong toa xe lửa. Một phụ nữ trẻ trông không gọn gàng ngồi cạnh cửa, tay cầm một bìa giấy đựng bản vẽ. Sophia lo sợ cô có thể đã khóc trong giấc mơ, nhưng có lẽ không, bởi vì cô gái đang ngủ yên.

Giả sử cô gái này thức và Sophia sẽ nói với cô, "Xin lỗi cô, tôi đã mơ về năm 1871. Tôi có mặt ở đó, ở Paris, chị tôi yêu một người dân trong Thị Xã. Anh ta bị bắt và anh có thể bị bắn hoặc gửi đi New Caledonia nhưng chúng tôi đã mang được anh ta ra. Chồng tôi đã làm chuyện đó. Vladimir chồng tôi không phải là một người dân trong Thị Xã gì cả nhưng anh chỉ muốn đến đó để xem các hóa thạch trong Vườn Cây."

Cô gái sẽ bị nhàm chán. Cô có thể tỏ ra lịch sự nhưng vẫn cho biết cảm nghĩ rằng tất cả điều này, theo ý cô, có lẽ đã xảy ra trước khi Adam và Eva bị trục xuất. Cô ấy có thể cũng không phải là người Pháp. Cô gái Pháp nào có đủ khả năng để đi du lịch hạng nhì thường xuyên không đi một mình. Hay cô là người Mỹ?

Thật là đúng một cách kỳ lạ Vladimir đã dành một số ngày đó ở trong Vườn Cây. Và không đúng sự thật là anh đã bị giết chết. Ở giữa cuộc khủng hoảng anh đặt nền móng cho sự nghiệp thực sự duy nhất của anh, như một nhà cổ sinh vật. Và cũng đúng khi Aniuta đi cùng với Sophia đến một bệnh viện mà tất cả các y tá chuyên nghiệp đã bị sa thải. Họ được xem là phản cách mạng, và được thay thế bằng những người vợ và các đồng chí của Thị Xã. Những người phụ nữ bình thường này bực dọc phải thay thế bởi

vì thậm chí họ không biết làm thế nào để băng bó, và những người bị thương đã chết, nhưng hầu hết trong số họ cũng sẽ chết. Bệnh tật cũng như những vết thương của cuộc chiến cần phải được giải quyết. Người dân bình thường đã phải ăn thịt chó và chuột.

Jaclard và những người cách mạng của anh đã chiến đấu trong mười tuần lễ. Sau khi thua trận anh bị giam giữ tại Versailles, trong một ngục tối dưới hầm. Nhiều người đã bị bắn bởi vì họ bị nhầm lẫn là anh. Theo bản báo cáo.

Vào thời điểm đó, ông Đại Tướng, cha của Aniuta và Sophia, đã đến tù Nga. Aniuta đã được đưa đến Heidelberg, nơi mà cô suy sụp xuống giường. Sophia trở lại Berlin và nghiên cứu toán học, nhưng Vladimir ở lại, bỏ nhóm sinh hoạt ở đại học để thông đồng với Đại Tướng tìm cách cứu Jaclard ra. Chuyện này được dàn xếp bởi hối lộ và dám làm. Jaclard sẽ được chuyển giao dưới sự canh gác của một người lính đến một nhà tù ở Paris, và đi qua một con đường nơi đó sẽ có đông người vì một cuộc triển lãm. Vladimir sẽ cướp anh ta đi trong khi lính bảo vệ nhìn sang phía khác, như ông đã được trả tiền để làm. Và vẫn dưới sự hướng dẫn của Vladimir Jaclard sẽ được hối hả đưa ra khỏi đám đông đến một căn phòng, nơi đó anh sẽ thay vào một bộ quần áo dân sự, sau đó đưa anh đến nhà ga xe lửa và với hộ chiếu của Vladimir, anh có thể trốn thoát qua Thụy Sĩ.

Tất cả chuyện này đã được thực hiện.

Jaclard không bận tâm gửi lại hộ chiếu cho đến khi Aniuta qua gặp anh, và sau đó cô trả nó lại. Tiền không bao giờ được hoàn lại.

Sophia gửi tin nhắn từ khách sạn của cô ở Paris đến Marie Mendelson và Jules Poincaré. Người giúp việc của Marie trả lời rằng bà chủ đang ở Ba Lan. Sophia gửi một tin nhắn nữa để nói rằng có thể cô sẽ cần sự giúp đỡ của người bạn, khi mùa xuân đến, để "lựa chọn bất cứ bộ trang phục nào phù hợp với sự kiện mà thế giới có thể xem như quan trọng nhất trong cuộc đời

người phụ nữ". Trong dấu ngoặc cô nói thêm rằng bản thân cô và thế giới thời trang "vẫn còn trong những điều kiện khá lúng túng."

Poincaré đến đặc biệt thật sáng sớm, phàn nàn ngay tức khắc về hành vi của nhà toán học Weierstrass, người cố vấn cũ của Sophia, và là một trong những vị giám khảo cho giải thưởng toán học gần đây của nhà vua Thụy Điển. Poincaré đã thực sự được trao tặng giải thưởng, nhưng Weierstrass đã quyết định thông báo rằng có thể có một số lỗi - trong công việc của Poincaré - mà ông, Weierstrass, đã không có đủ thời gian để điều tra. Ông đã gửi một bức thư trình bày các câu hỏi có chú thích của mình cho vua Thụy Điển - như thể một nhân vật như vậy sẽ biết những gì ông đang nói. Và ông đưa ra một vài nhận xét về Poincaré đã được đánh giá trong tương lai nhiều hơn cho những khía cạnh tiêu cực hơn là tích cực trong công việc của anh ta.

Sophia vỗ về anh, nói rằng cô đang trên đường đi đến gặp Weierstrass và sẽ đưa vấn đề ra với ông. Cô giả vờ không có nghe bất cứ điều gì về chuyện này, mặc dù cô đã thực sự viết một bức thư trêu chọc ông thầy cũ của mình.

"Tôi chắc chắn là giấc ngủ hoàng gia của nhà vua đã bị xáo trộn rất nhiều từ lúc nhận được bức thư của ông. Ông chỉ cần nghĩ đến việc ông đã làm đảo lộn như thế nào tâm trạng của hoàng gia vốn đến nay rất vui vẻ không biết gì về toán học. Ông hãy cẩn thận đừng làm cho nhà vua hối hận về sự rộng lượng của ngài..."

"Và dù sau," cô nói với Jules, "dù sau anh cũng đã nhận được giải thưởng và nó sẽ vĩnh viễn là của anh."

Jules đồng ý, nói thêm rằng tên của anh sẽ tỏa sáng khi Weierstrass sẽ bị lãng quên.

Mỗi người chúng ta đều sẽ bị lãng quên, Sophia nghĩ nhưng không nói ra, vì sự quá nhạy cảm của người đàn ông - đặc biệt của một người đàn ông trẻ - trên điểm này.

Cô chia tay với anh vào giữa trưa và đi gặp Jaclard và Urey. Họ

sống trong một khu nghèo của thành phố. Cô phải băng qua một khoảng sân phơi quần áo - mưa đã ngừng nhưng trời vẫn còn tối - và bước lên một cầu thang dài bên ngoài hơi trơn. Jaclard gọi ra cho biết cánh cửa đã mở khóa, và cô bước vào để tìm thấy anh ta ngồi trên một cái thùng lật ngược, đang đánh đen một đôi giày ống. Anh không đứng lên để chào đón cô, và khi cô bắt đầu cởi áo choàng ra, anh nói, "Không nên. Tôi không đốt lò đến tối." Anh ra hiệu chỉ cho cô chiếc ghế bành duy nhất, rách rưới và dầu mỡ. Thật là tồi tệ hơn cô mong đợi. Urey không có ở đây, cậu ta đã không chờ để gặp cô.

Có hai điều cô muốn tìm hiểu về Urey. Cậu ấy có giống Aniuta và phía gia đình Nga của nó nhiều hơn không? Và nó có cao hơn không? Mười lăm tuổi, năm ngoái ở Odessa, trông cậu không khác gì hơn mười hai tuổi.

Cô sớm phát hiện ra nhiều điều đã biến chuyển làm cho những mối quan tâm đó không quan trọng nữa.

"Urey?", cô hỏi.

"Nó đi ra ngoài."

"Nó đi học?"

"Có thể. Tôi biết rất ít về nó. Và tôi càng biết, tôi càng quan tâm ít hơn."

Cô nghĩ để làm dịu anh ta cô sẽ trở lại vấn đề này một lát nữa. Cô hỏi về anh - sức khỏe của Jaclard, và anh cho biết phổi của anh rất xấu. Anh nói anh đã không bao giờ hồi phục lại từ mùa đông năm 71, nạn đói và những đêm ngủ ngoài trời. Sophia không nhớ là những người chiến đấu đã bị đói khổ - đó là nhiệm vụ của họ phải ăn, để họ có thể chiến đấu, nhưng cô nói một cách dễ chịu là cô vừa nghĩ đến những thời điểm đó, trên xe lửa. Cô nói cô đã nghĩ đến Vladimir và sự giải cứu đó giống như một đoạn trong vở kịch hài.

Không phải hài, anh nói, và không phải kịch. Nhưng anh trở nên linh hoạt, khi đề cập tới. Anh nói về những người đàn ông bị bắn bởi vì họ đã bị tưởng lầm là anh, và về trận chiến tuyệt vọng

giữa ngày hai mươi và ba mươi tháng năm. Khi cuối cùng anh bị bắt, thời điểm hành quyết đã qua, nhưng anh vẫn dự đoán sẽ chết sau màn xét xử lố bịch của họ. Làm thế nào anh đã tìm cách để trốn thoát chỉ có Chúa mới biết. Không phải anh tin vào Chúa, như mỗi lần anh đều nói thêm sau đó.

Mỗi lần. Và mỗi lần anh kể câu chuyện, phần về Vladimir - và phần tiền của ông Đại Tướng thu ngắn hơn. Anh cũng không đề cập đến hộ chiếu. Chỉ có sự dũng cảm riêng của Jaclard, sự lạnh lẽo của chính anh, là đáng kể. Nhưng anh có vẻ tự nhiên hơn với khán giả khi anh nói chuyện.

Người ta vẫn còn nhớ tên anh. Người ta vẫn còn kể câu chuyện của anh.

Và nhiều câu chuyện được kể tiếp, cũng quen thuộc. Anh đứng dậy và lấy ra một tủ sắt từ dưới gầm giường. Đây là tờ giấy quý, tờ giấy đã ra lệnh cho anh rời khỏi Nga, khi anh ở Petersburg với Aniuta một thời gian sau những ngày ở Thị Xã. Anh phải đọc hết nó.

"Kính thưa ông Konstantin Petrovich, tôi vội vã kêu gọi sự chú ý của ông là người Pháp Jaclard, một thành viên của Thị Xã trước đây, khi sống ở Paris đã thường xuyên liên lạc với đại diện của Đảng Vô Sản Cách Mạng Ba Lan, người Do Thái Karl Mendelson, và nhờ sự kết nối Nga thông qua vợ của ông đã tham gia vào việc chuyển giao thư từ của Mendelson đến Warsaw. Ông là một người bạn của nhiều người Pháp đảng cấp tiến đáng để ý. Từ Petersburg Jaclard gửi hầu hết tin tức sai và có hại vào Paris về vấn đề chính trị của Nga và sau ngày một tháng ba và nỗ lực chống lại hoàng đế Nga thông tin này vượt qua tất cả các giới hạn của sự kiên nhẫn. Đó là lý do tại sao thể theo lời yêu cầu của tôi, ông Bộ trưởng quyết định đưa ông ấy ra khỏi biên giới để quốc của chúng ta."

Niềm vui đã trở lại với anh khi anh đọc, và Sophia nhớ cách anh hay trêu chọc và nhẩy nhót, và cách cô, và thậm chí cả Vladimir, cảm thấy vinh dự thế nào đó được anh để ý, cho dù họ

chỉ là khán giả.

"À, tiếc quá", anh nói. "Tiếc quá thông tin không đầy đủ. Ông ta không bao giờ đề cập là tôi đã được Chủ Nghĩa Marx Quốc Tế ở Lyon lựa chọn để đại diện cho họ tại Paris."

Lúc này Urey bước vào. Cha của cậu vẫn tiếp tục nói chuyện.

"Tất nhiên đó là bí mật. Họ chính thức đưa tôi vào Ủy Ban Chấp Hành về An Toàn Công Cộng của thành phố Lyon." Bây giờ ông đi đi lại lại, một cách nghiêm túc vui vẻ điên cuồng. "Cũng tại Lyon chúng tôi được tin Napoleon le Neveu bị bắt. Mô tả như một con điếm."

Urey gật đầu chào dì của cậu, cởi áo khoác ra - hiển nhiên cậu ta không cảm thấy cái lạnh - và ngồi xuống trên cái thùng để tiếp tục công việc cha cậu đang đánh bóng đôi giày ống.

Có. Cậu có giống Aniuta. Nhưng đó là Aniuta của những ngày về sau mà cậu mang một nét tương tự. Nét uể oải ủ rũ mệt mỏi ở mí mắt, đôi môi đầy đặn cong lên vẻ hoài nghi khinh thường trong cậu ta. Không có một dấu hiệu của cô gái tóc vàng với những bùng nổ công kích tự nhiên như cơn đói cho nguy hiểm, cho vinh quang chính đáng. Urey không có ký ức nào về người đó, mà chỉ về một phụ nữ bệnh hoạn, không hình thù, ho suyễn, bị ung thư, tuyên bố mình sẵn sàng cho cái chết.

Lúc đầu, Jaclard đã yêu cô ấy nhiều, có lẽ, như anh có thể yêu bất cứ ai. Anh ghi nhận tình yêu của cô cho anh. Trong lá thư ngây thơ hoặc có thể chỉ đơn giản khoác lác anh gửi đến cha của cô, anh giải thích quyết định để kết hôn với cô ấy, anh đã viết là nó có vẻ không công bằng để rời bỏ một người phụ nữ đã có rất nhiều gắn bó với anh. Anh chưa bao giờ từ bỏ người phụ nữ nào khác, ngay cả lúc khởi đầu mỗi liên lạc khi Aniuta say mê với sự phát hiện về anh. Và chắc chắn là không phải như vậy trong suốt cuộc hôn nhân. Sophia cho rằng anh vẫn còn có thể hấp dẫn phụ nữ, mặc dù bộ râu của anh không gọn gàng và bạc màu và khi anh nói, đôi khi anh rất phấn khởi đến độ lời nói của anh lấp bắp. Một anh hùng kiệt sức bởi cuộc đấu tranh, một người đã hy sinh

tuổi trẻ của mình đó là cách anh có thể tự giới thiệu anh, không phải không có hiệu lực. Và một cách nào đó, thật như vậy. Thế xác của anh dũng cảm, anh đã có những lý tưởng, anh được sinh ra như một người nông dân và biết thế nào là bị khinh khi.

Và ngay bây giờ, cô cũng vậy, đã khinh khi anh.

Căn phòng tồi tàn, nhưng khi nhìn kỹ vào nó cũng đã được dọn sạch như họ có thể làm. Một vài cái nồi treo trên những cây đinh đóng trên tường. Lò bếp lạnh lẽo đã được đánh bóng, và đáy nồi cũng vậy. Cô nghĩ có thể một người phụ nữ ở với anh, ngay cả bây giờ.

Anh đề cập đến Clemenceau, nói rằng họ có quan hệ tốt. Bây giờ anh sẵn sàng để khoe khoang về một tình bạn với một người đàn ông cô đã có dự kiến anh sẽ buộc tội là làm việc cho Bộ Ngoại giao Anh (mặc dù bản thân cô không tin là có thật).

Cô chuyển hướng anh bằng cách khen ngợi sự ngăn nắp của căn hộ.

Anh nhìn quanh, ngạc nhiên về sự thay đổi chủ đề, sau đó từ từ mỉm cười, và với một vẻ thù hận mới.

"Tôi kết hôn với một người, cô ấy chăm sóc sự an vui của tôi. Tôi vui mừng để nói đó là một phụ nữ Pháp, cô không quá ba hoa và lười biếng như người Nga. Cô là một người có học, là một gia sư nhưng bị sa thải vì những cảm tình chính trị. Tôi sợ tôi không thể giới thiệu dì với cô ấy. Cô nghèo nhưng tốt và cô vẫn coi trọng tiếng tăm của cô."

"À," Sophia vừa nói, vừa đứng dậy. "Tôi có ý định nói cho anh biết là tôi cũng sẽ kết hôn một lần nữa. Một người đàn ông Nga lịch thiệp."

"Tôi có nghe nói dì đi với Maksim Maksimovich. Tôi không nghe gì hết về một cuộc hôn nhân."

Sophia run lên vì ngồi quá lâu trong cái lạnh. Cô nói với Urey, cố gắng thật vui vẻ.

"Cháu có đi với bà dì già đến trạm xe lửa không? Dì chưa có một cơ hội để nói chuyện với cháu."

"Tôi hy vọng tôi đã không xúc phạm đến dì," Jaclard nói một cách khá độc hại. "Tôi luôn tin ở nói sự thật."

"Không có gì cả."

Urey mặc áo khoác vào, mà bây giờ cô mới nhận thấy là nó quá lớn cho cậu. Có thể nó được mua trong một tiệm bán đồ rẻ tiền. Cậu ta đã lớn, nhưng không cao hơn Sophia. Có thể nó không có những thức ăn đúng cho thời điểm quan trọng của cuộc đời nó. Mẹ cậu cao, và Jaclard cũng cao.

Mặc dù cậu không có vẻ háo hức để đi cùng với dì, Urey bắt đầu nói chuyện trước khi họ đạt đến chân cầu thang. Và cậu đã nhặt lấy túi xách của dì ngay lập tức, mà không đợi hỏi.

"Ông ấy quá keo kiệt thậm chí để đốt lửa cho dì. Có củi trong thùng, cô ấy có mang một số đến sáng nay. Cô ta xấu xí như một con chuột cống, đó là lý do tại sao ông không muốn dì gặp cô ấy."

"Cháu không nên nói như vậy về phụ nữ."

"Tại sao không, nếu họ muốn được bình đẳng?"

"Dì nghĩ dì nên nói 'về con người'. Nhưng dì không muốn nói về cô ấy hoặc cha của cháu. Dì muốn nói về cháu. Cháu học hành như thế nào?"

"Cháu ghét học."

"Cháu không thể ghét tất cả bộ môn."

"Tại sao cháu không thể? Thật không khó chút nào để ghét tất cả các môn học."

"Cháu có thể nói tiếng Nga với dì không?"

"Đó là một ngôn ngữ chưa khai hóa. Tại sao dì không thể nói tiếng Pháp khá hơn? Ông nói giọng của dì chưa khai hóa. Ông nói giọng của mẹ cũng chưa khai hóa. Người Nga chưa khai hóa."

"Ông ta cũng nói như vậy sao?"

"Cháu tự quyết định được."

Họ đi một lúc trong im lặng.

"Trời lúc này hơi ảm đạm ở Paris," Sophia nói. "Cháu có nhớ mình đã có một thời gian thật vui mùa hè đó ở Sèvres không? Chúng ta nói về tất cả mọi thứ. Fufu vẫn nhớ đến cháu và nói về"

cháu. Cô bé nhớ là cháu rất muốn đến sống với dì và bé."

"Đó là trẻ con. Lúc đó cháu không nghĩ một cách thực tế."

"Vậy, bây giờ cháu nghĩ thế nào? Cháu có nghĩ đến một việc làm cho suốt đời mình chưa?"

"Có."

Vì trong giọng nói của cậu có một sự hài lòng châm chọc, cô không hỏi đó là cái gì. Cậu cũng nói ra.

"Cháu sẽ là một cậu bé đi theo xe ô tô buýt và gọi tên các trạm. Cháu có được công việc đó khi cháu bỏ đi vào dịp lễ Giáng Sinh, nhưng ông ấy đến và mang cháu về. Khi cháu thêm một tuổi, ông sẽ không thể làm điều đó."

"Có thể cháu sẽ không được vui luôn để gọi tên các trạm."

"Tại sao không? Nó rất hữu ích. Nó luôn luôn cần thiết. Là một nhà toán học là không cần thiết, như cháu nhìn thấy."

Cô giữ im lặng.

"Cháu không thể tôn trọng cháu," cậu nói. "Nếu cháu là một giáo sư toán học."

Họ đã bước lên sân ga.

"Chỉ cần nhận được giải thưởng và rất nhiều tiền cho những thứ không ai hiểu hay quan tâm đến và không ai sử dụng được."

"Cảm ơn cháu đã mang túi xách dùm dì."

Cô đưa cho cậu một số tiền, mặc dù không quá nhiều như cô đã dự định. Cậu nhận lấy với một nụ cười khó chịu, như muốn nói, Dì nghĩ rằng cháu sẽ quá tự hào, phải không? Sau đó, cậu cảm ơn cô, một cách vội vã, như thể đó là ngoài ý muốn của cậu.

Cô nhìn cậu ta đi và nghĩ rằng rất có thể cô sẽ không bao giờ gặp lại cậu ấy nữa. Con của Aniuta. Và dù sau cậu cũng thật giống Aniuta. Aniuta đã phá vỡ hầu hết các bữa ăn gia đình tại Palibino với những tràng ngạo mạn của cô. Aniuta đã từng bước ngang dọc trong vườn, đầy khinh miệt đối với cuộc sống hiện tại của cô và niềm tin vào số phận của mình sẽ đưa cô vào một thế giới hoàn toàn mới lạ và công bằng và tàn nhẫn.

Urey có thể thay đổi hướng đi của cậu; không ai biết được. Cậu

cũng có thể đến để bày tỏ một vài thương mến cho dì Sophia, mặc dù có thể sẽ không xảy ra cho đến khi cậu lớn tuổi như cô bây giờ, và lúc đó cô đã chết từ lâu.

Sophia đến trước nửa giờ cho chuyến xe lửa của cô. Cô cần mua nước trà, và vài viên kẹo ngậm cho cổ họng, nhưng cô không thể kiên nhẫn chờ đợi xếp hàng và nói tiếng Pháp. Dù cho cô có thể tự xoay sở khi sức khỏe tốt, chỉ cần tinh thần xuống dốc hoặc linh cảm sắp sửa bệnh để đưa cô trở lại trú ẩn trong thế giới trẻ thơ. Cô ngồi trên một băng ghế và gục đầu xuống. Cô có thể ngủ một chút.

Hơn một chút. Mười lăm phút trôi qua theo đồng hồ nhà ga. Bây giờ có một đám đông tụ tập, rất nhiều người qua lại xung quanh cô, xe hành lý di chuyển.

Khi cô vội vã đi về phía xe lửa, cô thấy một người đàn ông đội một chiếc mũ lông thú như của Maksim. Một người đàn ông to lớn, trong cái áo khoác sậm đen. Cô không thể nhìn thấy khuôn mặt của ông. Ông di chuyển xa cô. Nhưng đôi vai rộng, cách đi len lỏi lịch sự nhưng kiên quyết của ông, làm cho cô nghĩ đến Maksim rất nhiều.

Một chiếc xe chất đầy hàng hóa chạy qua giữa họ, và người đàn ông biến mất.

Tất nhiên không thể là Maksim. Anh làm gì ở Paris? Anh đang vội vã đi đến chuyến xe lửa hay buổi hẹn nào? Trái tim của cô bắt đầu đập một cách khó chịu khi cô leo lên xe lửa và tìm chỗ ngồi bên cửa sổ. Nó đứng lại với lập luận rằng phải có những phụ nữ khác trong cuộc sống của Maksim. Ví dụ như, có người phụ nữ đó anh không thể giới thiệu Sophia được, khi anh từ chối mời cô đến Beaulieu. Nhưng cô tin rằng anh không phải là một người đàn ông phô trương rắc rối. Càng không phải cho những màn ghen tuông, nước mắt và quở trách của phụ nữ. Trong một dịp trước đó anh đã nhấn mạnh rằng cô không có quyền nào, không có bám giữ nào ở anh.

Điều này chắc chắn có nghĩa là anh biết việc cô có bám giữ anh bây giờ, và nhân phẩm của anh sẽ cảm thấy được nếu làm cô thất vọng.

Và khi cô nghĩ nhìn thấy anh cô vừa thức dậy ra khỏi một giấc ngủ không lành mạnh không tự nhiên. Cô đã bị ảo giác.

Chuyến xe lửa bắt đầu lăn bánh với những tiếng rên rỉ và kêu vang bình thường và từ từ rời xa mái nhà ga.

Cô đã từng yêu Paris thế nào. Không phải là Paris của Thị Xã, nơi cô đã theo những mệnh lệnh phấn khích và đôi khi không thể hiểu nổi của Aniuta, mà là Paris cô đã thăm viếng về sau, trong cuộc đời trưởng thành trọn vẹn của cô, với sự giới thiệu đến các nhà toán học và tư tưởng chính trị. Ở Paris, cô đã tuyên bố, không có những điều như sự nhàm chán hay trưởng giả hay thất vọng.

Sau đó, họ đã trao cho cô giải thưởng Bordin, họ đã hôn tay cô và tặng cô những bài phát biểu và bó hoa trong những căn phòng hào phóng sáng chói thanh lịch nhất. Nhưng họ đã đóng cửa lại khi đến lúc cho cô một công việc. Họ sẽ không nghĩ gì hơn về điều đó mà như sử dụng một con khỉ có học. Những người vợ của các nhà khoa học lớn chọn không gặp cô, hoặc mời cô đến nhà của họ.

Những bà vợ quan sát hàng rào chắn ngang, một quân đội không khoan nhượng vô hình. Người chồng nhún vai buồn bã trước sự cấm đoán của họ, nhưng cho họ những gì họ muốn. Người đàn ông mà não bộ thổi tan những khái niệm cũ vẫn còn nô lệ người phụ nữ với cái đầu trống rỗng ngoài sự cần thiết của chiếc áo nịt ngực chặt chẽ, thẻ gọi điện thoại, và buổi nói chuyện làm cổ họng người nghe đầy mùi nước hoa mịt mù.

Cô phải ngưng bài kinh đầy oán giận này. Những người vợ ở Stockholm mời cô đến nhà của họ, đến những buổi tiệc quan trọng nhất và những bữa ăn tối thân mật. Họ ca ngợi cô và giới thiệu cô. Họ chào đón đứa con của cô. Cô có thể là một người kỳ quặc nơi đó, nhưng cô là một kỳ quặc mà họ chấp nhận. Một cái

gì đó giống như con vẹt nói được nhiều thứ tiếng hoặc như một thần đồng có thể cho bạn biết không do dự hoặc suy nghĩ về một ngày nào đó trong thế kỷ thứ mười bốn rơi vào ngày thứ ba.

Không, thật là không công bằng. Họ đã tôn trọng những gì cô đã làm, và đa số tin rằng nhiều phụ nữ hơn nữa phải noi theo và một ngày nào đó họ cũng vậy. Và, tại sao cô hơi cảm thấy một chút nhàm chán bởi họ, khao khát những đêm khuya và nói chuyện ngông cuồng. Tại sao cô thấy phiền là họ ăn mặc như vợ những người truyền giáo hoặc như người Gypsies sống nay đây mai đó?

Cô đang ở trong một tâm trạng bị sốc, và đó là tại Jaclard và Urey và người phụ nữ đáng kính mà họ không thể giới thiệu cô. Và với cơn đau cổ họng và những cái khẽ rùng mình, chắc chắn là cô sẽ bị cảm nặng.

Dù thế nào cô cũng sắp sửa là một người vợ, và là vợ của một người đàn ông giàu có và thông minh và thành công chắc chắn như vậy.

Xe nước trà đến. Nó sẽ giúp cổ họng của cô, mặc dù cô ước muốn phải chi đó là trà của Nga. Mưa bắt đầu rơi ngay sau khi họ ra khỏi Paris, và bây giờ mưa đã chuyển sang thành tuyết. Cô thích tuyết hơn mưa, cánh đồng màu trắng hơn vùng đất tối và ẩm ướt, như mọi người Nga. Và nơi nào có tuyết hầu hết mọi người nhận ra thực tế của mùa đông và dành nhiều biện pháp cẩn thận hơn để giữ cho ngôi nhà ấm áp. Cô nghĩ đến nhà Weierstrass, mà cô sẽ ngủ đêm nay. Giáo sư và hai bà em của ông không muốn cô ra khách sạn.

Nhà của họ luôn luôn thoải mái, với những chiếc thảm tối sậm và màn cửa có tua nhiều và ghế bành sâu. Cuộc sống ở đó theo một nghi thức - nó dành riêng cho việc học, đặc biệt là toán học. Rụt rè, các sinh viên nam thường ăn mặc xấu, đi qua phòng khách để đến phòng học, từng người một. Hai chị em chưa lập gia đình của giáo sư vui vẻ chào khi họ đi qua, nhưng hầu như họ không mong đợi một câu trả lời. Họ bận rộn với việc đan hoặc vá

hoặc móc thắm. Họ biết rằng anh trai của họ có một bộ não tuyệt vời, rằng ông là một người đàn ông vĩ đại, nhưng họ cũng biết ông cần phải ăn mặn mỗi ngày, tại vì công việc ít vận động của ông, rằng ngay cả ông không thể mang một chất len đẹp nhất trên người, bởi vì nó làm cho ông dị ứng, rằng cảm xúc của ông bị tổn thương khi một đồng nghiệp quên không đề cập đến công của ông trong một bài báo xuất bản (mặc dù ông giả vờ không để ý, vừa trong câu chuyện vừa trong văn bản của ông, ca ngợi tỉ mỉ chính người đã coi thường ông).

Hai bà em đó - Clara và Elisa - đã ngạc nhiên ngày đầu tiên Sophia bước vào phòng khách của họ để đến phòng học. Người làm đưa cô vào đã không được đào tạo để biết nhận diện, bởi vì những người trong nhà sống một cuộc sống thật ẩn dật, cũng bởi vì những sinh viên đến đó thường nghèo nàn và không biết phép lịch sự, do đó các tiêu chuẩn của hầu hết các nhà đứng đắn nhất không được áp dụng. Mặc dù vậy, trong giọng nói của người làm có một chút do dự trước khi cô đưa người phụ nữ bé nhỏ này với khuôn mặt gầy như bị che khuất bởi một cái nón sạm tối và người di chuyển một cách sợ sệt, giống như một người ăn xin xấu hổ. Hai chị em không thể có một ý tưởng nào về tuổi thật của người nhưng kết luận - sau khi cô được đưa vào phòng học - có thể đó là mẹ của một sinh viên, đến để mặc cả hoặc xin tiền học phí.

"Ôi trời ơi," Clara kêu lên, bà suy đoán một cách sinh động hơn, "Trời ơi, chúng tôi nghĩ rằng, chúng tôi vừa tiếp đón ở đây, có phải là một Charlotte Corday không vậy?"

Tất cả chuyện này đã được kể lại cho Sophia về sau, khi cô đã trở thành bạn của họ. Và Elisa thêm vào một cách khô khan, "May là anh của chúng tôi không có ở trong phòng tắm. Và chúng tôi không thể đứng lên được để bảo vệ anh bởi vì chúng tôi bị cuộn trong những chiếc khăn choàng cổ dài vô tận."

Họ đan những cái khăn choàng cổ cho những người lính ở mặt trận. Đó là năm 1870, trước khi Sophia và Vladimir đáp chuyến

đi dự định là chuyển học tập của họ đến Paris. Thời buổi đó, họ sống chìm sâu trong những không gian khác, của thế kỷ đã qua, họ rất ít chú ý đến thế giới mà họ đang sống, nên hầu như họ không nghe nói gì về một cuộc chiến tranh hiện đại.

Weierstrass cũng không có một ý tưởng nào hơn hai bà em về tuổi tác hay nhiệm vụ của Sophia. Về sau ông nói với cô rằng ông nghĩ cô là một cô giáo đã sai lầm muốn sử dụng tên của ông, để thêm vào môn toán học trong các chứng chỉ của cô. Ông suy nghĩ ông phải mắng người giúp việc, và các em, đã để cô đột nhập vào làm phiền ông. Nhưng ông là một người đàn ông lịch sự và tử tế, cho nên thay vì mồi cô ra ngay lập tức, ông giải thích rằng ông chỉ nhận sinh viên cấp tiến thôi, với những chứng chỉ được công nhận, và hiện giờ ông đã đủ số người mà ông có thể điều hành. Sau đó, khi cô vẫn đứng yên - run rẩy - trước mặt ông, với chiếc mũ vô duyên che mặt cô và hai bàn tay nắm chặt chiếc khăn choàng, ông nhớ lại phương pháp, hoặc mưu kế, ông đã sử dụng một hoặc hai lần trước, để làm thất vọng một sinh viên không đủ khả năng.

"Trong trường hợp của cô tôi có thể làm một điều," ông nói, "là đặt cho cô một loạt bài, và yêu cầu cô giải quyết và mang trở lại cho tôi đúng một tuần lễ sau. Nếu tôi hài lòng với kết quả, chúng ta sẽ nói chuyện lại."

Một tuần sau đó ông đã hoàn toàn quên cô. Tất nhiên là ông đã dự kiến không bao giờ gặp lại cô. Khi cô đi vào phòng học của ông, ông đã không nhận ra cô, có lẽ vì cô đã cởi ra chiếc áo choàng che dấu hình dáng mảnh mai của cô. Cô có thể cảm thấy bạo dạn hơn, hoặc có lẽ thời tiết đã thay đổi. Ông không nhớ cái nón - các bà em thì có - vì ông không để ý nhiều đến các vật dụng của phụ nữ. Nhưng khi cô lấy ra các giấy tờ khỏi túi xách và đặt chúng xuống bàn làm việc của ông, ông nhớ lại, và thở dài mang cặp kính vào.

Sự ngạc nhiên của ông thật tuyệt vời - ông cũng nhắc lại điều này với cô một thời gian sau - khi thấy rằng mỗi một vấn đề đã

được giải đáp, và đôi khi một cách hoàn toàn nguyên thủy. Nhưng ông vẫn còn nghi ngờ cô, suy nghĩ bây giờ có thể cô đã trình bày việc làm của người khác, có lẽ của một người anh hay người yêu đang lẩn trốn vì lý do chính trị.

"Cô ngồi xuống," ông nói. "Và bây giờ cô giải thích cho tôi từng giải đáp, từng bước được thực hiện."

Cô bắt đầu nói chuyện, nghiêng về phía trước, và chiếc mũ mềm rơi xuống đôi mắt của cô, nên cô kéo nó ra và cho nó nằm trên sàn nhà. Những lọn tóc của cô được tiết lộ, đôi mắt cô trong sáng, tuổi trẻ của cô, và sự hứng thú run rẩy của cô.

"Được," ông nói. "Được. Được. Được." Ông nói với một sự cân nhắc kỹ càng, cố gắng che đậy sự ngạc nhiên của ông, đặc biệt là đối với các giải pháp mà phương cách xuất sắc nhất hơn cả chính ông.

Cô là một cú sốc đến với ông bằng nhiều cách. Cô rất nhẹ nhàng và trẻ trung và háo hức. Ông cảm thấy ông phải làm cô dịu lại, giữ cô một cách cẩn thận, giúp cô hiểu làm thế nào để điều khiển tràng pháo hoa trong não bộ của cô.

Cả đời ông - ông gặp khó khăn để nói ra điều này, như ông thừa nhận, là luôn luôn cảnh giác khi quá hăng hái - cả đời ông, ông đã chờ đợi một sinh viên như vậy đi vào phòng này. Một sinh viên sẽ thách thức ông hoàn toàn, không những là người có thể đi theo những phán đoán của tâm trí mình mà có lẽ còn bay xa hơn nữa. Ông phải cẩn thận khi nói về những gì ông thực sự tin tưởng - rằng phải có một cái gì đó giống như trực giác trong tâm trí của một nhà toán học bậc nhất, một tia sét tỏa sáng để khám phá cái gì đó đã có từ lâu. Nghiêm ngặt, tỉ mỉ, người phải như vậy, cũng như một nhà thơ giỏi.

Khi cuối cùng ông đã thổ lộ tất cả điều này với Sophia, ông cũng nói là có những người sẽ khựng lại ở từ ngữ, "nhà thơ", khi đề cập đến khoa học toán học. Và những người khác, ông cho biết, sẽ nhảy lên chấp nhận khái niệm một cách thật dễ dàng, để bảo vệ sự rối ren và lỏng lẻo trong suy nghĩ của chính mình.

Như cô mong đợi, tuyết càng lúc càng nhiều hơn bên ngoài cửa sổ khi họ di chuyển về hướng đông. Đây là một xe lửa hạng nhì, khá đơn giản, so với chuyến xe cô đã lấy từ Cannes. Không có toa xe ăn, chỉ có bánh mì lạnh - vài ổ nhét đầy nhiều loại xúc xích cay - có bán ở xe nước trà. Cô mua một ổ với đầy pho mát to bằng một nửa chiếc giày ống và nghĩ cô sẽ không bao giờ ăn hết, nhưng với thời gian cô cũng xong. Sau đó, cô lấy ra cuốn sách nhỏ của Heine, để mang lại tiếng Đức trong tâm trí của cô.

Mỗi khi cô ngược mắt nhìn qua cửa sổ dường như tuyết rơi dày đặc hơn, và đôi khi xe lửa chạy chậm, gần như dừng lại. Họ sẽ may mắn lắm đến được Berlin vào lúc nửa đêm với tốc độ này. Cô ước rằng phải chi cô không để mình bị thuyết phục không đến một khách sạn, thay vì đến nhà trên đường Potsdam.

"Tội nghiệp Karl sẽ vui biết bao nếu cô chỉ đến ở một đêm dưới cùng một mái nhà. Anh vẫn nhớ đến cô như cô bé trước ngưỡng cửa nhà của chúng tôi, mặc dù anh rất ngưỡng mộ những thành tựu và tự hào về sự thành công rực rỡ của cô."

Đúng vậy sau nửa đêm cô đến bấm chuông. Clara đi ra, trong chiếc áo choàng, bà đã cho người làm đi ngủ. Anh của bà - bà thì thầm nói - đã thức giấc bởi tiếng ồn của xe taxi và Elisa đã đi giúp anh nằm lại và đảm bảo với anh sẽ gặp Sophia sáng mai.

Từ ngữ "nằm lại" nghe có vẻ đáng lo ngại cho Sophia. Bức thư hai chị em đã không đề cập gì ngoài một sự mệt mỏi nào đó. Và những bức thư của Weierstrass không có một tin tức cá nhân nào, toàn nói về Poincaré và Weierstrass - nhiệm vụ của ông đối với toán học trong việc làm sáng tỏ các vấn đề cho nhà vua Thụy Điển.

Bây giờ Sophia nghe người phụ nữ lớn tuổi nói với một giọng hơi kính cẩn hay lo sợ khi bà đề cập đến anh trai, bây giờ cô nghĩ những mùi trước đó quen thuộc và yên tâm nhưng đêm nay lại thoáng thoáng cũ kỹ và ảm đạm của căn nhà, cô cảm thấy nói giỡn như trước có lẽ không hợp thời nữa, rằng bản thân cô không những mang lại không khí mát lạnh, mà còn sự nhộn nhịp của

thành công, một khía cạnh của năng lượng, mà cô gần như đã không biết, và cũng có thể một chút nản lòng và phiền toái. Cô đã từng được chào đón với những cái ôm ấp và niềm vui vững mạnh (một trong những kinh ngạc về hai chị em là họ có thể vừa vui vẻ vừa nghi thức) họ vẫn còn ôm cô, nhưng với những giọt nước mắt ngấn trong đôi mắt mờ, và vòng tay già run rẩy.

Và trong phòng của cô có nước ấm trong bình, có bánh mì và bơ trên bàn ngủ.

Khi cô thay quần áo cô có thể nghe tiếng thì thầm lo âu yếu ớt trong hành lang trên lầu. Có thể là về sức khỏe của người anh hoặc về chính cô hoặc vì họ quên đây bánh mì và bơ lại, mà có lẽ họ đã không để ý cho đến khi Clara dẫn cô vào phòng.

Khi cô làm việc với Weierstrass, Sophia sống trong một căn hộ nhỏ tối, hầu hết thời gian với Julia bạn của cô, học về hóa học. Họ không đi những buổi hòa nhạc hoặc vở kịch - tài chánh của họ giới hạn và họ rất bận bởi công việc. Julia đã đến một phòng thí nghiệm tư nhân, và cô đã nhận những ưu đãi mà một người phụ nữ khó có được. Ngày qua ngày Sophia ngồi tại bàn viết của mình, không rời chiếc ghế đôi khi đến lúc cần phải bật đèn lên. Sau đó, cô mới thư giãn ra và đi bộ, nhanh, thật nhanh, từ đầu này qua đầu kia căn hộ - một đoạn đủ ngắn - có lúc cô bắt chợt chạy và nói lớn, bùng nổ một cách vô lý, do đó, bất cứ ai không biết cô nhiều như Julia sẽ tự hỏi nếu tinh thần của cô được ổn định.

Weierstrass và bây giờ đến cô đều suy nghĩ bận tâm đến chức năng đường vòng và Abel, và lý thuyết về chức năng phân tích căn cứ trên sự thể hiện như một dãy vô hạn. Lý thuyết đặt theo tên ông cho rằng mỗi dãy vô hạn của thực số giới hạn có một dãy hội tụ. Cô theo ông ở điểm này và sau đó thách thức ông và thậm chí một lúc nào đó vượt qua phía trước ông, và như vậy họ tiến triển từ giáo sư và học trò để trở thành đồng nghiệp toán học, cô thường là chất xúc tác cho những nghiên cứu của ông. Nhưng mỗi quan hệ này mất nhiều thời gian để phát triển, và tại những

buổi ăn tối chủ nhật - mà cô được sẵn sàng mời vì ông đã dành những buổi chiều chủ nhật cho cô - cô giống như một mối quan hệ trẻ, một người háo hức được ông giám hộ.

Khi Julia đến cô cũng được mời, và hai cô gái được đãi ăn thịt nướng và khoai tây sốt kem và bánh tráng miệng thật nhẹ và ngon làm đảo lộn tất cả những ý tưởng của họ về món ăn Đức. Sau bữa ăn, họ ngồi bên lò sưởi và nghe Elisa đọc. Cô đọc với tinh thần và biểu hiện thật linh động những câu chuyện của nhà văn Thụy Sĩ Conrad Ferdinand Meyer. Văn học là điều giải trí hàng tuần, sau tất cả thú đàn và vá.

Vào dịp lễ họ có làm một cây Giáng Sinh cho Sophia và Julia, mặc dù gia đình Weierstrass đã không bận tâm về điều này cả năm nay. Kẹo được bọc trong giấy lấp lánh, và bánh trái cây và táo nướng. Họ nói cho trẻ em.

Nhưng chẳng bao lâu một bất ngờ khó chịu xảy đến.

Điều bất ngờ là Sophia, với hình ảnh thật của một cô gái trẻ nhút nhát và thiếu kinh nghiệm, cô nên có một người chồng. Trong vài tuần đầu tiên của khóa học, trước khi Julia đến, cô đã được đón rước ở cửa, vào tối chủ nhật, bởi một người đàn ông trẻ, anh không được giới thiệu với gia đình Weierstrass và bị nhầm lẫn là một người làm. Anh ta cao và không đẹp, với bộ râu mỏng màu đỏ, mũi to, quần áo cầu thả. Trong thực tế, nếu gia đình Weierstrass để ý hơn, họ sẽ nhận ra là không có gia đình cao quý tự trọng nào - và họ biết Sophia từ đâu đến - mà có một người làm nhếch nhác như vậy, và do đó anh ta phải là một người bạn.

Sau đó, Julia đến, và người đàn ông trẻ biến mất.

Một thời gian sau Sophia mới cho biết anh ta tên Vladimir Kovalevsky và anh là chồng của cô. Anh đang học ở Vienna và Paris mặc dù anh đã có một bằng cấp về luật và đang cố gắng để trở thành một nhà xuất bản sách giáo khoa ở Nga. Anh lớn hơn Sophia nhiều tuổi.

Cũng ngạc nhiên không thua gì tin này là Sophia chỉ thông báo cho Weierstrass mà không có nói với hai chị em. Trong gia

đình họ là những người từng có quan hệ với cuộc sống cho dù chỉ là trong đời sống của những người làm và việc họ đọc khá nhiều chuyện giả tưởng. Nhưng Sophia không có gần gũi với mẹ hoặc gia sư của mình. Những đàm phán của cô với ông Đại Tướng không phải luôn luôn thành công nhưng cô tôn trọng ông ấy và nghĩ rằng có lẽ ông tôn trọng cô. Vì vậy, cô hướng về người đàn ông trong nhà với một chuyện kín quan trọng.

Cô nhận ra chắc Weierstrass ngại ngùng - không phải lúc cô nói với ông nhưng khi ông phải nói với hai bà em. Và còn nhiều chuyện nữa ngoài thực tế Sophia đã có chồng. Cô thực sự kết hôn một cách hợp pháp, nhưng đó là một Hôn Nhân Trắng - một điều mà ông chưa bao giờ nghe nói đến, hai bà em cũng vậy. Chồng và vợ không những không sống cùng một nơi, họ không sống chung với nhau gì cả. Họ không kết hôn vì những lý do phổ thông được chấp nhận nhưng bị ràng buộc bởi lời thề bí mật của họ không bao giờ sống theo cách đó, không bao giờ -

"Hay thật?" Có lẽ Clara là người nói. Một cách nhanh nhẹn, thậm chí sốt ruột, để vượt qua thời điểm này.

Đúng. Và những người trẻ - phụ nữ trẻ - muốn đi du học bắt buộc phải đi qua sự lừa dối này bởi vì không có người phụ nữ Nga nào chưa lập gia đình có thể rời khỏi đất nước mà không có sự đồng ý của cha mẹ. Cha mẹ của Julia vui mừng để cho cô ấy đi, nhưng cha mẹ của Sophia thì không.

Một đạo luật thật chưa cởi mở.

Đúng. Người Nga. Nhưng một số phụ nữ trẻ tìm cách thoát khỏi điều kiện này với sự giúp đỡ của những thanh niên trẻ rất lý tưởng và thông cảm. Có lẽ họ cũng vô chính phủ. Ai biết được?

Chị của Sophia là người đã tìm được một trong những thanh niên trẻ, và cô và một người bạn hẹn một cuộc gặp mặt với anh chàng. Lý do của họ có lẽ chính trị, chứ không phải là trí thức. Chỉ có Chúa mới biết lý do tại sao họ mang cả Sophia theo - cô không có một đam mê chính trị nào và không nghĩ rằng mình sẵn sàng cho một cuộc mạo hiểm như vậy. Nhưng người thanh

niên trẻ nhìn qua hai cô gái lớn tuổi - cô chị tên Aniuta với vẻ thương lượng không thể che giấu nét đẹp của cô - và anh ta nói không. Không, tôi không muốn làm hợp đồng này với một trong hai quý cô, nhưng tôi đồng ý làm giấy tờ với cô em của hai cô.

"Có thể anh ta nghĩ những cô lớn tuổi sẽ gây phiền hà" - Elisa là người nói ra điều này, với kinh nghiệm của bà về tiểu thuyết - "đặc biệt là vẻ đẹp. Anh chàng đã say mê cô bé Sophia của chúng ta."

Tình yêu không được phép xâm nhập vào đây, Clara nhắc nhở bà.

Sophia chấp nhận lời đề nghị này. Vladimir gọi ông Đại Tướng, để hỏi xin cưới cô con gái nhỏ của ông. Ông Đại Tướng lịch sự, biết người thanh niên xuất thân từ một gia đình tốt, mặc dù anh chưa thực hiện được gì nhiều để lại dấu vết trong cuộc sống. Nhưng Sophia còn quá trẻ, ông nói. Thậm chí cô có biết những ý định này không?

Có, Sophia nói, và cô yêu anh.

Ông Đại Tướng nói họ không thể hành động trên cảm xúc của họ ngay lập tức nhưng phải dành một thời gian, một thời gian rất đáng kể, để tìm hiểu nhau ở Palibino. (Họ đang có mặt tại Petersburg.)

Mọi chuyện rơi vào bế tắc. Vladimir sẽ không bao giờ tạo ấn tượng tốt. Anh đã không cố gắng hết sức để che giấu những quan điểm cấp tiến của anh và anh ăn mặc xấu, như thể anh cố tình. Ông Đại Tướng tin tưởng Sophia càng thấy người cầu hôn này nhiều, cô sẽ càng ít muốn kết hôn với anh ta.

Tuy nhiên, Sophia đang lên kế hoạch của riêng mình.

Và đến một ngày mà bố mẹ cô tổ chức một bữa tiệc ăn tối quan trọng. Họ đã mời một nhà ngoại giao, các giáo sư, các đồng chí quân sự của Ông Đại Tướng từ Trường Pháo Binh. Giữa tất cả sự nhộn nhịp đó Sophia bỏ trốn.

Cô ra ngoài một mình trên các đường phố của Petersburg, và cô chưa bao giờ đi trước đó mà không có một người làm hoặc một

người chị đi cùng. Cô đến chỗ ở của Vladimir trong một khu phố sinh viên nghèo sống. Cánh cửa mở ra cho cô tức khắc, và ngay sau khi cô vào trong cô ngồi xuống và viết một bức thư cho cha mình.

"Cha thân yêu của con, con đã đến với Vladimir và sẽ ở lại đây. Con cầu xin cha đừng ngăn cản cuộc hôn nhân của chúng con nữa."

Tất cả mọi người đã ngồi vào bàn trước khi sự vắng mặt của Sophia được phát hiện. Một người làm không tìm thấy cô trong phòng. Aniuta được hỏi về em gái và đỏ mặt khi cô trả lời là cô không biết. Để che giấu khuôn mặt của mình, cô làm bộ đánh rơi chiếc khăn ăn.

Một tin nhắn được trao cho ông Đại Tướng. Ông cáo lỗi và rời khỏi phòng. Không bao lâu sau đó, Sophia và Vladimir nghe tiếng bước chân giận dữ của ông bên ngoài cửa của họ. Ông thỏa thuận với con gái và người đàn ông mà cô sẵn sàng để bị tai tiếng và buộc họ đi theo ông ngay lập tức. Họ đi lên xe về nhà, cả ba không nói một lời, và ở bàn ăn, ông nói, "Cho phép tôi giới thiệu với quý vị Vladimir Kovalevsky, con rể tương lai của tôi."

Thế là xong. Sophia rất vui mừng, không thực sự vì được lấy Vladimir nhưng để làm hài lòng Aniuta bằng cách đánh một đòn vào phong trào giải phóng phụ nữ Nga. Một đám cưới nghi thức và lộng lẫy được tổ chức ở Palibino, và cô dâu chú rể đến Petersburg sống dưới một mái nhà.

Và một khi mọi chuyện ổn thỏa họ đi ra nước ngoài và không tiếp tục sống dưới một mái nhà nữa. Sophia đến Heidelberg, sau đó Berlin, Vladimir thì đi Munich. Anh đến thăm Heidelberg khi rảnh, nhưng khi Aniuta và Zhanna bạn của cô đến đó, và Julia - về mặt lý thuyết tất cả bốn phụ nữ đều ở dưới sự bảo vệ của anh - nên không còn đủ chỗ cho anh nữa.

Weierstrass không có tiết lộ cho những người phụ nữ là ông có giữ liên lạc với phu nhân của ông Đại Tướng. Ông đã viết cho bà khi Sophia trở về từ Thụy Sĩ (thực sự từ Paris) mỗi mòn và yếu

đuổi nên ông lo lắng cho sức khỏe của cô. Bà mẹ đã trả lời, thông báo với ông rằng đó là từ Paris, trong những thời điểm nguy hiểm nhất, đã ảnh hưởng đến sức khỏe của con gái bà. Nhưng bà có vẻ ít lo âu bởi các biến động chính trị các con gái đã sống qua hơn là bởi những tiết lộ rằng một trong hai người, trong khi chưa lập gia đình, sống công khai với một người đàn ông, và người kia, đã kết hôn đang hoàng, lại không thực sự sống với chồng. Vì vậy, dù ngoài ý muốn, ông đã đóng vai người tâm tình của người mẹ ngay cả trước khi ông đóng vai này với con gái của bà. Và thật vậy ông không nói với Sophia gì hết về chuyện này cho đến khi mẹ cô qua đời.

Nhưng cuối cùng khi ông đã nói với cô, ông cũng thêm là Clara và Elisa đã hỏi ngay lập tức phải làm cái gì.

Ông nói có lẽ người phụ nữ nghĩ rằng một cái gì đó nên làm.

Ông đã trả lời khá nghiêm khắc, "Không làm gì hết."

Buổi sáng Sophia lấy một chiếc váy sạch ra khỏi túi xách để mặc cho dù nó nhàu nát - cô chưa bao giờ học được cách sắp xếp gọn gàng - cô chải tóc quăn để có thể che giấu một vài chỗ tóc bạc, và đi xuống cầu thang về phía những tiếng động của một gia đình đã thức giấc. Chỉ chỗ cô ngồi vẫn còn sắp đặt sẵn trong phòng ăn. Elisa mang cà phê và buổi ăn sáng Đức đầu tiên mà Sophia chưa bao giờ ăn trong nhà này - thịt nguội cắt lát, pho mát và bánh mì thoa bơ thật dày. Bà nói Clara trên lầu sửa soạn cho anh trai của họ để gặp Sophia.

"Lúc đầu chúng tôi đã mời ông thợ đến cắt tóc," cô nói. "Nhưng về sau Clara đã học làm khá tốt. Bà hóa ra là người còn có những tài năng của một y tá, thật là may mắn cho chúng tôi."

Ngay cả trước khi cô nói chuyện này Sophia cảm nhận rằng họ thiếu tiền. Chiếc ghế vải tơ và những bộ màn lưới có vẻ dơ bẩn, con dao và nĩa bạc mà cô sử dụng đã không được đánh bóng gần đây. Qua cánh cửa mở đến phòng khách một cô gái vẻ thô kệch, người làm hiện tại của họ, đang chùi lò sưởi và bụi bay tứ tung. Elisa nhìn theo, như muốn nói cô đóng cửa lại, sau đó đứng dậy

và tự đóng lại. Bà trở lại bàn với một khuôn mặt đỏ ửng, nhìn xuống, và Sophia vội vàng hỏi, hơi bất lịch sự, ông Weierstrass bệnh gì?

"Một phần là tim của anh yếu đi, và dường như anh không thể vượt qua chứng viêm phổi mắc phải từ mùa thu. Ngoài ra anh có một sự tăng trưởng trong các cơ quan tạo sinh, "Elisa nói, hạ thấp giọng nhưng một cách thẳng thắn như người phụ nữ Đức.

Clara xuất hiện ở ngưỡng cửa.

"Anh ấy đang chờ cô."

Sophia bước lên lầu suy nghĩ không phải đến giáo sư mà là hai người phụ nữ này đã khiến ông trở thành trung tâm cuộc sống của họ. Đan những chiếc khăn choàng cổ dày, vá quần áo, làm bánh và mút trái cây mà không bao giờ họ có thể giao cho một người làm. Tôn vinh Giáo Hội Công Giáo La Mã như anh trai của họ đã làm - một tôn giáo lạnh lùng không có gì vui theo Sophia - và tất cả những điều khác nữa mà họ không bao giờ có một ý chống đối, hoặc bất cứ một tia không hài lòng nào.

Tôi sẽ điên được, cô nghĩ.

Thậm chí là một giáo sư, cô nghĩ, tôi sẽ điên được. Học trò có những tâm trí tầm thường, nói chung. Chỉ có những mô hình thường xuyên rõ ràng nhất mới có thể gây được ấn tượng đến họ.

Cô cũng không dám thừa nhận điều này với chính mình trước khi cô có Maksim.

Cô bước vào phòng ngủ mỉm cười với cái may mắn của mình, tự do sắp tới của cô, người chồng sắp cưới của cô.

"A, cô đây rồi," Weierstrass nói, giọng hơi yếu ớt và rất chậm. "Cô bé nghịch ngợm, chúng tôi nghĩ cô đã bỏ chúng tôi. Có phải cô trên đường đến Paris một lần nữa, để tìm vui cho mình không?"

"Tôi trên đường trở về từ Paris," Sophia nói. "Tôi sẽ trở lại Stockholm. Paris không có gì vui hết, nó vẫn ảm đạm như thuở nào." Cô đưa bàn tay ra cho ông hôn, từng cái một.

"Vậy là chị Aniuta của cô bị bệnh?"

"Chị ấy mất rồi, giáo sư yêu mến của tôi."

"Cô ấy mất trong tù?"

"Không, không. Đã lâu rồi. Chị ấy không ở trong tù thời điểm đó. chồng chỉ mới ở trong tù. Chị qua đời vì viêm phổi, nhưng chị đã bị đau nhiều trong một thời gian dài."

"Ô, viêm phổi, tôi cũng vậy. Tuy nhiên, thật là buồn cho cô."

"Trái tim tôi sẽ không bao giờ lành. Nhưng tôi có một tin tốt để nói với ông, một cái gì đó vui. Tôi sẽ lấy chồng vào mùa xuân."

"Cô ly dị nhà địa chất? Tôi không ngạc nhiên, đúng ra cô nên làm điều đó từ lâu rồi. Tuy nhiên, một cuộc ly hôn luôn luôn là khó chịu."

"Anh ấy cũng mất rồi. Và anh là một nhà cổ sinh vật. Đây là một nghiên cứu mới, rất thú vị. Họ học hỏi nhiều thứ từ các hóa thạch."

"Có. Tôi nhớ ra rồi. Tôi đã nghe nói về nghiên cứu này. Vậy là anh chết trẻ. Tôi không muốn anh ta cản đường của cô, nhưng thật sự tôi không muốn anh ấy chết. Anh bị bệnh có lâu không?"

"Có thể nói là lâu. Ông chắc chắn nhớ tôi đã rời anh ấy thế nào và ông đề nghị tôi với Mittag-Leffler? "

"Ở Stockholm. Đúng không? Cô đã chia tay với anh ta. Tốt. Dù sao cô cũng phải làm."

"Đúng. Nhưng bây giờ chuyện đã xong và tôi sẽ kết hôn với một người đàn ông mang cùng tên nhưng không liên hệ gần và là mẫu một người đàn ông hoàn toàn khác."

"Vậy là một người Nga? Anh ta cũng đọc những hóa thạch?"

"Hoàn toàn không phải. Anh là giáo sư luật. Anh ấy rất năng động và rất hài hước, trừ khi lúc anh rất ảm đạm. Tôi sẽ đưa anh ta đến gặp ông và ông sẽ thấy."

"Chúng tôi sẽ rất vui để đón tiếp anh ta," Weierstrass buồn bã nói. "Công việc của cô sẽ bị chấm dứt."

"Không đâu, không có đâu. Anh ấy không muốn như vậy. Nhưng tôi sẽ không đi dạy nữa, tôi sẽ được tự do. Và tôi sẽ sống trong một khí hậu thật thú vị ở miền nam nước Pháp và tôi sẽ

luôn được khỏe mạnh ở đó và làm tất cả những công việc nhiều hơn."

"Chúng ta sẽ xem."

"Thầy thương mến", cô nói. "Tôi xin ông, xin ông hãy vui mừng cho tôi."

"Tôi có vẻ rất già," ông nói. "Và tôi đã có một cuộc sống nghiêm túc. Tôi đã không có nhiều mặt cá tánh như cô. Thật là cả một bất ngờ cho tôi biết rằng cô viết tiểu thuyết."

"Ông không thích điều đó."

"Cô sai rồi. Tôi rất thích những hồi ức của cô. Đọc rất dễ chịu."

"Cuốn sách đó không thực sự là một cuốn tiểu thuyết. Ông sẽ không thích cuốn tôi đang viết bây giờ. Đôi khi chính tôi cũng không thích nó nữa. Tất cả đều nói về một cô gái quan tâm nhiều đến chính trị hơn là tình yêu. Không sao, ông không cần phải đọc nó. Sở kiểm duyệt Nga sẽ không cho phép nó được xuất bản và thế giới bên ngoài sẽ không muốn đọc nó bởi vì nó toàn là về Nga."

"Tôi thường không thích tiểu thuyết."

"Chúng dành cho phụ nữ?"

"Đúng ra đôi khi tôi quên rằng cô là một người phụ nữ. Tôi nghĩ về cô như - như là..."

"Như là cái gì?"

"Như một món quà cho tôi và cho một mình tôi."

Sophia cúi xuống và hôn lên trán trắng bệch của ông. Cô cầm lại những giọt nước mắt cho đến khi cô nói lời tạm biệt với hai chị em của ông và rời khỏi nhà.

Tôi sẽ không bao giờ gặp lại ông, cô nghĩ.

Cô nghĩ đến khuôn mặt của ông trắng như những chiếc gối vừa được giặt hồ mà Clara đã phải đặt phía sau đầu của ông chỉ buổi sáng hôm nay. Có lẽ bà đã lấy nó ra rồi, để cho ông nằm xuống những cái gối tồi tàn hơn bên dưới. Có lẽ ông đã lăn ra ngủ ngay, mệt mỏi sau buổi trao đổi của họ. Ông có thể nghĩ rằng họ gặp nhau lần cuối và sự suy nghĩ đó cũng nằm trong tâm trí của

cô, nhưng ông sẽ không biết đó là xấu hổ, là bí mật của cô - cô cảm thấy bây giờ nhẹ nhàng thế nào, tự do thế nào, mặc dù nước mắt cô tuôn trào, tự do hơn với mỗi bước đi của cô ra khỏi ngôi nhà đó.

Cuộc đời của ông, cô nghĩ, có nhiều thỏa mãn để chiêm ngưỡng hơn cuộc sống của hai người em không?

Tên của ông sẽ được nhắc đến một thời gian, trong sách giáo khoa. Và trong giới các nhà toán học. Nhưng không lâu lắm vì ông đã không nhiệt tình hơn về việc tạo dựng tiếng tăm của mình, giới hạn vai trò nổi bật trong vòng chọn lọc và phấn đấu của ông. Ông quan tâm nhiều cho công việc hơn là cho tên tuổi của ông, trong khi rất nhiều đồng nghiệp của ông quan tâm cho cả hai đều như nhau.

Cô không nên đề cập đến quyển sách của cô. Phù phiếm đối với ông. Cô đã viết những hồi ức của cuộc đời mình tại Palibino trong một ánh sáng tình thương dành cho tất cả những mất mát, những thứ một lần tuyệt vọng cũng như những thứ một lần quý giá. Cô đã viết cuốn sách đó lúc xa nhà khi mà gia đình và chị của cô không còn nữa. Và Cô Gái Nihilist hiện ra với nỗi đau cho đất nước mình, sự bùng nổ của chủ nghĩa yêu nước và có lẽ một cảm giác rằng cô đã không để ý nhiều đến môn toán học và cuộc đời rối loạn của cô.

Niềm đau cho đất nước của cô, đúng. Nhưng với một ý nghĩa nào đó cô đã viết câu chuyện để tưởng nhớ Aniuta. Đó là câu chuyện của một người phụ nữ trẻ, từ bỏ tương lai của một cuộc sống bình thường để kết hôn với một tù nhân chính trị bị lưu đày đến Siberia. Bằng cách này, cô đảm bảo rằng cuộc sống, hình phạt của anh ta, sẽ phần nào được giảm bớt - miền nam thay vì miền bắc Siberia - như là quy tắc cho những người đàn ông đi cùng với vợ. Câu chuyện sẽ được ca ngợi bởi những người Nga bị trục xuất có thể tìm cách để đọc bản thảo của nó. Một cuốn sách chỉ bị từ chối xuất bản ở Nga để tạo ra sự khen ngợi như vậy trong số những người lưu vong chính trị, như Sophia cũng biết.

Chị Em Raevsky - những hồi ức này làm cô hài lòng hơn, mặc dù nó đã thông qua phần kiểm duyệt, và một số nhà phê bình bác bỏ nó vị gọi lên hoài niệm.

Có một lần cô đã làm Weierstrass thất vọng. Lúc cô đạt được thành công ban đầu. Đó là sự thật, mặc dù ông không bao giờ đề cập đến. Cô đã quay lưng lại với ông và với toán học hoàn toàn; cô thậm chí không trả lời những bức thư của ông. Cô trở về nhà ở Palibino vào mùa hè năm 1874, với cấp bằng đạt được, đứng trong một cái hộp nhung, và sau đó cất đi trong một cái rương, để bị quên lãng trong nhiều tháng - nhiều năm - sau đó.

Mùi của cánh đồng cỏ khô và rừng thông, những ngày mùa hè nóng vàng, và các buổi tối trời sáng kéo dài của miền bắc nước Nga làm cô say sưa. Có những buổi dã ngoại và vở kịch tài tử, chơi bóng, sinh nhật, đón tiếp bạn cũ, và sự hiện diện của Aniuta hạnh phúc với con trai tròn một tuổi của cô. Vladimir cũng có mặt ở đó, và trong bầu không khí mùa hè nhẹ nhàng với sự ấm áp, rượu vang và bữa ăn tối vui vẻ kéo dài, các điệu múa và ca hát, đó là điều tự nhiên để cô đến với anh, sau tất cả thời gian qua để xem anh không những là người chồng mà là người yêu của cô.

Nhưng không phải vì yêu anh. Cô biết ơn anh, và thuyết phục mình rằng một thứ tình cảm như tình yêu không hiện hữu trong cuộc sống thực. Nó sẽ làm cho cả hai hạnh phúc hơn, cô nghĩ, để đồng ý với những gì anh muốn, và đúng như vậy trong khoảng một thời gian.

Vào mùa thu họ đi Petersburg, và cuộc sống vui chơi giải trí long trọng tiếp tục. Những bữa ăn tối, vở kịch, tiếp tân, và tất cả các báo và tạp chí để đọc, phù phiếm lẫn nghiêm túc. Weierstrass năn nỉ Sophia, qua thư từ, đừng rời bỏ thế giới của toán học. Ông theo dõi để luận án của cô được xuất bản trong Tạp Chí Crelle cho các nhà toán học. Cô hầu như không để ý đến. Ông yêu cầu cô dành một tuần - chỉ một tuần - xem lại công việc của cô trên vành đai Sao Thổ, để nó cũng có thể được xuất bản.

Cô không hề quan tâm. Cô quá bận rộn, không nhiều thì ít với những buổi lễ ăn mừng liên tục. Một buổi lễ mừng những ngày quan trọng và danh dự tòa án và những vở tuồng mới ca múa opera và ballet, nhưng thực sự, dường như đó là, một lễ ăn mừng cho chính cuộc sống.

Cô đã học được, khá muộn, về những gì nhiều người xung quanh cô dường như đã biết từ khi còn nhỏ - rằng cuộc sống có thể hoàn toàn thỏa mãn mà không có những thành tựu lớn. Nó có thể đầy ắp các ngành nghề không bóc lột con người đến tận xương tủy. Đạt những gì bạn cần cho một cuộc sống đầy đủ thoải mái, và sau đó hướng theo một đời sống xã hội và công cộng vui chơi giải trí, sẽ giúp cho con người khỏi buồn chán hoặc nhàn rỗi, và sẽ làm cho mình cảm thấy vào cuối ngày thực sự làm cái gì tất cả mọi người hài lòng. Không cần thiết phải đau đớn.

Ngoại trừ trong vấn đề làm sao có được tiền.

Vladimir phục hồi lại cơ sở xuất bản của anh. Họ vay mượn mọi nơi. Cả hai cha mẹ của Sophia đã mất từ lâu, và thừa kế của cô đã được đầu tư trong những phòng tắm công cộng gắn liền với một nhà kính để trồng cây, một lò bánh mì, và một cửa tiệm hấp giặt quần áo. Họ có những dự án lớn. Nhưng thời tiết ở Petersburg đã biến đổi lạnh hơn bình thường, và người ta không bị lôi cuốn ngay cả vào những phòng tắm hơi. Các nhà xây dựng và những người khác lừa gạt họ, thị trường trở nên không ổn định, và thay vì quản lý để thực hiện một nền tảng vững chắc cho cuộc sống, họ càng chìm sâu hơn vào nợ nần.

Và họ đã hành xử như các cặp vợ chồng khác với một kết quả bình thường tốn kém. Sophia có một bé gái. Em bé được đặt tên của mẹ nhưng họ gọi là Fufu. Fufu có một y tá, một bà vú và dãy phòng riêng. Gia đình cũng mượn một đầu bếp và một người giúp việc. Vladimir mua quần áo mới thời trang cho Sophia và quà thật đẹp cho con. Anh nhận bằng cấp từ Jena và anh đã xoay sở để trở thành một giáo sư thay thế ở Petersburg, nhưng vẫn không đủ. Cơ sở xuất bản sụp đổ không nhiều thì ít thành đồng

vụn.

Sau đó, hoàng đế Nga bị ám sát và không khí chính trị trở nên đáng lo ngại và Vladimir bước vào một thời kỳ buồn rầu sâu đậm đến nỗi anh không thể làm việc hay suy nghĩ.

Weierstrass đã nghe nói về cái chết của cha mẹ Sophia, và để xoa dịu nỗi đau của cô phần nào, như ông nói, ông đã gửi cho cô thông tin về một hệ thống phân tích xuất sắc mới của chính ông. Nhưng thay vì bị thu hút trở lại toán học cô chọn viết phê bình những vở kịch và tài liệu khoa học phổ biến cho các văn kiện. Điều này chỉ cần một khả năng về thị trường hơn và không quá phiền phức cho người khác, hay quá mệt mỏi cho chính cô, như toán học.

Gia đình Kovalevsky chuyển đến Moscow, hy vọng vận may của họ sẽ thay đổi.

Vladimir phục hồi, nhưng anh không cảm thấy có thể quay trở lại giảng dạy. Anh tìm một cơ hội mới để đầu tư, được mời làm việc trong một công ty sản xuất thạch du từ một con suối dầu khí. Công ty là sở hữu của hai anh em Ragozin, họ có một nhà máy lọc dầu và một lâu đài hiện đại trên sông Volga. Công việc phụ thuộc vào khoản tiền đầu tư của Vladimir, mà anh xoay sở để vay.

Nhưng lần này Sophia cảm nhận khó khăn trước mắt. Anh em Ragozin không thích cô và cô không thích họ. Vladimir bây giờ càng ngày càng nằm trong quyền lực của họ. Họ là những người mới, anh cho biết, họ không có vấn đề gì. Anh trở nên lạnh lùng, anh lấy vẻ khó khăn và cao ngạo. Anh nói hãy chỉ cho anh một người phụ nữ thực sự quan trọng. Một người đã làm một cái gì thực sự khác biệt trên thế giới, ngoại trừ quyến rũ và giết đàn ông. Họ sinh ra để đảo ngược lại và dùng chính mình làm trọng điểm và nếu họ có nắm giữ được bất cứ ý tưởng nào, bất cứ ý tưởng doan chính nào để họ bỏ thì giờ vào, họ trở nên cuồng loạn và hủy hoại nó với sự tự phụ.

Đó là buổi nói chuyện của anh em Ragozin, Sophia biết.

Bây giờ cô bắt đầu liên lạc lại với Weierstrass. Cô gửi Fufu cho Julia người bạn cũ của cô và đi Đức. Cô viết thư cho Alexander anh của Vladimir cho biết rằng Vladimir đã cắn vào môi của anh em Ragozin thật quá dễ dàng như thể anh đang thực sự thử thời vận để nhận thêm một đòn nữa. Tuy nhiên cô cũng viết cho chồng với ý định quay trở lại. Anh trả lời không chấp nhận.

Họ gặp nhau một lần nữa, ở Paris. Cô sống ở đó thật đậm bạc trong khi Weierstrass cố gắng tìm một công việc cho cô. Một lần nữa cô lại chìm trong những vấn đề toán học cùng nhóm người cô quen biết. Vladimir đã bắt đầu nghi ngờ anh em Ragozin nhưng anh đã tham gia đến độ anh không còn có thể rút lui ra được nữa. Tuy nhiên, anh có nói chuyện đi Hoa Kỳ. Và đã đi, nhưng lại trở về.

Mùa thu năm 1882, anh viết thư cho người anh nói rằng anh nhận ra bây giờ anh là một người hoàn toàn vô giá trị. Tháng mười một, anh báo cáo sự phá sản của anh em Ragozin. Anh lo sợ họ có thể cố gắng để lôi kéo anh vào vài tổ tụng hình sự. Vào dịp Giáng Sinh, anh thăm Fufu, bây giờ ở Odessa với gia đình người anh. Anh vui mừng khi cô bé còn nhớ anh, và nó khỏe mạnh thông minh. Sau đó anh chuẩn bị những lá thư chia tay cho Julia, người anh, vài người bạn khác, nhưng không cho Sophia. Và một lá thư cho tòa án giải thích một số hành động của anh trong vấn đề Ragozin.

Anh trì hoãn một thời gian nữa. Mãi cho đến tháng tư anh mới cột một cái túi lên đầu và hít thuốc mê vào.

Sophia, ở Paris, từ chối ăn uống và không đi ra khỏi phòng. Cô tập trung tất cả suy nghĩ vào việc từ chối thức ăn, như vậy cô sẽ không phải cảm thấy những gì cô đang cảm thấy.

Cuối cùng, cô bị ép ăn, và ngủ thiếp đi. Khi cô tỉnh dậy, cô cảm thấy thật xấu hổ về hành động này. Cô xin một cây bút chì và tờ giấy, để cô có thể tiếp tục làm việc trên một vấn đề.

Không còn tiền. Weierstrass viết thư và yêu cầu cô đến sống với ông như một người em gái khác. Và ông vẫn tiếp tục giựt dây

bất cứ nơi nào ông có thể và cuối cùng, đã thành công, với Mittag-Leffler một người học trò cũ và cũng là bạn của ông, ở Thụy Điển. Viện Đại Học mới của Stockholm đồng ý là viện đại học đầu tiên ở Châu Âu để nhận vào một nữ giáo sư toán học.

Tại Odessa Sophia đến đón con gái, đưa cô bé đến sống với Julia trong hiện tại. Cô rất tức giận anh em Ragozin. Cô viết thư cho anh của Vladimir gọi họ là "những kẻ xấu tinh tế, độc hại." Cô đã thuyết phục ông thẩm phán xét xử vụ án tuyên bố rằng tất cả các bằng chứng cho thấy Vladimir để tin nhưng trung thực.

Sau đó, cô lấy xe lửa một lần nữa từ Moscow đến Petersburg để đi nhận việc làm mới và được nhiều người nói đến - và chắc chắn ân hận - ở Thụy Điển. Cô thực hiện chuyến đi từ Petersburg bằng đường biển. Chiếc tàu tiến vào một hoàng hôn thật đẹp. Không còn được làm điều gì ngu ngốc nữa, cô nghĩ. Bây giờ tôi sẽ gây dựng một cuộc sống thích hợp.

Lúc này cô chưa gặp Maksim. Hoặc đoạt giải thưởng Bordin.

Cô rời Berlin vào buổi trưa, ngay sau khi cô nói lời tạm biệt cuối cùng buồn nhưng nhẹ nhõm với Weierstrass. Xe lửa cũ và chậm chạp, nhưng sạch sẽ và sưởi nóng, như bất cứ chuyến xe lửa nào ở Đức.

Đi được khoảng nửa cuộc hành trình người đàn ông ngồi đối diện mở ra tờ báo và mời cô xem bất cứ phần nào cô thích đọc.

Cô cảm ơn anh và từ chối.

Anh gật đầu nhìn về phía cửa sổ, tuyết nhẹ đang rơi theo.

"A tốt," anh nói. "Người ta có thể mong đợi cái gì?"

"Thực sự cái gì," Sophia nói.

"Cô đi xa hơn Rostock?"

Anh có thể nhận ra một giọng nói không phải tiếng Đức. Cô không ngại anh nói chuyện với cô hay có một kết luận như vậy về cô. Anh trẻ hơn cô rất nhiều, mặc quần áo lịch sự, hơi nghiêm. Cô có cảm giác anh là một người nào đó mà cô đã gặp hoặc thấy trước đây. Nhưng điều này thường xảy ra khi đi du lịch.

"Đến Copenhagen", cô nói. "Và sau đó đi Stockholm. Đối với tôi, tuyết sẽ chỉ nhiều hơn."

"Tôi sẽ chia tay với cô ở Rostock," anh nói, có lẽ để trấn an cô là cuộc trò chuyện sẽ không kéo dài lâu. "Cô có hài lòng với Stockholm không?"

"Tôi ghét Stockholm vào thời điểm này trong năm. Tôi rất ghét."

Cô ngạc nhiên với chính mình. Nhưng anh mỉm cười vui sướng và bắt đầu nói bằng tiếng Nga.

"Xin lỗi," anh nói. "Tôi đoán đúng. Bây giờ tôi là người nước ngoài nói chuyện với cô. Vì tôi học ở Nga một thời gian. Ở Petersburg."

"Anh nhận ra giọng Nga của tôi?"

"Không chắc chắn. Cho đến khi cô cho biết cảm nghĩ về Stockholm."

"Có phải tất cả người Nga đều ghét Stockholm?"

"Không. Không. Nhưng họ nói họ ghét. Họ ghét. Họ thích."

"Đúng ra tôi không nên nói như vậy. Người Thụy Điển rất tốt với tôi. Họ dạy những điều..."

Đến đây, anh lắc đầu, cười.

"Thật như vậy," cô nói. "Họ đã dạy tôi trượt băng"

"Chắc chắn như vậy. Cô không học trượt băng ở Nga sao?"

"Họ không kiên trì giảng dạy như người Thụy Điển làm."

"Ở Bornholm cũng vậy," anh nói. "Tôi hiện sống ở Bornholm. Người Đan Mạch không kiên trì, đúng là từ ngữ đó. Nhưng tất nhiên ở Bornholm chúng tôi cũng không phải là người Đan Mạch. Chúng tôi từng nói như vậy."

Anh là một bác sĩ, trên đảo Bornholm. Cô tự hỏi nếu cô có thể yêu cầu anh khám cổ họng được không, vì bây giờ nó rất đau. Cô quyết định là không.

Anh nói anh còn phải lấy một chuyến phà dài và có thể gặp ghênh, sau khi họ vượt qua biên giới Đan Mạch.

Người dân Bornholm không nghĩ họ là người Đan Mạch, anh

nói, bởi vì họ cho rằng họ là người Viking bị tiếp quản bởi Liên Minh Hansa trong thế kỷ thứ mười sáu. Họ có một lịch sử khốc liệt, họ đã bị bắt giữ. Cô đã từng nghe nói về Bá Tước Bothwell hung ác chưa? Một số người nói ông đã qua đời ở Bornholm, mặc dù người dân Zealand nói ông chết ở đó.

"Ông sát hại chồng của nữ hoàng Tô Cách Lan và kết hôn với bà. Nhưng ông đã chết trong xiềng xích. Ông qua đời trong tình trạng điên khùng."

"Hoàng Hậu Mary Queen of Scots," cô nói. "Có, tôi đã nghe nói." Và thực sự cô có nghe, bởi vì nữ hoàng Tô Cách Lan là một trong những nữ anh hùng đầu tiên của Aniuta.

"Ồ, xin lỗi cô. Tôi đang nói huyền thuyên."

"Xin lỗi?" Sophia nói. "Tôi có làm gì để anh xin lỗi?"

Anh đỏ mặt. Anh nói, "Tôi biết cô là ai."

Anh nói lúc đầu anh không biết. Nhưng khi cô nói bằng tiếng Nga, anh chắc chắn rồi.

"Cô là người nữ giáo sư. Tôi đã đọc về cô trong một tạp chí. Còn có một bức ảnh, nhưng hình của cô trông già hơn rất nhiều so với bên ngoài. Tôi xin lỗi đã xen vào chuyện của cô, nhưng tôi không thể nào làm khác hơn được."

"Tôi có vẻ nghiêm khắc trong bức ảnh bởi vì tôi nghĩ mọi người sẽ không tin tưởng ở tôi nếu tôi mỉm cười," Sophia nói. "Không phải các bác sĩ cũng làm tương tự như vậy sao?"

"Có thể. Tôi không quen bị chụp hình."

Bây giờ hình như họ mất tự nhiên; tùy ở cô để làm anh thoải mái. Không khí dễ chịu hơn trước đó. Cô trở lại chủ đề về Bornholm. Nơi ấy xáo trộn và hiểm trở, anh nói, chứ không hiền lành và náo nhiệt như Đan Mạch. Người ta đến đó vì phong cảnh và không khí trong sạch. Nếu lúc nào cô ước muốn đến anh sẽ lấy làm vinh dự đưa cô đi viếng xung quanh.

"Ở đó có tảng đá màu xanh hiếm quý nhất", anh nói. "Họ gọi là đá cẩm thạch màu xanh. Nó được đập bể ra và đánh bóng làm trang sức cho phụ nữ đeo cổ. Nếu cô muốn có một cái..."

Ông nói chuyện điên rồ vì có điều gì đó anh muốn nói nhưng không thể. Cô nhận thấy được.

Họ sắp sửa đến Rostock. Anh càng lúc càng trở nên lo âu hơn. Cô sợ anh sẽ yêu cầu cô ký tên trên một mảnh giấy hoặc một cuốn sách mà anh mang theo. Thật rất hiếm khi ai làm điều đó, nhưng nó luôn luôn làm cho cô cảm thấy buồn, không hiểu vì sao.

"Cô làm ơn nghe tôi," anh nói. "Một điều tôi phải nói với cô. Đúng ra tôi không có quyền nói đến. Xin cô vui lòng. Trên đường cô đến Thụy Điển, xin cô đừng đi Copenhagen. Cô không nên sợ hãi, tâm trí tôi hoàn toàn sáng suốt."

"Tôi không sợ hãi," cô nói. Mặc dù cô cảm thấy một chút.

"Cô phải đi một con đường khác, qua Quần Đảo Đan Mạch. Cô nên đổi vé trong nhà ga."

"Tôi có thể hỏi tại sao? Có chuyện gì ở Copenhagen?"

Đột nhiên cô chắc chắn là anh sẽ nói với cô về một âm mưu, một quả bom.

Vậy, anh ta là một người vô chính phủ?

"Có bệnh đậu mùa ở Copenhagen. Một bệnh dịch. Nhiều người đã rời thành phố, nhưng chính quyền đang cố gắng giữ im lặng. Họ sợ một cơn hoảng loạn hoặc một số người sẽ đốt cháy các tòa nhà chính phủ. Vấn đề là người Phần Lan. Người ta nói người Phần Lan đã mang bệnh đến. Họ không muốn dân chúng nơi đây chống lại những người tị nạn Phần Lan. Hoặc chống lại chính quyền đã cho họ vào."

Xe lửa dừng lại và Sophia đứng lên, kiểm soát túi xách của mình.

"Cô hứa với tôi. Cô đừng đi mà không hứa với tôi."

"Tốt lắm," Sophia nói. "Tôi hứa."

"Cô sẽ lấy chiếc phà đến Gedser. Tôi sẽ đi với cô đổi vé nhưng tôi phải tiếp tục đi Rutgen."

"Tôi hứa."

Có phải là anh làm cô nhớ đến Vladimir? Vladimir trong

những ngày đầu. Không phải những đặc tính của anh, mà sự chăm sóc cầu khẩn cho cô. Liên tục khiêm tốn và cứng đầu.

Anh đưa tay ra và cô đưa tay cho anh bắt, nhưng đó không phải là ý định duy nhất của anh. Anh đặt trong lòng bàn tay cô một viên thuốc nhỏ, nói: "Cái này sẽ giúp cô nghỉ ngơi một chút nếu cô thấy cuộc hành trình mệt mỏi."

Tôi sẽ phải nói chuyện với vài người có trách nhiệm về dịch bệnh đậu mùa này, cô quyết định.

Nhưng cô không làm. Người đàn ông đổi vé cho cô khó chịu khi phải làm một điều quá phức tạp và sẽ còn tức giận hơn nếu cô đổi ý. Lúc đầu ông dường như chỉ trả lời bằng tiếng Đan Mạch thôi, sử dụng bởi những người hành khách khác, nhưng khi ông đã hoàn tất thủ tục cho cô, ông nói bằng tiếng Đức rằng chuyến đi bây giờ sẽ lâu hơn nhiều, cô có hiểu không? Sau đó cô nhận ra là họ vẫn còn ở Đức và có thể ông không biết gì về Copenhagen - cô đã nghĩ đến chuyện gì?

Ông nói thêm một cách ủ rũ rằng trời đang tuyết trên các hòn đảo.

Chiếc phà nhỏ của Đức đi Gedser được sưởi ấm, mặc dù hành khách phải ngồi trên ghế ván gỗ. Cô sắp sửa nuốt viên thuốc, nghĩ rằng có thể những chiếc ghế này làm anh liên tưởng đến cuộc hành trình mệt nhọc. Nên cô chưa uống mà cất lại, phòng khi say sóng.

Cô lấy chuyển xe lửa địa phương trang bị ghế hạng nhì bình thường cho dù xơ xác. Tuy nhiên, trên xe lạnh, với một cái lò đầy khói gần như vô dụng ở một đầu của chiếc xe.

Ông trưởng tàu này thân thiện hơn ông bán vé, và không có vẻ quá vội vàng. Biết rằng họ thực sự trong lãnh thổ của Đan Mạch, cô hỏi ông bằng tiếng Thụy Điển - mà cô nghĩ có thể gần giống tiếng Đức hơn tiếng Đan Mạch - để biết có phải thật là có bệnh xảy ra ở Copenhagen. Ông trả lời rằng không, xe lửa cô đi không đến Copenhagen.

Dường như ông chỉ biết nổi tiếng Thụy Điển mấy chữ "xe lửa"

và "Copenhagen".

Trên chuyến xe này tất nhiên là không có ngăn, chỉ có hai toa với băng ghế gỗ. Một số hành khách đã mang theo gối riêng, chăn và áo choàng để quấn vào người. Họ không nhìn Sophia, càng không muốn gợi chuyện với cô. Có ích lợi gì nếu họ làm? Cô sẽ không thể hiểu hoặc trả lời được.

Cũng không có xe bán nước trà. Những gói bọc trong giấy dầu đã được mở ra, bánh mì lạnh lấy ra. Những lát bánh mì dày, mùi pho mát thật nồng, những miếng thịt mỏng xông khói chín lạnh, đầu đó một con cá trích. Một người phụ nữ lấy ra một cái nĩa từ một cái túi trong quần áo và ăn cải muối đựng trong một cái hủ. Làm cho Sophia nhớ nhà, nhớ nước Nga.

Nhưng đây không phải là nông dân Nga. Không ai trong số họ say rượu, hay ba hoa, hay cười. Họ ngồi cứng như bảng gỗ. Ngay cả chất béo phủ đầy xương của một vài người cũng là chất béo cứng, tự trọng, chất béo của người giáo phái Lutheran. Cô không biết gì về họ.

Nhưng thực sự cô biết gì về người nông dân Nga, những nông dân ở Palibino, khi nói đến họ? Họ luôn luôn dựng lên một màn tốt hơn cho họ.

Ngoại trừ có lẽ một lần, ngày chủ nhật khi tất cả người làm và người chủ phải đi đến nhà thờ để nghe đọc bản Tuyên Ngôn. Sau đó tinh thần mẹ của Sophia hoàn toàn sụp đổ và bà rên rỉ kêu lên: "Bây giờ chúng ta sẽ như thế nào? Các con tội nghiệp của tôi sẽ như thế nào?" Ông Đại Tướng đưa bà vào phòng làm việc của ông để an ủi bà. Aniuta ngồi xuống để đọc một trong những cuốn sách của cô, và Feodor đưa em trai nhỏ chơi với các khối xếp hình. Sophia đi tới đi lui, xuống nhà bếp, nơi các người làm trong nhà và thậm chí ngoài đồng đang ăn bánh và vui mừng - nhưng một cách khá trang nghiêm, như thể đó là ngày thánh. Một ông già có công việc duy nhất là quét sân cười và gọi cô là Little Missus. "Đây rồi Little Missus đến để chúc tốt chúng ta." Sau đó, một số cổ vũ cho cô. Họ thật dễ chịu, cô nghĩ, mặc dù cô hiểu họ

đùa giỡn.

Ngay lúc ấy bà gia sư xuất hiện với một khuôn mặt giống như một đám mây đen và mang cô đi.

Sau đó mọi chuyện tiếp tục gần như bình thường.

Jaclard nói với Aniuta cô không bao giờ có thể là một nhà cách mạng thực sự, cô chỉ giỏi rút tiền từ cha mẹ tội phạm của cô. Còn về Sophia và Vladimir (Vladimir là người đã cứu anh ta khỏi cảnh sát), họ là ký sinh trùng lấy vẻ chìm đắm trong những nghiên cứu vô giá trị của họ.

Mùi bắp cải và cá trích làm cho cô muốn bệnh.

Tại một địa điểm xa hơn xe lửa ngừng lại và họ yêu cầu tất cả mọi người đi xuống. Ít nhất đó là điều cô phỏng đoán, từ tiếng hét của ông trưởng tàu và nhóm người lô nhô miễn cưỡng đứng lên và tuân theo. Họ ra ngoài đứng trong tuyết cao đến đầu gối, không có một thị trấn hay bến dừng nào gần đó và những ngọn đồi trắng mịn xung quanh họ, hiện ra lơ mờ qua màn tuyết nhẹ rơi. Trước đầu xe lửa những người đàn ông đang xúc tuyết quá nhiều chắn ngang làm cắt đường rầy. Sophia đi tới đi lui để giữ chân không bị đóng băng trong đôi giày ống mỏng mảnh, chỉ đủ ấm đi phố chứ không phải để mang ở đây. Các hành khách khác đứng yên, và không ai bình luận gì về tình hình.

Sau nửa giờ, hoặc có lẽ chỉ mười lăm phút, đường rầy được dọn sạch và hành khách leo lên tàu trở lại. Thật là một bí ẩn đối với tất cả mọi người, kể cả Sophia, đầu tiên tại sao họ phải ra khỏi xe, thay vì ngồi chờ đợi tại chỗ, nhưng tất nhiên không ai phàn nàn. Và họ tiếp tục đi, trong bóng tối, và có cái gì khác hơn ngoài tuyết chạy theo qua cửa sổ. Một tiếng cào ghê rợn trên cửa kiến. Mưa đá.

Sau đó, ánh đèn mờ của một ngôi làng hiện ra, và một số hành khách đứng lên, tuần tự quán khăn cột áo kín lại và nhặt các túi xách, gói đồ và leo xuống tàu, biến mất. Cuộc hành trình lại tiếp tục, nhưng trong một thời gian ngắn tất cả mọi người được lệnh đi xuống một lần nữa. Lần này không phải vì những đống tuyết.

Họ bị dồn lên một chiếc thuyền, một chiếc phà nhỏ khác, mang họ ra vùng nước đen. Cổ họng của Sophia bây giờ rất đau đến độ cô chắc chắn không thể nói được nếu cần.

Cô không hề biết chuyến đi này sẽ kéo dài bao lâu. Khi họ cập bến mọi người phải vào một nhà kho ba mặt, với rất ít chỗ trú ẩn và không có ghế. Một chuyến xe lửa đến sau một thời gian chờ đợi cô không biết là bao lâu nữa. Và khi chiếc tàu này đến, Sophia thậm chí cảm ơn, mặc dù nó không ấm hơn và cũng có những băng ghế gỗ giống như chuyến đầu tiên. Hình như người ta chỉ đánh giá cao những tiện nghi khiêm tốn, nếu trước đó họ đã trải qua nhiều đau khổ. Và không phải là, cô muốn nói với ai đó, một bài giảng về lương sao?

Một lát sau họ dừng lại ở một thị trấn lớn hơn, trạm đó có một quầy ăn uống tự chọn. Cô quá mệt mỏi để đi xuống và theo một số hành khách, mang về những tách cà phê bốc khói. Tuy nhiên, người phụ nữ ăn bắp cải, mang về hai tách, và bà đưa một cái cho Sophia. Sophia mỉm cười và cố gắng thể hiện lòng biết ơn. Người phụ nữ gật đầu như cho cô biết không cần thiết, thậm chí không thích hợp. Nhưng bà ta cứ đứng đó cho đến khi Sophia lấy ra các đồng tiền Đan Mạch mà người bán vé đã đưa lại cho cô. Bây giờ người phụ nữ, cần nhìn, chọn ra hai đồng với ngón tay mang bao ẩm ướt của bà. Có lẽ tiền cà phê. Lòng tốt của bà khi mang đến thì không tính tiền. Đó là cách xử sự. Không nói một lời người phụ nữ sau đó trở về chỗ ngồi của mình.

Vài hành khách mới lên xe. Một người phụ nữ với đứa trẻ khoảng bốn tuổi, một bên mặt của nó băng bó và một cánh tay treo trong miếng vải. Một tai nạn, chắc họ đi đến một bệnh viện trong vùng. Một lỗ nhỏ trong miếng băng cho thấy con mắt tối u buồn. Đứa bé đặt bên má nguyên vẹn xuống người của mẹ nó và cô lấy một phần của khăn choàng phủ lên cơ thể cho nó. Cô làm điều này một cách không phải đặc biệt triu mến hoặc lo âu, nhưng có vẻ tự động. Một cái gì đó không tốt đã xảy ra, cô cần phải chăm lo nhiều hơn, chỉ vậy thôi. Và mấy đứa trẻ đang chờ ở

nhà, và có lẽ một đứa trong bụng cô nữa.

Thật là khủng khiếp, Sophia nghĩ. Thật khủng khiếp là có rất nhiều phụ nữ. Và người phụ nữ này có thể nói cái gì nếu Sophia kể với cô về những cuộc đấu tranh mới, cuộc chiến đấu của phụ nữ cho quyền bỏ phiếu và chỗ ngồi trong các trường đại học? Cô ấy có thể nói, nhưng đó không phải là ý muốn của Chúa. Và nếu Sophia kêu gọi cô từ bỏ Chúa và làm cho tâm trí cô sắc bén, cô ấy có nhìn cô - Sophia - với một vẻ tội nghiệp cứng đầu nào đó không, và thất vọng, cô nói, không có Chúa, như vậy chúng ta làm thế nào để vượt qua trong cuộc sống này?

Họ băng qua vùng nước đen một lần nữa, lần này trên một cây cầu dài, dừng lại ở một ngôi làng khác và người phụ nữ cùng đứa bé đi xuống. Sophia không còn quan tâm, không nhìn nếu có ai chờ họ không, cô đang cố gắng xem đồng hồ bên ngoài nhà ga, thấp sáng bởi đèn xe lửa. Cô đoán có lẽ gần nửa đêm, nhưng chỉ quá mười giờ thôi.

Cô đang nghĩ đến Maksim. Không biết Maksim có bao giờ đáp một chuyến xe lửa như thế này trong cuộc đời của anh chưa? Cô tưởng tượng đầu cô dựa thoải mái trên vai rộng lớn của anh - mặc dù thật sự anh không ngại điều này, ở nơi công cộng. Áo khoác bằng vải đắt tiền của anh, mùi tiền bạc và thoải mái. Những điều tốt đẹp anh tin có quyền mong đợi và trách nhiệm duy trì, mặc dù anh là một người Tự Do không được tiếp đón trong chính đất nước của anh. Anh có sự an tâm kỳ diệu đó, mà cha cô đã có, cô có thể cảm thấy khi là một cô bé rút vào vòng tay của ông và muốn suốt đời được như vậy. Tất nhiên là điều này thú vị hơn nếu họ yêu cô, nhưng cũng an ủi khi đó chỉ là một loại giao ước cao quý cổ xưa mà họ đã thực hiện, một liên kết đã được ký, cần thiết dù không nhiệt tình, để bảo vệ cô.

Họ sẽ không hài lòng khi có ai gọi họ ngoan ngoãn, nhưng chính họ như vậy. Họ khuất phục trước hành vi của người đàn ông. Với tất cả các rủi ro và sự tàn ác của nó, những gánh nặng phức tạp và gian lận cố tình. Những quy luật của nó, mà trong

một số trường hợp, bạn được hưởng lợi, như một người phụ nữ, và một số thì không.

Bây giờ cô đã có một hình ảnh của anh - Maksim, không che chở cho cô gì cả nhưng sải bước qua nhà ga ở Paris như một người đàn ông thích hợp với một cuộc sống riêng tư.

Cái nón chỉ huy, sự đảm bảo lịch sự của anh.

Điều đó đã không xảy ra. Không phải là Maksim. Chắc chắn không phải.

Vladimir không phải là một kẻ hèn nhát - nhìn anh đã cứu Jaclard thế nào - nhưng anh đã không có sự chắc chắn của nam tính. Đó là lý do tại sao anh có thể cho cô một số bình đẳng mà những người khác không thể và tại sao anh không bao giờ có thể mang lại cho cô sự ấm áp và an toàn. Sau đó, cuối cùng khi anh chịu ảnh hưởng nhóm Ragozin và thay đổi thái độ - tuyệt vọng như anh và nghĩ rằng anh có thể tự cứu mình bằng cách bắt chước những người khác - anh đã chuyển sang đối xử với cô một cách không thuyết phục, thậm chí vô lý, oai vệ. Anh đã cho cô sau đó một cái cớ để khinh anh, nhưng có lẽ cô đã xem thường anh từ lâu rồi. Cho dù anh tôn thờ hay xúc phạm cô, cô không thể nào yêu anh được.

Như Aniuta yêu Jaclard. Jaclard ích kỷ, tàn nhẫn và không chung thủy và thậm chí trong khi cô ghét anh ta, cô vẫn yêu anh.

Những ý nghĩ thật xấu và buồn có thể xuất hiện, nếu chúng không được đè nén.

Khi cô nhắm mắt lại, cô nghĩ cô nhìn thấy anh - Vladimir - ngồi trên băng ghế đối diện với cô, nhưng không phải là Vladimir, đó là người bác sĩ từ Bornholm, đó chỉ là trí nhớ của cô về ông ta, van lơn và hoảng hốt, cố gắng một cách say sưa khiêm tốn xen vào cuộc đời của cô.

Đến một lúc - chắc chắn là gần nửa đêm - họ phải rời chuyến xe lửa này luôn. Họ đã đến biên giới của Đan Mạch. Helsingor. Biên giới trên đất liền, ít nhất - cô đoán biên giới thực sự là một nơi nào đó trong vùng Kattegat.

Và ở đó chuyến phà cuối cùng chờ đợi họ, nó có vẻ lớn và dễ chịu với nhiều ánh đèn sáng. Và ở đây một người đến mang những túi xách của cô lên tàu, cảm ơn khi cô cho mấy đồng tiền Đan Mạch và anh vội vã bỏ đi. Sau đó, cô đưa vé cho nhân viên trên tàu và ông nói với cô bằng tiếng Thụy Điển. Ông đảm bảo họ sẽ liên lạc ở bên kia với chuyến xe lửa đi Stockholm. Cô sẽ không phải qua đêm trong một phòng chờ đợi.

"Tôi cảm thấy như tôi đã trở lại với nền văn minh", cô nói với ông. Ông nhìn cô hơi lo âu. Giọng nói của cô khàn, mặc dù cà phê đã giúp cổ họng. Chỉ bởi vì ông là một người Thụy Điển, cô nghĩ. Không cần thiết để mỉm cười hoặc có những nhận xét giữa người Thụy Điển. Văn minh vẫn có thể duy trì được.

Chuyến đi hơi khó khăn, nhưng cô không say sóng. Cô nhớ viên thuốc nhưng cô không cần nó. Và chiếc tàu chắc được sưởi nóng, bởi vì một số người đã cởi ra lớp ngoài quần áo mùa đông. Nhưng cô vẫn rùng mình. Có lẽ cô cần rùng mình, cô đã thu thập quá nhiều cơn lạnh trong cơ thể suốt cuộc hành trình qua Đan Mạch. Nó đã lưu trữ bên trong người cô, cơn lạnh, và bây giờ cô có thể rùng mình để nó thoát ra.

Chuyến xe lửa đi Stockholm đang chờ đợi, như đã hứa, tại bến cảng náo nhiệt của Helsingborg, sống động hơn rất nhiều và lớn hơn so với cảng có tên tương tự ở bờ bên kia. Người Thụy Điển có thể không mỉm cười với bạn, nhưng thông tin họ đưa ra chính xác. Một người đến mang các túi đồ của cô và giữ chúng trong khi cô tìm kiếm trong ví của cô vài đồng tiền. Cô lấy ra một đồng thật nhiều và đặt vào tay ông ta, nghĩ rằng đó là tiền Đan Mạch, cô sẽ không cần nữa.

Đó là tiền Đan Mạch. Ông ta đưa lại cho cô, nói tiếng Thụy Điển, "Không nhận tiền này."

"Tôi chỉ có bấy nhiêu thôi", cô la lên, nhận thức hai điều. Cổ họng cô đỡ hơn và thực sự cô không có tiền Thụy Điển.

Ông bỏ các túi xách của cô xuống và bỏ đi.

Tiền Pháp, tiền Đức, tiền Đan Mạch. Cô đã quên tiền Thụy

Điển.

Xe lửa sửa soạn khởi hành, hành khách lên xe, trong khi cô vẫn đứng đó trong tình thế khó khăn. Cô không thể mang các túi xách của cô. Nhưng nếu không, chúng sẽ bị bỏ lại.

Cô nắm lấy mấy sợi dây đai và bắt đầu chạy. Cô chạy loạng choạng và thở hổn hển với một cơn đau ở ngực và xung quanh dưới cánh tay và các túi chạm vào chân cô. Có những bậc thang phải leo lên. Nếu cô dừng lại để thở cô sẽ bị trễ. Cô leo lên. Với những giọt nước mắt tủi thân cô cầu khẩn cho xe lửa không di chuyển.

Và nó không chạy. Cho đến khi ông trưởng tàu, nghiêng người ra để khóa cửa, bắt cánh tay cô, tiếp theo bằng một cách nào đó đã chụp được các túi xách của cô và kéo tất cả lên tàu.

Một khi được cứu, cô bắt đầu ho. Cô cố gắng ho một cái gì đó ra khỏi ngực. Cơn đau, ra khỏi ngực cô. Cơn đau và tức ra khỏi cổ họng cô. Nhưng cô phải đi theo ông trưởng tàu đến toa xe của cô, và cô đã cười với chiến thắng giữa những cơn ho. Ông trưởng tàu nhìn vào một toa đã có một số người ngồi rồi, sau đó đưa cô đến một toa trống.

"Ông làm đúng. Đưa tôi vào một chỗ mà tôi không thể. Làm phiền ai," cô nói, tươi cười rạng rỡ. "Tôi không có tiền. Tiền Thụy Điển. Tất cả các loại tiền ngoài tiền Thụy Điển. Tôi phải chạy. Tôi không bao giờ nghĩ tôi có thể-"

Ông nói cô ngồi xuống và tiết kiệm hơi thở của cô. Ông đi ra và trở lại ngay với một ly nước. Khi cô uống cô nghĩ đến viên thuốc và lấy nó ra uống với ngụm nước cuối cùng. Cơn ho giảm xuống.

"Cô không được làm như vậy nữa," ông nói. "Ngực của cô đập lên xuống quá mạnh."

Người Thụy Điển rất thẳng thắn, cũng như là kín đáo và đúng giờ.

"Chờ đã," cô nói.

Như có điều gì khác cần được xác nhận, gần giống như là nếu chuyến tàu không thể đưa cô đến đúng nơi vậy.

"Chờ một chút. Ông có nghe nói về -? Ông có nghe có bệnh đậu mùa? Tại Copenhagen?"

"Tôi không nghĩ vậy," ông nói. Ông gật đầu một cách nghiêm trọng mặc dù lịch sự và đi ra.

"Cảm ơn ông. Cảm ơn ông," cô nói với ông.

Sophia chưa bao giờ say rượu trong cuộc đời của cô. Bất cứ loại thuốc nào cô dùng, có thể làm rối loạn não, đã đưa cô vào giấc ngủ trước khi sự xáo trộn đó có thể xảy ra. Vì vậy, cô không có gì để so sánh cảm giác kỳ dị - sự thay đổi nhận thức - đang lướt qua người cô bây giờ. Lúc đầu, nó có thể chỉ dễ chịu, một cảm giác lớn mặc dù điên khùng được ưu đãi, bởi vì cô đã cố gắng mang các túi xách và chạy lên những bậc thang và bắt kịp chuyến xe lửa. Và sau đó cô đã sống sót qua cơn ho và sức ép của trái tim và có thể bằng cách nào đó không để ý đến cổ họng.

Nhưng nhiều hơn nữa, tựa như trái tim của cô có thể tiếp tục mở rộng ra, lấy lại tình trạng bình thường của nó, và tiếp tục sau đó phát triển nhẹ nhàng và tươi hơn và thổi phồng những điều gần như một cách khôi hài. Ngay cả bệnh dịch tại Copenhagen bây giờ có thể trở thành một cái gì đó giống như một dịch bệnh trong một bản nhạc, của một câu chuyện cũ. Tựa như cuộc sống của chính cô, những va chạm và nỗi buồn của nó biến thành ảo tưởng. Những sự kiện và ý tưởng bây giờ mang một hình dạng mới, nhìn qua những mảnh thông minh rõ ràng của một cái kính biến chuyển.

Có một kinh nghiệm khiến cô nhớ đến. Đó là trở ngại đầu tiên của cô về môn lượng giác, khi cô mười hai tuổi. Giáo sư Tyrtoov, một người hàng xóm ở Palibino, đã mang đến văn bản mới ông đã viết. Ông nghĩ cha của cô, ông Đại Tướng có thể quan tâm đến, với kiến thức của ông về pháo binh. Cô tìm thấy trong phòng làm việc và mở ra một cách tình cờ vào chương viết về quang học. Cô bắt đầu đọc và nghiên cứu các sơ đồ và cô đã tự thuyết phục rằng một thời gian ngắn nữa, cô sẽ có thể hiểu được. Cô chưa bao giờ nghe nói về sin hay côsin, nhưng bằng cách thay thế sợi dây của

một vòng cung cho sin, và với cơ hội may mắn trong những góc nhỏ chúng gần như trùng hợp, cô có thể đột nhập vào cái ngôn ngữ mới và thú vị này.

Cô không ngạc nhiên lắm lúc đó, mặc dù cô vô cùng mừng rỡ.

Những khám phá như vậy sẽ xảy ra. Toán học là một món quà tự nhiên, giống như ánh sáng chiếu từ phương bắc. Nó không lẫn lộn với bất cứ cái gì khác trên thế giới, không với văn kiện, giải thưởng, đồng nghiệp và bằng cấp.

Ông trưởng tàu đánh thức cô dậy trước khi tàu đến Stockholm. Cô hỏi, "Hôm nay là ngày thứ mấy?"

"Ngày thứ sáu."

"Tốt. Tốt, tôi sẽ có thể đến giảng dạy."

"Cô hãy chăm sóc sức khỏe của cô."

Lúc hai giờ cô đứng đằng sau bục và giảng một cách đặc lực và mạch lạc, không một cơn đau hoặc ho. Tiếng khàn nhay cảm đeo đuổi cô suốt chuyến, đi trong người cô, không ảnh hưởng đến giọng nói của cô. Và cổ họng dường như tự nó đã khỏi. Khi xong buổi dạy, cô trở về nhà thay đổi áo và lấy một chiếc taxi đến buổi tiếp tân mà cô đã được mời, tại nhà của gia đình Guldens. Cô thật vui, nói về ấn tượng rục rờ của nước Ý và miền Nam nước Pháp, mặc dù không đề cập đến chuyến về Thụy Điển. Sau đó, cô rời khỏi phòng mà không cần cáo lỗi và đi ra ngoài. Cô có quá nhiều những ý tưởng sáng sủa và đặc biệt để có thể nói chuyện với ai lâu hơn nữa.

Trời đã tối, tuyết rơi, không có gió, đèn đường phố to lớn như bóng đèn tròn Giáng Sinh. Cô nhìn quanh tìm một chiếc taxi nhưng không có. Một chiếc buýt chạy qua và cô vẫy tay cho nó ngừng. Người tài xế nói với cô đây không phải là một trạm dừng theo lịch trình.

"Nhưng ông dừng lại," cô nói một cách tự nhiên.

Cô không biết đường phố Stockholm nhiều gì cả, vì vậy một lát sau cô mới nhận thấy cô đã đi ngược hướng trong thành phố. Cô cười khi cô giải thích điều này cho người tài xế, và ông để cô

xuống đi bộ về nhà trong màn tuyết với chiếc áo đi tiệc và áo choàng mỏng mảnh cùng đôi dép của cô. Vĩa hè thật im lặng tuyết vời và trắng xóa. Cô phải đi bộ khoảng một dặm, nhưng rất hài lòng khi khám phá ra dù sao cô biết đường. Chân của cô đã thấm ướt nhưng cô không lạnh. Cô nghĩ có thể là vì không có gió, và sự say mê trong tâm trí và cơ thể mà cô chưa bao giờ nhận thức được từ trước, nhưng chắc chắn là cô có thể trông cậy vào đó kể từ bây giờ. Nó có thể không được bình thường để nói như vậy, nhưng thành phố giống như một thành phố trong một câu chuyện cổ tích.

Ngày hôm sau, cô nằm trên giường, và gửi một tin nhắn đến người bạn đồng nghiệp Mittag-Leffler yêu cầu anh gọi bác sĩ của anh đến gặp cô, vì cô không có ai. Anh cũng đến nữa, và trong buổi viếng thăm dài, cô nói một cách vô cùng phấn khích về một công việc toán học mới cô dự định làm. Dự án tham vọng hơn, quan trọng hơn, đẹp hơn bất cứ cái gì đã từng xảy ra cho cô đến thời điểm này.

Ông bác sĩ nghĩ cô có vấn đề về thận, và để lại cho cô một số thuốc.

"Tôi quên hỏi ông ta," Sophia nói khi ông đã đi.

"Hỏi ông cái gì?" Mittag-Leffler hỏi.

"Có phải ở Copenhagen có bệnh dịch?"

"Cô đang mơ", Mittag-Leffler nhẹ nhàng nói. "Ai nói với cô điều đó vậy?"

"Một người đàn ông mù", cô nói. Sau đó, cô sửa lại, "Không, tôi muốn nói tốt. Người đàn ông tốt bụng." Cô vẫy tay cố gắng làm một số hình dạng phù hợp hơn lời nói. "Tiếng Thụy Điển của tôi", cô nói.

"Cô đợi lúc nào khỏe hơn hẳn nói chuyện."

Cô mỉm cười và sau đó có vẻ buồn. Cô nói một cách nhấn mạnh, "Chồng tôi".

"Người hôn phu của cô? A, ông chưa phải là chồng của cô. Tôi chọc cô. Cô có muốn anh ta đến không?"

Nhưng cô lắc đầu. Cô nói: "Không phải anh ấy. Bothwell."
"Không. Không. Không, "cô nói nhanh. "Người khác."
"Cô phải nghỉ ngơi."

Teresa Gulden và con gái Elsa đã đến, Ellen Key cũng vậy. Họ thay phiên nhau chăm nuôi cô. Sau khi Mittag-Leffler đã đi, cô ngủ một chút. Khi cô tỉnh dậy, cô lại nói nhiều, nhưng không đề cập đến một người chồng. Cô nói về cuốn tiểu thuyết của cô, và về cuốn sách hồi ức tuổi trẻ của cô ở Palibino. Cô nói cô có thể làm điều gì đó tốt hơn bây giờ và bắt đầu mô tả ý tưởng của cô cho một câu chuyện mới. Cô trở thành lẫn lộn và cười vì cô không nói điều này rõ ràng hơn. Có một chuyển động đi lui rồi đi tới, cô cho biết, có một sự rung động trong cuộc sống. Hy vọng của cô là trong phần này của văn bản cô sẽ khám phá những gì đã tiếp tục. Một cái gì đó nằm bên dưới. Được phát minh, nhưng không phải.

Cô muốn nói cái gì vậy? Cô cười.

Cô cho biết đầu cô tràn ngập những ý tưởng ở một chiều rộng và tầm quan trọng hoàn toàn mới nhưng rất tự nhiên và hiển nhiên đến độ cô không thể nhin cười.

Cô bình nặng hơn ngày chủ nhật. Cô gần như không thể nói, nhưng nhấn mạnh muốn nhìn thấy Fufu trong bộ quần áo mà bé sẽ mặc đi dự một buổi tiệc dành cho trẻ em.

Đó là một bộ quần áo của người Gypsy, và Fufu nhảy múa xung quanh giường của mẹ nó.

Thứ hai Sophia hỏi Teresa Gulden để chăm sóc Fufu.

Tối hôm đó cô cảm thấy khỏe hơn, và một y tá đến thay thế cho Teresa và Ellen nghỉ ngơi.

Trong những giờ đầu của buổi sáng Sophia thức dậy. Teresa và Ellen đã được đánh thức khỏi giấc ngủ và họ gọi Fufu dậy để đứa trẻ có thể nhìn thấy mẹ nó còn sống thêm một lần nữa. Sophia chỉ có thể nói một chút.

Teresa nghĩ nghe cô ấy nói, "Quá nhiều hạnh phúc."

Cô qua đời khoảng bốn giờ. Việc khám nghiệm cho thấy phổi

của cô hoàn toàn bị tàn phá bởi bệnh viêm phổi và tim của cô biểu hiện vấn đề đã từ nhiều năm qua. Não của cô, như tất cả mọi người đoán trước, rất lớn.

Người bác sĩ từ Bornholm đọc về cái chết của cô trên báo chí, không có gì ngạc nhiên. Ông có thỉnh thoảng những linh tính, đáng lo ngại cho một người trong nghề nghiệp của ông, và không nhất thiết đáng tin cậy. Ông đã nghĩ rằng tránh đi Copenhagen sẽ giúp cho cô. Ông tự hỏi nếu cô đã uống viên thuốc ông cho, và nếu nó đã mang niềm an ủi đến cho cô, như ông đã cảm thấy, khi cần.

Sophia Kovalevsky được chôn cất tại một nơi lúc đó được gọi là Nghĩa Trang Mới, ở Stockholm, lúc ba giờ trưa một ngày vẫn còn lạnh khi hơi thở của những người đưa tiễn và người xem biến thành những đám mây trong không khí giá lạnh.

Một vòng hoa nguyệt quế của Weierstrass được gửi đến. Ông đã nói với các em rằng ông biết sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy.

Ông sống sáu năm nữa.

Maksim đến từ Beaulieu, được thông báo bằng điện tín của Mittag-Leffler trước cái chết của cô. Ông đến kịp lúc để nói chuyện trong tang lễ, bằng tiếng Pháp, đề cập đến Sophia như một giáo sư ông đã từng quen biết, và đại diện cho quốc gia Nga, ông cảm ơn quốc gia Thụy Điển đã cho cô một cơ hội để kiếm sống (để sử dụng kiến thức của cô một cách xứng đáng, ông nói) như một nhà toán học.

Maksim không lấy vợ. Ông được phép sau một thời gian để trở về quê hương, giảng dạy tại Petersburg. Ông thành lập Đảng Cải Cách Dân Chủ ở Nga, tham gia vào chế độ quân chủ lập hiến. Những người theo hoàng gia Nga nhận thấy ông quá tự do. Lenin, tuy nhiên, lên án ông là một phản động.

Fufu hành nghề y khoa tại Liên Xô, mất ở đó vào khoảng ngoài năm mươi tuổi của thế kỷ thứ hai mươi. Cô không thích toán học, theo lời cô nói.

Tên của Sophia đã được đặt cho một chỗ trống trên mặt trăng.

★ ★ ★